

THÀNH NAM - TRẦN KHUYẾN - CẨM TIÊU dịch



MAKSIM GORKY

KIẾM SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



VĂN HỌC LIÊN XÔ

MAKSIM GORKY

KIỆM SỐNG

В людях (1915–1916)

THANH NAM, TRẦN KHUYẾN, CẨM TIÊU dịch

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG - 2016

Lời giới thiệu

Kiểm sống^[1] là phần hai trong tác phẩm bộ ba tự thuật^[2] của M. Gorky, miêu tả thời niên thiếu của cậu bé Alyosha Peskov, tức Gorky, từ năm 1878 đến năm 1884. Trong phần đầu, M. Gorky đã kết thúc *Thời thơ ấu* của mình bằng những dòng chua chát:

“Sau khi chôn cất mẹ tôi được vài ngày, ông ngoại bảo tôi:

- Này Leksei, mày không phải là cái mề đay, mày không thể lũng lẳng mãi trên cổ tao, mày hãy đi ra đời mà kiếm sống...

Và thế là tôi bước vào đời.”

Mới mười tuổi đầu, cậu bé mồ côi Alyosha đã bắt đầu ở với người đời, tìm hiểu cuộc sống và đấu tranh để tìm ra lối thoát cho mình. Giai đoạn này đã hình thành mối quan hệ mới của Alyosha với con người và thế giới xung quanh. Bước vào đời để kiếm sống, Alyosha luôn va chạm với sự hèn hạ, tồi tệ của bọn “tiểu thị dân”, những kẻ luôn tự cho mình là “ưu việt nhất thành phố”, họ tưởng rằng họ “*biết những phép cư xử đúng đắn nhất và dựa trên những phép tắc mù mờ đối với tôi đó mà kết tội mọi người một cách tàn nhẫn, không thương tiếc*”. Những kẻ này thường có thái độ ganh tị, ghen ghét với điều tốt đẹp ở những người mà họ không sao hiểu nổi. Để biện bạch cho cuộc sống nhỏ nhen và nghèo nàn, khiến nó tăng thêm cái vẻ quan trọng bề ngoài, họ, giống như ông lão Kashmirin keo kiệt, hung dữ hay bà già Matryona độc ác, ích kỉ, luôn luôn lôi kéo Chúa vào những việc tẹp nhẹp buồn tẻ của mình, biến Chúa thành một sức mạnh trừng phạt mù quáng để bảo vệ cho tội lỗi và lợi ích cá nhân...

Alyosha càng ngày càng thấy rõ mặt trái của cuộc sống, thấy

những sự nhục mạ nhân cách, những lao động vô nghĩa, khổ sai. Lúc ấy, theo như lời Gorky kể, cuộc sống của Alyosha như vĩnh viễn bị quy định một cách chặt chẽ trong các hình thức và các mối quan hệ mà Alyosha trông thấy ngày này qua ngày khác, mỗi ngày một buồn tẻ, gay gắt hơn, khiến khó mà nghĩ tới khả năng thay đổi, làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

Nhưng khi ấy, sách vở – kho tàng tư tưởng sáng tạo của con người – đã tới giúp Alyosha. Những tác phẩm của các nhà văn Nga ưu tú, của các tác giả nước ngoài như Walter Scott, Dickens... đã giúp cậu hiểu được rất nhiều điều mà trước đó cậu vẫn băn khoăn. Sách vở đã giúp Alyosha khắc phục tâm trạng bối rối, mất niềm tin vào con người. Mỗi cuốn sách hay như mở ra trước mắt Alyosha một cánh cửa sổ hướng về thế giới mới mẻ mà cậu bé chưa từng biết, chưa từng thấy. Càng đọc nhiều sách, Alyosha càng thấy gần gũi với thế giới hơn, cuộc sống đối với cậu càng sáng sủa, có ý nghĩa hơn. Sau này, Gorky nhớ lại: “Sách vở đã chỉ cho tôi chỗ đứng của mình trong cuộc sống, nói cho tôi biết rằng con người thật vĩ đại và đẹp đẽ, luôn hướng về cái tốt đẹp hơn, rằng con người đã gây ra nhiều chuyện trên trái đất và vì thế mà họ phải chịu biết bao đau khổ.”^[3]

Một nhân vật trong *Kiểm sống* là Jikharev đã nói với Alyosha với vẻ đồng tình: *“Cháu không có thái độ dửng dưng mà luôn tập trung vào công việc. Cháu cứ nên như thế mãi, điều đó rất tốt!”* Alyosha đã dững cảm lao vào cuộc sống, dững cảm “bước vào đời” mặc dù nhiều khi va chạm phải mặt trái xấu xa ghê tởm của nó.

Gorky viết:

“Trong tôi có hai con người: Một người sau khi đã biết quá nhiều điều ghê tởm và bản thủ, trở nên sợ hãi cuộc sống, nản lòng bởi hiểu quá rõ các chuyện khủng khiếp xảy ra hằng ngày. Người ấy bắt đầu nhìn cuộc sống, nhìn mọi người với thái độ thiếu tin tưởng và hoài

nghi, thương hại một cách bất lực cả bản thân và những người xung quanh. Con người ấy mơ ước một cuộc sống cô độc, yên tĩnh, chỉ có sách vở, không dính líu đến ai, mơ về một tu viện, một chòi canh trong rừng, một vọng gác đường sắt, mơ được đến Ba Tư, được đảm nhiệm cương vị một người gác đêm ở ngoại ô thành phố. Càng ít người càng tốt, càng tránh xa con người càng tốt...

Còn người kia được nuôi dưỡng bằng ý chí thiêng liêng của các cuốn sách hay và sâu sắc, mỗi khi cảm thấy sức mạnh của những điều khủng khiếp xảy ra hằng ngày kia có thể dễ dàng đè bẹp mình, làm nhor bần trái tim mình, nên cố sức tự vệ, cắn chặt răng, siết chặt nắm đấm, luôn sẵn sàng xông vào bất kì cuộc tranh cãi và trận chiến đấu nào. Con người này giàu tình yêu thương, và giống như những nhân vật dũng cảm trong các cuốn tiểu thuyết Pháp, chỉ cần đến câu thứ ba là đã rút ngay gươm ra khỏi bao và sẵn sàng chiến đấu.”

Trên bước đường kiếm sống, Alyosha đã gặp và sống với những người lao động bình thường: thợ mộc, thợ nề, thợ làm tượng thánh, phu khuân vác... và cả các nghệ sĩ, nhà thơ, nhà triết học... Mỗi người đều cần thiết và quan trọng đối với Alyosha, giúp tâm hồn cậu thêm phong phú, khiến cậu trở nên mạnh mẽ, khôn ngoan, có đủ nghị lực đương đầu với những khó khăn trong cuộc sống. Trong quá trình tiếp xúc với những người này, tính cách của Alyosha dần dần hình thành.

Bác đầu bếp Smouri, một trong những “người thầy” của Alyosha, một người vốn nghiêm nghị và thích cô độc, có tâm hồn hiền hậu và tấm lòng công bằng, cao thượng. Khi Alyosha đọc cho bác nghe chuyện *Taras Bulba* của Gogol, tới cảnh cái chết của vị thủ lĩnh Cossack thì Smouri, người mà tất cả mọi người trên tàu đều sợ, đã khóc nức nở. Chính nhờ cuộc gặp gỡ với Smouri mà Alyosha bắt đầu say mê đọc sách. Càng tiếp xúc với những người Nga bình thường,

càng tìm hiểu họ sâu hơn, Alyosha càng thấy “những người chủ” là tầm thường, tẻ nhạt, thế giới của họ hóa ra không bền vững và chắc chắn như cậu tưởng.

Alyosha đã trải qua cả một “trường học đường đời” khi làm việc ở xưởng làm tượng thánh. Những người thợ trong xưởng mà Alyosha tiếp xúc là những người có tinh thần ham hiểu biết, có tâm hồn phong phú và có tài năng. Ở mỗi người, Alyosha đều cảm thấy họ thực sự hiểu biết cuộc sống và nghệ thuật. Những người đó tuy sống tù túng trong xưởng nhưng vẫn đầy lòng cao thượng, sức mạnh và vẻ đẹp. Không phải vô cớ khi kể về Sitanov, Gorky nhắc rằng trong anh hình như có một cái gì giống với “nhà quý tộc Tây Ban Nha”, nhân vật mà Sitanov yêu thích hơn cả.

Đặc biệt, Jikharev đã khiến Alyosha rất đỗi ngạc nhiên; đó là một nghệ sĩ nhân dân, một người bị giày vò vì khát vọng hiểu biết và sáng tác tự do. *“Chúng ta biết được những gì? Chúng ta sống thật quá tầm thường... Còn đâu là tâm hồn? Tâm hồn ở đâu rồi? Nguyên bản thì có đấy; nhưng trái tim thì không...”* Alyosha lo lắng và vui mừng nghe những lời lạ tai ấy của Jikharev.

Những người này càng ngày càng nhận thức rõ sự bất công, vô nghĩa của thứ lao động cưỡng bách. Họ bị dồn vào cảnh lao động kiệt sức và đơn điệu, mất hết niềm vui và phúc lợi ở đời. Họ thèm muốn ánh sáng, tri thức, cái đẹp. Những cuốn sách mà Alyosha đọc đã khiến họ say mê, rung động. Khi Alyosha đọc tập thơ *Con quý* của Lermontov, những người này khiến cậu hết sức ngạc nhiên bởi khả năng thụ cảm nghệ thuật rất tinh vi và sâu sắc của họ.

Qua những năm sống phiêu bạt ấy, trong Alyosha nảy sinh tình yêu mạnh mẽ với con người, thứ tình yêu mà cậu sẽ mang suốt đời. *“Chú được cái tốt là đối với ai chú cũng coi như họ hàng thân thích cả, cái đó rất tốt!”* Kapendiukhin đã nói với Alyosha như vậy.

Alyosha luôn có mặt trên con đường đi tìm chân lí, mục đích cuộc sống, đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi vẫn giày vò cậu: “Làm thế nào để giúp đỡ mọi người?” Đối với Alyosha, việc tìm hiểu ông lão thợ mộc Osip là một điều “hết sức cần thiết”. Tính tình phức tạp của Osip giúp cho Alyosha hiểu được bản chất mâu thuẫn của nông dân (Về Osip, năm 1897 Gorky đã viết trong truyện ngắn *Vanka Mazin* và năm 1912 trong truyện ngắn *Băng chuyển*). Alyosha biết tìm ở mọi người những điều cần thiết với cậu, mặc dù những người ấy khác xa cậu.

Trong tâm thức, Alyosha đã phân biệt được ước mơ và thực tế. Giờ đây, cậu không chỉ hướng về sách vở, thơ ca, truyện thần thoại để tìm kiếm sự dũng cảm và chân lí mà biết hướng vào hiện thực: “Điều đó càng khiến tôi ngạc nhiên hơn, tôi cảm thấy rất rõ những mâu thuẫn giữa thực tế và sách vở. Trước mặt tôi là con người sinh động mà trong sách vở không thấy được: bác Smouri, anh thợ đốt lò Yaakov, ông khách lưu lạc Aleksasha Vassiliep, bác Jikharev, chị thợ giặt Natalya...” Hình ảnh của những con người sinh động này chiếm một vị trí quan trọng trong tâm trí cậu bé Alyosha.

Chương cuối của *Kiểm sống* xuất hiện một hình tượng đầy ý nghĩa – cảnh “trái đất nửa thức nửa ngủ”. Alyosha muốn đá tung tất cả trái đất và ngay cả chính mình nữa để cho tất cả mọi vật “xoay như một cơn lốc mừng vui trong điệu múa tưng bừng của những người yêu nhau say đắm, những người yêu cuộc sống này – cuộc sống mở đầu cho một cuộc sống khác tươi đẹp, phấn khởi và ngay thật”...

Nhưng trong giai đoạn này, hiểu biết của Alyosha còn hạn chế, cậu chưa trả lời được câu hỏi: Cụ thể phải làm gì để giúp mọi người, phải thực hiện lí tưởng xây dựng một thế giới hợp lí và công bằng như thế nào?

Tác phẩm *Kiểm sống* kết thúc bằng những suy nghĩ già dặn của cậu thiếu niên Alyosha mười sáu tuổi, sau những năm lăn lộn với

sóng gió của cuộc đời để kiếm sống.

“Tôi nghĩ bụng:

‘Ta phải làm được một việc gì chứ, nếu không thì ta sẽ sống vô ích...’

Vào những ngày thu ảm đạm, khi không những không nhìn thấy, không cảm thấy, mà còn quên mất cả mặt trời, tôi thường bị lạc trong rừng. Tôi đi chệch đường, chẳng tìm được lối hẻm nào; cuối cùng, sau khi sục sạo đến một bãi người, tôi cần răng đi xuyên qua rừng rậm, giẫm trên những cành cây mục nát, những mô đất tròng trành của vũng lầy. Cuối cùng, tôi luôn tìm được đường đi.

Tôi quyết định cũng sẽ sống một cuộc đời như vậy.”

Nhưng mãi đến sau này, phải qua nhiều năm được tôi luyện trong “những trường đại học” thực tế của cuộc đời, chàng thanh niên Alyosha Peskov mới tìm được hướng đi cho mình.

Truyện tự thuật không phải là một thể loại mới trong văn học. Trước kia ở Nga, Saltykov Shchedrin, Lev Tolstoy, Aksakov... cũng đã từng viết truyện tự thuật. Gorky phát triển một cách sáng tạo truyền thống ưu tú của quá khứ và nâng cao tính tự tưởng của thể truyện này.

Tác phẩm tự thuật của Gorky đóng một vai trò quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn. Nó là chiếc chìa khóa giúp ta hiểu thấu nguồn gốc thiên tài của Gorky, nắm chắc mối quan hệ vô cùng sâu sắc giữa Gorky với nhân dân, đất nước và cuộc sống. Con đường Gorky đã trải qua là con đường tiêu biểu của nhiều người Nga mòn mỏi trong cảnh bần cùng hóa bi thảm, trong lao động cực nhọc, sự vươn lên của tuổi trẻ với khát khao sáng tạo thường chịu áp chế, bóp nghẹt, nhưng những người trẻ tuổi vẫn tràn trề lòng tin, vượt mọi trở ngại trên con đường đi tìm lẽ sống. Gorky không coi tiểu sử của

Alyosha Peskov là một hiện tượng siêu việt, ông từng tuyên bố: “*Lịch sử của Gorky* không phải là một trường hợp duy nhất và không phải là một trường hợp ngoại lệ đặc biệt.”^[4] Các nét tính cách nổi bật của Alyosha là: Lòng biết ơn nồng nhiệt với những người có lòng tốt với mình; tình cảm thương yêu những bạn cùng trang lứa đau khổ hơn mình; khát vọng chính nghĩa tới mức say sưa; mối căm thù sâu sắc đối với bọn áp bức tàn bạo; tinh thần bất khuất, khắc phục khó khăn; lòng yêu lao động... Nổi bật nhất là tinh thần hiếu học, chí cầu tiến, óc quan sát tinh vi, thói quen nhìn thẳng vào sự việc để phân biệt rõ ràng cái tốt, cái xấu. Alyosha không sống thụ động, tính cách cậu dần được hình thành vững vàng trong cuộc đấu tranh chống lại nguồn gốc của cái xấu xa trong đời sống, trong khao khát hướng tới những điều tốt đẹp, công bằng và nhân đạo.

Gặp Gorky lần đầu tiên năm 1905, Lenin nói: “Phải học ở Gorky cách nhìn và cách nghe.” Tác phẩm tự thuật của Gorky là một kho vốn sống phong phú, miêu tả lại bước đường gian truân đã dẫn dắt Gorky tới tuổi trưởng thành, nêu lên những ấn tượng sâu sắc nhất đã gợi hình, gợi ý, chuẩn bị cho đời sống văn học của Gorky. Tác phẩm không chỉ là tiểu sử riêng của một cá nhân mà còn là bức chân dung của cả một thế hệ, bức họa rộng lớn về phong cảnh, đất nước và xã hội Nga cuối thế kỉ XIX với những nét khắc họa điêu luyện, sâu sắc về cả diện mạo và tâm lí sinh động của con người. Tính điển hình của các hiện tượng được miêu tả trong tác phẩm bộ ba *Thời thơ ấu*, *Kiểm sống*, *Những trường đại học của tôi* khái quát cao độ, làm rung động và chiếm được cảm tình lớn của độc giả. Nhà văn Alexander Shirvanzade^[5] đã nói về tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorky như sau: ‘Theo quan điểm của tôi, toàn bộ cuốn sách tượng trưng cho cuộc sống của nhân dân Nga; cuốn sách kể về tâm hồn nặng trĩu không chỉ của dân tộc Nga mà của các dân tộc nói chung. Anh xem, tôi có phải là người Nga đâu, tôi là người Armenia, sinh trưởng và sống

khác xa cuộc sống Nga, vậy mà những gì anh miêu tả rất giống cuộc sống của dân tộc tôi. Anh hãy tin rằng nhà văn Pháp, nhà văn Anh, hay nhà văn ở bất kì nước nào, xuất thân từ nhân dân hoặc hiểu biết cuộc sống của dân tộc mình, cũng sẽ nói với anh những điều như vậy.”^[6]

Nhà cách mạng Đức Rosa Luxemburg^[7] trong bài luận văn *Tinh thần văn học Nga* có bàn tới tác phẩm tự thuật của M. Gorky như sau: “Chú bé kêu gào như một con sói con bị truy bức, nhe nanh vuốt sắc nhọn trước số mệnh. Cái tuổi thơ ấu đầy khốn quẫn, đau khổ, nhục nhã, hoài nghi, lưu lạc, gắn gũi với những căn bã của xã hội ấy bao hàm tất cả những đặc trưng có tính chất điển hình trong cuộc sống của giai cấp vô sản nước Nga đương thời. Phải đọc hồi kí của Gorky mới có thể lường được quá trình phát triển kinh khủng của ông – từ dưới đáy của xã hội vươn đến đỉnh cao của thế giới quan khoa học, của nghệ thuật thiên tài và của sự tu dưỡng văn hóa. Vận mệnh cá nhân của Gorky tượng trưng cho giai cấp vô sản Nga – giai cấp nhìn bề ngoài thì thiếu văn hóa, thô bạo, dưới thời Nga hoàng đã trải qua những thử thách của cuộc đấu tranh tàn khốc và trong một thời gian ngắn ngủi đến kinh người, trong vòng hai mươi năm, trở thành lực lượng tích cực của lịch sử.”^[8]

Đối với Gorky, cuộc sống và số phận ông cũng là cuộc sống và số phận của nhân dân ông; những điều khủng khiếp xảy ra xung quanh ông có ghê gớm đến thế nào đi chăng nữa cũng không thể làm ông mất lòng tin vào cuộc sống. Ông vẫn nhìn thấy trong cuộc sống những mầm non tốt đẹp của tương lai và vạch ra con đường của quá trình phát triển lịch sử sau này. Đó là một trong những điểm khác biệt giữa tác phẩm tự thuật của Gorky và các tác phẩm tự thuật cổ điển khác. Trên cơ sở tài liệu tự thuật, Gorky đề ra một trong những vấn đề quan trọng nhất của hiện thực xã hội chủ nghĩa – vấn đề hình thành tính cách con người tiêu biểu cho những mối quan hệ mới –

mà sau này nhiều nhà văn khác kế thừa. Có thể nói tác phẩm tự thuật của Gorky là một tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa cổ điển đặc sắc, bởi vì Gorky đã cương quyết vạch trần chủ nghĩa tư bản theo lập trường quan điểm của Đảng, đồng thời cũng khẳng định tương lai vĩ đại của dân tộc Nga.

Các nhà nghiên cứu và phê bình văn học nhiều lần nhận định rằng, chỉ xét riêng các chi tiết miêu tả một cách tế nhị, tinh vi tâm hồn, đặc điểm tâm lí, nghệ thuật thể hiện nội tâm, tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorky có thể sánh ngang với các tác phẩm ưu tú của nền văn học thế giới. Tuy nhiên, điểm nổi bật trong sáng tác của Gorky là quá trình hình thành tư tưởng cách mạng, quá trình con người nhận thức xã hội. Đó chính là cái sáng tạo mà Gorky đã đóng góp vào truyền thống văn học vẻ vang của quá khứ, và chính điều đó đã xác định giá trị tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorky với sự phát triển của nền văn học Xô viết và thế giới.

Trần Khuyến

Bước vào đời, tôi làm “thằng nhỏ” cho một hiệu giày “thời trang” ở phố chính của thành phố.^[9]

Lão chủ của tôi người nhỏ bé, tròn trĩnh, mặt nhăn lì ngăm ngăm nâu, răng nhờ nhờ xanh, cặp mắt đờ đẫn màu xám đục. Tôi tưởng lão mù và muốn thử xem có thật như vậy không, liền nhăn mặt lại.

- Này, đừng có nhăn cái mõm. – Lão nói nhỏ nhưng nghiêm khắc.

Thật là khó chịu khi cặp mắt mờ đục kia thấy được tôi. Và cũng khó mà tin được rằng chúng còn trông thấy rõ. Có lẽ lão chủ chỉ đoán mò là tôi nhăn nhó chẳng?

- Tao đã bảo mày là đừng có nhăn cái mõm. – Lão nói nhỏ hơn trước, cặp môi dày hầu như không động đậy. – Đừng gãi tay. – Tiếng thì thào khô khan của lão vọng đến tôi. – Phải nhớ rằng mày làm việc trong một cửa hiệu sang nhất ở phố chính của thành phố. Làm thằng nhỏ thì phải đứng nghiêm bên cửa như một ông phỗng...

Tôi không biết “như ông phỗng” là thế nào và cũng không thể nào không gãi tay được: Hai tay tôi đầy nốt đỏ và mụn lở đến khuỷu, gẻ cấn rứt ngứa không chịu được.

Lão chủ xem tay tôi và bảo:

- Mày làm những trò gì ở nhà?

Tôi kể hết mọi chuyện. Lão lúc lắc cái đầu tròn có dính mớ

tóc hoa râu và khinh bỉ nói:

- Cái nghề đi lượm lật và mua bán giẻ rách, đồ cũ của mày thật còn tồi tệ hơn cả nghề ăn mày, tồi tệ hơn cả nghề ăn cắp!

Tôi tuyên bố một cách kiêu hãnh:

- Thì cháu cũng đã từng ăn cắp rồi.

Lão chủ liền duỗi tay lên mặt quày như con mèo duỗi chân, hoảng hốt nhìn chòng chọc vào mặt tôi bằng cặp mắt trống rỗng, rít lên:

- Sao...o? Ăn cắp à?

Tôi giải thích cho lão nghe tôi đã ăn cắp những gì và ăn cắp như thế nào.

- Hừ, những cái đó thì không hề gì. Nhưng nếu mày ăn cắp giày hoặc tiền của tao, tao sẽ tống cổ mày vào nhà tù cho đến tuổi thành niên...

Lão nói câu đó một cách bình thản. Tôi sợ hãi và càng không ưa lão.

Ngoài lão chủ ra, trong hiệu còn có em họ tôi là Sascha Yaakov^[10] đảm nhiệm việc bán hàng và một gã quản lí người hồng hào, lanh lợi, ăn nói ngọt ngào. Sascha mặc áo khoác ngoài hoe hoe nâu, áo sơ mi hồ cứng ngực, thắt cà vạt, quần bỏ ngoài ủng. Nó có vẻ kiêu hãnh, không để ý đến tôi, khi ông ngoại dẫn tôi đến trước mặt lão chủ và nhờ Sascha giúp đỡ, dạy bảo tôi, nó cau mày ra vẻ trịnh trọng rồi giao hẹn:

- Cần nhất là nó phải nghe lời cháu mới được!

Ông ngoại đặt tay lên đầu tôi, cúi xuống bảo:

- Cháu hãy nghe lời nó nhé! Nó vừa lớn tuổi hơn cháu, vừa

chức vụ cao hơn...

Sascha trợn tròn mắt nhấn mạnh:

- Nhớ lời ông dặn đây!

Và ngay từ buổi đầu nó đã ra sức lợi dụng mọi quyền hành của nó.

- Kashmirin^[11], đừng trợn mắt lên như vậy. – Lão chủ khuyên nó.

- Không... Có gì đâu.

Sascha trả lời và cúi đầu xuống, nhưng lão chủ chưa tha:

- Đừng có bướng. Khách mua hàng có thể nghĩ rằng mày là một con dê đấy...

Gã quản lí cười nịnh, lão chủ trề môi ra nom thật dị dạng, còn Sascha thì đỏ mặt tía tai chuồn ra phía sau quầy.

Tôi không thích những câu nói như vậy. Có nhiều chữ tôi nghe không hiểu. Đôi lúc tôi có cảm giác như họ nói với nhau bằng tiếng nước ngoài.

Mỗi khi có một bà khách vào cửa hiệu, lão chủ liền rút tay ra khỏi túi, vuốt vuốt bộ ria mép và gấn lên mặt một nụ cười đến là ngọt ngào làm cho má lão đầy những nếp nhăn, nhưng vẫn không thay đổi được cặp mắt gà mờ của lão. Gã quản lí đứng thẳng người lên, khép chặt cùi tay vào hông, bàn tay trang trọng duỗi ra trong không khí. Sascha thì sợ hãi chớp mắt lia lịa, cố giấu đôi mắt lồi đi. Tôi đứng cạnh cửa, lén gãi tay và theo dõi mọi nghi thức bán hàng.

Gã quản lí quỳ trước bà khách, ướm giày cho bà. Những ngón tay của gã xòe ra khéo léo lạ thường. Tay run rẩy, gã thận trọng chạm vào chân người đàn bà như sợ làm gãy mất chân người ta,

mà chân bà khách thì to tướng, giống như một cái chai bầu bầu dốc ngược.

Có lần một bà khách giẫy chân, co rúm người lại, thốt lên:

- Ôi, bác làm tôi buồn cười quá...

- Dạ, chúng tôi làm theo phép lịch sự ạ. – Gã quản lí vội vã giải thích một cách sôi nổi.

Thật là buồn cười khi trông gã quản lý các bà khách. Tôi phải quay mặt vào tấm kính cửa ra vào để khỏi bật cười. Nhưng vẫn không làm sao cưỡng lại được ý muốn theo dõi cảnh mua bán đó. Tôi rất thích thú được xem quản lí tiếp khách, bụng nghĩ rằng chẳng bao giờ mình lại có thể xòe tay ra, nhã nhặn được như thế kia, lại có thể ướm giày vào chân kẻ khác một cách khéo léo đến thế được.

Thường thì lão chủ hay bỏ vào căn buồng con ở sau quầy hàng và gọi cả Sascha vào theo để một mình gã quản lí ở ngoài với bà khách. Có lần, sau khi chạm vào chân một bà tóc hung, gã chụm ngón tay lại và hôn vào đầu mấy ngón tay đó.

- Ô, cái bác này thật là tinh nghịch! – Người đàn bà dài giọng.

Gã phòng má lên và nói một cách khó nhọc:

- Ph...u!

Tôi không nén được, cười phá lên, đến nỗi sợ đứng không vững, tôi phải bám vào nắm đấm cửa. Cánh cửa bật ra, tôi đập đầu vào tấm kính và làm vỡ mất một mảng. Gã quản lí lấy chân đạp lên người tôi, lão chủ gõ chiếc nhẫn vàng mặt đá nặng lên đầu tôi. Còn Sascha thì cố sức véo tai tôi, chiều tôi, lúc đi về nhà, nó nghiêm khắc bảo:

- Người ta sẽ đuổi mày vì những trò ấy đấy! Hừ, có cái gì đáng

buồn cười đâu cơ chứ?

Và nó giảng giải cho tôi rõ, nếu gã quản lí được các bà khách hàng thích thì hiệu sẽ đắt hàng hơn.

- Các bà ấy cũng chẳng cần giày đâu, nhưng vẫn đến mua thêm một đôi cốt để nhìn bác quản lí dễ thương mà thôi. Có thể mà mày cũng không hiểu. Thật là vất vả vì mày.

Câu nói đó làm tôi rất ức. Có ai vất vả vì tôi đâu, nhất là Sascha thì lại càng không liên quan gì đến chuyện này cả.

Sáng nào mụ bếp – một người đàn bà ốm yếu và hay cúi kính – cũng đánh thức tôi dậy trước Sascha một giờ. Tôi đánh giày, chải áo cho chủ, cho gã quản lí và Sascha, đun ấm *samovar*, chuyển củi vào tất cả các bếp lò, cọ rửa bát đĩa chuẩn bị cho bữa trưa. Sau đó tôi ra ngoài hiệu quét nhà, lau bụi, pha trà, đi giao hàng cho khách, rồi về nhà ăn trưa. Trong thời gian đó Sascha làm nhiệm vụ canh cửa thay tôi. Cảm thấy công việc này làm giảm giá trị của mình, nó chửi tôi:

- Đồ bị thịt! Tao phải làm thay cho mày như thế này đây...

Với tôi cuộc sống như vậy thật là nặng nề và buồn tẻ. Tôi đã quen sống độc lập từ sáng đến tối trên những đường phố đầy cát ở Kunavino, trên bờ sông Oka ngẫu đục, giữa đồng ruộng, trong rừng cây. Thiếu bà ngoại và bè bạn, tôi chẳng biết trò chuyện cùng ai. Mà cuộc đời thì cứ trêu chọc tôi, phơi ra trước mắt tôi cái mặt trái đầy dối trá, xấu xa của nó.

Những khi khách ra khỏi hiệu mà không mua gì, cả ba đều có vẻ bực tức. Lão chủ cất ngay nụ cười ngọt ngào vào tủ, ra lệnh:

- Kashmirin, cất hàng đi!

Và chửi đồng:

- Hừ, đồ con lợn, lục lợi mãi! Con mụ ngu ngốc đó ngồi mãi ở nhà buồn tình nên mới lang thang mò vào các hiệu. Mà mà là vợ tao thì cứ gọi là...

Vợ lão chủ là một người đàn bà khô đét, mắt đen, mũi to. Mụ ta thường giậm chân quát tháo lão như quát tháo đầy tớ.

Thường thường, sau khi lịch sự cúi đầu chào và nói những câu nhã nhặn tiễn một bà khách quen, họ lại kể với nhau những điều bần thủ, bỉ ổi về bà ta, khiến tôi chỉ muốn chạy ngay ra phố, đuổi kịp bà khách và kể hết cho bà nghe những điều người ta đã nói về bà.

Tất nhiên tôi cũng biết rằng người đời nói chung thường hay nói xấu nhau sau lưng, nhưng đằng này bọn họ bình phẩm mọi người một cách thật quá bỉ ổi, tựa hồ như họ đã được công nhận là những kẻ siêu việt nhất, có quyền phê phán cả thiên hạ. Vì lòng ganh tị nên chẳng bao giờ họ khen ai. Đối với ai họ cũng moi ra được một điều xấu xa nào đó.

Một lần có một thiếu phụ trẻ tuổi vào cửa hàng. Thiếu phụ có đôi gò má ửng hồng, cặp mắt sáng long lanh. Nàng khoác một cái áo choàng nhung cổ bọc lông thú đen. Khuôn mặt thiếu phụ nhô lên trên đám lông thú trông như một bông hoa kì diệu. Sau khi cởi áo choàng và ném lên tay Sascha, thiếu phụ trông càng diễm lệ. Thân hình cân đối của nàng bó sát trong tấm áo lụa màu xanh xám, trên tai nàng óng ánh những hạt kim cương. Trông nàng giống như Vassilissa xinh đẹp^[12] và tôi chắc đó chính là bà tỉnh trưởng. Mọi người đối với nàng rất kính cẩn. Họ cúi rạp xuống trước mặt nàng như trước mặt nữ hoàng^[13] và không ngớt lời ca tụng. Cả ba chạy lồn lộn trong cửa hàng như một lũ quỷ. Bóng họ lướt trên các tấm gương của tủ hàng, tựa như xung quanh mọi vật đều bốc cháy, tan biến và

sắp hiện ra một cảnh khác, những hình dáng khác.

Nhưng sau khi thiếu phụ chọn mua xong rất nhanh một đôi giày đắt tiền và ra khỏi hiệu, lão chủ liền phì một cái và rít giọng:

- Đồ chó cái...

- Nữ tài tử mà lại! – Gã quản lí phụ họa với một vẻ khinh khi.

Và họ kể cho nhau nghe về những tình nhân của thiếu phụ, về sự ăn tiêu hoang tàng của nàng.

Ăn trưa xong, lão chủ ngủ trong căn buồng con sau cửa hiệu. Tôi mở cái đồng hồ vàng của lão ra và nhỏ dầu vào. Tôi rất thích thú thấy lão, sau khi thức giấc, cầm đồng hồ từ trong buồng ra ngoài hiệu, ngỡ ngác lắm bầm:

- Quái, sao lại thế này? Tự dưng đồng hồ toát mồ hôi, chưa bao giờ có chuyện kì lạ như vậy! Có lẽ là điềm gỡ chẳng?

Mặc dù suốt ngày chạy ngược chạy xuôi trong cửa hiệu, bận rộn với những công việc ở nhà, tôi vẫn thấy buồn tẻ vô cùng. Càng ngày tôi càng hay nghĩ đến cách làm thế nào để họ có thể đuổi mình khỏi cửa hiệu.

Ngoài cửa, những khách bộ hành người phủ đầy tuyết lặng lẽ lướt qua. Tựa như họ đi chôn cất ai, đưa tiễn ai ra nghĩa trang, nhưng vì chậm chân vào giờ khởi hành nên vội vã đuổi theo quan tài. Những con ngựa run rẩy vượt qua các tầng tuyết to một cách khó nhọc. Đương tuần chay lớn, hằng ngày những tiếng chuông rầu rĩ từ gác chuông nhà thờ sau cửa hiệu vọng tới. Tiếng chuông như một chiếc gối bông đập vào đầu: Không đau, nhưng nó làm cho mình dần dần đi và vắng cả óc.

Một hôm, giữa lúc tôi đang tháo một thùng hàng mới về ở

ngoài sân cạnh cửa hiệu thì ông già coi nhà thờ đến. Ông già bị vẹo sườn, người mềm như làm bằng giẻ rách. Trông ông lôi thối lếch thếch như vừa bị chó cắn xé.

- Cháu là con của Chúa, cháu hãy lấy trộm cho ông một đôi giày cao su^[14] nào! – Ông già gạ gẫm.

Tôi lặng thinh. Ông già ngồi lên chiếc thùng rỗng, ngáp dài, làm dấu thánh giá trước miệng rồi lại nằn nì:

- Thế nào, xoáy cho ông một đôi chứ?

Tôi bảo ông ta:

- Không được ăn cắp!

- Thế mà người ta vẫn ăn cắp đấy cháu ạ. Cháu nên kính trọng tuổi già mới được!

Thật là dễ chịu khi thấy ông già chẳng giống những người sống với tôi tí nào. Tôi cảm thấy ông ta hoàn toàn tin tưởng vào việc tôi sẽ lấy cắp. Tôi đồng ý đưa qua cửa sổ thông hơi cho ông một đôi giày cao su.

- Thế là tốt rồi. – Ông già thản nhiên nói, không tỏ vẻ gì là vui mừng. – Không lừa ông chứ? Hề hề, ông cũng biết là cháu không lừa ông đâu...

Ông ngồi yên một lúc, lấy đế giày gạt lớp tuyết ướt bắn, kéo một hơi thuốc trong cái tẩu bằng đất nung rồi thỉnh thoảng dọa tôi:

- Nhưng nếu ta lừa chú thì sao? Ta sẽ mang chính đôi giày cao su đó đến cho ông chủ và nói rằng chú đã bán cho ta để lấy nửa rúp. Chú nghĩ thế nào? Giá đôi giày cao su những hơn hai rúp, vậy mà chú bán chỉ có nửa rúp? Để lấy tiền đi ăn quà mà lại! Chú nghĩ sao?

Tôi sửng sốt nhìn ông già, tưởng đâu như ông đã thực hiện điều ông vừa nói, nhưng ông vẫn ngồi nhìn xuống đôi giày, thở phì phèo những luồng khói xanh nhạt rồi nói nhỏ bằng giọng mũi:

- Giả sử như ông chủ bày kế cho ta rằng: Lão hãy đi dò thử thằng bé con xem nó ăn cắp tới mức nào, lúc bấy giờ thì chú tính sao?

- Tôi sẽ không cho ông nữa! – Tôi cáu kỉnh.

- Bây giờ thì muộn mất rồi. Đã hứa là phải cho thôi.

Ông ta cầm tay tôi kéo lại gần, gõ ngón tay cóng lạnh lên trán tôi và tiếp tục nói một cách uể oải:

- Tại sao tự dừng cháu lại cho như vậy, hả?

- Tại ông xin chứ.

- Ông có thể xin đến hàng trăm thứ nữa! Lỡ ông rủ cháu đi cướp nhà thờ cháu cũng đi à? Có nên tin người như vậy không? Cháu còn dại dột lắm...

Ông đẩy tôi ra rồi đứng dậy:

- Ông không cần những cửa ăn cắp đâu! Chẳng phải là giàu có gì mà đi giày cao su. Ông đùa cháu đấy thôi... Còn để khen thưởng lòng chất phác của cháu thì khi nào đến lễ Phục sinh ông sẽ cho cháu lên gác chuông mà kéo chuông, xem thành phố...

- Cháu đã biết thành phố rồi.

- Nhưng đứng trên gác chuông trông xuống đẹp hơn nhiều...

Rồi ông chậm chạp đi về phía góc sau nhà thờ, mũi giày sục vào trong tuyết. Tôi nhìn theo, buồn bã và kinh hãi nghĩ: “Có

thật là ông già đùa mình, hay là do lão chủ phái đến để thử mình?” Tôi sợ không dám bước vào cửa hiệu.

Bỗng Sascha vụt chạy ra sân và kêu lên:

- Mà làm quái gì mà lâu thế!

Tôi nổi cáu, vung kim lên.

Tôi vẫn biết Sascha và gã quản lí thường lấy cắp của lão chủ. Họ giấu từng đôi giày đôi dép vào ống lò sưởi, đến khi về thì đút vào ống tay áo bành tô. Tôi không ưa việc đó và nhớ đến lời dọa của lão chủ, tôi đâm lo.

- Mà ăn cắp à? – Tôi hỏi Sascha.

- Không phải tao mà là bác quản lí đấy. – Sascha nghiêm khắc giải thích. – Tao chỉ giúp bác ta thôi. Bác ấy nhờ tao giúp. Tao phải nghe lời, nếu không bác ta sẽ gây nhiều trò đê tiện với mình. Lão chủ ấy à! Lão ta trước kia cũng đã từng làm quản lí, lão còn lạ gì! Còn mà thì cứ cầm họng lại!

Vừa nói nó vừa nhìn vào gương, sửa lại cà vạt, những ngón tay xò ra một cách thiếu tự nhiên như gã quản lí thường làm. Nó luôn tỏ ra ta đây hơn tuổi và có uy quyền với tôi, quát tháo tôi bằng giọng ồm ồm, mỗi khi sai bảo điều gì thì lại vung tay ra phía trước nom đến ghét. Tôi cao hơn và khỏe hơn, nhưng gầy gò, vụng về, còn nó thì người đầy đặn, mỡ màng và mềm mại. Trông nó có vẻ đường hoàng trong cái áo khoác ngắn, ống quần bỏ ra ngoài ủng. Nhưng trong con người nó vẫn có một vẻ gì khó chịu, buồn cười. Nó rất ghét mù bếp, một mù đàn bà lạ lùng, khó mà biết được mù hiền lành hay độc ác.

- Trên đời này tao thích nhất các cuộc đánh lộn. – Mù nói, giương to cặp mắt đen đầy nhiệt tình. – Bất kì cuộc nào: chọi gà, chó cắn nhau, người vật nhau đều thế cả.

Hễ ngoài sân có gà hay chim cu cu chọi nhau là mẹ vút ngay công việc đấy rồi đứng ngậy người nhìn qua cửa sổ, theo dõi cuộc kịch chiến cho đến khi kết thúc mới thôi. Chiều nào mẹ cũng giục tôi và Sascha:

- Này, lỗi con, sao lại ngồi sưng thế? Đánh nhau có hơn không?

Sascha cúi:

- Tôi không phải lỗi con của mẹ, mẹ nỡm ạ! Tôi là phó quản lí!

- Hừ, tao chẳng biết phó phiếc gì cả, đối với tao thì đứa nào chưa vợ đều là nhóc con tất.

- Mẹ nỡm, sao mẹ ngu ngốc thế...

- Quỷ sứ dù có thông minh thì Thượng đế cũng chẳng yêu nào.

Những câu ví von của mẹ làm Sascha càng cúi tiết. Nó nhại mẹ, mẹ lườm nó một cách khinh bỉ:

- Mày là đồ bọ hung^[15]! Trời nhằm đây thôi!

Nhiều lần Sascha xui tôi nhằm lúc mẹ ngủ boi xi đen hay nhọ nôi lên mặt mẹ, cắm đinh ghim vào gối của mẹ hoặc tìm lỗi “đùa” mẹ, nhưng tôi sợ không dám làm. Hơn nữa, mẹ rất thính ngủ, hay tỉnh giấc. Thức dậy, mẹ tắt đèn, ngồi trên giường nhìn vào một góc nào đó. Đôi khi mẹ lại chỗ tôi nằm phía sau lò sưởi, đánh thức tôi dậy và nói, giọng khàn khàn:

- Mẹ không sao ngủ được Leksejka^[16] ạ. Trong người cứ bồn chồn lo sợ thế nào ấy! Chú nói chuyện với mẹ đi!

Trong lúc nửa mơ nửa tỉnh, không hiểu tôi đã kể với mẹ những gì. Mẹ ngồi lặng lẽ, người lắc lư. Tôi có cảm giác như

thân thể nóng bừng của mụ thoảng mùi trầm, mùi nến và tưởng như mụ sắp chết đến nơi. Rất có thể là ngay lập tức mụ sẽ ngã sấp mặt xuống sàn mà chết. Tôi nói to lên để át ý nghĩ kinh khủng đó, nhưng mụ ngăn tôi lại:

- Suyt... Nói khẽ chứ, kéo bọn đểu cáng kia thức giấc lại ngỡ chú là tình nhân của mụ đấy...

Bao giờ mụ cũng ngồi cạnh tôi theo một kiểu: Lưng khom khom, hai tay thu vào bụng, hai đầu gối xương xẩu kẹp chặt lấy bàn tay. Vú mụ lép kẹp. Thậm chí những cái xương sườn nhô ra dưới làn áo gai dày trông hệt như đai của một cái thùng khô rạn. Mụ ngồi lặng hồi lâu rồi bỗng thăm thì:

- Thà chết quách đi còn hơn là cứ buồn phiền thế này... – Và như hỏi một người nào. – Sống thế là đủ rồi đấy, còn gì nữa? Thôi, ngủ đi! – Mụ ngắt lời tôi đang kể, rồi vươn vai, lặng lẽ biến trong màn đen tối của căn bếp.

“Thật là một mụ phù thủy!...” Sascha nói sau lưng mụ như vậy.

Tôi bảo nó:

- Mà y cứ nói thẳng vào mặt mụ ấy xem nào!

- Mà y tưởng tao sợ à? – Sascha cãi nhưng rồi nhăn mặt. – Thôi, chẳng dại gì mà nói. Lỡ mụ là phù thủy thật thì cũng phiền...

Vốn tính quen khinh miệt và hay nổi nóng nên kể cả với tôi mụ cũng chẳng nề nang gì. Mới sáu giờ sáng mụ đã lôi chân tôi, quát tháo:

- Ngủ thế là đủ chảy thây ra rồi. Khuân củi vào đây! Đặt ấm *samovar* lên! Gọt khoai đi!

Sascha bị tỉnh giấc, càu nhàu:

- Mụ réo cái gì đấy? Không còn cho ai ngủ nữa. Tôi sẽ mách ông chủ cho mà xem...

Bước nhanh trong bếp với tấm thân gầy đét chỉ còn da bọc xương, mụ ngoảnh nhìn Sascha bằng đôi mắt đỏ ngầu vì mất ngủ.

- Thật là trời nhảm! Mà mà là con tao thì tao sẽ vặt lông mày.

- Đồ chết giẫm. – Sascha rửa mụ, và khi đi từ nhà tới cửa hiệu, nó bảo tôi. – Phải làm cho người ta tống cổ mụ đi mới được. Phải lén bỏ muối vào thức ăn. Nếu cái gì cũng mặn quá người ta sẽ đuổi mụ đi. Không thì đổ dầu hỏa càng tốt! Mà còn đợi gì nữa mà không làm?

- Thế sao mày không làm?

Nó “xì” một tiếng về cái kính:

- Đồ hèn nhát!

Mụ bếp chết ngay trước mắt chúng tôi: Mụ đang cúi người để bưng ấm *samovar*, thì bỗng ngồi thụp xuống sàn như bị ai hích vào ngực. Mụ lặng lẽ ngã nghiêng người, hai tay duỗi ra phía trước, máu ộc từ miệng.

Hai đứa chúng tôi hiểu ngay là mụ đã chết, nhưng vì quá kinh hãi nên cứ đứng nép vào nhau nhìn mụ hồi lâu, không thốt lên được một lời nào. Cuối cùng Sascha ba chân bốn cẳng chạy vụt ra khỏi bếp. Còn tôi thì không biết làm gì, nép mãi người về phía ánh sáng bên cửa sổ.

Lão chủ vào, lo lắng ngồi xổm bên cạnh, đưa ngón tay sờ vào mặt mụ bếp rồi nói:

- Chết thật rồi... Sao lại thế này?

Lão đi tới góc nhà, làm dấu trước tượng thánh “Nikolai Anh Linh”, cầu nguyện xong, lão truyền lệnh ra nhà ngoài:

- Kashmirin, chạy đi báo cảnh sát!

Một viên cảnh sát đến. Y đứng quanh quần một lúc, nhận tiền thù lao rồi bỏ đi. Một lát sau y lại đến, mang theo một người đánh xe ngựa. Kẻ nâng đầu, người đỡ chân, họ khiêng mụ bếp ra đường.

Từ nhà ngoài, mụ chủ thò đầu ra sai tôi:

- Mà lau sàn đi nhé!

Lão chủ nói:

- Cũng may mà nó chết vào buổi chiều đây...

Tôi không hiểu tại sao như thế lại là may. Khi đi ngủ, Sascha nói với tôi bằng một giọng dịu dàng khác thường:

- Đừng tắt đèn nhé!

- Mà sợ à?

Nó kéo chăn trùm đầu và nằm yên lặng một lúc lâu. Đêm tĩnh tịch tựa như đang lắng nghe, chờ đợi điều gì. Tôi có cảm giác như chỉ phút chốc nữa người ta sẽ rung chuông báo động và dân chúng cả thành phố sẽ kéo nhau chạy, vừa hốt hoảng vừa la hét âm ỉ.

Sascha ló mũi ra khỏi chăn, khe khẽ rủ:

- Ta leo lên lò sưởi nằm với nhau đi!

- Trên ấy nóng lắm!

Sau một lúc yên lặng, nó nói:

- Mụ ta chết nhanh nhỉ? Đúng là một mụ phù thủy... Tao không làm sao mà ngủ được!...

- Tao cũng khó ngủ quá.

Sascha liền kể cho tôi nghe những chuyện về người chết. Họ chui ra khỏi mộ, lang thang đến nửa đêm trong thành phố để tìm nơi ở cũ, tìm họ hàng thân thuộc.

- Ma chỉ nhớ có thành phố thôi. – Sascha thì thạo. – Nó không nhớ phố và số nhà đâu.

Không khí như trầm hẳn. Trời như tối hơn. Sascha ngóc đầu lên hỏi:

- Mà có muốn xem hòm của tao không?

Đã từ lâu tôi muốn biết nó giấu những gì trong hòm. Nhưng nó khóa hòm bằng một ổ khóa treo, lúc nào trước khi mở cũng nhìn trước nhìn sau cẩn thận. Nếu bắt gặp tôi định ngó xem, nó hỏi một cách thô bạo:

- Mà muốn cái gì? Hử?

Thấy tôi đồng ý, nó ngồi trên giường không cho chân xuống sàn và lên giọng sai tôi bưng hòm đặt lên giường, sát tận chân cho nó. Chiếc chìa khóa cùng với cây thánh giá được nó đeo trước ngực. Sau khi nhìn quanh các góc bếp tôi om, nó trịnh trọng mở khóa rồi thổi lên nắp hòm tựa như nóng lắm, sau đó mới hé nắp, lôi vài bộ quần áo ra.

Một nửa hòm chất đầy vỏ hộp thuốc, những bó giấy gói chèn đủ các màu, những vỏ hộp đựng xi, đựng cá trích...

- Gì thế này?

- Rồi mà sẽ thấy...

Nó cúi lom khom, hai chân cặp chắc lấy cái hòm và hát nhỏ nhỏ:

- Lạy Cha ở trên trời...

Tôi chờ đợi được trông thấy các món đồ chơi: Xưa nay tôi chưa bao giờ có lấy một thứ đồ chơi gì. Bề ngoài tôi có vẻ khinh thường nhưng trong bụng vẫn ngầm ganh tị với những kẻ có đồ chơi. Tôi rất thích thấy một tay đứng đắn như Sascha mà cũng có đồ chơi. Mặc dầu nó xấu hổ vì chuyện đó và che giấu tôi, tôi vô cùng thông cảm với sự xấu hổ đó.

Mở hộp đầu tiên, nó lôi ra một cái gọng kính, đeo lên mũi, rồi vừa nhìn tôi một cách đạo mạo vừa nói:

- Tuy không có mắt nhưng cũng chẳng sao. Như thế này cũng đã là kính rồi!

- Đưa tao xem nào!

- Không hợp với mặt mày đâu! Kính này dùng cho mắt màu sẫm, còn mặt mày thì trong quá. – Nó giảng giải và đàng hăng bắt chước lão chủ, nhưng đột nhiên hốt hoảng nhìn quanh bếp.

Trong vỏ hộp xi có đựng nhiều loại khay khác nhau. Nó kiêu hãnh giải thích:

- Tất cả những cái này tao đều nhặt ở ngoài phố đấy. Đã được ba mươi bảy cái rồi...

Hộp thứ ba đựng đầy kim găm to bằng đồng – cũng đều nhặt được ở ngoài phố. Rồi đến các loại đế giày, có cái mòn cũ, có cái đã gãy, có cái còn nguyên, những khóa giày, khóa dép, một quả dầm cửa bằng đồng, mảnh cán ngà gãy của chiếc can, một cái trâm cài đầu của con gái, một quyển *Đoán mộng* và *bói toán* cùng vô số những vật linh tinh đại loại như thế.

Trong quá trình “hành nghề” lượm giẻ rách và xương xẩu, tôi có thể dễ dàng sưu tầm những cửa vớ vẩn như thế này nhiều gấp mười lần trong vòng một tháng. Những món đồ của Sascha khiến tôi thất vọng. Tôi ngượng ngùng và xót xa thương hại nó. Còn nó thì vẫn chăm chú xem xét từng cái một, vuốt ve chúng một cách trìu mến, đôi môi dày trịnh trọng bĩu ra, cặp mắt lồi nhìn một cách xúc động và lo âu. Cái kính làm cho khuôn mặt non trẻ của nó trở nên buồn cười.

- Màý lấy những cái này làm gì?

Nó liếc tôi qua cặp gọng kính rồi hỏi, giọng lạnh lạnh:

- Màý có muốn tao cho màý một cái gì không?

- Không, tao chẳng cần...

Rõ ràng bị chạm tự ái vì tôi từ chối và hồ hững với kho tàng của nó, yên lặng một lúc, nó khẽ tiếp:

- Đem khăn mặt lại đây, ta cùng lau tất cả đi, bụi lắm...

Sau khi lau chùi và cất các món đồ, nó lại tót vào chăn, nằm quay mặt vào tường. Trời đổ mưa, nước nhỏ giọt từ mái xuống. Gió đập vào cửa sổ.

Sascha nói, không quay mặt về phía tôi:

- Chờ đấy. Khi nào khô ráo, tao sẽ cho màý xem cái này trong vườn. Cứ gọi là choáng người ra kia!

Tôi lặng thinh, nằm ngủ.

Sau chừng vài giây, Sascha đột nhiên vùng dậy, cào vào tường và nói với giọng đầy khích động:

- Con sợ quá... Lạy Chúa, con sợ quá mất thôi! Xin Chúa che chở cho con! Sao thế này?

Tôi sợ cứng người. Tôi tưởng như cạnh cái cửa sổ nhìn ra sân, mù bếp đang đứng quay lưng lại, đầu cúi xuống, trán áp vào cửa kính, giống hệt hồi mù còn sống đứng xem chọi gà vậy.

Sascha nức nở, tay vẫn cào tường, hai chân run giật. Tôi không nhìn xung quanh, lẩn qua bếp một cách khó nhọc như người bước trên đồng than hồng, lại nằm với Sascha. Khóc một lúc, mệt quá, chúng tôi ngủ thiếp đi.

Sau đó ít hôm là ngày hội. Cửa hàng mở bán đến trưa rồi mọi người nghỉ ăn cơm. Khi lão chủ ăn xong đi ngủ, Sascha bảo tôi với một vẻ bí mật:

- Đi ra đây!

Tôi đoán ngay là giờ tôi sẽ được xem “cái này” của nó – cái khiến tôi phải “choáng người ra” đây.

Chúng tôi ra vườn. Trên một dải đất hẹp, mười lăm cây bồ đề già đứng giữa hai ngôi nhà, thân to phủ rêu xanh mượt như nhung; những cành trụi lá đen đũi nhô lên im lìm vắng lặng. Không có lấy một tổ quạ nào giữa những cành cây đó. Hàng cây đứng như những tấm bia trên nghĩa địa. Ngoài những cây bồ đề, trong vườn không có một bụi cây, một đám cỏ nào. Đất trên các lối đi bị giẫm nhiều, đen như gang. Ngay những khoảnh đất loang lổ phía dưới đám lá khô từ năm ngoái còn sót lại cũng phủ một lớp mốc trông như váng bèo trên mặt nước ao tù.

Sascha bước tới phía góc hàng rào sát với con phố và dừng lại dưới một gốc bồ đề. Nó trở mắt nhìn lên những ô cửa sổ mờ đục của nhà hàng xóm rồi ngồi xổm xuống, lấy tay bới đám lá, để lộ ra một cái rễ cây lớn, hai bên chèn hai hòn gạch vùi sâu xuống đất.

Nó nhấc gạch lên. Dưới hai hòn gạch là một tấm tôn. Dưới

tấm tôn còn một mảnh ván hình vuông. Cuối cùng, trước mắt tôi hiện ra một cái hang to nằm sâu dưới rễ cây.

Sascha đánh diêm, đốt một mẩu nến cháy dở, luồn mẩu nến vào trong hang và bảo:

- Nhìn xem? Cột là đừng có sợ...

Nhưng rõ ràng là chính nó cũng sợ. Mẩu nến trong tay nó rung rung. Mặt nó tái đi, đôi môi trề ra nom rất khó coi, cặp mắt trở nên ươn ướt. Nó giấu cánh tay kia ra sau lưng. Sự kinh hãi của nó lây sang tôi. Tôi dè dặt nhìn cái hang dưới rễ cây. Khúc rễ làm thành vòm hang. Trong cùng, Sascha đốt ba ngọn nến, khiến cả hang tràn ngập một ánh sáng xanh nhờ nhờ. Hang khá to, sâu cỡ lòng một cái thùng nhưng rộng hơn, hai bên thành lát những miếng kính xanh đỏ và những mảnh âm chén vỡ. Giữa hang, trên mô đất phủ vải đỏ là một chiếc quan tài nhỏ bọc giấy thiếc, một nửa quấn bằng một miếng vải liệm trông giống bằng gấm. Từ dưới tấm vải liệm nhô ra hai cái chân xám ngắt và một cái đầu chim sẻ mỏ nhọn hoắt. Một bàn thờ nhô cao sau quan tài, trên có đặt một cây thánh giá nhỏ bằng đồng mà người ta thường đeo trước ngực. Xung quanh bàn thờ, ba mẩu nến đang cháy trên những chân nến quấn giấy trang kim bọc kẹo.

Đầu ba ngọn lửa hướng về phía cửa hang. Các tia lửa – các đốm xanh đỏ tím vàng – chiếu sáng lờ mờ. Mùi sáp nến, mùi xác rữa và mùi đất nồng nồng phả vào mặt tôi. Những mảnh cầu vồng nháy nhót, lấp lánh trước mắt. Tất cả những thứ đó gây nên một nỗi kinh ngạc nặng nề khiến tôi không cảm thấy sợ nữa.

- Có đẹp không? – Sascha hỏi.

- Cái này để làm gì thế?

- Miếu thờ đây. – Nó giải thích. – Có giống không?

- Tao cũng chẳng biết nữa.

- Con chim sẻ là người chết đây! Xác nó có thể thành thánh tích vì nó là kẻ vô tội bị hành hạ.

- Mà ý nhặt được xác nó à?

- Không, nó bay vào nhà kho, tao lấy mũ úp được và bóp chết.

- Sao lại làm thế?

- Thích thì làm...

Nó nhìn vào mắt tôi và lại hỏi:

- Có đẹp không?

- Không!

Thế là nó cúi xuống hang, đập nhanh mảnh ván và tấm tôn lên, chèn hai hòn gạch, rồi đứng dậy, phủi bụi ở đầu gối và nghiêm khắc hỏi:

- Tại sao mà không thích?

- Tội nghiệp cho con sẻ quá!

Nó nhìn tôi với cặp mắt đờ đẫn như mắt người mù rồi hích vào ngực tôi, quát:

- Đồ ngốc! Đó là vì mày ghen tị nên mới nói không thích. Mày tưởng vườn nhà mày ở phố Kannatnaya đẹp hơn thế đây hẳn?

Tôi nhớ đến ngôi nhà nghỉ mát con con của tôi và rần rỏi trả lời:

- Đẹp hơn hẳn chứ lì!

Sascha liền cởi áo ngoài ném xuống đất, xắn tay áo rồi nhỏ nước bọt vào lòng bàn tay, đề nghị:

- Nếu vậy thì đánh nhau!

Tôi không muốn đánh nhau. Một nỗi buồn man mác đè nặng lên người tôi. Nhìn bộ mặt hùng hổ của thằng em họ, tôi thấy khó chịu.

Nó nhảy xổ lại, húc đầu vào ngực, đè ngửa tôi ra rồi ngồi lên mình tôi, hét:

- Muốn sống hay chết?

Nhưng tôi khỏe hơn nó và nổi cáu. Chỉ một phút sau nó đã nằm úp xuống đất, tay duỗi sau đầu, thở khò khè. Tôi sợ hãi, định nâng nó dậy, nhưng nó vùng, nó đạp khiến tôi càng thêm lo sợ. Tôi lùi sang một bên, không biết làm thế nào, còn nó thì ngóc đầu lên nói:

- Thế nào, thắng rồi chứ? Tao cứ nằm ở đây cho đến khi nhà chủ trông thấy. Bây giờ tao mới kể tội mày và người ta sẽ tống cổ mày đi.

Nó la chửi, dọa dẫm. Những lời nói của nó làm tôi nổi xung. Tôi chạy lại cái hang, giật tung gạch ra, lôi chiếc quan tài cùng con chim sẻ ném qua bờ rào ra ngoài đường, phá phách mọi thứ trong hang và giậm chân lên trên hang.

- Đây này, thấy chưa?

Trước hành động hung bạo của tôi, Sascha có một thái độ lạ lùng: Nó ngồi trên đất, miệng hơi mở, lông mày nhíu lại, lặng lẽ theo dõi tôi, không nói một lời nào. Khi tôi làm xong, nó thong thả đứng dậy, phủ bụi, khoác áo ngoài lên vai rồi nói với vẻ bình tĩnh và dọa nạt:

- Rồi mà sẽ thấy hậu quả. Cứ chờ đấy. Đó là tao cố tình sắp đặt làm cho mày mắc lõm. Chính là phép phù thủy đấy! Thế nào?...

Tôi ngồi thụp xuống, tựa như bị những lời nói của nó đánh gục. Toàn thân tôi lạnh toát. Còn nó thì bỏ đi không ngoái lại. Vẻ bình tĩnh của nó càng khiến tôi cảm thấy nặng nề.

Tôi định ngay ngày mai sẽ trốn khỏi thành phố, rời bỏ lão chủ, rời bỏ Sascha cùng những trò phù thủy của nó, rời bỏ cái cuộc sống buồn tẻ và ngu ngốc này.

Sáng hôm sau, mụ bếp mới đánh thức tôi dậy và bỗng kêu lên:

- Eo ơi! Mặt mũi sao thế kia?...

“Chết, phép phù thủy bắt đầu rồi!” Tôi lo lắng nghĩ bụng.

Nhưng mụ bếp cười rũ rượi khiến tôi tự nhiên cũng phì cười và nhìn vào cái gương của mụ: Mặt tôi bị trát đầy bồ hóng.

- Sascha bơi phải không?

- Dễ thường tao đẩy hẳn! – Mụ bếp vừa cười vừa kêu lên.

Tôi bắt đầu đánh giày. Vừa thò tay vào trong giày thì một chiếc đinh ghim đâm vào ngón tay tôi.

“A, phép phù thủy đấy!”

Trong chiếc giày nào cũng có kim và đinh ghim cắm rất khéo nên đã đâm vào lòng bàn tay tôi. Tôi liền múc một gàu nước lạnh và gội một cách vô cùng thích thú lên đầu tên “phù thủy” đang ngủ hoặc vờ ngủ kia.

Nhưng dầu sao tôi vẫn thấy khó chịu. Lúc nào tôi cũng mừng tợng thấy chiếc quan tài với con chim sẻ, đôi chân xám

ngắt, cong queo và cái mỏ màu sáp vểnh lên một cách đáng thương, xung quanh là những tia lửa nhiều màu sắc lập lòe nối tiếp nhau hiện ra như muốn kết thành một cái cầu vồng nhưng không sao kết được. Chiếc quan tài rộng ra, những móng chân chim phình to, vươn dài và run rẩy sống lại.

Tôi quyết định trốn đi ngay tối hôm ấy. Nhưng trước bữa ăn, trong khi nấu một nồi xúp cải bắp trên bếp còn, vì mãi suy nghĩ, để canh sôi sùng sục, tôi vội tắt bếp và làm đổ lật xoong canh lên tay. Thế là người ta đưa tôi vào nhà thương.

Tôi còn nhớ mãi cơn ác mộng nặng nề khi nằm ở nhà thương. Những dáng hình xám và trắng quần vải liệm cửa quây, ú ớ, rên rỉ trong khoảng không hoang vu nhờ nhờ vàng. Một thân người dài ngoẵng chống nạng có bộ lông mày giống như đôi ria mép vừa lúc lắc bộ râu cầm rậm đen vừa nức nở rít lên:

- Ta sẽ thừa với giá...áo chủ...ủ...

Dãy giường giống như những chiếc quan tài. Bệnh nhân nằm héch mũi lên như những con chim sẻ chết. Các bức tường vàng chập chờn. Trần nhà căng ra như một cánh buồm. Sàn nhà rung rinh, lúc thì đưa những dãy giường lại gần nhau, lúc thì đẩy chúng tách xa. Mọi vật đều không vững chắc, khiến người ta sợ hãi. Ngoài cửa sổ, những nhánh cây nhô lên như những chiếc roi ai đó lúc lắc.

Một “xác chết” gầy gò, tóc hung đang nhảy nhót trong khung cửa ra vào. Anh ta kéo chiếc áo liệm của mình bằng đôi tay ngắn ngủn và rít lên the thé:

- Tôi không cần lũ điên ở đây!

Còn người chống nạng thì ghé vào tai người kia mà hét:

- Tao sẽ thừa với giá...áo chủ...ủ...

Ông bà tôi và mọi người thường nói ở nhà thương người ta làm chết bệnh nhân. Tôi cho rằng đời mình thế là xong. Một người đàn bà đeo kính đến bên cạnh tôi. Bà ta cũng quần vải liệm trắng và viết gì đó trên một tấm bảng đen ở đầu giường. Cục phấn vỡ ra, bụi phấn rắc lên đầu tôi.

- Tên em là gì? – Bà ta hỏi.

- Chẳng là gì cả.

- Em có tên cơ mà?

- Không có.

- Nay đừng có trễ ranh, người ta nện cho đấy!

Trước khi bà ta nói, tôi cũng đã nghĩ rằng người ta sẽ nện tôi, vì thế tôi không trả lời nữa. Bà ta giận dữ, phì phì như con mèo, và cũng nhẹ nhàng như con mèo, lẳng lặng đi ra.

Hai chiếc đèn được thắp lên, những ngọn lửa vàng lũng lẳng trên trần tựa những con mắt ai bỏ quên đang treo và nhấp nháy, vừa chói sáng một cách khó chịu vừa cố xích lại gần nhau.

Trong góc nhà có người nói:

- Chơi bài nhé!

- Tớ mất tay rồi còn chơi gì nữa?

- A, họ cắt mất tay cậu rồi nhỉ!

Tôi lập tức suy luận: Đấy, họ đã cắt tay những người nào chơi bài. Còn tôi thì họ sẽ làm gì đây, trước khi giết chết tôi?

Tay tôi nóng bỏng và nhức nhối tựa như bị ai rút xương. Tôi khóc thút thít vì đau đớn và sợ hãi. Muốn cho người ta khỏi

thấy nước mắt, tôi nhắm mắt lại. Nhưng nước mắt cứ nâng mí mắt lên, chảy qua thái dương, nhỏ vào tai.

Đêm đến, mọi người lăn kên ra giường và nấp dưới những cái chăn xám. Không khí mỗi lúc một trầm lặng, chỉ có ai đó phía góc nhà lầm bầm:

- Chẳng ăn thua gì đâu. Lão ta là đồ đểu, còn mụ ta cũng là loại bỏ đi...

Tôi muốn viết thư, muốn gọi bà tôi đến đưa trộm tôi ra khỏi nhà thương nhân lúc tôi hãy còn sống, nhưng không sao viết được: Tay tôi không cử động nổi và cũng chẳng có gì dùng để viết. Hay thử xem có thể tự chuồn khỏi nơi này không?

Đêm càng trở nên trầm lắng như ngưng đọng lại mãi mãi. Tôi nhẹ nhàng thả chân xuống sàn và đi ra cửa. Một cánh cửa đang mở hé. Dưới ngọn đèn ngoài hành lang, trên cái ghế gỗ dài có lưng tựa, một mái đầu bạc tóc lờm chớm như lông nhím đang nhô lên và tỏa khói, đôi hõm mắt đen ngòm nhìn về phía tôi. Tôi không kịp nấp.

- Ai đi lang thang đây? Lại đây!

Giọng nói nhẹ nhàng, không đáng sợ. Tôi lại gần và nhìn vào bộ mặt tròn lờm chớm những sợi râu ngắn. Tóc dài hơn và tủa ra tứ phía, bao lấy đầu bằng những sợi cước bạc. Bên sườn người ấy đeo một chùm chìa khóa. Giá râu tóc ông ta dài chút nữa thì ông ta sẽ giống thánh tông đồ Peter đây.

- Tay bồng à? Đêm hôm sao cháu còn lang thang ở đây? Ai cho phép?

Ông ta phả hàng đông khói vào ngực và mặt tôi rồi lấy bàn tay ấm áp ôm cổ tôi, kéo lại gần mình:

- Cháu sợ hả?

- Cháu sợ!

- Ở đây ai mới đến cũng sợ cả. Nhưng chẳng có gì đáng sợ đâu. Nhất là với bác. Chẳng bao giờ bác để ai phải mất lòng... Cháu có muốn hút thuốc không? Phải, đừng hút làm gì. Hãy còn sớm quá đối với cháu, chờ chừng hai năm nữa... Cha mẹ cháu ở đâu? Không có cha mẹ à? Ờ, cũng chẳng sao. Không có họ, chúng ta vẫn cứ sống được, cốt là đừng sợ. Cháu hiểu chứ?

Đã từ lâu tôi không thấy ai biết nói chuyện một cách giản dị và thân mật bằng lối nói dễ hiểu như vậy. Tôi lắng nghe bác một cách thích thú không thể tả được.

Khi bác dẫn tôi về giường, tôi yêu cầu:

- Bác ngồi đây với cháu!

- Được. – Bác đồng ý.

- Bác là ai vậy?

- Bác ấy à? Bác là lính, một người lính chính cống, lính Cossack. Bác đã từng tham gia chiến tranh. Làm thế nào khác được. Lính sống vì chiến tranh mà lại: Bác đã đánh nhau với người Hungary, người Circassia, người Ba Lan...^[17] nhiều vô kể. Chiến tranh là một trò đùa ghê gớm, cháu ạ!

Tôi nhắm mắt lại một lúc. Khi mở mắt ra tôi thấy bà tôi mặc áo sẫm màu đang ngồi ở chỗ người lính, còn bác ta thì đứng bên cạnh bà và nói:

- Thế nào, cụ? Ông bà ấy chết cả rồi à?

Ánh nắng đùa giỡn trong phòng làm óng vàng mọi vật rồi trốn đi, sau đó lại chói chang ngó nhìn con người, tựa như một đứa trẻ nghịch ngợm.

Bà cúi xuống hỏi tôi:

- Thế nào cháu? Chúng hành hạ cháu như vậy đây à? Bà đã bảo ông cháu, cái lão quỷ tóc hung ấy rằng...

- Bây giờ tôi sẽ thu xếp mọi việc đâu vào đấy. – Người lính nói và bỏ đi.

Bà thì chùi nước mắt và bảo:

- Bác ấy là lính vùng ta, dân Balakhna đây...

Tôi vẫn tưởng rằng mình đang nằm mơ nên lặng thinh. Bác sĩ đến thay băng cho tôi. Thế rồi tôi cùng bà đi xe ngựa trên các đường phố. Bà kể lể:

- Ông cháu đến điên mất thôi. Ông trở nên bủn xỉn quá quắt, thật đau lòng! Đã thế gần đây lão thợ lông thú Khlyts lại còn rút mất của ông một tờ bạc trăm rúp để trong quyển Thánh thi nữa chứ. Bạn mới của ông đấy! Thật đáng đời, cháu ạ!

Mặt trời chói lọi. Những đám mây trôi trên bầu trời như những con chim trắng. Hai bà cháu đi trên những tấm ván bắc qua sông Volga. Mặt băng phồng lên, ào ào. Nước óc ách dưới những tấm ván cầu. Những cây thánh giá vàng rực trên ngôi nhà thờ màu đỏ loét bên khu hội chợ. Chúng tôi gặp một người đàn bà mặt to ôm một bó cành liễu mềm mại trong tay – mùa xuân đang đến, sắp đến lễ Phục sinh rồi!

Tim tôi hồi hộp nháy nhót như con chim sơn ca.

- Bà ơi, cháu yêu bà lắm!


Câu nói đó không làm bà ngạc nhiên. Bà bình thản đáp:

- Bởi vì cháu là ruột thịt của bà. Bà chẳng khoe chứ ngay đến những người dựng nước lũ cũng yêu bà nữa cơ. Lạy Đức Mẹ!

Bà mỉm cười nói thêm:

- Đây. Đức Mẹ sắp đến ngày vui mừng rồi, con của Đức Mẹ sắp sống lại rồi. Còn Varusha^[18], con gái tôi...

Và bà nín lặng.

ng ngoại gặp tôi ở ngoài sân. Ông đang quỳ, cầm rìu đẽo một cái chêm. Ông giơ rìu tựa hồ định quẳng nó lên đầu tôi, rồi bỏ mũ xuống mà nói với vẻ giễu cợt:

- Xin chào ngài, xin chào đức ông ạ! Ngài đã hết nhiệm kì phục vụ rồi à? Thôi được, bây giờ ngài muốn sống thế nào thì sống, phải! Ôi chao, lũ chúng bay...y...y thật là...

- Chúng tôi biết rồi, chúng tôi biết rồi! – Bà vội nói và xua tay đuổi ông.

Sau khi vào trong phòng và nhóm ấm *samovar*, bà kể lể:

- Ông cháu bây giờ hết sạch sành sanh rồi. Có bao nhiêu tiền đều cho thằng Nikolai con đỡ đầu vay lấy lãi, nhưng biên lai thì chắc lại không lấy. Bà cũng chẳng hiểu công việc ra sao, chỉ biết là sau đó ông cháu phá sản, tiền của mất hết. Tất cả những việc đó đều tại chúng ta không giúp đỡ người nghèo khổ, không thương xót kẻ hoạn nạn. Chúa mới nghĩ: “Tại sao mình lại ban phước cho nhà Kashmirin?” Chúa nghĩ thế và lấy hết...

Bà nhìn quanh rồi nói cho tôi biết:

- Bà cũng cố gắng làm Chúa vui lòng đôi chút, để Chúa giảm bớt hình phạt với cháu. Đạo này bà thường lấy tiền kiếm được đêm đêm kín đáo mang đi bố thí. Cháu có muốn thì hôm nay đi với bà: Bà có tiền đây!

Ông tôi chột tới, nheo mắt hỏi:

- Định chén đây à?

- Không phải việc của ông! – Bà nói. – Nếu muốn ăn thì ngồi xuống đây với chúng tôi. Đủ cho cả ông nữa đấy!

Ông ngồi vào bàn, nói khẽ:

- Rót cho một cốc...

Mọi vật trong phòng vẫn ở nguyên chỗ cũ. Chỉ có góc của mẹ tôi là trống trải một cách buồn thảm, và ở trên tường phía giường ông có treo thêm một tờ giấy to viết bằng chữ in:

“Chúa hằng sống đời đời! Danh Chúa đời đời sáng bên con, hằng ngày hằng giờ trong cuộc đời con.”

- Ai viết thế?

Ông không trả lời.

Bà chờ một lúc rồi vừa cười vừa nói:

- Tờ giấy ấy giá một trăm rúp đấy!

- Không phải việc của mẹ. – Ông hét lên. – Tao sẽ đem cho người dưng hết!

- Còn quái gì nữa mà cho. Khi có thì chẳng thấy cho. – Bà bình tĩnh đối đáp.

- Câm họng! – Ông rít lên.

Ở đây mọi vật đều như xưa, cuộc sống cũng như xưa.

Phía góc nhà, thằng Kolya^[19] đang nằm trong thùng quần áo đặt trên mặt hòm sực tỉnh dậy, nhìn ra, hai khe mắt xanh thấp thoáng dưới đôi mí mắt. Trông nó thiếu nảo, bủng beo, gầy gò hơn trước. Nó không nhận ra tôi, lặng thinh quay mặt đi và nhắm mắt lại.

Ra phố, tôi nhận được những tin buồn: Thằng Vyakhir bị trúng gió, chết trong tuần lễ Thánh, thằng Khabi thì rời lên

tỉnh ở, còn thằng Yaz thì chân bị liệt, không đi chơi được. Báo cho tôi những tin đó xong, thằng Kostrom mắt đen cáu kính:

- Bọn trẻ con sắp chết hết mất!

- Chỉ mới có mình thằng Vyakhir chết thôi mà?

- Thì cũng thế cả: Đi nơi khác ở thì cũng coi như là chết rồi. Vừa mới kết bạn, quen nhau xong, đứa thì đi học việc, đứa thì chết, ở nhà Chesnokov, bên nhà may ấy, có gia đình nhà Evseyenko mới đến ở. Thằng Niushka tạm được, nó ranh lắm. Nó có hai đứa em gái: Một đứa còn nhỏ, đứa kia thì thọt chân, phải chống nạng, trông xinh lắm.

Nghĩ ngợi một chút, nó nói thêm:

- Tao và thằng Tchurka cùng yêu con bé ấy. Bọn tao cãi nhau luôn.

- Với con bé ấy à?

- Không! Giữa tao với thằng Tchurka thôi. Với con bé ấy thì họa hoàn lắm.

Dĩ nhiên tôi biết những chuyện yêu đương của thanh niên trai tráng, tôi còn biết cả các ý tưởng thô thiển về chủ đề này. Tôi thấy khó chịu và thương hại thằng Kostrom. Nhìn thân hình xương xẩu với cặp mắt đen cáu kính của nó, tôi lúng túng, ngượng ngập.

Ngay trong chiều hôm ấy, tôi trông thấy con bé thọt. Nó đánh rơi cái nạng lúc đang bước từ bậc tam cấp xuống sân, đứng lại, mảnh dẻ, yếu ớt, bất lực giữa bậc cửa, hai bàn tay trắng nhợt túm chặt lấy lan can. Tôi muốn nhặt cái nạng lên nhưng hai tay bị băng bó nên cử động rất khó khăn. Tôi loay hoay mãi và bực mình quá, còn con bé thì đứng cao hơn tôi,

cười rất dễ thương:

- Tay đàng ấy làm sao thế?

- Bị bỏng.

- Còn tở thì phải đi khắp khiêng. Đàng ấy ở khu này đây à? Nằm ở nhà thương có lâu không? Tở nằm ở đây lâu...â...u...ghê...ê lắm!

Nó thở dài rồi nói thêm:

- Rất lâu!

Nó mặc áo trắng chấm xanh da trời, cũ nhưng sạch sẽ. Tóc chải mượt, tết thành một bím ngắn và dày, thông xuống ngực. Mắt nó to và nghiêm trang. Trong cái sâu thẳm dịu dàng của cặp mắt ấy ánh lên một ngọn lửa màu xanh nhạt làm ngời sáng cả khuôn mặt gầy nhỏ với chiếc mũi nhọn. Nó cười rất có duyên, nhưng tôi thấy không thích. Thân hình ốm yếu của nó như muốn nói: “Xin chớ có đụng đến tôi!”

Không hiểu sao bọn bạn tôi lại có thể yêu được nó?

- Tở què đã lâu rồi. – Nó sốt sáng kể, vẻ như khoe khoang. – Mụ lảng giềng bỏ bùa tở. Mụ ấy cãi nhau với mẹ tở, rồi bỏ bùa tở để trêu tức mẹ... Đàng ấy nằm trong nhà thương có sợ không?

- Có...

Tôi thấy lúng túng khi nói chuyện với nó, liền bỏ vào phòng.

Gần nửa đêm, bà tôi âu yếm đánh thức tôi.

- Bà cháu ta đi thôi chứ? cô giúp đỡ mọi người thì tay cháu sẽ chóng khỏi đây!

Bà nắm lấy tay tôi và dẫn tôi đi trong bóng tối như dẫn một

người mù. Đêm ẩm ướt, tối mò. Gió thổi liên tục tựa một dòng sông chảy xiết. Cát lạnh giữ lấy chân. Bà rón rén đến gần những ô cửa sổ tối om của các nhà nghèo, làm dấu ba lần rồi đặt trên bực cửa sổ năm kopek cùng ba chiếc bánh xoắn, sau đó bà lại làm dấu, nhìn lên bầu trời không trăng sao, thì thầm:

- Đức Mẹ Rất Thánh, xin Mẹ hãy cứu giúp chúng con! Tất cả chúng con đều là kẻ có tội đối với Mẹ!

Chúng tôi càng đi xa nhà, bóng tối xung quanh càng dày đặc, quạnh hiu. Bầu trời đêm sâu thăm thẳm, tựa hồ che giấu mãi mãi cả trăng sao. Một con chó ở đâu chạy tới, dừng lại trước mặt hai bà cháu, sủa âm lên. Đôi mắt nó lóe sáng trong màn đêm. Tôi sợ hãi nép vào bà.

- Không có gì đâu. – Bà nói. – Con chó đấy mà! Bây giờ muộn rồi, không phải là giờ của ma quỷ nữa. Gà đã gáy rồi!

Bà vẫy con chó lại, vuốt ve nó:

- Này cún, liệu hồn đây, đừng có dọa cháu tao!

Con chó cọ cọ vào chân tôi. Cả ba lại đi xa hơn nữa. Mười hai lần bà tôi đến bên cửa sổ, để lại chút quà kín đáo trên bậu cửa. Trời hửng sáng. Từ bóng đêm, những ngôi nhà xám, rồi cả gác chuông nhà thờ Đức Mẹ hiện ra. Ruộng đồng nhô lên trắng như đường; bức tường gạch mắt cáo ở nghĩa địa trông thưa như tấm vải gai rách.

- Bà lão mệt rồi! Về thôi! – Bà nói. – Ngày mai họ sẽ thức dậy và thấy Đức Mẹ đã dành chút ít cho con họ. Khi thiếu thốn đủ mọi thứ thì một chút cũng là quý rồi! Chao ôi! Alyosha, dân chúng thì sống nghèo khổ mà chẳng có ai chú ý đến cả!

Người giàu đâu có nghĩ đến Trời,

Đâu có nghĩ đến tội chờ xét xử,
Đâu có nghĩ đến những người nghèo khổ,
Chẳng họ hàng, chẳng bè bạn với ai!
Họ chỉ lo vàng bạc vét cho đầy,
Nhưng mỗi thỏi vàng là một hòn than địa ngục,
Đang chờ họ – lửa vạc dầu sôi sục...

- Như vậy đấy! Người này sống phải nghĩ đến kẻ khác. Còn Chúa, Chúa sẽ nghĩ đến mọi người. Bà rất mừng vì cháu lại trở về bên bà...

Tôi cũng cảm thấy một niềm vui thanh thản. Tôi mơ hồ thấy mình đang tham dự vào một việc mà không bao giờ tôi quên được. Cảnh tôi, con chó màu hung có mõm cáo, đôi mắt hiền lành, vẻ sợ sệt, đang run rẩy.

- Nó sẽ sống với chúng ta chứ bà?

- Chứ sao? Nó muốn ở thì ở. Để bà cho nó chiếc bánh xoắn, bà còn hai chiếc đây. Ta ngồi nghỉ ở ghế này đã, bà mệt mệt thế nào ấy...

Hai bà cháu ngồi trên chiếc ghế dài gần một cái cổng. Con chó nằm dưới chân chúng tôi, gặm chiếc bánh khô. Bà tôi kể:

- Ở nhà này, có một bà người Do Thái. Bà ta có chín đứa con, sần sần như trứng gà trứng vịt. Bà hỏi bà ta: “Bà sống thế nào được hở bà Moisey?” Bà ấy trả lời: “Tôi sống được là nhờ có Chúa phù hộ, chứ còn có ai nữa?”

Tôi dựa vào bên sườn ấm áp của bà tôi và ngủ thiếp đi.

* * *

Cuộc sống của tôi lại trôi qua nhanh chóng và đầy hứng thú

với những sự kiện dồn dập. Những dòng ấn tượng phong phú mỗi ngày lại mang đến cho tâm hồn tôi một điều gì mới mẻ, khiến cho tôi khi thì say mê, khi thì lo âu, khi thì buồn tủi, khi thì nghĩ ngợi...

Chẳng bao lâu, tôi cũng cố tìm mọi cách để có thể luôn được trông thấy cô bé thọt chân, trò chuyện với nó hay ngồi yên lặng bên nhau trên chiếc ghế dài cạnh cổng. Ở bên cạnh cô bé, dù có im lặng cũng vẫn thấy dễ chịu. Nó ăn mặc sạch sẽ, như một con chim bông lau, kể chuyện về đời sống của những người Cossack vùng sông Đông rất hay. Nó đã sống ở đây khá lâu, trong nhà một người chú làm thợ máy cho một xưởng làm bơ. Sau đó, bố nó – một thợ nguội – chuyển đến Nizhny.

- Tớ còn một chú thứ hai nữa! Chú này được hầu gần đức vua cơ đấy!

Những buổi chiều ngày hội, người dân toàn khu phố ra khỏi nhà. Nam nữ thanh niên đưa nhau tới nghĩa địa tổ chức các cuộc nhảy múa, ca hát. Đàn ông tản vào các quán ăn. Trên phố chỉ còn lại đàn bà và trẻ con. Các bà ngồi phệt xuống đất hay trên các ghế dài trước cổng, chuyện trò huyên náo, vừa cãi nhau vừa đơm đặt đủ chuyện. Bọn trẻ con thì chơi bóng, chơi phá thành, chơi cầu. Các bà mẹ theo dõi các trò chơi, khuyến khích những đứa chơi hay, chế giễu những đứa chơi kém. Thật là âm ỉ và vui không thể tả được. Sự có mặt và chú ý của người lớn đã khích lệ bọn nhóc chúng tôi, khiến cho các cuộc chơi đều mang một vẻ náo nhiệt khác thường, một sự ganh đua sôi nổi. Nhưng dù có say mê các cuộc chơi đến đâu chẳng nữa, ba đứa chúng tôi – Kostrom, Tchurka và tôi – vẫn cứ lần lượt thay nhau chạy đến khoe khoang với con bé thọt chân.

- Ludmilla, có thấy tớ ném văng hết năm thanh gỗ ra ngoài

thành không?

Ludmilla mỉm cười dịu dàng và gật đầu luôn mấy cái.

Trước kia bọn tôi thường cố tìm cách chơi chung với nhau trong mọi trò chơi. Nay tôi thấy Tchurka và Kostrom luôn chơi ở hai phe khác nhau. Bằng mọi cách, chúng cố trở tài về độ khéo léo, về sức mạnh, nhiều khi dẫn đến những cuộc đánh lộn và khóc lóc. Có lần chúng đánh nhau một cách điên cuồng đến nỗi người lớn phải can thiệp và giội nước vào hai địch thủ như vào hai con chó.

Ludmilla ngồi trên ghế dài, giậm giậm cái chân lạnh xuống đất. Khi hai địch thủ lăn đến chỗ nó, nó lấy nặng đẩy chúng đi và kêu van:

- Đừng đánh nhau nữa!

Mặt nó tái mét, mắt sầm xuống và đảo đi đảo lại như người bị động kinh.

Một lần khác, Kostrom thua Tchurka một ván phá thành rất nhục nhã, liền trốn sau thùng lúa mạch bên cửa hiệu tạp hóa, ngồi xồm ở đây và lặng lẽ khóc. Cảnh tượng khá đáng sợ. Nó mím chặt môi, gò má nhô ra, bộ mặt xương xẩu đanh lại như đá. Từ cặp mắt đen bực tức, những giọt nước mắt to, nặng lăn xuống. Khi tôi an ủi nó, nó vừa nức nở, vừa thì thào:

- Được, rồi xem... Tao sẽ tương cho nó một hòn gạch vào sọ...

Tchurka thì trở nên kiêu ngạo. Nó đi giữa phố với dáng điệu của một anh đến tuổi lấy vợ, mũ cát kết đội lệch, tay đút túi. Nó học được cách nhổ nước bọt qua kẽ răng với một vẻ ngạo nghễ và cam đoan:

- Tao sắp biết hút thuốc lá rồi. Tao đã thử hai lần, nhưng

buồn nôn quá.

Những điều đó làm tôi khó chịu. Tôi thấy mình đang mất bạn và tôi có cảm giác rằng Ludmilla là nguyên nhân của việc này.

Một buổi chiều, khi tôi đang sắp xếp các loại xương, giẻ rách và các đồ tạp nham ngoài sân thì Ludmilla khập khiễng đến bên cạnh tôi, cánh tay phải của nó vung vẩy.

- Chào cậu. – Nó nói, gật gật đầu ba lần. – Kostrom chơi với cậu đấy chứ?

- Ừ.

- Thế còn Tchurka?

- Tchurka không chơi với bọn tớ nữa rồi... Tại cậu mà ra cả. Chúng nó yêu cậu cho nên mới đánh nhau...

Ludmilla đở bưng mặt, nhưng trả lời với vẻ châm biếm:

- Vô lí chưa! Tớ có lỗi ở chỗ nào?

- Sao lại làm cho chúng nó yêu?

- Tớ có cầu chúng nó yêu đâu! – Cô bé giận dữ nói, rồi vừa bỏ đi vừa tiếp. – Thật là một trò ngu xuẩn! Tớ lớn hơn chúng, tớ đã mười bốn tuổi rồi! Có ai lại đi yêu con gái lớn hơn mình bao giờ...

- Mà mày biết nhiều lắm đấy! – Muốn chọc tức nó, tôi liền hét lên. – Đấy, mục chủ hiệu em gái lão Khlyts đấy, mục ta đã già rồi mà vẫn còn đi lại với tụi con trai đấy!

Ludmilla quay lại phía tôi, ấn sâu chiếc nạng trên sân cát.

- Chính cậu chẳng biết cái quái gì cả. – Nó nói vội vã, giọng như khóc. Cặp mắt xinh xinh của nó bỗng sáng ngời một cách

đẹp tuyệt. – Mụ chủ hiệu là một mụ đàn bà dĩ hòa, còn tở, tở có như vậy đâu. Tở đang còn bé, không được đụng chạm, không được cấu tở, không được gì sất... Cậu cứ thử đọc phần thứ hai của truyện *Cô gái Kamchadalka*^[20] rồi hãy nói!

Nó âm ỨC bỏ đi. Tôi bỗng thấy thương nó quá. Trong những lời nói của Ludmilla ẩn chứa một sự thật nào đó mà tôi chưa hề biết tới. Tại sao bọn bạn tôi lại cấu véo nó? Thế mà chúng còn nói rằng chúng yêu nó đấy...

Ngày hôm sau, muốn chuộc lỗi với Ludmilla, tôi mua hai kopek kẹo mạch nha, là thứ kẹo mà tôi biết nó rất thích.

- Có ăn không?

Nó nói, cố tình làm ra vẻ bực bội:

- Đi đi, tở không chơi với cậu nữa!

Nhưng lại cầm ngay lấy kẹo và nhận xét:

- Sao không lấy giấy mà bọc lại một chút! Tay bẩn thế kia.

- Tở rửa mãi nhưng không sao sạch được.

Nó đưa bàn tay khô ấm ra cầm lấy tay tôi, xem xét.

- Làm hỏng cả tay thế này...

- Ngón tay của cậu cũng bị châm thủng cả...

- Kim đâm đấy. Tở khâu nhiều lắm...

Sau vài phút, nó nhìn quanh rồi đề nghị:

- Này, cậu có muốn chúng ta cùng nấp vào một chỗ và đọc quyển *Cô gái Kamchadalka* không?

Chúng tôi tìm mãi chỗ nấp nhưng chỗ nào cũng thấy bất tiện. Cuối cùng hai đứa quyết định rằng tốt nhất là chui vào

phòng thay đồ trong nhà tắm. Ở đây tuy tối nhưng có thể ngồi sát cửa sổ trông ra mảnh đất bản thỉu của nhà kho và lò sát sinh bên cạnh. Ít người nhòm ngó tới chỗ này lắm.

Ludmilla ngồi bên cửa sổ, duỗi cái chân đau trên ghế dài, cái chân lành bỏ thông xuống sàn. Nó vùi đầu vào quyển sách đã nhàu nát, đọc mở chữ khó hiểu và buồn tẻ với vẻ cảm động. Tôi cảm thấy rung động. Tôi ngồi dưới sàn, nhìn đôi mắt nghiêm trang chuyển động trên những trang giấy như hai đóm lửa xanh. Đôi lúc, cặp mắt ướn lệ. Giọng nó run run, đọc vội vàng những chữ không quen thuộc trong những câu khó hiểu. Dầu sao tôi cũng nhớ được những chữ đó và cố đảo lên đảo xuống để sắp xếp chúng thành các câu thơ. Việc đó càng cản trở tôi hiểu được nội dung cuốn sách.

Con chó nằm thiu thiu ngủ trên đầu gối tôi. Tôi đặt tên cho nó là “Gió” vì nó có bộ lông xù, mình dài, chạy nhanh và gầm gừ như tiếng gió thu thổi trong ống khói lò sưởi.

- Cậu có nghe không đây? – Cô bé hỏi.

Tôi lặng lẽ gật đầu. Đám chữ hỗn loạn kích động tôi, tôi bận bịu với ý định sắp xếp lại trật tự từ ngữ như trong một bài ca mà mỗi chữ đều sinh động và ngời sáng như một ngôi sao trên bầu trời.

Khi trời tối, Ludmilla buông bàn tay trắng nhợt cùng với quyển sách xuống và hỏi:

- Hay chứ nhỉ? Cậu thấy chưa!...

Từ buổi chiều hôm ấy, chúng tôi thường ngồi với nhau trong phòng thay đồ của nhà tắm. May cho tôi là chẳng bao lâu Ludmilla đã thôi không đọc quyển *Kamchadalka* nữa. Tôi không thể trả lời được cho nó về nội dung của quyển sách vô tận ấy –

vô tận là vì tiếp theo chương hai mà chúng tôi bắt đầu đọc là chương ba, và cô bé nói với tôi rằng tiếp theo chương ba lại còn chương tư nữa.

Chúng tôi thích nhất là những ngày mưa u ám, nếu những ngày đó không trùng vào thứ Bảy là ngày đốt lò tắm.

Ngoài trời mưa tầm tã. Không ai bước ra sân, nhòm ngó vào cái góc tranh tối tranh sáng này của chúng tôi làm gì. Ludmilla rất sợ người ta sẽ “bắt” được chúng tôi.

- Cậu có biết lúc bấy giờ người ta sẽ nghĩ thế nào không? – Nó hỏi thăm thì.

Tôi biết và cũng sợ người ta “bắt” được. Chúng tôi ngồi hàng giờ liền với nhau, nói những chuyện đầu đầu. Đôi khi tôi kể lại những chuyện cổ tích của bà. Ludmilla thì kể cho tôi nghe về đời sống của những người Cossack bên sông Medveditsa.

- Ôi chao, ở đây thật là tuyệt! – Nó thở dài. – Ở đây bì thế nào được, ở đây chỉ để cho ăn mày sống.

Tôi định bụng khi nào lớn nhất định sẽ đến thăm con sông Medveditsa.

Ít lâu sau chúng tôi không phải dùng đến phòng thay đồ của nhà tắm nữa. Mẹ Ludmilla đã tìm được việc làm ở nhà lão thợ thuộc da. Bà đi khỏi nhà từ sáng. Đưa em gái đi học. Anh trai làm việc ở nhà máy gạch tráng men. Những ngày mưa u ám, tôi đến nhà Ludmilla, giúp nó nấu nướng, dọn dẹp các phòng và bếp. Nó cười:

- Tớ với cậu sống với nhau cứ như là vợ chồng ấy nhỉ? Chỉ có mỗi đứa ngủ riêng một nơi thôi. Chúng mình sống lại có phần vui hơn vợ chồng nữa cơ vì chồng có giúp vợ bao giờ đâu...

Khi nào có tiền tôi liền mua bánh kẹo rồi chúng tôi uống trà với nhau. Sau đó hai đứa lấy nước lạnh giội vào ấm *samovar* để bà mẹ lẩm cẩm của Ludmilla không thể đoán được là chúng tôi đã dùng đến ấm. Thỉnh thoảng bà tôi đến chơi cùng chúng tôi. Bà vừa ngồi vừa làm đặng ten hay thêu thùa, vừa kể những câu chuyện cổ tích tuyệt diệu. Còn khi nào ông tôi vào thành phố thì Ludmilla lại lên tới nhà tôi, và ba bà cháu tha hồ tự do ăn uống, chuyện trò vui vẻ với nhau.

Bà tôi thường nói:

- Ôi! Chúng ta sống thật là tuyệt. Có đồng nào xào đồng ấy, mặc sức!

Bà khích lệ tình bạn của chúng tôi:

- Con trai kết bạn với con gái là một việc rất tốt: Chỉ cốt đừng “nghịch nhảm” ...

Và bằng những lời lẽ giản dị nhất, bà cắt nghĩa cho chúng tôi biết thế nào là “nghịch nhảm”. Bà nói rất văn vẻ, đầy tình cảm. Tôi hiểu rõ rằng không nên chạm đến hoa khi hoa chưa nở, nếu không thì hoa sẽ chẳng cho hương thơm, quả ngọt.

Chúng tôi không muốn “nghịch nhảm”, nhưng điều đó không ngăn cản hai đứa nói với nhau những chuyện người ta thường kiêng nhắc đến. Tất nhiên chúng tôi không thể không nhắc những chuyện ấy vì các mối quan hệ nam nữ thô tục thường xuyên đập vào mắt như trêu ngươi khiến chúng tôi vô cùng bức tức.

Bố Ludmilla là một người đẹp trai, tóc quăn, tuổi trạc bốn mươi. Bác ta để ria mép và thường nheo đôi lông mày rậm với một vẻ đắc thắng đến là đặc biệt. Bác ít nói lạ thường – tôi chẳng nhớ được lấy một lời nào của bác. Khi vuốt ve lũ trẻ, bác

thường âm ừ như người câm. Cả khi đánh vợ bác cũng lặng thình.

Vào những buổi chiều ngày hội, bác mặc áo xanh da trời, quần xa tanh rộng, đi đôi ủng đánh bóng lộn, đeo cây đàn phong cầm lớn sau lưng rồi bước ra cổng và đứng đấy, hệt như người lính gác. Lập tức một “cuộc diễu hành” diễn ra trước cổng nhà chúng tôi: Đàn bà, con gái, người nọ nối người kia như một đàn vịt vừa đi vừa đưa mắt nhìn bác Evseyenko, kẻ len lén nhìn qua hàng lông mi, kẻ trâng tráo ngó chăm chặp, ánh mắt thèm khát. Còn bác ta thì đứng đó, môi dưới trề ra, nhìn họ chăm chăm với cặp mắt sẫm màu. Có cái gì thật chướng mắt, đê tiện trong cuộc trao đổi thăm lặng bằng mắt kia, trong sự di chuyển chậm chạp, yếu hèn của đám đàn bà quanh một người đàn ông. Tựa như chỉ cần người đàn ông nháy mắt ra hiệu cho bất cứ ai trong bọn họ là kẻ đó sẽ ngoan ngoãn lặn ra như chét ngay trên đám cát rác rưởi của đường phố.

- Con dê xồm lại mò đi rồi, đồ mặt dày! – Mẹ Ludmilla càu nhàu.

Bác ta người dong dỏng cao, khuôn mặt dài và nhơm nhớp. Sau trận sốt, tóc bác cắt ngắn. Trông bác giống một chiếc chổi cùn xơ xác.

Ludmilla ngồi bên mẹ, luôn miệng hỏi, cố gắng giúp mẹ khỏi chú ý đến cảnh ngoài phố, nhưng vô hiệu.

- Thôi yên đi, mày hay quấy rầy lắm, đồ quái thai! – Mẹ nó vừa lẩm bẩm vừa chớp mắt lo lắng.

Cặp mắt Mông Cổ nhỏ tí của bác sáng lên một cách lạ thường, đôi con ngươi không động đậy, tựa như bị thu hút trước một cảnh trí.

- Mẹ ơi, mẹ đừng giận, có được gì đâu? – Ludmilla nói. – Mẹ nhìn xem mũ hàng chiếu diện mới đẹp làm sao!

- Nếu không có ba đứa chúng mày thì tao còn mặc đẹp hơn nhiều. Chúng mày xâu xé tao, hốc hết cả! – Người mẹ tàn nhẫn trả lời, giọng như khóc, mắt nhìn chăm chăm vào mũ hàng chiếu góa chồng to béo.

Mũ này giống như một cái nhà nhỏ. Ngực mũ dô ra như mái hiên. Khuôn mặt đỏ bị chiếc khăn xanh lá mạ che lại và hớt đi một ít, trông tựa một cái cửa sổ tròn lấp kính đang phản chiếu ánh nắng mặt trời.

Evseyenko chuyển cây phong cầm ra trước ngực và bắt đầu chơi. Cây phong cầm có rất nhiều phím. Tiếng đàn ngân xa lồi cuốn. Bọn trẻ con từ mọi ngõ của khu phố ùa đến, sà xuống chân người kéo phong cầm, ngồi ngay trên cát lắng nghe say sưa, thán phục.

- Coi chừng, người ta sẽ vạy cổ anh đấy! – Bà vợ dọa chồng.

Bác Evseyenko lườm vợ, không nói gì.

Còn mũ hàng chiếu thì ngồi như một tảng đá trên cái ghế dài bên cửa hiệu của lão Khlyts cách đó không xa. Mũ nghiêng đầu lắng nghe, mắt sáng rực.

Ráng chiều nhuộm đỏ óng cánh đồng phía sau nghĩa địa. Những khối thịt to lớn, ăn mặc sặc sỡ lướt trên đường phố như trôi trên mặt sông. Trẻ con chạy loảng quảng như gió lốc. Không khí ẩm áp, dịu dàng khiến người ta ngây ngất. Cát bị nung nóng suốt ngày, bốc mùi máu và mùi lờ lợ, ngậy mỡ của lò sát sinh. Từ phía khu nhà của thợ thuộc da thoảng đến mùi da lột mặm và hăng. Tiếng đàn bà nói chuyện, tiếng người say rượu la rống, tiếng trẻ con kêu lạnh lạnh, tiếng phong cầm trầm trầm

- tất cả những âm thanh ấy hòa trộn với nhau, ồn ào vang dội như tiếng thở dài mạnh mẽ của đất mẹ đang sáng tạo không ngừng, không mỏi. Tất cả đều thô鄙, lộ liễu như sự khẳng định vững chắc, lớn lao về cuộc sống đen tối, thú tính trắng trợn này. Cuộc sống ấy vừa khoe khoang sức lực, vừa buồn rầu cố gắng tìm nơi trú ngụ nguồn sức lực đó.

Trong đám ồn ào, thỉnh thoảng lại có vài câu nói đặc biệt khủng khiếp lọt tới trái tim, mãi mãi gắn sâu vào trí nhớ.

- Nhiều người không được cùng đánh một người! Phải lần lượt mới được...

- Nếu ta không thương lấy thân thì có ai thương ta nữa...

- Hay là trời sinh ra đàn bà để làm trò cười?...

Màn đêm dần buông. Không khí trong lành hơn. Tiếng ồn ào nhỏ dần. Những ngôi nhà gỗ như phồng ra, lớn lên, dẫm mình vào bóng tối. Bọn con nít đã được đưa về nhà đi ngủ. Một số ngủ ngay bên các hàng rào, dưới chân hay trong lòng các bà mẹ. Trong bóng đêm, bọn trẻ lớn tuổi cũng trở nên hiền lành, dịu dàng hơn. Bác Evseyenko không biết lần đi đâu từ lúc nào tựa như có phép biến. Mụ hàng chiếu cũng không còn đó. Tiếng phong cầm trầm trầm vang lên xa xa, sau nghĩa địa. Mẹ Ludmilla ngồi trên ghế dài, người rúm rỏ, lưng khòm khòm như một con mèo. Bà tôi sang nhà láng giềng uống trà – một bà đỡ kiêm bà mối. Mụ ta người to lớn, gân guốc, có cái mũi như mỏ vịt và một chiếc mề đay vàng “cứu người lâm nạn” đeo trước bộ ngực lép kẹp như ngực đàn ông. Cả phố đều sợ mụ vì cho mụ là phù thủy. Người ta đồn rằng mụ đã cứu khỏi vòng lửa ba đứa con và một người vợ ốm của ông đại tá nào đó trong một trận hỏa hoạn.

Bà tôi rất thân với mẹ. Gặp nhau ngoài phố, cả hai cười với nhau từ xa với vẻ thân thiện đặc biệt.

Kostrom, Ludmilla và tôi ngồi với nhau trên chiếc ghế dài bên công. Tchurka rủ anh của Ludmilla vật nhau. Hai đứa ôm nhau, giậm chân trên cát làm bụi mù cả lên.

- Thôi đừng vật nhau nữa! – Ludmilla sợ hãi yêu cầu.

Kostrom liếc cặp mắt đen về phía Ludmilla rồi bắt đầu kể chuyện lão thợ săn Kalinin mà cả xóm đều biết tiếng vì những “thành tích” bất hảo.

Đó là một lão già râu tóc bạc phơ có đôi mắt láu lỉnh. Lão mới chết cách đây ít lâu, người ta không chôn lão xuống đất trong nghĩa địa mà lại đặt quan tài trên mặt đất, tách xa các ngôi mộ khác. Chiếc quan tài đen sì, có chân cao. Trên nắp quan tài vẽ một cây thập ác, một cây giáo, một cái gậy và hai khúc xương bằng sơn trắng.

Đêm nào cũng vậy, cứ trời tối là lão già lại từ trong quan tài nhòm dậy lang thang trong nghĩa địa như tìm kiếm gì đấy cho đến tận khi gà gáy lần thứ nhất.

- Đừng kể những chuyện kinh khủng ấy nữa! – Ludmilla van nài.

- Buông ra! – Thằng Tchurka vừa kêu vừa tuồn khỏi tay ôm của thằng anh Ludmilla và bảo thằng Kostrom với một vẻ giễu cợt. – Mà nói láo cái gì thế? Chính tao đã trông thấy người ta lấp quan tài, còn cái ở trên thì rỗng, đấy là cái mộ. Cái chuyện người chết biết đi chẳng qua là do bọn thợ rèn say rượu bịa ra mà thôi.

Kostrom không nhìn Tchurka, cúi kính:

- Nếu thế thì mày thử đến ngủ ở nghĩa địa xem nào.

Hai đứa bắt đầu cãi nhau, còn Ludmilla thì lắc đầu một cách chán ngán rồi hỏi:

- Mẹ ơi, ban đêm người chết có thức dậy không?

- Thức dậy. – Mẹ nó nhắc lại, như thể câu hỏi kéo bà trở về từ một nơi nào xa lắm.

Valyok, con trai mù chủ hiệu – một thanh niên trạc hai mươi tuổi, người to béo hồng hào – đi đến, lắng nghe cuộc tranh cãi của bọn tôi và bảo:

- Trong ba đứa chúng mày, đứa nào nằm được trên quan tài đến sáng, tao sẽ cho hai mươi kopek và mười điều thuốc lá, còn đứa nào sợ thì tao sẽ xách tai đến kì chán mới thôi, thế nào?

Cả bọn im lặng, bối rối, mẹ Ludmilla thì nói:

- Bậy nào! Ai lại đi xui bọn trẻ làm những chuyện ấy bao giờ...

- Đưa một rúp tôi đi cho. – Thằng Tchurka cầu nhàu đề nghị.

Kostrom liền xỏ xiên:

- Còn nếu chỉ được hai mươi kopek thì mày sợ à? – Rồi nó bảo Valyok. – Anh cứ đưa cho nó một rúp nó cũng không dám đi đâu, nó chỉ nói phét thế thôi...

- Ừ thì tao cho một rúp!

Tchurka đứng dậy, lặng lẽ và thủng thỉnh bỏ đi, men theo bờ rào. Kostrom cho mấy ngón tay vào miệng, huýt inh ỏi với theo Tchurka, còn Ludmilla thì bồn chồn lên tiếng:

- A, Chúa tôi, đồ anh hùng rơm... Ai ngờ lại thế!

- Một lũ hèn, chúng mày có làm được trò trống gì đâu! – Valyok chế nhạo. – Thế mà cứ tự cho mình là ngổ nhất phố đấy!

Thật là một lũ mèo con...

Thật là tức khi phải nghe những lời giễu cợt của hắn. Chúng tôi không ưa cái thằng phì nộn đó, hắn hay xúi bẩy trẻ con làm những trò nghịch ngợm tinh quái, kể cho chúng những chuyện bần thủ về đàn bà con gái và dạy chúng chòng ghẹo họ. Bọn trẻ nghe theo hắn ta và vì thế mà bị nhiều trận đòn khá đau. Không hiểu sao hắn rất căm ghét con chó của tôi, cứ lấy đá ném nó luôn, có lần cắm cả kim vào bánh mì rồi đưa cho nó ăn.

Nhưng tôi còn tức hơn khi trông thấy thằng Tchurka chuồn mất, vừa sợ hãi vừa hổ thẹn.

Tôi bảo Valyok:

- Đưa đồng rúp đây, tôi đi cho!...

Vừa giễu cợt vừa dọa dẫm, hắn đưa đồng rúp cho bác Evseyenko gái, nhưng bác ta nghiêm khắc nói:

- Tao không thèm, không cần đâu!

Rồi bác giận dữ bỏ đi. Ludmilla cũng không dám cầm đồng bạc khiến Valyok càng lên nước. Tôi đã định đi không cần đòi tiền hắn ta nữa, nhưng bà tôi tới. Sau khi biết rõ đầu đuôi câu chuyện, bà cầm lấy đồng rúp, bình tĩnh bảo tôi:

- Cháu mặc thêm áo ngoài vào và mang chiếc chăn đơn theo kéo gần sáng lạnh đây...

Lời của bà làm tôi có thêm hi vọng rằng chẳng chuyện gì đáng sợ có thể xảy đến với tôi.

Valyok ra điều kiện rằng tôi phải nằm hoặc ngồi trên quan tài đến sáng, dù có xảy ra chuyện gì cũng không được rời khỏi chỗ, cả lúc lão Kalinin bắt đầu lắc quan tài để chui ra cũng vậy. Nếu nhảy xuống đất, tôi thua.

- Liệu chừng. – Valyok giao hẹn. – Tao sẽ theo dõi mày suốt đêm!

Khi tôi ra nghĩa địa, bà làm dấu thánh rồi khuyên:

- Nếu có thấy gì, cháu đừng cựa quậy, cứ đọc kinh Kính mừng...

Tôi rảo bước, lòng muốn chóng bắt đầu và kết thúc tất cả mọi sự. Valyok, Kostrom và vài thanh niên nữa đi theo tôi. Khi leo qua dãy tường gạch, tôi vướn chân, ngã xoài, nhưng tôi vội đứng phắt lên, tựa như người bị nẩy trên mặt cát. Bên kia bức tường, bọn đi theo cười ha hả. Ngực tôi thắt lại, lưng nổi gai ốc.

Tôi vừa đến chỗ chiếc quan tài đen thì lại bị vấp. Một bên quan tài lún xuống cát, bên kia lộ ra những chân đế ngắn và to, tựa như có người nào đó cố nâng nó lên và đẩy xiêu sang bên. Tôi ngồi lên góc phía đuôi quan tài, nhìn quanh: Những cây thánh giá màu xám dựng ngổn ngang chi chít trên khu nghĩa địa đầy gò đống, những bóng đen vươn dài trên các ngôi mộ, ôm lấy các gò đất lởm chởm. Đây đó, dăm cây bạch dương thanh mảnh, khẳng khiu nhô lên lác lõng giữa đám thánh giá, cành lá của chúng nối liền những ngôi mộ riêng biệt lại với nhau. Những ngọn cỏ thấp thoáng giữa bóng cây loang lổ như một tấm ren. Cái đám lởm chởm xám xịt ấy trông khủng khiếp nhất. Ngôi nhà thờ in trên nền trời như một khối tuyết lớn. Mặt trăng lưỡi liềm nhỏ bé chiếu sáng giữa những đám mây im lìm.

Bồ thằng Yaz – “lão bản nông bản thủ” – uể oải điếm chuông cầm canh. Mỗi lần bác kéo dây chuông, dây lại mắc vào tấm tôn trên mái, kêu cọt két một cách ai oán, sau đó vang lên tiếng đập khô khan của cái chuông con, ngân ngủi và tẻ ngắt.

“Lạy trời đừng làm tôi mất ngủ!” – Tôi chợt nhớ đến câu ngạn ngữ bác thường nói.

Thật là kinh khủng. Và không hiểu sao mà ngọt ngào đến thế. Tôi toát mồ hôi đầm đìa, tuy trời đêm mát mẻ. Nếu lão Kalinin mò ra khỏi mộ, liệu tôi có kịp chạy đến chòi canh không?

Khu nghĩa trang rất quen thuộc với tôi. Tôi đã chơi đùa hàng trăm lần giữa những ngôi mộ này với thằng Yaz và chúng bạn. Chỗ kia kia, gần phía nhà thờ, là nơi chôn mẹ tôi...

Chưa phải tất cả đều đã yên ngủ. Từ phía xóm vắng lại những tràng cười, những câu hát. Trên các ngọn đồi, nơi người ta lấy cát để đắp đường tàu, rồi từ đâu đó phía làng Katurzovka vẳng đến tiếng phong cầm rền rĩ, nức nở. Bác thợ rèn Myachov thường xuyên say rượu đang vừa đi vừa hát. Tôi nhận ra bác nhờ bài hát.

Còn mẹ của chúng tớ,

Có tí lỗi nhỏ thôi:

Mẹ chẳng yêu một ai

Chỉ yêu độc mình bố!...

Thật dễ chịu khi nghe những hơi thở cuối cùng của sự sống ấy. Nhưng sau mỗi tiếng chuông, mọi vật trở nên lặng lẽ hơn. Sự tĩnh mịch như nước sông tràn trên đồng cỏ, nhấn chìm và che giấu tất cả. Tâm hồn như chơi vơi trong khoảng không vô tận và tắt dần như ngọn lửa diêm trong bóng tối, tan đi không một dấu vết, để lại một khoảng không trống trải như biển cả, nơi chỉ có những vì sao xa tít sáng lấp lánh, còn mọi vật trên mặt đất đều thừa thãi, im lìm biến đâu mất cả.

Tôi quần chần, ngồi co chân trên quan tài, mặt quay về phía

nhà thờ. Mỗi khi tôi cựa quậy, quan tài lại cọt kẹt, cát phía dưới lại lạo xạo.

Có vật gì rơi xuống đất, phía sau lưng tôi. Một tiếng... Hai tiếng... Rồi một hòn gạch rơi xuống ngay cạnh người tôi. Tôi sợ quá, nhưng đoán ngay là Valyok và đồng bọn ở phía sau tường ném vào để dọa tôi. Biết có người ở gần, tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

Tự dưng tôi nghĩ tới mẹ... Một lần mẹ đánh tôi vì bắt quả tang tôi đang tập hút thuốc lá, tôi bảo:

- Đừng có đụng vào con. Chẳng cần đánh, con cũng đã khổ sở, đau đớn lắm rồi...

Bị đánh xong, tôi ngồi sau lò sưởi, còn mẹ nói với bà:

- Thằng bé trơ như gỗ đá, chẳng yêu ai cả...

Nghe những lời nói đó, tôi rất phẫn uất. Nhưng khi mẹ phạt tôi, tôi hay cảm thấy thương thương và lúng túng hộ mẹ: ít khi mẹ trừng phạt công bằng và đúng tội.

Nhưng nói chung thì cuộc đời luôn bất công, còn nhiều điều đáng giận. Đây, chẳng hạn như những đứa đang đứng sau bức tường kia. Chúng thừa biết rằng tôi đang sợ vì ngồi một mình giữa nghĩa địa, vậy mà chúng còn muốn làm cho tôi sợ hơn nữa. Tại sao lại như vậy?

Tôi muốn quát vào mặt chúng: “Quý bắt chúng mày đi!”

Nhưng kêu như vậy cũng khá nguy hiểm. Ai biết được quý sẽ nghĩ như thế nào khi nghe tôi nói? Có lẽ nó cũng gần đâu đây thôi!

Trên mặt cát có nhiều mẫu mica vụn lấp lánh lơ mờ dưới ánh trăng khiến tôi sực nhớ đến một lần nằm trên bè ở sông Oka.

Tôi đang nhìn xuống mặt nước, bỗng một con cá mè nổi lên ngay trước mặt. Khi nghiêng mình trông nó giống như má người; nó nhìn tôi bằng một con mắt tròn như mắt chim. Sau đó nó lặn xuống sâu, toàn thân rung động như chiếc lá phong rụng.

Trí nhớ của tôi mỗi lúc một căng thẳng, nó gọi lại mọi chuyện linh tinh của đời tôi, dường như muốn dựa vào đó để chống lại óc tưởng tượng đang bướng bỉnh muốn tạo ra những hình ảnh khủng khiếp.

Một con nhím đang lăn, những cái chân cứng của nó gõ gõ trên mặt đất. Trông nó giống như một vị gia thần – cũng nhỏ bé và bù xù!

Tôi lại nhớ đến cảnh bà tôi ngồi xồm trước bếp lò đọc thần chú: “Gia thần từ bi, cầu Người khử sạch lũ gián đi...”

Xa xa, phía sau thành phố mà ở đây tôi không thấy rõ, trời đã hửng sáng, hơi lạnh ban mai như chích vào má, hai mí mắt tôi dúi lại. Tôi nằm co rúm chân tay, lấy chăn trùm lên đầu, thôi được, muốn ra sao thì ra!

Người đánh thức tôi dậy là bà. Bà đứng bên tôi, kéo chăn ra và nói:

- Dậy đi cháu! Có lạnh không? Sao, sợ chứ?

- Sợ lắm. Nhưng bà chớ có nói với ai về chuyện ấy, bà đừng cho bọn trẻ con biết nhé!

- Sao lại không nói? – Bà ngạc nhiên. – Nếu mày không sợ thì chẳng có gì đáng khoe nữa...

Chúng tôi đi về nhà. Dọc đường, bà dịu dàng bảo tôi:

- Mọi việc đều phải tự mình trải qua, tự mình tìm hiểu, cháu

ạ... Tự mình không chịu học hỏi thì chẳng có ai dạy được mình đâu.

Cho đến chiều, tôi đã trở thành một “anh hùng” của khu phố. Mọi người đều hỏi tôi:

- Không sợ thật à?

Và khi tôi nói: “Sợ chứ!” thì họ đều lắc đầu thốt lên:

- Ấy đấy, đã thấy chưa?

Mụ chủ hiệu thì tuyên bố thật to với một giọng đầy tin tưởng:

- Rõ ràng là người ta đã bịa đặt ra chuyện ông già Kalinin mò dậy. Nếu lão đã dậy được thì đời nào lão lại sợ thằng bé? Lão cứ hất tay một cái nó cũng đủ văng ra khỏi nghĩa địa, chưa biết đến tận đâu nữa đấy.

Ludmilla nhìn tôi với một vẻ kinh ngạc đầy âu yếm. Cả ông ngoại cũng có vẻ hài lòng về tôi. Ông mỉm cười suốt, vẻ thỏa mãn. Chỉ có thằng Tchurka cẩu rẩu:

- Đối với nó thì dễ thôi: Bà nó là phù thủy mà lại!



Kolya – em trai tôi – chết lặng lẽ như một ngôi sao nhỏ tắt vào lúc bình minh. Bà, nó và tôi thường ngủ trong căn nhà kho nhỏ. Chúng tôi nằm trên đồng cỏ, phủ một lô giẻ rách. Sau bức vách ván có nhiều khe hở, cạnh chỗ chúng tôi, là chuồng gà của nhà chủ. Ban đêm chúng tôi nghe tiếng gà mái no căng điều rũ lông cánh và vừa ngủ vừa cục cục. Buổi sáng, con gà trống có bộ lông vàng óng và tiếng gáy nhức óc đánh thức chúng tôi dậy.

- Quỷ sứ xé xác mày ra! – Bà bị đánh thức, càu nhàu gất.

Tôi đã tỉnh từ lâu và đang quan sát những tia nắng lọt qua các khe hở của nhà chứa củi chiếu vào chỗ tôi nằm. Trong những tia nắng đó có những hạt bụi óng ánh như bạc đang nhảy múa – chúng giống các câu ca trong chuyện cổ tích. Trong đồng cỏ, chuột chạy sột soạt, những con bọ đo đở cánh có chấm đen bò lung tung.

Đôi khi, muốn tránh khỏi hơi bốc ngọt ngạt của phân gà, tôi bò khỏi kho củi, leo lên mái và ngồi theo dõi những người trong nhà thức dậy, mắt nhắm tịt, người to xù ra sau giấc ngủ.

Từ cửa sổ thò ra cái đầu râu tóc lồm chồm của bác lái đò Phermanov, một tay nghiện rượu và hay cau có. Bác nhìn mặt trời bằng đôi mắt húp ti hí, rồi kêu hục hục như lợn rừng. Ông tôi chạy ra sân, hai tay vuốt mớ tóc hung: Ông đang vội vào nhà tắm để tắm nước lạnh. Mụ bếp lẩm điều của nhà chủ có cái mũi nhọn và bộ mặt đầy tàn hương, trông như con chim gáy. Còn

chính ông chủ nhà thì giống một con bò câu già béo núc. Mọi người nom đều hao hao súc vật, giống như chim hoặc như thú dữ.

Buổi sáng thật là dịu dàng, trong sáng, nhưng tôi vẫn thấy buồn buồn và muốn ra ngoài đồng thanh vắng. Tôi biết rằng như thường lệ người ta sẽ lại bôi bẩn vào cái ngày trong sáng này.

Một hôm, tôi đang nằm trên mái nhà thì bà gọi tôi xuống. Bà hắt đầu về phía chỗ nằm của ba bà cháu, nói khẽ:

- Kolya chết rồi...

Thằng bé đã rời khỏi cái gối và nằm trên một miếng nỉ. Nó gần như trần truồng, da tái xám lại. Áo vén lên đến cổ, để hở cái bụng trương phồng. Hai cái chân nhỏ không không của nó đầy mụn lở. Tay nó luôn dưới hông trông thật kì lạ, tựa như nó muốn nâng người lên. Đầu nó hơi lệch về một bên.

- Ơn Chúa, thằng bé “đi” rồi. – Bà vừa nói vừa chải mớ tóc. – Tội nghiệp, nó tàn tật, sống thì làm gì được?

Ông tôi đến, chân giậm giậm như người nhảy múa. Ông thận trọng lấy ngón tay sờ vào cặp mắt đã nhắm nghiền của thằng bé. Bà giận dữ:

- Tay chưa rửa ráy gì cả mà sờ như thế à?

Ông lẩm bẩm:

- Thế đấy! Để nó ra... Nó sống, nó ăn chơi... Thế mà tự đứng...

- Ông tỉnh lại đi. – Bà ngắt lời ông.

Ông đỡ đầu nhìn bà rồi đi ra sân:

- Tôi không có tiền để chôn cất nó đâu, tùy ý bà muốn làm sao thì làm...

- Hừ! Đồ bất hạnh!

Tôi bỏ đi và mãi đến tận chiều mới về nhà.

Thằng Kolya được chôn vào sáng hôm sau. Tôi không đến nhà thờ và suốt cả buổi lễ ngồi cùng với con chó và bố thằng Yaz bên ngôi mộ đã được đào lên của mẹ. Bác đào cái huyệt ấy với giá rẻ và luôn miệng khoe chuyện đó với tôi.

- Chỗ quen biết đấy nhé! Nếu không phải trả một rúp đấy!...

Nhìn xuống huyệt đất vàng bốc lên một mùi ngọt ngào, tôi thấy những tấm ván đen ẩm ướt nằm ở một bên huyệt. Mỗi lần tôi cử động nhẹ, cát xung quanh huyệt lại đổ xuống, những dòng cát nhỏ chảy xuống tận đáy, để lại mấy đường rãnh trên thành. Tôi cố ý cựa quậy để cát phủ kín những tấm ván ấy.

- Đừng nghịch! – Bố thằng Yaz vừa hút thuốc vừa nói.

Bà tôi đến, ôm trên tay một chiếc quan tài nhỏ màu trắng. Lão “bần nông bần thủ” nhẩy xuống huyệt, đỡ chiếc quan tài và đặt nó nằm bên cạnh những tấm ván đen. Sau đó bác nhẩy khỏi huyệt, dùng cả chân lẫn xẻng hất cát xuống. Cái tẩu của bác bốc khói như bình hương. Ông bà tôi cũng lặng lẽ giúp bác. Không có cỗ đạo, cũng không có ăn mày, chỉ có bốn người chúng tôi giữa đám thánh giá dày đặc.

Khi đưa tiền cho bác canh nghĩa địa, bà tôi nói, vẻ trách móc:

- Dầu sao bác cũng đã động đến vong linh con Varya^[21] rồi đấy!

- Còn làm sao khác được? Như vậy mà tôi vẫn còn phải lấn sang phần đất của người khác rồi đấy. Nhưng không sao!

Bà tôi cúi rạp mình, chào ngôi mộ lần nữa rồi nức nở, than khóc. Sau đó bà bỏ đi. Ông theo sau bà, mắt che kín dưới lưỡi trai của chiếc mũ, tay xốc lại cái áo khoác ngoài đã sờn cũ.

- Chúng ta đã gieo hạt giống vào miếng đất hoang mất rồi. – Ông bỗng nói, rồi rảo bước lên trước như con quạ trên thửa ruộng đã cày.

Tôi hỏi bà:

- Ông nói gì thế, bà?

- Kệ ông! Ông có những ý nghĩ riêng của ông. – Bà đáp.

Trời rất nóng. Bà bước đi vẻ nặng nhọc. Chân bà lún xuống cát nóng. Bà liên tục dừng lại, lấy khăn lau mồ hôi trên mặt.

Tôi đánh bạo hỏi bà:

- Cái đen đen ở trong huyết có phải là quan tài của mẹ cháu không hở bà?

- Phải. – Bà bực bội trả lời. – Chó má thật... Chưa đầy một năm mà con bé Varya đã thôi rửa ra rồi! Đây là do cát nó thấm nước đấy mà. Gặp chỗ đất sét thì sẽ tốt biết bao...

- Ai cũng thôi rửa ạ?

- Ai cũng vậy. Chỉ trừ có thánh thôi...

- Bà không rửa ra đâu!

Bà dừng lại, sửa mũ lưỡi trai trên đầu tôi rồi nghiêm trang khuyên:

- Cháu đừng nghĩ đến chuyện ấy làm gì. Không nên, cháu nghe chưa?

Nhưng tôi nghĩ: “Cái chết thật là đáng giận và đáng ghét. Thật là ghê tởm!”

Và tôi thấy rất buồn.

Khi hai bà cháu về đến nhà thì ông đã kịp đun ấm nước sôi, dọn cốc chén lên bàn.

- Uống trà cái đã kéo trời bức quá. – Ông nói. – Tôi đã bỏ trà của tôi vào rồi. Đủ dùng cho cả ba.

Ông đến cạnh, vỗ vai bà:

- Thế nào, bà nó?

Bà tôi phẩy tay:

- Còn thế nào nữa?

- Như thế đấy! Chúa giận chúng ta nên tước đi hết phần này đến phần khác... Giá như gia đình ta sống đoàn tụ được như những ngón tay thì tốt biết bao...

Đã lâu ông ngoại không nói những câu hiền từ và dịu dàng như vậy. Tôi lắng nghe và mong ông sẽ dập tắt được nỗi đau xót của lòng tôi, giúp tôi quên được cái huyết màu vàng và những mảnh ván ẩm ướt, đen sì nằm một bên huyết.

Nhưng bà đã ngắt lời ông bằng giọng gay gắt:

- Thôi ông im đi! Suốt đời ông nói những câu ấy, nhưng có làm cho ai bớt đau khổ? Suốt đời, ông đã làm cho mọi người mòn mỏi như gỉ ăn mòn sắt...

Ông húng hắng ho, nhìn bà và yên lặng.

Buổi chiều, ở bên cổng, tôi buồn rầu kể lại cho Ludmilla những việc mà tôi đã chứng kiến ban sáng. Nhưng những chuyện đó không gây cho nó một ấn tượng gì đáng kể.

- Sống mồ côi thích hơn. Cha mẹ tớ mà chết đi là tớ để đưa em gái lại cho anh tớ, còn tớ sẽ đi tu suốt đời. Tớ còn đi đâu

được nữa? Lấy chồng không được, chân khập khiễng chẳng làm được việc gì. Mà lại còn đẻ ra những đứa con cũng thọt nữa chứ...

Nó nói một cách khôn ngoan giống như những bà ở phố chúng tôi, và có lẽ cũng vì thế mà từ buổi chiều hôm đó tôi mất hẳn cảm tình với nó. Hơn nữa, cuộc sống đã đi theo một chiều hướng khiến tôi càng ngày càng ít gặp đứa bạn gái ấy.

Vài ngày sau cái chết của đứa em tôi, ông ngoại bảo:

- Hôm nay cháu ngủ sớm hơn một chút. Mờ sáng ông sẽ đánh thức, ông cháu ta vào rừng kiếm củi...

- Tôi cũng kiếm ít lá thuốc. – Bà nói.

Khu rừng thông và bạch dương nằm trên một bãi lầy cách xóm khoảng ba *versta*^[22]. Khu rừng đầy rẫy những cây khô và cành gãy, một phía kéo dài đến sông Oka, phía kia đến tận con đường cái đi Moskva và còn trải sang cả bên kia đường nữa. Trên đỉnh đồi Savyolov lượn khúc, rừng thông nhô cao như một cái mái tròn đen sẫm.

Tất cả tài nguyên đều thuộc về công tước Shuvalov. Chúng được canh giữ rất lỏng lẻo. Đám tiểu thị dân ở Kunavino xem khu rừng đó như của riêng, đến kiếm củi, đẵn cây khô, không từ cả những cây còn sống. Mùa thu, từng tốp người tay cầm rìu, lưng thắt dây vào rừng kiếm củi dự trữ cho mùa đông.

Tờ mờ sáng, ba chúng tôi đi trên cánh đồng xanh lấp lánh sương mai bạc. Bên trái, phía bên kia sông Oka, mặt trời của nước Nga uể oải chậm chạp thức dậy giữa những đồi xanh của các vườn quả, những nóc tròn vàng óng của các nhà thờ, trên sườn núi “Chim gõ kiến” màu hung, trên thành phố Nizhny – Novgorod trắng xóa. Một làn gió ngái ngủ nhẹ nhàng thổi từ phía

dòng Oka êm đềm nước đục lơ lơ tới. Hoa mao lương vàng óng trĩu nặng sương mai khẽ lay động. Hoa chuông cánh màu tím thắm lặng nghiêng mình sát đất. Hoa cẩm chướng – “nàng tiên nữ ban đêm” – nở ra những ngôi sao hồng thắm...

Khu rừng tiến về phía chúng tôi như một đội quân màu sẫm. Những cây bạch dương giống các nàng thiếu nữ. Mùi chua chua của bãi lầy tràn khắp cánh đồng. Con chó đi cạnh tôi thè cái lưỡi hồng, dừng lại, ngửi ngửi, rồi lắc lư cái đầu cáo một cách bản khoăn.

Ông tôi mặc chiếc áo cộc của bà, đội mũ cát kết cũ không có lưỡi trai. Ông nheo mắt, mỉm cười một mình, bước rón rén với đôi chân nhỏ nhắn tựa kẻ ăn trộm. Bà tôi mặc áo cánh xanh lơ, váy đen, trùm khăn trên đầu. Bà lướt rất nhanh trên mặt đất, khó mà theo kịp bà.

Càng gần tới rừng ông càng hoạt bát. Ông vừa hít không khí vừa lẩm bẩm, lúc đầu còn đứt quãng, không rõ, sau cao hứng, ông nói với giọng vui vẻ, bay bướm:

- Rừng là vườn cây của Chúa. Không ai gieo chúng cả ngoài luồng gió của Chúa, hơi thở thiêng liêng từ miệng Người. Ngày xưa, ở vùng Zhiguli, khi ông còn trẻ và còn làm phu kéo thuyền... Chao ôi, Leksej, cháu sẽ không được thấy và chịu đựng những điều ông đã trải qua đâu! Dọc sông Oka suốt từ Kasimov đến Mouron toàn là rừng, phía bên kia sông Volga cũng là rừng kéo dài đến tận Ural, chà!... Tất cả những khu rừng ấy thật là bao la, vô cùng tuyệt diệu...

Bà liếc nhìn ông và nháy mắt với tôi. Ông vừa đi vừa vấp vào các mô đất, đều đều tuôn ra những lời khô khan mà tôi còn nhớ mãi:

- Bọn ông kéo một thuyền lớn chở bơ từ Saratov đến chợ phiên ở Makara. Trong bọn ông có một lão quản lí lùn tên Kyril ở Purekh và một phu trưởng người Tarta ở Kasimov hình như tên là Asaph thì phải. Tới Zhiguli thì những luồng gió mạnh tạt thẳng vào mặt. Bọn ông kiệt sức, đứng chết gí một chỗ, người lão đảo... Cả bọn bèn hò nhau lên bờ nấu cháo. Bấy giờ là vào hồi tháng Năm. Sông Volga rộng mênh mông như biển, sóng trên mặt sông đùa giỡn tựa hàng ngàn con thiên nga bồng bênh trên biển Caspian. Chìm trong sắc biếc của mùa xuân, rặng núi Zhiguli vươn thẳng lên cao. Trên bầu trời, những đám mây trắng nhớn như bay. Mặt trời như tưới vàng mặt đất. Bọn ông nghỉ ngơi, ngắm phong cảnh, mọi người trở nên thân thiện với nhau hơn. Dưới sông thì xám ngoét, giá lạnh, còn trên bờ thật ấm áp, dễ chịu. Đến chiều, lão Kyril của bọn ông – một tay đứng tuổi, vốn trầm tính – đứng lên, bỏ mũ ra và nói: “Anh em ơi, tôi không còn là thầy, cũng không còn là tớ của anh em nữa. Anh em hãy đi một mình, còn tôi, tôi vào rừng đây!” Bọn ông nhìn nhau, ngơ ngác. Giờ phải làm thế nào? Không thể không có người chịu trách nhiệm trước chủ được. Người mà bị mất đầu thì còn đi sao được? Tuy là sông Volga đây, nhưng trên con đường thẳng người ta cũng vẫn có thể lạc. Trong một số hoàn cảnh nhất định, con người ta bỗng hóa loài thú dữ không có lương tri, không biết nể nang gì cả. Bọn ông hoảng lên. Còn lão Kyril thì vẫn khẳng khẳng: “Tôi không muốn sống mãi cuộc đời làm kẻ chẵn dất anh em đâu. Tôi vào rừng đây!” Trong bọn ông, một số toan đánh và trói lão ta, một số thì suy nghĩ cho lão nên kêu lên: “Khoan đã!” Vừa lúc ấy, lão phu trưởng người Tarta cũng la: “Tôi bỏ đi đây!” Thật là tai vạ. Lão Tarta này đã hai mùa đánh cá bị chủ quỵt tiền công rồi, lần này đang giữa mùa thứ ba. Số tiền ấy to lắm. Bọn ông la hét mãi, la hét đến tận tối

mật. Đến đêm thì có bảy người bỏ đi, bọn ông còn lại chừng mười sáu hay mười bốn người gì đó. Đấy, rừng như thế đấy!...

- Họ đi làm kẻ cướp cả hả ông?

- Có thể là kẻ cướp, mà cũng có thể là ẩn sĩ. Hồi đó người ta cũng không chú ý đến những việc này lắm.

Bà tôi làm dấu.

- Lạy Đức Mẹ Rất Thánh! Cứ nghĩ về con người bao nhiêu lại thấy thương cho họ bấy nhiêu.

- Người nào cũng có trí khôn cả, phải tự biết được ma quỷ muốn lôi cuốn mình về phía nào...

Chúng tôi tiến vào rừng trên một con đường mòn ướt át, giữa những đám rừng thưa lầy lội và những cây thông xơ xác. Tôi nghĩ bụng, cứ đi mãi trong rừng như bác Kyril ở Purekh chắc là thú vị lắm. Trong rừng không có những kẻ ba hoa, những cuộc gây gổ, những cảnh say rượu. Ở đây tôi sẽ quên được cái tính keo cú đáng ghét của ông tôi, quên được ngôi mộ cát của mẹ tôi, quên được tất cả những điều đã làm tôi đau khổ, đã đè nén trái tim tôi bằng nỗi buồn thảm nặng nề.

Đến chỗ đất khô, bà tôi nói:

- Phải ăn cái đã, ngồi xuống đây!

Trong cái lẵng của bà có đủ các món: bánh mì đen, hành tươi, dưa chuột, muối và pho mát tươi. Ông tôi nhìn các thứ đó một cách ngượng nghịu và nhấp nháy mắt:

- Ôi, tôi chẳng mang cái gì đi ăn cả, bà nó ơi...

- Đủ cho cả ba người đấy...

Chúng tôi ngồi dựa vào thân một cây thông màu đồng thặng

đứng. Không khí tràn ngập mùi nhựa cây. Một làn gió nhẹ từ đồng nội thổi tới. Đám cây mọc tặc lay động. Bà tôi đưa bàn tay đen sạm ra ngắt đám cỏ lá và kể tôi nghe về tác dụng chữa bệnh của cây ban, cây hoắc dương, cây mã đề, về hiệu lực màu nhiệm của cây dương xỉ, cây liễu diệp, cây “cỏ bay”.

Ông tôi dẫn những cây khô và tôi phải mang xếp vào một chỗ. Nhưng tôi lén bỏ vào rừng theo bà. Bà nhẹ nhàng bơi giữa đám thân cây to lớn, luôn cúi xuống mặt đất phủ đầy lá thông nhọn. Bà vừa đi vừa nói một mình:

- Năm *opyata* mọc sớm thì lại chẳng có mấy! Chúa ơi, Chúa còn thiếu chăm sóc đến kẻ nghèo khó. Đối với kẻ nghèo thì chút nấm cũng là thức ăn ngon lành rồi!

Tôi im lặng, rón rén đi sau bà, cố không khiến bà để ý đến tôi. Tôi không muốn ngăn trở bà nói chuyện với Chúa, với cỏ cây, với ếch nhái...

Nhưng bà đã trông thấy tôi:

- Chạy trốn ông đây à?

Và vừa cúi chào mặt đất đen đang khoác áo lễ xanh lộng lẫy, bà vừa kể chuyện ngày xưa có lần Chúa giận loài người, bèn đổ nước ngập mặt đất, làm mọi sinh vật chết đuối.

Nhưng Đức Mẹ nhân từ đã thu nhặt trước các hạt giống, cho vào lãng và giấu đi. Sau đó Đức Mẹ yêu cầu mặt trời: “Người hãy sưởi khô mặt đất đi, loài người sẽ ca tụng Người vì công ơn đó!” Mặt trời liền sưởi khô trái đất. Đức Mẹ đem gieo những hạt giống đã giấu. Chúa nhìn xuống, thấy trên mặt đất lại đầy rẫy sinh vật: cỏ cây, muông thú, con người... Chúa phán hỏi: “Ai là kẻ đã cưỡng lại ý ta?” Bấy giờ Đức Mẹ thú lỗi với Chúa. Chính Chúa lúc ấy cũng hối tiếc vì thấy mặt đất trở trụi quá, Chúa nói

với Đức Mẹ rằng: “Người làm như vậy thật là tốt!”

Câu chuyện làm tôi rất thích. Nhưng ngạc nhiên quá, tôi nghiêm trang hỏi lại:

- Có thật như vậy không bà? Sau thời Đại hồng thủy lâu lắm Đức Mẹ mới sinh ra cơ mà?

Bây giờ đến lượt bà tôi kinh ngạc.

- Ai nói với cháu như vậy?

- Ở trường, trong các sách đều có nói...

Câu trả lời đó làm bà yên lòng, bà khuyên tôi:

- Cháu đừng có nhớ mấy cái đó làm gì. Sách vở nói lão tuốt. Sách với vở!

Và bà tủm tỉm cười vui vẻ.

- Cái bọn ngu ngốc ấy thật khéo là bịa chuyện! Có Chúa mà lại không có mẹ Chúa, hừ! Thế thì Chúa do ai sinh ra?

- Cháu không biết.

- Quý chữa! Học được đến cái “cháu không biết” cơ à?

- Ông cố đạo nói rằng Đức Mẹ là con của Joachim và Anna.

Bà tôi nổi cáu. Bà đứng trước tôi, nghiêm khắc nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Nếu mày còn nghĩ như vậy, tao sẽ dân cho một trận đấy!

Nhưng sau một lát bà lại giải thích:

- Đức Mẹ hằng có đời đời, có trước cả muôn loài... Chúa do Đức Mẹ sinh ra, sau đó...

- Thế còn Chúa Jesus thì ai sinh ra?

Bà tôi lúng túng, nhắm mắt lại và im lặng.

- Chúa Jesus do ai sinh ra à...?

Tôi thấy rằng mình đã thắng, đã làm được bà rồi trí về những điều bí ẩn của các vị Chúa, nhưng tôi không cảm thấy thích thú với việc đó.

Chúng tôi mỗi lúc một đi sâu vào rừng, giữa bóng tối mờ mờ xanh có những tia nắng vàng chói của mặt trời xuyên qua. Trong bầu không khí ẩm cúng của khu rừng có những tiếng rì rào đặc biệt, đầy mơ màng như tiếng thở dịu dàng, kêu gọi bao niềm mơ ước. Chim mỏ chéo kêu ken két, chim sẻ ngô hót lạnh lạnh, chim cu cu cười, chim vàng anh huýt sáo, tiếng hót ghen tuông của chim mai hoa ngân lên không ngừng, chim ác là – một giống kì lạ – hót trầm ngâm. Những con nhái con lóng lánh như ngọc bích nhảy dưới chân. Giữa mấy cái rễ cây, một chàng rắn nước nằm ngóc cái đầu vàng óng lên rình lũ nhái. Một chú sóc kêu lách tách, cái đuôi xù lông tơ thấp thoáng giữa những cành thông. Tôi thấy được bao nhiêu là cảnh tượng, nhưng vẫn còn muốn thấy nhiều hơn nữa, muốn đi xa hơn nữa.

Giữa những thân cây thông, mấy bóng người to lớn trong suốt và lung linh hiện ra rồi lại biến mất trong đám lá xanh rậm rạp. Qua tấm màn xanh, hé ra một mảnh trời xanh lơ trắng bạc. Đám rêu dưới chân trông tựa một tấm thảm lộng lẫy, thêu bằng những bụi việt quất nhỏ và dây leo khô. Những quả hạch lấp lánh trong các bụi cỏ như những giọt máu. Mùi nấm sực nức như cố ý chọc tức người ta.

- Đức Mẹ Rất Thánh, Người là ánh sáng trong lành của trái đất. – Bà thở dài cầu nguyện.

Ở trong rừng, bà giống như một bà chủ, một người thân

thích của mọi cảnh vật xung quanh. Bà bước đường hoàng^[23], trông thấy hết mọi sự, ngợi khen và cảm ơn mọi thứ. Người bà như toát ra hơi ấm tràn khắp khu rừng. Tôi thích nhất khi trông thấy những đám rêu bị chân bà giẫm nhàu trở lại phẳng phiu, vươn lên như cũ.

Tôi vừa đi vừa nghĩ: “Làm một tên tướng cướp thật là khoái. Cứ cướp hết của bọn giàu có tham lam rồi đem phân phát đồ cướp được cho người nghèo; thế là mọi người đều được sống no nê, vui vẻ, không ghen ghét nhau, không cắn xé nhau như những con chó dữ. Và cũng tốt nếu đi được đến tận bên Chúa và Đức Mẹ của bà tôi để kể mọi sự thật về cuộc sống vô cùng khổ sở của con người, về việc họ chôn cất nhau một cách thật tủi nhục dưới những lớp cát bẩn thỉu. Còn biết bao điều tủi nhục trên mặt đất, những điều hoàn toàn chẳng cần thiết. Nếu Đức Mẹ tin tôi, Người hãy ban cho tôi trí tuệ để có thể xếp đặt mọi công việc theo cách khác cho tốt hơn lên. Hãy khiến mọi người tin và nghe tôi, tôi sẽ tìm ra được con đường giúp họ sống tốt hơn. Tôi tuy còn nhỏ đấy nhưng cũng chẳng sao. Chúa Jesus chỉ hơn tôi có một tuổi, vậy mà lúc đó mọi nhà hiền triết đều đã chẳng nghe lời Người đó sao?”

Một lần, đang say sưa với những suy nghĩ, tôi ngã lăn xuống một hố sâu, gáy toạc da và một bên hông bị rễ cây cào xước. Ngồi dưới đáy hố trong đám bùn lạnh dính nhớp nháp như nhựa, tôi không thể leo lên được, tôi xấu hổ quá. Mà kêu la khiến bà phải sợ hãi thì thật là không nên. Nhưng rồi tôi cũng phải gọi bà.

Bà lôi mạnh tôi khỏi hố rồi làm dấu và nói:

- Lạy Chúa tôi! Cũng may mà hang gấu trống không, chứ nếu chủ nó nằm nhà thì chết.

Bà dở cười dở khóc. Sau đó bà dẫn tôi ra suối rửa ráy, lấy áo cánh của bà buộc các vết thương sau khi đặt vào đấy mấy mớ lá để làm dịu cơn đau. Rồi bà dẫn tôi đến chòi canh bên đường ray xe lửa, vì tôi mệt quá, không thể đi về nhà được.

Từ đó, hầu như ngày nào tôi cũng năn nỉ bà:

- Bà ơi, vào rừng đi!

Bà luôn sẵn sàng đồng ý ngay. Chúng tôi sống như vậy suốt mùa hè cho đến cuối thu, chuyên đi hái lá thuốc, quả, nấm và hồ đào. Bà mang bán những thứ hái được và hai bà cháu sống bằng số tiền kiếm được.

- Quân ăn bám!

Ông tôi hay rít lên như vậy, tuy chúng tôi hoàn toàn không đụng đến bánh mì của ông.

Rừng cây mang đến cho tôi cảm giác thư thái và ấm cúng. Tôi quên hết mọi nỗi buồn rầu, mọi điều bực dọc, đồng thời trong tôi nảy sinh sự nhạy cảm đặc biệt: Thính giác và thị giác sắc bén hơn, trí nhớ tinh tế hơn và sức thấu nhận các ấn tượng cũng sâu sắc hơn.

Bà tôi ngày càng khiến tôi ngạc nhiên. Tôi đã quen coi bà là người vượt lên trên tất cả mọi người, người hiền từ nhất và thông minh nhất đời, và bà vẫn không ngừng củng cố thêm lòng tin đó. Một lần, vào buổi chiều, sau khi hái xong mớ nấm trắng, chúng tôi trở về nhà. Ra tới cửa rừng, bà ngồi nghỉ, còn tôi thì đi lùnh sau đám cây xem còn nấm nữa không.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy giọng nói của bà. Nhìn ra, tôi thấy bà ngồi trên con đường mòn, bình tĩnh cắt rễ nấm. Cạnh bà là một con chó xám, gầy guộc, đứng thè lưỡi.

- Mày đi đi, đi nơi khác đi. – Bà nói. – Cút đi!

Cách đó không lâu, Valyok đã đánh bả chết con chó của tôi, nên tôi rất muốn nhận nuôi con chó này. Tôi liền chạy ra đường mòn. Con chó cong lưng lại một cách kì lạ. Không ngoái cổ, nó nhìn tôi bằng cặp mắt xanh háu đói rồi cụp đuôi nhảy vào rừng. Điều bộ của nó không giống các con chó thông thường. Khi tôi huýt sáo, nó nhảy xộc vào bụi rậm.

- Thấy chưa? – Bà mỉm cười, hỏi tôi. – Thoạt đầu mới trông thấy, bà nghĩ nó là chó, nhưng nhìn kĩ thì thấy rằng nanh chó sói, cả cổ cũng vậy. Bà sợ quá. Bà bảo: “Thôi được, nếu mày là chó sói thì đi nơi khác đi!” Cũng may mà mùa hè chó sói còn hiền đây...

Bà không bao giờ lạc trong rừng, bao giờ bà cũng tìm được đường về nhà. Ở một chỗ nhất định, qua mùi cỏ, bà xác định được có loại nấm nào mọc và bà hay đổ tôi:

- Nấm sữa hay mọc dưới cây nào? Cháu làm thế nào để phân biệt nấm russell lành với nấm độc? Loại nấm nào thích cây dương xỉ?

Dựa theo những vết xước khó thấy trên vỏ cây, bà chỉ cho tôi các hốc sóc ở. Tôi leo lên cây và khoắng sạch tổ của chúng, lấy hết những hạt hồ đào dự trữ cho mùa đông. Có khi tôi lấy được mười funt^[24] trong một hốc...

Một lần, tôi đang làm công việc đó thì một người đi săn đã tương vào sườn phải của tôi hai mươi bảy viên đạn chì săn chim dễ. Bà lấy kim khâu ra được mười một viên: Những viên còn lại cứ nằm lì trong da nhiều năm, rồi cũng dần dần thòi ra.

Bà rất hài lòng khi thấy tôi nhẫn nại chịu đau.

- Cừ lắm. – Bà tôi nói. – Có kiên trì khắc có bản lĩnh.

Mỗi khi bán nấm và hồ đào dành dụm được ít tiền, bà lại phân phát số tiền đó trên các bụi cửa sổ để “bố thí kín đáo”, còn chính bà mặc áo rách đầy mụn vá cả trong những ngày lễ.

- Bà ăn mặc tồi tệ hơn cả ăn mày, làm xấu hổ cả tôi. – Ông ngoại càu nhàu.

- Không sao! Tôi chẳng phải con gái ông, mà cũng không phải thiếu nữ đến tuổi lấy chồng.

Những cuộc cãi cọ giữa ông bà mỗi ngày mỗi thường xuyên.

- Tôi không nhiều tội hơn kẻ khác nhưng lại bị trừng phạt nhiều hơn thế này đây! – Ông tức giận kêu lên.

Bà nhạo ông:

- Ma quỷ chúng biết thừa kẻ nào đáng tội gì.

Và bà nói riêng với tôi:

- Lão sợ ma quỷ lắm! Ông cháu già nhanh quá, chỉ vì sợ... Thật tội nghiệp...

Suốt mùa hè tôi khỏe hẳn ra và thường sống cô độc trong rừng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của lũ bạn cùng lứa, đến Ludmilla nữa – đối với tôi, nó có vẻ khôn ngoan một cách vô vị...

Một hôm, ông tôi từ thành phố trở về, khắp người ướt đẫm – trời đã sang thu, mưa rơi tầm tã – ông đứng ở ngưỡng cửa giũ quần áo như một con chim sẻ và trịnh trọng nói:

- Này, ôn con, mai sửa soạn đi nhậm chức nhé!

- Còn đi đâu nữa? – Bà giận dữ hỏi.

- Đến ở với thằng con của mẹ Matryona, em gái bà ấy...

- Chao ôi, ông ơi, ông tính sai mất rồi!

- Thôi im đi, mụ ngốc! Có thể người ta sẽ dạy dỗ nó thành thợ vẽ đấy!

Bà cúi đầu yên lặng.

Buổi chiều, tôi nói cho Ludmilla biết rằng tôi sẽ ra tỉnh sống.

- Tớ cũng sắp bị đưa ra ngoài ấy đấy. – Nó đăm chiêu. – Bố tớ muốn người ta cắt hẳn chân tớ đi. Không có chân, tớ sẽ khỏe lên...

Mùa hè qua nó gầy hẳn đi. Da mặt xanh nhợt, mắt to hơn.

- Có sợ không? – Tôi hỏi.

- Sợ chứ! – Nó nói và khóc nức lên không thành tiếng.

Tôi chẳng biết an ủi nó bằng cách nào vì chính tôi cũng sợ cuộc sống thành thị. Chúng tôi ngồi sát vào nhau rất lâu trong bầu không khí lạnh lẽ âm thầm.

Nếu là mùa hè thì tôi đã rủ bà đi ăn xin như bà đã từng đi hồi còn nhỏ, chúng tôi có thể mang Ludmilla theo và tôi sẽ kéo nó trên một chiếc xe con...

Nhưng bây giờ đang là mùa thu. Gió ẩm ướt thổi trên đường phố. Bầu trời luôn bị mây che phủ. Mặt đất thì nhẵn nheo và trở nên bẩn thỉu, buồn tẻ quá chừng...

Tôi lại ra tỉnh ở, trong một ngôi nhà hai tầng quét vôi trắng giống như một chiếc quan tài chung cho rất nhiều người. Nhà thì mới nhưng trông có vẻ ọp ẹp, sừng húp như một người ăn mày bỗng dưng giàu có và vội vã nhồi nhét đến phát phì. Ngôi nhà đứng quay sườn ra phố. Mỗi tầng có tám cửa sổ, còn mặt tiền thì có bốn. Cửa sổ các tầng dưới trông ra sân và một ngõ hẹp. Cửa sổ tầng trên thì trông qua hàng rào sang căn nhà nhỏ của một mục thợ giặt và một cái rãnh bẩn thỉu.

Không có phố nào cho ra phố. Một cái rãnh bẩn thỉu chạy dài trước nhà, có hai tấm ván hẹp bắc ngang. Bên trái cái rãnh dẫn đến một nhà giam của quân đội. Rác rưởi của mọi nhà đều mang đổ xuống đây; dưới đáy rãnh là một vũng bùn xanh thẫm đặc sệt. Bên phải, phía cuối rãnh, đầm Zvezdin đặc bùn bốc mùi chua chua. Lòng rãnh vừa đúng đối diện ngôi nhà. Một nửa bên này ngập rác rưởi, mọc đầy cây gai, cây ngưư bàng, cây chua me ngựa. Nửa bên kia, linh mục Dorimedont Pokrovski sửa sang thành một khu vườn. Trong vườn dựng một căn nhà hóng mát làm bằng phen mỏng sơn xanh. Nếu liệng vài hòn đá to vào căn nhà, những tấm phen sẽ toạc ra, kêu bùng bực.

Chỗ tôi ở buồn tẻ và bẩn thỉu kinh khủng. Mùa thu làm biến dạng mặt đất sét đầy rác rưởi thành một lớp nhựa vàng khè dính lầy nhầy lấy chân. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều bùn như vậy trong một khoảng không gian nhỏ chừng ấy! Vốn quen với sự sạch sẽ của đồng ruộng, rừng cây, cái góc này của thành phố gây cho tôi nỗi buồn nhớ và chán ghét.

Phía bên kia rãnh là những dãy hàng rào xám cũ thối nát nối nhau chạy dài. Xa xa, giữa đám hàng rào, tôi trông thấy ngôi nhà nhỏ màu nâu xám mà tôi đã sống ở đây dạo mùa đông, khi còn làm thằng nhỏ đứng coi hàng cho cửa hiệu, sống gần ngôi nhà ấy càng khiến tôi thấy nặng nề. Tại sao tôi lại phải sống ở khu phố này một lần nữa?

Tôi đã biết người chủ của tôi từ trước. Cậu ấy thường đến thăm mẹ tôi cùng với em trai cậu, người hay kêu the thé một cách buồn cười:

- Bố Andrej, bố Andrej!

Cả hai cậu trông vẫn như xưa: Cậu anh mũi khoằm, tóc dài, người trông dễ thương và có vẻ tốt bụng, cậu em Viktor vẫn nguyên bộ mặt ngựa đày tàn hương như trước kia. Mẹ của họ, tức là em gái của bà ngoại tôi, là một người bản tính và hay la hét. Cậu anh đã có vợ. Vợ cậu trông rất diêm dúa, trắng như bột mì. Vợ có cặp mắt to màu huyền.

Ngay những ngày đầu, vợ đã hai lần bảo tôi:

- Tao đã tặng cho mẹ mày một cái áo dài lụa ngắn tay có đính hạt cườm...

Không hiểu sao tôi không muốn tin rằng vợ đã tặng và mẹ tôi đã nhận món quà đó. Khi thấy vợ nhắc lại về cái áo đó, tôi bèn khuyên vợ:

- Đã tặng rồi thì đừng có khoe khoang.

Mợ sợ hãi nhảy lùi lại, cách xa tôi.

- Sao? Mày nói với ai đấy?

Mặt mợ nổi những đốm đỏ, mắt trợn lên, mợ gọi chồng lại. Người chồng bước vào bếp, tay cầm *compa*, bút chì giắt trên tai,

lắng nghe vợ nói rồi bảo tôi:

- Phải xưng hô với mẹ và với mọi người cho tử tế. Không được xúc phạm!

Sau đó, cậu sốt ruột bảo vợ:

- Em đừng có quấy rầy anh với những chuyện vợ vẫn như vậy!

- Sao, chuyện vợ vẫn à? Nếu thằng cháu họ của anh...

- Quý bắt nó đi, họ với hàng! – Cậu la lên và chạy mất.

Tôi cũng không thích cho những người đó là họ hàng với bà tôi. Theo quan sát của tôi thì người trong họ đối đãi với nhau còn tồi hơn người dưng nước lã. Họ biết những chuyện xấu và lỗi bịch của nhau nhiều hơn người ngoài, và họ càng đặt điều cho nhau một cách thâm độc hơn, càng năng cãi nhau và đánh nhau.

Tôi thấy mến cậu chủ. Cậu có kiểu hất tóc rất điệu nghệ, rồi giắt ra sau mang tai, khiến tôi thấy cậu có nét gì giống như bác Tốt Lắm^[25]. Cậu hay cười vẻ khoái chí; cặp mắt xám nhìn thật hiền hậu; những nếp nhăn nhỏ nhỏ hằn lên hai bên cái mũi khoằm rộng trông thật ngộ nghĩnh.

- Đồ quý^[26], cãi nhau thế là đủ rồi đây! – Cậu nói với vợ và mẹ, để lộ hàm răng nhỏ và sít qua nụ cười dịu dàng.

Mẹ chồng và con dâu chửi nhau hằng ngày. Tôi lấy làm lạ thấy họ cãi nhau quá dễ dàng và nhanh chóng. Từ sáng sớm, khi cả hai còn chưa kịp chải đầu, cài áo, họ đã bắt đầu lồng lộn lên trong phòng như nhà bị cháy. Họ chạy ngược chạy xuôi suốt ngày, chỉ nghỉ khi ngồi vào bàn ăn trưa, uống trà chiều và ăn tối. Họ ăn, họ uống nhiều đến nỗi say túy lúy và mệt phờ.

Trong bữa ăn, họ bàn tán về các món ăn, uể oải nói kháy nhau để chuẩn bị cho cuộc cãi vã sắp tới. Dù cho mẹ chồng cố nấu nướng thế nào, nàng dâu cũng cứ nói:

- Mẹ tôi không làm như thế này đâu.
- Không làm như thế thì chỉ có tôi hơn thôi!
- Không, hơn chứ!
- Thế thì xéo về với mẹ mày mà ở.
- Tôi là chủ nhà ở đây!
- Thế còn tao thì là cái gì?

Cậu chủ xen vào:

- Thôi đủ rồi, đồ quý! Các người điên cả rồi hay sao?

Mọi việc trong nhà đều lạ lùng và buồn cười hết sức. Lối từ bếp vào phòng ăn xuyên qua cái chuồng xí độc nhất trong nhà, vừa nhỏ vừa hẹp, người ta phải đi qua đó để mang ấm *samovar* và các món vào phòng ăn. Cái chuồng xí này là đề tài của các trò đùa vui nhộn và nguyên nhân của những sự hiểu lầm tức cười. Tôi có nhiệm vụ đổ đầy nước vào cái thùng trong chuồng xí. Tôi ngủ trong bếp, đối diện với cửa chuồng xí và cạnh cái cửa dẫn ra bậc hiên chính. Đầu tôi thì nóng vì cái bếp lò, chân thì bị gió lạnh ngoài hiên lùa vào. Khi ngủ, tôi nhặt nhanh các miếng thảm chùi chân và đắp lên chân.

Trong phòng khách lớn có hai tấm gương treo trên bức tường giữa các cửa sổ, mấy bức tranh được giải thưởng trong Niva^[27] lồng khung thiếp vàng, hai bàn đánh bài và một tá ghế mây kiểu Vienna. Gian phòng hoang vắng và buồn tẻ. Phòng khách nhỏ thì chật ních mấy thứ đồ gỗ linh tinh có đệm, những cái giá hình tháp chất “của hồi môn”, một số đồ dùng bằng bạc,

âm chén trà. Ba cái đèn lớn nhỏ khác nhau tô điểm cho căn phòng. Phòng ngủ tối om không có cửa sổ, ngoài chiếc giường rộng còn có hòm xiểng và tủ đứng tỏa mùi thuốc lá và mùi hoa cúc Ba Tư. Ba căn phòng đó luôn luôn bỏ trống, còn chủ nhà thì chen chúc trong gian phòng ăn nhỏ bé, người nọ vướng người kia. Khoảng tám giờ, ngay sau bữa trà sáng, hai người cậu kéo bàn rộng ra và bày lên trên những tờ giấy trắng, hộp đồ vẽ, bút chì, đĩa mực đen rồi bắt đầu làm việc, mỗi người ngồi một đầu bàn, đối diện nhau. Chiếc bàn cập kênh, choán cả căn phòng. Vì vậy, mỗi khi mụ vú nuôi và mợ chủ đi từ buồng trẻ ra, họ lại vướng phải các cạnh bàn.

- Đừng có quanh quẩn ở đây! – Cậu Viktor kêu lên.

Mợ chủ tức giận bảo chồng:

- Vasya^[28], anh phải bảo cậu ấy đừng có mà quát mắng tôi như vậy!

- Nhưng em đừng có làm rung bàn. – Cậu chủ dàn hòa, ôn tồn khuyên vợ.

- Em bụng mang dạ chửa, mà ở đây thì chật chội...

- Thôi được, chúng tôi sẽ vào phòng lớn làm việc.

Nhưng mợ chủ tức giận kêu lên:

- Trời ơi, có ai làm việc trong phòng khách lớn bao giờ?

Từ sau cánh cửa chuồng xí lộ ra bộ mặt tức tối, nóng đỏ vì lửa bếp của bà lão Matryona Ivanovna. Bà ta kêu lên:

- Đấy, Vasya, con thử nhìn xem: Con làm việc, còn nó thì rặn đẽ trong cả bốn phòng vẫn chưa đủ. Cứ như bà chúa ấy, mà nào có giỏi giang gì...

Cậu Viktor cười một cách thâm độc, còn cậu chủ thì quát:

- Thôi, đủ rồi!

Nhưng người con dâu sau khi đã trút như thác đổ lên đầu mẹ chồng những lời lẽ văn vẻ cay độc nhất, bèn lăn ra ghế, rên rỉ:

- Tôi sẽ đi đây! Tôi chết mất thôi!

- Yên cho tôi làm việc, quý bắt các người đi! – Cậu chủ quát tướng, mặt tái đi vì cố sức. – Thật là một cái nhà thương điên. Chính vì để nuôi các người mà tôi phải làm việc đến gãy lưng ra đây! Chao ôi, đồ quý!...

Thoạt đầu những cuộc cãi cọ ấy khiến tôi sợ. Tôi hãi nhất hôm mợ chủ túm lấy con dao ăn và chạy vào chuồng xí. Mợ khóa trái cửa, gào khóc dữ dội trong đó. Trong nhà lặng đi một phút, rồi cậu chủ tì hai tay vào cánh cửa, cúi khom xuống và quát tôi:

- Trèo lên lưng tao đập vỡ kính rồi nhắc cái móc ra!

Tôi vội nhảy phắt lên lưng cậu, đập vỡ tấm kính trên cửa. Nhưng khi tôi định cúi người vào trong thì mợ chủ liền lấy chuôi dao cứ thế gõ vào đầu tôi một thoi. Dầu sao tôi cũng mở được cửa và cậu tôi phải trầy trật lắm mới kéo được vợ ra phòng ăn và tước con dao. Ngồi trong bếp xoa bóp chỗ bị đánh vào đầu, tôi đoán ngay ra rằng mình đã uống công chịu đau: Con dao cùn đến nỗi cắt bánh mì còn khó thì cửa cổ thế nào được? Tôi không cần phải nhảy lên lưng cậu chủ làm gì. Đứng trên ghế tôi cũng có thể đập vỡ tấm kính ra rồi. Và cuối cùng, tốt nhất là để cho người lớn mở khóa vì tay của họ dài hơn! Sau câu chuyện đó, những cuộc cãi cọ trong nhà không còn làm tôi sợ hãi nữa.

Cả hai cậu cùng hát trong đội đồng ca của nhà thờ. Có khi đang làm việc, họ cất tiếng khe khẽ hát, cậu anh mở đầu, giọng

hơi trầm:

*Tôi đã đánh rơi xuống biển,
Chiếc nhẫn của người trinh nữ...^[29]*

Cậu em tiếp, giọng nam cao:

*Và cùng với chiếc nhẫn của nàng,
Tôi đã mất cả hạnh phúc trần gian.*

Từ trong phòng trẻ vắng ra tiếng kêu khẽ của mợ chủ:

- Các người điên đấy à? Thằng bé đang ngủ...

Hoặc:

- Vasya, anh đã có vợ rồi, có thể không cần hát về những nàng trinh nữ nữa, hát để làm gì mới được chứ? Mà bây giờ cũng sắp chuông chầu rồi...

- Thế thì bọn tôi hát một bài thánh ca vậy...

Nhưng mợ chủ khuyên rằng nói chung không nên hát thánh ca ở bất cứ chỗ nào, nhất là... – và mợ chỉ tay một cách hùng hồn về cái cửa nhỏ.

- Phải đổi phòng mới được. Không thì tôi đến điên lên mất! – Cậu chủ nói.

Cậu cũng nói không ít về việc phải đổi bàn, nhưng cậu cứ nói như vậy suốt hơn ba năm trời.

Nghe những câu chuyện của nhà chủ bàn về người đời, tôi luôn liên tưởng tới cửa hiệu giày, ở đây người ta cũng hay nói đến những chuyện như vậy. Tôi thấy rõ rằng những người chủ này của tôi cũng tự cho mình là những công dân ưu việt nhất trong thành phố. Họ biết những phép cư xử đúng đắn nhất và dựa trên những phép tắc mù mờ đối với tôi đó mà kết tội mọi

người một cách tàn nhẫn, không thương tiếc. Sự kết tội đó khiến tôi bực điên người và cứ muốn chống đối các mệnh lệnh của nhà chủ. Với tôi, phá vỡ những luật lệ ấy là một nguồn thích thú.

Công việc của tôi rất nhiều: Tôi phải làm nhiệm vụ của con sen, thứ Tư lau sàn bếp, đánh ấm *samovar* và các đồ đồng, thứ Bảy lau sàn cả nhà và hai cái cầu thang. Tôi chẻ củi rồi mang đến các bếp lò, rửa bát đĩa, nhặt rau, đi chợ với vợ chủ, xách giỏ thức ăn theo sau, chạy đi mua hàng lặt vặt, mua thuốc...

Người cai quản tôi sát sao nhất là em gái của bà ngoại – bà già hay làm âm ỉ, lúc nào cũng nổi giận. Bà ta dậy sớm, vào khoảng sáu giờ sáng. Sau khi rửa mặt rất nhanh, mặc độc chiếc áo cánh, bà quỳ trước tượng Chúa và than thở rất lâu với Chúa về cuộc đời của mình, về con cái, nàng dâu.

- Lạy Chúa! – Bà nheo ngào thốt lên, chụm ngón tay áp vào trán. – Lạy Chúa, con không cầu xin gì cả, con không cần gì cả. Chỉ xin Chúa cho con được nghỉ ngơi. Chúa hãy ban phước lành cho con!

Những tiếng kêu cầu của bà làm tôi tỉnh giấc. Tôi nằm trong chăn, nhìn ra và sợ hãi lắng nghe những lời cầu nguyện sôi nổi đó. Buổi sáng mùa thu lơ mờ hiện trên những tấm kính dầm nước mưa của ô cửa sổ nhà bếp. Trong bóng tối mờ mờ lạnh lẽo, một bóng xám lác lư trên sàn, vẫy vẫy bàn tay một cách lo lắng. Phía dưới chiếc khăn vuông đã xoắn, vài mớ tóc nhạt màu từ trên mái đầu nhỏ xõa xuống cổ và vai. Chiếc khăn mỗi lúc một tụt khỏi đầu. Bà già đưa tay trái lên sửa vội khăn, miệng lẩm bẩm:

- Ma quỷ xé xác mày ra!

Bà run rẩy đập vào trán, vào bụng và hai vai rồi rít lên:

- Xin Chúa hãy vì con mà trừng phạt đứa con dâu. Chúa hãy trút cho nó tất cả mọi nỗi bức tức của con. Xin Chúa hãy mở mắt cho đứa con trai của con, cho đứa con dâu và cho cả thằng Viktoruska^[30] nữa! Lạy Chúa, Chúa hãy giúp thằng Viktoruska, ban phước lành cho nó.

Viktoruska đang nằm ngủ trên gác lửng cạnh lò sưởi trong bếp. Bị đánh thức bởi tiếng rên rĩ của mẹ, cậu ta quát lên bằng giọng ngái ngủ:

- Mới bảnh mắt ra mẹ đã bù lu bù loa lên rồi! Thật là khôn khổ!

- Thôi được, thôi được, ngủ đi. – Bà già thì thào vẻ hối lỗi. Bà im lặng lắng lư một hai phút rồi bỗng lại kêu lên, giọng đầy thù hằn. – Làm sao cho chúng đau nhức khắp trong xương, không nhà không cửa, lạy Chúa...

Ngay đến ông ngoại tôi cũng không cầu nguyện kinh khủng đến thế.

Cầu nguyện xong, bà đánh thức tôi:

- Dậy đi thôi. Nuôi mày có phải là để nằm ườn ra đấy đâu!... Đi đặt ấm *samovar*, mang củi vào. Hôm qua không chẻ đóm rồi phải không? Hừ!

Tôi cố gắng làm thật nhanh mọi công việc để khỏi phải nghe những tiếng léo nhéo của bà già, nhưng không thể nào làm bà vừa ý được. Bà lồng lên trong bếp như một cơn bão tuyết, vừa gầm rống vừa kêu rít:

- Khẽ chứ, thằng quỷ sứ! Mày mà làm cậu Viktoruska thức giấc thì tao sẽ cho mày một trận! Chạy ra hiệu...

Ngày thường, họ mua cho vợ chủ hai funt bánh mì trắng và hai kopek bánh mì loại rẻ tiền để dùng cho bữa trà sáng. Khi tôi mang bánh về, hai người đàn bà ngắm nghía miếng bánh với vẻ nghi ngờ, cầm trên lòng bàn tay, ướm cân thử rồi hỏi:

- Còn có thêm mẫu nào nữa không? Không có à? Há mồm ra xem nào!

Rồi họ đặc thẳng kêu lên:

- Nó chén mất miếng thêm ấy rồi. Thấy chưa, còn dính một chút ở răng kia kìa!

... Tôi làm việc một cách tự nguyện. Tôi thích dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, tôi lau sàn, đánh đồng hồ, lau ống thông hơi và các nắm đấm cửa. Đã nhiều lần tôi nghe mấy người đàn bà nói về tôi trong những giờ phút họ hòa thuận.

- Thằng bé chịu khó đấy chứ.

- Nó ưa sạch sẽ.

- Chỉ phải cái xác lão quá.

- Thì có ai giáo dục nó đâu, hở mẹ!

Và cả hai đều cố “giáo dục” tôi kính trọng họ, nhưng tôi cho rằng họ là những kẻ điên dở nên không thích, không nghe lời và ăn miếng trả miếng họ. Vợ chủ có lẽ nhận thấy nhiều câu nói của mình không có tác dụng gì với tôi nên hay bảo:

- Mà phải nhớ rằng mày là con một gia đình hèn kém! Tao đã cho mẹ mày một chiếc áo dài lụa ngắn tay. Có dính hạt cườm nữa.

Một hôm, tôi đáp:

- Có lẽ vì chiếc áo đó mà cháu phải lột da ra để trả nợ chắc?

- Cha mẹ cả, thằng này có thể đốt nhà được đấy! – Mợ chủ sợ hãi kêu.

Tôi vô cùng ngạc nhiên: Tại sao phải đốt nhà?

Hai người đàn bà luôn than phiền về tôi với cậu chủ. Cậu nghiêm khắc bảo tôi:

- Này anh bạn, liệu hồn đấy!

Nhưng có lần, cậu thờ ơ đáp vợ và mẹ:

- Còn các người thì cũng tốt lắm đấy! Các người làm tình làm tội thằng bé như cưỡi một con ngựa thiến ấy. Giá như đứa khác thì nó chuồn từ lâu rồi, hay cũng chết rấp vì bấy nhiêu công việc...

Những lời đó làm hai mẹ tức đến phát khóc. Vợ cậu giậm chân, la hét như điên:

- Có thể nào lại nói như vậy trước mặt thằng bé được, hờ đồ gốc tóc dài kia? Nói như thế thì tôi còn ra cái quái gì đối với nó nữa? Tôi đang bụng mang dạ chửa...

Bà mẹ thì gào lên, nước mắt rùng rùng:

- Vassili, lạy Chúa tha tội cho mày. Nhớ lấy lời mẹ nói: Mày sẽ làm hỏng thằng bé mất thôi!

Khi họ giận dữ bỏ đi cả, cậu chủ nghiêm khắc bảo tôi:

- Thấy chưa, thằng quý con? Vì mày mà âm lên như thế đấy! Tao mà đưa mày về với ông mày thì lại đi nhặt giẻ rách sớm!

Không chịu được tủi nhục, tôi nói:

- Thà nhặt giẻ cũng còn sướng hơn ở với cậu. Nhận cháu làm học trò mà dạy được những gì nào? Đi đổ nước rác...

Cậu chủ túm tóc tôi, nhưng khẽ thôi, không khiến tôi cảm

thấy đau, rồi nhìn vào mắt tôi mà nói, vẻ kinh ngạc:

- Thì ra ông bạn cũng bướng bỉnh thật! Người anh em ạ, điều đó không hợp với tao đâu, khô...ô...ông...

Tôi tưởng người ta sẽ đuổi tôi. Nhưng sau đó, một hôm cậu chủ xuống bếp, tay cầm cuộn giấy dày cùng với bút chì, thước vuông góc và thước kẻ.

- Mài dao xong thì vẽ cái này!

Trên tờ giấy có vẽ mặt trước của một ngôi nhà hai tầng với rất nhiều cửa sổ và những hình trang trí đắp nổi.

- *Compa* của mày đây! Mày hãy đo, rồi đánh dấu điểm đầu điểm cuối của các đường thẳng lên mặt giấy bằng những dấu chấm. Sau đó lấy thước và bút chì nối chấm này với chấm kia. Đầu tiên đặt thước ngang – kẻ những đường ngang – sau đặt dọc – kẻ những đường thẳng đứng. Cứ thế mà làm!

Tôi rất vui mừng vì được làm cái việc sạch sẽ – bước đầu của việc học tập – này. Nhưng tôi nhìn tờ giấy và các dụng cụ với một vẻ hết sức kinh sợ vì không hiểu gì cả.

Tuy nhiên, tôi vẫn lập tức rửa tay rồi ngồi học. Tôi kẻ tất cả các đường ngang trên tờ giấy và soát lại – tốt lắm! Nhưng thừa mất ba đường. Tôi kẻ tất cả các đường thẳng đứng và ngạc nhiên thấy mặt tiền ngôi nhà bị sai lệch một cách lố bịch: Cửa sổ rời sang khoảng tường giữa hai cửa ra vào, một ô cửa sổ chạy khỏi tường và treo lửng lơ trong không khí, bên cạnh ngôi nhà. Thêm chính diện cũng lơ lửng, nằm chót vót trên tầng hai. Đầu hồi thì lọt ngay vào giữa mái. Cửa sổ tò vò thì nằm trên ống khói.

Tôi suýt phát khóc, nhìn rất lâu vào những hình thù kì dị không thể nào sửa chữa lại được ấy, cố tìm hiểu xem tại sao

chúng lại thành ra như thế, nhưng không sao hiểu được. Tôi bèn quyết định sửa chữa bằng trí tưởng tượng. Tôi vẽ la liệt những quạ, bồ câu, chim sẻ ở mặt chính diện ngôi nhà, trên các đầu hồi và trên nóc nhà. Còn trên khoảng đất phía trước cửa sổ thì tôi vẽ những người chân cong queo cầm ô, nhưng ô không che hết được hình thù xấu xí của họ. Sau đó tôi gạch những đường chéo đè lên tất cả những hình ảnh ấy và mang tác phẩm của mình nộp thầy giáo.

Cậu tôi rướn cao lông mày lên, vò tóc và cau có hỏi:

- Cái gì thế này?

- Trời mưa. – Tôi cắt nghĩa. – Khi mưa, nhà nào hình như cũng xiên xẹo, vì chính mưa cũng luôn luôn xiên mà lại! Còn tất cả đều là chim hết, chúng nó nấp ở đầu hồi. Khi trời mưa thì bao giờ cũng như vậy mà! Và đây là những người đang chạy về nhà. Đây là một bà quý phái bị ngã. Còn đây là người bán chanh rong...

- Cảm ơn lắm lắm. – Cậu chủ nói và cúi gập người xuống mặt bàn, tóc quét cả lên giấy; cậu vừa cười phá lên vừa kêu. – Hừ, con chim sẻ ngang ngạnh này, phải cho mày một trận tơi bời mới được!

Mợ chủ tới, dung đưa cái bụng bầu như chiếc thùng con, nhìn “công trình” của tôi rồi bảo chồng:

- Anh phải dẫn cho nó một trận!

Nhưng cậu chủ ôn tồn:

- Không sao. Chính anh bắt đầu cũng không hơn gì nó...

Sau khi lấy bút chì đỏ đánh dấu những chỗ hư hỏng ở mặt chính diện ngôi nhà, cậu đưa thêm giấy cho tôi.

- Làm lại một lần nữa! Cứ vẽ cái này cho đến khi nào được thì thôi...

Bức họa thứ hai của tôi khá hơn, chỉ có một cửa sổ nằm đè lên cửa ra vào ở bậc tam cấp. Nhưng tôi không thích cảnh nhà cửa vắng vẻ, nên cho đủ các khách trọ khắp nơi đến ở: Những bà quý phái tay cầm quạt ngồi bên cửa sổ, tình nhân của họ đang hút thuốc lá, một người trong bọn họ không hút thuốc, đang trêu chọc mọi người; trước bậc tam cấp có một người đánh xe ngựa đang đứng và một con chó đang nằm.

- Sao mà lại còn bôi bẩn ra như thế này? – Cậu chủ giận dữ hỏi.

Tôi giải thích cho cậu rằng không có người thì rất buồn, nhưng cậu chửi ầm lên.

- Hông bét cả rồi! Nếu mà muốn học hỏi thì phải học cho tử tế. Còn cái này chỉ là trò tinh nghịch mà thôi...

Cuối cùng, khi tôi sao lại được hình mặt chính diện ngôi nhà giống như bản chính, cậu rất vui lòng.

- Cháu thấy chưa, cháu cũng biết đấy chứ! Cứ như thế này thì chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ làm được khối việc đấy!

Rồi cậu trao nhiệm vụ cho tôi:

- Cháu hãy vẽ sơ đồ một căn nhà: Các phòng bố trí ra sao, cửa ra vào và cửa sổ ở đâu, đồ đạc đặt tại vị trí nào... Cậu sẽ không chỉ dẫn gì cả, cháu cứ tự xoay xử lấy!

Tôi đi xuống bếp và suy nghĩ – bắt đầu vẽ gì bây giờ?

Nhưng đến đây thì việc học nghệ thuật vẽ đồ án của tôi chấm dứt.

Một hôm, bà mẹ cậu chủ đến gần tôi và hỏi với giọng chẳng

lấy gì làm tốt đẹp:

- Mà muốn vẽ à?

Rồi túm tóc tôi, bà đập đầu tôi xuống bàn khiến tôi giập cả mũi lẫn môi, rồi bà vừa nháy chồm chồm vừa xé tan tờ giấy vẽ, vứt các dụng cụ ra sàn, chống nạnh, la lên vẻ đắc thắng:

- Đấy, vẽ đi! Không, không thể thế được! Ai lại để cho một đứa xa lạ tận đâu đến làm việc, còn đứa em độc nhất, ruột thịt của mình thì đuổi đi bao giờ?

Cậu chủ chạy đến, rồi vợ cậu cũng lạch bạch mò lại, và một cuộc cãi lộn kinh khủng bắt đầu: Cả ba người lăn xả vào nhau, nhổ nước bọt vào mặt nhau, gào rống lên. Cuối cùng, khi hai người đàn bà khóc lóc bỏ đi, cậu chủ bảo tôi:

- Tạm thời cháu hãy gác mọi công việc lại đã, đừng học nữa. Đấy, cháu cũng thấy sự thế như vậy đấy!

Tôi thương hại cậu, một kẻ bị giày vò, bất lực và suốt đời điếc tai vì những tiếng kêu la của hai mẹ đàn bà.

Trước đây tôi cũng biết rằng bà già không muốn cho tôi học, cố tình cản trở việc đó. Trước khi ngồi vào bàn vẽ, bao giờ tôi cũng hỏi bà:

- Có việc gì làm không ạ?

Bà cau có:

- Khi nào có, tao khắc bảo. Cứ việc ngồi ở bàn mà nghịch ngợm đi...

Nhưng một lát sau bà lại sai tôi đi đâu đó, hoặc là nói:

- Cầu thang chính mà quét đấy à? Rác, bụi còn đầy ở các góc! Đi quét lại đi...

Tôi đến xem, chẳng thấy tí bụi nào.

- Mà lại cãi tao à? – Bà la lên.

Một lần bà lấy nước kvass^[31] đổ lên các bản vẽ của tôi. Một lần khác, bà làm đổ ngọn đèn dầu thấp trước tượng thánh lên. Bà ta tinh quái như một đứa trẻ con có tính ranh vặt và thói giấu đầu hở đuôi mỗi khi định che đậy mấy trò tinh nghịch. Tôi chưa từng thấy và sau này cũng không bao giờ thấy lại một người dễ dàng và nhanh chóng nổi nóng, đồng thời thích than vãn về mọi người và mọi việc một cách say sưa như bà ta. Người ta nói chung ai cũng thích than vãn, nhưng bà ta làm việc này với một vẻ thích thú đặc biệt, tựa như bà ta ngâm thơ vậy.

Tình yêu của bà đối với con trai thật mù quáng. Sức mạnh của tình yêu đó, mà tôi không thể gọi bằng cái tên nào khác ngoài sức mạnh cuồng bạo, làm tôi vừa buồn cười vừa sợ hãi. Thỉnh thoảng, sau khi cầu nguyện buổi sáng, bà trèo lên bậc lò sưởi, chống khuỷu tay vào miếng ván ngoài cùng của gác lửng và sôi nổi rít lên:

- Đứa con trời tình cờ của mẹ, giọt máu nóng, trong sạch, quý báu của mẹ, chiếc lông thiên thần nhẹ nhàng của mẹ! Con ngủ đi, ngủ đi, con của mẹ! Cầu cho hồn con tràn ngập một giấc mơ vui vẻ! Cầu cho con mơ thấy một người vợ chưa cưới, một người con gái đẹp nhất trần đời, một nàng công chúa, một cô gái giàu có, con của một đại thương nhân! Cầu cho những kẻ thù của con chưa để đã chết tiệt. Còn bạn bè của con thì sống đến trăm tuổi, cầu cho con gái chạy theo con hàng đàn như vịt cái theo vịt đực!

Tôi buồn cười không thể chịu được: Cậu Viktor thì thô lỗ và lười nhác giống như con chim gõ kiến – cũng sắc sảo và mũi cũng

dài như vậy, cũng ương bướng và đàn độn như vậy.

Đôi khi tiếng rì rầm của bà mẹ khiến Viktor tỉnh giấc, cậu ngái ngủ, cầu nhàu:

- Mẹ cút ra chỗ khác đi, sao lại cứ thổi phì phì vào mặt tôi thế này. Không tài nào sống nổi nữa!

Có lúc bà ngoan ngoãn tụt khỏi bậc lò sưởi và cười nhạt:

- Thôi được, mày cứ ngủ đi, ngủ đi... Đồ thô lỗ!

Nhưng cũng có khi chân bà khuyu xuống, vấp vào mép lò sưởi; bà há miệng thở hồng hộc như bị bỏng lưỡi và réo lên những lời lẽ cay nghiệt:

- Thế đấy ư? Mày đuổi mẹ mày cút đi à, hử thằng khốn nạn kia? Chao ôi, cái đồ nhục nhã kia, cái dằm đáng nguyên rửa kia! Quỷ sứ đã bắt mày đầu thai vào người tao, sao mày không chết rũ ra từ lúc chưa đẻ?

Bà ta thốt những lời thật bẩn thỉu, những lời của dân say rượu ngoài đường phố. Nghe bà ta nói mà rợn cả người.

Bà ta ngủ ít, hay trở mình. Trong một đêm có khi bà nhồm dậy khỏi lò sưởi đến mấy lần, vấp vào cái đi văng của tôi và làm tôi tỉnh giấc.

- Gì thế bà?

- Im đi. – Bà ta thì thào, vừa làm dấu vừa chăm chú nhìn vật gì trong bóng tối. – Lạy Chúa... Lạy Thánh Ilya... Đức thánh Varvara tử vì đạo... Xin Người hãy bảo vệ khỏi những cái chết bất ngờ...

Bà ta đột nển với bàn tay run rẩy. Khuôn mặt tròn với cái mũi to của bà ta căng phồng lên. Cặp mắt xám nhấp nháy một cách lo lắng, chăm chú nhìn những vật xung quanh đã bị bóng

tôi làm thay hình đổi dạng. Căn bếp vốn to nhưng bị những tủ và hòm choán lấp, ban đêm trông như bé hẳn lại. Ánh trắng lạng lẽ chiếu vào bếp, ngọn lửa nhỏ của cây đèn dầu thấp suốt ngày đêm trước tượng thánh run rẩy, những con dao trên tường lóe sáng như băng nhũ, trên các ngăn tủ, mấy cái chảo đen sì trông như những bộ mặt không mắt của người nào đó.

Bà già rón rén tụt khỏi lò sưởi như người tụt từ bờ sông xuống nước. Rồi cứ nguyên chân đất, bà đi lại góc nhà, chỗ có treo, phía trên chậu nước rác, một cái chậu rửa tay có quai xách trông như một cái đầu lâu. Ở chỗ đó còn đặt một thùng nước lã.

Bà ta uống nước, vừa sặc vừa thở. Sau đó bà nhìn ra ngoài cửa sổ qua những hình màu xanh nhạt của các hạt băng đọng trên kính nom như những đường thêu.

- Xin Chúa hãy tha thứ cho con, lạy Chúa, tha thứ cho con. –
Bà thầm thì cầu xin.

Đôi lúc, sau khi nến tắt, bà quỳ xuống và rít lên:

- Lạy Chúa, có ai yêu con, có ai cần đến con đâu?

Rồi bà leo lên lò sưởi, và sau khi làm dấu thánh giá trước cửa lò, bà sờ xem các chốt cửa lò đã cài chặt chưa. Tay bị quệt bẩn đầy bồ hóng, bà chửi vung lên và chột ngử thiếp đi lúc nào không biết, tựa như bị một sức mạnh vô hình nào đó quật chết. Những khi tôi bị bà làm tủi nhục, tôi thường nghĩ: “Tiếc rằng ông ngoại không lấy bà làm vợ. Bà ta sẽ trị được ông! Và ông cũng sẽ trị bà ta đến nơi đến chốn.” Bà ta luôn làm tôi bực mình, nhưng cũng có những ngày bộ mặt húp híp nhũn như bông của bà trở nên rầu rĩ, mắt nhòa lệ, bà nói một cách tâm đắc:

- Mà ý tưởng tao nhẹ nhõm lắm à? Để con ra, chăm bẵm nuôi

nắng, dạy thành người, nhưng để làm gì? Đấy, bây giờ tao sống như con mụ bếp của chúng nó, có sung sướng gì đâu? Con trai mang một đứa đàn bà lạ mặt đến và coi vợ hơn cả máu mủ của mình, mày thử nghĩ xem có được không? Hở?

- Không được. – Tôi thành thật.

- Đấy! Thế đấy...

Và bà bắt đầu kể lể một cách trắng trợn về con dâu:

- Tao đã cùng tắm với nó, tao thấy hết. Có cái gì mà nó say mê con ấy mới được chứ? Những của ấy mà gọi là đẹp à?...

Bà ta luôn nói về quan hệ giữa đàn ông và đàn bà một cách trần trụi lạ lùng. Thoạt đầu những lời nói của bà làm cho tôi ghê tởm, nhưng chẳng bao lâu tôi đã quen, nghe một cách chăm chú và rất hứng thú. Tôi cảm thấy có một phần sự thật nặng nề trong những lời nói của bà.

- Đàn bà là sức mạnh. Nó đã lừa dối đến cả Chúa nữa, ghê gớm như vậy đấy! – Bà ta nói, giọng đều đều, tay khẽ vỗ vỗ trên bàn. – Vì Eva mà cả loài người phải xuống địa ngục đấy, thấy chưa?

Về sức mạnh của đàn bà, bà có thể nói tràn giang đại hải. Tôi luôn có cảm giác rằng bà dùng những câu chuyện đó để dọa ai. Tôi nhớ nhất là chuyện “Eva đã lừa dối Chúa”.

Ở khu nhà chúng tôi có một chái nhà nhìn ra sân, cũng to như một ngôi nhà. Trong số tám căn của hai tòa nhà thì các sĩ quan ở bốn, căn thứ năm có linh mục của trung đoàn ở. Cả khu nhà đầy những lính cần vụ và loong toong. Các mụ thợ giặt, con sen, mụ bếp thường lui tới với bọn này. Trong mọi nhà bếp thường xuyên diễn ra những thiên tình sử, những tấn bi kịch đầm nước mắt và cả lời chửi rủa, các vụ ẩu đả. Lính tráng lúc

thì đánh nhau, lúc thì đánh đám thợ đầu hoặc thợ mướn của nhà chủ. Họ đánh cả đàn bà. Khu nhà lúc nào cũng sục sôi một không khí mà người ta thường gọi là dâm dăng, trụy lạc – đó là sự đói khát đầy thú tính không kiềm chế nổi của đám trai trẻ khỏe mạnh. Cuộc sống đó ứ thừa tính dâm dục tàn nhẫn, sự bạo dâm vô nghĩa lí, sự khoe khoang đầy bản thủ của những kẻ chiến thắng. Cuộc sống đó được nhà chủ của tôi mang ra bàn tán trong các bữa trưa, bữa trà chiều và bữa tối một cách tỉ mỉ, trắng trợn. Bà già biết hết mọi chuyện trong khu nhà, kể một cách say sưa, thích thú trên nỗi đau khổ của kẻ khác.

Mợ chủ ngồi nghe những chuyện, lặng thinh mỉm cười, cặp môi căng mọng. Viktor cười ha hả, còn cậu chủ thì nhăn mặt:

- Thôi đủ rồi, mẹ ạ!...

- Lạy Chúa, đến cả nói chuyện tao cũng không được nói hay sao! – Bà ta than vãn.

Viktor khuyến khích bà ta:

- Kể đi, mẹ, có gì mà phải e ngại! Người nhà cả...

Người con cả đối xử với mẹ bằng thái độ thương hại lẫn khinh miệt, cậu tránh đối diện một mình với bà. Nếu chẳng may đụng mặt, bà mẹ hay phun ra những lời than vãn về nàng dâu và cuối cùng thế nào cũng xin tiền. Cậu vội vàng nhét vào tay mẹ vài ba rúp, hoặc một vài đồng hào bạc.

- Mẹ ạ, mẹ lấy tiền thật là vô ích, con không tiếc tiền đâu, nhưng... Thật là vô ích!

- Mẹ dùng để bố thí cho ăn mày, mua nến, đi nhà thờ...

- Ăn mày ăn miéc gì! Mẹ đến làm hỏng thằng Viktor mất thôi.

- Con chẳng thương em chút nào, tội lớn đấy con ạ!

Cậu phẩy tay, bỏ đi.

Viktor thì lúc nào cũng thô bỉ, giễu cợt mẹ. Cậu rất háu ăn và luôn trong trạng thái đói. Chủ nhật, bà mẹ thường rán bánh bột và hay giấu vài cái vào chậu rồi để xuống dưới gầm đi văng của tôi. Dự lễ sáng về, cậu Viktor lôi chậu ra, càu nhàu:

- Không thể để phần nhiều hơn nữa ư, hử mẹ quản gia?
- Tọng nhanh lên, kéo chúng nó thấy bây giờ...
- Con sẽ kể lại chuyện mẹ đã ăn cắp bánh bột cho con như thế nào, thật là cứng họng nhé!^[32]

Có một lần tôi lôi cái chậu ra, ăn mất hai chiếc bánh bột và bị Viktor đánh cho một trận. Cậu không ưa tôi, cũng như tôi không ưa cậu. Cậu ta làm tình làm tội tôi, bắt tôi ngày ba lần đánh giày cho cậu. Khi nằm ngủ trên gác lửng, cậu dịch mấy tấm ván ra và nhổ nước bọt qua kẽ hở, cố làm sao cho rơi trúng đầu tôi.

Hắn là muốn bắt chước người anh luôn nói câu “đồ quý”, cậu Viktor cũng hay “nói chữ”, nhưng tất cả những câu cậu nói đều lộ bịch và vô nghĩa một cách kì lạ.

- Mẹ ơi, “đằng sau... quay bên phải!” Đôi tất của con đâu rồi?

Cậu truy tôi bằng những câu hỏi ngu xuẩn:

- Alyosha^[33], mày thử trả lời xem tại sao viết là “màu xanh” mà lại nói là “màu xanh”? Tại sao người ta nói “cái chuông” mà không nói “cái boong”? Tại sao nói “đến cái cây”, mà không nói “đến con cây”?

Tôi không thích nghe cách ăn nói như vậy. Được giáo dục bằng thứ ngôn ngữ bóng bẩy của ông bà ngoại, khi ở đây, thoát đầu tôi không hiểu được những tiếng vốn không thể ghép với

nhau được như: “buồn cười kinh khủng”, “muốn ăn đến chết được”, “vui khiếp”. Tôi có cảm tưởng rằng cái mà đã buồn cười thì không thể nào lại kinh khủng, đã vui thì không khiếp, và mọi người đều ăn uống cho đến tận khi chết cơ mà.

Tôi hỏi họ:

- Chẳng lẽ lại có thể nói như vậy được sao?

Họ chửi tôi:

- Ra cái điều ông giáo lắm! Thử ngắt hai tai mày xem thử...

Nhưng chữ “ngắt tai” đối với tôi cũng lại sai nốt: Người ta chỉ có thể ngắt cỏ, ngắt hoa, ngắt quả hồ đào...

Họ cố gắng chứng minh cho tôi rằng tai cũng có thể ngắt được, nhưng điều đó không thuyết phục được tôi. Tôi nói, về đặc thẳng:

- Dầu sao thì tai cũng không thể dứt rời ra được!

Xung quanh tôi toàn trò đều giả tàn nhẫn, những cảnh trơ trên bản thủ, nhiều vô kể, nhiều hơn ở những con phố của Kunavino, nơi có vô số “nhà thổ” và “gái điếm”. Tại Kunavino, phía sau mấy trò bản thủ và đều giả, người ta còn cảm thấy có một cái gì có thể giải thích cho tính tất yếu của các trò bản thủ và đều giả ấy: đời sống khó khăn, đói khát, công việc nặng nề. Còn ở đây, người ta sống no đủ, dễ dàng. Quang cảnh lao động không hỗn độn, tất tả ngược xuôi. Mọi thứ đều chứa đựng vẻ chán ngắt hết sức bực bội.

Tôi sống rất khổ, nhưng tôi còn khổ tâm hơn khi bà ngoại đến thăm. Bà đi từ cửa sau vào bếp, làm dấu trước tượng thánh rồi cúi mình chào em gái. Cái chào đó như một gánh nặng hàng tấn^[34] đè lên tôi, làm tôi nghệt thở.

- À, chị Akulina đây à! – Bà chủ tiếp bà tôi với vẻ lạnh nhạt và khinh bạc.

Tôi không nhận ra bà tôi nữa: Môi bà mím lại một cách khiêm tốn, gương mặt bà thay đổi trông xa lạ hẳn, bà khẽ ngồi xuống cái ghế dài gần cửa ra vào, ngay bên cạnh chậu nước rác, lặng yên như kẻ có lỗi. Bà ngoan ngoãn và nhỏ nhẹ trả lời các câu hỏi của em gái.

Điều đó làm tôi đau đớn. Tôi tức giận:

- Sao bà lại ngồi ở đây?

Âu yém nháy tôi, bà đáp, vẻ quở trách:

- Cháu im đi, cháu không phải là chủ ở đây!

- Nó luôn luôn xen vào việc của người khác, dù có đánh, có chửi nó cũng vậy. – Bà chủ bắt đầu than vãn.

Bà ta thường hỏi bà tôi, vẻ ác ý:

- Thế nào, Akulina, chị vẫn sống như ăn mày vậy à?

- Rõ thật khốn khổ...

- Ai cũng thế, nếu không biết xấu hổ thì cũng chẳng khổ đâu.

- Người ta nói rằng Chúa Jesus cũng đã sống bằng của bố thí...

- Cái mục già ngốc này, chị lại đi nghe bọn ngu độn, bọn vô đạo nói thế à? Chúa Jesus không phải là kẻ ăn xin mà là con Đức Chúa Trời. Người ta nói rằng Chúa sẽ đến giữa muôn hào quang, xét xử người đang sống và đã chết – cả người chết nữa, chị hãy nhớ lấy điều đó! Không thể nào trốn nổi Chúa đâu, bà chị ạ, dù đã thành tro bụi cũng không thoát... Chúa đã trả thù chị với anh Vassili vì tính kiêu ngạo của các người, và trả thù

cho tôi nữa, vì đã có lần tôi đến cầu xin anh chị lúc anh chị giàu có...

- Tôi cũng đã giúp đỡ dì trong mức độ có thể. – Bà tôi thờ ơ đáp. – Mà dì cũng biết Chúa đã trừng phạt chúng tôi...

- Còn ít lắm, còn ít...

Bà dì còn đay nghiến, xói móc bà tôi rất lâu. Tôi nghe những tiếng rít độc ác của bà ta mà buồn bã thắc mắc: Sao bà tôi lại có thể chịu đựng được điều đó? Và tôi thấy không ưa bà tôi trong những giờ phút này.

Mợ chủ từ trong phòng đi ra, thân thiện gật đầu chào bà tôi.

- Mời bác vào phòng ăn. Không sao, cứ vào thôi!

Bà dì còn kêu với theo bà tôi:

- Chùi chân đi, bà nhà quê nhá!

Cậu chủ vui vẻ đón chào:

- A, bác Akulina đây à? Bác có khỏe không? Cụ Kashmirin nhà ta còn sống chứ?

Bà tôi mỉm cười, nụ cười biểu lộ tất cả tâm hồn của bà.

- Cháu vẫn phải làm việc còm cộm suốt ngày đây à?

- Vâng. Cháu vẫn phải làm việc suốt ngày, y như một tên khổ sai!

Bà tôi âu yếm và thân mật trò chuyện với cậu nhưng với thái độ của người trên. Đôi lần cậu nhắc đến mẹ tôi:

- Kiếm đâu ra được một người đàn bà khỏe như chị Varvara Vassilievna nữa?

Vợ cậu quay lại phía bà tôi, nói xen vào:

- Bà còn nhớ cháu tặng chị ấy chiếc áo dài lụa đen có đính hạt cườm chứ?

- Nhớ...

- Chiếc áo ấy còn tốt lắm...

- Ừ hừ... – Cậu chủ lắm bả. – Áo với hạt, đời là lường gạt.

- Anh nói cái gì đấy? – Người vợ hỏi chồng, vẻ nghi ngờ.

- Anh ấy à? Có gì đâu... Những ngày tươi đẹp trôi qua, những người tốt đẹp cũng không còn nữa...

- Em không hiểu anh nói điều đó để làm gì? – Mợ chủ bần khoăn.

Sau đó họ dẫn bà tới để thăm đứa bé mới sinh. Tôi dọn ấm chén bần trên bàn. Cậu chủ khẽ nói với tôi, vẻ trầm ngâm:

- Bà mà là một bà cụ rất tốt...

Tôi vô cùng biết ơn cậu vì những lời đó. Khi còn riêng hai bà cháu với nhau, tôi xót xa hỏi bà:

- Sao bà lại đến đây làm gì? Đến để làm gì cơ chứ? Bà còn không biết bọn họ như vậy hay sao...

- Chao ôi, Alyosha, bà biết hết cả, cháu ạ! – Bà trả lời, nhìn tôi với nụ cười hiền hậu trên khuôn mặt kì diệu.

Tôi cảm thấy hổ thẹn: Phải rồi, tất nhiên là bà thấy tất cả, biết tất cả mọi việc, biết cả đến những điều tôi đang suy nghĩ trong đầu lúc này.

Cẩn thận nhìn quanh xem có ai đến không, bà ôm lấy tôi và thân mật nói:

- Nếu cháu không ở đây thì bà cũng chẳng đến đâu, bà có cần gì họ? Hơn nữa, ông lại ốm, bà phải chăm sóc ông nên không

làm được việc gì, tiền thì không có... Cậu Mikhail thì đuổi thằng Sascha đi, cũng phải nuôi nấng nó chứ. Ở đây họ hứa sẽ trả cho cháu sáu rúp một năm, thế là bà mới nghĩ bụng: May ra họ có thể đưa cho mình một rúp chẳng? Cháu ở đây đã gần nửa năm rồi còn gì nữa... – Và bà ghé vào tai tôi thì thầm. – Họ bảo bà phải quở mắng, phải chửi cho cháu một trận, họ nói rằng cháu chẳng chịu nghe ai cả. Cháu yêu của bà ạ, cháu cứ sống ở đây với họ, chịu đựng độ hai năm nữa, chờ đến khi cứng cáp đã. Cháu cố chịu đựng chứ?

Tôi hứa sẽ chịu đựng. Điều đó thật là khó khăn. Cuộc sống cơ cực, tẻ ngắt, chạy ngược chạy xuôi chỉ vì miếng ăn này đè nặng lên tôi, khiến tôi có cảm giác như sống trong một cơn mộng vậy.

Đôi lúc tôi nghĩ bụng: “Phải trốn đi nơi khác!” Nhưng mùa đông đáng nguyên rủa đã đến. Đêm đêm, bão tuyết rít lên, gió rú trên gác thượng, những kèo nhà bị giá lạnh làm co lại, kêu rảng rặc. Còn biết chạy trốn đi đâu bây giờ?...

* * *

Người ta không cho tôi đi chơi, nhưng tôi cũng chẳng có thì giờ mà đi chơi nữa: Ngày đông ngắn ngủi tiêu tan một cách nhanh chóng không ngờ vì những công việc nhà bận rộn.

Nhưng tôi được đi nhà thờ: Thứ Bảy đi châu, và ngày hội đi dự lễ cuối.

Tôi thích có mặt ở nhà thờ. Tôi thích đứng trong một góc rộng và tối hơn các chỗ khác, nhìn từ xa lại phía bức tường có hình các thánh. Dưới những ngọn lửa nến, bức tường như chảy ra, tuôn từng dòng suối vàng óng đặc chảy xuống nền đá xám của giảng đài trên giáo đường. Các tượng thánh màu sẫm nhẹ

nhàng lay động. Diềm mạ vàng của các vòm cửa thánh đường rung rinh vui vẻ. Những ngọn lửa nến lừng lơ trong không khí xanh nhạt như những chú ong vàng, còn mái đầu của các bà các cô thì giống như những đóa hoa.

Mọi vật xung quanh như hòa nhịp với tiếng đồng ca. Tất cả như đang sống trong một thế giới thần tiên kì lạ. Nhà thờ chập chập đu đưa như một chiếc nô, chao đi chao lại trong khoảng không đen tối dày đặc như nhựa.

Đôi lúc, tôi có cảm giác như khu nhà thờ bị chìm sâu xuống đáy một cái hồ. Nó trốn khỏi mặt đất để sống một cuộc đời lập dị, không giống một cuộc đời nào khác. Có lẽ cảm giác đó được gây nên do câu chuyện về thành phố Kitezsh mà bà tôi đã kể. Tôi thường mơ mơ màng màng lắc lư cùng mọi vật xung quanh, chập chờn ngủ trong tiếng ru của bài hợp xướng, tiếng cầu nguyện rì rầm, tiếng thở dài của những người dự lễ và lẩm nhẩm một mình câu chuyện buồn bã và êm ái:

*Quân Tarta binh hùng tướng dữ,
Kéo nhau đi gươm giáo rợp đường,
Tới vây thành Kitezsh vinh quang,
Vào buổi sáng đang trong giờ lễ...*

Ôi! Lay Chúa! Vinh quang thay Đức Mẹ!

*Xin chở che cho nô lệ của Người,
Cho chúng con được dự lễ ban mai,
Được nghe xong những lời Chúa dạy!*

Xin hãy ngăn đừnđ cho quân giặc tới,
Bọn Tarta sẽ nhạo báng nhà thờ,
Con gái, đàn bà sẽ bị chúng làm nhơ,
Lũ trẻ con là trò đùa cho chúng,
Các cụ già chúng sẽ đem chôn sống!

Lời kêu van của đám dân hiền,
Lời cầu xin của những con chiên,
Đã lọt tới Đức Chúa Savaof,
Tới Đức Mẹ trên cao chót vót.
Chúa bèn truyền cho thánh Mikhailo:

- Hãy tới vùng Kitezsh của ta,
Làm rung chuyển đất đai ở đó,
Cho thành phố chìm sâu dưới hồ nọ,
Để con chiên đượ sống tự do,
Không nghĩ ngợi, không mỗi mệt, buồn lo,
Sáng đến khuya chúng yên tâm cầu nguyện,
Dưới đáy hồ đời đời vĩnh viễn!...

Hồi đó, tâm hồn tôi chứa đầy những vần thơ của bà như một tổ ong đầy ắp mật. Hình như tôi nghĩ cũng bằng những vần thơ ấy.

Tôi không cầu nguyện trong nhà thờ. Nhắc lại những lời cầu nguyện bức bối của ông và những câu não nuột trong Thánh thi

trước mặt Chúa của bà thật là một điều khó xử. Tôi tin chắc rằng Chúa của bà cũng như tôi, không thể thích những cái đó được. Hơn nữa, những câu cầu nguyện ấy đều đã được in trong sách, có nghĩa là Chúa, cũng như những người có học, đã thuộc lòng chúng rồi.

Vì thế nên ở nhà thờ, vào những phút mà tim tôi thất lại bởi một mối buồn dịu dàng man mác, hoặc bị những điều tủ nhục nhỏ nhen trong ngày giày vò, cắn rứt, tôi cố sáng tác những lời cầu nguyện. Tôi chỉ cần nghĩ đến số phận buồn tủi của mình là những câu chữ tự nhiên sắp xếp thành lời than thở một cách dễ dàng:

*Chúa ơi! Chúa ơi! Con buồn quá!
Làm sao mà chóng lớn được lên!
Cuộc sống này không chịu được nữa,
Dù con tự tử – Chúa đừng phiền!
Học hành chẳng được cái gì cả,
Bà Matryona như quỷ dữ,
Như con chó sói cứ gặm gừ,
Cuộc sống thế này – ôi khổ quá!*

Nhiều lời “cầu nguyện” của tôi cho đến ngày hôm nay tôi vẫn còn nhớ. Hoạt động trí não của tuổi thơ thường hằn thành những vết sâu trong tâm hồn, đôi khi suốt đời không quên.

Trong nhà thờ thật dễ chịu. Ở đây tôi thấy thoải mái như ở trong rừng hay ngoài đồng ruộng. Trái tim nhỏ bé của bà tôi đã quen thuộc với những điều tủ nhục và bị bùn lầy của cuộc đời làm hoen ố, tự gột rửa bằng những nguồn ước mơ sôi nổi, không rõ rệt.

Nhưng tôi chỉ được thấy nhà thờ trong những ngày thật giá lạnh hoặc vào khi bão tuyết lồng lộn điên cuồng ngoài phố, khi mà bầu trời như đông cứng lại và bị gió phá vụn thành từng đám mây tuyết, còn mặt đất thì rét cồng dưới những đồng tuyết lớn, không bao giờ hồi sinh, tươi vui lại được.

Vào những đêm tĩnh mịch, tôi thích lang thang trong thành phố hơn cả. Từ phố này sang phố khác, tôi đi sâu vào các góc ngách thanh vắng nhất. Có lúc, tâm hồn như được chấp cánh bay bổng, tôi bước một mình như vầng trăng giữa bầu trời, bóng tôi bò đi trước, làm tắt ngấm những đốm sáng óng ánh trên tuyết, rồi leo lên cột hay hàng rào, biến dạng một cách tức cười. Người tuần đêm đi giữa đường, mặc cái áo da nặng, tay cầm mõ. Bên cạnh lão, con chó run rẩy chạy theo.

Con người kì dị đó trông giống một cái ổ chó trốn khỏi sân và chạy rong trên phố với một con chó run rẩy lẻo đẻo theo sau.

Đôi khi, gặp mấy cô tiểu thư và vài chàng công tử nói cười vui vẻ, tôi nghĩ bụng họ cũng đã bỏ buổi cầu nguyện.

Thỉnh thoảng, qua các cửa con thông hơi trên những ô cửa sổ sáng ánh đèn, thoảng đến mùi thơm dịu dịu, xa lạ, gợi lên một cuộc sống khác mà tôi chưa từng biết. Tôi đứng dưới cửa sổ, hít hít, lắng nghe, cố đoán xem cuộc sống ở đây như thế nào, những người sống trong nhà này là ai? Đang giờ nguyện mà họ vẫn âm ỉ, vui vẻ cười đùa. Họ chơi một loại đàn ghi ta đặc biệt, tiếng dây đồng âm vang trào qua các ô cửa sổ thông hơi.

Tôi đặc biệt chú ý tới ngôi nhà một tầng thấp nhỏ ở góc hai khu phố vắng người, phố Tikhonov và phố Martinov. Tôi phát hiện ra nó vào một đêm trăng trong tiết trời đông âm áp, trước ngày hội hóa trang. Một âm thanh kì lạ cùng với hơi ẩm tuôn ra phố qua lỗ thông hơi hình vuông của cửa sổ, tựa hồ như có

người nào rất khỏe và hiền hậu vừa hát vừa che miệng; lời hát nghe không rõ, nhưng tôi thấy bài hát quen thuộc và dễ hiểu một cách lạ thường, mặc dù có tiếng đàn ngắt quãng tiếng ca, nghe rất bực. Tôi vừa ngồi trên trụ cửa, vừa nghĩ bụng rằng người ta đang chơi một cây đàn vĩ cầm có sức mạnh huyền diệu, vì nghe tiếng vĩ cầm đó tôi thấy đau nhói trong lòng. Đôi khi tiếng đàn vang lên mạnh quá khiến cả ngôi nhà tựa hồ rung chuyển, kính cửa ngân theo. Nước nhỏ giọt từ mái nhà và mắt tôi cũng nhỏ lệ.

Một người tuần đêm đến sau tôi từ lúc nào không biết. Bác ta lôi tôi khỏi trụ cửa và hỏi:

- Mà y quần quanh ở đây làm gì?
- Nghe nhạc. – Tôi giải thích.
- Không được! Cút ngay...

Tôi chạy rất nhanh vòng quanh cả khu phố rồi lại trở về dưới ô cửa sổ. Nhưng trong nhà đã ngừng tiếng đàn. Âm thanh ồn ào náo nhiệt tuôn mạnh qua lỗ thông hơi ra ngoài phố khác hẳn, khiến tôi tưởng như vừa được nghe tiếng nhạc ảo não trong mơ.

Hầu như thứ Bảy nào tôi cũng chạy lại ngôi nhà đó. Nhưng chỉ có một lần vào mùa xuân tôi mới lại được nghe tiếng vĩ cầm. Tiếng đàn liên tục ngân vang đến tận nửa đêm; khi mò về nhà, tôi bị một trận đòn nên thân.

Những cuộc dạo chơi ban đêm dưới vòm trời sao mùa đông giữa phố xá thanh vắng giúp tâm hồn tôi thêm phong phú. Tôi cố ý chọn những phố xa trung tâm, vì ở các phố trung tâm rất nhiều đèn, những người quen của nhà chủ có thể trông thấy tôi, và như thế thì chủ nhà sẽ biết là tôi trốn buổi cầu nguyện đi

chơi. Rồi những người say, cảnh sát và gái làng chơi lại làm rầy tôi nữa. Ở các phố xa, tôi có thể nhìn qua các ô cửa sổ tầng dưới nếu chúng không bị băng đóng hay bị rèm che.

Những ô cửa sổ đó đã mở ra cho tôi nhiều bức tranh khác nhau. Tôi thấy người ta cầu nguyện, hôn nhau, đánh nhau, chơi bài, chuyện trò thì thào với vẻ lo âu. Trước mắt tôi diễn ra một cuộc sống câm lặng của loài cá, giống trong máy chiếu ảnh giá xem một kopek.

Trong một tầng hầm, tôi thấy hai người phụ nữ ngồi sau bàn, một cô còn trẻ, một cô lớn tuổi hơn. Ngồi đối diện họ là một học sinh trung học tóc dài, tay vung vẩy, đang đọc cho họ nghe một quyển truyện. Cô trẻ lắng nghe, lông mày nhíu lại một cách khắc khổ, người ngả trên ghế. Cô nhiều tuổi hơn người thanh mảnh, tóc bông, bông dựng lấy bàn tay che mặt, hai vai rung lên. Cậu học sinh quăng quyển sách lên bàn, và khi cô trẻ vùng dậy bỏ chạy thì cậu ta quỳ ngay xuống trước cô tóc bông và hôn tay cô ta.

Trong một cửa sổ khác, tôi nhìn trộm thấy một người rậm râu đang bế một người đàn bà mặc áo cánh đỏ đặt lên đùi mình. Ông ta đung đưa người đàn bà ấy như ru một đứa bé, và có lẽ đang hát thì phải, miệng há rộng, mắt long lanh. Người đàn bà cười rung cả người, lưng ưỡn ra. Ông này dựng bà ta dậy và lại hát. Người đàn bà cười rữ. Tôi nhìn họ hồi lâu và bỏ đi sau khi biết họ định vui đùa như thế suốt đêm.

Nhiều cảnh tượng tương tự còn đọng mãi trong tâm trí tôi. Nhiều khi, quá say sưa với chúng, tôi về nhà rất muộn khiến nhà chủ đâm nghi ngờ và tra hỏi tôi:

- Mà đi nhà thờ nào? Cô đạo nào làm lễ?

Họ biết tất cả các cố đạo trong thành phố, họ biết rõ khi nào thì giảng đến phần nào trong Thánh kinh. Họ biết tất cả nên dễ lọt trần được những câu nói dối của tôi.

Cả hai người đàn bà đều thờ vị ác Chúa của ông tôi, vị Chúa hay bắt người ta phải sợ hãi trước mình. Tên của vị Chúa ấy luôn nằm trên miệng các bà, thậm chí, khi cãi cọ họ cũng dọa nhau:

- Rồi mà xem! Chúa sẽ trừng trị mày. Chúa sẽ làm cho mày điêu đứng, con đê tiện kia!...

Một ngày Chủ nhật của tuần chay đầu tiên, bà già rán bánh bột bị cháy; mặt đỏ bừng vì lửa, bà giận quá kêu lên:

- A, quỷ bắt chúng mày đi...

Và bỗng nhiên bà ngửi ngửi cái chảo. Mặt sa sầm, bà quăng cái chảo xuống sàn, tru tréo:

- Cha mẹ ơi! Chảo có mùi mỡ, ô uest cả rồi! Lạy Chúa, con chưa đốt chảo trong ngày đầu của tuần chay rồi...

Bà quỳ xuống, nghẹn ngào van xin:

- Lạy Chúa, xin Chúa lòng lành tha tội cho con, cho con mụ đáng nguyên rửa này! Xin Chúa đừng trừng phạt con mụ già ngu ngốc này...

Bánh bột cháy được quăng cho chó ăn, cái chảo được đốt, còn người con dâu thì trách mẹ chồng trong lúc cãi nhau:

- Đến tuần chay mà mẹ còn rán bánh bằng cái chảo uest tạp ấy ư...

Họ lôi Chúa của họ vào mọi công việc trong nhà, vào mọi góc ngách của cuộc sống nhỏ nhen, nhờ đó mà cuộc sống nghèo nàn được khoác ý nghĩa lớn lao và quan trọng, có vẻ như

được phục vụ cho một sức mạnh cao cả từng giờ từng phút. Việc họ lôi Chúa vào các công việc vụn vặt chán ngắt đè nặng lên tâm hồn tôi, khiến tôi tự nhiên cứ phải nhìn quanh quẩn vào các góc nhà, cảm thấy như mình dưới quyền kiểm soát vô hình của người nào đó. Đêm đêm, nỗi lo sợ quẩn lầy tôi như một đám mây lạnh toát: Nó đến từ góc bếp – chỗ có ngọn đèn thờ cháy suốt ngày đêm trước những tượng thánh đen sẫm.

Cạnh giá gỗ trên tường là một ô cửa sổ lớn, hai khung cửa bị một cột chống cắt đôi. Một khoảng không gian trống rỗng xanh thắm lọt qua cửa sổ. Tựa như cả khu nhà, căn bếp và tôi đều treo lửng lơ bên rìa khoảng trống đó. Chỉ cần cử động mạnh là tất cả sẽ tuột xuống một cái hố xanh lạnh lẽo rồi bay đi, lướt qua các vì sao, vào một khoảng không lặng lẽ không tiếng động, như một hòn đá chìm ngấm khi bị ném xuống nước. Tôi nằm yên rất lâu, sợ không dám trở mình và chờ đợi cái kết kinh khủng của đời tôi.

Không nhớ tôi đã chữa khỏi nỗi sợ hãi đó thế nào, nhưng nó qua đi rất nhanh. Lẽ dĩ nhiên, trong việc đó vị Chúa nhân từ của bà tôi đã giúp đỡ tôi. Tôi nghĩ rằng khi ấy tôi đã cảm thấy cái chân lí đơn giản: Mình chưa làm điều gì xấu. Không có luật lệ nào có thể trừng phạt tôi nếu tôi không có lỗi. Còn với những tội lỗi của kẻ khác, tôi không cần chịu trách nhiệm.

Tôi cũng bỏ những buổi lễ sáng để đi chơi. Nhất là vào mùa xuân, một sức mạnh không gì ngăn cản nổi nhất định không cho tôi đến nhà thờ. Nếu người ta đưa cho tôi hai kopek để mua nên là cũng đủ làm hại tôi rồi: Tôi mua cờ xương^[35] chơi suốt cả buổi lễ sáng và nhất định thế nào cũng về muộn. Có lần tôi chơi thua sạch cả mười kopek mà nhà chủ giao cho để đi trả tiền lễ và bánh thánh. Tôi đành phải ăn trộm bánh thánh người khác đặt

trên cái đĩa mà thầy phụ lễ bưng từ bàn thờ ra.

Tôi rất ham chơi và bị các trò chơi lô cuốn đến mê mẩn. Tôi tương đối khỏe và khéo léo nên chẳng bao lâu đã nổi tiếng là tay chơi cờ, chơi bi, chơi phá thành cừ khôi trong khu phố.

Vào tuần chay lớn, người ta bắt tôi phải đi xưng tội. Tôi liền đến xưng tội với cha Dorimedont Pokrovski ở cạnh nhà. Tôi cho ông là một người khắt khe. Riêng tôi có nhiều tội đối với ông: ném đá vào nhà hóng mát trong vườn ông, gây sự với lũ con ông. Nói chung, ông có thể nhắc lại cho tôi nghe không ít hành động ngang ngược của tôi đã làm ông khó chịu. Điều đó khiến tôi rất bối rối, và khi đứng trong ngôi nhà thờ nghèo nàn đến lượt vào xưng tội, tôi lo lắng, tim đập thành thịch.

Nhưng cha Dorimedont tiếp tôi với vẻ hiền hậu. Cha lầm bầm:

- A, chú lảng giềng... Nào, con hãy quỳ xuống! Có tội gì?

Cha phủ lên đầu tôi một miếng nhung nặng. Tôi ngạt thở bởi mùi sáp và trầm, nói rất khó khăn và cũng chẳng muốn nói.

- Con có nghe lời người lớn không?

- Không.

- Hãy nói: Con có tội!

Bỗng nhiên tôi buột miệng:

- Con đã ăn trộm bánh thánh.

- Ồ, sao lại thế? Ở đâu? – Cha nghĩ ngợi rồi thông thả hỏi.

- Ở nhà thờ Ba Ngôi, nhà thờ Pokrov, nhà thờ Nikolai...

- Ồ, thế là đủ hết các nhà thờ! Chú em ạ, điều đó không tốt đâu. Có tội lớn đấy, con hiểu chứ?

- Hiểu ạ.

- Hãy nói: “Con có tội!” Con đã làm bậy! Con lấy trộm để ăn à?

- Có lúc thì ăn, có lúc vì chơi cờ thua mất tiền, mà bánh thánh thì phải mang về nhà, thế là con lấy trộm...

Cha Dorimedont liền thì thào cái gì không rõ và có vẻ mệt mỏi, rồi cha hỏi thêm vài câu nữa. Bỗng nhiên cha nghiêm giọng:

- Con có đọc những sách in bí mật không?

Tất nhiên tôi không hiểu và hỏi lại:

- Cái gì ạ?

- Những cuốn sách cấm, con có đọc không?

- Không, con chẳng đọc quyển nào cả...

- Cha tha tội cho con... Đứng dậy!

Tôi ngạc nhiên nhìn thẳng vào mặt cha. Khuôn mặt có vẻ trầm ngâm và hiền từ. Tôi thấy lúng túng, hổ thẹn. Khi cho tôi đi xưng tội, mấy người chủ đã kể biết bao điều đáng sợ, kinh khủng về buổi xưng tội này, họ thuyết phục tôi phải thành thật thú hết mọi tội lỗi.

- Con đã ném đá vào nhà hóng mát của cha. – Tôi nói.

Cha Dorimedont ngẩng đầu lên:

- Điều đó cũng không tốt! Thôi con đi ra...

- Và ném cả vào nhà chó nữa...

- Người tiếp theo! – Cha Dorimedont gọi, không nhìn tôi.

Tôi đi ra, cảm thấy như mình bị lừa dối, sỉ nhục. Tinh thần

tôi căng thẳng vì sợ hãi trước buổi xưng tội biết bao, thế mà mọi việc lại xảy ra chẳng có gì đáng sợ, có phần đáng chán nữa là khác! Chỉ có câu hỏi về những cuốn sách mà tôi chưa biết là còn đáng chú ý. Tôi nhớ lại cậu học sinh đọc sách cho những người phụ nữ nghe ở dưới tầng hầm. Tôi nhớ đến bác Tốt Lắm. Bác ta cũng có nhiều sách bìa đen, dày cộp với những hình vẽ khó hiểu.

Ngày hôm sau, nhà chủ cho tôi mười lăm kopek và bảo tôi đi chịu lễ. Lễ Phục sinh năm ấy đến muộn. Tuyết đã tan từ lâu, phố xá khô ráo. Bụi bay mù trên mặt đường. Suốt ngày vui và nắng ấm.

Một toán đồng thợ đang say mê chơi cờ bên cạnh hàng rào nhà thờ. Tôi nghĩ vẫn còn kịp đi chịu lễ nên nài xin bọn họ:

- Cho cháu chơi với!

- Bỏ ra đây một kopek thì sẽ được chơi. – Một người mặt đỏ, tóc hung kiêu ngạo nói.

Tôi cũng không kém cạnh:

- Đặt ba kopek ở cạnh đôi thứ hai từ trái sang!

- Chồng tiền ra đây!

Thế là cuộc chơi bắt đầu.

Tôi đổi đồng mười lăm kopek, đặt ba kopek ở cạnh đôi quân cờ và chồng tiền ở một ô dài, ai hạ được đôi ấy, người ấy nhận tiền, nếu trượt, tôi nhận được của anh ta ba kopek. May cho tôi: Hai người rình cuỗm số tiền của tôi đều không đánh trúng, thế là tôi thắng thêm được sáu kopek từ mấy bản nông ấy. Điều đó khiến tôi cao hứng hẳn lên...

Nhưng một người trong bọn họ bỗng nói:

- Các cậu ạ, phải để ý thằng bé, kéo nó ăn non đấy...

Câu đó làm tôi bực mình, tôi hấp tấp tuyên bố:

- Đặt chín kopek ở dưới đôi cuối bên trái!

Tuy nhiên điều đó không khiến những người chơi chú ý tới chút nào. Chỉ có một thằng bé trạc tuổi tôi kêu lên cảnh báo:

- Các bác coi chừng đấy, số nó đỏ lắm. Nó là thằng vẽ đồ án ở phố Zvezdinka đấy! Cháu còn lạ gì nó nữa!

Một anh thợ gầy gò mà chỉ cần ngửi mùi cũng biết là thợ thuộc da nói một cách thâm độc:

- Quỷ con^[36] à? Càng tốt...

Ngắm nghĩa quân cờ cẩn thận, anh ta hạ ngay được ô tiền của tôi, rồi khom lưng xuống nhìn tôi mà hỏi:

- Có khóc không đấy?

Tôi trả lời:

- Đặt ba kopek ở dưới đôi cuối bên phải!

- Tớ sẽ hạ cho mà xem! – Anh thợ thuộc da nói khoác, nhưng lần này anh ta thua.

Không thể đặt tiền lên một ô quá ba lần, thế là tôi bèn đánh ô tiền của những người khác và được thêm bốn kopek cùng một lô quân cờ. Nhưng khi lại đến lượt tôi, tôi đặt tiền ba lần và thua sạch. Vừa lúc đó lễ sáng cũng tan, chuông nhà thờ vang lên, người dân kéo nhau rời khỏi nhà thờ.

- Có vợ chưa?

Anh thợ thuộc da vừa hỏi vừa muốn túm lấy tóc tôi, nhưng tôi vùng ra được và bỏ chạy. Tôi đuổi kịp một thanh niên ăn mặc diện, lễ phép hỏi:

- Thừa anh, anh đã chịu lễ chưa?

- Ừ, thì sao kia? – Anh ta trả lời, nhìn tôi với vẻ nghi ngờ.

Tôi đề nghị anh kể cho tôi nghe chịu lễ như thế nào, ông cố đạo nói những gì và phải làm gì lúc đó.

Anh thanh niên cau có vẻ nghiêm khắc, quát to, giọng đáng sợ:

- Mày bỏ không đi chịu lễ à, thằng vô đạo kia? Đã thế tao sẽ không nói đâu. Để cho bố mày lột da mày mới được!

Tôi chạy về nhà, tin chắc mọi người sẽ tra hỏi và tất nhiên họ sẽ biết được tôi không đi chịu lễ.

Nhưng sau khi chúc mừng tôi, bà già chỉ hỏi có một điều:

- Cháu cho thầy phụ lễ bao nhiêu tiền?

- Năm kopek. – Tôi trả lời bừa.

- Đưa cho thầy ta ba kopek đã là phúc lắm rồi, giữ lại hai kopek có phải hơn không, mày rõ thật ngốc nghếch!

... Mùa xuân. Mỗi ngày như được khoác thêm một tấm áo mới. Mỗi ngày lại rục rờ hơn, đáng yêu hơn. Cỏ non và màu xanh tươi mát của những cây bạch dương tỏa một mùi say ngây ngất. Như có một sức mạnh không thể cưỡng được lôi cuốn tôi ra đồng, nằm ngửa mặt trên mảnh đất ấm áp, lắng nghe tiếng chim sơn ca hát. Nhưng tôi còn phải chải quần áo rét, giúp chủ nhà xếp đồ vào hòm, thái lá thuốc, lau bụi trên các đồ đạc, và suốt từ sáng đến tối quần quanh với những đồ vật không cần thiết, khó chịu đối với tôi.

Trong những giờ rảnh rang, tôi hoàn toàn không biết làm gì. Khu phố nghèo nàn của chúng tôi thì vắng tanh vắng ngắt, đi xa hơn nữa thì không được phép; trong sân nhà toàn những người

thợ đầu bản tính và mệt mỏi, những mụ bếp, mụ thợ giặt nhếch nhác: Chiều tối nào cũng có những trò bù khú khiến tôi rất khó chịu và tức mình đến muốn mù hấn mắt đi cho rảnh.

Tôi trèo lên gác thượng, mang theo kéo và mấy tờ giấy màu; tôi cắt hình bướm và trang trí kèo nhà... Công việc đó càng khô gợt thêm nỗi buồn. Tôi náo nức muốn đến nơi nào người ta ít ngủ hơn, ít cãi nhau hơn, nơi người ta không làm chán tai Chúa bằng những lời than vãn, không làm cho kẻ khác buồn tủi vì những câu nhận xét đầy bực tức của mình.

... Thứ Bảy, nhân dịp lễ Phục sinh, người ta rước bức tượng màu nhiệm của Đức Mẹ vùng Vladimir từ tu viện Oranski vào thành phố. Tượng Đức Mẹ sẽ ở thăm thành phố cho đến trung tuần tháng Sáu và sẽ đến thăm từng ngôi nhà, từng căn gác của mỗi tín đồ.

Tượng Đức Mẹ tới nhà của cậu chủ tôi vào một buổi sáng ngày thường. Tôi đang đánh nồi đồng trong bếp thì nghe thấy tiếng kêu hốt hoảng của mợ chủ từ trong phòng vắng tới.

- Mở cửa chính ra! Người ta rước tượng Đức Mẹ đến rồi!

Tôi nhảy xổ xuống dưới nhà mở cửa, người lem luốc, hai tay dính đầy mỡ và gạch vụn. Một thầy tu trẻ tay cầm đèn, tay cầm bình hương khễ càu nhàu:

- Ngủ đây à? Hãy giúp một tay...

Hai người dân thành phố khiêng một cái kiệu nặng đặt tượng Đức Mẹ bước lên cầu thang gác hẹp. Tôi ghé vai và lấy hai bàn tay bản đờ lấy mép kiệu, khiêng giúp họ. Phía sau, những thầy tu nặng nề giậm chân và ngân nga bằng một giọng trầm vẻ miễn cưỡng:

- “Lạy Đức Mẹ Rất Thánh, cầu cho chúng con...”

Tôi buồn rầu đĩnh ninh trong bụng: “Đức Mẹ sẽ giận mình vì mình bán thủ thế này mà dám đỡ Người, tay mình sẽ bị liệt mất...”

Tượng Đức Mẹ được đặt trên hai cái ghế phủ tấm vải sạch, ở ngay góc trước cửa nhà. Hai thầy tu đứng đỡ hai bên kiệu, trẻ và đẹp như thiên thần, mắt sáng ngời, vui vẻ, tóc phồng lên.

Họ bắt đầu làm lễ.

- “Ôi Đức Mẹ lòng lành...” – Một cố đạo to lớn cất tiếng hát lạnh lạnh, ngón tay đỏ tía mân mê cái dải tai sừng phồng lẩn sau đám tóc dài.

- “Đức Mẹ Rất Thánh, thương xót chúng con!” – Các thầy tu mệt nhọc ngân nga.

Tôi yêu Đức Mẹ. Theo lời bà tôi kể thì chính Đức Mẹ đã gieo những hoa, những niềm vui – tất cả điều tốt lành và đẹp đẽ – trên mặt đất để an ủi những kẻ nghèo khổ. Cho nên, khi phải đến hôn tay Đức Mẹ, vì không để ý xem người lớn làm như thế nào, tôi hồi hộp hôn vào mặt, vào môi bức tượng.

Một bàn tay to khỏe tóm lấy tôi, quăng tôi vào góc nhà, chỗ gần ngưỡng cửa. Tôi không nhớ các thầy tu đã ra khỏi nhà và mang bức tượng đi như thế nào nhưng tôi còn nhớ rất rõ cảnh những người chủ của tôi quây lấy tôi – lúc bấy giờ vẫn ngồi trên sàn – và vô cùng sợ hãi, lo lắng bàn tán với nhau về số phận sắp tới của tôi.

- Phải nói chuyện với một linh mục hiểu biết hơn cả. – Cậu chủ nói và mắng tôi với vẻ không có gì là ác ý. – Đồ ngu, lẽ nào mày lại không biết rằng không được hôn vào môi hay sao? Thế mà cũng đòi... Đã học ở trường rồi cơ đấy...

Suốt mấy ngày, tôi thấp thỏm chờ đợi. Chuyện gì sẽ xảy ra

bây giờ đây? Mớ tay bắn vào kiệu này, lần này nhất định không thể thoát được rồi, không hòng thoát được!

Nhưng có lẽ Đức Mẹ đã tha thứ tội lỗi vô tình do lòng yêu chân thành gây nên. Hay là sự trừng phạt của Người quá nhẹ, đến mức tôi không nhận thấy giữa những sự trừng phạt thường xuyên của đám người “lương thiện”?

Thỉnh thoảng, muốn chọc tức bà già, tôi lại tỏ vẻ buồn rầu:

- Có lẽ Đức Mẹ đã quên không trừng phạt cháu rồi...

- Được. – Bà già hện, vẻ thâm hiểm. – Cứ chờ đấy...

Vừa trang trí những chiếc kẻo trên gác thượng bằng các hình cắt từ giấy trà màu hồng, giấy thiếc, lá cây và đủ thứ linh tinh, tôi vừa ngâm nga mấy câu thơ chợt đến trong đầu theo điệu cầu nguyện ở nhà thờ, như những người Kalmuck thường làm khi đi đường:

Tôi ngồi trên gác,
Chiếc kéo cầm tay,
Cắt giấy, cắt hoài..
Thằng ngốc buồn quá!
Nếu tôi là chó,
Tôi sẽ chạy rong.
Nhưng giờ ai cũng,
Mắng tôi đủ đường:
“Câm đi thằng nhãi,
Ngôi yên, liệu hôn!”

Bà già nhìn công trình của tôi, cười nhạt, lắc đầu:

- Mày trang hoàng bếp như vậy có hơn không...

Một hôm, cậu chủ lên gác thượng. Cậu nhìn những trò tôi làm, thở dài:

- Mày cũng ngộ nghĩnh đấy, Peskov^[37] ạ. Quỷ bắt mày đi. Có lẽ mày sẽ thành một tay làm ảo thuật mất! Chẳng đoán được cái gì cả...

Cậu cho tôi một đồng năm kopek to có hình thánh Nikolai.

Tôi lấy dây thép nhỏ, làm một cái móc rồi treo đồng tiền như một cái mè đay lên chỗ nổi nhất giữa các công trình sặc sỡ của tôi.

Nhưng sang ngày hôm sau, đồng tiền cùng những dây chằng của nó biến mất. Tôi biết chắc là bà già đã xoáy đồng tiền ấy.

Dầu sao, đến mùa xuân tôi liền trốn khỏi nơi ấy^[38]. Một buổi sáng, tôi tới hiệu mua bánh mì về uống trà sáng. Người chủ hiệu đang cãi nhau với vợ; anh ta lấy quả cân nện vào trán chị. Chị vợ chạy ra phố, ngã lăn ra. Lập tức mọi người xúm lại. Người ta đặt chị lên một chiếc xe ngựa bốn bánh và đưa đến bệnh viện. Tôi chạy theo sau xe rồi sau đó không biết thế nào lại lạc đến tận bờ sông Volga với đồng hai mươi kopek trong tay.

Ngày xuân dịu dàng ngời sáng. Nước sông Volga tràn ngập mênh mông. Trên mặt đất, không gian tràn ngập vẻ nhộn nhịp, phóng khoáng. Thế mà cho đến tận hôm đó tôi vẫn sống như một con chuột nhắt dưới hầm nhà. Tôi quyết định không quay về nhà chủ và cũng không về xóm Kunavino tìm bà ngoại – tôi ngượng không muốn gặp bà vì đã không giữ lời hứa, còn ông ngoại sẽ đắc chí với nỗi tủi hổ của tôi.

Tôi lang thang suốt hai ba ngày trên bờ sông, ăn uống cạnh những phu khuân vác hiền lành giản dị, ngủ với họ trên các bến tàu. Sau đó, một người trong bọn họ nói với tôi:

- Này chú bé, tớ thấy chú lang thang ở đây thật là vô ích. Hãy lại tàu “Dobry”^[39] xem, ở đó người ta đang cần người rửa bát đĩa đấy...

Tôi đến tàu. Người chủ tiệm ăn cao lớn, râu ria xồm xoàm, đội chiếc mũ lụa đen không vành, nhìn tôi qua cặp kính bằng đôi mắt mờ đục và khẽ nói:

- Hai rúp một thàng. Giấy thông hành đâu?

Tôi không có giấy thông hành. Người chủ tiệm suy nghĩ rồi bảo:

- Dẫn mẹ mày tới đây.

Tôi chạy về. gặp bà ngoại. Bà tán thành hành động của tôi và dụ ông đến sở thủ công nghiệp xin giấy thông hành cho tôi, còn bà thì thân chinh đi với tôi xuống tàu thủy.

- Được. – Chủ tiệm nhìn chúng tôi rồi nói. – Chúng ta xuống dưới này.

Ông ta dẫn tôi ra sau lái. Ở đây có một đầu bếp phục phịch mặc áo cánh trắng, đội mũ chụp trắng ngồi sau chiếc bàn con, vừa uống trà vừa hút một điếu thuốc to tướng. Người chủ tiệm đẩy tôi lại phía bác đầu bếp:

- Đưa rửa bát đĩa đây!

Rồi ông ta bỏ đi thẳng. Bác đầu bếp thở phì phì, vênh bộ ria mép đen lên, nói với theo người chủ tiệm:

- Mướn về đây đủ thứ quý sứ, cốt rẻ mà...

Cáu kính ngẩng cái đầu to với bộ tóc đen cắt ngắn, bác trợn tròn cặp mắt đen thẫm, vươn vai, phùng má, làm ra vẻ quan trọng, quát oang oang:

- Mày là thằng nào?

Tôi rất không ưa con người ấy. Tuy mặc toàn đồ trắng, bác ta vẫn có vẻ nhem nhuốc, lông mọc đầy ngón tay và tua tủa trong hai lỗ tai to.

- Cháu đói quá. – Tôi bảo bác.

Bác nheo mắt, và bỗng nhiên một nụ cười rộng làm thay đổi

hắn bộ mặt hung dữ; đôi má đầy đặn, đỏ tía như những làn sóng chạy đến tận mang tai, để lộ ra mấy cái răng to như răng ngựa; bộ ria mép mềm mại buông thõng; bác bỗng giống như một người đàn bà hiền lành, béo phục phịch.

Hắt chỗ nước trà còn lại trong cốc qua thành tàu, bác rót cho tôi cốc mới, rồi đẩy về phía tôi một chiếc bánh mì trắng kiểu Pháp còn nguyên và một khúc xúc xích to.

- Chén đi! Có cha mẹ không? Có biết ăn cắp không? Không sao, đừng sợ. Ở đây toàn một lũ trộm cắp cả, chúng nó sẽ dạy mày!

Bác ta nói như sữa. Khuôn mặt bác to lớn, vùng da quanh mũi được cạo nhẵn xanh, chằng chịt những mạch máu đỏ; cái mũi đỏ hồng nhòm bộ ria; môi dưới của bác trề ra, vẻ nặng nề và khinh miệt. Điều thuốc dính chặt bên mép đang bốc khói. Có lẽ bác mới từ nhà tắm ra – người bác còn thoảng mùi càn bạch dương^[40] và lá ớt. Thái dương và cổ bác đầm đìa những giọt mồ hôi lóng lánh.

Khi tôi uống trà xong, bác dúm cho tôi tờ giấy bạc một rúp.

- Đi mua lấy hai cái tạp dề có yếm che mà mặc. Hượm, để tao mua cho cũng được!

Bác sửa lại mũ chụp rồi đi ra, người lắc lư nặng nề, chân dò dẫm trên boong tàu như một con gấu.

... Trời về đêm. Mặt trăng sáng rực rỡ lướt qua con tàu sang cánh đồng cỏ ở mạn trái. Con tàu cũ kĩ màu gạch, có một viền trắng trên ống khói, thông thả và giậm giậm đập cánh quạt vào làn nước bạc. Hai bờ sông đen ngòm lặng lẽ trôi về phía con tàu, in bóng xuống mặt sóng. Trên bờ, cửa sổ mấy căn nhà gỗ tỏa ánh sáng màu đỏ quanh quách. Trong làng vang lên những

tiếng hát: Đó là các cô thôn nữ đang ca múa, điệp khúc “Aie Ludi” vang đến tai tôi nghe như khúc “Aliluya”^[41].

Một chiếc sà lan cũng màu gạch được kéo bằng sợi dây cáp dài trôi theo sau tàu thủy. Boong sà lan quây bằng hàng rào sắt. Trong chiếc lồng sắt đó là những tù nhân bị đi đày hay tù khổ sai. Ở mũi sà lan, lưỡi lê của người lính canh sáng loáng như một ngọn nến. Không khí yên lặng bao trùm. Ánh trăng tràn ngập. Những đốm tròn xám hiện lơ mờ sau dây hàng rào sắt đen ngòm – đó là những người tù đang nhìn dòng Volga. Nước sông nức lên, không hiểu nó đang khóc hay đang cười gượng gạo. Cảnh vật xung quanh trang nghiêm như không khí trong nhà thờ, mùi dầu mỡ xông lên cũng nồng nặc như ở nhà thờ vậy.

Tôi nhìn chiếc sà lan và hồi tưởng lại khi còn bé, nhớ đến đoạn đường từ Astrakhan đến Nizhny, nhớ bộ mặt danh thếp của mẹ, nhớ bà – người đã dìu dẫn tôi vào cuộc đời tuy khó khăn nhưng đầy thú vị này^[42]. Và khi nghĩ đến bà, tất cả những điều xấu xa, tủi nhục như tan biến, như khác hẳn, mọi vật lại trở nên thú vị, dễ chịu hơn, mọi người trở nên tốt hơn, đáng yêu hơn...

Tôi xúc động, muốn òa khóc trước cảnh đẹp ban đêm và cả trước chiếc sà lan kia, nó trông giống quan tài, thừa thãi trong khoảng không gian lỏng lẻo trên dòng sông menh mông, trong bầu không khí thanh bình huyền ảo của trời đêm âm áp. Những đường nét nhấp nhô của bờ sông, khi lên, khi xuống, làm trái tim tôi bồi hồi một cách dễ chịu. Tôi muốn trở thành một người tốt, có ích cho tất cả mọi người.

Hành khách trên chuyến tàu của chúng tôi thật đặc biệt. Tất cả – già, trẻ, đàn ông, đàn bà – tôi thấy hình như giống nhau

hết. Tàu đi chậm chậm. Những người vội công việc thường đi tàu chở thư; còn tàu của chúng tôi chỉ thu hút các loại vô công rồi nghề. Từ sáng đến chiều họ ăn, uống, dây bán hàng đồng bát đĩa, dao, dĩa, thìa. Công việc của tôi là rửa bát đĩa, lau dĩa và dao. Tôi làm các việc đó từ sáu giờ sáng đến tận nửa đêm. Ban ngày, khoảng từ hai giờ đến sáu giờ, và buổi tối, từ mười giờ đến nửa đêm, công việc của tôi nhẹ nhàng hơn: Trong giờ nghỉ sau các bữa ăn, hành khách thường chỉ uống trà, bia và rượu. Trong những giờ đó, tất cả nhân viên phục vụ trong tiệm – những kẻ phụ trách tôi – đều được rỗi rãi. Bác đầu bếp Smouri, bác phụ bếp Yaakov Ivanovich, anh rửa bát Maksim và gã hầu bàn Sergei gù lưng có bộ mặt sần sùi nốt đậu, gò má dô ra, cặp mắt dâm dăng, chuyên phục vụ hành khách trên boong. Tất cả ngồi với nhau quanh chiếc bàn gần cửa ra vào, cùng uống trà. Bác Yaakov Ivanovich vừa kể mấy câu chuyện đếu giả vừa cười hô hô, để lộ mấy cái răng sâu xanh nhợt. Sergei thì toác cái miệng nhái rộng đến tận mang tai. Maksim rầu rĩ ngồi lặng thinh nhìn mọi người bằng cặp mắt nghiêm khắc không rõ màu.

- Lũ châu Á! Bọn Moldova^[43]! – Thỉnh thoảng bác đầu bếp thốt lên, giọng ồm ồm.

Tôi chẳng ưa bọn người đó tí nào. Bác Yaakov Ivanovich to béo, hói đầu, chỉ toàn nói chuyện về đàn bà một cách bản thủ. Bộ mặt bác ta phèn phẹt, điểm những nốt tím bầm. Một bên má có cái nốt ruồi với đám lông đỏ hoe mà bác xoắn nhọn lại như một cái kim. Khi có mục hành khách nào điệu bộ suồng sã, dễ tính lên tàu, bác quần quanh bên mục ta với vẻ rụt rè, nhút nhát như một kẻ hành khất. Bác nói với mục ta bằng giọng ngọt ngào và rầu rĩ; nước bọt sùi ra cả môi, thỉnh thoảng bác lại lia nhanh cái lưỡi ghê tởm ra quét nước bọt. Không hiểu sao tôi cứ có cảm

giác rằng mấy tên đao phủ cũng đều phì nộn như vậy cả.

- Phải biết cách kích thích bọn đàn bà mới được. – Bác ta dạy Sergei và Maksim.

Bọn này phòng má, đổ mặt, chăm chú nghe bác ta nói.

- Đồ châu Á. – Bác Smouri khàn khàn nói ra vẻ kinh tởm rồi nặng nề đứng dậy, ra lệnh cho tôi. – Peskov, đi thôi!

Về buồng riêng, bác vứt cho tôi một quyển sách nhỏ bìa da rồi nằm dài lên cái giường kê áp vách buồng ướp lạnh.

- Đọc đi!

Tôi ngồi lên một thùng mì ống và đọc rất tận tâm:

“*Umbracul*, sặc sỡ những tinh cầu, có nghĩa là kết nối hòa hợp với vũ trụ, nhờ đó mà giải thoát mình khỏi bọn phạm tặc và bọn phóng đảng”^[44]...

Bác Smouri hút xong điều thuốc, phào khói, càu nhàu:

- Đồ lạc đà! Viết với lách...

- “Để hở ngực trái chứng tỏ sự trinh bạch của lòng mình.”

- Ai để hở?

- Không thấy nói đến.

- Thế có nghĩa là đàn bà đấy... Hừ, bọn phóng đảng!

Bác nằm nhắm mắt, tay duỗi ra làm gôi, điều thuốc lá dính vào bên mép thong thả bốc khói. Bác đưa lưỡi sửa lại điều thuốc, hít mạnh đến nỗi trong ngực bác có tiếng réo, gương mặt to lớn chìm trong khói thuốc. Đôi khi, tưởng bác đã ngủ, tôi ngừng đọc, ngắm nghía quyển sách đáng nguyên rửa ấy, nó làm tôi chán đến phát lợm.

Nhưng giọng bác vẫn khàn khàn:

- Đọc đi!

- “Venera trả lời: Hãy nhìn đây, anh Suvyerin đáng mến của tôi...”

- Syevyeverin chứ...

- Đây in là Suvyerin...

- Thế à? Khỉ thật! Ở cuối sách có thơ đấy, lướt qua xem nào...

Tôi lướt qua:

Bọn phàm tục tò mò muốn biết công việc của chúng ta,

Không bao giờ cặp mắt kém cỏi của các người thấy được!

Và các người cũng không thể biết chư huynh đã hát...

- Thôi! – Bác Smouri nói. – Đấy có phải là thơ đâu! Đưa quyển sách đây...

Bác giận dữ lật lật những trang giấy xanh dày rồi nhét quyển sách xuống dưới đệm.

- Lấy quyển khác xem...

Không may cho tôi, trong cái hòm đen bịt sắt của bác còn nhiều sách, đại loại: Những lời giáo huấn của Omir, Hồi kí pháo binh, Những bức thư của Lord Sydenham, Bàn về giống rệp nguy hại, phương pháp diệt trừ rệp có kèm theo chỉ dẫn. Nhiều quyển mất cả đầu lẫn đuôi. Thỉnh thoảng bác đầu bếp lại bắt tôi lục đống sách ra và đọc hết các tựa sách. Tôi đọc, còn bác thì bực tức càu nhàu:

- Đồ vô lại, viết với lách... Cứ như là đâm vào tai^[45] mình ấy, chẳng hiểu ý nghĩa ra sao cả! Gervase à! Cái lão Gervase ấy, tao cần tới lão ta làm cái của nợ gì cơ chứ? Lại Umbracul?...

Những chữ kì quặc, những tên lạ tai in sâu vào trí nhớ tôi, ám ảnh tôi, rung rung ở đầu lưỡi tôi, khiến tôi cứ muốn nhắc đi nhắc lại chúng mãi, rồi may ra trong âm thanh có hé mở được ý nghĩa của chúng chẳng? Trong khi đó thì phía ngoài cửa sổ, nước vẫn oàm oạp và róc rách không mệt mỏi. Thú biết bao nếu được chuồn ra đằng lái, nơi thủy thủ và thợ đốt lò quây quần giữa những kiện hàng và trần lộn hành khách bằng các quân bài, ca hát, kể những chuyện hấp dẫn! Thú biết bao khi ngồi bên cạnh họ, nghe những câu nói giản dị, dễ hiểu, nhìn lên bờ sông Kama, ngắm những cây thông thẳng như sợi dây đồng, trông những cánh đồng cỏ mà cơn lũ để lại các hồ nhỏ nom như những mảnh gương vỡ phản chiếu vòm trời xanh thẳm!

Con tàu của chúng tôi tách xa dần khỏi bờ. Trong bầu không khí lặng lẽ của một ngày mỗi một, tiếng chuông từ những gác chuông khuất đầu đó vẳng đến, nhắc nhớ cảnh thôn xóm và dân làng. Một con thuyền đánh cá tròng trành trên sóng như miếng vỏ bánh mì. Và đây, trên bờ hiện ra một thôn nhỏ, lũ trẻ vùng vẫy tắm dưới sông, một người nông dân mặc áo đỏ bước trên dải cát vàng. Từ sông trông lên, mọi vật đều có vẻ duyên dáng, nhỏ bé, sặc sỡ, ngộ nghĩnh như những món đồ chơi. Tôi muốn kêu vọng lên bờ và tới cả sà lan những câu nói thân ái, dịu dàng.

Chiếc sà lan màu gạch này rất lôi cuốn tôi. Tôi có thể ngồi liền hàng giờ nhìn nó rẽ sóng bằng cái mũi bèn bẹt. Con tàu lôi nó đi như lôi một con lợn. Thỉnh thoảng sợi dây cáp chùng, đập xuống mặt nước, rồi lại căng ra, ròng ròng những hạt nước và lôi mũi chiếc sà lan. Tôi rất muốn được thấy mặt những người bị nhốt như thú dữ trong cái lồng sắt đó. Đến Perm, khi người ta dẫn họ lên bờ, tôi len được đến cầu sà lan. Hàng chục bóng người xanh xám đi ngang mặt tôi, chân giậm thành thịch, vòng xích kêu loảng xoảng, lom khom dưới những chiếc bị nặng trĩu

vai. Có đủ cả đàn bà, đàn ông, người già, người trẻ, kẻ đẹp, kẻ xấu. Họ giống những người bình thường, chỉ khác cách ăn mặc và râu ria cạo lam nham. Dĩ nhiên, họ là bọn kẻ cướp, nhưng bà ngoại đã kể cho tôi nghe biết bao nhiêu chuyện tốt lành về đám lục lâm.

Bác Smouri giống một tên hung đồ hơn ai hết. Bác bực bội nhìn cái sà lan và cầu nhàu:

- Cầu trời đừng ban cho ta cái số phận như thế này!

Có một lần tôi hỏi bác:

- Bác thì nấu nướng, mà những kẻ khác thì giết người cướp của, sao lại thế nhỉ?

- Tao không nấu nướng mà chỉ chuẩn bị thức ăn thôi, bọn đàn bà mới nấu nướng. – Bác cười khẩy, rồi nghĩ một chút, bác thêm. – Người ta khác nhau ở mức độ ngu ngốc. Người này thông minh, người khác kém thông minh một chút, còn hạng người thứ ba thì ngốc hoàn toàn. Muốn trở nên thông minh hơn, phải đọc những cuốn sách đúng đắn – đó gọi là “ma thuật” hay cái gì ấy. Phải đọc tất cả các sách rồi mới tìm được những quyển đúng đắn...

Bác thường bảo tôi:

- Cháu cứ đọc đi! Nếu đọc cuốn sách một lần chưa hiểu thì đọc bảy lần, bảy lần vẫn chưa hiểu thì đọc mười hai lần...

Bác Smouri nói với mọi người trên tàu thủy, kể cả với tay chủ tiệm làm lì, bằng giọng nhát gừng, môi dưới trề ra vẻ khinh miệt, ria mép vểnh lên. Bác nói như ném đá vào mọi người. Với tôi, bác đối xử dịu dàng và có vẻ chăm sóc, nhưng trong đó có cái gì khiến tôi sợ. Đôi lúc tôi thấy bác cũng có vẻ điên dờ như bà Matryona, em bà ngoại tôi.

Thỉnh thoảng bác lại bảo tôi:

- Khoan hãy đọc...

Và bác nằm thật lâu, mắt nhắm nghiền, mũi thở phì phò, cái bụng to tướng lúc lắc, những ngón tay lông lá rộp bồng xếp trước ngực như người chết, động đậy tựa hồ đang đan một chiếc bát tất vô hình bằng những que đan vô hình.

Đột nhiên bác làu bàu:

- Hừ! Đấy, trời phú cho mày trí tuệ đấy, đi mà sống với nó! Nhưng trí tuệ mà trời phú cho ấy thật ít ỏi và có đều đâu. Giá như mọi người đều có trí tuệ như nhau, nhưng đâu có được... Người này hiểu, kẻ khác không hiểu, và cũng có những đứa lại chẳng muốn hiểu gì tuốt. Thế đấy!

Ngắc ngư từng câu, bác kể những mẩu chuyện trong đời đi lính của bác. Tôi không sao nắm được ý nghĩa của những mẩu chuyện ấy vì tôi thấy chúng không lí thú lắm, hơn nữa bác lại không kể từ đầu, chỉ nhớ đâu nói đấy.

- Trung đoàn trưởng liền gọi tên lính này đến và hỏi: “Trung úy đã nói với mày những gì?” Lính có nhiệm vụ phải trả lời cho thật đúng, thế là tên lính nói hết đầu đuôi câu chuyện. Còn tay trung úy thì nhìn tên lính như nhìn một bức tường, rồi quay lưng đi, cúi đầu xuống. Thế đấy...

Bác đầu bếp cái kính phào khói, càu nhàu:

- Lúc bấy giờ tao đâu có biết điều gì nên nói, điều gì không? Thế là người ta bỏ tù tay trung úy, còn mẹ tay ấy thì nói rằng... Ôi, trời ơi, tao nào có biết gì đâu...

Trời nóng nực. Mọi vật khẽ rung rinh, rì rầm. Bên ngoài bức vách sắt của buồng tàu, bánh xe tàu thủy âm âm khuấy động

mặt nước. Dòng sông chảy thành một dải rộng lướt qua mặt ô cửa sổ tròn, xa xa lơ mờ hiện ra dải bờ cỏ và những hàng cây. Khi thính giác đã quen với mọi âm thanh âm ĩ thì xung quanh tựa như đều lặng lẽ, mặc dầu ở mũi tàu có một thủy thủ vẫn rầu rĩ rống lên:

- Bà...ấy, bà...ấy...

Tôi chẳng muốn tham dự vào việc nào cả, chẳng muốn nghe cũng chẳng muốn làm. Tôi chỉ muốn ngồi dưới bóng râm nào đấy – nơi không có mùi mỡ ngầy ngậy và oi nồng của bếp núc – mơ mơ màng màng ngắm cuộc sống lặng lẽ, mỗi mệp này lướt trên mặt nước.

- Đọc đi! – Bác đầu bếp giận dữ ra lệnh.

Cả đến những người hầu bàn hạng trên cũng sợ bác. Và ngay tay chủ tiệm trông giống con cá vược hiền lành ít nói hình như cũng sợ bác Smouri.

- Ê, thằng này, đồ con lợn! – Bác quát những người phục vụ trong tiệm. – Lại đây, thằng ăn cắp kia! Đồ châu Á... Umbracul...

Bọn thủy thủ và thợ đốt lò kính trọng và nịnh nọt bác vì bác cho họ thịch nịnh, hay hỏi họ chuyện gia đình, làng xóm.

Những thợ đốt lò đen thủi đầy dầu mỡ người Bielorussia bị liệt vào hạng thấp kém nhất trên tàu. Người ta gọi họ bằng đọc một tên “Yak”^[46] và trêu chọc:

- Yak chạy rong sông trên bờ sông.

Khi nghe câu đó, bác Smouri tức khí, máu nóng bốc lên, bác quát anh thợ đốt lò:

- Sao mà lại để cho chúng nó chế giễu như vậy, hử thằng

mặt thớt kia? Quại vào mõm thằng Katsap^[47] ấy.

Có lần anh đội trưởng thủy thủ – đẹp trai và hung dữ – nói với bác Smouri:

- Yak và Khokhol^[48] thì cũng cùng một giuộc!

Bác đầu bếp túm cổ áo và thắt lưng anh đội trưởng, nhắc bổng lên rồi vừa lắc vừa hỏi:

- Có muốn tao quật chết không?

Những trận cãi vã thường xảy ra, đôi khi dẫn tới chỗ ẩu đả, nhưng không ai dám đụng đến bác Smouri: Bác có một sức mạnh phi thường, hơn nữa bà vợ thuyền trưởng lại hay dịu dàng trò chuyện với bác. Đó là một người đàn bà cao lớn, đầy đà, có khuôn mặt như đàn ông và mớ tóc cắt ngắn phẳng phiu như con nít.

Bác uống rượu rất dữ, nhưng không bao giờ say. Bác bắt đầu uống từ sáng, tu bốn hơi hết một chai, rồi nốc bia suốt cho đến tận chiều. Mặt bác dần dần chuyển thành màu nâu sẫm, đôi mắt đen thâm ngơ ngác giương to.

Chiều chiều, bác ngồi trên một cái ghế đẩu, người to lớn, trắng toát. Bác ngồi yên lặng hàng giờ, nheo mắt nhìn xa xa, nơi cảnh vật đang dần khuất. Trong những giờ phút đó, mọi người đặc biệt sợ bác, còn tôi thì thấy thương bác.

Từ trong bếp, bác Yaakov Ivanovich đi ra, mặt đỏ bừng và ướt đầm mồ hôi. Bác đứng gãi cái đầu nhăn thín rồi phát tay một cái, bỏ đi hoặc nói vọng lại từ xa:

- Cá sterlet^[49] ngoẻo cả rồi...

- Thôi được, cho vào món canh thập cẩm...

- Nhưng nếu họ đòi canh cá hay cá hấp thì sao?

- Cứ làm đi. Chúng nó khắc tọng hết.

Đôi lúc tôi quyết định đến chỗ bác đầu bếp. Bác nặng nề đảo cặp mắt:

- Cái gì?

- Không, có gì đâu!

- Tốt!

Dầu sao, có một lần tôi cũng hỏi chuyện được bác trong những giờ phút ấy:

- Tại sao bác lại làm cho mọi người phải sợ? Bác vốn hiền từ cơ mà?

Trái với sự chờ đợi của tôi, bác không nổi câu.

- Đây là tao chỉ hiền từ với mình mà thôi.

Rồi bác lập tức nói thêm, vẻ hiền hậu và trầm ngâm:

- Mà thực thế, có lẽ tao hiền với tất cả mọi người. Có điều tao không tỏ ra ngoài mặt. Không nên để kẻ khác biết điều đó, chúng sẽ đề đầu cưỡi cổ ngay. Người ta thường trèo lên đầu lên cổ những thằng hiền lành như một mô đất khô giữa bãi lầy... Rồi chà đạp... Đi mang bia lại đây...

Uống cốc này sang cốc khác, hết cả chai, bác liếm ria mép:

- Chú em ạ^[50], chú mà lớn hơn chút nữa thì tao có thể dạy cho được nhiều điều đấy. Tao không phải là thằng ngốc, tao cũng có những điều có thể nói được cho kẻ khác nghe... Mà cứ đọc sách đi. Trong sách có đủ những điều cần thiết đấy. Sách vở không phải là trò vô bổ đâu! Có muốn uống bia không?

- Cháu không thích.

- Tốt. Đừng uống làm gì. Nghiện ngập khổ lắm! Rượu chè là

của ma quỷ. Tao mà giàu có thì tao đã cho mày đi học rồi. Người vô học chỉ là con bò đực. Muốn đeo cái ách lên cổ hay muốn xẻo thịt nó thì nó cũng chỉ biết vẫy đuôi...

Bà vợ thuyền trưởng cho bác mượn một tập truyện của Nikolai Gogol^[51]. Tôi đọc *Chuyện báo thù khủng khiếp* và rất thích truyện ấy, nhưng bác Smouri lại cáu kỉnh kêu:

- Tầm bậy, chuyện bịa cả! Tao biết có những quyển sách khác...

Bác tước mắt của tôi quyển sách, rồi mượn được của bà vợ thuyền trưởng một quyển khác, cau có ra lệnh:

- Đọc *Tarat*... xem sao? Mày tìm xem tên ông ta là gì. Bà ta khen hay lắm. Hay đối với ai mới được chứ? Đối với bà ta có lẽ hay, nhưng với tao có thể lại không hay thì sao? Bà ta đã cắt tóc ngắn rồi! Sao không cắt luôn cả tai một thể?

Khi *Tarat* thách *Ostap* đọ sức, bác đầu bếp cười rộng lên:

- A! Khá lắm! Mày có học, còn tao thì có sức! Sách thể mới là sách chứ! Lũ lạc đà!...

Bác nghe chăm chú, nhưng thường càu nhàu:

- Ê, tầm bậy! Không thể nào chém đứt đôi người từ bả vai xuống đến hông được, không thể được! Và cũng không thể xóc vào ngọn giáo mà nâng lên được – giáo gãy mất còn gì? Tao cũng đã từng là lính...

Sự phản bội của *Andriy* khiến bác ghê tởm.

- Thằng nhãi ranh đốn mặt! Chỉ vì đàn bà! Phì...

Nhưng khi *Tarat* bắn chết đứa con thì bác đầu bếp liền thông chân xuống giường, cúi mặt, tì tay vào giường mà khóc. Nước mắt từ từ chảy trên má, nhỏ giọt xuống sàn tàu. Bác sứt sứt, lắm

bầm;

- Ôi, lạy Chúa... Lạy Chúa tôi...

Rồi bác bỗng quát tôi:

- Đọc đi chứ, ranh con^[52].

Bác lại khóc, và khi Ostap kêu lên trước khi chết: “Cha ơi! Cha có nghe không đây?” thì bác khóc òa lên một cách dữ dội hơn và cay đắng hơn.

- Tất cả đều chết hết. – Bác Smouri nức nở. – Tất cả! Hết rồi à? Ôi, thật là tệ hại! Người như Tarat ấy mới là người! Phải, đây mới thật là những con người...

Bác giằng quyển sách từ tay tôi rồi vừa chăm chú ngắm nghía vừa nhỏ lệ xuống bìa sách.

- Quyển sách hay thật! Thú vị thật!

Sau đó chúng tôi đọc truyện *Ivanhoe*^[53]. Bác Smouri rất thích Richard Plantagenet.

- Đó mới là một ông vua chân chính! – Bác nói một cách tin tưởng.

Còn tôi thì lại cho câu chuyện ấy đáng chán.

Nói chung, sở thích của chúng tôi không giống nhau. Tôi rất say mê *Truyện chú bé Thomas Jones*^[54] – bản dịch cũ của *Truyện Tom Jones*, đứa bé bị bỏ rơi, nhưng bác Smouri càu nhàu:

- Vớ vẩn! Tao cần cóc gì thằng Tom ấy? Nó có giúp cho tao được quái gì đâu, cần phải có những quyển sách khác.

Một hôm, tôi bảo bác rằng tôi biết những quyển sách khác, những sách bí mật, sách cấm chỉ có thể đọc vào ban đêm, ở dưới các hầm nhà.

Bác trợn tròn mắt, vểnh râu.

- Sao? Mà y bạ gì thế?

- Cháu không nói dối đâu. Có một cố đạo hỏi cháu trong buổi xưng tội về những quyển sách ấy. Và trước đó, chính cháu đã trông thấy người ta đọc những quyển ấy, họ còn khóc nữa...

Bác đầu bếp cau mày nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Ai khóc?

- Cô tiểu thư ngồi nghe. Còn cô kia thì sợ đến nỗi bỏ chạy mất.

- Mà y nói mê đấy, tỉnh lại đi. – Bác Smouri vừa nói vừa từ từ nhắm mắt lại.

Sau một phút yên lặng, bác lẩm bẩm:

- Tất nhiên là ở một nơi nào đó, phải có... một điều gì thâm kín. Không thể nào không có được... Tao không còn ở vào lứa tuổi đó nữa, và tính tao cũng không... Tuy nhiên...

Bác có thể nói một cách hùng hồn như vậy hàng giờ...

Dần dần tôi tự nhiên quen đọc và mượn sách đọc một cách hứng thú. Những điều kể trong sách đều khác hẳn cuộc sống. Chúng dễ chịu hơn, còn cuộc sống thì mỗi ngày một nặng nề.

Bác Smouri cũng ham đọc sách hơn. Bác thường bắt tôi bỏ dở công việc.

- Peskov, đi lấy sách ra đọc.

- Cháu còn nhiều bát đĩa chưa rửa lắm.

- Thằng Maksim sẽ rửa cho.

Với giọng gắt gỏng, bác xua người rửa bát chính đi làm thay

công việc cho tôi. Anh ta tức tối đập vỡ cốc để trả thù. Người chủ tiệm hiền lành báo trước cho tôi biết:

- Tao sẽ đuổi mày khỏi tàu đây!

Một lần Maksim cố ý để sót mấy cái cốc trong chậu nước bắn lẫn nước trà uống thừa. Tôi hắt nước ra ngoài thành tàu và hắt luôn cả mấy cái cốc xuống sông.

- Đó là lỗi của tôi! – Bác Smouri nói với chủ tiệm. – Ông ghi vào tài khoản tôi.

Bọn phục vụ trong tiệm bắt đầu lờm nguýt và bảo tôi:

- Ê, thằng kia, con mọt sách! Người ta thuê mày để làm gì?

Và họ thường làm bắn bát đĩa một cách vô duyên cớ, cố đùn thật nhiều công việc cho tôi. Tôi hiểu rằng những sự việc đó sẽ đưa đến một kết thúc không tốt cho tôi, và tôi đã không làm.

Một mù đàn bà mặt đỏ tía cùng một cô gái trùm khăn vàng, khoác áo bờ lu mới màu hồng, từ một bến nhỏ lên tàu. Cả hai đều ngà ngà say. Mụ đàn bà tũm tũm cúi chào mọi người và nói nhán nhá các chữ “ô”, giống như thầy phụ lễ.

- Xin lỗi anh em nhé, tôi có uống một đôi tí rượu! Người ta kết án tôi, rồi lại tuyên bố trắng án cho tôi. Vì thế tôi mới uống mừng...

Cô gái cũng vừa cười khúc khích vừa nhìn mọi người bằng cặp mắt mờ đục, đẩy mụ đàn bà:

- Đi đi, đồ thổ tả^[55], đi đi, liệu đây...

Họ ở khoang hạng nhì, đối diện với buồng ngủ của bác Yaakov Ivanovich và anh Sergei. Chẳng bao lâu, mụ đàn bà biến đâu mất, còn Sergei thì ngồi sát cô con gái, há hốc cái miệng nhái ra một cách khao khát.

Đến khuya, khi tôi làm xong công việc và sắp nằm ngủ trên bàn, Sergei đến bên cạnh, kéo tay tôi.

- Lại đây, chúng tao sẽ cưới vợ cho mày...

Hắn đang say rượu. Tôi cố gỡ tay ra, hắn liền quai cho tôi một cú.

- Đi đi!

Maksim chạy đến. Anh ta cũng say rượu. Cả hai lôi tôi lên boong tàu, ngang qua chỗ các hành khách đang ngủ, đến buồng của họ. Nhưng bác Smouri đã đứng ở cửa buồng. Bác Yaakov Ivanovich giữ chặt lấy khung cửa, còn cô con gái thì đang lấy tay thụi vào lưng bác ta và kêu lên bằng một giọng say chénh choáng:

- Bỏ ra...

Bác Smouri lôi tôi khỏi tay của Sergei và Maksim rồi túm tóc, đập đầu họ vào nhau và ẩy họ ra. Cả hai cùng ngã quỵ xuống...

- Đồ châu Á! – Bác nói với Yaakov rồi đóng sập cửa ngay trước mặt bác này.

Vừa đẩy tôi, bác vừa rống lên:

- Cút đi ngay!

Tôi chạy ra đằng lái. Bầu trời đêm đầy mây. Sông đen sẫm. Hai con đường nhỏ màu xám sau đuôi tàu đang sôi lên và tách ra về phía đôi bờ không thấy rõ. Chiếc sà lan được kéo theo nằm giữa hai con đường đó. Những đốm lửa đỏ hiện ra, lúc ở bên phải, lúc ở bên trái, không soi rõ được gì, rồi lại biến mất sau những chỗ ngoặt bất ngờ của bờ sông. Sau đấy, đêm như đen tối thêm và tôi càng thấy khổ sở hơn.

Bác đầu bếp chột đi đến, ngồi xuống cạnh tôi, thở dài với vẻ

mặt nặng nề và đánh diêm châm thuốc hút.

- Chúng nó kéo mày đến với con ấy à? Hừ, lũ đốn mạt! Tao nghe được chúng nó mưu tính với nhau...

- Bác đã cứu cô ta khỏi bọn họ chứ?

- Cô ta ấy à? – Bác chửi cô con gái bằng mấy câu thô tục và nói tiếp, giọng nặng nề. – Tất cả bọn ở đây đều là một lũ chó chết. Cái tàu thủy này còn tệ hơn ở thôn quê nhiều. Mày đã sống ở nhà quê chưa?

- Chưa ạ.

- Thôn quê hỏng cả! Nhất là mùa đông.

Vứt mẩu thuốc qua thành tàu, bác lặng yên một lúc rồi tiếp:

- Ở trong cái chuồng lợn này, mày đến hỏng mắt! Tao thương hại mày, con chó con ạ. Và thương cho cả mọi người. Đôi khi tao chẳng biết làm thế nào nữa... Đến nỗi muốn quỳ xuống mà hỏi họ: “Các người làm gì thế, hở lũ chó má kia? Sao lại thế, hở lũ mù quáng kia?” Thật là lũ ngu xuẩn...

Còi tàu rúc lên một hồi dài. Sợi dây cáp lại đập xuống mặt nước. Trong bóng đêm dày đặc, một đốm đèn lồng lắc lư chỉ cho biết chỗ nào là bên tàu. Từ trong bóng tối, hiện ra vài đốm lửa nữa.

- Rừng “Say”. – Bác đầu bếp càu nhàu. – Và có cả sông “Say” nữa. Có một tay quân nhu tên là “Say”, rồi thư kí cũng “Say”... Thôi, phải lên bờ cái đã...

Một đám đàn bà con gái to lớn vùng sông Kama khiêng củi trên những cái cáng dài từ trên bờ xuống tàu. Khom lưng dưới dây đeo, họ đi từng đôi, nhún chân như nhảy múa tới phía hầm lò và trút những thanh củi dài nửa sazhen^[56] vào cái hầm đen

ngòm, miệng kêu vang:

- Từ từ chứ!

Khi họ mang củ xuống, bọn thủy thủ liền sờ soạng vào vú, vào đùi họ. Lũ đàn bà hét inh ỏi, nhổ nước bọt vào bọn đàn ông. Khi quay lên bờ, họ dùng cái cằng để chống đỡ, đánh những kẻ định câu véo và xô đẩy họ. Tôi thấy những cảnh tượng đó hàng chục lần: Trong mỗi chuyến đi, ở tất cả các bến mà tàu dừng để lấy thêm củ đều xảy ra những trò như vậy.

Tôi có cảm giác như mình đã già, đã sống nhiều năm trên cái tàu thủy này và biết hết mọi điều xảy ra trên tàu trong ngày mai, tuần sau, trong mùa thu và cả sang năm nữa.

Trời hửng sáng. Trên bờ cát dốc cao hơn bến tàu hiện ra một rừng thông rậm rạp. Những người đàn bà leo dốc về phía rừng, vừa hát vừa cười vừa hú... Vũ trang bằng những cái cằng dài, trông họ như những người lính.

Tôi muốn khóc. Nước mắt sục sôi trong ngực. Trái tim như bị nung trong đám nước mắt nóng bỏng đó. Tôi đau nhói cả người.

Nhưng khóc thì thật đáng xấu hổ, nên tôi đi giúp anh thủy thủ Blyakhin rửa boong tàu.

Blyakhin là một con người tầm thường không có gì đặc sắc. Vẻ nhợt nhạt, ủ rũ, lúc nào cũng chui vào các xó xỉnh và từ xó tối đó chỉ thấy ánh lên hai đốm mắt nhỏ xíu.

- Thực ra tên tục của tớ không phải là Blyakhin mà là... Bởi vì mẹ tớ đã sống một cuộc đời sa đọa, chú mày hiểu chứ? Tớ có em gái, nhưng nó cũng giống mẹ. Có lẽ số phận cả hai là như vậy. Số phận là cái neo của cả bọn chúng ta, chú em ạ! Sao chú mày không đi nơi khác đi, à, hãy khoan...

Anh ta vừa kéo lê cái chổi trên boong tàu vừa thủ thỉ với tôi:

- Chú mày thấy chúng nó chọc ghẹo lũ đàn bà như thế đấy! Thế đấy! Đến thanh củi ẩm đốt lâu rồi cũng phải cháy! Tớ không ưa điều đó, không thích chút nào, chú em ạ. Nếu như tớ sinh ra là đàn bà thì tớ sẽ tự vẫn ngay ở vực nước xoáy đen ngòm cho rảnh. Chúa Jesus che chở cho chúng sinh thế đấy!... Như thế này cũng đã chán chẳng muốn làm gì, thế mà chúng nó lại còn khơi lửa lên nữa chứ! Tớ nói thật đấy, bọn hoạn không phải là dân ngu ngốc đâu. Chú đã nghe nói về bọn hoạn rồi chứ? Thật là một bọn thông minh, chúng đã đoán rất đúng: Hãy vứt bég mọi vật nhỏ nhặt và dốc lòng thờ phụng Chúa...

Bà vợ ông thuyền trưởng, váy xắn cao, bước tránh những vũng nước, đi ngang qua chỗ chúng tôi. Bà luôn luôn dậy sớm. Người bà cao lớn, cân đối, khuôn mặt bà giản dị, sáng sủa... Tôi chỉ muốn chạy theo bà và thành khẩn van xin: “Bác hãy kể cho cháu nghe một chuyện gì đi, bác kể nhé!...”

Con tàu chậm chạp rời bến. Anh Blyakhin vừa làm dấu vừa nói:

- Tàu đi rồi...

Đến Sarapul, Maksim rời tàu. Anh ra đi lặng lẽ, không chào ai, dáng điệu nghiêm trang và bình thản. Theo sau anh là mẹ đàn bà vui tính vừa đi vừa cười tùm tùm và cô con gái, váy áo nhàu nát, cặp mắt sưng húp.

Sergei thì quỳ rất lâu trước buồng thuyền, hấn hôn tấm ván cửa, đập trán vào đó mà gào lên:

- Xin ông tha thứ cho con, con không có lỗi. Đây là Maksim...

Thủy thủ, bọn hầu bàn và cả một vài hành khách tuy biết là hấn nói dối, nhưng cũng khích lệ:

- Cứ thế, cứ thế! Ông ấy sẽ tha tội cho đây!

Thuyền trưởng đuổi cổ hấn, thậm chí còn lấy chân đạp một cái khiến Sergei ngã lộn nhào, nhưng cuối cùng cũng tha thứ cho hấn. Sergei lập tức lại chạy khắp boong tàu, bưng các khay đựng ấm chén trà tới các bàn và nhìn thẳng vào mặt mọi người với vẻ xu nịnh như cún.

Thế chân Maksim, người ta tuyển một anh lính miền Vyatka nhỏ bé, gầy gò, có cái đầu nhỏ xíu với cặp mắt màu nâu. Người phụ bếp sai anh đi cắt tiết gà. Anh lính cắt được hai con, còn lại thì đánh xổng trên boong. Hành khách chạy đi bắt gà. Ba con gà mái bay ra ngoài thành tàu. Anh lính bèn ngồi ngay trên đồng củi cạnh bếp, khóc rưng rức...

- Mà y làm sao thế hả đồ ngốc? – Bác Smouri ngạc nhiên hỏi. – Lính tráng mà lại khóc à?

- Cháu ở đại đội hậu cần. – Anh lính khề nói.

Việc mất gà và khóc lóc này đã làm hại anh lính. Nửa giờ sau, mọi người trên tàu đều giễu cợt anh, họ đến sát anh, nhìn thẳng vào mặt anh và hỏi:

- Anh chàng này đây à?

Rồi họ phá lên cười rữ rượi, cái lối cười chọc tức thật lố bịch.

Ban đầu anh lính không nhìn ai, không nghe thấy tiếng cười. Anh lấy tay áo bằng vải hoa đã cũ quệt nước mắt, tựa như giấu những giọt nước mắt vào trong tay áo. Nhưng chẳng bao lâu cặp mắt nâu của anh lóe lên vẻ giận dữ, anh cất giọng miền Vyatka líu ríu như tiếng chim ác là:

- Sao các người lại cứ giương nhỡn cầu ra mà nhìn tôi như thế? Đem mà bằm vằm các người ra...

Điều đó càng làm đám người thêm nhộn nhạo. Họ chọc vào người anh, túm lấy áo, lấy tạp dề của anh, trêu anh như trêu một con dê và cứ như vậy chòng ghẹo anh cho đến tận bữa trưa. Sau bữa ăn, một người cầm miếng chanh vắt rồi vào đuôi thìa gỗ rồi buộc vào dải tạp dề sau lưng anh lính. Khi anh ta bước đi, cái thìa lủng lẳng sau lưng. Mọi người cười rộ lên, còn anh thì cứ chạy ngược chạy xuôi như một con chuột nhắt bị bắt, không hiểu vì sao người ta lại cười.

Bác Smouri lặng lẽ theo dõi anh lính với vẻ đứng đắn, gương mặt bác giống hệt mặt đàn bà.

Tôi thấy thương hại anh lính. Tôi hỏi bác đầu bếp:

- Có thể bảo anh ấy biết chuyện cái thìa không, bác?

Bác yên lặng gật đầu.

Khi tôi nói cho anh lính biết người ta cười cái gì, anh liền quờ

ngay được cái thìa, giật ra, ném xuống sàn và lấy chân giậm lên, rồi anh dùng hai tay túm tóc tôi. Chúng tôi bắt đầu đánh nhau. Đám người đứng xem rất khoái chí, họ lập tức quay tròn lại.

Bác Smouri gạt đám người, tách hai đứa tôi ra và đầu tiên kéo tai tôi, sau kéo tai anh lính. Khi đám người đứng xem trông thấy cảnh anh lính bé nhỏ lắc lư cái đầu và nhảy nhót dưới cánh tay của bác đầu bếp, họ điên cuồng la hét, huýt sáo, giậm chân và cười rữ.

- Hoan hô chú lính! Húc đầu vào bụng lão bếp ấy!

Sự hân hoan mọi rợ của bầy người đó khiến tôi muốn nhảy xổ vào họ, cầm thanh củi và phang thẳng vào những cái đầu bẩn thỉu kia.

Bác Smouri thả anh lính ra rồi chắp hai tay sau lưng, bác đi về phía đám đông như một con lợn lòi, râu vểnh lên, răng nhe ra một cách ghê sợ.

- Ai về chỗ này. Bước! Đồ châu Á...

Anh lính lại xông đến chỗ tôi, nhưng bác Smouri dùng một cánh tay kẹp lấy anh, mang đến vòi nước và bơm nước giội lên đầu anh lính, lật ngang lật ngửa cái thân hình ốm yếu của anh ta như vằn một con búp bê vải.

Các thủy thủ cùng người hoa tiêu và người giúp việc cho thuyền trưởng chạy đến; đám người lại xúm lại. Ông chủ tiệm đứng cao hơn mọi người đến một cái đầu. Như mọi khi, ông lặng thinh không nói một lời.

Anh lính ngồi thụp xuống đồng củi cạnh bếp, hai tay run run tháo đôi ủng và bắt đầu vắt nước ở các miếng giẻ quấn chân. Nhưng những miếng giẻ ấy đều khô, còn nước thì nhỏ từ đám tóc thưa của anh xuống. Cảnh tượng đó lại khiến những

người đứng xem phì cười.

- Các người đều cùng một giuộc cả. – Anh lính nói bằng giọng the thé. – Tôi sẽ giết chết thằng bé!

Vừa vịn vai tôi, bác Smouri vừa nói gì đó với người giúp việc thuyền trưởng. Các thủy thủ giải tán đám đông. Khi mọi người đã tản đi hết, bác đầu bếp hỏi anh lính:

- Bây giờ biết xử trí với mày sao đây?

Anh ta lặng thinh, nhìn tôi bằng cặp mắt man rợ, người rung lên một cách lạ thường:

- Nghiê...iêm, thằng động kinh kia! – Bác Smouri nói.

Anh lính trả lời:

- Gì mà la lên như cái kèn ấy? Đây không phải là trong trại lính!

Tôi thấy bác đầu bếp ngớ người ra vì mắc cỡ. Đôi má đang hồng của bác xẹp hẳn xuống và nhăn nhúm lại. Bác nhổ một bãi nước bọt rồi bỏ đi, kéo tôi theo. Tôi bàng hoàng bước sau bác, chốc chốc lại ngoái nhìn anh lính, còn bác Smouri lăm lăm, vẻ như bắn khoăn:

- Hừ, gồm chữa? Thôi mặc chúng bay...

Sergei đuổi theo chúng tôi và không hiểu vì sao lại thì thầm:

- Nó định cắt cổ tự tử đấy!

- Đâu? – Bác Smouri hét lên và chạy lại.

Anh lính đứng ở cửa buồng của những người hầu bàn, tay cầm một con dao to. Con dao này người ta thường dùng để chặt đầu gà và chẻ củi nên đã cùn và sứt mẻ như một cái răng cưa. Đám người đứng trước buồng đang theo dõi anh chàng bé nhỏ

buồn cười đầu óc ứt đăm đót. Chiếc mũ tẹt của anh lính rung rung như miếng thịt đông, miệng há hốc vẻ mệt mỏi, đôi môi mấp máy. Anh rống lên:

- Quân hành hạ người... Quân hành hạ...ạ...

Nhảy lên một chỗ cao, qua đầu đám đông, tôi nhìn vào mặt họ. Đám người tùm tùm, khúc khích cười và bảo nhau:

- Xem kìa, xem kìa...

Khi thấy anh lính đưa bàn tay gầy guộc như tay trẻ con nhét lại phần gấu áo tuột ra ngoài quần, một người đàn ông nom dễ coi đứng bên tôi thở dài:

- Sắp chết mà vẫn còn sửa quần...

Đám người đứng xem liền cười ồ. Rõ ràng không ai tin anh lính có thể tự tử, cả tôi cũng vậy. Bác Smouri liếc anh lính, rồi vừa xô mọi người bằng cái bụng của mình vừa nói:

- Cút ngay, đồ ngốc!

Bác gọi chung mọi người là “đồ ngốc”, rồi bác đi về phía một tốp, quát lên:

- Về chỗ, đồ ngốc!

Câu đó nghe cũng buồn cười, nhưng quả là như vậy: Ngày hôm nay, từ sáng tới giờ, mọi người chỉ rặt một lũ đại ngốc.

Đuổi xong đám đông, bác đi lại phía anh lính và giơ tay ra:

- Đưa con dao đây...

- Tất cả đều cùng một giuộc cả. – Anh lính vừa nói vừa chìa lưỡi dao ra.

Bác đầu bếp dúi con dao cho tôi rồi đẩy anh lính vào buồng.

- Nằm ngủ một lát đi! Sao mà lại thế, hở?

Anh lính lẳng lặng ngồi lên giường.

- Nó sẽ đưa rượu *vodka* và thức ăn đến cho. Có uống được *vodka* không?

- Cũng uống được chút ít...

- Mà coi chừng đấy, đừng cố đụng vào nó. Nó có chế nhạo màu đầu, hở? Tao bảo là không phải nó...

- Thế tại sao người ta lại làm tình làm tội cháu thế? – Anh lính hỏi khe khẽ.

Bác Smouri chưa nói ngay, sau một lúc bác cau có trả lời:

- Tao biết đâu đấy!

Khi đi với tôi vào bếp, bác lăm bắm:

- Hừ, thật vậy, chúng nó châu đầu vào mà vẫn thẳng khó rách ấy! Mà thấy thế nào? Đấy! Chú em ạ, chúng có thể làm cho người khác phát điên lên được, có thể... Chúng cứ bám lấy như một lũ rệp thế là – tong! Rệp đã thấm vào đầu! Chúng còn độc ác hơn loài rệp nhiều...

Khi tôi mang bánh mì, thịt và rượu *vodka* tới thì anh lính đang ngồi trên giường, người lắc lư nghiêng ngả và khóc ti tỉ, sụt sịt như đàn bà. Tôi đặt đĩa lên cái bàn con và nói:

- Ăn đi...

- Đóng cửa lại.

- Đóng thì tối om.

- Đóng, không có chúng nó lại mò vào...

Tôi bỏ đi. Tôi không thích anh lính. Anh không gọi được

lòng trắc ẩn, lòng thương hại của tôi. Điều đó thật là khó xử, vì bà tôi nhiều lần vẫn dạy: “Phải biết thương người. Mọi người đều bất hạnh, đều sống chật vật...”

- Mang đến chưa? – Bác đầu bếp hỏi tôi. – Thế nào, nó làm gì ở đằng ấy?

- Đang khóc.

- Hừ... Đồ bị thối! Lính tráng gì nó!

- Cháu không thể thương được nó đâu.

- Thế nào? Mày nói sao?

- Phải biết thương người...

Bác Smouri nắm lấy tay tôi, kéo lại gần mình rồi trang trọng nói:

- Không nên thương người một cách miễn cưỡng, nhưng nói càn cũng không tốt đâu, hiểu chưa? Cháu không nên nghĩ vớ vẩn làm gì, hãy hiểu lấy mình đã...

Và đẩy tôi ra, bác cau có nói thêm:

- Đây không phải là đất sống của mày đâu! Này, hút một điếu...

Hành vi của đám hành khách dần vặt tôi, làm tôi bị xúc động mạnh. Tôi cảm thấy trong việc họ chế nhạo anh lính, việc họ cười hô hô một cách khoái trá khi bác Smouri xách tai anh ta, có một cái gì đáng sỉ nhục khó tả, nó đè nặng lên tâm hồn tôi. Sao họ lại có thể thích thú với những trò ghê tởm, đáng thương ấy? Có gì đáng buồn cười một cách khoái trá đến như vậy?

Và giờ đây họ lại đang ngồi hoặc nằm dài dưới mui tàu thấp lè tè, ăn uống, đánh bài, nói chuyện với nhau một cách bệ vệ và

hòa thuận, ngắm dòng sông, tựa hồ như không phải họ là những kẻ một giờ trước đã la ó, nhạo báng người khác vậy. Tất cả bọn họ đều có vẻ trầm lặng, uể oải như mọi khi. Từ sáng đến chiều họ chậm rãi chen chúc trên tàu như lũ ruồi con hay đám bụi trong tia nắng. Và đây, hàng chục người đang chen nhau ở cầu tàu, vừa làm dấu vừa lên bến. Và từ bến tàu lại có những người giống hệt như họ đang xô vào họ để xuống tàu, những người này cũng còng lưng dưới sức nặng của bị, bọc, hòm xiểng, cũng ăn mặc y như vậy...

Sự thay đổi hành khách thường xuyên đó không ảnh hưởng tí nào tới cuộc sống trên tàu. Những hành khách mới sẽ nói những chuyện mà các hành khách trước đã nói: Chuyện ruộng đất, chuyện công ăn việc làm, chuyện Chúa, chuyện đàn bà – và cũng với những lời lẽ như vậy.

- Chúa đã bắt phải chịu đựng thì con người phải chịu đựng! Số phận của chúng ta là như thế, biết làm sao được...

Những lời nói ấy nghe thật buồn tẻ và làm tôi rất bực tức. Tôi không thể nào chịu đựng được sự nhơ bẩn, tôi phẫn nộ trước những thái độ độc ác, bất công, sỉ nhục tôi. Tôi cảm thấy rõ ràng tôi không đáng phải chịu những điều như thế. Và anh lính cũng không đáng phải chịu. Có thể là chính anh ta muốn trở thành trò cười cũng nên...

Anh Maksim – một thanh niên đứng đắn, hiền lành thì bị người ta đuổi khỏi tàu. Còn Sergei – tên dê tiện thì người ta để lại. Toàn là chuyện ngược đời. Mà tại sao những kẻ có thể làm tình làm tội người ta, khiến người ta gần như phát điên ấy, lại luôn luôn ngoan ngoãn phục tùng tiếng la hét giận dữ của thủy thủ, lại có thể bình thản nghe những lời chửi rủa của họ?

- Gì mà đổ xô ra thành tàu thế này? – Người hoa tiêu quát to,

cặp mắt đẹp nhưng dữ tợn nheo lại. – Làm nghiêng cả tàu rồi. Giải tán đi, lũ quỷ mặc áo dạ này...

“Lũ quỷ” liền ngoan ngoãn kéo nhau sang thành bên kia, nhưng ở bên đó người ta lại đuổi họ đi chỗ khác như đuổi một đàn cừu.

- A, cái lũ đáng nguyên rủa này...

Vào những đêm nóng nực, nằm dưới mái tôn bị thiêu đốt suốt cả ngày thật là ngọt ngọt. Hành khách như những con gián bò lổm ngổm khắp boong tàu, bạ đâu nằm đấy. Trước khi tàu cập bến, các thủy thủ lấy chân đá họ dậy.

- Ê, sao lại nằm ườn cả ra lối đi thế này! Cút về chỗ ngay...

Họ dậy và mơ màng di chuyển về phía mà người ta đẩy tới.

Những người thủy thủ cũng giống như họ thôi, chỉ ăn mặc là khác, nhưng lại chỉ huy họ như những viên cảnh sát vậy.

Điều nổi bật dễ nhận thấy nhất trong những con người ấy là cái vẻ lạnh lẽ, rụt rè, phục tùng một cách thảm hại. Và cũng thật lạ lùng, thật đáng sợ khi thấy dưới lớp vỏ của sự phục tùng đó bỗng nhiên nổ ra một trò tinh quái tàn nhẫn, vô nghĩa và hầu như luôn là những trò đùa đáng buồn. Tôi có cảm giác rằng họ không biết người ta sẽ chở họ tới đâu. Người ta cho họ lên bến nào họ cũng chẳng cần. Họ có lên bến nào đi chẳng nữa thì sau một thời gian không lâu ở trên bờ, họ lại xuống tàu này hay tàu khác để đến nơi nào đó. Họ như những kẻ lạc đường, không người thân thích. Mọi bến bờ đều xa lạ đối với họ. Và tất cả bọn họ đều hèn nhất đến mức không thể tưởng tượng được.

Một lần, vào lúc quá nửa đêm, trong máy có một bộ phận nào đó bị vỡ và nổ, nghe như súng đại bác. Lập tức boong tàu bị bao phủ bởi một đám hơi nước dày đặc trắng như mây từ hầm máy

tỏa lên, lọt qua mọi khe ngách. Một người đứng khuất đầu đó kêu thất thanh:

- Gavrilov, sơn đỏ và nỉ...

Tôi ngủ gằn buồng máy, trên cái bàn vẫn dùng làm chỗ rửa bát đĩa. Khi tiếng nổ và sự rung chuyển làm tôi thức giấc, trên boong hầy còn yên lặng. Hơi nóng phun phì phì trong máy, tiếng búa đập hồi hủ. Chỉ một phút sau, tất cả hành khách trên boong đã rống lên, la ó hỗn loạn khiến cho tình hình bỗng chốc trở nên vô cùng khủng khiếp.

Trong đám sương mù trắng xóa đang tan rất nhanh, đàn bà để đầu trần, đàn ông quần áo tả tơi, mắt tròn xoe như mắt cá, chạy nhón nháo, xô nhau ngã dúi dụi. Mọi người lôi tay nải, bao bị, hòm xiểng, chẳng biết đưa đi đâu. Họ vừa vấp ngã vừa cầu Chúa, vừa cầu thánh Nikolai thần thông vừa đánh lẫn nhau. Cảnh tượng thật là khủng khiếp nhưng đồng thời cũng rất thú vị. Tôi chạy theo mọi người và luôn theo dõi xem họ làm những gì.

Lần đầu tiên tôi được thấy cảnh hốt hoảng ban đêm như thế và không hiểu tại sao tôi biết ngay là hành khách đã hoảng sợ một cách vô lí.

Tàu thủy vẫn chạy với tốc độ như cũ, không hề chậm lại. Rất gần phía bên phải thành tàu, những đồng lửa của máy người cắt cỏ đang cháy. Mặt trăng tròn lơ lửng giữa bầu trời trong sáng.

Trên boong, người ta nhón nháo mỗi lúc một dữ hơn. Những hành khách ở các phòng hạng nhất lao lên boong. Một người nhảy ùm xuống sông, người thứ hai nhảy theo, rồi người nữa... Hai người đàn ông và một thầy tu cầm những thanh củi ra sức phá long cái ghề dài gắn ở boong tàu. Phía đuôi tàu, người ta

quăng một cái lồng gà lớn xuống nước. Giữa boong tàu, bên cạnh cái thang lên đài thuyền trưởng, một người đàn ông vừa quỳ lạy những kẻ chạy qua trước mặt mình vừa gào lên như một con chó sói:

- Các đồng hữu chính giáo ơi, tôi là kẻ có tội...

- Cho thuyền lại đây, lũ quỷ sứ kia! – Lão quý tộc to béo mặc độc một cái quần, cởi trần, nắm tay đâm vào ngực, quát tháo.

Các thủy thủ chạy lại, túm cổ áo từng người, nện lên đầu họ rồi quật họ xuống sàn tàu. Bác Smouri khoác áo bành tô ra ngoài bộ đồ ngủ, vừa đi đi lại lại nặng nề, vừa thuyết phục mọi người bằng một giọng oang oang.

- Các người không biết xấu hổ à? Chuyện gì mà làm loạn cả lên thế? Tàu đã dừng lại rồi, nó vẫn đứng yên, có việc gì đâu! Đây, bờ sông kia kìa! Cái bọn ngu ngốc vội nhảy xuống sông đã được những người cắt cỏ vớt và lôi lên rồi. Kìa, họ kia kìa! Hai chiếc thuyền đấy, có thấy không?

Còn đối với hành khách hạng ba thì bác lấy nắm tay nện vào đầu họ, họ lạng lã ngã lăn quay trên sàn tàu như những cái bao tải.

Cuộc hỗn loạn chưa yên thì một bà mặc áo choàng dài, tay cầm thìa xúp, nhảy xổ lại phía bác Smouri, vung thìa sát vào mũi bác ta, kêu lên:

- Mà dám nói như thế à?

Một ông ướm lướt thướt giữ bà ta lại, vừa liếm hàng ria mép vừa bực tức bảo bà:

- Thây kệ cái lão ngốc ấy...

Bác Smouri buông hai tay xuống, nhấp nháy mắt với vẻ lúng

túng và hỏi tôi:

- Thế là thế nào, hở? Tại sao mụ ấy nhảy xổ vào tao? Xin đa tạ! Đúng là tao mới thấy mụ lần đầu!...

Một người đàn ông khác khạc ra một cục máu, kêu lên:

- Con người như vậy đây! Thật là lũ ăn cướp!

Suốt mùa hè, tôi đã hai lần thấy cảnh tượng kinh hoàng như vậy trên tàu thủy, và cả hai lần đều không phải do mối hiểm nguy trực tiếp gây nên mà do sự khiếp sợ trước khả năng có thể xảy ra tai nạn. Lần thứ ba, hành khách tóm được hai thằng ăn cắp, một trong hai đứa ăn mặc như khách lữ hành. Họ bí mật đánh chúng suốt gần một tiếng đồng hồ không cho thủy thủ biết. Khi thủy thủ dẫn bọn ăn cắp đi, họ liền chửi cả thủy thủ.

- Ai còn lạ gì, phường ăn cắp lại bao che cho phường ăn cắp!

- Chính các người cũng là bọn lừa đảo nên các người phải dung túng cho bọn lừa đảo...

Hai tên ăn cắp bị đánh đến ngất đi. Khi người ta trao chúng cho cảnh sát ở bến tàu kế tiếp thì chúng đứng không vững được nữa.

Và còn rất nhiều sự kiện như vậy, khiến tôi vừa lo lắng vừa không sao hiểu được tâm địa con người – không biết họ lành hay ác? Ôn hòa hay quật khởi? Và tại sao đang giận dữ tàn nhẫn họ bỗng trở nên nhịn nhục một cách đáng hổ thẹn nhanh dường vậy?

Tôi đem chuyện đó hỏi bác đầu bếp, nhưng bác phủ khói thuốc mù mịt rồi thường nói với vẻ miễn cưỡng:

- Xì, chuyện ấy làm mày băn khoăn à? Con người bao giờ cũng vẫn là con người... Đứa này thông minh, đứa kia ngu dần.

Mày nên tìm sách mà đọc, đừng có hỏi vợ vẫn. Trong sách, nếu là sách tốt chắc mọi điều đều được người ta nói đến...

Bác không ưa những sách viết về đạo và sự tích các vị thánh.

- Thôi, của này nhường cho các cô đạo, cho con cái cô đạo...

Tôi muốn làm vui lòng bác nên định tặng bác một quyển sách. Tại bến tàu ở Kazan tôi mua quyển *Truyện thuyết về chuyện một người lính đã cứu sống Pyotr Đại đế* giá năm kopek. Nhưng lúc ấy bác đầu bếp đang say rượu và cáu giận nên tôi không dám tặng bác, đành tự đọc trước quyển ấy đã. Tôi rất thích truyện ấy – thật giản dị, dễ hiểu, lí thú và ngắn gọn. Tôi định ninh quyển sách ấy sẽ khiến ông thầy của tôi vui lòng.

Nhưng khi tôi mang sách đến cho bác, bác lặng thinh vò nhàu nó trong lòng bàn tay thành một cục tròn rồi ném xuống sông.

- Đây, sách của mày đây, thằng ngốc kia! – Bác cau có. – Tao dạy mày như dạy một con chó săn, vậy mà mày vẫn cứ muốn nuốt sống những giống thú săn được à?

Bác giậm chân rồi quát tướng lên:

- Cuốn sách đó là sách như thế nào? Tao đã đọc hết những điều ngu xuẩn ấy rồi. Những gì viết trong đó mày tưởng là thật cả đấy à? Sao, nói đi?

- Cháu không biết.

- Còn tao thì tao biết! Khi một đứa đã bị chặt đầu và ngã lăn từ bậc thang xuống đất, những đứa khác còn dại gì mà leo lên vừa cỏ khô nữa – bọn lính không phải là những đứa ngốc! Chúng nó chỉ việc đốt phăng vừa cỏ đi là xong chuyện! Hiểu chưa?

- Hiểu ạ.

- Thế đấy! Tao biết vua Pyotr mà, với ông ta không thể có những chuyện như vậy được! Thôi, xéo ngay...

Tôi hiểu rằng bác đầu bếp nói đúng, nhưng dầu sao tôi vẫn thích quyển sách ấy. Tôi bèn đi mua một cuốn *Truyện thuyết*... khác về đọc một lần nữa và ngạc nhiên thấy rằng quyển đó quả thực rất tồi. Điều đó làm tôi bối rối và tôi càng tin bác đầu bếp, chú ý đến bác hơn. Còn bác thì không hiểu sao ngày càng hay nói với vẻ bực dọc:

- Chà, phải làm thế nào cho mày đi học mới được! Đây không phải là đất sống của mày...

Tôi cũng cảm thấy rằng đây không phải là đất sống của tôi. Sergei đối xử với tôi một cách rất khả ố. Đã vài lần tôi thấy hắn ta lấy đồ trà trên bàn tôi và lén lút đưa cho hành khách mà không cho chủ tiệm biết. Tôi hiểu đó là trò ăn cắp. Bác Smouri nhiều lần dặn tôi:

- Coi chừng đấy, đừng để bọn hầu bàn lấy những đồ trà trên bàn cháu!

Còn nhiều chuyện không hay xảy đến với tôi. Tôi thường muốn trốn khỏi tàu thủy, xuống ngay bên đầu tiên và bỏ vào rừng. Nhưng bác Smouri đã giữ tôi lại: Bác đối xử với tôi ngày một dịu dàng. Và việc con tàu không ngừng di chuyển cũng khiến tôi say mê kì lạ. Mỗi khi nó đậu vào bến là tôi lại cảm thấy khó chịu. Tôi chỉ mong xảy ra chuyện gì đấy để chúng tôi rời sông Kama sang sông Belaya, sông Vyatka hoặc đi dọc sông Volga. Tôi sẽ được trông thấy những bến bờ mới, những thành phố mới, những con người mới...

Nhưng việc đó không xảy ra. Cuộc sống lênh đênh trên tàu

của tôi bị gián đoạn một cách bất ngờ và nhục nhã. Một buổi chiều, trên đường từ Kazan tới Nizhny, tay chủ tiệm gọi tôi tới. Khi tôi vào, ông ta liền khép cửa lại và nói với bác Smouri đang âu sầu ngồi trên ghế đầu lót thảm:

- Nó đây.

Bác Smouri hỏi tôi một câu cộc lốc:

- Mà y đưa đồ trà cho thằng Seryozhka^[57] phải không?

- Anh ấy tự lấy lúc nào mà cháu không trông thấy.

Chủ tiệm khẽ nói:

- Không trông thấy nhưng mà biết.

Bác Smouri nắm tay đấm vào đầu gối mình rồi vừa xoa đầu gối vừa nói:

- Khoan đã, còn kịp...

Và bác ngồi suy nghĩ. Tôi nhìn chủ tiệm, ông ta nhìn tôi, nhưng sau cặp kính hình như ông ta không có mắt.

Ông ta sống lặng lẽ, đi đứng nhẹ nhàng không gây tiếng động, nói năng nhỏ nhẹ. Đôi khi bộ râu cằm đã bạc màu và đôi mắt lơ lơ của ông ta nhô ra từ một xó nào rồi lại biến ngay mất. Trước khi đi ngủ, ông ta quỳ rất lâu trước tượng thánh bên ngọn đèn dầu cháy suốt ngày đêm trong tiệm. Tôi nhìn thấy ông ta qua một lỗ cửa đục giống hình con át cơ, nhưng tôi không thấy được ông ta cầu nguyện như thế nào: Ông chỉ quỳ và nhìn lên bức tượng thánh cùng ngọn đèn dầu, rồi vừa vươt râu vừa thở dài.

Lặng yên một lúc, bác Smouri lại hỏi:

- Thằng Seryozhka có cho mày tiền không?

- Không.
- Không bao giờ cho à?
- Không bao giờ.
- Nó không nói dối đâu.

Bác Smouri bảo tay chủ tiệm, nhưng ông này khẽ trả lời:

- Dầu sao cũng thế thôi. Anh cứ thế mà làm.

- Thôi đi ra! – Bác đầu bếp quát tôi rồi đi lại phía cái bàn, lấy tay búng khẽ vào đỉnh đầu tôi. – Mày là thằng ngốc! Và tao cũng là thằng ngốc! Lẽ ra tao phải để mắt đến mày...

Đến Nizhny, chủ tiệm tính tiền công cho tôi. Tôi nhận được gần tám rúp – món tiền lớn đầu tiên do công sức lao động của chính mình.

Lúc từ biệt tôi, bác Smouri buồn rầu:

- Thế đấy... Từ nay về sau phải mở mắt ra, hiểu chưa? Đừng có lơ mơ mà chết đấy...

Bác nhét vào tay tôi một cái túi con dính hạt cườm sắc sỡ.

- Cho cháu cái này! Đây là một đồ thêu rất đẹp, do đứa con gái nuôi của bác thêu đấy... Thôi, từ biệt! Hãy đọc nhiều sách vào, đó là điều tốt nhất!

Bác bế xốc nách tôi lên, hôn tôi và thong thả đặt tôi xuống sàn bến tàu. Tôi thấy thương bác và thương cả mình nữa. Suýt nữa thì tôi khóc òa lên khi trông cảnh bác chen lẫn những người phu khuân vác để trở về tàu. Trông bác to lớn, nặng nề và cô đơn làm sao.

Sau này tôi còn gặp biết bao nhiêu người hiền từ, cô đơn và tách lìa khỏi cuộc đời như bác!...

Ông bà ngoại lại rời ra thành phố ở. Tôi về nhà ông bà với tâm trạng bức bối và muốn gậy gổ, trong lòng nặng trĩu. Vì sao người ta lại xem tôi là kẻ cắp?

Bà âu yếm đón tôi và đi đặt ngay ấm *samovar*. Ông hỏi tôi với vẻ giễu cợt như thường lệ:

- Có để dành được nhiều vàng không?

- Được bao nhiêu thì cũng đều là của cháu cả. – Tôi trả lời và ngồi xuống bên cửa sổ.

Trịnh trọng rút bao thuốc lá ra khỏi túi, tôi khệnh khạng châm lửa hút.

- Hừ. – Ông chăm chú quan sát những hành động của tôi. – Ra thế đấy. Mà đã hút cái thứ lá quý độc ấy rồi à? Có hơi sớm không?

- Người ta còn tặng cháu cả túi đựng thuốc nữa đây này. – Tôi khoe khoang.

- Túi đựng thuốc à! – Ông rít lên. – Sao, mà muốn nhạo tao phải không?

Ông xông về phía tôi, hai cánh tay xương xương nhưng cứng rắn vươn ra, cặp mắt xanh long lên sòng sọc. Tôi chồm dậy, húc đầu vào bụng ông. Ông ngã xuống sàn, miệng há hốc, mắt nhấp nháy vẻ kinh ngạc. Ông nhìn tôi đến mấy giây, những giây phút đó thật là nặng nề. Sau đó ông bình tĩnh hỏi:

- Mà húc ông mà đấy à? Húc bố đẻ ra mẹ mà đấy ư?

- Ông đã đánh cháu nhiều lắm rồi. – Tôi làu bàu, trong bụng biết rằng mình đã làm một việc rất không phải.

Ông đứng lên, người gầy guộc, mảnh khảnh. Ông tới bên cạnh tôi, nhanh nhẹn giằng lấy điều thuốc ném ra ngoài cửa sổ rồi nói, giọng sợ hãi:

- Thằng ranh con mọi rợ, mà có hiểu rằng suốt đời mà Chúa sẽ không bao giờ tha thứ cho cái việc mà vừa làm đây không? Bà nó ơi. – Ông quay về phía bà. – Bà thử xem, chính nó, nó đã đánh tôi đây! Bà cứ hỏi nó mà xem!

Bà không hỏi han gì cả, đi lại túm lấy tóc tôi, vừa lắc vừa tuyên án:

- Cái tội ấy thì phải như thế này nó mới chữa...

Tôi không đau nhưng bực không thể chịu được. Tiếng cười gằn độc địa của ông càng làm tôi thêm bực tức. Ông nhảy nhót trên ghế, vỗ hai tay vào đầu gối, vừa cười vừa quàng quạc:

- Thế, cứ... thế...

Tôi vùng khỏi tay bà, bỏ chạy ra phòng ngoài. Nằm trong góc nhà nghe tiếng nước sôi reo, tôi thấy lòng thật nặng nề và trống trải.

Bà đến cạnh tôi, cúi xuống thì thào:

- Cháu đừng giận bà làm gì, bà kéo tóc cháu có đau đâu. Bà cố tình làm như vậy. Không còn cách nào khác. Ông cháu đã già rồi, phải kính trọng ông. Xương của ông cũng long gãy cả rồi; ông đã chịu biết bao đau khổ, cháu không nên chọc tức ông làm gì. Cháu đã lớn rồi, phải hiểu điều đó... Alyosha ạ, cháu cần hiểu rằng ông cũng như một đứa trẻ con mà thôi...

Lời nói của bà như dòng nước ấm nóng rửa sạch lòng tôi.

Những tiếng thì thào thân mật đó khiến tôi vừa nhẹ nhõm, vừa hồ thẹn. Tôi ôm chặt lấy bà, hai bà cháu cùng hôn nhau.

- Cháu hãy lại với ông. Cứ đi đi, không sao đâu! Có điều là đừng có hút thuốc ngay trước mặt ông, phải để cho ông quen dần đã...

Tôi vào phòng, nhìn ông và suýt nữa phì cười: Ông tôi quả thực hơn hở như một đứa trẻ con, mặt mày tươi tỉnh, hai chân vung vẩy chạm vào nhau, bàn tay đầy lông màu hung gồ gồ trên mặt bàn.

- Thế nào hả con dê kia? Lại đến để húc nữa chẳng? Mày thật là một thằng tướng cướp! Giống thằng bố mày như đúc! Thật là đồ vô lại, vào nhà chữa làm dấu thánh đã giở ngay thuốc ra hút. Hừ, quân Bonaparte^[58], đồ chỉ đáng một xu nhỏ kia!

Tôi lặng thinh. Ông nói hết rồi cũng lặng yên, vẻ mệt mỏi. Nhưng đến lúc uống trà, ông lại bắt đầu dạy tôi:

- Người ta cần phải sợ Chúa như con ngựa cần dây cương vậy. Trừ Chúa ra không có ai là bạn của mình đâu! Người với người là kẻ thù tàn bạo nhất!

Tôi cảm thấy trong câu “Người với người là kẻ thù tàn bạo nhất” có phần nào sự thật, còn các câu khác đều không làm tôi động lòng.

- Bây giờ mày lại đến nhà bà dì Matryona mà ở. Bao giờ đến mùa xuân thì sẽ làm việc trên tàu thủy. Mùa đông ở nhà họ. Nhưng đừng có nói cho họ biết là mùa xuân mày sẽ đi đấy!...

- Chà, lừa dối người ta làm gì? – Bà nói sau khi vừa mới lừa ông bằng cách giả đánh tôi xong.

- Không lừa dối thì sống sao được. – Ông khẳng khẳng. – Bà

thử nói xem có ai sống mà không lừa dối nào?

Buổi chiều, khi ông ngồi đọc Thánh thi, tôi và bà ra cổng, đi về phía cánh đồng. Căn nhà lụp xụp có hai cửa sổ của ông nằm ở ngoại ô thành phố, phía sau phố Kannatnaya, nơi ngày trước ông đã có một ngôi nhà ở đó.

- Đây, chúng ta lạc mãi đến chỗ này đây! – Bà giễu cợt. – Lão già không sao tìm được chỗ ở vừa ý, cứ rời hết chỗ này đến chỗ khác. Ở đây ông cháu cũng không thích, nhưng bà thì lại thích.

Trước mặt chúng tôi là một đồng cỏ xơ xác kéo dài đến ba versta, bị khe rãnh cắt ra thành nhiều mảnh, bao quanh bởi một đám rừng nhấp nhô và một hàng bạch dương ven đường cái đi Kazan. Từ dưới các khe rãnh nhô lên mấy cành cây như những chiếc roi. Ánh hoàng hôn lặng lẽ nhuộm các bụi cây thành một màu đỏ máu. Làn gió chiều nhẹ nhàng lay động thân cỏ khô xám. Phía sau khe gần nhất, bóng đen của đám nam nữ thanh niên tiểu thị dân lắc lư tựa những thân cỏ khô. Xa xa, phía bên phải, là bức tường màu đỏ của nghĩa địa những người cựu giáo mà người ta thường gọi là “tu viện Bugrovski”. Bên trái, trên miệng khe có một đám cây xanh thẫm từ phía cánh đồng nhô lên – nơi đó là nghĩa địa của những người Do Thái. Vạn vật nghèo nàn, thẫm lặng nép mình xuống mảnh đất đầy thương tích. Những căn nhà nhỏ của ngoại ô thành phố dè dặt mở cửa sổ nhìn ra con đường đầy bụi. Mấy con gà mái nhỏ, gầy đói đi lang thang. Một đàn bò vừa đi vừa rống âm ì bên cạnh nhà tu kín. Từ trại lính vẳng lại tiếng nhạc binh, tiếng kèn đồng đình tai nhức óc.

Một người say vừa đi vừa kéo mạnh cây phong cầm. Gã ta vấp ngã và lảo bầm:

- Tao sẽ đi tới nhà mày... Nhất định...

- Thằng ngốc. – Bà tôi nhíu mày nhìn mặt trời đỏ lòm và nói.
– Mày còn đi được tới đâu cơ chứ? Mày sắp ngã dúm bây giờ, rồi sẽ nằm đấy mà ngủ một giấc, trong khi đó thì người ta sẽ lột hết... Cả cây phong cầm, niềm vui của mày, rồi cũng sẽ mất nốt...

Tôi kể cho bà nghe cuộc sống trên tàu thủy rồi nhìn xung quanh. Sau những điều tôi đã từng trông thấy, cảnh vật ở đây khiến tôi buồn rầu, tôi thấy mình như con cá nằm trên chảo. Bà yên lặng, chăm chú lắng nghe, giống như tôi thường thích nghe bà nói. Khi tôi kể đến chuyện bác Smouri, bà làm dấu thật nhanh và nói:

- Đó là một người tốt, cầu Đức Mẹ che chở cho bác ta! Cháu đừng có quên bác ta nhé! Những điều gì tốt cháu cần phải luôn luôn ghi nhớ, còn điều gì xấu thì hãy quên đi...

Khó khăn lắm tôi mới kể được cho bà chuyện vì sao người ta đuổi tôi, tôi cố dần lòng để nói ra. Câu chuyện đó chẳng khiến bà mảy may kinh ngạc, bà chỉ thờ ơ nhận xét:

- Cháu còn bé, cháu chưa biết sống...

- Đây, ai cũng cứ bảo nhau là chưa biết sống: Từ những bần nông đến các thủy thủ, cả bà Matryona cũng nói với các cậu như vậy. Nhưng cần phải biết sống như thế nào mới được chứ?

Bà cắn môi, lắc đầu:

- Cái đó thì bà cũng chịu!

- Thế bà còn nói làm gì?

- Sao lại không nói? – Bà bình tĩnh đáp. – Cháu đừng bực mình, cháu đang còn nhỏ nên cháu chưa cần biết. Vả lại cũng có ai biết sống đâu? Có lẽ chỉ có bọn lừa đảo là biết. Đây, ông cháu

cũng là người thông minh, có học thức, vậy mà ông cũng đâu biết...

- Thế còn bà, bà sống có sung sướng không?...

- Bà ấy à? Sung sướng chứ! Và cả khổ sở nữa, thôi thì đủ thứ...

Bên cạnh chúng tôi, người qua lại thong thả, kéo theo những cái bóng dài, bụi dưới chân họ bốc lên như khói. Cảnh chiều buồn càng trở nên nặng nề. Từ cửa sổ, giọng cầu nhàu của ông ngoại vẳng ra:

- “Lạy Chúa, xin Chúa hãy nguôi cơn thịnh nộ đối với con, xin Chúa tha thứ cho con...”

Bà mỉm cười:

- Chắc chắn là ông cháu làm Chúa đến chán ngấy! Chiều nào cũng rên rỉ, chẳng hiểu để làm gì? Ông cháu đã già lắm rồi, có cần gì nữa đâu, ấy thế mà vẫn cứ luôn luôn kêu ca than vãn... Chúa cứ nghe những lời cầu nguyện buổi chiều ắt sẽ mỉm cười và bảo: “Lại lão Vassili Kashmirin cầu nhàu rồi!...” Thôi, bà cháu ta về đi ngủ...

* * *

Tôi quyết định đi bẫy những loài chim biết hát. Tôi thấy việc này có thể giúp nuôi sống hai bà cháu: Tôi bẫy chim còn bà thì mang chim đi bán.

Tôi mua lưới, vòng, bẫy và một lô lồng. Thế là từ mờ sáng tôi đã ngồi trong bụi cây dưới khe, còn bà thì mang lẵng và bị vào rừng kiếm nấm cuối mùa, quả *kalina* và quả hồ đào.

Mặt trời tháng Chín mỗi một vừa thức dậy. Những tia nắng trắng trẻo lúc thì nấp trong những đám mây, lúc thì rọi chiếu

xuống đáy khe nơi tôi ngồi như một chiếc quạt bạc. Đáy khe mờ mờ tối, một màn sương mù trắng đục từ dưới đáy dâng lên. Một bên bờ khe bằng đất sét dốc đứng, trần trụi và đen sẫm. Bờ bên kia đỡ dốc hơn, bao phủ bởi những đám cỏ úa vàng và các bụi rậm đủ màu lá: vàng, hung hung, đỏ. Những luồng gió trong lành ngắt lá ném xuống khe.

Dưới đáy khe, mấy con chim oanh nhỏ hót vang trong các bụi ngưu bàng. Trong những đám cỏ dại nham nhở màu xám, thấp thoáng vài cái mào màu đỏ tươi trên những cái đầu linh lợi của đám chim. Đàn chim sẻ ngô tò mò riu rít quanh tôi, phồng đôi má trắng lên kêu âm ì và nhảy nhót lung tung một cách ngộ nghĩnh như đám thanh niên tiểu thị dân ở Kunavino trong ngày hội. Chúng nhanh nhẹn, láu lỉnh, dữ tợn, cái gì cũng muốn biết, muốn đụng tới và lần lượt con nọ tiếp con kia sa vào bẫy. Trông chúng lẩn lộn vùng vẫy thật đáng thương, nhưng công việc là công việc, quan trọng chứ chẳng chơi. Tôi chuyển những con chim bẫy được sang các lồng dự trữ và trùm kín lồng: Trong bóng tối, lũ chim sẽ ngồi yên.

Một đàn chim yến đậu xuống bụi gai chan hòa ánh nắng. Những chú chim yến say sưa với ánh nắng, càng líu lo vui tợn. Điệu bộ của chúng giống như những chú học trò. Một con bách thiết to tướng tham lam chưa kịp bay đến những miền âm áp đậu trên cành hồng dại dẻo và lấy mỏ rĩa lông cánh. Đôi mắt đen láy của nó tìm mỗi một cách tinh tường. Đôi sơn ca bay vụt lên cao, bắt được một chú ong đất, cẩn thận găm nó vào một cái gai rồi lại đậu yên một chỗ, cái đầu xám gian xảo đung đưa. Con chim ác là báo điềm lành bay ngang qua không một tiếng động. Nó là đối tượng của lòng ước muốn sôi nổi nhất của tôi. Tóm được nó thì thích biết nhường nào! Một chú sơn tước lạc bầy đậu trên cây trăn, lông đỏ chói, đường bệ như một ông

tương, vừa cẩu kính kêu ken két vừa lúc lắc cái mỏ đen.

Mặt trời càng lên cao, chim chóc càng nhiều và tiếng hót líu lo nghe càng rộn rã. Khấp khe vực tràn ngập điệu nhạc mà chủ âm là tiếng rì rào không ngắt của những bụi cây trong gió. Tiếng hót sôi nổi của đám chim không sao át được tiếng rì rào buồn dịu và êm đềm nghe như khúc hát từ biệt của mùa hè; nó thì thầm với tôi những lời thật đặc biệt, những lời đó cứ tự nhiên kết thành bài ca. Và đồng thời trí nhớ, bất chấp ý muốn của tôi, gợi lại bao cảnh tôi đã sống.

Từ phía trên, bà tôi gọi vẳng xuống:

- Cháu ở đâu đấy?

Bà ngồi trên miệng khe, trải tấm khăn vuông ra và đặt bánh mì, dưa chuột, củ cải, táo lên đấy. Giữa đám thức ăn ngon lành, một cái bình nhỏ nhiều mặt rất đẹp có chiếc nút pha lê hình đầu Napoleon óng ánh dưới ánh nắng. Trong bình có chừng hơn trăm gam rượu *vodka* ngâm rễ cây ban.

- Lạy Chúa, như thế này cũng là tốt rồi! – Bà tôi nói với vẻ biết ơn.

- Cháu vừa làm xong được một bài ca, bà ạ!

- Thật à? Đọc bà nghe!

Tôi liền đọc cho bà một bài tựa tựa như thơ:

Mùa đông đã đến gần rồi,

Vĩnh biệt mùa hè nắng của tôi!...

Nhưng bà tôi chưa nghe hết đã ngắt lời:

- Có một bài ca giống như vậy, có điều hay hơn nhiều!

Và bà ngâm nga:

Nắng hè đã tắt trong đêm tối,
Và đã khuất sau rừng cây xa,
Riêng tôi đứng một mình thui thủi,
Niềm vui xuân trẻ đã vèo qua...

Buổi sáng tôi đi ra khỏi làng,
Nhớ lại những ngày vui chửa chan;
Đồng vắng giờ đây sao tẻ ngắt,
Như tuổi xuân tôi để nhỡ nhàng.

Chị em bạn gái mến thương ơi!
Chờ đến mùa đông giá tuyết rơi;
Hãy móc tim tôi ra khỏi ngực,
Và chôn trong đám tuyết giùm tôi!...

Lòng “tự ái nghề nghiệp” của tôi không bị tổn thương chút nào. Tôi rất thích bài hát ấy và rất thương người con gái trong bài hát.

Bà tôi nói:

- Đấy, nỗi đau khổ đã trở thành lời ca như vậy đấy! Một cô thanh nữ đã làm bài thơ ấy: Mùa xuân cô ta đi chơi với người yêu, nhưng đến mùa đông thì tình nhân của cô bỏ rơi cô, có thể là hẳn đến với người con gái khác, thế là cô gái với trái tim đau khổ khóc than cho số phận của mình... Những điều mà ta không trải qua thì không sao nói lên được thật đúng, thật hay như thế. Cháu thấy đấy, cô ta đã đặt được một bài ca hay biết

nhường nào!

Lần đầu tiên bán chim được bốn mươi kopek, bà rất ngạc nhiên.

- Lạ thật! Bà cứ tưởng đó là một việc vô ích, một trò nghịch ngợm trẻ con, ấy thế mà lại ra tiền chứ!

- Bà bán vẫn còn rẻ...

- Thật à?

Gặp phiên chợ, bà tôi bán được một rúp hoặc hơn. Bà luôn luôn ngạc nhiên không hiểu vì sao những việc vớ vẩn này lại có thể kiếm được nhiều tiền đến vậy!

- Bọn đàn bà cả ngày giặt quần áo hoặc lau sàn cũng chỉ được có hai mươi lăm kopek, thế mà ta kiếm được hàng rúp, có ai mà hiểu được chứ! Mà việc này có tử tế gì đâu! Nhốt chim vào lồng là không tốt. Alyosha ạ, cháu hãy bỏ cái trò này đi!

Nhưng thú bắt chim hấp dẫn tôi rất mãnh liệt. Tôi thích việc này vì tôi vừa được tự do vừa không làm ai phải khó chịu, trừ lũ chim ra. Tôi sắm sửa đủ loại lồng bẫy tốt. Các cuộc trò chuyện với những nhà bẫy chim lão luyện đã dạy tôi rất nhiều điều. Tôi đi bẫy chim một mình ở xa hàng ba chục *versta* trong khu rừng Kstovski, trên bờ sông Volga, nơi trong đám rừng thông cao có những loại chim mỏ chéo và chim sẻ ngô *apollyon* mình trắng đuôi dài có vẻ đẹp hiếm có được nhiều người yêu chim ưa chuộng.

Có khi tôi đi từ chiều và suốt đêm lặn mò trên đường cái Kazan, đôi lúc lội giữa bùn sâu dưới những cơn mưa thu. Sau lưng tôi là một cái túi vải sần, trong túi có lồng chim, bẫy và chim mồi. Tay tôi cầm một cây gậy to và chắc bằng gỗ hồ đào. Đêm thu tối mịt, lạnh lẽo và đáng sợ, sợ đến rợn người!...

Những cây bạch dương già cỗi bị sét đánh đứng hai bên đường, vươn dài cành lá ẩm ướt. Bên trái, dưới chân núi, những đốm lửa thừa thớt trên những cây cột của mấy chiếc tàu thủy và sà lan cuối cùng trôi trên sông Volga đen ngòm tựa đang đi vào một vực sâu không đáy. Bánh xe đập nước âm ì. Tiếng còi tàu rú lên ù ù.

Từ mặt đất đen sì hiện ra mấy căn nhà gỗ lụp xụp. Vài con chó đói gặm gừ xán đến. Người tuần canh gõ keng, sợ hãi kêu lên:

- Ai đi đấy? Đêm khuya thế này, quý bắt các người đi hay sao đấy?

Tôi sợ nhất là người ta sẽ tước mất đồ nghề của mình nên luôn mang theo những đồng năm kopek để đút lót bọn tuần canh. Bác tuần phu ở làng Fokino thân với tôi, luôn kêu lên:

- Lại chú mày đấy à? Chà, thật là một tay ăn sương gan dạ, không chịu ngồi yên đêm nào!

Tên bác là Nifon. Bác người nhỏ bé, tóc bạc, trông giống như một vị thánh. Bác thường móc trong áo ra một nắm đậu, một củ cải, một quả táo và vừa nhét vào tay tôi vừa nói:

- Cầm lấy, chú bé. Tao dự trữ cho chú mày ít quà đấy, ăn cho vui.

Bác tiễn tôi đến tận cuối làng:

- Thôi, cầu Chúa che chở cho cháu!

Hửng sáng thì tôi vào tới rừng. Sửa sang lồng bẫy, treo mồi lên xong, tôi nằm ngay ở cửa rừng chờ trời sáng. Cảnh vật tĩnh mịch như còn chìm trong giấc ngủ say sưa của mùa thu. Những đồng cỏ rộng dưới chân núi thấp thoáng sau màn đêm xam

xám. Đồng cỏ bị dòng Volga cắt ngang, lan sang bờ bên kia, tản ra rồi tan biến trong lớp sương mù. Xa xa, sau khoảng rừng phía đồng cỏ, trời hửng dần. Ánh hồng bừng sáng trên các đỉnh rừng đen hình răng lược, cảnh vật bỗng sinh động lên một cách kì lạ: Sương mù dâng trên đồng cỏ mỗi lúc một nhanh hơn, lóng lánh như bạc dưới ánh nắng mặt trời, tiếp theo đó, bụi rậm, cây cối, những đồng cỏ khô cũng dần hiện ra. Những cánh đồng cỏ như tan ra dưới ánh mặt trời, bị ánh vàng rực quét lên, chảy lan ra khắp chốn. Kìa, mặt trời đã chạm được tới làn nước êm ả ven bờ sông. Cả con sông như dâng cao, dồn về phía mặt trời. Mặt trời lên mỗi lúc một cao, hân hoan chào mừng và sưởi ấm cho mặt đất xơ xác, cứng lạnh. Còn mặt đất thì tỏa nghi ngút hơi thu ngọt ngào. Lớp không khí trong suốt khiến đồng ruộng trông to hơn, rộng mênh mông không bờ không bến. Cảnh vật như bơi về xa xăm và lôi cuốn mình đi tới tận chân trời xanh thẳm. Tôi đã từng ngắm bình minh ở chốn này không biết bao nhiêu lần, vậy mà mỗi lần trước mắt tôi lại hiện ra một thế giới mới với một vẻ đẹp luôn tươi mới...

Tôi yêu mặt trời một cách khác thường. Tôi thích ngay chính tên gọi của nó, với những âm thanh ngọt ngào, với tiếng ngân huyền bí ẩn trong đó. Tôi ưa nhắm mắt lại và hứng những tia nắng nóng ấm trên mặt, ưa đưa bàn tay bắt một tia nắng như lưỡi gươm đang xuyên qua kẽ hàng rào hay qua đám cành lá. Ông ngoại rất thích quyển Ông hoàng Mikhail Chernigovski và Feodor, những kẻ không khuất phục mặt trời. Tôi hình dung họ là những kẻ du mục đen đũi, cau có, hung dữ, mắt luôn tìm nhòm như dân Moldova nghèo khổ. Khi mặt trời lên cao dần trên đồng cỏ, tôi tự dưng mỉm cười vui sướng.

Trên đầu tôi, rừng thông reo vi vút, rũ sương mai khỏi đám cành lá xanh. Dưới bóng cây, những hạt băng đọng vì hơi lạnh

ban mai óng ánh như một tấm vóc thêu chỉ bạc trên đám lá lỗ chỗ của cây dương xỉ. Đám cỏ úa vàng bị những cơn mưa làm rạp xuống, nằm nghiêng bất động trên mặt đất. Nhưng khi có một tia nắng rọi tới, thân cỏ rung rinh như thể đó là những cố gắng cuối cùng của đời nó.

Chim chóc đã thức giấc. Những con sơn tước đen xám như những búp lông tơ rơi từ cành nọ xuống cành kia. Chim mỏ chéo đỏ như lửa mổ vụn quả trên đỉnh cây thông bằng cái mỏ khoằm, cuối một cành thông, con sẻ ngô *apollyon* trắng lác lự, xòe mở lông cánh dài, đôi mắt đen như hạt cườm liếc nhìn tấm lưới của tôi căng với vẻ nghi ngại. Và tự dưng, cả khu rừng vừa đây trầm ngâm là thế, oai nghiêm là thế bỗng vang lên trăm ngàn tiếng hót líu lo, tràn ngập những thanh âm ồn ào của các sinh vật trong sạch nhất trần gian; dựa vào hình ảnh của chúng mà con người – bậc thầy của sắc đẹp trần gian – đã tạo nên thần linh, thiên sứ và các thiên thần.

Tôi thấy thương thương những chú chim non khi bắt chúng và thấy ngỡ ngàng với lương tâm khi nhốt chúng vào lồng. Tôi thích ngắm nghĩa chúng hơn. Nhưng lòng say mê săn bắt và ý muốn kiếm tiền đã lấn át cả tình thương.

Lũ chim làm tôi buồn cười vì vẻ ranh mãnh của chúng: Con sẻ lông cánh xanh da trời chăm chú xem xét tỉ mỉ cái bẫy, nó hiểu ngay sự nguy hiểm đang chờ đợi nó và nhảy sang bên cạnh lồng, mổ trộm các nan lồng mấy hạt lúa một cách khéo léo và yên ổn. Sẻ ngô là giống chim thông minh nhưng quá tò mò. Chính tính tò mò đã làm hại chúng. Mấy chú sơn tước bệ vệ thì ngốc nghếch: Chúng kéo hàng bày vào lưới như đám tiểu thị dân no béo kéo nhau vào nhà thờ. Khi bị tôi tóm bắt, chúng rất ngạc nhiên. Chúng tròn xoe mắt mổ vào tay tôi bằng những cái

mỏ to lớn. Chim mỏ chéo thì bước vào lồng bẫy với vẻ bình tĩnh, đường hoàng. Chim sittelle^[59] bí ẩn, không giống loài chim nào cả, đậu rất lâu trước lưới, dựa lên cái đuôi to và lắc lắc cái mỏ dài. Nó chạy trên thân cây như chim gõ kiến và luôn có chim sẻ ngô bay kèm. Con chim màu khói đó mang vẻ gì thật đáng sợ; nó có vẻ cô độc, không chim nào ưa nó và nó cũng chẳng ưa con nào. Nó giống chim ác là, thích ăn trộm và thích giấu những vật nhỏ sáng lóng lánh.

Tôi bẫy chim đến trưa thì trở về bằng đường xuyên qua rừng, qua các cánh đồng. Nếu đi theo đường cái qua các làng thì sẽ bị bọn lỏi con, lỏi nhớn tước lồng, xé lưới và bẻ gãy mât bẫy – tôi đã từng có “kinh nghiệm”.

Chiều tôi mới về đến nhà, người mệt nhừ, đói cồn cào, nhưng thấy mình lớn hẳn lên sau những ngày qua, biết thêm được bao điều mới lạ và trở nên cứng cáp hơn. Sức mạnh mới đó đã cho tôi khả năng bình tĩnh chịu đựng mấy lời mỉa mai độc ác của ông ngoại. Ông cũng cảm thấy điều đó và bắt đầu trò chuyện cùng tôi với vẻ nghiêm chỉnh, thông minh:

- Cháu hãy bỏ cái trò vô bổ ấy đi, bỏ quách nó đi! Không ai có thể bán chim mà làm nên sự nghiệp, không có trường hợp nào như vậy đâu! Cháu hãy chọn cho mình một chỗ trong đời và trên cơ sở đó mà phát triển trí tuệ của cháu. Con người không chỉ sống vì những trò nhỏ mọn, con người là hạt giống của Chúa, phải đâm hoa kết quả. Con người cũng tựa như đồng rúp: Xoay xở cho khéo thì sẽ thành ngay ba rúp! Cháu tưởng rằng sống dễ dàng lắm hay sao? Không, không dễ một chút nào đâu! Thế giới đối với con người như đêm tối âm u, mỗi người phải tự soi sáng lấy cho mình. Ai cũng chỉ có mười ngón tay, nhưng người nào cũng muốn lấy được nhiều hơn kẻ khác. Phải có sức

khỏe, nếu không khỏe thì phải lấu cá. Kẻ nào đã nhỏ lại yếu thì khó mà lên thiên đường, cũng khó mà xuống địa ngục! Cháu hãy sống như tất cả mọi người, nhưng phải nhớ rằng cháu chỉ có một mình. Ai nói gì cũng nghe hết nhưng đừng có tin ai. Ước lượng bằng mắt thì không bao giờ đo được chính xác! Đừng có nói nhiều – người ta xây nhà dựng phố không phải bằng cái lưỡi mà bằng đồng rúp và cái rìu. Cháu không phải dân Kalmuck, cũng không phải là người Baskia, là những kẻ mà tất cả của cải của họ chỉ là cừu và rận...

Ông tôi có thể nói thế suốt cả tối, và tôi nhớ chúng đến thuộc lòng. Tôi thích những lời đó, nhưng không hoàn toàn tin tưởng vào ý nghĩa của chúng. Trong những câu nói của ông, tôi thấy rõ được một điều: Có hai lực lượng – Chúa và thế gian – ngăn cản con người sống theo ý mình.

Bà tôi ngồi bên cửa sổ, xe chỉ thêu đặng ten. Búp chỉ kêu vù vù trong hai bàn tay khéo léo của bà. Bà lặng yên nghe ông nói hồi lâu rồi bỗng cất tiếng:

- Tất cả mọi việc đều do Đức Mẹ sắp xếp cả rồi.

- Thế nào? – Ông tôi kêu lên. – Chúa à! Tôi không quên Chúa đâu, tôi biết Chúa như thế nào rồi! Mụ già ngu ngốc kia ơi, thế có phải Chúa đã cho lũ ngu xuẩn xuống trần gian này không?

* * *

... Tôi có cảm tưởng rằng người Cossack và binh lính là những kẻ sống sung sướng nhất trên trái đất này. Cuộc sống của họ thật giản dị và tươi vui. Những hôm tốt trời, họ tập trung ở phía sau vực trước nhà tôi từ sáng sớm, đứng rải rác như những cây nấm trắng trên cánh đồng trơ trụi rồi bắt đầu chơi một trò phức tạp và thú vị: Nhanh nhẹn, mạnh khỏe, áo sơ

mi trắng, súng cầm tay, họ vui vẻ chạy trên cánh đồng, biến xuống vực rồi bỗng ùa ra cánh đồng theo tiếng gọi của chiếc kèn trện. Dưới nhịp trống thúc dũ dội, họ kêu “ura”^[60] và chạy thẳng về phía nhà tôi, lưỡi lê tua tủa tựa như sắp phá trụ cả mặt đất, đâm nát ngôi nhà của chúng tôi như xới một đồng cỏ khô.

Tôi cũng kêu “ura” và hăng hái chạy theo họ. Tiếng trống dồn thúc tôi thêm sôi nổi muốn đập phá, muốn đập đổ hàng rào và đánh đắm bọn lính con.

Trong giờ nghỉ, mấy người lính mời tôi hút loại thuốc rẻ tiền, cho tôi xem mấy cây súng nặng nề, đôi lúc có người lại chìa lưỡi lê vào bụng tôi và hét lên ra bộ hung dữ:

- Xiên chết con gián này!

Lưỡi lê sáng loáng, sinh động như một con rắn uốn mình muốn cắn tôi, tôi thấy hơi rờn rợn nhưng rất khoái.

Anh lính đánh trống, người Moldova, dạy tôi gõ dùi trên mặt trống. Đầu tiên anh túm chặt hai bàn tay tôi, khiến chúng mỏi nhừ, đau điếng, sau đó dúi đôi dùi trống vào những ngón tay đã rã rời.

- Gõ đi! Một, hãy! Một, hãy! Tram ta ta tam! Gõ vào mặt trống. Bên trái nhẹ, bên phải mạnh, tram ta ta tam! – Anh quát nghe phát khiếp, cặp mắt chim của anh trở ra.

Tôi chạy theo những người lính trên cánh đồng đến hết buổi tập rồi tiễn chân họ qua suốt cả thành phố cho tới trại lính mới thôi. Tôi vừa đi vừa nghe những bài hát vang vang, ngắm nghía những khuôn mặt hiền lành, tất cả đều còn mới mẻ tựa như những đồng năm kopek mới rập.

Khỏi người đồng nhất dày đặc vui vẻ trôi trên đường phố với

một sức mạnh thống nhất ấy đã gây được thiện cảm, khiến ai cũng muốn hòa vào dòng người như trôi trên một dòng sông hoặc đi giữa một khu rừng. Những người đó không biết sợ là gì, họ đối diện với mọi sự một cách dũng cảm, họ có thể chiến thắng tất cả, họ có thể đạt được những điều họ muốn, và điểm quan trọng là tất cả bọn họ đều giản dị, hiền hậu.

Một hôm, trong giờ nghỉ, một hạ sĩ trẻ cho tôi một điều thuốc to tướng và nói:

- Hút chơi! Loại thuốc này tao rất quý, tao không cho ai mấy khi, chỉ có chú mày ngoan tao mới cho đây!

Tôi châm thuốc, hút. Viên hạ sĩ lùi lại một bước. Bỗng một luồng lửa đỏ lóe lên làm tôi mờ cả mắt và bị cháy sém tay, mũi, lông mày. Đám khói xám mẩn mẩn làm tôi hắt hơi và ho sặc sụa. Tôi sợ hãi nhắm tịt mắt, giậm chân, còn những người lính thì vây lấy tôi thành một vòng tròn dày đặc, vui vẻ cười hô hố. Tôi bỏ về, nhưng tiếng huýt sáo, tiếng cười vẫn đuổi theo tôi. Có cái gì quất vào tôi như roi của mục đồng. Những ngón tay bị bỏng nhức nhối, mặt ngứa ngáy, nước mắt trào ra, nhưng điều khiến tôi khổ tâm nhất không phải là sự đau đớn mà là nỗi kinh ngạc nặng nề, không hiểu sao người ta lại đối xử với tôi như vậy? Tại sao trò chơi khăm ấy lại làm cho đám thanh niên vốn hiền lành thích thú đến như thế?

Về tới nhà, tôi leo lên gác thượng, ngồi trên đấy rất lâu, hồi tưởng tất cả những điều tàn nhẫn không sao giải thích được mà tôi đã gặp rất nhiều lần trên đường đời. Hình ảnh sáng rõ và sinh động nhất mà tôi nhớ lại là hình ảnh anh lính nhỏ bé ở Sarapul. Anh đứng trước mặt và hỏi tôi:

- Thế nào? Mày đã hiểu chưa?

Nhưng sau đó ít lâu tôi còn phải chịu đựng một cảnh tượng nặng nề và quái gở hơn nữa.

Tôi hay chạy đến trại lính của những người Cossack ở gần xóm Pecherskaya. Những người Cossack này có vẻ khác hẳn mấy người lính, không phải vì họ cưỡi ngựa giỏi hơn và ăn mặc đẹp hơn, mà vì họ nói năng khác, hát những bài hát khác và nhảy múa rất đẹp. Có lần, vào buổi chiều, sau khi chải lông cho ngựa xong, họ quây lại thành một nhóm cạnh chuồng ngựa, rồi một anh chàng Cossack nhỏ bé tóc hung hát mở tóc xõa lên, nhẹ nhàng vươn dài người ra và cất cao giọng ca như kèn đồng, cất tiếng hát một bài buồn thảm về sông Đông êm đềm, về dòng Danube xanh biếc. Anh như một chú chim cổ đỏ nhắm nghiền mắt hót và thường hót cho đến khi ngã từ cành cao xuống đất rồi chết. Cổ áo sơ mi không cài để lộ cặp xương quai xanh giống bộ hàm thiếc ngựa bằng đồng. Cơ thể anh cũng như được đúc bằng đồng. Anh lắc lư trên đôi chân dong dỏng, tựa hồ đất dưới chân anh bị chấn động, tay anh dang ra, mắt nhắm nghiền, giọng vang vang, hình như anh đã biến thành một chiếc kèn đồng hay cây sáo của người mục đồng. Đôi lúc tôi tưởng như anh sẽ ngã lộn nhào, lưng úp xuống đất, chết như một con chim cổ đỏ, vì anh đã dốc hết nghị lực và tâm hồn mình vào bài ca.

Bạn anh đứng vây quanh anh như một vòng hoa, tay đút túi hoặc chấp sau lưng, nghiêm nghị nhìn khuôn mặt như đồng của anh và theo dõi bàn tay anh bơi trong không khí. Họ hát trịnh trọng, bình tĩnh như trên bục nhà thờ. Trong giờ phút đó, tất cả bọn họ, người rậm râu lẫn không râu, giống như các pho tượng thánh: Họ mang vẻ nghiêm khắc và xa lạ khác hẳn những con người bình thường. Bài hát dài như một con đường thênh thang, bằng phẳng, mênh mông và sáng rõ làm sao. Khi nghe hát, tôi quên hết tất cả, không rõ giờ là ngày hay đêm,

mình là trẻ con hay đã thành ông lão!

Tiếng hát đã tắt, chỉ còn nghe thấy tiếng bày ngựa thở dài, buồn nhớ cảnh tự do phóng khoáng của thảo nguyên, tiếng đêm thu đang chầm chậm lan tới từ đồng nội không gì ngăn cản được. Và trái tim thì cứ lớn mãi lên, như muốn vỡ tung ra vì tràn trề những nguồn cảm xúc phi thường, vì tình yêu vĩ đại và thâm lặng đối với con người, với trái đất.

Với tôi, anh chàng Cossack nhỏ bé và như được đúc bằng đồng kia không phải một con người bình thường, anh là một nhân vật siêu quần – một nhân vật thần thoại, tốt đẹp hơn, cao thượng hơn tất cả mọi người. Tôi không thể nào nói chuyện được với anh, khi anh hỏi tôi điều gì, tôi sung sướng mỉm cười và lúng túng lặng yên. Tôi sẵn sàng nín thinh và ngoan ngoãn như một con cún nhỏ đi theo anh chỉ cốt để trông thấy anh nhiều hơn và nghe anh hát.

Có lần, tôi thấy anh đứng trong xó chuồng ngựa, đưa tay lên ngắm nghía chiếc nhẫn trơn bằng bạc trên ngón tay. Đôi môi xinh đẹp của anh mấp máy, bộ ria mép ngắn hoe đỏ rung rung, khuôn mặt có vẻ buồn rầu, bực bội.

Một tối nọ, tôi xách lồng chim vào một quán ăn ở quảng trường Sennaya cũ. Người chủ quán vốn là một tay thích chơi loại chim hót và thường mua chim của tôi.

Anh Cossack ngồi trong góc quán, cạnh quầy đồ ăn, giữa lò sưởi và bức tường. Ngồi cạnh anh là một người đàn bà đầy đà, to gầy gấp đôi anh. Khuôn mặt tròn trĩnh của bà ta nhẵn bóng như miếng da dê thuộc. Bà nhìn anh bằng cặp mắt âu yếm hơi pha chút lo âu của người mẹ. Anh say mèm, đôi chân duỗi ra kéo lê trên sàn và có lẽ chạm mạnh vào chân người đàn bà nên bà ta giật mình, nhăn mặt và nhẹ nhàng nhắc:

- Đừng có vớ vẩn...

Anh Cossack cố nhướn lông mày nhưng chúng lại ưỡ oải hạ xuống. Anh nóng quá, cởi cả cúc áo khoác lẫn cúc áo sơ mi, để hở cổ. Người đàn bà tụt khăn trùm đầu xuống vai rồi đặt hai cánh tay trắng trẻo, khỏe mạnh lên bàn, những ngón tay cầu vào nhau đở cả lên. Tôi càng nhìn họ kĩ bao nhiêu thì lại càng thấy họ giống đứa con có lỗi và người mẹ hiền từ bấy nhiêu. Người đàn bà nói với anh bằng một giọng âu yếm và trách móc, còn anh thì lúng túng yên lặng, không có cách gì đối đáp những lời quở mắng hợp tình hợp lí kia.

Bỗng nhiên anh đứng bật lên như bị kim châm. Anh chụp chiếc cát két xuống quá trán rồi lấy lòng bàn tay đập đập mũ. Không cài áo, anh đi ra cửa. Người đàn bà cũng đứng dậy, nói với chủ quán:

- Chúng tôi sẽ trở lại ngay, bác Kuzmits ạ...

Mọi người tiễn chân họ bằng những chuỗi cười và những câu đùa. Một người thốt lên, giọng oang oang và nghiêm khắc:

- Lão hoa tiêu mà trở về thì nó sẽ cho mụ một trận!

Tôi theo sau hai người. Họ đi trước tôi chừng mười bước. Trong bóng đêm, họ đi xiên qua quảng trường lầy lội về phía bờ dốc cao của sông Volga. Tôi trông thấy người đàn bà vừa đỡ anh chàng Cossack vừa bước lắc lự, nghe thấy tiếng bùn kêu lép nhép dưới chân họ. Người đàn bà khẽ hỏi anh, giọng van xin:

- Anh đi đâu thế? Hở, còn đi đâu nữa?

Tôi lội bùn theo họ mặc dù ngược đường về. Khi tới lề đường bên bờ dốc, anh Cossack dừng lại, lùi xa người đàn bà một bước rồi thỉnh linh thụi vào mặt bà ta. Người đàn bà kêu lên, vẻ ngạc nhiên và sợ hãi:

- Ôi, sao lại như vậy?

Tôi kinh hoàng, chạy đến gần. Anh Cossack ôm ngang lưng người đàn bà, quăng bà ta qua lan can xuống sườn dốc rồi nhảy theo. Cả hai lăn trên lớp cỏ của sườn dốc như hai bao cát đen sì. Tôi rụng rời tay chân, đứng yên không nhúc nhích, nghe tiếng váy áo bị xé soàn soạt, tiếng anh Cossack gầm gừ và tiếng lấp bắp trầm trầm, đứt quãng của người đàn bà:

- Tôi kêu lên bây giờ... Tôi kêu...

Bà ta kêu một tiếng thật to và đau đớn, rồi không gian bỗng trở nên yên lặng. Tôi quờ quạng, tìm được một hòn đá, ném xuống. Có tiếng cỏ lao xào. Trên quảng trường vang lên tiếng đập cửa kính ở một quán rượu. Ai đó kêu khe khẽ, có lẽ là bị vấp ngã. Rồi sự yên lặng đầy đe dọa trở lại.

Dưới chân dốc bỗng hiện ra cục gì to và trắng. Nó vừa nức nở vừa thở phì phò, chập chững, chậm chậm tiến dần lên. Tôi nhận ra người đàn bà. Bà ta bò bằng hai chân và hai tay, trông như một con cừu. Bà ta trần đến thắt lưng, hai vú to lủng lảng, trông bà tựa như có ba gương mặt. Cuối cùng bà ta cũng lên được tới lan can, ngồi thụp xuống cạnh tôi. Bà thở hổn hển như một con ngựa bị quàn mệt nhừ, sửa lại mớ tóc rối bù. Trên tấm thân trắng nõn, trông rõ mấy vết bùn đen kịt. Bà ngồi khóc, chùi nước mắt trên má như một con mèo ngồi rửa mặt. Trông thấy tôi, bà kêu khe khẽ:

- Trời ơi, ai đây? Đi đi, rõ dơ!

Tôi không thể bước nổi. Sững sốt vì ngạc nhiên, vì cay đắng, tê tái, tôi nhớ đến câu nói của bà dì Matryona:

“Đàn bà là sức mạnh. Eva còn lừa dối cả Chúa nữa đấy...”

Người đàn bà đứng dậy, lấy những mảnh váy che ngực, để hở

chân và vôi vã bỏ đi. Phía dưới chân dốc, anh chàng Cossack xuất hiện, vẫy vẫy mấy mảnh vải rách màu trắng trong không khí. Anh khẽ huýt sáo, lắng nghe một lúc rồi cất giọng vui vẻ:

- Darya ơi! Sao thế? Bọn Cossack này bao giờ cũng kiểm chác được những thứ cần thiết... Em tưởng anh say rượu hay sao? Không đâu, đây là anh vờ vĩnh với em thôi... Darya ơi!

Anh ta đứng vững vàng, giọng giễu cợt, không có vẻ gì là say rượu cả. Anh khom lưng, lấy những mảnh giẻ lau ửng:

- Này, cầm lấy áo... Dashka^[61] ơi! Thôi đừng có uốn éo nữa...

Và anh văng một câu tục tĩu thật to với người đàn bà.

Tôi ngồi trên đồng đá dăm, nghe thấy giọng nói đó thật đơn độc trong màn đêm tịch mịch và cũng thật hách dịch quá chừng.

Những đóm lửa trong những chiếc đèn lồng trên quảng trường nhảy nhót trước mắt tôi. Bên phải, trường cao đẳng dành cho các tiểu thư quý phái quét vôi trắng nổi bật giữa đám cây cối đen sì. Anh Cossack vừa uể oải tuôn ra hàng tràng những tiếng tục tằn vừa bước trên quảng trường, tay vẫy vẫy mảnh giẻ trắng. Cuối cùng anh biến mất như một giấc mộng dữ.

Dưới chân dốc, ống thoát đang phụt hơi ở trạm bơm. Trên bến sông, một cỗ xe ngựa đang chạy. Xung quanh vắng vẻ không một bóng người. Tôi đi ven bờ dốc, người mù mịt, tay vẫn nắm chặt hòn đá lạnh giá mà tôi không kịp ném vào người anh chàng Cossack. Đến gần nhà thờ Thánh Georgiy, tôi bị một người tuần đêm ngăn lại. Bác ta giận dữ hỏi tôi là ai và mang gì trong cái bị sau lưng.

Tôi kể cho bác nghe tỉ mỉ về anh chàng Cossack. Bác cười hô

hồ, hét lên:

- Tài quá nhỉ! Chú mày ạ, bọn Cossack vốn là dân sành sỏi, họ không như chúng ta đâu. Còn mụ kia thì thật là đồ chó đẻ.

Bác ta cười rũ rượi, còn tôi thì tiếp tục đi, bấn khoăn không hiểu bác ta cười gì.

Và tôi bỗng kinh hoàng nghĩ: Nếu việc này cũng xảy ra với mẹ tôi, với bà tôi thì sẽ ra sao?

Khi tuyết bắt đầu rơi, ông ngoại lại dẫn tôi đến nhà bà dì.

- Việc này không phải là việc xấu đâu, không tội đâu. – Ông bảo tôi.

Tôi có cảm tưởng sau mùa hè tôi đã từng trải và khôn hơn trước, còn nhà chủ thì càng buồn tẻ hơn. Mọi người vẫn thường xuyên đau ốm vì nhồi nhét quá nhiều thức ăn, làm hỏng cả dạ dày. Họ vẫn kể tỉ mỉ cho nhau tình hình bệnh tật. Bà già vẫn cầu Chúa với vẻ quạu cọ và hằn học. Mẹ chủ sinh con xong có gầy và thon hơn, nhưng đi đứng vẫn ra vẻ đường bệ và chậm chạp như lúc có mang. Khi mẹ ngồi khâu quần áo cho các con, mẹ hát khe khẽ một bài độc nhất:

Spiria, spiria, spiridon,

Spiria, chú em mến yêu ơi,

Chị sẽ ngồi vào xe trượt tuyết,

Cho spiria ngồi kèm bên mép...

Hễ thấy tôi bước vào phòng, mẹ vội ngưng hát, cúi kính quát:

- Mà muốn gì?

Tôi tin rằng ngoài bài ấy mẹ chẳng biết bài hát nào khác.

Chiều đến, nhà chủ gọi tôi vào phòng và bảo:

- Nào, kể xem mà đã sống trên tàu thủy ra sao!

Tôi ngồi xuống chiếc ghế cạnh cửa nhà xí và kể chuyện. Tôi

khoan khoái ôn lại cuộc sống khác hẳn cái cuộc sống hiện nay – cuộc sống mà người ta nhét tôi vào dù tôi không muốn. Tôi kể say sưa quên cả người nghe. Nhưng không bao lâu, mấy người phụ nữ chưa bao giờ đi tàu thủy hỏi tôi:

- Dầu sao, cũng thấy sợ chứ?

Tôi không hiểu họ sợ cái gì.

- Lỡ nó sa vào chỗ sâu và chìm mất thì chết!

Cậu chủ cười phá lên. Còn tôi thì tuy biết tàu thủy không chìm ở chỗ nước sâu nhưng không làm thế nào nói cho các bà tin được. Bà già tin chắc rằng tàu thủy không nổi trên mặt nước mà đi bằng bánh xe trên đáy sông như cỗ xe ngựa đi trên mặt đất.

- Nếu nó bằng sắt thì sao mà nổi được? Đây cái búa có nổi đâu...

- Thế cái gàu có chìm trong nước không?

- Cũng đòi so sánh! Cái gàu vừa nhỏ lại vừa rộng...

Khi tôi kể chuyện bác Smouri và những quyển sách của bác, họ nhìn tôi với vẻ nghi ngờ. Bà già nói rằng sách vở là do bọn ngu ngốc và lũ vô đạo viết ra.

- Thế còn Thánh thi? Còn vua David thì sao?

- Thánh thi là quyển sách thiêng liêng. Và chính vua David còn phải xin Chúa tha tội vì quyển Thánh thi đấy.

- Ở đâu nói như vậy?

- Ở lòng bàn tay tao chứ đâu. Tao mà túm lấy gáy mày, thì mày khắc biết ở đâu!

Chuyện gì bà già cũng “biết”. Bà già nói về mọi việc với vẻ

đoan chắc và luôn luôn bằng một giọng thô lỗ.

- Ở Pechorka có một lão Tarta vừa chết. Hồn của lão chảy từ cuống họng ra, đen như hắc ín!

- Hồn lão là thần đấy. – Tôi nói.

Bà khinh bỉ quát:

- Hồn của lão Tarta ấy à? Đồ ngốc!

Mợ chủ cũng sợ sách vở.

- Đọc sách vào hại lắm, nhất là khi còn trẻ tuổi. – Mợ nói. – Ở quê tôi tại Grebeshka có một cô gái con nhà tử tế cứ miệt mài đọc sách mãi, thế rồi phải lòng ngay thầy phụ lễ. Vợ thầy ta làm cô này đến nhục nhã điều đứng. Thật là khùng khiếp! Ngay giữa phố, trước mặt mọi người...

Đôi khi tôi dùng “chữ” lấy trong sách của bác Smouri. Trong một quyển, có một câu không đầu không đuôi như sau:

“Nói đúng ra thì không có ai sáng chế ra thuốc súng cả. Như thường lệ, nó xuất hiện sau một thời gian tìm tòi, khám phá lâu dài.”

Không hiểu sao tôi nhớ kỹ câu ấy đến thế, tôi thích nhất ba chữ “nói đúng ra” và thấy chúng có hiệu lực lớn. Nhưng chúng cũng mang lại cho tôi nhiều buồn phiền tức cười.

Một hôm, chủ nhà đề nghị tôi kể thêm chuyện về tàu thủy, tôi đáp:

- Nói đúng ra thì cháu cũng chẳng còn gì để kể nữa...

Câu ấy khiến tất cả mọi người kinh ngạc, họ nhón nháo:

- Sao? Mà nói sao?

Và cả bốn người đồng thanh cười rống lên, nhại lại:

- Nói đúng ra, ôi, cha mẹ ơi!...

Đến cả cậu chủ cũng bảo:

- Thằng quỷ quái này, mày bịa ra những chữ thật là dở!

Từ đó cho đến mãi về sau họ thường gọi tôi: “Này, nói đúng ra ơi! Đi chùi sàn cho thằng bé đi, nói đúng ra...”

Sự giấu cợt vô lí đó không khiến tôi bực tức, thay vào đó, tôi rất ngạc nhiên.

Tôi sống trong đám mây mù của sự buồn tẻ khiến con người ta như ngây độn. Để khỏi buồn, tôi cố gắng làm thật nhiều việc. Công việc cũng chẳng thiếu: Trong nhà có hai đứa bé, các vú nuôi không hợp ý nhà chủ nên bị thay luôn. Tôi phải trông bọn nhỏ, hằng ngày giặt tã lót và hằng tuần đi giữ quần áo ở “suối Sen đầm”. Mấy bà thợ giặt ở đây thường chế nhạo tôi:

- Sao mày lại đi làm công việc của đàn bà thế kia?

Đôi khi, họ làm tôi tức quá, tôi cầm cả bó quần áo ướt mới vắt đập vào người họ; họ cũng trả miếng y như vậy. Nhưng có họ bên cạnh cũng thấy vui vui.

Suối Sen đầm chảy dưới đáy vực sâu và đổ vào sông Oka. Khe vực ngăn cách thành phố với cánh đồng mang tên của một vị thần cổ đại – Yarilo^[62]. Vào ngày hội Semik^[63], đám tiểu thị dân của thành phố thường tổ chức những cuộc dạo chơi trên cánh đồng. Bà ngoại có nói với tôi rằng hồi bà còn trẻ, người dân còn tin vào thần Yarilo và thường dâng lễ vật cho thần: Họ tìm một cái bánh xe lửa và lấy dây bèo nhựa quấn chặt lại rồi thả lăn xuống sườn dốc. Họ la hét, ca hát và dõi xem bánh xe đó có lăn được tới sông Oka không. Nếu lăn tới được tức là thần Yarilo đã nhận tế vật, mùa hè năm ấy nhất định sẽ mưa thuận gió hòa.

Đám thợ giặt phần đông là người vùng Yarilo. Họ nhanh nhẹn, lắm mồm lắm miệng. Họ biết mọi chuyện trong thành phố. Những chuyện họ kể về các nhà chủ – là những thương gia, viên chức, sĩ quan – nghe rất thú vị. Mùa đông giặt quần áo trong nước suối giá như băng thật không khác gì việc khổ sai. Tay bà nào cũng bị cồng buốt đến nổi da nứt nẻ hết. Dưới tấm mái che ọp ẹp có nhiều khe hở không thể nào chắn được tuyết và gió, họ khom lưng giặt giũ trên dòng suối được đóng khung trong những khúc gỗ. Giá buốt cắn xé mặt họ khiến máu dồn lên mặt, những ngón tay ướm cứng đờ không co lại nổi, nước mắt ứa ra, nhưng họ vẫn tán chuyện không ngớt, kể cho nhau nghe đủ chuyện linh tinh; đối với mọi người, mọi việc, họ đều có cách nhận xét đặc biệt táo bạo.

Trong đám thợ giặt có chị Nataliya Kozlovsky kể chuyện hay nhất. Chị ngoài ba mươi tuổi, tươi tắn, mạnh khỏe, ánh nhìn luôn đượm vẻ giễu cợt. Những câu chị nói rất linh hoạt và sắc sảo. Các bạn đều vì nể chị. Họ hỏi ý kiến chị nhiều việc, vì chị ăn mặc đứng đắn và vì chị đã cho con gái mình theo học trung học. Khi thấy chị khom lưng dưới hai cái thùng nặng quần áo ướm đi xuống dốc trên con đường vừa nhỏ vừa trơn, họ chào chị một cách vui vẻ và săn sóc hỏi han:

- Cháu gái ra sao rồi?

- Cảm ơn bác, không đến nỗi tồi. Ơn Chúa, cháu nó vẫn đi học.

- Khéo chừng cô ấy rồi sẽ thành bà quý phái đấy!

- Tôi cho cháu đi học cũng vì thế. Bọn quý tộc, cái bọn được nâng niu, chiều chuộng ấy ở đâu mà ra? Tất cả đều từ chúng ta, từ đám dân đen mà ra cả chứ còn từ đâu nữa? Học được nhiều bao nhiêu, tay càng dài ra bấy nhiêu. Mà kẻ nào thu nhật được

nhiều thì kẻ ấy muốn làm vương làm tướng gì cũng được... Chúa đày chúng ta xuống trần gian làm những đứa trẻ ngu dại nhưng đòi hỏi khi trở về chúng ta phải là những người già thông minh hiểu biết. Có nghĩa là phải học mới được!

Khi chị nói, mọi người lặng yên chăm chú nghe những câu chuyện mạch lạc và đúng đắn. Trước mặt cũng như sau lưng chị, tất cả đều ngợi khen và ngạc nhiên về sức bền bỉ và trí thông minh của chị, nhưng không ai bắt chước chị cả. Chị khâu thêm vào áo khoác mấy ống tay áo làm bằng da màu hung lấy ở ống giày ủng, nhờ đó mà khi giặt tay chị khỏi phải để trần đến khuỷu và cũng không bị ướt áo. Mọi người ca ngợi sáng kiến của chị nhưng không ai làm theo. Khi tôi cũng làm như vậy, họ giễu cợt tôi.

- Ô, mày lại phải học trí khôn của đàn bà sao!

Về con gái chị, người ta bình luận:

- Có hay hóm gì đâu! Ừ thì thêm một bà quý phái nữa đấy, nhưng cuộc sống có dễ dàng được hơn chẳng? Mà đã chắc đâu nó học được đến nơi đến chốn, khéo lại chết giữa chừng...

- Ngay đến những người có học cũng sống chẳng ra gì: Đây, con gái nhà Bakhilov, học chết học sống, sau cũng đi dạy học. Mà đã là cô giáo thì rồi đến làm “bà cô” suốt đời thôi...

- Còn phải nói! Chọn vợ nên chọn người không có học thức để còn sai bảo được...

- Trí óc đàn bà con gái có ra gì...

Thật lạ lùng và khó hiểu khi nghe họ nói về bản thân một cách thiếu tôn trọng như vậy. Tôi đã từng nghe thủy thủ, binh lính, thợ đấu nói về đàn bà, nghe những người đàn ông đặc chí kể lễ mánh lới lừa dối phụ nữ và khoe khoang sự dẻo dai của

mình. Tôi cảm thấy họ có định kiến thù ghét phụ nữ. Nhưng hình như trong hầu hết các câu chuyện của đám đàn ông về “thành tích” tình trường, ngoài sự khoe khoang còn có điều gì khiến tôi cảm thấy mấy chuyện đó chỉ là khoe mẽ và bịa đặt.

Các bà thợ giặt không kể cho nhau nghe chuyện tình duyên nhưng qua những bình luận giễu cợt, độc ác của họ về cánh đàn ông, tôi nghĩ rằng câu: “Đàn bà là sức mạnh” có lẽ đúng thật!

- Dù có đi đến đâu, có quen biết ai thì rồi cũng phải tìm đến đàn bà, không sao thoát khỏi đâu. – Một hôm chị Natalya nói như vậy.

Một bà già quát lên với chị, giọng như bị cúm:

- Còn đi đâu nữa! Cả tu sĩ lẫn ản sĩ cũng bỏ Chúa để mò đến với chúng ta nữa là...

Những câu chuyện bên tiếng nước róc rách khóc than, bên tiếng giẻ ướt vớ bì bạch trong khe bản dưới đáy vực mà cả những bông tuyết mùa đông trong sạch cũng không thể phủ kín, những cuộc chuyện trò trao đổi trắng trợn về điều bí mật sinh ra mọi bộ lạc, mọi dân tộc đã gây nên trong lòng tôi sự ghê tởm, kinh sợ, xua đẩy ý nghĩ và cảm giác của tôi lánh xa những “thiên tình sử” đầy dây đến phát ngáy. Đối với tôi, khái niệm “thiên tình sử” đã chuyển thành khái niệm về những chuyện bản thủ và ghê tởm.

Nhưng dầu sao, ở giữa đám thợ giặt dưới vực, bên bọn lính cần vụ trong các nhà bếp hoặc cạnh thợ đấu dưới tầng hầm, tôi vẫn thấy thích thú hơn ở nhà nhiều. Những câu nói, ý nghĩ, sự việc xảy ra ở nhà đều đều, tẻ ngắt, khiến lòng tôi nặng nề và buồn chán khủng khiếp. Nhà chủ sống trong thế giới chật hẹp toàn chuyện ăn uống, bệnh tật, ngủ ngáy, lằng xằng suốt ngày

chỉ ăn và ngủ. Họ trò chuyện về tội lỗi, về cái chết và rất sợ phải chết. Họ chen chúc như những hạt gạo quanh cối xay chờ đợi giây phút bị nghiền nát.

Những giờ rỗi rãi, tôi vào kho chẻ củi, mong được yên tĩnh một mình, nhưng ít khi tôi đạt được ý nguyện. Máy người lính cần vụ thường vào cà kê kể chuyện trong khu nhà.

Những người hay vào nhà kho với tôi nhất là Ermokhin và Sidorov. Ermokhin quê ở Kaluga, người gân guốc, cao lêu nghêu, lưng gù gù, đầu bé, mắt lơ đờ. Hắn lưỡi biếng và ngốc không chịu được, đi đứng thì chậm chạp vụng về. Nhưng khi trông thấy đàn bà, hắn rống lên và vươn người ra, tựa hồ muốn nằm phục dưới chân họ. Mọi người trong khu nhà ngạc nhiên khi thấy hắn chinh phục được bọn mục bếp, con sen một cách nhanh chóng. Họ ghen tị với hắn và sợ sức khỏe như gấu của hắn. Sidorov quê vùng Tula, người gầy gò xương xẩu, lúc nào cũng có vẻ ủ ê. Anh nói năng nhỏ nhẹ, ho hắng thận trọng, đôi mắt thường mang vẻ sợ sệt. Anh ưa nhìn vào những góc tối. Khi thăm thì kể chuyện hoặc khi ngồi lặng yên, anh luôn nhìn vào xó tôi nhất.

- Anh nhìn cái gì thế?

- Có lẽ một con chuột sắp chạy ra... Tao thích chuột lắm. Chúng bò mới nhẹ nhàng làm sao...

Tôi viết những bức thư gửi về nhà và những mảnh giấy hò hẹn gửi cho tình nhân họ mấy người cần vụ. Việc đó làm tôi thích thú. Tôi thích viết thư họ anh Sidorov hơn viết cho những người khác. Thứ Bảy nào anh cũng chu đáo gửi thư cho em gái ở Tula.

Anh mời tôi vào bếp rồi ngồi bên cạnh tôi. Tay xoa mãi cái

đầu húi ngắn, anh thì thâm vào tai tôi:

- Nào, viết đi! Đầu tiên hãy viết: “Em gái mến yêu nhất của anh, chào em!” như thường lệ. Bây giờ viết: “Anh đã nhận được một rúp rồi. Cảm ơn em nhé, có điều là không cần gửi làm gì. Anh chẳng cần gì cả đâu. Các anh sống rất dễ chịu.” Bọn tao sống chẳng dễ chịu tí nào đâu, khổ như những con chó ấy, nhưng mày đừng có viết điều đó vào, mà chỉ viết là “dễ chịu”. Nó đang còn bé, mới mười bốn tuổi đầu, để nó biết làm gì? Bây giờ thì mày tự viết lấy như người ta đã dạy mày...

Anh ép sườn trái sát vào tôi, hơi thở nóng phì phào vào tai tôi, anh thì thâm nhân mạnh:

- Bảo nó đừng để bọn con trai ôm và sờ vào ngực. Mày viết đi: “Nếu có kẻ nào nói dụ dàng với em, em đừng có tin. Đó là nó muốn lừa dối em, muốn làm em khổ...”

Vì cố nín ho nên khuôn mặt đen sạm của anh đỏ tía lên: Anh phồng má, nước mắt ứa ra; anh cựa quậy trên ghế và thúc vào tôi.

- Anh làm vướng tay quá!

- Không sao, viết đi! “... Nhất là bọn nhà chủ thì em đừng có tin. Gặp dịp là chúng sẽ lừa dối em ngay. Chúng biết cách nói và hứa hẹn đủ chuyện, nhưng nếu em tin lời bọn chủ, em sẽ rơi ngay vào nhà thổ đấy. Để dành được rúp nào thì cứ giao cho giáo trưởng; nếu là người tốt thì ông ta sẽ giữ gìn. Nhưng tốt hơn hết là em cứ chôn tiền xuống đất, đừng để cho ai thấy và phải nhớ chỗ đã chôn.”

Nghe những tiếng thì thầm lẫn trong tiếng cọt két của cái quạt máy bằng sắt tây trên tấm cửa thông hơi thật là buồn. Tôi đảo mắt nhìn cửa lò ám khói và tủ đựng bát đĩa đầy cứt ruồi. Căn bếp vô cùng bẩn thỉu, đầy những rệp, sặc mùi mỡ cháy,

mùi dầu hỏa và khói. Những con gián bò sột soạt trong mớ đóm trên lò. Tâm hồn tôi tràn ngập nỗi buồn chán, tôi thấy thương anh lính và cô em của anh ta đến suýt phát khóc. Lẽ nào có thể sống như vậy? Sống như vậy có gì tốt?

Tôi viết lia lịa, không để ý lắng nghe lời thăm thì của anh Sidorov nữa. Tôi viết rằng cuộc sống thật buồn chán và đầy tủi nhục, còn anh thì thở dài bảo tôi:

- Chú viết dài thế, cảm ơn chú nhé. Bây giờ ít ra thì nó sẽ biết là phải sợ những gì...

- Chẳng có gì phải sợ cả. – Tôi bực tức, tuy trong thâm tâm, chính tôi vẫn sợ rất nhiều thứ.

Anh lính ho húng hắng rồi cười:

- Thằng bé này lạ thật! Sao lại không sợ? Thế còn bọn chủ, còn Chúa? Và còn bao nhiêu là điều đáng sợ khác!

Khi nhận được thư của em gái, anh lo lắng cầu khẩn tôi:

- Đọc đi, chú mày, đọc nhanh lên...

Và anh bắt tôi đọc đi đọc lại hàng ba bốn lần bức thư nguệch ngoạc, ngắn ngủi và vô vị, khiến tôi rất bực mình.

Tính tình hiền hậu, dịu dàng, nhưng trong cách đối xử với phụ nữ anh cũng có thái độ giống như hầu hết mọi người: Đơn giản và thô bỉ một cách chó má. Vô tình hoặc chủ tâm quan sát các mối quan hệ phát triển một cách nhanh chóng lạ lùng và đáng tởm, tôi nhận ra anh Sidorov thoạt đầu thường khiến đàn bà động lòng trắc ẩn bởi mấy lời than vãn về cuộc đời lính, quyến rũ họ bằng sự lừa dối dịu dàng, và sau khi mọi việc đã xong xuôi, anh nhăn mặt kể chiến công của mình cho Ermokhin nghe, miệng nhổ nước bọt tỏ vẻ ghê tởm tựa hồ vừa

uống xong một liều thuốc đắng. Điều đó làm tim tôi thất lại, tôi bực bội hỏi anh lính rằng tại sao bọn họ lại hay lừa bịp, nói dối phụ nữ rồi sau đó chế giễu, chuyển các cô từ tay người này sang tay người khác, tại sao họ lại hay đánh phụ nữ?

Anh chỉ cười nhạt:

- Mà mày chưa nên biết chuyện ấy làm gì. Đó là những chuyện xấu, là tội cả đấy! Mày còn ít tuổi, những chuyện đó đối với mày đang còn sớm...

Nhưng có một lần tôi đạt được câu trả lời rõ ràng hơn mà tôi còn nhớ mãi:

- Mày tưởng bọn đàn bà không biết tao lừa dối họ hay sao? – Anh nói, vừa nháy mắt vừa ho. – Họ biết quá đi chứ! Chính họ cũng muốn để cho người khác lừa dối mình. Trong việc này mọi người lừa dối nhau tuốt. Đó là việc mà ai cũng thấy hổ thẹn. Có người nào yêu người nào đâu, chẳng qua chỉ là trò đùa đầy thôi. Quả là vô cùng đáng xấu hổ! Đấy, cứ chờ ít lâu rồi mày sẽ biết. Chỉ cần trời tối là được. Còn ban ngày thì tìm chỗ nào tối tối hay vào trong nhà kho ấy, thế đấy! Cũng vì thế mà Chúa đã đuổi loài người ra khỏi thiên đường, vì thế mà ai nấy đều khổ sở...

Anh nói thật hay, giọng anh có vẻ ăn năn buồn bã khiến tôi cũng bớt khắt nghiệt với các “thiên tình sử” của anh. Tôi thích chơi với anh hơn là với Ermokhin. Tôi rất ghét gã ta và tìm mọi cách để chế nhạo, làm cho hắn phát khùng. Tôi thường đạt được mục đích và gã phải chạy đuổi tôi khắp sân. Chỉ vì vụng về mà ít khi hắn có dịp thực hiện các đòn trừng phạt.

- Chuyện ấy cấm đấy! – Anh Sidorov thường bảo tôi như vậy.

Tôi hiểu đó là chuyện cấm, nhưng nói rằng vì thế mà ai nấy đều khổ sở thì tôi không tin. Tôi từng trông thấy nhiều người

khổ sở. Tôi cũng từng quan sát biểu lộ khác thường trong đôi mắt những người đang yêu và cảm nhận được sự hiền hậu đặc biệt của các cặp tình nhân. Thật dễ chịu khi chứng kiến niềm vui sướng của tình yêu đó.

Dầu sao, theo tôi còn nhớ, cuộc sống của tôi mỗi ngày một buồn tẻ, gay gắt hơn, nó vĩnh viễn bị ấn định chặt chẽ trong các hình thức và những mối quan hệ mà tôi đã trông thấy ngày này qua ngày khác. Khó mà tin rằng sẽ có chuyện gì tốt hơn xảy ra, bởi những điều xấu xa vẫn hiện ra trước mắt mình hằng ngày, không sao xóa bỏ được.

Một hôm, những người lính kể cho tôi nghe một chuyện khiến tôi vô cùng xúc động.

Trong một căn nhà, có anh thợ nọ chuyên cắt quần áo cho hiệu may nổi tiếng của thành phố. Anh ta không phải người Nga, tính nết hiền lành, khiêm tốn. Vợ anh nhỏ bé, ngày đêm chỉ đọc sách. Hai vợ chồng không có con, sống một cách kín đáo và thâm lặng giữa một khu huyên náo, bên những căn nhà đầy ních người say. Họ không tiếp khách cũng chẳng đi đâu, chỉ đi xem hát với nhau trong những ngày hội.

Từ sáng đến chiều tối anh chồng ở nơi làm việc. Còn chị vợ thì giống như một cô thiếu nữ, cứ mỗi tuần đến thư viện hai lần vào buổi trưa. Tôi thường thấy chị bước những bước ngắn trên đường, lắc lư, khập khiễng, sách vở bó dây, trông như một nữ sinh giản dị, dễ thương, váy áo mới và sạch sẽ, đôi tay nhỏ nhắn đeo găng. Gương mặt hao hao chú chim non, cặp mắt đảo nhanh, nom chị đẹp như pho tượng bằng sứ trên giá gương. Những người lính nói rằng chị thiếu một cái xương sườn bên phải, thế nên chị mới có dáng đi lắc lư lạ lùng như vậy, nhưng điều đó khiến tôi thấy chị càng dễ thương, khác hẳn những bà

vợ sĩ quan của khu nhà. Những người này, mặc dầu giọng nói vang vang, váy áo sặc sỡ, dáng điệu cao kì, nhưng vẫn có vẻ gì cũ kĩ tựa hồ bị bỏ quên rất lâu trong nhà kho, giữa đồng đồ đạc không còn dùng đến.

Mọi người trong khu nhà đều cho chị vợ anh thợ cắt nhỏ bé đó là người dở ngây dở dại. Họ kháo nhau rằng chị mất trí vì ham đọc sách quá và không thể làm công việc nội trợ; chồng chị phải đích thân đi chợ mua thức ăn và đặt các món ăn trưa, ăn chiều với mụ bếp, một mụ đàn bà to béo, cau có, không phải người Nga, một mắt đỏ ngầu luôn lèm nhèm còn mắt kia chỉ là một khe nhỏ màu hồng. Người ta đồn rằng chị vợ không thể phân biệt thịt lợn thăn với thịt bê và đã có lần, thật đến nhục, mua lầm rau mùi tây ra củ cải ngựa! Các người nghĩ xem, thật là một điều kinh khủng!

Cả ba đều xa lạ trong khu nhà, như thể họ tình cờ lạc vào chung một ngăn trong cái chuồng gà lớn. Họ giống chim sẻ ngô vì tránh băng giá mà bay qua cửa thông hơi vào khu nhà ngột ngạt và bẩn thỉu của loài người.

Bỗng một hôm, mấy người cần vụ bảo với tôi rằng bọn sĩ quan đang bày trò chơi khăm chị vợ bé nhỏ của anh thợ cắt. Hầu như ngày nào họ cũng thay phiên nhau, lúc người này, khi người khác, gửi thư cho chị bày tỏ tình yêu và nỗi đau khổ, ca ngợi sắc đẹp của chị. Chị viết thư trả lời, van xin họ để cho chị được yên tĩnh và lấy làm tiếc rằng mình là nguyên nhân gây nên nỗi đau khổ của họ. Chị cầu Chúa mong Người giúp họ quên chị đi. Khi nhận được thư, đám sĩ quan đem ra đọc chung rồi cười nhạo người đàn bà và lại viết ngay một lá thư tình khác, kí tên một người nào đó, gửi chị.

Khi kể cho tôi nghe chuyện ấy, những người cần vụ cũng

giấu cọt chửi rửa chị:

- Đồ ngu xuẩn! Nó làm bộ đấy mà! – Ermokhin nói, giọng trầm trầm.

Còn anh Sidorov thì phụ họa bằng giọng nhỏ nhẹ:

- Đàn bà ả nào cũng muốn cho người ta lừa dối mình cả. Nó còn lạ gì...

Tôi không tin rằng chị vợ anh thợ cắt biết chuyện mọi người giấu cọt mình nên quyết định kể cho chị. Chờ khi mẹ bếp nhà chị xuống hầm rượu, tôi bước vào phòng. Chị đang ngồi bên bàn, một tay nâng cái tách nặng mạ vàng, tay kia cầm một quyển sách đang mở. Chị kinh hãi ép quyển sách vào ngực, kêu khe khẽ:

- Ai đây? Em là ai?

Tôi liền kể rất nhanh cho chị nghe, câu nọ xọ câu kia, đinh ninh là chị sẽ ném quyển sách hay cái tách vào người tôi. Chị ngồi trong một cái ghế bành to màu tím, mặc áo choàng xanh da trời có tua dưới gấu, cổ áo và tay áo viền ren. Mớ tóc màu hạt dẻ buông xõa xuống vai như những làn sóng. Trông chị giống nữ thiên thần trước thánh đường. Chị ngả người vào lưng ghế, nhìn tôi bằng cặp mắt tròn xoe. Đầu tiên ánh mắt chị mang vẻ giận dữ, nhưng sau có vẻ ngạc nhiên. Chị khẽ mỉm cười.

Khi kể hết mọi điều, thấy dững khí bỗng tiêu tan đâu mất cả, tôi bèn quay ra cửa, nhưng chị gọi tôi:

- Đứng lại đã!

Dần tách xuống khay, chị quăng sách lên bàn, nắm bàn tay lại rồi thốt lên giọng nói âm vang của người lớn:

- Em thật là một đứa bé kì dị... Em lại gần đây!

Tôi thận trọng nhích vài bước. Chị nắm lấy tay tôi, vuốt ve chúng bằng những ngón tay nhỏ nhắn xinh đẹp rồi hỏi:

- Không ai bày cho em nói những chuyện đó với chị chứ? Thật chứ? Được rồi, được rồi, chị cũng biết như vậy. Chị tin rằng em đã tự nghĩ...

Buông tay tôi ra, chị nhắm mắt lại và chậm rãi nhẹ nhàng nói:

- Bọn lính bắn thủ nói như vậy đấy!

- Chị nên chuyển nhà đi chỗ khác mà ở. – Tôi khuyên chị, về đường hoàng.

- Tại sao vậy?

- Họ sẽ làm khổ chị đấy.

Chị cười rất dễ thương, rồi hỏi tôi:

- Trước em có đi học chứ? Em có thích đọc sách không?

- Em chẳng có thì giờ nào mà đọc sách nữa.

- Nếu em đã thích thì khắc sẽ tìm được thì giờ. Thôi được, cảm ơn em nhé!

Chị đưa tay cho tôi, trong những ngón tay chúm lại đó có một đồng hai mươi kopek bằng bạc. Tôi thấy ngỡ ngàng phải cầm đồng hào lạnh lẽo ấy, nhưng tôi không dám từ chối. Khi ra về, tôi để đồng hào đó lại trên đỉnh một cột cầu thang.

Người đàn bà đó đã cho tôi một ấn tượng sâu sắc và mới mẻ. Trước mắt tôi như tuyền một màu hồng của buổi bình minh. Suốt mấy ngày sau tôi sống trong niềm vui sướng mỗi khi hồi tưởng lại căn phòng rộng thênh thang và chị vợ anh thợ cắt mặc áo xanh da trời giống như một nữ thiên thần. Cảnh vật

xung quanh đẹp một cách lạ lùng, tấm thảm lông lấy óng ánh vàng trải dưới chân chị; ánh sáng ngày đông lọt qua những tấm kính cửa sổ sáng như bạc đến sưởi ấm chị.

Tôi bỗng muốn được nhìn chị một lần nữa. Cứ thử đến mượn sách xem sao?

Tôi bèn làm như vậy và thấy chị vẫn ngồi chỗ cũ, vẫn với quyển sách trên tay, nhưng một bên má chị băng khăn mùi soa màu vàng và mắt chị sưng vù. Chị đưa cho tôi một quyển sách bìa đen, lí nhí những gì không rõ. Tôi buồn rầu mang quyển sách về. Quyển sách sực nức mùi creosote^[64] và dầu hôi. Tôi quấn quyển sách bằng một cái áo sạch, lấy giấy bọc ngoài rồi giấu lên gác thượng vì sợ nhà chủ lấy hay làm hỏng mắt.

Nhà chủ đặt tờ Niva cốt chỉ để lấy các mẫu cắt quần áo và tranh đạt giải thưởng. Họ không đọc, sau khi xem tranh ảnh trong tạp chí xong, họ xếp đóng vào tủ trong phòng ngủ. Cuối năm, họ đóng bìa và giấu xuống gầm giường, chỗ vẫn để ba tập *Bình luận về hội họa*^[65]. Khi tôi lau sàn phòng ngủ, nước bẩn chảy lênh láng bên dưới những quyển sách ấy. Cậu chủ đặt mua tờ báo *Tin nhanh nước Nga*^[66] và chiều chiều, mỗi khi đọc báo lại chửi đổng:

- Có quỷ biết tại sao chúng nó lại viết những tin này! Chán quá chừng...

Thứ Bảy, khi đang phơi quần áo trên gác thượng, tôi sực nhớ tới quyển sách, bèn lấy nó ra, mở gói và đọc ngay dòng đầu tiên: “Nhà cửa cũng như con người, cái nào cũng có bộ mặt riêng.” Câu ấy đúng quá, làm tôi sửng sốt. Tôi bèn đứng bên ô cửa tò vò đọc tiếp, đọc cho đến khi khắp người lạnh cóng mới thôi. Buổi chiều, khi nhà chủ đi cầu nguyện ở nhà thờ, tôi mang sách xuống bếp, chúi đầu vào trang sách sờn rách úa vàng như lá

mùa thu. Chúng dễ dàng đưa tôi tới một cuộc sống mới, giới thiệu cho tôi những tên người mới mẻ, những quan hệ mới mẻ, chỉ cho tôi các nhân vật đôn hậu, những kẻ tàn ác đen tối không giống những người tôi đã chán ngấy. Đó là cuốn tiểu thuyết của Xavier de Montepaine^[67], dài như tất cả các truyện khác của ông, cuốn sách đầy nhân vật và sự việc, mô tả một cuộc sống mãnh liệt mà trước đây tôi chưa từng biết. Tất cả mọi sự việc trong truyện đều giản dị và rõ ràng lạ lùng, tựa như có một nguồn ánh sáng ẩn giữa các hàng chữ soi tỏ điều lành và điều dữ, giúp tôi biết yêu biết ghét và bắt tôi chăm chú theo dõi số phận những con người chen chúc trong đó. Đột nhiên tôi nảy ra ý muốn sôi nổi giúp đỡ người này, cản trở người khác, quên mất rằng cái cuộc sống mới hé mở đột ngột đó chỉ là chuyện bịa đặt trong sách vở. Suốt diễn biến của cuộc đấu tranh, tôi quên hết mọi chuyện, tâm hồn tràn ngập buồn rầu lật từng trang sách.

Tôi đọc mãi mê đến nỗi khi nghe tiếng chuông réo ngoài cổng chính, tôi chưa hiểu được ngay là ai giật chuông và giật chuông để làm gì.

Ngọn nến cháy gần hết. Chân nến sáng nay tôi vừa lau chùi giờ đã nhoe nhoét mỡ. Cây đèn thờ mà tôi phải trông nom tụt bậc, tắt ngấm. Tôi chạy ngược chạy xuôi trong bếp, cố giấu mọi vết tích tội lỗi. Tôi nhét quyển sách vào hộc lò sưởi, loay hoay sửa cây đèn thờ. Mụ vú trong buồng nhảy vào quát tôi:

- Mà điếc sao? Chuông gọi kìa!

Tôi vội chạy ra mở cửa.

- Ngủ à? – Cậu chủ nghiêm khắc hỏi.

Vợ cậu vừa khệ nệ leo lên thang gác vừa than phiền rằng tôi

đã làm mợ bị cảm lạnh, bà già cũng chửi mắng làu bàu. Vào tới bếp, bà trông thấy ngay những mẩu nến cháy và tra hỏi tôi ở nhà làm gì.

Tựa hồ bị rơi từ chín tầng mây xuống, tôi nín thinh, chân tay bủn rủn, sợ bà già tìm thấy quyển sách, nhưng bà ta chỉ kêu la rằng tôi sẽ đốt nhà mất.

Khi cậu chủ và mợ xuống ăn tối, bà lại phàn nàn:

- Đây, chúng mày nhìn xem, nó đốt hết cả nến rồi, cả cái nhà này rồi nó cũng sẽ thiêu nốt...

Bốn người vừa ăn vừa đay nghiến tôi bằng đủ giọng lưỡi. Họ nhắc lại những lỗi lầm vô tình hay hữu ý của tôi và mang cái chết ra dọa tôi. Nhưng tôi biết họ nói tất cả những điều đó không phải vì ác tâm cũng không phải vì lòng thiện mà chỉ vì buồn chán. Thật là kì lạ khi thấy họ rộng tuếch, lố bịch làm sao so với các nhân vật trong truyện.

Ăn uống xong, người nặng nề thêm, họ uể oải đi ngủ, mỗi người một nơi. Bà già, sau khi quấy rầy Chúa bằng những lời than phiền, leo lên lò và im tiếng. Khi đó tôi mới nhồm dậy, lôi quyển sách trong hộc lò ra và đến bên cửa sổ. Trời đêm trong sáng, ánh trăng chiếu thẳng vào cửa sổ, nhưng chữ nhỏ quá không sao đọc được. Mà lòng tôi háo hức muốn đọc sách quá. Tôi bèn lấy ở chạn một chiếc xanh đồng, thử dùng nó để phản chiếu ánh trăng lên trang sách, nhưng kết quả càng tệ hơn. Tôi trèo lên cái ghế kê ở góc nhà, chỗ có tượng thánh, và đứng trên ghế đọc dưới ánh sáng của ngọn đèn thờ. Đến lúc mệt quá, tôi ngồi xuống ghế và ngủ thiếp đi!

Tiếng bà già vừa réo vừa đập khiến tôi bừng tỉnh. Bà già cầm quyển sách trong tay, cứ thế quật mạnh vào vai tôi. Đi chân đất,

mặc áo ngủ, bà thịnh nộ lắc lắc cái đầu hung hung, mặt đỏ bừng lên vì giận dữ. Cậu Viktor rên rĩ từ phía trên phản:

- Mẹ ơi, đừng có la ầm lên như vậy! Sống làm sao yên được...

“Thế là đi đời quyển sách, họ đến xé nát mất!” Tôi nghĩ thầm trong bụng.

Sau bữa trà sáng, mọi người “xét xử” tôi.

Cậu chủ nghiêm khắc hỏi:

- Mà y lấy sách ở đâu ra?

Hai người đàn bà cũng hò hét, người nọ át lời người kia. Cậu Viktor gửi những trang giấy với vẻ nghi ngờ:

- Có mùi nước hoa, thật đấy...

Khi nghe tôi nói quyển sách đó là của cha cô, cả bọn xem xét quyển sách một lần nữa, vừa ngạc nhiên vừa bất bình rằng sao cha cô lại đọc tiểu thuyết, nhưng dầu sao câu trả lời đó cũng khiến họ dịu xuống. Tuy nhiên cậu chủ vẫn nhắc đi nhắc lại với tôi rằng đọc sách là có hại và nguy hiểm.

- Đấy, cái bọn đọc sách báo ấy đã phá đường sắt, muốn giết...

Mợ chủ quát chồng, vẻ giận dữ và sợ hãi:

- Anh điên à! Anh nói cái gì vậy!

Tôi mang quyển truyện của Montepaine đến chỗ anh Sidorov và kể cho anh nghe đầu đuôi câu chuyện. Anh lính cầm quyển sách, lặng lẽ mở cái hòm con, lấy ra một chiếc khăn mặt sạch, bọc cuốn sách lại rồi cất vào hòm...

Anh bảo tôi:

- Em đừng nghe lời họ. Cứ đến nhà anh đọc sách, anh không nói cho ai biết đâu! Nếu em đến không thấy anh ở nhà thì cứ lấy

chìa khóa treo sau tượng thánh, mở hòm lấy sách mà đọc...

Thái độ của chủ nhà đối với sách đã đề cao sách vở trong mắt tôi ngang với những bí mật quan trọng và khủng khiếp. Việc “những người đọc sách báo” phá đường sắt để giết ai đó không làm tôi bận tâm, tôi nhớ đến vị linh mục trong buổi xưng tội, đến việc đọc sách của người học sinh trung học dưới tầng hầm, đến những lời nói của bác Smouri về “những quyển sách đúng đắn”, và tôi nhớ cả đến mấy câu chuyện ông ngoại kể về các phù thủy biết sử dụng âm binh:

“Dưới triều vua Alexander Pavlovich Thái bình, một bọn quý tộc bị phù thủy lôi kéo đã âm mưu bán rẻ toàn dân Nga cho giáo hoàng La Mã, thật là bọn vô đạo! Tướng Arakcheev bắt quả tang bọn chúng, đày đi Siberia khổ sai, không kể chức tước, cấp bậc. Chúng chết mòn ở đây như giồng bọ xanh...”

Tôi nhớ đến câu “Umbracul sặc sỡ những tinh cầu”, đến “Gervase” và đến mấy câu trang trọng tới mức buồn cười:

“Bọn phạm tục tò mò muốn biết công việc của chúng ta!

Không bao giờ cặp mắt kém cỏi của các người thấy được!”

Tôi thấy như mình đang đứng trước ngưỡng cửa của những bí mật lớn lao và sống như người mất trí. Tôi muốn đọc hết quyển sách nhưng lại sợ nhờ chẳng may quyển sách bị mất lúc cất ở nhà anh lính, hoặc vì lí do nào đó mà anh làm hỏng sách. Lúc bấy giờ tôi biết ăn nói với chị vợ anh thợ cắt ra sao?

Bà già vừa ráo riết theo dõi vừa nhieéc móc tôi:

- Con mọt sách! Sách vở chỉ dạy đọc những điều phóng dăng. Đây, con mẹ ấy cũng mãi mê sách vở đến nỗi không thể nào đi chợ được, chỉ luẩn quẩn với bọn sĩ quan, tiếp chúng giữa ban ngày ban mặt, tao còn lạ gì!

Tôi muốn quát to lên: “Không đúng! Chị ấy không luẩn quẩn...”

Nhưng tôi sợ, không dám che chở cho chị vợ anh thợ cắt. Lỡ bà già thành linh đoán được quyển sách đó là của chị thì sao?

Suốt mấy ngày, tôi sống vô cùng khổ sở. Tôi vừa dăng trí, vừa buồn, vừa hoảng hốt; tôi không sao ngủ được vì lo lắng cho số phận của Montepaine. Cho đến một hôm, mụ bếp của chị vợ anh thợ cắt chặn tôi ngoài sân và bảo:

- Mang sách đến trả nhé!

Tôi chọn lúc ăn trưa xong, khi nhà chủ đã nằm nghỉ, đến nhà chị vợ anh thợ cắt, vẻ ngượng nghịu chán nản.

Chị tiếp tôi như lần đầu tôi gặp chị, chỉ có cách ăn mặc thì khác hẳn: Váy xám, áo cánh bằng nhung đen, thánh giá bằng ngọc xanh đeo trên cổ. Trông chị giống một con chim sơn tước mái.

Tôi nói với chị rằng tôi không kịp đọc hết quyển sách và người ta cấm tôi đọc sách. Tôi rưng rưng nước mắt, nửa tủi nửa mừng được trông thấy chị.

- Chà, cái bọn mới ngu xuẩn làm sao! – Chị nhíu cặp lông mày thanh tú. – Thế mà trông khuôn mặt cậu chủ em cũng có vẻ sáng sủa đấy chứ. Em đừng buồn, để chị nghĩ xem đã. Chị sẽ viết thư cho chủ em...

Nghe thế, tôi sợ quá. Tôi bảo chị rằng tôi đã nói dối nhà chủ là mượn sách của cha cố chứ không phải của chị.

- Không nên đâu, chị đừng viết! – Tôi nài nỉ. – Họ sẽ chế nhạo chị, sẽ nói chị không ra gì. Ở khu nhà này không có ai thích chị. Ai cũng chế giễu chị, họ nói rằng chị gàn và chị thiếu mắt

xương sườn...

Nói một mạch xong, tôi chợt nhận ra rằng mình đã nói với chị những điều vô ích và đáng bực mình. Chị cắn môi trên, vỗ tay vào hai bên hông như người cưỡi ngựa. Tôi ngượng nghịu cúi đầu, muốn chui xuống đất, nhưng chị ngả người trên ghế, cười khanh khách, nhắc đi nhắc lại:

- Ôi, ngu xuẩn... Ôi là ngu xuẩn! Nhưng biết làm thế nào? – Chị tự hỏi và chăm chú ngắm nghía tôi, sau đó thở dài và tiếp. – Em là một đứa bé kì dị, rất...

Tôi liếc mắt vào tấm gương đặt cạnh chị, thấy một khuôn mặt có cái mũi tẹt, hai gò má cao, một vết tím bầm to trên trán, mớ tóc lâu chưa cắt dựng tua tủa từng đám; đây phải chăng là “một đứa bé kì dị”?...

“Đứa bé kì dị” đó chẳng giống cái hình dáng thanh tú như làm bằng sứ kia chút nào...

- Hôm trước em không lấy đồng tiền chị cho à? Tại sao vậy?

- Em không cần.

Chị thở dài.

- Biết làm thế nào được! Nếu người ta cho phép em đọc sách thì cứ đến, chị sẽ cho mượn sách...

Trên giá gương đặt ba quyển sách, quyển tôi mang đến là quyển dày nhất. Tôi buồn rầu nhìn nó. Chị chìa bàn tay xinh xinh ra cho tôi.

- Thôi, chào em nhé!

Tôi thận trọng chạm vào tay chị và đi rất nhanh khỏi phòng.

Người ta bảo chị chẳng hiểu gì hết, có lẽ cũng đúng. Đây,

đồng hai mươi kopek thì chị gọi là đồng tiền, cứ như là một đứa trẻ con vậy.

Nhưng điều đó khiến tôi càng mến chị...

Thật là buồn vui lẫn lộn mỗi khi nhớ lại lòng say mê đọc sách bùng cháy đã mang lại cho tôi biết bao hệ lụy bức bối, lo âu khắc nghiệt!

Thấy sách của chị vợ anh thợ cắt đất tiền quá và sợ bà chủ già sẽ thiêu chúng, tôi cố gắng không nghĩ đến chúng nữa. Tôi bắt đầu đi mượn những loại sách nhỏ, lờ lợt ở hiệu buôn nhỏ, nơi sáng nào tôi cũng tới mua bánh mì về uống trà sáng.

Chủ hiệu là một gã thanh niên rất đáng ghét, lúc nào cũng nhễ nhại mồ hôi, mặt nhăn nheo trắng bệch đầy những đốm và sẹo trằng nhạt, môi dày, mắt trắng dã và nhỏ, những ngón tay vụng về trên hai bàn tay to mập. Buổi tối, cửa hiệu của gã là nơi đám choai choai và lũ con gái nhẹ dạ của khu phố tụ tập. Hầu như chiều nào em trai cậu chủ cũng đến hiệu uống bia và đánh bài. Tôi thường phải đi gọi cậu Viktoruska về ăn tối, rất hay trông thấy cô vợ hồng hào, đàn độn của gã chủ hiệu ngồi trên đùi cậu hoặc trên đùi một thanh niên khác trong căn phòng nhỏ hẹp phía sau cửa hiệu. Điều đó có lẽ không làm gã chủ hiệu khó chịu. Cả khi bọn ca sĩ, lính tráng và mấy thằng cha lẳng nhẳng ôm chặt lấy cô em gái vẫn giúp gã bán hàng, gã cũng chẳng bức bối tí nào. Hàng hóa trong hiệu không nhiều lắm, gã giải thích rằng mình mới mở cửa hàng nên chưa kịp sửa sang tu bổ, mặc dầu cửa hiệu đã mở từ dạo mùa thu. Gã đưa khách xem mấy bức tranh khỏa thân và cho người ta chép những bài thơ tục tĩu nếu muốn.

Tôi đọc mấy quyển sách vô vị của Mischa Evstigneu, mỗi

quyển phải trả một kopek. Tiền thuê thì đắt mà sách thì chẳng làm tôi hài lòng chút nào. Những quyển Guyak hay là lòng chung thủy vô song, Franzl Venetian, Cuộc chiến đấu giữa người Nga và người Kabarda^[68], hay Người nữ tín đồ Hồi giáo tuyệt mỹ đã chết trên quan tài chồng^[69] và những sách tương tự không thỏa mãn được tôi, chúng thường khiến tôi cáu giận: Tựa hồ chúng giấu cốt tôi là thằng ngốc bằng cách kể cho tôi nghe những chuyện phi lí với những câu văn hiểm hóc.

Tôi thích Những người xạ thủ, Youri Miloslauski, Người thầy tu bí mật^[70], Yapacha, người kĩ sĩ Tarta và những quyển cùng loại hơn. Sau khi đọc xong, các quyển sách ấy còn lưu lại được chút gì trong trí óc. Tôi thích nhất là loại sách viết về sự tích các thánh. Các sự tích đó có vẻ nghiêm chỉnh đáng tin và đôi lúc khiến tôi vô cùng xúc động. Tôi thấy những vị thánh tử vì đạo đều hao hao bác Tốt Lắm, các thánh nữ thì tựa như bà ngoại tôi, còn những tu sĩ thì giống ông ngoại những lúc ông vui vẻ, dễ dãi.

Tôi đọc sách trên gác thượng hoặc khi chẻ củi trong nhà kho, chỗ nào cũng bất tiện và lạnh lẽo. Thỉnh thoảng, gặp quyển sách hay hoặc phải đọc cho chóng xong, tôi thức dậy lúc nửa đêm và đốt nến. Nhưng bà chủ già để ý thấy nến chóng hết quá nên đã dùng một que đóm để đo và giấu cái thước ấy vào một chỗ. Nếu sáng hôm sau cây nến thiếu đi một mẫu^[71] hoặc nếu tôi không tìm thấy que đóm mà bỏ đi một đoạn bằng đoạn nến đã cháy thì trong bếp lại âm ỉ huyền não. Một hôm, cậu Viktoruska nằm trên phản phát bực đã tuyên bố:

- Đừng có bù lu bù loa mãi lên như thế, mẹ ơi! Không tài nào sống được! Tất nhiên là nó đã thấp nến vì nó đọc sách mượn của thằng chủ hiệu, con còn lạ gì nữa. Mẹ cứ xem trên gác

thượng ấy...

Bà già vội trèo lên gác, tìm được một quyển không biết là quyển gì và xé nát.

Dĩ nhiên việc đó làm tôi rất buồn phiền, nhưng lòng ham muốn đọc sách càng ngày càng mạnh. Tôi hiểu rằng nếu có vị thánh nhân nào đến nhà này thì các chủ nhân của tôi cũng sẽ dạy dỗ cải tạo ông ta theo lối sống của họ; họ làm điều đó vì buồn chán. Nếu họ không được buộc tội mọi người, không được la lối, chế giễu người khác thì họ sẽ quên mất tiếng nói, sẽ trở thành những kẻ câm và sẽ không nhận ra chính bản thân nữa. Con người muốn cảm thấy sự tồn tại của mình thì cần phải có một thái độ nhất định đối với những người xung quanh. Các chủ nhân của tôi không có thái độ nào khác ngoài thái độ lên mặt dạy đời, luôn miệng chỉ trích. Kể cả có ai sống như họ, cũng suy nghĩ, cảm nhận giống họ thì rồi họ vẫn chỉ trích người ấy như thường. Bản chất của họ là vậy.

Tôi lập đủ mọi mưu mẹo để đọc sách. Bà già xé sách của tôi mất mấy lần. Và bỗng nhiên tôi nợ gã chủ hiệu một món tiền kékch xù là bốn mươi bảy kopek... Gã đòi tiền và dọa rằng khi tôi đến cửa hiệu mua hàng gã sẽ lấy tiền của nhà chủ để trừ vào món nợ.

- Lúc đó mày sẽ thế nào? – Gã vừa giễu cợt vừa hỏi.

Tôi ghét gã vô ngần. Có lẽ gã cũng cảm thấy điều đó và dùng đủ lời dọa dẫm để hành hạ tôi với sự khoái trá đặc biệt. Khi tôi vào hiệu, khuôn mặt lúm đóm của gã phình to, gã ngọt ngào hỏi:

- Chú mang tiền nợ đến đây chứ?

- Không.

Câu trả lời đó làm gã khá hoảng, gã cau mặt, nhú lông mày lại.

- Thế nào? Không lẽ tao lại đưa mày ra tòa à? Để cho người ta tống vào trại nhé?

Tôi không biết lấy tiền ở đâu ra bây giờ. Tiền công của tôi người ta đã trả cho ông ngoại rồi. Tôi bối rối không biết nên xử trí thế nào. Gã chủ hiệu trả lời đề nghị xin khất nợ của tôi bằng cách chìa bàn tay to mập đầy dầu mỡ như cái bánh bột rán ra và nói:

- Mày hôn đi, tao sẽ cho khất.

Khi tôi túm lấy quả cân trên quầy hàng, vung lên định đánh gã thì gã ngồi thụp xuống, quát:

- Ấy, mày làm gì thế, mày làm gì thế, tao nói đùa đấy mà!

Hiểu rằng gã không nói đùa, tôi quyết định ăn cắp tiền để trả nợ cho xong. Sáng sáng, khi tôi chải quần áo cho cậu chủ, tiền trong túi quần cậu kêu xúng xoảng, đôi khi văng ra khỏi túi và lăn trên sàn. Một hôm có đồng rơi xuống khe hở trong chỗ chứa củi dưới cầu thang. Tôi quên nói với cậu, và mãi mấy hôm sau mới chợt nhớ ra khi thấy đồng hai mươi kopek nằm trong đồng củi. Lúc tôi trao tiền cho cậu chủ, vợ cậu bảo cậu:

- Đấy anh thấy chưa? Tiền nong khi bỏ vào túi phải đếm chứ!

Nhưng cậu cười với tôi và bảo vợ:

- Anh biết là nó không ăn cắp đâu!

Bây giờ, khi quyết định ăn cắp tiền, tôi lại nhớ đến những lời nói đó, nhớ đến nụ cười tin tưởng của cậu, và tôi cảm thấy mình khó mà ăn cắp được. Đã một vài lần tôi móc mấy đồng trong túi ra đếm, nhưng tôi không thể nào bỏ vào túi mình

được. Suốt ba ngày, tôi loay hoay vắt óc nặn trán vì chuyện đó. Tình cờ làm sao, mọi việc bỗng được giải quyết một cách vô cùng nhanh chóng và đơn giản; cậu chủ bỗng nhiên hỏi tôi:

- Mà sao trông ủ rũ thế, Peskov^[72]? Ốm à?

Tôi thú thực hết với cậu chủ nguồn cơn. Cậu cau mày.

- Đây, mày thấy chưa, sách vở làm cho người ta phải như vậy đấy! Chúng chỉ mang lại độc có tai họa...

Cậu cho tôi năm mươi kopek và nghiêm khắc bảo:

- Liệu đây, đừng có nói cho mợ và bà biết, kéo lại âm lên!

Sau đó cậu cười vẻ thân mật và nói thêm:

- Mày cũng là thằng bé kiên gan đấy, đồ quý bắt! Không sao, cái đó cũng tốt thôi. Nhưng đừng có đọc truyện nữa. Sang năm tao sẽ đặt mua một loại báo thật hay, lúc bấy giờ tha hồ mà đọc...

Thế là chiều chiều, từ bữa trà đến bữa tối tôi đọc cho nhà chủ nghe những tiểu thuyết của Vashkov, Rokshnin, Rudniskovski và những bài khác trên tờ *Nhật báo Moskva*^[73] để tiêu khiển cho những con người đang chết dần chết mòn vì buồn chán.

Tôi không thích đọc to vì như thế khó hiểu được những điều mình đọc, nhưng các chủ nhân của tôi thì lại nghe rất chăm chú với vẻ say sưa. Họ ngạc nhiên kêu lên trước tội ác của các nhân vật và kiêu hãnh nói với nhau:

- Còn chúng ta thì ờn Chúa, chúng ta sống êm đềm, yên ổn như thế này, chẳng biết gì đến những chuyện xấu xa đó cả!

Họ hay làm lẫn các sự việc, gán hành động của tên tướng cướp nổi tiếng Churkin cho người đánh xe ngựa Foma Kruchin, lẫn lộn các tên với nhau. Tôi thường phải chỉnh những chỗ sai

đó cho họ. Điều đó làm họ rất ngạc nhiên.

- Nó nhớ mới gồm chứ!

Nhật báo Moskva thường đăng thơ của Leonide Grave. Tôi thích những bài thơ ấy và chép vài bài vào vở, nhưng các chủ nhân của tôi lại nói về thi sĩ như sau:

- Lão đã già rồi mà còn làm thơ với thần.

- Rượu chè be bét, nửa điên nửa dại, lão có thiết gì đâu.

Tôi thích thơ của Strujkin, của bá tước Memento Mori^[74], còn hai người đàn bà, cả già lẫn trẻ, đều khẳng định thơ chỉ là trò hát bội.

- Chỉ có lũ rối và bọn đào kép mới nói bằng thơ thôi.

Những tối mùa đông phải ngồi trước mặt nhà chủ trong căn phòng nhỏ hẹp này đối với tôi thật là nặng nề. Ngoài cửa sổ, trời đêm thanh vắng. Thỉnh thoảng băng giá kêu lách tách. Mọi người ngồi quanh bàn, cầm lạnh như những con cá bị ướp lạnh. Bão tuyết quất vào mặt kính, thân tường, ù ù trong ống khói, gõ vào nắp lò sưởi. Trong buồng, lũ trẻ khóc văng lên. Tôi chỉ muốn ngồi trong xó tối, co rúm người lại róng lên như chó sói.

Hai người đàn bà ngồi ở cuối bàn, khâu vá hoặc đan tất. Cậu Viktoruska ngồi phía đầu bàn, khom lưng đồ lại bản vẽ một cách miến cưỡng, thỉnh thoảng lại kêu lên:

- Đừng có rung bàn! Không tài nào sống được, cứ như là chó với mèo ấy!

Cậu chủ ngồi sau cái khung thêu to rộng kê bên cạnh và thêu theo kiểu chữ thập một tấm khăn bàn vải gai. Dưới bàn tay cậu hiện dần ra những con tôm đỏ, cá xanh, bướm vàng và những cái lá thu đỏ hoe. Chính cậu đã vẽ các mẫu thêu và ngồi thêu

như thế ba mùa đông rồi. Công việc này khiến cậu chán ngấy. Nhiều lúc, vào buổi trưa, thấy tôi rồi rã, cậu bảo:

- Peskov này, ngồi thêu khăn bàn một lúc xem!

Tôi ngồi xuống, cầm cái kim to chọc lên chọc xuống. Tôi thương cậu và luôn muốn hết sức giúp đỡ cậu trong mọi việc. Tôi cảm thấy rằng một ngày nào đó cậu sẽ vượt hết những việc vẽ, thêu, chơi bài đi và bắt đầu làm một việc gì khác thật thú vị, việc mà cậu thường suy nghĩ đến. Đôi khi đang làm cậu bỗng dừng tay và nhìn công trình của mình với cặp mắt ngạc nhiên bất động, tựa như nhìn vật gì xa lạ; tóc xõa xuống trán, xuống má, trông cậu giống thầy dòng tu viện.

- Anh nghĩ về điều gì thế? – Vợ cậu hỏi.

- Chẳng nghĩ gì cả. – Cậu trả lời, lại cúi xuống làm việc.

Tôi ngạc nhiên yên lặng: Sao lại có thể hỏi người ta nghĩ về điều gì nhỉ? Không thể nào trả lời câu hỏi ấy, vì người ta thường nghĩ về đủ thứ một lúc: về tất cả những cái gì đang phơi bày trước mắt, về những điều người ta trông thấy hôm qua, năm trước. Tất cả đều mơ hồ, khó nắm bắt, luôn di chuyển và thay đổi.

Những truyện đăng nhiều kì phía dưới tờ Nhật báo Moskva không đủ để đọc trong buổi tối nữa. Tôi đề nghị đọc thêm các tạp chí xếp dưới gầm giường trong phòng ngủ. Mợ chủ nói, giọng thiếu tin tưởng:

- Đấy có gì đâu mà đọc? Rặt những tranh ảnh...

Nhưng dưới gầm giường, ngoài những tạp *Bình luận về hội họa* còn có tạp chí *Tia lửa nhỏ*^[75]. Tôi bèn đọc truyện *Công tước Tyatin Baltiski* của Salias^[76]. Cậu chủ rất thích nhân vật ngây ngô trong truyện. Cậu cười hô hô, cười đến chảy cả nước mắt

trước những rủi ro đáng buồn của nhân vật:

- Chà, thật là tuyệt!

- Chuyện bịa cả, có ra cái gì đâu! – Mợ chủ nói, cố tỏ ra mình cũng có nhận xét riêng.

Đồng sách dưới gầm giường giúp tôi rất nhiều việc: Tôi đã được phép mang tạp chí xuống bếp, nhờ đó mà có thể đọc sách ban đêm.

Cũng may cho tôi là bà già lại vào ngủ trong phòng trẻ và mẹ vú thường uống rượu say bí tỉ. Cậu Viktoruska cũng không cản trở gì tôi. Khi mọi người trong nhà ngủ rồi, cậu lén dậy mặc quần áo và biến mất, đến sáng mới về. Nhà chủ mang hết nến vào phòng, không để cho tôi đèn đóm gì cả. Tôi không có tiền mua nến. Tôi bèn lén cạo mỡ ở các chân nến, bỏ vào một vỏ hộp cá trích bằng sắt tây rồi rót thêm dầu trong cây đèn để trước tượng thánh vào. Tôi lấy chỉ xe thành bắc, đêm nào cũng đốt một ngọn lửa con tí khói um trên lò sưởi.

Mỗi khi tôi lật một trang của tạp tạp chí to nặng, đóm lửa đỏ trên sợi bắc lại rung rinh, run rẩy dọa tắt. Sợi bắc mỗi lúc một ngập sâu vào lớp mỡ hôi rích, khói cay sè cả mắt. Nhưng tất cả những điều bất tiện đó tan biến hết khi tôi say sưa xem tranh và đọc những lời chú thích.

Những bức tranh đã mở ra trước mắt tôi đất đai ngày một rộng rãi, tô điểm chúng bằng những thành phố thần tiên, cho tôi thấy nào núi cao, nào bờ biển đẹp. Cuộc sống phong phú thêm một cách kì diệu. Mặt đất đầy sức khêu gợi, quyến rũ, người đông đúc hơn, thành phố cũng nhiều hơn, cảnh vật muôn hình muôn vẻ. Bây giờ, mỗi khi phóng tầm mắt sang bên kia sông Volga, tôi biết rằng ở đây không phải là không gian

trống rỗng. Trước kia, nhiều lần tôi nhìn sang bên kia sông Volga và thấy trong lòng dâng lên nỗi buồn chán lạ lùng: Những cánh đồng bằng phẳng xen lẫn các bụi cây đen sì sì như những mụn vá; cuối các đồng cỏ là dãy rừng như bức tường đen nhấp nhô; phía trên các đồng cỏ, bầu trời xanh nhòe, vắng đượ, lạnh lẽo. Trái đất thật hoang vắng, cô độc. Tâm hồn tôi cũng trống rỗng theo, một mối buồn man mác xâm chiếm trái tim. Mọi ước vọng như tiêu tan cả, tôi chỉ muốn nhắm mắt lại và không nghĩ ngợi gì nữa. Khoảng không gian trống rỗng buồn bã đó chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp, nó khiến trái tim thành ra tro bụi, trống rỗng.

Những lời chú thích dưới các bức tranh kể rất rõ ràng về những xứ sở khác, những con người khác, những sự kiện khác trong cả thời trước và thời nay. Có nhiều điều tôi không sao hiểu được, khiến tôi trầy trật khổ sở. Đôi lúc, những chữ kì quái xuyên vào óc tôi: “siêu hình học”, “chiasm”^[77], “chartist”^[78]. Chúng quấy rầy tôi, không cho tôi yên ổn phút nào, mỗi ngày chúng nảy nở khủng khiếp, luôn hiện ra mờ mờ ảo ảo. Tôi thấy, nếu không khám phá ra được ý nghĩa của những chữ đó, tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu được điều gì, những chữ đó đứng chặn ở ngưỡng cửa của tất cả những điều huyền bí, tựa như những bác gác cổng. Nhiều khi, có những câu hỏi đọng mãi trong óc tôi như cái dằm nằm trong ngón tay, ngăn cản tôi nghĩ đến những điều khác.

Còn nhớ, có một lần, tôi đọc được những câu thơ lạ lùng như sau:

Như ngôi mộ, âm thầm câm lặng,

Attila^[79] – vua của Hung Nô,

Nội giáp sắt đi trên đường vắng

Theo sau ông là một đoàn quân,
Đi như một đám mây đen và la hét:
La Mã đâu? Đâu La Mã hùng cường?

La Mã là một thành phố, điều đó tôi đã biết, thế nhưng Hung Nô là ai? Nhất thiết phải hỏi cho ra mới được.

Lựa được giây phút thuận lợi, tôi hỏi cậu chủ.

- Hung Nô à? – Cậu ngạc nhiên nhắc lại. – Có quỷ biết được nó là cái gì! Chắc là chữ nhầm nhí gì đây...

Và cậu lắc đầu khiến trách tôi:

- Đầu óc mày chỉ chứa rặt những trò vớ vẩn, không tốt lành gì đâu, Peskov ạ!

Tốt hay xấu cũng chẳng sao, tôi cần biết cái đã. Tôi nghĩ linh mục Soloviev của trung đoàn hẳn phải biết Hung Nô là gì, nên khi gặp ông ta ngoài sân, tôi hỏi ngay.

Linh mục người xanh xao ốm yếu và luôn luôn cúi kính. Mắt đỏ ngầu, không có lông mày, râu cằm vàng hoe, cha vừa nói với tôi vừa chọc cây gậy đen xuống đất.

- Nhưng mày cần biết để làm gì, hả?

Trung úy Nesterov thì trả lời câu hỏi của tôi bằng một vẻ hung dữ:

- Cái gì...ì?

Tôi quyết định vào hiệu thuốc hỏi ông dược sĩ xem Hung Nô là gì. Ông ta vẫn thường nhìn tôi với vẻ dụi dàng. Khuôn mặt ông trông rất thông minh. Ông đeo gọng kính vàng trên chiếc mũi to thật là to.

- Hung Nô là một dân tộc du mục, tựa như người Khirgiz ấy!

– Dược sĩ Pavel Goldberg bảo tôi. – Dân tộc đó bây giờ không còn tồn tại nữa đâu, họ chết hết rồi.

Tôi đâm ra buồn và nổi cáu – không phải vì dân Hung Nô bị chết mà vì cái chữ đã giày vò tôi khôn khổ suốt một thời gian lâu như vậy lại chỉ mang một nghĩa thật quá đơn giản, chẳng đem lại cho tôi cái gì cả.

Nhưng tôi rất cảm ơn quân Hung Nô, vì sau cuộc đụng độ với họ, những chữ trong sách đã ít quấy rầy tôi hơn, và nhờ có Attila mà tôi làm quen được với dược sĩ Goldberg.

Con người ấy biết cách lí giải thật đơn giản tất cả những chữ thông thái trên đời. Ông có chìa khóa mở mọi kho tàng bí mật. Ông lấy hai ngón tay sửa kính và chăm chú nhìn vào mắt tôi qua mắt kính dày. Giọng ông như những chiếc đinh nhỏ đóng vào trán tôi:

- Chú bạn nhỏ ạ, chữ cũng giống như lá trên cây. Muốn hiểu tại sao lá như thế này mà không thế khác thì cần phải biết cây đã sinh trưởng như thế nào, tức là phải học mới được! Chú em ạ, sách vở như một khu vườn tuyệt diệu, nơi đây có tất cả những điều lí thú và bổ ích...

Tôi hay phải chạy tới hiệu thuốc của ông để mua xút và bột *magnesium oxide* cho chủ vì họ thường xuyên đầy bụng, hoặc mua thuốc mỡ và thuốc tẩy cho bọn trẻ con. Những lời khuyên bảo vắn tắt của ông dược sĩ khiến tôi ngày càng có thái độ kính trọng sách vở. Dần dần, sách vở trở nên gắn bó với tôi như rượu *vodka* gắn với kẻ nát rượu.

Sách vở dẫn dắt tôi tới một cuộc sống khác hẳn – đầy tình cảm và mơ ước lớn lao có thể đưa người ta tới sự nghiệp cao cả và cả tội lỗi. Tôi thấy những người quanh tôi không có khả

năng làm điều hay hoặc điều dở, họ sống ngoài rìa cuộc sống được nêu lên trong sách, và thật khó mà tìm được trong đời họ một cái gì thú vị. Tôi không muốn sống cuộc sống như vậy... Điều đó tôi đã quyết, tôi không muốn thế.

Qua những lời chú thích dưới các bức tranh ảnh, tôi biết rằng ở Praha, London, Paris... không có các rãnh hào và đường sá bẩn thỉu đầy rác giữa lòng thành phố. Ở đây phố xá thẳng và rộng, nhà ở, nhà thờ cũng đều khác cả. Ở đây không có những mùa đông dài hàng nửa năm trời hăm người ta ngồi nhà, không có những tuần chay lớn chỉ được ăn dưa cải chua, nắm muối, bột lúa mạch và khoai với cái món dầu gai đáng ghét.

Trong tuần chay lớn không được đọc sách. Nhà chủ tước mất tập *Bình luận về hội họa* của tôi, và cái cuộc sống ảo não trông rỗng lại đến kèm sát tôi. Bây giờ tôi đã có thể so sánh cuộc sống của tôi với những cuộc sống mà tôi được biết qua sách vở, tôi thấy nó càng nghèo nàn và quái gở hơn. Khi đọc sách, tôi thấy mình khỏe hơn, mạnh hơn. Tôi làm việc trôi chảy và khéo léo vì có một mục tiêu rõ ràng: Việc càng chóng xong thì càng dư thời gian đọc sách. Bị lấy mất sách, tôi đâm ra uể oải, lười biếng. Tôi bắt đầu dăng trí bất thường, việc mà trước kia chưa từng xảy ra.

Tôi còn nhớ chính trong những ngày trống rỗng đó đã xảy ra một chuyện thật bí ẩn: Một buổi tối, khi mọi người đã đi nằm, chuông nhà thờ bỗng nhiên vang lên. Tiếng chuông làm chấn động tất cả mọi người trong nhà, họ mặc nguyên quần áo ngủ, chạy vội ra hỏi nhau:

- Cháy nhà à? Chuông báo động hay sao?

Nhà nào cũng nghe thấy tiếng người chạy xôn xác, tiếng cửa đập sầm sầm. Một người cầm dây cương dắt một con ngựa chạy

qua sân. Bà già la tưởng lên là có kẻ cướp đến phá nhà thờ; cậu chủ bảo bà:

- Thôi đủ rồi mẹ ơi, mẹ cũng nghe thấy, đây có phải chuông báo động đâu!

- Thế thì chắc là đức giáo chủ đã mất rồi...

Cậu Viktoruska tụt từ trên phản xuống, mặc quần áo, lẩm bẩm:

- Tôi biết cả rồi. Tôi biết cái gì đã xảy ra rồi!

Cậu chủ sai tôi lên gác thượng xem có thấy ánh lửa không. Tôi cầm đầu chạy, chui qua ô cửa tò vò và leo lên mái nhà – chẳng thấy có gì là lạ cả. Tiếng chuông thong thả âm vang trong bầu không khí giá buốt tĩnh mịch. Thành phố ngái ngủ thu mình xuống sát mặt đất. Những bóng người vô hình chạy trong bóng tối làm tuyết kêu lạo xạo, tiếng bánh xe trượt tuyết rít lên. Tiếng chuông vẫn cứ rền ngân, báo hiệu tin chẳng lành. Tôi trở lại phòng.

- Không có ánh lửa nào cả!

- Hừ, trời với đất! – Cậu chủ đã khoác áo, đội mũ, vừa nói vừa vén cổ áo lên.

Cậu lưỡng lự xỏ chân vào giày cao su. Mợ chủ nài:

- Anh đừng đi! Thôi, đừng đi nữa, anh ơi...

- Có việc quái gì đâu!

Cậu Viktoruska cũng đã quần áo chỉnh tề, giấu cột mọi người:

- Tôi biết cả rồi...

Khi hai anh em đã ra phố, hai người đàn bà liền sai tôi đặt âm

samovar, còn họ thì chạy ra ngóng ở cửa sổ. Nhưng gần như ngay lập tức, cậu chủ giật chuông ngoài ngõ. Cậu lặng thinh chạy lên thang, mở cửa phòng ngoài và nói bằng giọng trầm trầm:

- Đức vua bị ám sát rồi!^[80]

- Thế mà họ cũng giết được à! – Bà già rú lên.

- Họ ám sát đức vua rồi, một sĩ quan đã nói với con như vậy... Bây giờ sẽ ra sao đây?

Cậu Viktoruska cũng quay về. Cậu vừa miễn cưỡng cởi quần áo vừa giận dữ nói:

- Thế mà mình cứ tưởng là chiến tranh xảy ra!

Rồi bốn người cùng ngồi uống trà và chuyện trò một cách thản nhiên nhưng khe khẽ và thận trọng. Ngoài phố, không khí trở lại yên tĩnh, tiếng chuông đã lặng. Suốt hai ngày, họ thì thảo với vẻ bí mật, họ đi đâu không biết; khách khứa cũng năng đến chơi với họ và kể tỉ mỉ chuyện gì không rõ. Tôi cố gắng tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra, nhưng nhà chủ đã cất báo đi, không cho tôi đọc. Khi tôi hỏi anh Sidorov vì sao đức vua bị giết, anh thầm thì trả lời:

- Người ta cấm không được nói đến chuyện ấy...

Những sự việc ấy rồi cũng dần mờ nhạt, bị những công việc vất vả hằng ngày khiến cho rơi vào quên lãng. Chẳng bao lâu, tôi lại vấp phải một chuyện thật đáng buồn.

Một hôm Chủ nhật, khi nhà chủ đi lễ, tôi đặt ấm *samovar* nấu nước. Đang dọn dẹp trong phòng thì đứa con lớn của cậu tôi lên vào bếp, tháo khóa vòi ấm *samovar* và chui xuống gầm bàn ngồi nghịch khóa. Rất nhiều than chất trong cái ống ở giữa ấm

samovar nên khi nước chảy ra ngoài hết, cái ấm bị nung long cả mối hàn. Ngay từ lúc còn ở trong phòng, tôi đã nghe thấy tiếng ấm *samovar* rít lên dữ dội khác thường. Khi vào bếp, tôi hoảng hốt trông thấy cái ấm đã xanh lè, lắc lư tựa như muốn nhảy khỏi sàn. Vòi ấm bị long mối hàn, trề xuống một cách thiếu não, nắp ấm trật nghiêng sang một bên, những giọt thiếc chảy ra ở chỗ quai ấm. Ấm *samovar* xanh tím tựa như một anh chàng uống rượu say mềm. Tôi lấy nước gội vào ấm. Nó kêu xèo xèo và lăn kèn xuống sàn một cách đáng buồn.

Ngoài cổng chính có tiếng chuông. Tôi ra mở cửa, và khi bà già hỏi tôi đã đun xong nước pha trà chưa, tôi trả lời cụt lủn:

- Xong rồi!

Có lẽ vì lúng túng và sợ hãi mà tôi nói như vậy, nhưng bà già lại cho là tôi giấu cọt bà, vì thế tội tôi càng nặng thêm. Tôi bị một trận đòn nên thân. Bà già cầm một nắm đóm gỗ thông vụt tôi. Tuy bà đánh không đau lắm nhưng vô số dằm cắm sâu vào da lưng tôi. Đến chiều thì lưng tôi sưng vù lên như một cái gối. Trưa hôm sau cậu chủ phải chở tôi đến nhà thương.

Ông bác sĩ người cao lênh khênh và gầy gò trông đến buồn cười. Sau khi khám cho tôi xong, ông điềm tĩnh nói bằng giọng trầm ồ ồ:

- Cần phải lập biên bản về việc hành hạ thằng bé đã!

Cậu chủ đỏ bừng mặt. Cậu di di hai bàn chân và lí nhí gì đấy với ông bác sĩ. Ông này nhìn qua cái đầu của cậu và trả lời cộc lốc:

- Tôi chịu thôi. Không được đâu.

Rồi ông hỏi tôi:

- Em có khiêu nại không?

Tôi đau khắp người, nhưng tôi nói:

- Cháu không muốn. Bác chữa nhanh cho cháu...

Người ta đưa tôi sang một phòng khác và đặt tôi lên bàn.

Ông bác sĩ rút những cái dầm bằng một cái cặp nhỏ và lạnh rất dễ chịu, rồi ông pha trò:

- Họ trang điểm cho chú một bộ da cứng thật tuyệt đấy chứ, chú em? Bây giờ chú đã trở thành xương đồng da sắt rồi đấy...

Cái cặp của ông khiến tôi nhột không chịu được. Khi nhổ hết dầm, ông nói:

- Bốn mươi hai chiếc dầm đã được lôi ra rồi đấy chú em ạ! Nhớ lấy để mà còn khỏe! Ngày mai, cũng vào giờ này, em đến đây để thay băng. Họ hay đánh em lắm à?

Tôi nghĩ một lúc và nói:

- Trước kia cháu bị đánh nhiều hơn...

Ông bác sĩ cười ồ ồ:

- Mọi việc mỗi ngày một tốt hơn, chú em ạ! Việc nào cũng vậy!

Khi dẫn tôi đến với cậu chủ, ông nói với cậu:

- Xin trao trả cho ngài, em bé đã được chữa xong rồi. Ngày mai cho em đến, chúng tôi sẽ băng lại. Cũng may cho ngài chú bé này là một tay bông lơn tốt bụng...

Lúc ngồi trên xe ngựa, cậu chủ bảo tôi:

- Trước kia cậu cũng bị đánh, Peskov ạ! Biết làm sao được? Cậu vẫn bị đánh luôn, cháu ạ. Đối với cháu, dù sao cũng còn có

cậu thương, chứ cậu thì có ai thương đâu, chẳng có ai thương cậu cả! Trên thế gian này có bao nhiêu là người, thế mà chẳng có đứa nào biết thương mình cả. Chao ôi, thật là lũ quỷ...

Cậu chửi rửa suốt dọc đường. Tôi thấy thương cậu và cũng cảm ơn cậu vì cậu đã nói chuyện với tôi như với một con người thật sự.

Ở nhà, mọi người đón tiếp tôi như trong ngày sinh nhật. Lũ đàn bà bắt tôi kể tỉ mỉ chuyện ông bác sĩ chữa cho tôi, hỏi xem ông ta nói những gì. Họ vừa nghe vừa xuýt xoa, lúc thì khoái chí chặc lưỡi, khi thì nhăn mặt. Sự chăm chú nhiệt thành của họ đối với bệnh tật và khổ đau bất hạnh khiến tôi sửng sốt.

Họ hài lòng khi biết tôi từ chối không làm đơn khiếu nại. Lợi dụng điều đó, tôi xin phép được mượn sách của chị vợ anh thợ cắt. Họ không dám từ chối tôi. Chỉ có bà già kinh ngạc thốt lên:

- Màý thật là thằng quỷ sứ!

Sau đó một ngày, tôi tới đến nhà chị vợ anh thợ cắt. Tôi đứng trước mặt chị, chị âu yếm bảo tôi:

- Thế mà người ta nói với chị rằng em ốm, phải chớ đến nhà thương. Em có thấy thiên hạ hay nói dối không?

Tôi nín thinh. Nói cho chị biết sự thật thì xấu hổ quá. Kể cho chị những điều thô bỉ và đáng buồn ấy để làm gì? Tôi rất sung sướng thấy chị không giống những kẻ khác chút nào.

Tôi lại tiếp tục đọc các tập sách dày của Dumas Cha, Ponson de Terraille, Montepaine, Zaccane, Gaboriau, Aymard, Boisgobey^[81]. Tôi đọc ngấu ngiến hết quyển này đến quyển khác, thấy lòng phơi phới. Tôi thấy mình là thành viên của một cuộc sống lạ kì, khiến tâm hồn tôi xúc động nhẹ nhàng và gây thêm cho tôi niềm hưng phấn. Cây đèn tôi tự chế lại ám đầy

muội khói. Tôi thường đọc suốt đêm đến sáng. Mắt tôi dần dần sưng húp. Bà già nhắc khéo:

- Cứ chờ ít lâu nữa mà xem, con mọt sách ạ. Rồi mày sẽ nổ con người mà mù mắt thôi!

Nhưng chẳng bao lâu tôi đã hiểu rằng trong tất cả những quyển sách rắc rối một cách thú vị đó, mặc dầu có những sự kiện phong phú khác nhau, những đất nước, những thành phố khác nhau, tất cả đều chỉ quy tụ vào một điểm: Những kẻ xấu thường may mắn và khôn ngoan hơn người tốt, nhưng cuối cùng thì một điều bí ẩn nào đấy sẽ đánh bại lũ người xấu, còn người tốt nhất định giành được phần thắng. Cái “tình yêu” mà đàn ông và đàn bà nói đến bằng cùng một giọng điệu khiến tôi chán ngấy. Cái trò đơn điệu ấy không những chán ngắt mà còn gợi lên trong tôi mỗi nghi hoặc vớ vẩn.

Đôi khi, ngay từ những trang đầu tôi đã đoán được ai thắng, ai bại, và khi các đầu mối sự kiện quá rõ ràng, tôi cố gắng tìm cách gỡ các mối ấy bằng trí tưởng tượng. Đọc sách xong, tôi ngâm câu chuyện như nghĩ về một bài toán trong sách giáo khoa số học. Mỗi ngày tôi càng đoán chuẩn hơn chuyện nhân vật nào sẽ được sống vinh hoa phú quý, nhân vật nào sẽ chịu khổ ải đầy đọa.

Ngoài chuyện đó, tôi còn thấy được những tia sáng lờ mờ của một sự thật sinh động và đáng kể, thấy được những nét cạnh của một cuộc sống khác, những quan hệ xã giao khác. Tôi nhận ra ở Paris những người đánh xe ngựa, thợ thuyền, binh lính và “đám dân đen” đều không giống ở Nizhny, Kazan, Perm. Họ nói chuyện với các ông chủ một cách mạnh dạn hơn, ứng xử với chủ đơn giản hơn và tự lập hơn. Đấy, cũng là người lính, nhưng anh lính trong truyện không giống ai trong số những người mà

tôi biết – chẳng giống anh Sidorov, cũng không giống anh lính miền Viatka trên tàu thủy, lại càng không giống Ermokhin. Anh lính này “lớn” hơn tất cả bọn họ. Trong con người anh có điều gì gần giống bác Smouri, nhưng anh không dữ tợn và cục cằn như bác. Và đây, một người chủ hiệu tốt hơn tất cả những chủ hiệu mà tôi từng biết. Các linh mục trong truyện cũng không giống bao linh mục tôi đã gặp – họ chân thành hơn, đối xử với mọi người một cách đầy thông cảm. Nói chung, cuộc sống ở nước ngoài được nêu lên trong sách thú vị, dễ dàng, tốt đẹp hơn cuộc sống mà tôi biết; ở nước ngoài người ta không đánh nhau thường xuyên và dữ dội như ở đây, không nhạo báng con người một cách đau đớn ê chề như đám đông đã nhạo báng anh lính miền Viatka, không cầu Chúa một cách cuồng tín như bà chủ già thường cầu nguyện.

Trong nhiều truyện, khi nói đến những kẻ tàn ác, những người tham lam, đê tiện, thường không thấy nhắc về tính tàn nhẫn khó hiểu hay khát vọng nhạo báng con người – điều mà tôi rất quen thuộc vì hằng ngày thường quan sát thấy. Những kẻ ác trong truyện đều tàn nhẫn một cách có ý thức, hầu như lúc nào cũng có thể hiểu được vì sao mà họ trở nên như vậy. Còn ngoài đời thật, tôi nhìn thấy người ta tàn nhẫn một cách vô ý thức, vô bằng cớ, tàn nhẫn chỉ cốt để tiêu khiển mà không chờ đợi ở đấy một lợi ích gì.

Mỗi quyển sách mới lại giúp tôi nhận rõ hơn sự khác biệt giữa cuộc sống của người Nga và đời sống người dân nước khác, gợi lên trong lòng tôi nỗi bất bình mơ hồ, khiến tôi thêm ngờ vực những “sự thật” mà tôi đọc được trên những trang giấy vàng úa, mép lem luốc kia.

Nhưng bỗng một hôm tôi kiếm được cuốn tiểu thuyết *Anh em*

nhà Zengano của Goncourt^[82]. Tôi đọc xong trong một đêm, sửng sốt với những trải nghiệm mới mẻ, bèn đọc câu chuyện đơn giản và buồn thảm ấy một lần nữa. cốt truyện không có gì rắc rối, thoát tiên chẳng hấp dẫn tí nào; từ những trang đầu, câu chuyện có vẻ nghiêm trang và khô khan như cuộc đời các vị thánh. Thoạt đầu, lối hành văn chính xác, không tô vẽ thêm thắt khiến tôi ngạc nhiên một cách khó chịu, nhưng rồi câu chữ hàm súc, chặt chẽ thấm chặt vào trái tim tôi, hùng hồn kể lại tấn bi kịch của hai anh em nghệ sĩ nhào lộn khiến tay tôi run lên vì xúc động. Tôi khóc nức nở khi đọc đến đoạn người nghệ sĩ bất hạnh lê cặp chân gầy leo lên gác thượng, nơi người em trai bí mật luyện tập tiết mục ưa thích của mình.

Khi trả quyển sách tuyệt diệu đó cho chị vợ anh thợ cắt, tôi đề nghị chị cho tôi mượn một quyển như thế nữa.

- Quyển như thế là như thế nào? – Chị mỉm cười.

Nụ cười của chị khiến tôi lúng túng. Tôi không sao cắt nghĩa được cho chị rõ điều mình muốn.

Và chị nói với tôi:

- Quyển ấy chán lắm. Em cứ chờ ít lâu, chị sẽ cho em mượn một quyển khác hay hơn...

Sau ít ngày, chị cho tôi mượn cuốn *Câu chuyện có thật về một chú bé lang thang* của Greenwood^[83]. Tiêu đề sách khiến tôi chạnh lòng, nhưng mới đọc trang đầu tiên, trong tôi ngời lên niềm vui thích. Với niềm vui đó, tôi đọc toàn bộ cuốn sách đến trang cuối cùng, có trang tôi đọc đi đọc lại hai, ba lần.

Thì ra lũ trẻ con ở nước ngoài cũng có những đứa phải sống cực khổ, vất vả biết bao! Như vậy thì cuộc sống của tôi cũng chưa lấy gì làm khổ lắm, có thể không cần buồn nản làm gì!

Nhà văn Greenwood mang lại cho tôi biết bao niềm phấn khởi. Ít lâu sau tôi tìm thêm được một quyển sách thật là “đúng đắn” – quyển *Eugénie Grandet*^[84].

Ông lão Grandet khiến cho tôi liên tưởng ngay tới ông ngoại. Tôi bực mình vì quyển sách mỏng quá, nhưng ngạc nhiên vì thấy trong đó chứa đựng biết bao nhiêu sự thật. Cái sự thật vốn rất quen thuộc với tôi và đã làm tôi phát ngáy được diễn đạt trong cuốn sách với sắc màu hoàn toàn mới mẻ, vô tư và bình thản. Những cuốn sách tôi từng đọc, trừ sách của Goncourt, đều kết tội con người một cách khe khắt và hay “lên gân” hết như những chủ nhà của tôi vậy. Các cuốn sách đó dễ khiến ta cảm mến những kẻ gây tội ác và bất bình với những con người đức hạnh. Thật đáng tiếc khi lúc nào cũng thấy con người phải hao phí bao nhiêu tâm não và ý chí mà vẫn không sao đạt được điều mình mong muốn – những nhân vật đức hạnh từ trang đầu tới trang cuối cứ đứng im trước bao sóng gió ập đến, tựa những cột đá không gì lay chuyển nổi. Mặc dầu sau cùng mọi âm mưu xấu xa độc ác đều tan tành, những cột đá vẫn không gây được cảm tình nơi người đọc. Một bức tường dù có đẹp và vững chắc chừng nào, một khi mong muốn của mình là hái những trái táo bên kia bức tường thì không nên ngắm nghĩa mãi vật cản vô tri đó làm gì. Tôi nghĩ, điều quý hơn, sinh động hơn phải là điều nằm ẩn đâu đó phía sau những đức hạnh ấy...

Trong sách của Goncourt, Greenwood, Balzac, ta không gặp những kẻ toàn ác hoặc toàn thiện, các nhân vật sinh động một cách tuyệt diệu, không còn gì để băn khoăn: Những điều họ nói và làm nhất thiết phải như vậy, không thể nào khác.

Nhờ đó mà tôi hiểu được rằng gặp “một quyển sách hay”, “một quyển sách đúng đắn” thật là một niềm vui lớn. Nhưng

làm sao để tìm ra được những sách ấy? Ngay cả chị vợ anh thợ cắt cũng không thể giúp tôi.

- Đây là một quyển sách hay.

Chị nói, trao cho tôi cuốn *Những bàn tay đầy hoa hồng, vàng và máu* của Arsene Huissier^[85] cùng tiểu thuyết của Beyle, Paul de Kock, Paul Feval, nhưng tôi đọc những cuốn ấy với sự căng thẳng cao độ.

Chị thích tiểu thuyết của Mariette^[86], Vernier^[87], nhưng tôi thấy chúng tẻ ngắt. Truyện của Spielhagen tôi cũng không thích, nhưng tôi mê mệt tác phẩm của Auerbach^[88], Sue và Hugo^[89] không lười cuốn tôi bằng Walter Scott^[90]. Tôi muốn đọc những cuốn sách khiến tôi xúc động và vui sướng như tác phẩm của nhà văn Balzac nổi tiếng. Càng ngày tôi càng bớt thích người phụ nữ đẹp như pho tượng sứ kia.

Khi đến nhà chị, tôi hay mặc sơ mi sạch, đầu tóc chải gọn ghẽ, cố gắng bằng mọi cách làm ra vẻ tề chỉnh. Dù chưa chắc đạt được nguyện ước, tôi vẫn cứ chờ mong chị chú ý đến vẻ chỉnh tề của tôi, sẽ trò chuyện với tôi một cách giản dị hơn, thân mật hơn, bỏ cái nụ cười mỉm nhạt nhẽo trau chuốt trên gương mặt luôn tỏ ra vui vẻ ấy. Nhưng chị cứ vừa mỉm cười vừa hỏi tôi, giọng mệt mỏi và dịu dàng:

- Em đọc xong rồi à? Có thích không?

- Không ạ.

Khẽ nhếch đôi lông mày thanh tú, chị nhìn tôi, thở dài và nói bằng giọng mũi quen thuộc:

- Tại sao thế?

- Em đã đọc về những chuyện ấy rồi.

- Về chuyện gì kia?

- Về tình yêu...

Chị nheo mắt, cười ngọt ngào:

- À, nhưng có sách nào mà không nói đến tình yêu?

Ngồi trên cái ghế bành lớn, đôi chân nhỏ nhắn vung vẩy trong đôi dép da bọc lông thú, khoác áo choàng xanh da trời, chị vừa ngáp vừa gõ gõ mấy ngón tay hồng lên bìa cuốn sách đặt trên đùi.

Tôi muốn hỏi chị: “Sao chị chưa chuyển nhà đi nơi khác? Bọn sĩ quan vẫn cứ viết thư cho chị, cười giễu chị cơ mà...”

Nhưng tôi không đủ can đảm nói với chị điều đó. Tôi ra về, mang theo tập sách dày cộp về “tình yêu” với một mối thất vọng sâu sắc.

Trong khu nhà, người ta bàn tán về chị mỗi ngày một thậm tệ, khả ố, độc ác hơn. Tôi rất bức tức khi nghe thấy những lời bịa đặt bản thủ và hoàn toàn sai sự thực đó. Tôi thương và lo thay cho chị. Nhưng khi tới nhà chị, nhìn cặp mắt nhỏ nhắn tinh anh, tấm thân nhỏ bé mềm mại như mèo con và khuôn mặt luôn luôn tươi vui của chị, lòng thương hại và lo sợ của tôi tan biến như mây khói.

Sang mùa xuân, chị bỗng bỏ đi đâu mất. Sau đó vài ngày chồng chị cũng rời chỗ ở.

Khi căn phòng được dọn trống để chờ khách thuê mới, tôi ghé tới ngắm những bức tường chơ vơ các ô vuông – nơi trước kia treo tranh – mấy cái đinh cong queo và những lỗ đinh đóng nham nhở. Mặt sàn đánh xi vương vãi mấy miếng vải màu, giấy vụn, những hộp thuốc rách, vài lọ nước hoa, một chiếc đinh

ghim đồng to, óng ánh.

Lòng buồn rười rượi, tôi ước gì được gặp chị vợ nhỏ bé của anh thợ cắt một lần nữa để nói với chị rằng tôi rất biết ơn chị...

Ngay từ hồi chị vợ anh thợ cắt chừa rời đi, căn phòng phía dưới nhà cậu chủ đã có một thiếu phụ mắt đen đến thuê. Bà đi cùng đứa con gái nhỏ và người mẹ già cả tóc bạc phơ lúc nào cũng hút thuốc lá bằng cái tẩu hổ phách. Thiếu phụ rất đẹp, trông có vẻ quyền thế, kiêu hãnh. Giọng bà âm vang, dễ nghe. Bà thường cụp mắt nhìn mọi người, mí mắt hơi nheo, như thể người ta đứng cách bà quá xa và bà không trông rõ họ. Hầu như ngày nào anh lính đen đúa Chulpayev cũng dắt con ngựa lông hung hung chân nhỏ đến trước hiên nhà bà. Thiếu phụ bước ra hiên. Bà mặc áo nhung dài màu thép, tay đeo găng trắng, chân đi ủng vàng. Một tay cầm vạt áo và cái roi ngựa cán nạm mặt đá tím, tay kia bà âu yếm vuốt ve cái mõm ngựa đang há to. Con ngựa liếc bà bằng con mắt đỏ như lửa: Người nó rung lên bần bật, nó khẽ đập móng xuống mặt đất đã bị giẫm nát.

- Robaire. Ro...obaire. – Bà khẽ nói và vỗ mạnh vào cái cổ vượn thẳng rất đẹp của con ngựa.

Rồi đặt chân lên đầu gối anh Chulpayev, bà nhảy rất gọn lên yên ngựa. Con ngựa kiêu hãnh phi nước kiệu trên mặt đường. Bà ngồi rất khéo trên yên, tựa như người và ngựa gắn liền.

Thiếu phụ có một sắc đẹp hiếm có, vẻ đẹp tươi tắn khiến ta bồi hồi và làm hồn ta tràn ngập niềm vui sướng say sưa. Nhìn bà, tôi ngỡ rằng đó chính là hình ảnh của Diana Poitiers, của nữ hoàng Margot, của cô La Valliere và những nữ nhân vật điển hình khác trong các cuốn tiểu thuyết lịch sử!^[91]

Đám sĩ quan của sư đoàn đóng trong thành phố lúc nào cũng quần quanh bà. Tối tối, họ chơi dương cầm, vĩ cầm, ghi ta, khiêu vũ và ca hát ở nhà bà. Bám sát bà nhất là ông thiếu tá Olessov. Ông ta có đôi chân ngắn cùn cớn, người to béo, tóc đốm bạc, mặt đỏ gay và nhầy mỡ, hệt như anh thợ máy trên tàu thủy. Ông chơi đàn ghi ta rất hay. Ông có vẻ giống người đầy tớ trung thành và ngoan ngoãn của thiếu phụ.

Đứa con gái nhỏ năm tuổi tóc quăn, mũm mĩm, cũng đẹp lộng lẫy như mẹ. Cặp mắt xanh to của cô bé có vẻ nghiêm trang, điềm tĩnh chờ đợi. Dáng điệu cô bé có một vẻ chín chắn người lớn.

Người bà thì từ sáng đến tối bận rộn công việc nội trợ với anh Chulpayev lằm lì, cau có và người hầu gái to béo mắt hiếng. Cô bé không có vú nuôi. Nó hầu như không có ai săn sóc, suốt ngày chơi ngoài hiên hay trên đồng gỗ. Chiều chiều, tôi đến chơi với nó và thấy rất mến con bé ấy. Nó cũng rất chóng quen tôi. Khi tôi kể chuyện cổ tích, nó nằm ngủ thiếp trên tay tôi. Khi nó ngủ, tôi bế nó vào giường. Chẳng bao lâu nó quen tôi đến nỗi trước khi ngủ thế nào cũng đòi cho được tôi đến chia tay. Khi tôi đến, nó trịnh trọng duỗi bàn tay mũm mĩm ra cho tôi:

- Chào anh, ngày mai lại gặp nhé! Bà ơi, phải nói thế nào hở bà?

- Cầu Chúa che chở cho anh. – Người bà vừa nói vừa thở phào luồng khói xám ra khỏi miệng và cái mũi nhọn.

- Cầu Chúa che chở cho anh đến ngày mai nhé, còn em thì đi ngủ đây. – Cô bé nhắc lại rồi chui vào cái chăn viền đăng ten.

Người bà khuyên:

- Không phải “đến ngày mai” mà là “mãi mãi” chứ!

- Nhưng ngày mai vẫn là mãi mãi cơ mà, hở bà?

Nó thích dùng từ “ngày mai”, và những gì nó thích đều được chuyển về thì tương lai cả. Khi cắm xuống đất những bông hoa và cành gãy, nó nói:

- Ngày mai đây sẽ là một vườn hoa...

- Ngày mai em cũng sẽ mua một con ngựa và em sẽ cưỡi lên cây tre như mẹ em ấy...

Nó rất thông minh, nhưng không vui vẻ lắm. Nhiều lúc đang chơi đùa âm ỉ bỗng nhiên nó trầm ngâm suy nghĩ và đột ngột hỏi:

- Tại sao cổ đạo lại để tóc dài như đàn bà nhỉ?

Khi bị gai làm sây sát, nó chỉ tay vào cây, dọa:

- Mà y liệu hông đây, tao sẽ cầu Chúa để Chúa phạt mày. Ai Chúa cũng có thể phạt được cả. Đến cả mẹ cũng bị Chúa phạt đây...

Đôi lúc khuôn mặt nó trở nên trầm lặng, phảng phất vẻ buồn nghiêm trang. Nó nép vào người tôi, nhìn bầu trời với cặp mắt xanh như chờ đợi và nói:

- Bà còn có lúc cáu gắt, chứ mẹ thì không bao giờ gắt đâu. Mẹ chỉ cười thôi. Ai cũng yêu...êu mẹ cả và lúc nào mẹ cũng bận cả. Khách đến nhiều nhiều là, ai cũng thích ngắm mẹ vì mẹ đẹp lắm. Mẹ đáng yêu...êu lắm. Bác Olessov cũng nói thế.

Tôi rất thích nghe con bé nói chuyện. Nó kể cho tôi chuyện về cái thế giới rất xa lạ với tôi. Nó luôn kể về mẹ với vẻ sốt sắng, nói mãi không hết chuyện. Một cuộc sống mới êm đềm mở ra trước mắt tôi, tôi nhớ đến nữ hoàng Margot: Điều đó càng tăng thêm sự tin tưởng vào sách vở cũng như lòng thiết tha với cuộc

sống của tôi.

Một buổi chiều, tôi đang ngồi ngoài hiên chờ nhà chủ đi chơi về, và con bé đang thiu thiu ngủ trên tay tôi, thì mẹ nó cưỡi ngựa về. Bà nhẹ nhàng nhảy xuống đất, hất đầu hỏi tôi:

- Sao? Nó ngủ rồi à?

- Vâng.

- Ra thế đấy...

Anh lính Chulpayev chạy tới dẫn ngựa đi. Thiếu phụ giắt roi vào thắt lưng, chìa tay ra:

- Cháu đưa nó cho bác!

- Bác để cháu bế em vào nhà cho!

- Nào!... – Thiếu phụ quát tôi như quát con ngựa của bà, chân bà giậm lên bậc tam cấp.

Con bé sức tỉnh, hấp háy mắt nhìn mẹ và cũng vươn tay ra. Hai mẹ con vào nhà.

Tôi đã quen với việc người ta quát mắng, nhưng thật khó chịu khi thấy thiếu phụ cũng quát như vậy. Ai mà chẳng nghe lời bà, dù bà chỉ khẽ ra lệnh thôi.

Sau đó vài phút chị hầu gái mắt hiếng chạy đến gọi tôi: Con bé làm nũng không chịu đi ngủ nếu chưa được tôi chúc ngon giấc.

Tôi bước vào phòng khách, không khỏi có phần kiêu hãnh trước người mẹ. Con bé ngồi trong lòng mẹ, bà mẹ khéo léo nhẹ nhàng cởi áo cho nó.

- Đấy. – Bà nói. – Cái thằng bé kì quặc ấy nó đến rồi đấy!

- Không phải là thằng bé kì quặc mà là *ba*ng của con...

- Ra thế đấy! Được, tốt lắm. Chúng ta sẽ tặng cậu bạn của con một món quà nhé. Con có muốn như thế không?

- Có, có!

- Được rồi, mẹ sẽ tặng cho nó. Còn con thì đi ngủ nhé.

- Chào anh, đến ngày mai lại gặp nhé! – Con bé vừa chìa tay cho tôi vừa nói. – Cậu Chúa che chở cho anh đến ngày mai...

Thiếu phụ ngạc nhiên:

- Ai dạy con như vậy đây, bà phải không?

- Vâng...âng.

Khi nó ra khỏi phòng, thiếu phụ vẫy tay gọi tôi.

- Tặng cháu cái gì được đây?

Tôi nói rằng tôi chẳng cần gì cả, nhưng nếu bà có quyển sách nào cho tôi mượn để đọc thì thật tốt.

Thiếu phụ nâng cằm tôi bằng những ngón tay thơm tho nóng hổi, hỏi tôi với một nụ cười dịu dàng:

- Ra thế đấy, cháu thích đọc sách à? Cháu đã đọc những quyển gì rồi?

Khi cười trông bà càng đẹp hơn. Tôi lúng túng liệt kê vài tên sách.

- Cháu thích những gì trong các sách ấy? – Bà hỏi tôi, tay để trên bàn, ngón tay khe khẽ động đậy.

Người bà tỏa hương hoa thơm vừa đậm vừa dịu dàng, hòa lẫn một cách lạ thường với mùi mồ hôi ngựa. Thiếu phụ trầm ngâm và nghiêm trang nhìn tôi qua hàng mi dài – xưa nay chưa ai nhìn tôi như vậy cả.

Căn phòng ngổn ngang bàn ghế đẹp có nệm, hẹp lại giống một tổ chim. Các cửa sổ được che bằng màu xanh thẫm của hoa lá. Những tấm gạch tráng men trắng như tuyết trên lò sưởi lấp lánh trong bóng tối; cây dương cầm đen đặt bên cạnh cũng phản chiếu ánh sáng, óng ánh. Trên tường, trong mấy cái khung mạ vàng nhợt nhạt có những tấm bằng khen sẫm màu in đầy những chữ Slav to, dưới mỗi tấm có treo một cái ấn lớn màu đen lủng lẳng ở đầu một sợi dây. Tất cả những món đồ vật ấy đều nhìn thiếu phụ với một vẻ phục tùng và nhút nhát, y như tôi vậy.

Tôi cố cắt nghĩa cho bà hiểu rằng cuộc sống của tôi rất nặng nề, buồn tẻ, tôi đọc sách là để quên đi những điều đó.

- À, ra thế đây! – Bà đứng dậy. – Cháu nói cũng có lí, cũng đúng đây... Nào, chúng ta sẽ làm gì đây? Bác sẽ cho cháu mượn sách, nhưng bây giờ bác chưa có... Thôi được, cháu lấy tạm quyển này nhé...

Bà với quyển sách bìa vàng đã sờn nát trên đi văng.

- Cháu đọc xong, bác sẽ cho mượn tập hai. Tất cả có bốn tập...

Tôi ra về, mang theo cuốn *Những bí mật ở Peterburg* của công tước Meshtcheski và bắt đầu đọc rất chăm chú. Nhưng ngay từ những trang đầu tôi đã thấy “những bí mật” ở kinh thành Peterburg có phần nhạt nhẽo hơn “những bí mật” ở Madrid, London hay Paris nhiều. Chỉ có bài ngụ ngôn về Tự Do và Chiếc Gậy là làm tôi thích thú.

“Tao hơn mày.” Tự Do nói “Vì tao thông minh hơn.”

Nhưng Chiếc Gậy trả lời: “Không, tao hơn mày, vì tao mạnh hơn mày.”

Hai bên cãi nhau mãi, cãi nhau mãi, sau cùng chúng đánh

nhau. Chiếc Gậy đánh quy Tự Do, còn Tự Do thì tôi nhớ là đâu như chết trong nhà thương vì bị đánh dữ quá.

Trong quyển sách có đoạn nói về người vô thần. Tôi còn nhớ công tước Meshtcheski cho rằng người theo chủ nghĩa vô thần là loại người độc ác đến mức độ anh ta nhìn gà thì gà chết. Tôi thấy chữ “vô thần” hơi thô lỗ, dễ gây cảm giác khó chịu, nhưng tôi không hiểu được gì hơn, đâm ra buồn nản. Tất nhiên tôi không biết đánh giá sách hay sách dở, tôi tin chắc đây là một cuốn hay, vì chả nhẽ thiếu phụ đường bệ và xinh đẹp như thế kia lại đi đọc loại sách tồi hay sao?

- Thế nào, cháu có thích không? – Thiếu phụ hỏi tôi khi tôi trả bà quyển tiểu thuyết bìa vàng của Meshtcheski.

Tôi trả lời “không” một cách khó khăn, tôi sợ rằng điều đó sẽ làm bà tức giận.

Nhưng bà chỉ cười to, tới sau rèm cửa phòng ngủ, mang lại một cuốn sách nhỏ bìa da dê thuộc màu xanh.

- Quyển này hẳn cháu sẽ thích, nhưng cháu đừng làm bản nhé!

Đó là tập thơ của Puskin. Tôi đọc một hơi tất cả những bài thơ đó, lòng tràn ngập cảm giác khát khao như người may mắn bước lạc vào một chốn đẹp chưa từng thấy, muốn chạy khắp nơi để xem, để ngắm. Đó cũng là cảm giác sau khi ta đi rất lâu trên những mỏm đất đầy rêu trong khu rừng lầy bồng nhiên thấy hiện ra trước mắt bãi cỏ khô ráo, đầy hoa và tràn ngập ánh nắng. Ta đứng lại, sững sờ trong phút giây, rồi hớn hử tung tăng chạy khắp nơi: Mỗi một lần chân ta chạm vào lớp cỏ mềm mại trên miếng đất màu mỡ là một lần lòng ta rung lên niềm vui khôn tả.

Vẻ giản dị và nhạc điệu trong thơ Puskin khiến tôi ngạc nhiên đến độ suốt một thời gian dài, với tôi vẫn xuôi trở nên giả tạo, đọc lên không thấy tự nhiên chút nào. Phần mở đầu của tập thơ *Ruslan* gợi tôi liên tưởng đến những chuyện cổ tích hay nhất của bà được cô đọng thành một khối. Có những dòng thơ làm tôi quá đỗi kinh ngạc bởi sự thẳng thắn ẩn tượng.

Nơi kia trên những đường hoang vắng

Có dấu chân thú dữ dị kì.

Tôi thầm nhắc đi nhắc lại mãi câu thơ tuyệt diệu đó trong óc, và tôi nhìn thấy hình ảnh những con đường mòn hẻo lánh quen thuộc, nhìn thấy những dấu vết bí ẩn làm nhàu nát lớp cỏ còn trĩu những giọt sương long lanh như thủy ngân. Những dòng thơ âm vang, dễ nhớ một cách lạ lùng: Chúng tôi thắm những gì chúng gợi lên. Tôi sung sướng vô cùng, cuộc sống của tôi trở nên nhẹ nhàng dễ chịu. Những lời thơ vang lên như những tiếng chuông báo hiệu một cuộc đời mới. Hạnh phúc biết bao khi mình biết đọc, biết viết!

Những chuyện cổ tích tuyệt mỹ của Puskin dễ hiểu và gần gũi hơn cả. Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần và đã thuộc lòng. Lên giường, tôi vẫn nhắm mắt đọc thì thầm những câu thơ cho đến khi thiếp đi. Đôi khi tôi kể những chuyện ấy cho mấy người lính cần vụ. Họ nghe, vừa cười ha hả vừa văng tục không chút ác ý. Anh Sidorov vò đầu tôi, khẽ nói:

- Chà, lạy Chúa, thật là tuyệt!

Những người trong nhà nhận ra tôi đang sống trong trạng thái kích động. Bà chủ già chửi tôi:

- Cái thằng chết giẫm ấy suốt ngày chúi đầu vào sách! Còn cái ấm *samovar* đã bốn ngày chưa chùi đấy! Tao mà vợ được một

cái gậy [92] thì cứ gọi là...

Cái gì? Gậy à? Tôi bèn dùng mấy câu thơ giễu bà:

Tâm hồn đen tối xấu xa.

Mụ già phù thủy chỉ ưa oán thù... [93]

Tôi càng thêm ngưỡng mộ thiếu phụ. Đây, bà đã đọc những quyển sách như vậy đấy! Đâu có như chị vợ giống pho tượng sứ của anh thợ cắt kia!...

Khi tôi mang quyển sách đến nhà thiếu phụ, bùi ngùi đưa trả, bà nói với tôi, giọng đầy tin tưởng:

- Cháu đọc thích chứ? Cháu đã nghe nói về Puskin chưa?

Tôi đã đọc một bài về cuộc đời thi sĩ trên một tờ tạp chí nhưng muốn được chính bà kể cho nghe nên tôi bảo tôi không biết gì cả.

Sau khi kể vắn tắt về cuộc đời và cái chết của Puskin, bà mỉm cười, tươi như một ngày xuân:

- Yêu đàn bà nguy hiểm như thế đấy, cháu thấy chưa?

Qua những cuốn sách đã đọc, tôi cũng biết tình yêu quả thực là một điều nguy hiểm, nhưng cũng là một điều vui sướng nữa. Tôi nói:

- Nguy hiểm thật đấy, nhưng mà người ta vẫn cứ yêu! Ngay cả phụ nữ cũng đau khổ vì tình yêu cơ mà...

Qua lớp lông mi, đôi mắt thiếu phụ lướt qua tôi như cách bà vẫn nhìn những người khác. Bà nghiêm trang:

- Ra thế đấy! Cháu biết điều ấy à? Vậy thì bác cũng mong cho cháu đừng quên điều ấy!

Rồi bà bắt đầu hỏi tôi thích những bài thơ nào.

Tôi trả lời câu đợc câu chăng, vừa giơ tay làm điệu bộ, vừa đợc thuộc lòng những bài thơ. Bà yên lặng, chăm chú nghe tôi, rồi đứng lên, đi đi lại lại trong phòng, trầm ngâm:

- Con quý đàng yêu này, cháu phải đi học mới đợc! Bác sẽ chú ý đến việc này... Chủ nhà có họ với cháu phải không?

Khi tôi nói “vâng”, bà thốt lên:

- Ồ! – Tựa như muốn chê trách tôi.

Bà cho tôi mượn tập *Thi ca* của Beranger^[94] in rất đẹp kèm những bản vẽ khắc, cạnh vàng, bìa da đỏ. Tôi như mê mẩn trong mỗi buồn đau gắn chặt một cách lạ kì với niềm vui dạt dào trong tập thơ.

Tôi tê tái lòng khi đợc những câu thơ đầy cay đắng của Người hành khất già:

Là giun đợc, tôi phiền ngài lắm nhĩ
Vậy xin ngài cứ giẫm chết tôi đi!
Giẫm bẹp đi, đừng thương tiếc làm gì!
Tại sao ngài không cho tôi đợc học,
Để sức mạnh của tôi dùng đúng lúc?
Từ kiếp giun thành kiếp kiến tái sinh,
Khi chết còn ôm ấp đợc cha anh!
Nhưng thân già giờ chơ vơ mòn mỏi,
Đang gọi kêu lòng căm thù nhân loại.

Tiếp đó tôi cười đến chảy nước mắt khi đợc bài Người chồng hay khóc. Tôi nhớ nhất là câu sau đây:

Bí quyết của cuộc sống vui tươi,

Không khó gì đối với người bình dị!...

Beranger đã khuấy lên một niềm vui không gì kiềm chế nổi trong tôi, khiến tôi muốn nghịch ngợm, muốn bướng bỉnh đối đáp, muốn châm chọc, và chỉ trong một thời gian ngắn tôi đã thành thạo những trò đó. Tôi cũng học thuộc lòng các bài thơ của ông và hào hứng đọc cho mấy người lính cần vụ nghe mỗi khi tạt qua bếp của họ vài phút.

Nhưng chẳng bao lâu, tôi không đến với họ nữa, vì hai câu thơ:

Chiếc mũ nào mà chẳng vừa,

Với cô gái mười bảy tuổi.^[95]

đã trở thành đầu đề cho mấy câu chuyện khả ố về phụ nữ. Tôi tức điên lên, cầm một cái xoong phang vào đầu gã Ermokhin. Anh Sidorov và mấy người khác gỡ được tôi ra khỏi đôi tay hung dữ của Ermokhin, nhưng từ đó tôi không dám xuống bếp của cánh sĩ quan nữa.

Tôi không được đi chơi phố. Mà cũng chẳng còn thì giờ mà đi chơi. Công việc mỗi ngày một nhiều. Bây giờ, ngoài công việc thường ngày của con sen, người quét sân và “thằng nhỏ sai vặt”, hằng ngày tôi còn phải đóng đinh căng vải lên những tấm bảng to, dán các bản vẽ lên đó, chép lại bản dự toán các công trình xây dựng cho cậu chủ, tính tiền trả cho các chủ thầu. Cậu chủ cặm cụi làm việc từ sáng đến tối như một cái máy.

Hồi đó những dãy nhà công cộng của hội chợ sắp được chuyển thành tư hữu của các thương gia. Các dãy hàng quán được tu sửa gấp, cậu chủ tôi nhận thầu sửa chữa cửa hàng và xây dựng các công trình mới. Cậu lập bản vẽ “sửa chữa lại các đầu hồi giáp nhau, đục cửa tò vò trên mái” và những bản vẽ

tương tự, còn tôi thì mang mấy bản vẽ đó kèm một phong bì bên trong nhét một tờ hai mươi lăm rúp tới cho ông kiến trúc sư già. Ông kiến trúc sư nhận tiền và phê: “Bản vẽ đúng với nguyên bản. Mọi công việc đã được *mỗ* kiểm soát”. Lẽ dĩ nhiên, có bao giờ ông trông thấy nguyên bản đâu, còn kiểm soát các công việc thì ông cũng không sao làm nổi vì ông ốm đau luôn, không bao giờ ra khỏi nhà cả.

Tôi cũng mang của hồi lộ đến cho ông quản lí khu hội chợ cùng một số công chức quan trọng khác, và luôn nhận lại được “giấy phép để làm việc phi pháp” như cách cậu chủ tôi thường giễu gọi mấy thứ giấy tờ đó. Nhờ thế mà tôi được phép chiều chiều chờ nhà chủ ở cửa, ở ngoài hiên, khi họ đến thăm nhà người quen. Những dịp như thế cũng không thường xuyên lắm, nhưng thường quá nửa đêm nhà chủ mới về, và suốt trong mấy tiếng đồng hồ liền, tôi ngồi trên thềm hiên hay trên đồng gỗ trước hiên nhìn qua cửa sổ nhà bà thiếu phụ của tôi, khát khao lắng nghe tiếng nhạc, tiếng chuyện trò vui vẻ.

Các cánh cửa sổ đều mở. Qua tấm rèm cửa và màn lưới hoa tôi thấy bóng dáng cân đối của các sĩ quan chuyển động trong phòng khách, ông thiếu tá to béo đi đi lại lại, bóng dáng thiếu phụ uyển chuyển lướt qua, bà mặc giản dị và đẹp một cách lạ thường.

Tôi thầm gọi bà là nữ hoàng Margot.

“Chính đây là cuộc sống vui thú mà các tiểu thuyết Pháp thường miêu tả.” Tôi nghĩ vậy khi nhìn qua các cửa sổ. Những lúc ấy tôi thấy buồn buồn: Lòng ghen trẻ thơ khiến tôi đau lòng khi thấy nhiều đàn ông vây quanh Nữ hoàng Margot. Họ quần lầy bà như đàn ong bò vẽ quần quanh một bông hoa.

Một sĩ quan cao dong dỏng và lúc nào cũng ủ ê ít đến hơn

những người khác. Trán ông có nhiều sẹo chém, mắt hõm sâu. Lần nào ông cũng mang theo một cây vĩ cầm, chơi hay đến nỗi khách qua đường cũng phải dừng lại dưới cửa sổ, dân trong phố kéo ra tập hợp trên các đồng gỗ, ngay cả đến nhà chủ của tôi, nếu họ không đi vắng, cũng mở cửa sổ ra, vừa nghe vừa khen ngợi người chơi đàn. Tôi không nhớ ra ngoài thầy phụ lễ ở nhà thờ họ còn khen ai nữa, và cũng biết họ vẫn thích bánh rán với mỡ cá hơn là âm nhạc.

Thỉnh thoảng ông sĩ quan hát và ngâm thơ bằng giọng trầm trầm. Ông vừa thở hổn hển vừa áp lòng bàn tay vào trán. Một hôm, khi tôi đang chơi với cô bé dưới cửa sổ, Nữ hoàng Margot đề nghị ông ta hát, ông từ chối năm lần bảy lượt rồi cuối cùng tuyên bố bằng một giọng rành rọt:

*Chỉ bài ca mới cần vẻ đẹp,
Còn vẻ đẹp đâu cần đến bài ca...*

Tôi rất thích hai câu thơ đó và không hiểu sao thấy thương thương ông sĩ quan.

Tôi thích nhất khi được nhìn bà thiếu phụ của tôi ngồi trước dương cầm chơi đàn một mình trong phòng. Tiếng nhạc làm tôi ngây ngất say sưa. Tôi không còn thấy gì ngoài ô cửa sổ in hình dáng thanh tú của người đàn bà dưới ánh sáng vàng của ngọn đèn, ngoài vẻ mặt trông nghiêng kiêu hãnh và những ngón tay trắng trẻo lướt nhanh thoăn thoắt như những cánh chim trên phím đàn của thiếu phụ.

Tôi vừa nhìn bà, vừa lắng nghe tiếng đàn rầu rĩ và tôi mơ ước: Nếu tôi tìm được một kho tàng, tôi sẽ đem biếu bà hết, để bà trở thành một người thật giàu có. Còn nếu tôi là Skobelev^[96] thì tôi lại sẽ tuyên chiến với Thổ Nhĩ Kỳ để lấy tiền bồi thường

của họ xây một ngôi nhà trên bờ dốc Otkos – nơi đẹp nhất trong thành phố. Tôi sẽ tặng bà ngôi nhà đó, chỉ mong sao bà rời khỏi khu phố này, rời khỏi căn nhà này, nơi người ta đồn đại nhiều điều đáng bực và xấu xa về bà.

Các láng giềng và người phục vụ trong khu nhà chúng tôi, nhất là nhà chủ của tôi, nói xấu Nữ hoàng Margot một cách độc địa cũng như khi họ nói về chị vợ anh thợ cắt, có điều thận trọng hơn, mỗi khi nói, họ lại nhìn xung quanh và hạ thấp giọng.

Họ sợ bà, có lẽ vì bà là vợ góa của một nhân vật rất quyền quý. Anh lính Chulpayev – một con người có chữ nghĩa, luôn luôn đọc kinh Phúc Âm – nói với tôi rằng những bằng khen treo trên tường trong phòng bà đều do các vua Nga cổ xưa: Goudonov, Aleksej và Pyotr Đại đế tặng cho cha của chồng bà. Cũng có thể người ta sợ bà cầm cái roi ngựa cán nạm mặt đá tím vọt vào họ. Người ta đồn rằng có lần bà đã cầm roi vọt một viên chức quan trọng nào đấy.

Nhưng những lời thì thầm ấy tôi tặc chẳng khác gì lời đồn đại âm ỉ. Bà thiếu phụ của tôi sống trong không khí hằn thù, khó hiểu đối với tôi và nó cứ giày vò tôi mãi. Cậu Viktoruska kể rằng có lần về nhà vào lúc quá nửa đêm, cậu thoáng nhìn vào cửa sổ phòng ngủ của Nữ hoàng Margot và trông thấy bà ngồi trên đi văng, mặc độc chiếc áo lót, còn thiếu tá thì quỳ gối cắt móng chân rồi lấy bọt biển lau chân cho bà.

Bà già vừa nhỏ nước bọt vừa chửi rửa. Mợ chủ thì đỏ mặt tía tai réo:

- Xi, chú Viktor! Chú thật là trơ trẽn! Mà các ông bà kia cũng thật là lũ đốn mạt!

Cậu chủ lặng yên mỉm cười. Tôi rất biết ơn cậu vì cậu đã nín lặng, nhưng cũng phải phởn lo cậu đồng tình tham gia vào các chuyện nói xấu kia. Hai người đàn bà vừa xuýt xoa, vừa kêu ới ới, tử tử hỏi cậu Viktoruska xem thiếu phụ đã ngồi ở tư thế nào, ông thiếu tá đã quỳ ra sao. Cậu Viktoruska không ngừng tô thêm những chi tiết mới:

- Mặt ông ta đỏ ửng lên, lưỡi thè ra...

Tôi thấy chẳng có gì xấu xa trong việc ông thiếu tá cắt móng chân cho thiếu phụ cả, nhưng tôi không tin rằng ông ta đã thè lưỡi. Tôi bảo rằng đó là một chuyện bịa đặt có tính chất lăng mạ, và tôi bảo cậu Viktoruska:

- Nếu đây là chuyện xấu thì cậu còn đứng nhìn vào cửa sổ làm gì? Cậu có còn bé bỏng gì cho cam...

Tất nhiên là tôi bị chửi một trận nên thân, nhưng những lời chửi mắng không làm tôi bực tức. Tôi chỉ muốn một điều: Chạy ngay xuống nhà dưới, quỳ trước mặt thiếu phụ như ông thiếu tá và cầu xin bà: “Bác ơi, bác hãy rời khỏi khu nhà này đi!”

Từ ngày tôi biết có một cách sống khác, những con người, những tình cảm và ý nghĩ khác, khu nhà này cùng những người sống trong đó càng gây thêm trong lòng tôi sự chán ghét sâu sắc. Cả khu nhà bị bao trùm bởi lớp màng bẩn thỉu của các chuyện đơm đặt vô liêm sỉ, không có ai là không bị nói xấu. Ông cố đạo ốm yếu đáng thương của trung đoàn bị mang tiếng là tay rượu chè be bét và trụy lạc. Theo lời kể của nhà chủ tôi, các sĩ quan và vợ của họ đều sống trong những hồ lầy tội lỗi. Những câu chuyện đơm điệu của đám lính về phụ nữ khiến tôi khó chịu. Đáng ghét nhất là nhà chủ của tôi. Tôi hiểu rất rõ cái “chân giá trị” của mấy lời phê phán tàn nhẫn vẫn được họ ưa chuộng. Việc quan sát thói hư tật xấu của con người là trò tiêu

khiến không mất tiền duy nhất của họ. Nhà chủ của tôi giải trí bằng cách dùng lời nói để dần vặt, châm chọc những người lân cận, tựa như họ muốn trả thù tất cả mọi người vì chuyện chính họ phải sống lương thiện, chật vật và buồn tẻ.

Khi nghe người ta kể những điều bỉ ổi về Nữ hoàng Margot, tôi rất phẫn nộ. Ôi! Đâu có phải là sự phẫn nộ trẻ thơ nữa! Tim tôi sôi sục lòng căm ghét những kẻ hay bịa đặt điều nọ tiếng kia, tôi không sao nén được ý muốn chọc tức tất cả bọn họ, làm những điều tai quái. Đôi lúc tôi thấy dần vặt vì thương hại bản thân, thương hại mọi người. Lòng thương hại thâm lạng đó khiến tôi khổ sở hơn cả lòng căm ghét.

Tôi biết về Nữ hoàng nhiều hơn những người xung quanh, và tôi ngại rằng họ không thể biết hết những điều mà tôi biết.

Vào những ngày lễ, khi nhà chủ kéo nhau tới nhà thờ xem lễ lớn đến trưa mới về, tôi sang nhà thiếu phụ cả buổi sáng. Bà gọi tôi vào phòng ngủ. Tôi ngồi trên ghế bành nhỏ bọc lụa vàng. Con bé leo lên đùi tôi. Tôi kể cho bà nghe về các sách tôi đã đọc, bà nằm trên cái giường rộng, hai lòng bàn tay nhỏ nhắn úp vào nhau, tì dưới má. Thân hình bà khuất dưới cái chăn vàng óng như mọi đồ đạc trong phòng ngủ. Mớ tóc đen tết thành bím vắt trên vai, vắt ra phía trước và đôi khi thông từ trên giường xuống sàn.

Vừa nghe, bà vừa nhìn vào mặt tôi bằng cặp mắt dịu dàng, rồi hơi mỉm cười:

- Ra thế đấy!

Cho đến cả nụ cười đầy thiện cảm của bà trong mắt tôi cũng trở thành nụ cười độ lượng bề trên của một bà hoàng. Bà nói bằng một giọng âm dịu và tôi có cảm tưởng như lúc nào bà cũng

nói một câu: “Ta biết rằng ta tốt hơn hẳn, trong sạch hơn hẳn mọi người. Ta không cần kẻ nào trong bọn họ cả.”

Đôi khi tôi gặp bà ngồi chải tóc trước gương, trên một cái ghế bành thấp. Đuôi tóc xõa trên đầu gối, trên tay ghế bành, vắt qua lưng ghế và buông thõng xuống tận sàn. Tóc bà dài và tốt như tóc của bà ngoại tôi. Tôi trông thấy bộ ngực nở và ngăm ngăm của bà trong gương. Bà mặc áo nịt và đi tất ngay trước mặt tôi. Hành động ấy của bà không gợi cho tôi ước muốn xấu xa nào; tôi chỉ thấy vui sướng và hãnh diện về bà. Người bà lúc nào cũng tỏa ra một mùi hoa thơm ngát, hương thơm ấy bao quanh, bảo vệ bà khỏi những ý nghĩ xấu xa.

Lúc bấy giờ tôi là một thiếu niên khỏe mạnh, cường tráng, và đã biết tới những bí mật trong quan hệ giữa đàn ông và đàn bà. Nhưng người ta nói các bí mật ấy trước mặt tôi với ác ý nhẫn tâm, với sự tàn bạo phũ phàng, một cách bản thủ tới mức tôi không thể nào hình dung được rằng người đàn bà ấy lại có thể để cho một người đàn ông nào ôm ấp. Tôi rất khổ tâm khi nghĩ rằng một người nào đó có quyền táo bạo và suồng sã đụng chạm tới người bà, rằng bàn tay của người đó có thể làm chủ thân thể bà. Tôi tin chắc rằng Nữ hoàng Margot không biết đến những loại tình ái trong xó bếp hoặc góc kho. Bà biết những niềm vui khác cao cả hơn, một tình yêu khác hơn...

Nhưng một hôm, vào lúc xế chiều, khi đi vào phòng khách, tôi bỗng nghe thấy phía sau tấm màn của phòng ngủ vang lên tiếng cười giòn giã của nữ chủ trái tim tôi và một giọng đàn ông:

- Hăng hượm đã nào... Trời ơi! Anh không tin...

Tôi hiểu rằng mình phải quay ra, nhưng không làm sao mà bỏ đi được...

- Ai đấy? – Thiếu phụ hỏi. – Cháu đấy à? Vào đây...

Trong phòng ngủ, mùi hoa ngọt ngào. Ánh sáng lờ mờ. Các cửa sổ đều buông rèm kín. Nữ hoàng Margot nằm trên giường, chăn phủ kín đến cằm. Ông sĩ quan chơi vĩ cầm ngồi bên tường ngay cạnh bà. Ông mặc áo lót, để hở ngực. Trên ngực ông cũng có một vết sẹo. Nó kéo dài thành một dải đỏ từ vai phải tới đầu ngực và nổi lên rõ ràng đến nỗi mặc dầu ánh sáng lờ mờ, tôi vẫn trông thấy rõ. Tóc ông sĩ quan bị vò rối, trông thật là buồn cười. Lần đầu tiên tôi trông thấy nụ cười trên khuôn mặt đầy sẹo buồn rầu của ông. Ông cười trông đến lạ. Còn đôi mắt to như mắt phụ nữ của ông thì nhìn Nữ hoàng, tựa hồ như lần đầu tiên ông được ngắm nghía sắc đẹp của bà.

- Đây là bạn tôi. – Nữ hoàng Margot nói, không hiểu là với tôi hay với ông sĩ quan. – Cháu sợ cái gì? – Giọng của bà như từ xa vang tới. – Cháu lại đây...

Khi tôi đến gần, bà ôm lấy cổ tôi bằng cánh tay trần ấm áp:

- Lớn lên cháu cũng sẽ được hạnh phúc... Thôi, cháu ra đi!

Tôi đặt quyển truyện lên giá sách, lấy một quyển khác rồi ra khỏi phòng, bàng hoàng như trong một giấc mơ.

Một cái gì tan vỡ trong tim tôi. Tất nhiên, không giây phút nào tôi nghĩ rằng Nữ hoàng của tôi cũng yêu đương giống những người đàn bà khác. Và tôi cũng không cho phép mình nghĩ như vậy về viên sĩ quan. Tôi trông thấy gương mặt ông, nụ cười của ông hiện ra trước mắt. Ông cười sung sướng như một đứa trẻ con ngạc nhiên trước một điều bất ngờ. Khuôn mặt buồn rầu của ông bỗng tươi mới kì diệu. Chắc ông phải yêu Nữ hoàng lắm. Lẽ nào lại không yêu cho được, cái người đàn bà ấy? Và bà cũng có thể rộng lượng mà ban tình yêu cho ông; ông

chơi đàn hay biết chừng nào, và ngâm thơ mới tình cảm làm sao...

Nhưng chính cũng vì phải viện đến những lí do đó để an ủi mình mà tôi nhận ra mọi việc không phải đều tốt đẹp, đều đúng đắn trong thái độ của tôi đối với những điều tôi đã trông thấy, và đối với chính bản thân Nữ hoàng Margot. Tôi thấy như mình bị mất một cái gì và suốt mấy ngày tôi sống trong trạng thái hết sức buồn rầu.

... Một hôm, tôi gây ra trò nghịch ngợm tai quái và ngu xuẩn. Khi tôi đến nhà thiếu phụ để mượn sách, bà nghiêm khắc bảo tôi:

- Thế mà bác cũng nghe người ta nói rằng cháu nghịch lắm đấy! Bác thật không ngờ...

Tôi không nín được nữa, bèn kể cho bà biết rằng tôi sống thật đau khổ, thật nặng nề, mỗi khi nghe người ta nói xấu bà. Thiếu phụ đứng trước mặt tôi, tay đặt lên vai tôi, thoạt đầu bà nghiêm trang chăm chú nghe tôi nói, nhưng sau đó bà phì cười và khẽ đẩy tôi ra.

- Thôi đủ rồi, bác đã biết tất cả những chuyện đó, cháu hiểu chứ? Bác biết cả!

Rồi bà nắm lấy hai tay tôi mà nói với một giọng trù mến:

- Cháu càng ít chú ý đến những chuyện đê tiện ấy bao nhiêu thì càng tốt cho cháu bấy nhiêu... Mà sao cháu để tay bẩn thế này...

Chao ôi, bà còn phải nói làm gì điều đó! Nếu như bà cũng phải đánh đồ đồng, lau sàn, giặt tã lót thì chắc tay bà cũng không hơn gì tay tôi.

- Biết sống thì thiên hạ căm tức, ganh tị. Còn không biết sống thì người ta khinh. – Thiếu phụ ôm lấy tôi, trầm ngâm. Bà vừa kéo tôi sát vào người, vừa nhìn vào mắt tôi, mỉm cười. – Cháu có yêu bác không?

- Có.

- Yêu lắm chứ?

- Vâng.

- Nhưng yêu như thế nào?

- Cháu không rõ.

- Cảm ơn nhé. Cháu thật là tốt! Bác rất thích thấy mình được người ta yêu quý...

Bà mỉm cười, muốn nói với tôi điều gì, nhưng bỗng thở dài rồi nín thinh hồi lâu, tay vẫn chưa buông tôi ra.

- Cháu cứ đến chơi luôn với bác nhé. Lúc nào đến được thì cứ đến...

Tôi tận dụng đặc quyền đó và nhờ lui tới luôn nên tôi thân nhận được rất nhiều điều bổ ích. Sau bữa trưa, nhà chủ của tôi thường ngủ, còn tôi thì chạy xuống nhà dưới, và nếu bà có nhà, tôi ngồi chơi với bà hàng giờ, có khi còn lâu hơn.

- Phải đọc những sách Nga, phải hiểu biết cuộc sống của người Nga chúng mình mới được. – Bà vừa găm cặp vào mớ tóc thơm thơm bằng những ngón tay đỏ hồng khéo léo vừa bảo tôi.

Rồi bà kể tên các nhà văn Nga và hỏi tôi:

- Cháu nhớ chứ?

Bà hay nói với vẻ suy tư và hơi bực tức:

- Cháu phải đến trường mới được, phải học mới được! Khổ,

thế mà bác vẫn cứ quên mất chuyện ấy!...

Sau những buổi ngồi dưới nhà bà, tôi lại chạy lên gác với một quyển truyện mới trong tay, lòng lâng lâng nhẹ nhõm.

Tôi đã đọc quyển *Kí sự gia đình* của Aksakov, thiên trường ca nổi tiếng của nước Nga *Trong rừng*^[97], tập *Nhật kí của người đi săn* hay tuyệt diệu, những tập truyện ngắn của Grebenkov^[98] và Solugub^[99], các tập thơ của Venevitinov^[100], Odoevski^[101], Tutchchev. Những sách ấy đã gột rửa khỏi tâm hồn tôi lớp vỏ ngoài của những ấn tượng về cuộc sống thực tế bản cùng đầy cay đắng. Tôi cảm nhận được thế nào là một quyển sách hay và hiểu được sự cần thiết của sách vở. Đọc những quyển sách ấy, tâm hồn tôi thư thái vì một niềm tin tưởng vững chắc: Không chỉ có mình tôi trên trái đất này và tôi sẽ không trở nên vô ích đâu!

Khi bà tôi đến thăm, tôi thích thú kể cho bà nghe về Nữ hoàng Margot. Bà vừa khoan khoái hít thuốc lá vừa nói với vẻ tin tưởng:

- Hừ, tốt thế đấy! Trên đời thiếu gì người tốt, cứ chịu tìm là sẽ gặp thôi!

Có lần bà đề nghị:

- Có lẽ bà nên đến nhà người ta để cảm ơn cho cháu!

- Không cần đâu, bà ạ...

- Ừ thì thôi... Lạy Chúa tôi, cuộc sống thật là tốt đẹp! Con chỉ muốn sống mãi!

Nữ hoàng Margot chưa kịp lo đến việc cho tôi đi học thì ngày lễ Ba Ngôi đã xảy ra một chuyện bực mình, suýt nữa làm hại tôi.

Trước dịp lễ ít ngày, hai mí mắt tôi bỗng sưng vù lên, mắt

híp lại. Nhà chủ lo tôi mù, chính tôi cũng hoảng. Người nhà đưa tôi đến bác sĩ sản khoa quen là ông Henrik Rodzevich. Ông ta nạo phía trong mi mắt tôi. Suốt mấy ngày tôi phải nằm đeo băng trên mắt, buồn chán trong màn đen tối nặng trĩu. Trước ngày lễ một hôm, người ta tháo băng cho tôi. Tôi lại đi đứng như thường, như thể lần mò được ra khỏi ngôi mộ sau khi bị chôn sống. Không có gì khủng khiếp bằng cảnh mù, đó là một trải nghiệm đau khổ không sao diễn tả nổi, nó tước đoạt mắt của con người đến chín phần mười thế giới xung quanh.

Trong ngày lễ Ba Ngôi tưng bừng, vì còn đau nên từ trưa tôi được miễn hết công việc lật vật trong nhà. Tôi tha thân đến các nhà bếp thăm mấy anh lính cần vụ. Trừ Chulpayev nề nếp ra, ai cũng đều say mèm. Chập choạng tối, Ermokhin cầm thanh củi phang vào đầu Sidorov. Anh này nằm lăn ra, bất tỉnh nhân sự ở phòng ngoài, còn Ermokhin thì hoảng sợ chạy xuống khe trốn.

Tin đồn xôn xao truyền đi rất nhanh khắp cả khu nhà rằng Sidorov đã bị đánh chết. Người ta xúm lại trước cửa hiên, đứng nhìn anh lính nằm thẳng đờ, đầu vắt qua ngưỡng cửa từ nhà bếp ra nhà ngoài. Họ xì xào là phải gọi cảnh sát đến, nhưng chẳng ai chịu đi và cũng chẳng ai dám đụng đến anh lính.

Bỗng chị thợ giặt Natalya Kozlovsky xuất hiện. Chị mặc một chiếc áo dài mới tinh phơn phớt tím, quàng chiếc khăn vuông trắng trên vai. Chị giận dữ xô mọi người, bước vào phòng ngoài, ngồi xổm xuống và nói to:

- Thật là lũ ngốc, anh ta còn sống đây này! Mang nước lại đây...

Người ta khuyên chị:

- Đừng có nhúng tay vào việc của người khác làm gì!

- Tôi bảo là mang nước lại đây cơ mà! – Chị ta quát lên như người la cháy nhà.

Rồi với vẻ thông thạo, chị vén cái váy mới lên quá đầu gối, sửa lại váy lót và đặt cái đầu đầm đìa máu của anh lính lên đầu gối mình.

Đám người đứng xem sợ sệt bỏ về, vẻ không tán thành hành động của chị. Trong bóng tối nhá nhem của căn phòng ngoài, tôi trông thấy cặp mắt đầy lệ long lanh giậm dử trên khuôn mặt trắng trẻo tròn trĩnh của chị thợ giặt. Tôi bèn xách một thùng nước đến. Chị bảo tôi giội lên đầu, lên ngực anh Sidorov và dặn:

- Đừng có giội vào người chị. Chị còn phải đến thăm nhà một người bạn nữa...

Anh lính hồi tỉnh, mở đôi mắt đờ đẫn ra, cất tiếng rên rĩ.

- Đỡ anh ta lên. – Chị Natalya vừa nói vừa xốc nách anh lính, không cho chạm vào người vì chị sợ bẩn váy. Chúng tôi khiêng anh lính vào bếp, đặt anh lên giường. Chị lấy một miếng giẻ ướt lau mặt cho anh và dặn tôi:

- Em thấm nước vào giẻ rồi đặt lên đầu anh ấy để chị đi lòng cho ra cái thằng khốn kiếp kia. Đồ quý này, cứ rượu chè bê tha rồi cũng có ngày đi đày sớm.

Chị tụt cái váy lót bị dây bẩn xuống sàn, quăng vào một xó nhà, cẩn thận sửa lại váy ngoài bị nhàu kêu sột soạt và bỏ đi.

Anh Sidorov cựa quậy, duỗi tay chân, vừa nấc vừa kêu ú ớ. Những giọt máu đặc thẫm nặng nề rơi từ đầu anh xuống bàn chân trần của tôi. Thật là khó chịu, nhưng tôi sợ quá, không dám nhích chân tránh những giọt máu đó.

Tôi thấy đau khổ vô cùng. Ngày hội tương bưng khắp khu

nhà. Ngoài hiên, cổng ra vào được trang trí bằng những cây bạch dương nhỏ. Những cành phong, cành thanh lương trà mới chặt được buộc vào các cột ven đường. Cả khu phố ngập trong một màu xanh vui mắt. Cảnh vật như tươi hơn, mới mẻ: Từ sáng sớm tôi đã có cảm giác rằng ngày hội xuân sẽ còn kéo dài mãi và cuộc sống từ ngày hôm nay trở đi sẽ trong sạch hơn, sáng sủa hơn, vui tươi hơn.

Anh lính bỗng nôn mửa. Căn bếp sặc mùi rượu và mùi hành sống. Thỉnh thoảng lại có những bộ mặt to lớn, lơ đãng, mũi bẹp gí dán vào cửa kính. Những bàn tay tì vào má khiến mấy khuôn mặt đó như có thêm cái tai to quái dị.

Anh lính hồi tỉnh, làm bầm:

- Tôi làm sao thế này? Ngã à? Thằng Ermokhin phải không? Thằng bạn quý thật...

Rồi anh ho húng hắng và khóc lè nhè. Anh rên rĩ:

- Em gái của anh ơi... Em gái...

Anh đứng được lên, loạng choạng, ướt át và hôi thối, nhưng lại lao đảo ngã phịch xuống giường. Anh đảo mắt một cách kì quái:

- Chúng nó giết mình chết mất rồi...

Tôi phì cười.

- Ai cười đây, đồ quỷ? – Anh lính dờ dãn nhìn tôi. – Mà cười thế à? Chúng nó đã giết tao thừa sống thiếu chết như thế này...

Anh lấy hai tay đẩy tôi ra và làm bầm:

- Hạn thứ nhất Ilya phát nguyên; hạn thứ hai Georgiy lên ngựa; hạn thứ ba chớ có đến tôi! Cút ngay, đồ chó sói...

Tôi nói:

- Đừng có vớ vẩn!

Bỗng dựng anh nổi cáu, giậm chân và quát tôi:

- Chúng nó giết tao, thế mà mày còn...

Và anh tổng mạnh bàn tay khẳng khiu, bắn thủ vào mắt tôi. Tôi hét to, mắt hoa lên chẳng thấy gì nữa và chạy ra ngoài sân, về phía chị Natalya đang đi đến. Chị nắm tay tôi Ermokhin tới.

- Đi đi, cái con ngựa này! Em làm sao thế? – Chị túm lấy tôi và hỏi.

- Anh ấy đánh em...

- Đánh à...à...?

Chị ngạc nhiên kéo dài giọng rồi kéo Ermokhin, nói với hắn:

- Đồ quỷ này, may nhé, hãy cảm tạ Chúa đi!

Tôi lấy nước rửa mắt. Đứng từ phòng ngoài nhìn vào, tôi thấy hai anh lính đã làm lành với nhau, ôm nhau khóc, rồi họ cùng ôm chầm lấy chị Natalya. Còn chị thì đâm vào tay họ, quát lên:

- Bỏ tay ra, lũ chó này! Tôi là nhân tình, nhân ngãi của các người đấy hẳn? Đi ngủ cả đi trong lúc nhà chủ của các người chưa về. Nào, nhanh lên! Không có thì lôi thôi đấy!

Chị đặt họ ngủ như đặt lũ trẻ con, một người nằm trên sàn, một người nằm trên giường. Khi họ đã ngáy cả, chị ra nhà ngoài.

- Áo xống của chị bắn hết cả rồi, thế mà định mặc để đi thăm bạn đấy! Nó đánh em à?... Thằng ngu xuẩn đến thế thì thôi! Rượu chè tai hại như vậy đấy! Đừng uống làm gì, em nhé, đừng

có bao giờ uống rượu...

Tôi ngồi với chị trên cái ghế dài ngoài cổng, hỏi chị sao không sợ những người say rượu.

- Cả những người tỉnh chị cũng không sợ. Chị trị được tuốt! – Chị giờ nắm đầm đỏ hồng siết chặt. – Hồi còn mồ ma chồng chị, hấn cũng rượu chè bí tử; có lần hấn say rượu bị chị trói cả tay lẫn chân lại. Khi hấn tỉnh, chị lột quần hấn ra, lấy roi phết cho một trận. Chị bảo: “Đừng có rượu chè say sưa. Anh đã lấy vợ thì vợ anh sẽ tiêu khiển cho anh, chứ không phải là rượu!” Chị nói thế và nện cho hấn một trận như tử rồi mới cởi trói, đến nỗi sau trận đòn đó anh chàng cứ gọi là hiền như bụt...

- Chị khỏe thật. – Tôi bảo chị, lại nhớ đến bà Eva đã lừa cả Chúa Trời.

Chị Natalya thở dài:

- Đàn bà phải khỏe hơn đàn ông mới được. Lẽ ra là phải khỏe gấp đôi ấy, nhưng Chúa đã ăn bớt mất. Đàn ông là loại người hay thay đổi tính nết.

Chị bình thản nói, không có vẻ gì là ác ý. Chị ngồi dựa lưng vào bờ rào, tay khoanh trước bộ ngực nở nang, buồn rầu đưa mắt nhìn con đập đầy gạch đá rác rưởi. Tôi quên cả thời gian, mãi mê nghe những lời nói thông minh đó. Thành linh, tôi trông thấy mợ chủ khoác tay chồng xuất hiện ở phía cuối con đập. Họ bước khoan thai, đường bệ như một cặp gà trống mái. Họ chăm chú nhìn chúng tôi và nói gì với nhau không rõ.

Tôi chạy lại mở cửa chính. Mợ chủ vừa lên thang vừa thâm hiểm bảo tôi:

- Mà y đã đánh bạn với lũ thợ giặt rồi đấy à? Đã học đòi cách tán tỉnh lũ đàn bà hạ lưu rồi cơ à?

Câu nói đó ngu xuẩn đến nỗi tôi không buồn để ý. Điều đáng bực hơn là cậu chủ cũng cười nhạt:

- Còn sao nữa, cũng đến tuổi rồi!...

Sáng hôm sau, khi xuống kho lấy củi, tôi bắt được một túi đựng tiền rỗng không bên cạnh ô cửa vuông của chuồng mèo ở cửa kho. Tôi đã nhiều lần thấy cái túi này trong tay anh Sidorov, nên tôi mang ngay đến cho anh.

- Thế còn tiền đâu? – Anh khoắng tay vào trong túi và hỏi. – Một rúp hai mươi kopek đâu rồi? Đưa tiền đây.

Đầu anh quấn một chiếc khăn mặt như tìn đồ Hồi giáo, người vàng vồ, gầy gò, anh cúi kính hấp háy cặp mắt sưng vù, vẫn không tin rằng tôi đã tìm thấy cái túi rỗng.

Ermokhin chột đi đến, hất đầu về phía tôi và xúi anh Sidorov:

- Chính nó ăn cắp rồi! Nó đấy! Mà cứ lôi nó đến nhà chủ nó! Lính không ăn cắp của lính đâu!

Câu nói đó đã thâm mách với tôi rằng chính hắn là kẻ ăn cắp tiền và cũng chính tay hắn ném túi tiền vào nhà kho để cho tôi bắt được.

Tôi liền hét thẳng vào mặt hắn:

- Nói láo, chính anh ăn cắp thì có!

Và tôi hoàn toàn tin tưởng rằng mình đã đoán đúng, vì bộ mặt thốt của hắn nhăn lại vì sợ hãi và tức giận; hắn lờn lộn, hét lên the thé:

- Mà cứ đưa bằng chứng ra đây!

Tôi biết lấy gì làm bằng chứng? Ermokhin vừa la hét vừa kéo

tôi ra sân, anh Sidorov theo sau chúng tôi, la lên những gì không rõ. Những cái đầu nhô ra ở các cửa sổ; bà mẹ của Nữ hoàng Margot vừa nhìn vừa bình thản hút thuốc lá. Tôi hiểu rằng mình đã bị mất hết uy tín trong mắt Nữ hoàng của tôi. Tôi điên cả người.

Tôi còn nhớ cảnh bọn lính túm lấy tay tôi, còn nhà chủ thì đứng trước mặt họ, vừa nghe những lời buộc tội vừa đồng tình phụ họa.

Mợ chủ quả quyết:

- Tất nhiên là nó lấy rồi! Hôm qua, nó tán tỉnh con mụ thợ giặt ở ngoài cổng, chứng tỏ nó có tiền. Với mụ ta mà không có tiền thì đừng có hòng...

- Đúng như vậy đấy ạ! – Ermokhin kêu lên.

Sàn dưới chân tôi như sụt xuống, một mối cảm phần điên cuồng thiêu đốt tôi, tôi liền chửi mợ một thối và bị một trận đòn nên thân.

Nhưng không chỉ có trận đòn hành hạ tôi mà cả ý nghĩ không hiểu bây giờ Nữ hoàng Margot sẽ nghĩ về tôi ra sao cũng giày vò tôi. Làm sao bào chữa được trước mặt bà? Lòng tôi vô cùng đau khổ trong những giờ phút đen tối ấy.

May mắn làm sao, bọn lính phao truyền rất nhanh câu chuyện này khắp khu nhà, khắp dãy phố và đến chiều, khi đang nằm trên gác thượng, tôi bỗng nghe thấy tiếng kêu của chị Natalya Kozlovsky ở phía dưới.

- Không, việc gì mà tôi phải im! Không được, chú mình ạ, đi đi, đi đi! Tôi đã bảo là anh đi cơ mà! Không có tôi sẽ đến thưa với chủ của anh, ông ta sẽ bắt anh phải...

Tôi linh cảm thấy ngay rằng chuyện ồn ào đó có liên quan tới mình. Chị Natalya kêu gần phía hiên nhà của chúng tôi, giọng chị vang lên mỗi lúc một to hơn, đặc thảng hơn.

- Hôm qua anh đã đưa cho tôi xem bao nhiêu tiền? Anh lấy tiền đó ở đâu ra, nói xem nào!

Tôi nghẹn lên vì sung sướng nghe tiếng anh Sidorov rên rĩ:

- Chà... Chà... Ermokhin...

- Còn thằng bé thì bị người ta bêu riếu, đánh đập như thế đấy, hở?

Tôi muốn chạy ngay xuống sân, nhảy múa lên vì vui sướng và hôn đèn ớn chị thợ giặt, nhưng vừa lúc đó vợ chủ của tôi kêu lên – có lẽ vợ từ cửa sổ nói vọng xuống:

- Thằng bé bị đòn vì nó hỗn láo, chứ không ai cho nó là đứa ăn cắp, trừ nhà chị ra thôi, đồ điêu ngoa!

- Thưa bà, chính bà là đồ điêu ngoa, bà là đồ con bò cái, xin phép được nói với bà như vậy!

Tôi nghe câu chửi ấy như nghe một điệu nhạc. Những giọt lệ nóng hổi vì tủi cực, vì biết ơn chị Natalya như đốt bỏng lòng tôi; tôi nghẹn ngào cố ngăn dòng nước mắt.

Sau đó, cậu chủ thông thả trèo lên gác mái, ngồi xuống chỗ giáp đòn tay nhà cạnh tôi, và vừa vuốt tóc vừa nói:

- Sao, Peskov, bị xúi quẩy à, chú em?

Tôi lặng thinh, quay mặt đi.

- Dầu sao thì cháu chửi cũng thật là quá quắt. – Cậu nói tiếp.

Tôi khẽ bảo cậu:

- Khi nào khỏi, cháu sẽ không ở đây nữa...

Cậu ngồi lặng yên một lúc, vừa hút thuốc vừa chăm chú nhìn vào đầu điều thuốc, nhỏ nhẹ:

- Biết làm thế nào được, đó là việc của cháu! Cháu chẳng còn bé bỏng gì nữa, tự mình nghĩ lấy, cái gì có lợi cho mình nhất thì làm...

Rồi cậu bỏ đi. Như những lần khác, tôi thấy thương thương cậu.

Bốn ngày sau, tôi rời bỏ khu nhà. Tôi khao khát muốn đến từ biệt Nữ hoàng Margot, nhưng tôi không đủ can đảm. Thú thực, tôi cũng mong tự bà sẽ gọi tôi đến.

Khi chia tay với con bé, tôi nhờ nó:

- Em nhớ nói với mẹ rằng anh rất cảm ơn mẹ nhé! Em có nói không?

- Em sẽ nói. – Nó hứa và dịu dàng, âu yếm mỉm cười. – Tạm biệt anh đến ngày mai nhé, phải hông?

Hai mươi năm sau, tôi gặp lại cô bé, lúc bấy giờ đã là vợ của một sĩ quan hiến binh...

Tôi lại làm nghề rửa bát trên tàu thủy “Perm”^[102], một con tàu rộng lớn, chạy nhanh và trắng như một con thiên nga. Bây giờ tôi là tay rửa bát “chuyên nghiệp” hay còn gọi là “hầu bếp”. Nhiệm vụ của tôi là giúp đỡ các đầu bếp, hằng tháng tôi được trả bảy rúp.

Chủ tiệm ăn là một người to béo, vẻ dương dương tự đắc. Đầu lão hói như một quả bóng. Tay chấp sau lưng, suốt ngày lão đi đi lại lại một cách nặng nề trên boong như con lợn thiến tìm chỗ râm mát trong ngày oi bức. Tiệm ăn do vợ lão phụ trách, một người đàn bà tuổi ngoài bốn mươi, đẹp nhưng sồ sề, mặt trát bột phấn đến nổi bụi nhờn trắng rơi từ má xuống đầy cái áo rục rở của mẹ.

Bác đầu bếp giỏi Ivan Ivanovich, bí danh là “Gấu con”, cai quản khu bếp. Bác người thấp nhỏ, đầy đặn, có cái mũi như mỏ kền kền và cặp mắt như giễu cợt. Bác ăn mặc rất chải chuốt, cổ còn hồ bột, ngày nào cũng cạo râu. Đôi má bác xanh, bộ ria đen vĩnh ngược. Hễ rồi là bác lại làm tình làm tội bộ ria, vôn vê chúng bằng mấy ngón tay đỏ hồng vì lửa bếp và không ngừng soi ngắm trong một cái gương tròn con tí.

Người đáng chú ý nhất trên tàu thủy là anh thợ đốt lò Yaakov Shumov, một bản nông lực lưỡng ngược to. Khuôn mặt với cái mũi tẹt của anh bèn bẹt như cái xẻng. Cặp mắt gấu nhỏ như bị đôi lông mày rậm che lấp. Má anh lún phún lông như râu trên bãi lầy. Tóc trên đầu thì như một cái mũ lông rậm, anh phải khó khăn lắm mới lùa được mấy ngón tay cong queo vào.

Anh chơi bài ăn tiền rất cừ và háu ăn một cách kinh khủng. Như một con chó đói, anh thường lê la quanh bếp, xin mấy mẩu thịt, miếng xương. Chiều nào anh cũng uống trà với bác “Gấu con” và kể nhiều chuyện kì lạ về đời mình.

Hồi nhỏ, anh giúp việc cho người chăn cừu ở Riazan, sau đây một ông thầy tu qua đường đã dụ dỗ anh vào tu viện, và anh đã ở đó bốn năm.

- Lẽ ra tớ cũng thành thầy tu, một ngôi sao đen của Chúa rồi đấy. – Anh nói đùa, giọng liền thoảng. – Nếu không có một nữ tín đồ ở Penza đến viếng tu viện của bọn tớ. Bà ta thật ngộ nghĩnh, bà ta dỗ dành tớ: “Anh trông đẹp như thế này, khỏe như thế này, còn tôi là một người đàn bà lương thiện, sống cô đơn góa bụa, thôi thì anh cứ đến ở với tôi, trông nom sân vườn cho tôi, tôi có nhà riêng và buôn bán các loại lông thú, lông chim...”

Thế là bà ta chọn tớ làm người quét sân, còn tớ thì thành tình nhân của bà. Suốt ba năm trời tớ được ăn no mặc ấm...

- Mà nói phét khá lắm! – Bác “Gấu con” ngắt lời, dăm dăm nhìn mấy nốt sần sùi trên mũi mình. – Nếu nói phét mà được tiền thì chẳng mấy lúc mà giàu to!

Anh Yaakov vẫn nhai, những mớ lông xanh xám chuyển động trên bộ mặt đờ đẫn, hai vành tai lông lá nhúc nhích. Nghe xong lời nhận xét của bác đầu bếp, anh nói nhanh và nhịp nhàng như trước:

- Bà ta nhiều tuổi hơn tớ, nên tớ đâm ra chán, tớ buồn quá bèn léng phéng với đứa cháu gái của bà; không ngờ bà ta biết chuyện và tống cổ tớ...

- Với mà, phải như vậy mới được, không còn cách gì hơn

đâu. – Bác đầu bếp nói, giọng cũng nhẹ nhàng và mạch lạc như anh Yaakov.

Sau khi nhét một miếng đường vào miệng, anh thợ đốt lò tiếp tục:

- Tớ sống vất va vất vưởng một thời gian, sau đó theo một ông già bán hàng rong người vùng Vladimir. Thế là tớ đi với ông ta khắp chân trời góc biển: Trên các dãy núi Balkan, đến xứ sở người Thổ Nhĩ Kỳ, người Romania, người Hi Lạp, người Áo... Dân tộc nào chúng tớ cũng đều gặp, mua hàng chỗ này, bán lại chỗ khác...

- Thế có ăn trộm không? – Bác đầu bếp nghiêm trang hỏi.

- Không bao giờ! Ông già không muốn thế! Ông ta bảo tớ: “Con hãy sống cho lương thiện trên đất người. Luật lệ ở đây không nể con đâu. Chỉ một tí là người ta chặt mất đầu đấy!” Thực ra tớ cũng có thử đi ăn trộm, nhưng chẳng ăn thua: Một lần tớ định dắt ngựa của một lão nhà buôn ra khỏi sân, nhưng không dắt được. Người ta tóm được tớ, và tất nhiên là họ nện tớ như tử, nện xong họ lôi tớ đến sở cấm. Chúng tớ có hai đứa, thằng kia cừ khôi lắm, nó mới thực là tay ăn trộm ngựa chính cống, còn tớ thì chỉ vào loại xoàng, tò mò là nhiều. Tớ vốn làm việc với tay nhà buôn kia, xây lò trong nhà tắm mới cho lão. Thế rồi lão bỗng ốm và nằm mơ thấy tớ; giấc mơ rất kinh khủng. Lão ta hoảng lên, bèn xin với sở cấm: “Xin các ông tha cho hần ta. (Tức là tớ đấy!) Các ông tha cho hần kéo hần báo mộng cho tôi là nếu không thả hần thì không khỏe được đâu, có lẽ hần là phù thủy đấy.” (Tức là tớ là phù thủy đấy!) Chà, lão nhà buôn đó là một tay có tiếng tăm nên người ta mới tha cho tớ...

- Tha mày ra làm gì, cứ đem ngăm mày xuống nước ba ngày

để mọi tật xấu trong người mà tan hết đi mới được. – Bác đầu bếp nói chen vào.

Anh Yaakov cũng phụ họa:

- Đúng đây, tớ có nhiều tật xấu lắm, có thể nói những tật xấu của tớ chứa cả làng không hết...

Luồn ngón tay vào cái cổ áo đã cài chặt, bác đầu bếp cúi kính kéo căng nó ra. Bác vừa lắc đầu vừa bực bội than vãn:

- Thật là một điều vô nghĩa lí! Một tên tội nhân sống trên trái đất như vậy đây, nó ăn, nó uống, nó đi lang thang để làm gì mới được? Nào, mày thử nói xem mày sống để làm gì?

Anh thợ đốt lò vừa nhai tóp tép vừa trả lời:

- Tớ chẳng biết gì sất. sống là sống, có thể thôi. Người này nằm, kẻ khác đi, công chức thì suốt đời ngồi, nhưng ăn thì người nào cũng phải ăn cả...

Bác đầu bếp lại càng thêm cúi kính.

- Thế nghĩa là mày là đồ con lợn, thật không biết gọi thế nào hơn được nữa! Đồ cặn bã.

- Sao đằng ấy lại chửi tớ? – Anh Yaakov ngạc nhiên hỏi. – Bọn bản nông chúng mình đều cùng một gốc mà ra cả^[103]. Đằng ấy đừng chửi nữa, tớ cũng chẳng nhờ thế mà khá hơn được đâu...

Con người ấy hấp dẫn tôi rất nhanh và mãnh liệt. Lúc nào tôi cũng kinh ngạc nhìn anh, miệng há hốc nghe anh nói. Theo tôi, anh có hiểu biết vững vàng, theo lối phán đoán riêng của anh, về cuộc sống. Anh dùng chữ “đằng ấy” để gọi tất cả mọi người. Với ai anh cũng nhìn thẳng vào mặt họ một cách đàng hoàng. Kể từ thuyền trưởng đến chủ tiệm ăn và các hành khách sang trọng ở buồng hạng nhất, anh đều coi ngang hàng như mình,

như các thủy thủ, đám hầu bàn và những hành khách trên boong.

Có lần anh đứng thẳng trước mặt thuyền trưởng và thợ máy, hai cánh tay dài như tay khỉ chắp sau lưng, lặng lẽ nghe người ta mắng anh vì tội lười biếng hay vì đã chơi bài ăn hết tiền của một hành khách. Anh cứ đứng trơ ra như vậy; rõ ràng những lời chửi mắng chẳng có tác dụng gì với anh, những câu dọa đuổi anh khỏi tàu khi cập bến tới cũng chẳng khiến anh kinh sợ.

Trong con người anh có điều gì khác hẳn mọi người, như ở bác Tốt Lắm, và có lẽ chính anh cũng tin vào cái đặc điểm ấy, cho là không ai có thể hiểu được mình.

Tôi chưa bao giờ thấy anh giận dữ hay suy nghĩ. Cũng không nhớ có lần nào anh nín lặng được một lúc. Hầu như ngoài cả ý muốn của anh, lời nói cứ tuôn ra như một dòng suối bất tận từ cái miệng râu ria xồm xoàm. Khi người ta chửi rủa anh hoặc khi anh nghe ai kể một câu chuyện thú vị, môi anh mấp máy, tựa hồ anh nhắc thềm lại những điều được nghe hay tiếp tục nói thềm ý nghĩ của mình. Ngày ngày, sau phiên trực, anh chui ra từ cửa hầm lò, chân trần, người đầm đìa mồ hôi và dầu mỡ. Cái áo không đai của anh ướt đẫm, để hở ra bộ ngực phủ đầy những sợi lông rậm loãn xoắn. Và lập tức, trên boong tàu vang lên giọng nói đều đều, đờn điệu, hơi khàn khàn của anh. Những câu nói ấy cứ rào rào rơi xuống như những giọt mưa.

- Chào mẹ! Mẹ đi đâu đấy? Đi Chistopol à? Biết rồi, con đã ở đấy, đã đi làm thuê cho một lão Tarta giàu sụ tên là Usan Gubaildulin. Lão già ấy có ba vợ, lão khỏe lắm, mặt đỏ như gấc. Mụ vợ trẻ người Tarta của lão thật là ngộ nghĩnh, con cũng có tí tội lỗi với mụ ta...

Anh đã ở khắp mọi nơi; với tất cả những người đàn bà đã gặp

trong đời anh đều có dính líu “tí tội lỗi”. Anh kể mọi chuyện với vẻ vô tâm, bình thản, tựa như trong cuộc sống anh không hề gặp điều tủ nhục hay những lời xỉ vả. Chỉ một lúc sau, tiếng nói của anh lại vang lên ở phía đuôi tàu.

- Người đáng trọng phải là người biết cờ bạc! Chà, nghề cờ bạc cũng hay hay đấy chứ! Ngồi một chỗ, hái ra tiền, có khác gì đi buôn...

Tôi thấy anh ít khi nói những “tốt”, “xấu”, “tồi”, hầu như luôn dùng các từ “ngộ nghĩnh”, “hay hay”, “thú vị”. Người đàn bà đẹp đối với anh là “một con bướm ngộ nghĩnh”, một ngày nắng đẹp là “một ngày hay hay”. Nhưng anh thường nói nhất hai chữ “Cóc cần!”

Ai cũng cho anh là lười biếng, nhưng tôi thấy anh làm công việc nặng nhọc trong hơi nóng ngột ngạt, hôi hám cũng tận tụy như mọi người. Hơn nữa, chưa bao giờ tôi thấy anh kêu mệt hay phàn nàn như các thợ đốt lò khác.

Một hôm, một bà khách già bị đánh cắp mất túi tiền. Lúc bấy giờ đang là buổi chiều quang đãng yên tĩnh, mọi người sống trong bầu không khí nhân hậu và hòa thuận. Thuyền trưởng cho bà cụ năm rúp, các hành khách cũng lạc quyền được một số tiền như thế. Khi người ta trao tiền cho bà cụ, bà vừa làm dấu, vừa khom lưng cảm tạ mọi người:

- Bà con ơi, đây nhiều hơn số tiền của tôi ba rúp mười kopek.

Một hành khách vui vẻ thốt lên:

- Cứ giữ cả lấy, bà cụ ạ, việc gì phải kêu lên thế? Ba rúp chẳng bao giờ thừa đâu...

Một hành khách khác ý nhị:

- Tiền không như người, chẳng bao giờ thừa đâu...

Còn anh Yaakov thì đi tới trước mặt bà cụ, đề nghị với vẻ thành thật:

- Cho con số tiền thừa ấy cho, để con đánh bạc.

Xung quanh cười âm lên, nghĩ rằng anh thợ dệt lò nói đùa, nhưng anh ta vẫn nằng nặc dõ dành bà cụ già đang bối rối:

- Nào đưa đây, cụ! Cụ giữ tiền làm quái gì? Cụ cũng về châu trời đến nơi rồi còn gì nữa...

Người ta chửi rủa và đuổi anh đi chỗ khác. Anh lắc đầu, ngạc nhiên nói với tôi:

- Thật là lũ người quái gở! Sao họ cứ dây vào việc của người khác làm gì? Chính bà cụ nói số tiền ấy là thừa cơ mà! Mà tớ thì chỉ ba rúp là đủ vui rồi...

Tiền bạc hình như khiến anh vui thích. Trong khi nói chuyện, anh ứa mài mấy hào bạc và xu đồng vào quần cho thật sáng bóng, rồi cầm bằng mấy ngón tay cong queo, giơ lên trước cái mũi tẹt, nhú lông mày lại ngấm nghĩa. Nhưng anh không phải là người hám tiền.

Có lần anh rủ tôi chơi bài, nhưng tôi không biết chơi.

- Không biết à? – Anh ngạc nhiên hỏi. – Sao mà lại như vậy? Thế mà cũng gọi là biết đọc biết viết đấy! Phải dạy cho mày mới được. Chơi bài ăn đường nhé!

Anh được tôi nửa funt đường cục và nhét dần tất cả vào cái miệng lông lá. Sau khi thấy tôi đã biết chơi, anh đề nghị:

- Bây giờ chơi ăn tiền hẳn hoi nhé! Mày có tiền không?

- Em có năm rúp.

- Tao có hơn hai rúp đây.

Lẽ dĩ nhiên, chỉ thoáng một chốc là tôi nhận túi. Cay cú, tôi đổi cái áo khoác lấy năm rúp để đánh tiếp và lại thua. Đôi ủng mới đổi lấy ba rúp cũng thua nốt. Anh Yaakov bèn bắt bình bảo tôi với một vẻ gần như cáu giận:

- Xì, mày không thể chơi được đâu! Mày nóng nảy quá. Bây giờ cái áo này xếp lại, cả đôi ủng này nữa. Tao lấy làm gì. Thôi, cầm lấy cả giày, áo, lẫn tiền. Mày lấy bốn rúp, còn một rúp thì tao lấy coi như tiền công dạy... Được chứ?

Tôi rất cảm ơn anh.

- Cóc cần! – Anh trả lời câu cảm ơn của tôi. – Cờ bạc là cờ bạc, là một thú tiêu khiển, thế mà mày thì cứ lao vào như đi đánh nhau ấy. Ngay lúc đánh nhau cũng không nên nóng nảy. Đánh phải có suy nghĩ hẳn hoi. Nóng nảy thì được gì? Mày đang còn trẻ, phải biết tự kiềm chế. Một lần không xong, năm lần không đạt, bảy lần không được, thì nhổ một bãi nước bọt vào đấy, đừng chơi nữa. Khi nào thấy nguôi nguôi thì lại chơi! Thế mới thật là biết chơi!

Càng ngày tôi càng thích và cũng càng ghét anh. Đôi lúc những câu chuyện anh kể làm tôi nhớ đến bà ngoại. Con người anh có nhiều cái lôi cuốn tôi, nhưng tính quá thờ ơ của anh có lẽ đã trở thành bản chất, khiến tôi rất ghét anh.

Một hôm, vào lúc mặt trời sắp lặn, có một hành khách hạng nhì say rượu ngã xuống sông. Đó là một thương gia đầy đà người vùng Perm. Ông ta vừa vùng vẫy, vừa trôi trên dòng nước vàng óng pha sắc đỏ. Người ta vội hãm máy. Con tàu tuôn bọt từ dưới những bánh xe và dừng lại. Những tia sáng đỏ chói của chiều tà nhuộm đám bọt thành màu máu. Xa xa, phía sau

đuôi tàu, một thân hình đen đen chơi vơi trong đám máu đang sôi sục. Trên mặt sông, tiếng kêu thất thanh vang lên làm nôn nao cả người. Hành khách la ó, tím tím, chen lấn nhau trên boong, tụ lại ở đuôi tàu. Ông bạn đồng hành của người chết đuối có bộ tóc hung hung, trán hói, cũng say rượu. Ông ta nắm tay đám lung tung để len tới boong và rên rĩ:

- Cút đi! Tôi sẽ cứu...

Đã có hai thủy thủ nhảy xuống nước, bơi sải tới phía người bị ngã tàu. Xuông được thả từ đuôi tàu, nhưng giữa những tiếng thủy thủ la ó, phụ nữ kêu thét, giọng khàn khàn của anh Yaakov tuôn ra như một dòng suối yên tĩnh và đều đều:

- Ông ta chết đuối mất thôi, không thoát được đâu. Vì ông ta mặc áo khoác ngoài! Quần áo lụng thụng là thế nào cũng chìm. Xem đàn bà đấy, tại sao họ lại chóng chìm hơn đàn ông? Là vì họ mặc váy! Đàn bà mà đã rơi xuống nước thì cứ gọi là chìm xuống tận đáy như quả tạ^[104] vậy! Đấy, các người cứ nhìn xem, lão ta chìm nghiêm rồi đấy, tớ nói có sai đâu...

Người lái buôn chết đuối thật. Người ta lòng vớt ông ta suốt hai tiếng đồng hồ nhưng không thấy. Người bạn của ông ta sau khi tỉnh rượu cứ ngồi ở đuôi tàu thở hổn hển và làm bầm rầu rĩ:

- Hừ! Cơ sự thế đấy! Bây giờ tôi biết làm thế nào? Biết nói năng ra sao với gia đình bác ta? Gia đình bác ấy...

Anh Yaakov đến đứng trước mặt ông ta, tay chấp sau lưng, tìm cách an ủi:

- Không việc gì đâu, bác lái ạ! Có ai biết được số mình phải chết ở chỗ nào. Có người chỉ vì ăn nấm và lặn đùng ra chết thì sao? Hàng ngàn người ăn nấm không việc gì, còn anh ta ăn vào thì ngoẻo! Đấy là tôi chỉ nói về nấm thôi!

Người to lớn, lực lưỡng, anh đứng trước mặt người lái buôn, tuôn ra hàng tràng lí lẽ như cối xay tuôn trấu. Thoạt đầu ông khách vừa lặng lẽ khóc vừa lấy lòng bàn tay to lớn quạt nước mắt, nhưng sau khi nghe lọt những câu nói của anh Yaakov, ông rít lên:

- Đồ quý! Tại sao mày còn đến đây hành hạ tao nữa? Các ông bà ơi, lôi nó đi chỗ khác, không có tôi giết chết nó bây giờ đây!

Anh Yaakov bình tĩnh rút lui:

- Con người thật là lạ! Mình muốn điều hay cho họ thể mà người ta lại định gây sự cả với mình...

Có lúc tôi có cảm giác anh Yaakov là một người ngốc nghếch. Nhưng nhiều khi tôi lại cho rằng anh cố ý làm ra vẻ ngu ngốc. Tôi háo hức muốn hỏi anh cho kì hết: Anh đã lang thang trên trái đất này như thế nào, đã thấy những gì? Nhưng ít khi tôi đạt được mục đích. Đầu ngẩng lên, đôi mắt gấu đen thẫm lim dim, anh lấy tay vuốt khuôn mặt lông lá, vừa hồi tưởng vừa nói chậm rãi:

- Ở chỗ nào người cũng đông như kiến ấy, chú em ạ. Chỗ này người, chỗ kia cũng người! Đông nhất tất nhiên là nông dân, có thể nói là trên mặt đất này bản nông đông như lá thu rụng vậy. Người Bulgaria ấy à? Tớ đã thấy họ rồi, cả người Hi Lạp nữa. Tớ còn thấy cả người Serbia, người Romania và đủ thứ dân du mục, nhiều lắm, đủ hạng người. Họ thế nào ấy à? Còn thế nào nữa? Ở thành phố thì là dân thành thị, còn ở thôn quê thì là dân quê, cũng hết như chúng ta vậy. Nhiều cái giống nhau lắm, có cả những người cũng nói tiếng Nga, nhưng họ bảo tôi họ là người Tarta hay người Moldova ấy. Người Hi Lạp thì không nói được tiếng Nga. Họ nói liền thoảng lấp bắp, nghe như có câu cú hẫ hoi, mà chẳng hiểu đầu vào với đầu cả. Với bọn họ thì chỉ

có xòe tay ra hiệu mà thôi. Còn ông già của tớ thì hay ra vẻ ta đây biết nói tiếng Hi Lạp. Ông cụ cứ lúng ba lúng búng những “karamara” với “kalimera”. Ông cụ láu cá lắm. Ông ta xoay xở chúng nó ra trò!... Mà lại hỏi “chúng nó” là ai à? Thằng nỡm, còn ai vào đây nữa? Tất nhiên là bọn da đen, cả người Romania cũng đen. Họ cùng thờ một Chúa. Người Bulgaria cũng đen, nhưng họ theo đạo của chúng ta. Còn người Hi Lạp thì cũng tựa như dân Thổ Nhĩ Kỳ...

Tôi có cảm giác anh chưa nói hết những điều anh biết. Còn điều gì đây nữa mà anh không muốn nói ra.

Xem các tranh trên tạp chí, tôi biết rằng thủ đô Athens của Hi Lạp là một thành phố cổ kính và rất đẹp, nhưng anh Yaakov lắc đầu một cách nghi ngờ, phủ nhận Athens.

- Họ nói láo với chú em đây. Chẳng có Athens nào cả, chỉ có Athos thôi. Nhưng Athos không phải là thành phố mà là một ngọn núi, trên đó có tu viện^[105]. Ngoài ra chẳng còn gì hết. Núi ấy gọi là núi thánh Athos, có những bức tranh như vậy. Ông già cũng đã từng buôn bán các tranh ấy. Còn có thành phố Belgorod trên sông Danube, cũng như Yaroslavl hay Nizhny của ta vậy. Thành phố của họ trông xấu xí, nhưng làng quê thì đẹp. Đàn bà cũng như vậy thôi. Chà, đàn bà của họ cũng dễ làm say đắm lòng người lắm! Tớ suýt nữa thì ở lại hẳn đây với một cô ả... Không nhớ tên là gì nhỉ?

Anh lấy tay vuốt mạnh khuôn mặt đờ đẫn. Mớ râu cứng khê lạo xạo. Từ trong cuống họng anh vẳng lên một tiếng cười giống như tiếng trống cơm vỡ.

- Con người ta cũng hay quên thật! Thế mà hai đứa đã có lúc... Khi chia tay cô ả khóc ghê quá, cả tớ cũng khóc, thật đấy.

Trắng trợn một cách thản nhiên, anh bắt đầu dạy tôi cách đối xử với phụ nữ.

Chúng tôi ngồi ở phía đuôi tàu. Trời đêm âm áp, mặt trăng như trôi về phía chúng tôi. Bờ cỏ thấp thoáng nhô lên trên làn nước bạc. Những đóm lửa vàng nhấp nháy trên phía bờ dốc như những ngôi sao bị trái đất giam cầm. Vạn vật đều di chuyển, như thao thức thì thầm, như sống một cuộc đời trầm lặng nhưng rất thật. Trong bầu không khí tĩnh mịch buồn buồn và dịu dàng đó, lọt thỏm mấy tiếng khàn khàn.

- Đôi khi cô ta duỗi tay, dang chân...

Những câu chuyện của anh Yaakov thường trắng trợn nhưng không chối tai; trong đó không có vẻ gì khoe khoang tàn nhẫn, chỉ đượm nét chất phác pha chút buồn bã. Mặt trăng trên bầu trời trần trụi một cách trơ trẽn nhưng cũng khiến tôi xúc động, buồn vô duyên cớ. Trong tâm trí, tôi nhớ lại những điều tốt lành, tươi đẹp nhất trong đời. Tôi nhớ đến Nữ hoàng Margot, đến những câu thơ không thể nào quên vì chân lí đúng đắn của chúng:

Chỉ bài ca mới cần vẻ đẹp,

Còn vẻ đẹp đâu cần đến bài ca...

Xua đuổi cơn mơ mộng đó như xua đuổi một giấc ngủ chập chờn, tôi tiếp tục gắng hỏi anh thợ đốt lò về cuộc đời của anh và những điều anh đã thấy.

- Chú mày thật là kì khôi. – Anh nói. – Chú muốn tớ kể gì với chú? Tớ đã thấy đủ mọi thứ trên đời này rồi. Tu viện đã thấy chưa? Thấy rồi! Quán ăn thấy chưa? Cũng thấy rồi! Tớ thấy cả cuộc sống của quý tộc lẫn cuộc sống của bần nông. Tớ đã từng lúc no lúc đói...

Anh hồi tưởng lại chuyện cũ, thong thả như đi trên một chiếc cầu tròn trành, nguy hiểm bắc ngang dòng suối sâu.

- À, thí dụ chuyện này nhé. Một lần vì ăn trộm ngựa, tớ bị giải đến đồn cảnh sát. Tớ nghĩ bụng: “Thôi chuyện này phải đi Siberia mất rồi!” Nhưng lão đồn trưởng lúc ấy đang gất ầm ĩ vì cái lò sưởi tỏa khói um khắp căn nhà mới của lão. Tớ bèn nói: “Thưa ngài, việc này tôi có thể sửa chữa được.” Lão ta quát tớ: “Câm mồm! Ngay đến thợ lành nghề nhất cũng còn chịu bó tay nữa là mày...” Tớ bảo lão: “Thưa ngài, cũng có lúc anh chặn cừu còn khôn hơn ông đại tướng cơ đấy.” Kể tớ lúc bấy giờ cũng táo gan thật; đằng nào thì cũng bị đày đi Siberia rồi! Lão ta bảo tớ: “Thôi mày cứ làm đi. Nhưng coi chừng đấy, nếu tòi hơn trước thì tao sẽ băm vụn xương mày ra.” Trong hai ngày, tớ sửa xong cái lò sưởi. Lão đồn trưởng ngạc nhiên thốt lên: “Chà, đồ ngu, đồ xuẩn thật! Mày là một tay thợ lò giỏi, sao mày lại đi làm cái chuyện ăn trộm ngựa như vậy, hả?” Tớ bèn nói: “Thưa ngài, đấy chỉ là do sự ngu xuẩn mà thôi.” “Đúng!” Lão nói. “Đó là do sự ngu xuẩn đấy thôi. Đáng thương cho mày thật.” Đấy, lão nói rằng lão thương tớ, chú mày thấy đấy chứ? Một lão cảm, vì chức vụ, không biết thương ai bao giờ, ấy thế mà lão ấy thương tớ...

- Rồi sao nữa? – Tôi hỏi.

- Chẳng sao cả. Lão ấy thương tớ chứ còn gì nữa!

- Thương anh làm gì cơ chứ. Anh như hòn đá ấy!

Anh Yaakov cười hiền hậu:

- Thằng bé mới lạ chứ! Chú nói hòn đá à? Vậy thì chú hãy biết thương hòn đá đi, hòn đá cũng có ích của hòn đá, có đá mới lát được đường phố đấy. Bất cứ vật liệu nào mình cũng phải biết

thương tiếc chúng, chẳng có cái gì vô ích đâu. Cát là gì? Ấy thế mà cỏ vẫn mọc trên cát đấy!

Khi anh Yaakov nói những câu như vậy, tôi càng thấy rõ ràng rằng anh biết nhiều điều mà tôi chưa thể hiểu.

- Anh thấy bác đầu bếp thế nào? – Tôi hỏi anh.

- Lão “Gấu con” ấy à? – Anh Yaakov thản nhiên. – Thấy lão ta thế nào ư? Chẳng có cái quái gì mà phải nghĩ với ngợi về lão ấy cả.

Đúng, Ivan Ivanovich quá đứng đắn, quá phảng lảng, không hề làm cho người khác phải nghĩ ngợi về mình. Chỉ có điều bác không thích anh thợ đốt lò, luôn luôn mắng chửi anh, nhưng cũng lại luôn luôn mời anh uống trà.

Một lần bác bảo anh Yaakov:

- Đồ khốn kiếp, nếu như còn chế độ nông nô mà tao lại là chủ của mày thì mỗi tuần tao phải dằn mày ít nhất bảy lần.

Anh Yaakov nhận xét một cách thành thật:

- Bảy lần thì hơi nhiều một chút đấy!

Tuy mắng chửi anh Yaakov, không hiểu sao bác đầu bếp vẫn cứ cho anh ăn đủ thứ. Bác giúi cho anh một mẩu bánh rồi bảo:

- Tọng đi!

Anh Yaakov nhai thông thả:

- Ivan Ivanovich ạ, nhờ đặng ấy mà tớ mới lấy lại sức được đấy.

- Mày cần sức lực làm gì hở đồ lười kia?

- Làm gì à? Để sống cho lâu chứ sao!

- Mà y sống để làm gì, đồ quý?

- Quý cũng thích sống chứ. Hay là đằng ấy cho rằng sống chẳng vui sướng quái gì? Ivan Ivanovich ạ, cuộc sống thú vị lắm...

- Thật là đồ *nghếch*!

- Cái gì?

- Đồ *nghếch*!

- Chử với nghĩa. – Anh Yaakov ngăn người.

Bác “Gấu con” bảo tôi:

- Đây, mà y thấy không: Chúng mình thì đổ mồ hôi, sôi nước mắt bên cái bếp nóng như địa ngục này, ấy thế mà nó, xem đây, vẫn cứ tọng nhét mãi y như một con lợn thiến vậy!

- Mỗi người một số phận. – Anh thợ đốt lò vừa nhai vừa nói.

Tôi biết làm việc bên lò đốt vất vả và nóng nực hơn ở bếp nhiều, nhiều đêm tôi thử đốt lò cùng anh Yaakov nên tôi lấy làm lạ là tại sao anh không muốn nói cho bác đầu bếp biết những nỗi cực nhọc trong công việc của mình. Con người ấy còn biết đến một điều gì đấy khác thường nữa...

Thuyền trưởng, thợ máy, đội trưởng và mọi người đều chử mắng anh, nhưng lạ là người ta không đỏi anh. Các thợ đốt lò đỏi xử với anh rõ ràng là tốt hơn đỏi với những người khác, mặc dù họ cũng chế giễu anh vì tội hay ba hoa và tội đánh bạc. Tôi hỏi họ:

- Anh Yaakov có tốt không?

- Yaakov ấy à? Tốt chứ! Hẳn ta không hay tự ái. Muốn làm gì hẳn thì làm, có gắp than nóng bỏ vào áo hẳn cũng vậy...

Mặc dầu phải làm việc vất vả bên nồi hơi và ăn khỏe như voi^[106], anh Yaakov ngủ rất ít. Nhiều khi, hết ca làm, anh chẳng thay quần áo, cứ để người đầm đìa mồ hôi và bắn thủ như vậy mà ngồi lì suốt đêm ở đuôi tàu nói chuyện với hành khách hoặc đánh bạc.

Anh đứng trước mặt tôi, y như một cái hòm khóa kín. Tôi cảm thấy trong hòm có chứa điều gì cần thiết cho tôi, tôi cứ muốn tìm được chìa khóa để mở nó ra.

- Này chú em, tớ chẳng hiểu là chú muốn gì nữa? – Anh vừa hỏi vừa nhìn tôi bằng cặp mắt khuất sau đám lông mày. – Ừ thì tớ đã đi đây đi đó nhiều nơi trên trái đất chứ sao? Thằng bé mới lạ chứ! Thôi, hãy nghe tớ kể cho một câu chuyện đã xảy ra với tớ nhé.

Và anh bắt đầu kể. Hồi ấy, ở một tỉnh lỵ có ông thẩm phán trẻ tuổi. Ông ta bị lao phổi. Còn vợ ông là người Đức thì lại khỏe mạnh, chưa con cái gì. Chị ta phải lòng một thương gia đã có người vợ đẹp và ba đứa con. Tay này biết chị người Đức kia yêu mình, muốn đùa chơi để chế giễu chị này. Hắn ta hẹn chị đến vườn nhà vào ban tối, rồi lại rủ hai người bạn đến nấp sau bụi cây.

Thật là thú vị! Thế là chị người Đức đến đấy. Hắn ta bảo chị: “Thưa cô, tôi không thể nào yêu cô được. Tôi đã có vợ rồi. Nhưng tôi đã dự trữ cho cô hai người bạn, một người góa vợ và một người chưa vợ con gì cả.” Chị người Đức kêu lên một tiếng và tát cho hắn một cái vào mặt. Hắn ngã lộn nhào qua chiếc ghế dài.

Còn chị ta thì cứ quật giày vào mồm hắn tới tấp. Chính tớ dẫn chị ta đến, vì tớ làm vườn cho tay thương gia ấy mà. Tớ nhìn qua khe rào, thấy cứ tíu mù tíu cả lên^[107]. Hai người bạn

vội chạy tới túm tóc chị ta.

Tớ bèn nhảy qua hàng rào vào và đẩy họ ra: “Các ông ơi, không nên như vậy.” Chị ta thật tâm đến với hắn, thế mà hắn nữ bày trò làm nhục chị. Tớ dẫn chị đi khỏi nơi đó. Bọn họ còn lấy gạch ném tớ sưng cả đầu... Chị ta buồn rầu quá, cứ đi đi lại lại trong sân như người mất hồn và bảo tớ: “Anh Yaakov, tôi sẽ về Đức thôi, khi nào chồng tôi chết, tôi sẽ đi khỏi đây!” Tớ bảo: “Tất nhiên rồi, phải đi thôi.” Ông thẩm phán chết, chị ta cũng đi biệt. Thật là một người đàn bà dịu dàng, khôn ngoan. Và ông thẩm phán cũng thật là một người hiền lành, cầu Chúa thương xót đến ông ta...

Tôi im lặng, thắc mắc không hiểu được ý nghĩa của câu chuyện. Tôi cảm thấy trong đó có điều gì quen thuộc, tàn nhẫn, vô nghĩa, nhưng chẳng biết nói như thế nào.

- Chuyện có hay không? – Anh Yaakov hỏi.

Tôi nói lung tung một thôi và chửi rửa phần nộ, anh bình tĩnh giải thích:

- Người ta sống no đủ rồi, cái gì cũng thích, có lúc muốn đùa chơi một chút, nhưng không thành vì họ không biết cách. Dân buôn tất nhiên là loại người thực tế. Việc buôn bán đòi hỏi phải dùng đến mưu mẹo nhiều, sống mãi với tính toán cũng buồn, thế là họ muốn chơi đùa chút chút mà!

Dòng sông sỏi bọt trôi nhanh sau đuôi tàu. Nghe thấy rõ tiếng nước chảy sôi sục. Bờ sông đen ngòm chậm chạp chạy theo dòng nước. Hành khách ngáy ngủ trên boong. Một người đàn bà cao gầy mặc áo dài đen, đầu trần, tóc bạc, lò dò lần bước giữa đám người đang thiu thiu ngủ trên những hàng ghế dài, đi về phía chúng tôi...

Anh thợ đốt lò hích vai tôi, khẽ nói:

- Nhìn kìa, đang buồn đấy...

Tôi có cảm giác như anh ta thấy thú vị trước nỗi buồn của kẻ khác.

Anh kể rất nhiều chuyện. Tôi say sưa lắng nghe, nhớ hết mọi chuyện anh kể, nhưng không nhớ có chuyện nào vui. Anh kể với giọng bình thản hơn cả sách. Trong sách, tôi thường thấy được tình cảm của nhà văn, thấy được sự giận dữ, niềm vui sướng, nỗi lo âu, vẻ giấu cợt của tác giả. Còn anh thợ đốt lò thì không cười, không phê phán; hình như chẳng có gì khiến anh tức giận và cũng không có gì làm anh vui sướng rõ rệt. Anh nói như một người làm chứng bằg quan trước quan tòa, như một người hờ hững với cả bên nguyên, bên bị lẫb quan tòa. Sự bằg quan đó càng ngày càng gây thêm trong lòng tôi nỗi bực tức, khiến tôi thấy ghét anh Yaakov.

Cuộc sống sôi sục trước mặt anh như ngọn lửa trong lò, phía dưới nồi hơi. Anh đứng trước lò, bàn tay sần sùi cầm cái búa gỗ khẽ gõ vào van vòi hơi để điều hòa sức đốt.

- Họ có làm anh bực mình không?

- Ai dám làm tớ bực? Tớ khỏe như thế này, chỉ quại cho một cái...

- Em không nói đến chuyện đánh đấm, mà muốn nói về tâm hồn anh. Họ có làm cho tâm hồn anh bực tức không?

- Không thể nào làm bực tức tâm hồn. Những chuyện bên ngoài không sao chạm được đến tâm hồn. Không có gì có thể chạm tới tâm hồn con người cả.

Hành khách trên boong, thủy thủ và mọi người thường hay

nói đến chữ “tâm hồn” như nói đến đất đai, lúa gạo, công việc, phụ nữ... Đó là chữ đầu lưỡi trong những câu chuyện, thông dụng như đồng năm kopek. Tôi không muốn nghe chữ ấy trên đầu lưỡi cay độc của mọi người. Khi những bản nông mang chữ “tâm hồn” ra để chửi rửa nhau, dù là đùa vui hay ác ý, tôi thấy tim mình như thắt lại.

Tôi còn nhớ rất kĩ bà tôi đã nói về tâm hồn một cách trân trọng biết nhường nào. Đó là đài hoa thần bí của tình yêu, của sắc đẹp, của niềm vui. Tôi tin rằng sau khi những con người lương thiện chết đi, các thiên thần cánh trắng sẽ mang tâm hồn họ lên tận trời xanh, tới chỗ vị Chúa hiền từ của bà. Chúa âu yếm đón những tâm hồn đó và nói:

- Thế nào, tâm hồn yêu quý, trong sạch của ta, chắc con đã đau khổ nhiều và mệt mỏi lắm phải không?

Và Người ban cho tâm hồn sáu cánh trắng của thiên sứ.

Anh Yaakov Shumov cũng ít nói về tâm hồn và nói với một vẻ thận trọng, miễn cưỡng giống như bà. Khi chửi, anh không dả động đến tâm hồn. Còn khi những người khác tranh cãi nhau về tâm hồn thì anh cúi cái cổ bò đở tía xuống và im lặng. Khi tôi hỏi anh tâm hồn là gì, anh trả lời:

- Là linh hồn, là hơi thở của Chúa...

Tôi chưa thỏa mãn và gặng hỏi thêm. Anh cúi đầu xuống bảo tôi:

- Về chuyện linh hồn thì ngay đến các cha cố cũng chẳng hiểu thêm được là mấy đâu, chú em ạ. Đó là một vấn đề bí ẩn...

Anh khiến tôi phải luôn nghĩ đến anh, phải gắng sức một cách rất căng thẳng để hiểu anh. Nhưng sự gắng sức của tôi vô hiệu quả. Ngoài anh ra, tôi chẳng thấy gì cả. Với thân hình to

lớn, anh đã che lấp mất tất cả.

Mụ vợ người chủ tiệm đối xử với tôi có vẻ dịu dàng rất khả nghi. Sáng sáng tôi phải bưng nước cho mụ rửa mặt, mặc dù đó là nhiệm vụ của cô hầu gái thứ hai Lusha – một cô gái sạch sẽ và tươi tắn. Đứng trong buồng tàu chật hẹp, bên cạnh mụ chủ tiệm cởi trần đến tận thắt lưng, trông thấy tấm thân vàng ệch nhẵn nheo như bột chua của mụ, tôi nhớ đến thân hình chắc mịn với nước da ngăm ngăm của Nữ hoàng Margot, thấy khó chịu vô cùng. Mụ chủ tiệm vẫn huyền thuyên, lúc thì than vãn cần nhân, lúc thì giận dữ mĩa mai.

Ý nghĩa mấy lời mụ nói không lọt vào tiềm thức của tôi, mặc dầu tôi cũng đoán mang máng. Đó là những ý nghĩa đáng thương, thấp hèn, đáng xấu hổ. Nhưng tôi không thấy tức giận, vì tôi xa lạ với người đàn bà ấy và với tất cả những gì xảy ra trên tàu. Tôi như núp sau một tảng đá lớn phủ đầy rêu. Nó ngăn cách tôi với cái thế giới kia, cái thế giới lênh đênh suốt ngày đêm đến chốn nào không rõ.

- Gavrilovna của chúng tôi đã phải lòng anh rồi đấy. Há miệng ra mà đón hạnh phúc đi. – Câu nói giấu cọt của cô Lusha thoáng đến tai tôi như trong một giấc mơ.

Không riêng mình cô ta nhạo báng tôi. Tất cả đám người hầu trong tiệm đều biết rõ nhược điểm của bà chủ.

Bác đầu bếp nhăn mặt:

- Mụ ta cái gì cũng đã nếm rồi, bây giờ lại muốn ăn quả đầu mùa đấy! Thật là đồ... cần thận, Peskov ạ!

Cả anh Yaakov cũng khuyên tôi như cha răn con:

- Tất nhiên nếu mày lớn thêm chừng hai tuổi nữa thì tao sẽ khuyên mày nên thế nào, nhưng bây giờ, vào tuổi mày, tốt hơn

hết là đừng có dây vào! Còn thì tùy mày thôi...

- Anh đừng nói đến những trò đê mạt đó.

- Tất nhiên rồi...

Nhưng ngay sau đó, anh lại đưa mấy ngón tay lên xoa bù đám tóc rối trên đầu rồi tuôn ra mấy lời thao thao bất tuyệt:

- Nhưng cũng phải hiểu cho mẹ ta mới được. Nhu cầu không thỏa mãn, tuổi già lại đến nơi... Ngay đến chó còn thích được vuốt ve nữa là con người! Đàn bà sống bằng mơn trớn cũng như cây nấm sống nhờ sự ẩm ướt vậy. Chính bản thân mẹ ta cũng ngượng chứ, nhưng biết làm thế nào? Xác thịt đòi hỏi phải được mơn trớn, chỉ có thế mà thôi...

Tôi cố nhìn thẳng vào cặp mắt khó hiểu của anh:

- Anh có thương hại bà ta không?

- Tớ ấy à? Mẹ ta là mẹ tớ hay sao? Đến mẹ người ta còn không thương nữa là... Còn mày thì thật là kì quặc!

Anh cười hềnh hếch như tiếng trống cơm vỡ.

Đôi lúc tôi nhìn anh và có cảm giác như mình rơi vào một khoảng không trống rỗng im lìm, lọt xuống một cái hố không đáy, đen tối.

- Anh Yaakov này, anh xem, ai cũng có vợ cả, tại sao anh không lấy vợ đi?

- Để làm gì? Đàn bà thì lúc nào tớ cũng có thể kiếm được, điều đó, ơn Chúa, cũng dễ dàng thôi... Có vợ rồi thì phải sống yên một nơi mà làm ruộng, mà tớ thì chỉ có tí ruộng đất, ruộng xấu nhưng cũng bị ông chú chiếm mất. Thằng em tớ mãn hạn lính trở về, cãi nhau với ông chú, kiện cáo rồi lấy cọc nện vào đầu ông ta một cái. Máu phụt ra. Thế là nó ngồi tù mất năm

rười. Ra tù thì chỉ có một con đường là lại vào tù. Còn vợ nó là một người đàn bà trẻ, trông cũng hay hay... Chà, nhưng kể đến làm gì mới được chứ! Lấy vợ có nghĩa là phải ngồi quanh quẩn bên chiếc cũi chó, làm một ông chủ gia đình, nhưng lính tráng thì đâu có làm chủ được cuộc đời mình.

- Anh có cầu nguyện không đấy?

- Thằng mới kì chứ! Tất nhiên là tớ có cầu nguyện...

- Cầu như thế nào?

- Đủ mọi thứ.

- Anh đọc kinh gì?

- Tớ không thuộc kinh. Tớ chỉ nói: “Lạy Chúa Jesus, xin Chúa hãy ban phước cho con lúc con sống, và cho con được thanh thản lúc nào con chết... Xin Chúa hãy cứu con khỏi ốm đau...” Đây, tớ còn nói thêm ít câu nữa...

- Cầu như thế nào?

- Còn thế nào nữa? Nói gì thì Chúa cũng đều nghe được hết!

Anh đối xử với tôi dịu dàng và với vẻ hiêu kì như đối với một con chó con khôn ngoan biết làm những trò ngộ nghĩnh. Có lần tôi ngồi với anh ban đêm; người anh lúc nào cũng có mùi dầu hỏa, mùi khói và mùi hành – anh thích ăn hành sống như ăn táo, bỗng anh đề nghị:

- Nào, Alyosha, đọc thơ đi chứ!

Tôi thuộc lòng nhiều bài thơ, ngoài ra tôi còn có một quyển vở dày trong đó ghi những bài tôi thích. Tôi đọc *Ruslan* cho anh nghe. Anh ngồi ngây người ra nghe như một người mù và câm, không thở khò khè nữa, rồi anh nói nho nhỏ:

- Câu chuyện cũng mạch lạc và hay hay đấy chứ! Mà nghĩ ra đấy ư? Puskin à? Có một người tên là Mukhin Puskin, tớ đã thấy ông ta...

- Không phải đâu, ông này bị người ta giết từ lâu rồi!

- Vì sao thế?

Tôi kể vắn tắt cho anh nghe như Nữ hoàng Margot đã kể với tôi. Anh Yaakov nghe xong, thản nhiên nói:

- Bao nhiêu người khốn khổ vì đàn bà...

Tôi thường kể cho anh những câu chuyện đã đọc trước kia. Những câu chuyện ấy lẫn lộn với nhau, quyện trong đầu óc tôi thành một chuyện dài dằng dặc về cuộc sống đẹp đẽ, sôi nổi, hừng hực nhiệt tình nồng cháy, đầy rẫy chiến công điên cuồng, những gương cao thượng sáng ngời, những may mắn kì diệu, những cuộc đọ súng và cái chết, những lời nói cao thượng cùng hành vi bỉ ổi. Tôi cho Rokambol có những nét hào hiệp của Lya Molya, Annibal và Golonna; Louis XI có tính tình như cụ Grandet; còn chuẩn úy Otletaev thì giống như Henry IV^[108]. Hứng lên, tôi thay đổi tính tình nhân vật, xáo trộn các sự kiện, câu chuyện mới đối với tôi là một thế giới mà tôi được tự do, giống như vị Chúa của ông tôi, sắp đặt mọi người tùy theo ý muốn. Mớ sách vở hỗn độn không ngăn cản tôi trông thấy những điều hiển nhiên trong thực tế, cũng không làm nguội lạnh ý muốn tìm hiểu những con người thực; nó bao trùm lấy tôi như một làn mây trong suốt nhưng không thể xuyên qua, không để cho những nhớ bản truyền nhiễm, những nọc độc của cuộc sống lọt vào.

Sách vở giúp tôi vững vàng: Biết con người yêu thế nào và đau khổ ra sao, tôi không thể nào lui tới nhà thổ; cái kiểu ăn

chơi dung tục và thấp hèn khiến tôi ghê tởm và thương hại kẻ nào thỏa mãn với nó. Rokambol dạy tôi kiên cường, không để cho hoàn cảnh khuất phục, các nhân vật của Dumas trau dồi trong tôi ý nguyện đem hết sức mình phụng sự một sự nghiệp lớn lao cao cả. Nhân vật mà tôi thích nhất là vua Henry IV vui vẻ. Tôi nghĩ rằng bài hát nổi tiếng của Beranger chính là nói đến vua Henry IV:

*Vua ban cho dân cày nhiều quyền lợi,
Còn riêng vua vui thú rượu vơi đầy;
Có gì đâu, nếu toàn dân hạnh phúc,
Thì việc gì vua chẳng uống cho say?*^[109]

Các cuốn tiểu thuyết thường mô tả Henry IV là người nhân hậu, gần gũi với nhân dân Pháp. Trong sáng như thái dương, nhà vua khiến tôi tin tưởng rằng nước Pháp là đất nước tuyệt mỹ nhất trái đất, là quê hương của các hiệp sĩ, dù khoác áo vua hay mặc quần áo nông dân cũng đều cao thượng như nhau: Ange Pitou cũng là một hiệp sĩ khác nào D'Artagnan^[110]. Khi vua Henry IV bị giết, tôi buồn ứa nước mắt và căm thù nguyên rủa Ravailiac^[111]. Vua Henry hầu như cũng luôn là nhân vật chính trong các chuyện tôi kể cho anh thợ dệt lò, và tôi nhận thấy anh Yaakov cũng thích nước Pháp và vua Henry. Anh nói:

- Vua Henry là một người tốt đấy chứ! Với ông ta thì có muốn đi bắt cá chép hay làm gì cũng được.

Anh không biểu lộ tình cảm một cách khoa trương, không ngắt mạch kể chuyện của tôi bằng các câu hỏi. Anh im lặng ngồi nghe, lông mày nhíu lại, khuôn mặt bất động tựa một hòn đá lâu đời bị mốc bao phủ. Nhưng nếu vì lí do gì mà tôi ngừng kể, anh lập tức hỏi ngay:

- Hết rồi à?

- Chưa.

- Thế thì đừng có ngừng làm gì! – Anh thử dài nói về người Pháp. – Họ sống thoải mái thật...

- Anh bảo cái gì?

- Đấy, tớ với chú thì sống và làm việc quần quật như thiêu thân, còn họ thì sống thoải mái quá. Họ có công việc gì làm đâu, chỉ uống rượu và rong chơi, sống như vậy cũng hay hay đấy!

- Họ cũng làm việc chứ!

- Trong những chuyện chú kể, tớ có thấy điều đó đâu.

Anh thợ đốt lò nhận xét, và tôi bỗng cũng thấy rõ ràng: Đại đa số sách tôi đã đọc hoàn toàn không nhắc đến chuyện những nhân vật cao thượng đã sống bằng gì và làm việc như thế nào.

- Thôi, tớ ngủ một chút đã. – Anh Yaakov nói và nằm lăn ngay tại chỗ vừa ngồi.

Chỉ một lúc, anh đã thử phì phò đều đặn.

Mùa thu, khi bờ sông Kama ngả màu đỏ hoe, cây cối óng vàng và những tia nắng xiên nhợt nhạt, anh Yaakov bỗng đột ngột rời tàu. Mới hôm trước anh còn bảo tôi:

- Alyosha, ngày kia chúng ta sẽ tới Perm, ta sẽ đi làm cho tâm hồn được sáng khoái, rồi sau đó thắng bộ, tới quán ăn nghe nhạc, cũng hay hay đấy chứ! Tớ thích nghe máy hát lắm.

Nhưng tới Sarapul thì có một hành khách lên tàu. Ông ta người to béo, mặt nhăn nheo và không có râu ria. Chiếc áo dạ dài ấm với cái mũ có tai bằng lông cáo càng khiến ông giống đàn bà. Ông lập tức chiếm ngay lấy chiếc bàn con gần bếp – là chỗ

ấm hơn cả, gọi trà và bắt đầu uống nước nóng, mặc cho mồ hôi ra nhễ nhại, không chịu cởi áo và bỏ mũ.

Mây thu không ngớt gieo xuống những hạt mưa nhỏ. Hình như cứ mỗi lần người hành khách đó lấy cái khăn tay kẻ ô ra lau mồ hôi trên mặt thì mưa rơi nhẹ, lúc nào ông ta ra nhiều mồ hôi thì mưa càng nặng hạt.

Chẳng bao lâu, anh Yaakov đã quần quanh bên ông ta. Họ bắt đầu cùng nhau xem bản đồ. Người khách lấy tay chỉ lên bản đồ, còn anh thợ đót lò thì bình thản nói:

- Cũng được! Chẳng sao. Tớ cóc cần...

- Tốt lắm. – Người khách nói với giọng nhỏ nhẹ, sau khi đã nhét quyển lịch vào cái túi da hé mở phía dưới chân.

Họ bắt đầu uống trà và nói chuyện thì thầm.

Trước khi anh Yaakov làm việc, tôi hỏi anh người khách kia là ai. Anh cười tủm tỉm:

- Thấy chưa, hình như dân hoạn đấy, chú em ạ! Ông ta từ Siberia tới, xa lắm! Ông ta cũng ngộ nghĩnh đấy chứ, sống theo kế hoạch hẩn hoi...

Anh bỏ đi, hai gót chân đen sì và rắn chắc như móng ngựa giậm trên boong tàu, nhưng anh lại dừng lại và gãi hông.

- Tớ sẽ đi giúp việc cho ông ta đấy! Khi nào tới Perm, tớ sẽ xuống tàu và vĩnh biệt Alyosha nhé! Tớ sẽ đi tàu hỏa, sau đó sẽ đi đường thủy, rồi lại còn đi ngựa nữa. Phải đi mất đâu những năm tuần cơ đấy. Chà, con người ta chỗ nào mà chả tới được...

- Anh quen ông ta à? – Tôi hỏi và lấy làm ngạc nhiên vì quyết định bất ngờ của anh Yaakov.

- Quen ở đâu? Tớ chưa bao giờ gặp ông ta trước đây và cũng

chưa từng sống ở những nơi ông ta đã sống...

Sáng hôm sau, anh Yaakov mặc áo khoác ngắn đầy dầu mỡ, chân đi giày cũ, đầu đội mũ cối rách long vành của bác “Gấu con”, nắm chặt tay tôi trong những ngón tay cứng như gang của anh mà nói:

- Có đi với tớ không? Nếu nói, ông ta sẽ nhận cả chú nữa đây. Có muốn đi thì tớ sẽ bảo ông ta. Người ta sẽ hoạn cái của thừa của chú và sẽ cho chú tiền. Làm tàn tật con người là cái thú của họ, họ còn thưởng nữa là khác...

Ông khách hoạn đứng bên thành tàu, tay nải trắng cặp nách, nhìn chăm chặp vào anh Yaakov bằng cặp mắt của người chết, người ông phục phịch, trương phình như kẻ chết trôi. Tôi lầm bầm nguyên rủa ông ta. Anh Yaakov siết chặt bàn tay tôi một lần nữa:

- Kệ ông ta, cóc cần! Kẻ nào có Chúa của kẻ ấy, việc quái gì đến ta. Thôi, vĩnh biệt nhé! Tớ mong cho chú được hạnh phúc!

Rồi anh Yaakov Shumov ra đi, chân nam đá chân siêu như một con gấu, để lại trong lòng tôi cảm giác nặng nề, phức tạp. Tôi vừa thương vừa bực anh, lại vừa có vẻ như hơi ganh tị. Tôi lo lắng suy nghĩ: Người ta đi tới những nơi xa lạ để làm gì?

Còn anh Yaakov Shumov thì là người như thế nào nhỉ?

Cuối mùa thu, những chuyến tàu thủy chấm dứt, tôi xin vào học việc trong một xưởng làm tượng thánh^[112]. Nhưng hai ngày sau, bà chủ – một cụ già mềm mỏng và lúc nào cũng ngà ngà say – bảo tôi bằng giọng miền Vladimir:

- Ngày bây giờ ngắn, đêm thì dài. Cho nên buổi sáng cháu sẽ ra cửa hiệu đứng coi hàng, buổi chiều sẽ học việc!

Và bà giao tôi cho một gã quản lí nhỏ bé. Gã này còn trẻ, chân bước thoăn thoắt, bộ mặt bánh trai, ngọt ngào. Sáng sáng, trong bóng mờ mờ lạnh lẽo của ban mai, tôi đi với gã băng qua suốt thành phố, dọc theo phố buôn Ilinka còn mơ màng ngái ngủ về phía chợ Nizhny. Cửa hiệu nằm trên tầng hai tòa nhà buôn. Đó là một căn phòng tối, trước từng là kho. Nó có một cửa ra vào bằng sắt và một cửa sổ nhỏ trông ra sân gác có mái che bằng tôn. Cửa hiệu xếp đầy chật tượng thánh đủ cỡ, những tủ đựng tượng, nhẫn có, chạm trổ có, những sách kinh in bằng chữ Slav cổ bìa da vàng. Bên cạnh cửa hiệu của chúng tôi là một cửa hiệu khác cũng bán tượng thánh và sách. Chủ hiệu ấy là một thương gia râu đen có họ với một nhà thông thái nổi tiếng sống phía bên kia sông Volga. Lão thương gia có một đứa con trai trạc tuổi tôi, khô khảnh và linh lợi, khuôn mặt xám nhỏ choắt như cụ già, mắt luôn nhìn ngược nhìn xuôi như mắt chuột.

Mở xong cửa hiệu, tôi phải chạy đi mua nước sôi ở quán ăn. Uống trà xong, tôi dọn dẹp cửa hàng, lau bụi trên hàng hóa. Sau đó tôi đứng ở sân gác và chú ý theo dõi để khách hàng khỏi vào

cửa hiệu bên cạnh.

- Khách hàng là một lũ ngốc. – Gã quản lí bảo tôi, giọng đầy tin tưởng. – Họ mua ở đâu cũng được, chỉ cốt rẻ thôi, chứ có biết quái gì đến hàng tốt xấu!

Gõ gõ những tượng thánh bằng gỗ, tự hào về tài nghệ của mình, gã dạy tôi:

- Những hàng này đều là hàng rẻ tiền. Loại 12 x 16 phân giá là... loại 24 x 28 phân giá là... Mà bạn hiểu biết các thánh đây chứ? Phải nhớ lấy: thánh Vonifaty chuyên trị bệnh nghiện rượu; thánh Varvara tử vì đạo chữa đau răng và đột tử; thánh Vassili hạnh phúc trị cảm, sốt... Các Đức Mẹ mà bạn cũng biết đây chứ? Nhìn đây này! Đức Mẹ Thương Khó, Đức Bà Ba Ngôi, Đức Mẹ Alaba Báo Mộng, Đức Mẹ Đứng Khóc Con, Hãy An Ủi Con, Đức Mẹ Kazan, Đức Mẹ Pokrov, Đức Mẹ Semistrel'naya...

Tôi thuộc rất chóng giá các tượng thánh, tùy theo cỡ và phẩm chất của chúng, tôi nhớ điểm khác nhau giữa các tượng Đức Mẹ, nhưng khó mà nhớ được tài đức của các vị thánh.

Có khi tôi đang đứng ngoài cửa hiệu, cố suy nghĩ về một điều gì đó thì gã quản lí bỗng thình lình kiểm tra kiến thức của tôi:

- Ai giúp đỡ được những trường hợp khó đẻ?

Nếu tôi làm lẫn, gã hỏi một cách khinh bỉ:

- Thế đầu óc mà bạn để làm gì?

Đối với tôi, việc mời mọc khách lại càng khó khăn. Tôi không thích những tượng thánh vẽ xấu xí đó và phát ngượng vì phải bán những của nợ này. Theo chuyện bà tôi kể, tôi hình dung Đức Mẹ hiền từ, trẻ đẹp. Trên các tranh trong tạp chí, hình của Đức Mẹ cũng y như vậy. Thế mà những bức tượng ở đây lại

trình bày Đức Mẹ già, nghiêm khắc, mũi vừa cong vừa dài và những cánh tay cứng đờ như gỗ.

Phiên chợ thứ Tư và thứ Sáu, hàng bán rất chạy; trên sân gác luôn có những ông bần nông và mấy bà già, đôi khi là toàn thể gia đình. Họ đều là những người dân theo cựu giáo vùng ven sông Volga, những người dân quê mùa ít nói và đa nghi. Có lần tôi gặp một người to lớn nặng nề, quần da cừu và nỉ dày dẹt lầy, đi rón rén trên sân gác như sợ bị ngã xuống dưới. Trước mặt bác ta tôi đâm ra lúng túng, xấu hổ. Thật phải gắng gượng lắm tôi mới dám chặn lối đi của bác, quần quanh bên đôi ủng khổng lồ, vo ve như một con muỗi:

- Thưa ngài, ngài muốn mua gì ạ? Xin mời ngài xem, đây là những sách Thánh thi giáo huấn và diễn giảng, đây là sách của Ephrem Siren, của Kyrill, đây là luật Thánh, sách kinh. Đây là các tượng thánh sơn đậm màu, loại tốt nhất, đủ mọi giá, ngài muốn thứ nào cũng có! Theo ý muốn của khách hàng, chúng tôi nhận đặt vẽ tất cả các thánh và tất cả các Đức Bà Đồng Trinh.

Có lẽ ngài muốn đặt một bức cá nhân, hay một bức gia đình chẳng? Xưởng chúng tôi là xưởng nổi tiếng nhất nước Nga! Cửa hàng của chúng tôi là cửa hàng lớn nhất trong thành phố!

Người khách hàng khó hiểu và kín đáo ấy im lặng hồi lâu; ông ta nhìn tôi như nhìn một con chó, rồi bỗng đưa cánh tay thô kệch gạt tôi sang một bên, đi vào cửa hàng bên cạnh. Còn gã quản lí thì vừa vắn vê đôi tai to vừa giận dữ cầu nhàu:

- Mà y để lọt lưới mắt rồi... Thế mà cũng đòi mời khách...

Từ cửa hiệu bên cạnh vẳng lên một giọng nói mềm mỏng, ngọt ngào, tuôn ra những câu dễ mê hoặc lòng người:

- Anh bạn thân mến ạ, chúng tôi không phải loại buôn da

cừ, buôn giày dép. Chúng tôi bán những lời truyền của Chúa, những thứ mà vàng bạc cũng không thể nào đo được, những vật vô giá...

- Quý quái thật! – Gã quản lí của tôi làm bầm với vẻ ganh tị và khâm phục. – Nó câu bọn bản nông mới giỏi chứ! Mà học lấy! Học lấy!

Tôi học rất tận tình – mọi việc đều cần làm cho ra trò nếu đã bắt tay vào làm. Nhưng kết quả mời chào khách và bán hàng của tôi rất tồi. Những bản nông cau có, lầm lì, những bà già giống như chuột nhắt luôn luôn khúm núm như sợ sệt điều gì làm tôi thấy thương hại, muốn khẽ mách cho họ biết giá thật của các bức tượng thánh mà không lấy một kopek lãi nào. Đối với tôi, tất cả đều có vẻ nghèo đói cùng khổ. Thật lạ khi thấy họ có thể bỏ ra ba rúp rưỡi để mua một quyển Thánh thi – quyển sách được nhiều người mua nhất.

Kiến thức của họ về sách và về giá trị lỗi vẽ tượng thánh làm tôi rất ngạc nhiên. Một lần, một ông già tóc bạc bị tôi lừa vào hiệu đã nhẹ nhàng bảo tôi:

- Chú em ơi, xưởng làm tượng thánh của chú không phải là xưởng giỏi nhất nước Nga đâu. Xưởng nổi tiếng nhất là xưởng của Rogoshin ở Moskva kia.

Tôi ngỡ ngàng quá, rút lui. Còn ông ta tiếp tục thông thả đi, không buồn ghé vào cửa hiệu bên cạnh.

- Chết cứng lưỡi chứ? – Gã quản lí hỏi tôi với vẻ thâm độc.

- Anh có nói cho em biết xưởng của Rogoshin đâu...

Gã chỉ rửa:

- Cái bọn tầm ngấm tầm ngấm ấy la lét mọi nơi, cái gì cũng

biết, quân vô lại, cái gì cũng hiểu, lũ chó già...

Bảnh trai, no đủ và giàu lòng tự ái, gã rất ghét các bản nông. Trong những phút thân mật, gã than phiền với tôi:

- Tao là một người thông minh, ưa sạch sẽ, ưa những thứ thơm tho như hương hoa, hương nước hoa. Thế mà với phẩm chất như vậy tao phải cúi rạp mình xuống đến thắt lưng trước bọn bản nông hôi hám ấy, để chúng cho bà chủ dăm kopek tiền lãi! Tao còn thích thú làm sao được? Bọn bản nông là cái gì? Đó là một lũ lông lá hôi hám, rận chấy đầy người, ấy thế mà...

Gã lặng im một cách cay đắng.

Tôi thích các bản nông. Ở mỗi người tôi đều thấy có vẻ gì bí ẩn, giống như ở anh Yaakov.

Có lần, một người to lớn khoác áo ngắn bước vào hiệu. Bác ta bỏ cái mũ lông xuống, vừa lấy hai ngón tay làm dấu thánh vừa nhìn về phía góc nhà có ngọn đèn thờ leo lét cháy, cố ý không liếc mắt vào những bức tượng thánh khác rồi lặng lẽ đưa mắt nhìn quanh:

- Cho một tập Thánh thi diễn giảng.

Bác hất ống tay áo, đọc rất lâu trang đầu, cặp môi xám nứt nẻ đến rớm máu khế động đậy.

- Không có quyển cổ hơn à?

- Ông cũng biết đấy, sách cổ giá hàng ngàn rúp cơ...

- Chúng tôi biết!

Bác ta thấm nước bọt vào tay, rồi lật trang khác, chỗ bác ta vừa chạm tới hằn lại vết ngón tay đen sì. Gã quản lí lờm ông khách với một vẻ hung dữ:

- Sách thánh nào cũng đều cổ như nhau, Chúa có bao giờ thay đổi lời phán truyền của Người đâu...

- Chúng tôi cũng đã biết, đã nghe nói như vậy rồi! Chúa không thay đổi, nhưng mà Nikon thay đổi^[113].

Rồi ông khách gấp quyển sách lại, lặng lẽ bỏ đi.

Đôi lúc, những con người quê mùa ấy tranh cãi với gã quản lí, và tôi thấy rõ ràng rằng họ giỏi đạo lí hơn gã.

- Thật là giọng lưỡi bọn nhà quê. – Gã quản lí càu nhàu.

Tôi cũng nhận thấy rằng tuy sách mới không được các bản nông thích lắm, họ vẫn kính cẩn nhìn chúng, sờ chúng một cách thận trọng tựa hồ những quyển sách ấy có khả năng bay khỏi tay họ như chim. Tôi rất bằng lòng với sự kính cẩn đó, vì đối với tôi sách là vật kì diệu chứa đựng tâm hồn của người viết. Khi mở sách, ta giải thoát cho tâm hồn ấy và nó bí mật trò chuyện với ta.

Mấy ông bà già thường mang tới hiệu rao bán những bản sách in cổ trước thời Nikon hoặc những bản sao do các bà phước ở Irgiz và Kerjenz chép rất đẹp, bản sao sự tích các thánh chưa bị Dmitry Rostovski sửa chữa, những tượng thánh cổ, thánh giá, thánh tích bằng đồng tráng men được đúc ở vùng biển phương Bắc, các bình bạc mà những ông hoàng ở Moskva tặng cho mấy chủ tiệm rượu. Tất cả những thứ đó được họ bí mật giấu giếm trong áo và nhìn ngó quanh quất rồi mới đưa ra.

Cả gã quản lí của tôi lẫn lão láng giềng đều rình đón những người mang đồ tới bán ấy, ra sức hót tay trên của nhau. Mua các món đồ cổ đó chỉ mất một vài đến vài chục rúp nhưng bán lại cho những người theo cựu giáo giàu có ở hội chợ có thể lãi hàng trăm rúp.

Gã quản lí dạy tôi:

- Mà phải theo dõi bọn quỷ quái, bọn phù thủy ấy nhé, nhìn cho kĩ vào! Chúng nó mang vận may tới đây.

Khi có một người đến bán những đồ kể trên, gã quản lí sai tôi đi mời lão già thông thái Pyotr Vassilich, một tay thông thạo sách vở, am hiểu tượng thánh và đồ cổ.

Lão cao lêu nghêu, có bộ râu dài như râu của Vassili Hạnh Phúc, cặp mắt thông minh dễ gây cảm tình. Một bàn chân của lão bị chặt đứt nên lão đi khập khiễng, tay chống một cây gậy dài. Mùa đông lẫn mùa hè lão đều mặc độc chiếc áo dài mỏng nhẹ, trông như áo thầy tu, đội chiếc mũ nhưng hình thù kì quái hệt như một cái xoong. Người lão còn dồi dào khí lực, lưng còn thẳng, nhưng khi bước vào hiệu, lão liền xuôi vai, còng lưng, khe khẽ rên rỉ, luôn lấy hai ngón tay làm dấu thánh giá và luôn miệng lầm rầm cầu nguyện, đọc kinh. Sự mộ đạo đó cùng vẻ già yếu của lão dễ khiến những người mang đồ tới bán tin tưởng.

- Có việc gì đấy? – Lão già hỏi.

- A, có bác này mang tượng tới bán, bác ta bảo là của Stroganov.

- Cái gì?

- Của Stroganov.

- À ra thế... Tôi nghe kém quá. Chúa đã ngăn tai tôi nghe những câu ghê tởm của bọn Nikon...

Lão bỏ mũ xuống, để bức tượng nằm ngang, nhìn dọc, nhìn nghiêng, nhìn thẳng các nét vẽ, xem xét cái chốt trên tấm gỗ rồi nheo mắt lại và nói phì phì như mèo:

- Cái bọn Nikon vô đạo, cái lũ quỷ quái biết chúng ta ưa

chuộng đồ cổ, chúng bày ra đủ trò giả mạo tinh vi. Chà, bây giờ người ta làm ra những tượng thánh giả mới khéo chứ, khéo lắm! Trông bên ngoài thì hình như đúng là tượng thời Stroganov, Ustiujcki hay Suzdulski. Nhưng nhìn kĩ thì hóa ra là của giả mạo!

Nếu lão nói “của giả mạo” thì có nghĩa là bức tượng vào loại đắt và hiếm. Một số tiếng lóng mách cho gã quản lí biết số tiền cần phải trả để mua bức tượng hay quyển sách. Tôi biết rằng chữ “đáng buồn và đáng giận” có nghĩa là mười rúp, chữ “con hùm Nikon” có nghĩa là hai mươi lăm rúp. Tôi hổ thẹn khi thấy họ lừa dối những người mang đồ tới bán, nhưng cái trò chơi khôn ngoan của lão già thông thái đã lôi cuốn tôi.

- Cái bọn Nikon, lũ con đen đủi của con hùm Nikon ấy có thể làm đủ mọi chuyện. Chúng nó bị quỷ sai khiến mất rồi. Trông nước sơn tưởng như thực, thế nhưng toàn thân thì do một người vẽ, còn khuôn mặt thì cứ nhìn kĩ mà xem, nét bút lại là của người khác. Những thợ vẽ ngày xưa như Semyon Ushakov tuy là kẻ vô đạo nhưng đã vẽ được toàn chân dung từ thân đến đầu, tự tay ông ta bào gỗ quét sơn. Ấy thế mà bây giờ lũ dân vô đạo này không sao làm được như thế! Ngày xưa việc vẽ tượng thánh là một việc thiêng liêng, giờ nó chỉ còn là một nghệ thuật, thế đấy các con ạ!

Cuối cùng, lão thận trọng đặt bức tượng lên quầy hàng rồi đội mũ:

- Thật là tội lỗi!

Câu đó có nghĩa là: Mua được đấy!

Bị ngợp trong những câu ngọt ngào và choáng váng trước kiến thức của lão, người mang đồ tới bán kính cẩn hỏi:

- Dạ thưa cụ, thế bức tượng này thế nào ạ?

- Thế nào à? Đó là tượng thời Nikon.

- Vô lí! Cha ông, cố kính nhà cháu đều thờ tượng thánh này...

- Nikon còn sống trước cả cụ cố nhà bác nữa cơ đấy. – Lão già gí bức tượng vào sát mặt người mang bán rồi nghiêm nghị giảng giải. – Bác thử nhìn xem, khuôn mặt tươi cười như thế này, như vậy mà gọi là tượng thánh à? Đó chỉ là một bức tranh, một lối vẽ vô nghĩa, một trò đùa của bọn Nikon. Bức tranh chẳng có thần thái gì cả! Chẳng lẽ tôi lại nói điều? Tôi đã già rồi, chỉ biết có sự thật mà thôi. Tôi cũng sắp đến ngày về châu trời, còn nói dối làm gì cơ chứ!

Lấy bẫy vì già yếu, lão đi từ cửa hiệu ra sân gác, làm bộ bức mình vì người ta không tin vào sự đánh giá của mình. Gã quản lí trả vài rúp để mua bức tượng. Người bán tượng cúi rạp xuống chào lão Pyotr Vassilich rồi đi ra. Người ta sai tôi đến quán ăn mua nước sôi về pha trà. Khi trở về, tôi đã thấy lão già đầy phần chần vui vẻ. Lão thích thú ngắm nghía món hàng mới mua được và dạy gã quản lí:

- Nhìn xem, bức tượng rất trang nghiêm, nét vẽ rất nhã, đầy lòng thành kính Chúa, không có một chút nào phàm tục...

- Ai vẽ thế? – Gã quản lí sung sướng nhún nhẩy.

- Anh chưa cần biết cái đó vội.

- Thế bọn sành chơi sẽ trả được bao nhiêu tiền?

- Tôi biết thế nào được! Anh đưa tôi, tôi muốn cho một vài người xem đã...

- Chà, cụ Pyotr Vassilich...

- Nếu bán được, tôi sẽ đưa cho anh năm chục, còn lại bao

nhiều là phần của tôi!

- Chà...

- Chỉ cần anh đừng có la lên như vậy thôi...

Họ uống trà và mặc cả một cách trắng trợn, nhìn nhau với cái nhìn của những tên lừa đảo. Gã quản lí đã hoàn toàn đuối lí trước lão già, điều đó thật rõ ràng. Khi lão già ra về, gã bảo tôi:

- Mà y liệu hồn đấy, đừng có nói gì với bà chủ về bức tượng này, nghe chưa!

Quy định xong với nhau về việc bán tượng, gã quản lí hỏi:

- Có tin gì mới trong thành phố không, cụ Pyotr Vassilich?

Lão già đưa bàn tay vàng khè lên vuốt râu, để hở ra cặp môi nhờn mỡ và bắt đầu kể chuyện đời sống của các thương gia giàu có: Chuyện buôn bán phát tài, chuyện ăn chơi hoang phí, chuyện ốm đau, chuyện cưới xin, chuyện phụ tình vợ chồng... Lão thêu dệt các câu chuyện phong phú ấy một cách nhanh chóng và khéo léo như một mụ bếp giỏi nướng bánh, và chen vào giữa những câu chuyện ấy mấy tiếng cười khe khẽ. Bộ mặt tròn trĩnh của gã quản lí xám lại vì thèm thuồng và khâm phục, cặp mắt gã phủ một vẻ mơ màng. Gã vừa thở dài vừa rên rĩ:

- Người ta sống như thế đấy! Vậy mà cháu thì cứ vất vưởng thế này đây...

- Số kiếp mỗi người một khác. – Lão già thông thái nói, giọng trầm trầm. – Người thì được thiên thần dùng búa bạc rèn cho một số phận tốt đẹp, kẻ thì do quỷ sứ lấy đầu rìu đẽo...

Lão già rần rỏi, quắc thước ấy cái gì cũng biết. Lão biết mọi sinh hoạt trong thành phố, mọi điều bí mật của các thương gia, quan lại, cha cố và tiểu thị dân. Không việc gì lọt qua con mắt ác

điều của lão. Trong người lão hòa trộn nét tính cách của cáo và chó sói. Tôi luôn muốn trêu tức lão, nhưng lão nhìn tôi với vẻ xa lạ tựa như qua một lớp mây mù. Đối với tôi, lão như bị bao bọc trong một khoảng không trống rỗng, nếu đến gần lão thì sẽ lăn tăn vào khoảng không đó mất. Tôi có cảm giác trong người lão có cái gì giống anh thợ đốt lò Shumov.

Tuy gã quản lí khâm phục trí thông minh của lão trước mặt cũng như sau lưng, nhưng cũng như tôi, có những lúc gã muốn trêu chọc, làm ông già tức mình.

- Nhưng bác cũng là một tay lừa đảo! – Gã bỗng nói và nhìn thẳng vào mặt lão với vẻ thách thức.

Lão già uể oải cười nhạt:

- Chỉ có mình Chúa là không lừa đảo thôi. Còn chúng ta sống với những kẻ ngu ngốc, nếu không lừa những thằng ngu thì chúng còn có tác dụng gì nữa cơ chứ?

Gã quản lí hăng lên:

- Bọn bạn nông không phải đều ngu ngơ cả đâu. Ngay bọn thương gia cũng xuất thân từ bọn nông mà ra chứ còn từ đâu nữa?

- Chúng ta không nói đến bọn thương gia làm gì! Bọn ngu ngốc không biết lừa đảo. Chúng là những ông thánh, trí óc của chúng không hoạt động...

Lão nói mỗi lúc một uể oải, điều đó dễ làm người nghe nổi cáu. Tôi có cảm giác như lão đứng trên một mỏm đất, còn xung quanh lão toàn đồng lầy. Không thể nào khiến lão tức giận được. Lão không bao giờ nổi cáu, hoặc có thể là lão biết cách tự chủ.

Nhưng cũng có nhiều lúc chính lão khiêu khích tôi. Lão đến sát tôi, nụ cười tùm tùm lấp ló sau bộ râu:

- Cháu gọi cái anh chàng viết văn người Pháp ấy là gì – Ponoss^[114] phải không?

Tôi rất ghét cái lối xỏ xiên xuyên tạc tên người ấy nhưng cũng kịp giữ bình tĩnh:

- Ponson de Terrail.

- Mát^[115] ở đâu?

- Ông đừng có vớ vẩn! Ông có phải là trẻ con nữa đâu!

- Đúng, ông có phải là trẻ con nữa đâu. Cháu đọc gì đấy?

- Sách của Ephrem Siren.

- Thế cái anh người Nga ấy với cái anh người Pháp kia ai viết hay hơn?

Tôi nín thinh.

- Người Nga chúng ta hay viết về chuyện gì nhiều nhất? – Lão vẫn gặng hỏi.

- Họ viết về đủ mọi chuyện trên đời.

- Tức là họ viết cả chuyện chó chết^[116] nữa à, chuyện ấy cũng có đấy.

Gã quản lí cười rống lên. Tôi tức quá, cảm thấy nặng nề, khó chịu, nhưng nếu tôi tìm cách lảng đi thì gã quản lí liền ngăn:

- Mà đi đâu?

Còn lão già tiếp tục hành hạ tôi:

- Nào, con người có học thức, cháu thử giải câu đố này xem nào: Trước mặt cháu có một ngàn người đứng tràn tròng –

năm trăm đàn bà, năm trăm đàn ông. Trong số họ có Adam và Eva. Đố cháu làm thế nào để nhận ra được Adam và Eva?

Lão truy hỏi tôi rất lâu và cuối cùng đắc thắng tuyên bố:

- Chú ngốc ơi, Adam và Eva không do ai đẻ ra, mà do Chúa tạo nên, như vậy tức là họ không có rôn!

Lão già biết vô số những loại “câu đố” như trên. Lão có thể làm khổ tôi mãi với những câu đố ấy.

Trong thời gian đầu đứng trông hàng, tôi thường kể cho gã quản lí nghe nội dung một vài quyển truyện mà tôi đã đọc. Bây giờ họ dùng những câu chuyện ấy phản lại tôi; gã quản lí kể lại cho lão Pyotr Vassilich nghe, nhưng cố tình làm lẫn và xuyên tạc một cách đê tiện.

Lão già khéo léo giúp đỡ hấn bằng cách đặt những câu hỏi nhảm nhí. Miệng lưỡi bản thủ của họ tuôn ra rất những câu bình phẩm hỗn láo về Eugénie Grandet, Ludmilla, Henry IV.

Tôi hiểu họ làm điều đó chỉ vì vô công rồi nghề chứ không có ác tâm gì, nhưng tôi vẫn không kém phần đau khổ. Sau khi khoảng bùn lên, họ sục sạo trong chỗ bản thủ ấy như những con lợn và rống lên thích thú vì được bơi lội, được chế giễu những điều đẹp đẽ nhưng quá xa xôi, khó hiểu và buồn cười đối với họ.

Các thương gia và quản lí của khu buôn bán đều sống một cuộc đời bất thường, đầy trò tiêu khiển ngu xuẩn, trẻ con, nhưng lúc nào cũng độc ác. Nếu có bản nông nào từ xa đến hỏi thăm đường, bao giờ người ta cũng chỉ cho anh ta hướng ngược lại. Chuyện đó quen thuộc đến nỗi bản thân kẻ nói dối cũng chẳng lấy làm thích thú gì với trò đùa của mình. Bắt được một đôi chuột cống, họ buộc đuôi chúng lại, thả ra ngoài đường rồi

thích thú đứng xem chúng giằng co và cắn xé nhau. Đôi khi họ tẩm dầu hỏa lên mình chuột rồi thiêu sống chúng. Họ còn lấy một cái xô sắt tây buộc vào đuôi chó; con vật điên cuồng sợ hãi vừa chạy vừa sủa giữa tiếng loảng xoảng, còn họ thì đứng nhìn, cười hô hô.

Những trò tiêu khiển tương tự nhiều vô kể. Tôi có cảm giác như mọi người – nhất là những người dân quê – sống chỉ để làm trò tiêu khiển cho khu buôn bán này. Bọn con buôn luôn muốn đem con người ra giễu cợt, làm anh ta lúng túng, đau đớn. Một điều lạ là các sách mà tôi đã đọc qua đều không nói đến khuynh hướng đốn mạt rất phổ biến ấy.

Có một trò tiêu khiển của khu buôn bán khiến tôi thấy vô cùng bức tức và khó chịu.

Lão chủ một hiệu bán đồ len và giày ủng dạ ở dưới cửa hiệu của chúng tôi có nuôi được một anh quản lí nổi tiếng khắp chợ Nizhny về tính phàm ăn. Lão khoe khoang đặc điểm ấy của người giúp việc như người ta khoe tính hung dữ của chó hoặc sức khỏe của ngựa. Lão hay đòi đánh cược với các nhà buôn bên cạnh:

- Ai dám đặt cược mười rúp nào? Tôi cam đoan thằng Mishka sẽ ăn hết mười funt giảm bông trong hai giờ đây!

Nhưng mọi người đều biết rằng Mishka có khả năng ăn hết nên họ nói:

- Đánh cược làm gì. Nhưng có thể mua giảm bông về đây để xem nó ăn ra sao thì cũng được đây!

- Nhưng cần phải mua tuyền thịt nạc, chứ không được có xương đâu nhé!

Họ uể oải tranh cãi một lúc. Và thế là từ căn nhà kho tối om

om xuất hiện một thanh niên gầy còm, cằm không râu, gò má to. Anh mặc áo va rơi, quần thất lưng vải đỏ lấm tẩm, người dính đầy những mẩu len. Trinh trọng trật mũ khỏi cái đầu bé nhỏ, anh đưa đôi mắt sâu hoắm sững sờ nhìn khuôn mặt tròn, đỏ như gấc và râu ria tua tủa của lão chủ.

- Cậu có chén hết được tảng^[117] thịt này không?

- Trong bao lâu ạ? – Anh Mishka nhỏ nhỏ hỏi, vẻ thông thạo.

- Trong hai tiếng đồng hồ.

- Thưa, cũng khó đấy!

- Có gì mà khó!

- Xin cho thêm hai chai bia nữa ạ!

- Được. – Lão chủ nói và khoe khoang. – Các ngài đừng nghĩ rằng hẳn đói đâu nhé. Từ sáng hẳn đã ngốn hai *funt* bánh mì, buổi trưa cũng đã ăn như thường lệ...

Người ta mang giăm bông tới. Khách giả quây lại. Tất cả đều là những thương gia béo tốt, quần chặt trong áo khoác lông nặng nề như những quả tạ khổng lồ. Bụng phình to, mắt ti hí, người nào cũng có những báng mỡ và bút rứt không yên bởi những nỗi buồn tẻ đang vây bọc họ như một đám mây mù chập chờn.

Tay luôn vào ống tay áo, họ vây thành một vòng tròn chặt ních quanh anh quản lí đang cầm con dao và một tảng bánh mì đen to tướng. Anh thành kính làm dấu thánh giá rồi ngồi lên một bao len, đặt tảng giăm bông lên cái thùng bên cạnh và đưa cặp mắt lơ đãng như ước lượng món ăn.

Sau khi cắt một miếng bánh mỏng và một miếng thịt dày, anh cẩn thận chồng chúng lên nhau rồi dùng cả hai tay nâng lên

miệng. Môi rung rung, anh thè cái lưỡi dài như lưỡi chó ra liếm môi, để lộ hàm răng nhỏ và nhọn, rồi vục xuống miếng thịt một cách khéo léo.

- Bắt đầu rồi!

- Nhìn đồng hồ đi!

Mọi con mắt nghiêm chỉnh hướng về anh quản lí, vào hàm dưới và những u tròn nổi quanh tai anh. Người ta nhìn vào cái cầm nhọn đang đều đặn nâng lên hạ xuống và uể oải trao đổi:

- Nó ăn cứ như gấu ấy!

- Thế bác đã thấy gấu ăn thế nào chưa?

- Dễ thường tôi sống trong rừng đấy hẳn? Chẳng qua là người ta thường ví: “Ăn như gấu”.

- Người ta hay nói “ăn như lợn” chứ.

- Lợn không ăn thịt lợn đâu...

Họ cười gượng gạo và ngay lúc đó một người hiểu biết trong bọn chữa lại:

- Giống lợn ăn đủ thứ. Nó ăn cả con nó, cả chị em của nó...

Bộ mặt anh quản lí sẫm dần, tai xám ngắt, cặp mắt sâu lồi ra khỏi hốc. Anh thở một cách nặng nhọc, nhưng cầm anh vẫn chuyển động đều đặn.

- Cố lên, Mishka, chú ý đến thời gian đấy! – Người ta khuyến khích anh.

Anh bòn chòn lấy mất ước lượng khối thịt còn lại, uống bia và lại nhai tốp tốp. Người xem nhón nháo, mỗi lúc càng năng nhìn vào chiếc đồng hồ trong tay lão chủ của Mishka.

Họ dặn nhau:

- Cầm lấy đồng hồ kéo ông ấy vặn lòi lại đây!
- Chú ý nhìn Mishka, khéo nó bỏ thịt vào ống tay áo đây!
- Nó ăn không kịp đâu!

Lão chủ của Mishka nói to, vẻ thách thức:

- Đánh cược hai mươi lăm rúp nào! Mishka, đừng phụ lòng tao nhé!

Mọi người cũng thách thức lão chủ, nhưng không ai nhận đặt cược với lão cả.

Mishka vẫn cứ điềm nhiên nhai không biết mỏi. Mặt anh đã giống chiếc đui lợn. Cái mũi nhọn sắc sù thở phì phò một cách thiếu não. Trông anh thật khiếp. Tôi có cảm giác anh sẽ khóc òa và rên lên: “Hãy thương tôi một chút...”

Hoặc anh sẽ nhét thịt xuống tận cuống họng rồi đập đầu vào chân khán giả mà chết.

Cuối cùng anh ăn hết sạch, giương tròn cặp mắt say rượu lên và thều thào mệt nhọc:

- Cho xin hụm nước...

Còn lão chủ của anh thì nhìn đồng hồ, càu nhàu:

- Chậm mất bốn phút rồi, thẳng đôn mặt...

Mọi người chế giễu lão:

- Tiếc rằng không đánh cược với bác, không thì bác thua rồi còn gì!

- Dầu sao thẳng bé cũng khỏe như một con thú ấy!

- Ừ, cho nó đi làm xiếc được đây...

- Chà, Chúa có thể làm cho con người đến nông nổi thế ư?

- Thôi, đi uống trà chứ?

Họ lũ lượt kéo nhau vào quán ăn như đám thuyền trôi dạt.

Tôi muốn hiểu điều gì đã tập hợp được những con người nặng nề phục phịch ấy lại xung quanh anh chàng bất hạnh kia, tại sao tính phàm ăn xấu xí của anh lại khiến họ thích thú đến vậy?

Trong dãy hành lang hẹp xếp chặt ních len, da cừu, dây gai, dây thừng, ủng dạ, yên cương ngựa... trông thật tối tăm, ảm đạm. Những cột gạch thô kệch, vụng về ngăn cách hành lang với vỉa hè bị thời gian gặm mòn và bụi bẩn của đường phố phủ lên. Mọi hòn gạch, mọi khe hở đã được tôi thăm đếm đi đếm lại hàng ngàn lần và cái mạng lưới nặng nề đầy hình thù quái gở ấy vĩnh viễn khắc ghi trong trí nhớ của tôi.

Khách bộ hành thông thả bước trên vỉa hè. Những chiếc xe ngựa, xe trượt tuyết chở hàng chậm rãi di chuyển trên phố. Phía sau dãy phố, giữa những khối cửa hiệu hai tầng bằng gạch đỏ là quảng trường ngổn ngang thùng hộp, rơm rác, giấy bọc nhàu nát, bị những lớp tuyết bản thủ phủ đầy.

Tất cả những cảnh vật đó, cùng với người và ngựa, tuy di chuyển nhưng trông như không nhích thêm một chút nào, chỉ lười biếng xoay quanh một chỗ. Sự dịch chuyển như bị gấn chặt vào chỗ ấy bằng những sợi dây vô hình. Tôi bỗng cảm thấy cuộc sống đó như thể không có lấy một tiếng vang, nó nghèo nàn âm thanh đến gần như câm lặng. Thanh trượt của xe trượt tuyết kêu ken két, cửa các hiệu đập thành thành, những người bán bánh nướng, chè đường rao hàng, nhưng tiếng của họ vang lên buồn buồn, miễn cưỡng. Mọi âm thanh ấy đều đơn điệu khiến ta nghe chóng quên và không chú ý tới chúng nữa.

Tiếng chuông nhà thờ ảo não như đưa tang. Tiếng ngân ai oán ấy lúc nào cũng như còn vọng mãi trong tai. Đường như từ sáng đến tối nó không ngớt chơi vơi trong khoảng không gian của khu chợ. Nó phân chia mọi ý nghĩ, mọi xúc cảm thành từng lớp và như những lớp cặn đồng nằm chặn trên mọi cảm tưởng.

Sự buồn chán lạnh lẽo tỏa lên từ khắp mọi nơi: Từ mặt đất phủ đầy tuyết bản, từ những đống tuyết xám trên mái nhà, từ các viên gạch đỏ bầm của mấy ngôi nhà lớn. Nỗi buồn tỏa ra từ các ống khói trong làn khói xám tràn kín bầu trời ảm đạm, thấp và trống rỗng. Nỗi buồn tỏa ra trong hơi thở của người và ngựa. Nó có mùi vị riêng, một mùi nặng nề phảng phất của mồ hôi, của mỡ, của dầu gai, của bánh nướng và của khói. Mùi vị đó siết chặt đầu ta như một chiếc mũ ấm và chặt, nó ùa vào ngực khiến ta choáng váng, gây cho ta mong muốn nhắm tịt mắt, la hét một cách tuyệt vọng rồi bỏ chạy và theo đà mà đâm đầu vào bức tường đầu tiên.

Tôi chăm chú nhìn những gương mặt phì nộn của các thương gia đang bị băng giá giày vò, chúng mọng căng những tia máu ngày ngày và bất động như đang ngủ. Họ hay ngáp, miệng há hốc như cá bị quăng lên bãi cát khô.

Mùa đông, hàng quán thưa khách, trong ánh mắt của các nhà buôn không còn vẻ gian xảo, đề phòng như mùa hè nữa. Áo lông nặng khiến họ cử động khó khăn và kéo người họ khom thêm xuống đất. Các thương gia trò chuyện với vẻ uể oải. Khi nào nổi cáu thì họ tranh cãi ồm tỏi. Tôi nghĩ rằng họ cố tình làm vậy cốt để tỏ cho nhau biết mình đang còn sống.

Tôi thấy rất rõ nỗi buồn đè nặng lên họ, khiến họ mòn mỏi, dần dần. Chỉ có kinh qua cuộc đấu tranh vô ích với sức mạnh toàn năng của nỗi buồn đó tôi mới tự giải thích được nguyên

nhân những trò tiêu khiển ngu xuẩn và tàn nhẫn của họ.

Đôi lúc tôi nói ý nghĩ đó với Pyotr Vassilich. Tuy nói chung lão hay giễu cợt, chế nhạo tôi, nhưng lão thích tính ham mê đọc sách của tôi và nhiều lần lão nói với tôi bằng một vẻ nghiêm trang, dạy dỗ.

- Cháu không thích những nhà buôn sống như vậy. – Tôi nói.

Lão lấy ngón tay dài quăn một mớ râu lại rồi hỏi:

- Làm sao cháu biết được họ sống như thế nào? Hay là cháu thường được đến chơi với họ? Cậu cả ạ, đây là đường phố, mà trên đường phố thì không có ai ở cả. Người ta buôn bán hoặc đi lại trên đó chốc lát rồi lại trở về nhà. Khi đi ra phố, mọi người ăn mặc chỉnh tề, nhưng sau lớp quần áo ấy ai biết được họ như thế nào. Con người ta chỉ sống cởi mở ở nhà, trong bốn bức tường. Họ sống ở đây như thế nào thì làm sao cháu biết được!

- Nhưng mà ý nghĩ của họ thì dù ở nhà hay ngoài phố cũng đều giống nhau cả?

- Ai biết được người láng giềng của mình có những ý nghĩ gì?
– Lão trợn tròn mắt vẻ nghiêm khắc và nói bằng giọng trầm trầm xác đáng. – Các cụ vẫn nói: Ý nghĩ cũng giống như rận, không sao đếm xuể! Có thể khi về nhà người ta sẽ quỳ xuống, kêu khóc và cầu xin Chúa: “Lạy Chúa, xin Chúa tha cho con những tội lỗi con đã phạm trong ngày tốt lành của Chúa!” Có thể nhà của anh ta là một tu viện và anh ta sống ở đó một mình với Chúa. Có thể như vậy đấy! Mỗi con nhện cần biết xó nhà của mình đã, có chăng lưới thì cũng phải biết liệu trừ sức nặng sao cho mình đỡ được...

Khi lão nói nghiêm trang, giọng lão thấp xuống, trầm hơn, như muốn báo những tin bí mật và quan trọng.

- Đấy, cháu hay suy luận, nhưng việc suy luận đối với cháu còn sớm quá. Tuổi cháu chưa phải tuổi sống bằng trí óc, mà bằng con mắt. Nói thế có nghĩa là cháu cứ quan sát và nhớ lấy mọi sự việc, nhưng cứ ngậm miệng đã. Lí trí dùng để làm việc, còn đối với tâm hồn thì cần có lòng tin. Cháu hay đọc sách, đó là điều tốt, nhưng cái gì cũng phải có chừng mực: Có kẻ đọc nhiều quá hóa điên, có kẻ trở thành vô đạo...

Đối với tôi, lão trở nên bất tử. Thật khó hình dung được lão có thể già và thay đổi thêm nữa. Lão thích kể chuyện về các thương gia, về bọn ăn cướp, về những tay làm bạc giả mà trở nên những nhân vật nổi tiếng. Những chuyện ấy tôi đã nghe ông ngoại kể rất nhiều. Ông kể hay hơn lão già thông thái này, nhưng ý nghĩa các câu chuyện tương tự nhau: Sự giàu sang luôn được đạt bằng con đường tội lỗi, cả với người và với Chúa. Pyotr Vassilich không thương hại con người, nhưng lão nhiệt tình nói về Chúa, vừa thở dài, vừa như giấu mắt đi.

- Thế đấy, chúng lừa dối cả Chúa. Còn Chúa thì trông thấy tất cả những điều đó và Chúa than khóc: “Các con ơi, những đứa con đáng thương của ta ơi, địa ngục đang chờ các con đó!”

Một lần tôi cả gan nhắc lão:

- Nhưng chính ông cũng lừa dối các bần nông cơ mà...

Điều đó không mấy may làm lão tức giận.

- Việc của ông làm thì có nghĩa lí gì? – Lão nói. – Chấm mút dăm ba rúp; quanh quần chỉ có thể thôi.

Bắt gặp tôi đang đọc sách, lão giằng quyển sách khỏi tay tôi, hoạnh hợ tra hỏi tôi về những điều tôi vừa đọc, rồi ngẩn người ra, vẻ phân vân, bảo gã quản lí:

- Trông kìa, thằng lỏi con này nó cũng hiểu sách đấy chứ!

Và lão giảng giải cho tôi một cách rõ ràng, dễ nhớ:

- Cháu nghe đây, những lời ông nói đều sẽ có ích cho cháu. Có hai Kyrill. Cả hai đều là giáo chủ. Người thứ nhất ở Alexandria, còn người thứ hai thì ở Jerusalem. Người thứ nhất nổi dậy chống lại tên vô đạo đáng nguyên rủa Nestorius. Tên này trắng trợn giảng dạy rằng Đức Mẹ là người trần tục, vì thế không sinh ra Chúa được mà chỉ sinh ra một con người bình thường tên là Jesus, tức là Đấng Cứu Thế. Như vậy thì không nên gọi là Đức Mẹ mà gọi là Mẹ đẻ ra Jesus thôi, cháu hiểu chưa? Đó là bọn vô đạo! Còn Kyrill ở Jerusalem thì đấu tranh chống lại tên vô đạo Ari...

Tôi rất phục vốn hiểu biết của lão về lịch sử đạo. Còn lão thì đưa bàn tay ẻo lả như tay cổ đạo vuốt râu, vẻ khoe khoang:

- Về mặt này thì ông có thể làm vương làm tướng được. Ông đã từng đi dự lễ Ba Ngôi ở Moskva và tranh luận lí lẽ với bọn theo học thuyết Nikon thâm độc, với các cha cố và cả giới thượng lưu nữa. Chú bé ạ, ông cũng đã từng nói chuyện với các giáo sư nữa đấy! Có một cha cố bị ông dồn cho như roi quất vào mặt đến nổi chảy cả máu mũi, thật đấy!

Má lão ửng đỏ, mắt sáng lên.

Có lẽ lão cho việc đôi phương chảy máu mũi là đỉnh thắng lợi, một viên ngọc đỏ rực rỡ nhất giữa vòng hoa vinh quang vàng chói nên lão thường kể chuyện ấy với giọng say sưa:

- Ông cố đạo ấy người to lớn và đẹp ra phết! Ông ta đứng trước giá kính giữa giáo đường, còn máu ở mũi thì cứ... tí, tách, tí, tách! Mà ông ta cũng không biết đến cái điều nhục nhã ấy nữa. Ông ta hung dữ lắm, cứ như con sư tử giữa sa mạc vậy. Giọng ông ta sang sảng như chuông! Còn ông thì cứ nhẹ nhàng

nói, nói câu nào trúng tim câu ấy, những câu của ông cứ như những ngọn giáo chích vào sườn ông ta... Ông ta thì cứ như một cái lò lửa bùng bùng mấy tư tưởng hằn thù của lũ phản đạo... Chà, chuyện đời còn là lắm thứ!...

Hay đến cửa hiệu còn có vài lão già thông thái khác: Lão Pakhomi bụng to, mắt chột, người béo phì, hay làu bàu trong họng như lợn kêu và lúc nào cũng mặc độc cái áo khoác ngoài nhờn mỡ; lão Lukian nhỏ bé, nhảnh nhui như con chuột nhắt, tính dẹt dẹt, hoạt bát. Đi với lão là một người to lớn điệu bộ râu rĩ, vẻ là người đánh xe ngựa. Người này râu đen, khuôn mặt đờ đẫn, cặp mắt bất động trông đẹp nhưng thật đáng ghét.

Hầu như lần nào tới họ cũng mang đến bán sách, tượng thánh, lư hương và cốc chén cổ. Đôi lần họ dẫn khách bán – mấy ông già bà cả ở bên kia sông Volga. Xong việc mua bán, họ ngồi bên cạnh quầy hàng như lũ quạ đậu trên bờ ruộng, uống trà với bánh mì vòng và đường rồi kể cho nhau nghe mấy vụ bắt bớ do phe đạo Nikon gây ra: Chỗ này người ta khám xét và tịch thu sách kinh, chỗ kia cảnh sát đóng cửa thánh đường và kiện cáo các chủ nhân trước tòa theo Điều luật 103^[118]. Điều luật 103 thường xuyên là đề tài trong các cuộc trò chuyện của họ, nhưng họ nói về chuyện ấy với vẻ bình thản như nói về một lẽ tất nhiên, như kiểu mùa đông người ta thường nói về giá buốt vậy.

Những chữ “cảnh sát”, “khám xét”, “nhà tù”, “tòa án”, “Siberia” là những chữ được nhắc tới luôn trong các câu chuyện về việc truy nã những kẻ theo cựu giáo. Những chữ đó thấm vào hồn tôi như những hòn than hồng, nung nấu thiện cảm và lòng thông cảm với mấy ông già đó. Các sách mà tôi đã đọc đều dạy tôi biết kính trọng những người kiên trì để đạt được mục đích, biết quý trọng tinh thần kiên định của họ.

Tôi quên tất cả những điều xấu xa mà tôi đã thấy ở các ông thầy dạy tôi về cuộc đời ấy. Tôi chỉ cảm thấy sự kiên trì bình tĩnh của họ, và phía sau sự kiên trì đó như còn ẩn giấu một niềm tin không gì lay chuyển nổi vào chân lí, thái độ sẵn sàng chịu đựng mọi cực hình vì chân lí của họ.

Sau này, khi được thấy nhiều kẻ bảo vệ cực giáo tương tự trong dân chúng cũng như tầng lớp trí thức, tôi hiểu rằng sự kiên trì đó là tính thụ động của những kẻ không còn chỗ nào khác để đi. Chính họ cũng không muốn đi đâu vì bị ràng buộc chặt chẽ trong khuôn khổ của những chữ cổ, của những khái niệm đã lỗi thời: Họ trở nên đàn độn bởi những chữ và khái niệm ấy. Ý chí của họ bị đóng đinh, không có khả năng phát triển để hướng về tương lai, và khi có đòn tấn công nào từ ngoại cảnh hất họ ra khỏi vị trí quen thuộc, họ lăn lông lốc như một hòn đá từ trên núi xuống. Họ cố bảo vệ cái nghĩa trang của những chân lí lỗi thời bằng thứ sức mạnh đã tàn tạ của những kí ức quá vãng và bằng một tình yêu yếu đuối với sự đau khổ áp bức; nếu bị tước mất khả năng đau khổ thì họ sẽ trở nên trống rỗng và biến mất như những đám mây trong một ngày gió mát.

Lòng tin mà vì nó họ sẵn sàng chịu khổ sở với vẻ hào hứng và hỉ xả lớn lao quả là một lòng tin vững vàng, nhưng nó giống bộ quần áo đã sờn cũ được phủ lớp nhờn bản và nhờ thế mà ít bị thời gian hủy hoại. Tư tưởng và tình cảm, một khi đã quen với cái vỏ nặng nề, chật hẹp của những thành kiến, giáo điều, thì cho dù có gãy cánh và mòn mỏi, chúng vẫn sống một cách thoải mái, ung dung.

Lòng tin theo thói quen ấy là một trong những hiện tượng đáng buồn và có hại hơn cả trong cuộc sống của chúng ta. Ở trong phạm vi của lòng tin đó tựa như trong bóng râm của một

bức tường đá, những cái mới phát triển một cách chậm chạp, méo mó và lớn lên cần cỗi. Lòng tin u ám ấy thiếu ánh sáng của tình yêu, chỉ mang nặng những điều nhục mạ, tính độc ác gan tị cùng lòng căm ghét. Ngọn lửa của lòng tin ấy là những ánh lân tinh ở những nơi thối nát.

Nhưng để hiểu rõ điều đó, tôi còn phải sống qua nhiều năm cay cực, phải khắc phục nhiều điểm yếu trong tâm hồn, phải gạt bỏ nhiều điều ra khỏi trí nhớ. Tuy nhiên, lúc này, khi lần đầu tiên gặp các ông thầy của cuộc sống trong một thực tại tẻ nhạt và bất lương, tôi cho họ là những người có sức mạnh tinh thần to lớn, là những người giỏi nhất trên đời. Hầu hết bọn họ đều can án, bị ngồi tù, bị trục xuất khỏi các thành phố, và cùng với các tù nhân khác, bị giải đi khắp nơi. Họ sống một cách e dè, lẩn tránh mọi người.

Tuy nhiên, tôi chú ý thấy trong khi than phiền về “sự áp bức tinh thần” của phái Nikon, chính mấy ông già này cũng rất sẵn sàng “áp bức” nhau và thậm chí có phần hào hứng với chuyện đó.

Lão già chột Pakhomi khi uống rượu say thường khoe trí nhớ kì dị của mình. Lão thuộc lòng vài quyển sách như học trò trường đạo Do Thái thuộc *Talmud*^[119]. Lão chỉ tay vào bất kì trang nào và bắt đầu đọc lòng những câu tiếp theo kể từ chữ ngón tay lão chỉ với một giọng mũi dẹt dài. Lúc nào lão cũng nhìn xuống sàn. Con mắt độc nhất của lão lo lắng lướt trên mặt sàn như đang tìm kiếm vật gì quý giá. Lão hay giở trò ảo thuật ấy với quyển *Dàn nho Nga* của bá tước Muishetzki. Đặc biệt lão rất nhớ những “nỗi đau khổ đầy nhẫn nại và đầy dũng cảm của những kẻ đau khổ gan dạ và kì diệu”. Còn lão Pyotr Vassilich thì cố tìm mọi cách bắt lỗi Pakhomi.

- Nói láo! Chuyện đó không xảy ra với Cyprian Chí Cao, mà là với Denis Chí Thánh.

- Denis nào nữa? Dionysius nói rằng...

- Ông không nên bám lấy lời nói!

- Ông đừng có dạy tôi!

Một lúc sau cả hai đều bưng bưng nổi giận, nhìn thẳng vào mặt nhau:

- Đồ phàm ăn tục uống, cái mặt thì trơ trơ ra thế kia, cái bụng thì tọng đầy...

Pakhomi trả lời như đếm trên bàn tính:

- Đồ hiếu sắc, đồ con dê, đồ nịnh đầm...

Gã quản lí luôn tay vào ống tay áo, mỉm cười vẻ thâm độc và khích lệ những nhà bảo vệ nền cựu giáo như xúi bầy lũ trẻ con:

- Đúng đấy! Cho ông ấy một trận! Thế!

Có lần mấy ông già đánh nhau. Lão Pyotr Vassilich nhanh như cắt tạt vào mặt đối thủ khiến ông kia phải bỏ chạy, rồi một nhọc chùi mồ hôi trên mặt, lão kêu với theo:

- Liệu thân hồn. Tội lỗi là ở ông cả đấy! Đồ quý quái, làm cho tay của người ta phải phạm giới rồi. Phì...

Lão đặc biệt thích chê bai bạn bè mình rằng họ còn thiếu lòng tin vững chắc và đều rơi vào cái thuyết “phủ định” mất rồi.

- Đó đều là do lão Aleksasha làm các ông lung tung cả lên. Thật là cứ như con gà trống gáy.

“Thuyết phủ định” làm lão bực tức và hình như còn làm lão sợ. Nhưng khi hỏi đến nội dung của học thuyết đó, lão trả lời lơ

mơ:

- Bọn theo học thuyết phủ định là bọn vô đạo cay cú nhất, chúng chỉ tin vào lí trí thôi, chẳng tin trời đất gì cả! Như bọn Cossack ấy, ngoài Kinh thánh chúng chẳng tôn trọng gì nữa. Mà Kinh thánh là của bọn Đức ngụ ở Saratov, do Luther^[120] viết ra chứ còn ai! Người ta đã nói về Luther như sau: “Cái tên của hắn nghe tưởng tao nhã, nhưng thực ra Luther từ chữ *lutui*, có nghĩa là hung dữ mà ra!” Tất cả đều tại bọn vô đạo phương Tây.

Lão giậm cái chân tàn tật, nói một cách lạnh nhạt, nghiêm trang:

- Đây, chính ra phải đuổi cổ bọn tà đạo ấy, phải tiêu diệt và thiêu chết bọn chúng nó, chứ không phải chúng ta! Gốc gác chúng ta là người Nga. Đạo của chúng ta là đạo chính thống, đạo phương Đông, đạo gốc của người Nga. Những trò kia đều là của phương Tây, đều toàn chuyện bịa đặt xuyên tạc cả! Bọn Đức, bọn Pháp có mang lại cái gì tốt đẹp đâu? Đây, chúng nó hồi năm một ngàn tám trăm mười hai...

Trong lúc cao hứng, lão quên rằng trước mặt lão chỉ là một đứa trẻ: Lão túm lấy thắt lưng tôi bằng bàn tay rắn chắc rồi lúc kéo lại gần, lúc đẩy ra xa. Lão xúc động thao thao một cách nồng nhiệt, như trẻ hẳn lại.

- Trí khôn của con người mò mẫm trong những điều bịa đặt rắc rối. Giống như con chó sói hung dữ lạc lõng nghe lời quỷ sứ mà hành hạ linh hồn con người – linh hồn cao đẹp vốn được trời phú. Cái lũ tôi tớ của quỷ ấy đã bịa đặt ra những gì? Bọn Bogumili^[121] cũng giống như bọn phủ định, chúng dạy người ta rằng quỷ Satan cũng là con trời, là anh cả của Chúa Jesus, đây, chúng nó tề đến thế thì thôi! Chúng còn dụ người ta cãi lời người trên, bỏ công ăn việc làm, bỏ vợ bỏ con. Con người không

cần gì, không phải theo tôn ti trật tự nào cả. Cứ để cho con người sống theo ý mình, quý bảo sao tao làm vậy. Đây, cái lão Aleksasha lại xuất hiện, ôi, cái lũ sâu bọ này...

Có lần, giữa lúc ông lão say sưa nói, gã quản lí sai tôi đi làm việc khác. Tôi rời đi, còn lại một mình ngoài hành lang, lão vẫn tiếp tục trò chuyện với khoảng không trước mặt:

- Ôi, cái lũ tầm thường, cái bọn mèo mù từ khi mới đẻ, ta bỏ các người để đi đâu đây?

Rồi lão chống tay vào đầu gối, ngửa đầu ra và lặng thinh hồi lâu, mắt chăm chú nhìn chòng chọc vào bầu trời đông xám ngắt.

Lão chú ý hơn đến tôi và đối xử dịu dàng hẳn. Thấy tôi đọc sách, lão vỗ vai tôi:

- Cứ đọc đi chú bé ạ, cứ đọc đi, cái đó sẽ có lợi cho cháu. Hình như cháu cũng có trí khôn đấy. Chỉ tiếc là cháu không chịu kính trọng người lớn, đối với ai cũng bốp chát, thẳng thừng. Cháu nghĩ xem, cái tính tình nghịch đó sẽ dẫn cháu tới đâu? Chú bé ạ, cái tính đó chẳng có ích gì, chỉ tổ dẫn cháu vào vòng tù tội. Đọc sách thì cứ đọc, nhưng sách vở là một chuyện, biết suy nghĩ theo ý mình lại là một chuyện khác. Đây, có một tay trưởng giáo thuộc giáo phái Khlyst^[122] tên là Danilo. Lão ta cho rằng các loại sách cả cũ lẫn mới đều không cần thiết. Lão tịch thu sách thành một đống rồi đem quăng hết xuống sông. Thật đấy... Tất nhiên, đó cũng là trò ngu xuẩn mà thôi! Đây, cái lão Aleksasha, cái đầu óc chó má ấy đang đi khuấy động...

Càng ngày lão già càng hay nhắc đến cái ông Aleksasha đó, cho đến một hôm nọ, lão đến hiệu với vẻ lo âu, cúi kính. Lão bảo gã quản lí:

- Lão Aleksasha Vassiliev hiện đang ở đây, trong thành phố này. Lão đến từ hôm qua. Tôi tìm lão mãi mà vẫn chẳng thấy đâu. Lão trốn biệt! Ngồi chờ đấy một lát xem lão có ghé qua không...

Gã quản lí đáp lại với vẻ thiếu thiện ý:

- Tôi không biết chuyện gì và cũng không biết ai đâu!

Lão già gật đầu:

- Thế cũng phải. Đối với anh thì ai cũng là kẻ mua hoặc người bán, chứ còn loại người nào khác đâu? Thôi mang trà ra đây mời khách chứ...

Khi tôi mang ấm nước sôi to bằng đồng tới thì trong cửa hiệu đã có thêm khách: Lão già Lukian tươi cười vui vẻ và một khách lạ ngồi trong góc tối phía sau cửa. Ông ta mặc áo bành tô, đi ủng dạ, thắt lưng bằng vải xanh. Ông đội mũ chụp tới lông mày, trông thật vụng về. Mặt ông không có gì đặc biệt: Ông có vẻ hiền lành, khiêm tốn, trông giống một viên quản lí vừa bị đuổi việc và đang đau khổ.

Lão Pyotr Vassiliev không nhìn người lạ mặt; lão nói gì đó với vẻ quả quyết, nghiêm khắc. Còn ông khách lạ cứ lấy bẫy đẩy mũ bằng tay phải, cánh tay đưa lên như định làm dấu thánh, nhưng cuối cùng chỉ đẩy mũ, cái mũ mỗi lúc một cao, ngược lên tận đỉnh đầu, rồi lại bị kéo úp chặt xuống đôi lông mày một cách vụng về. Dáng điệu lấy bẫy như động kinh ấy khiến tôi nhớ đến lão già ngốc nghếch Igosa “Thần Chết trong túi”^[123].

- Đủ loại cá chuối bơi trong khúc sông đục này của chúng ta, chúng chỉ tổ làm nước đục thêm. – Lão Pyotr Vassiliev nói.

Người trông giống viên quản lí bình thản hỏi nhỏ:

- Anh nói về tôi đây à?

- Ừ thì cứ cho là nói về anh đi...

Người đó bèn hỏi tiếp, giọng nhỏ nhưng rất chân thành:

- Thế thì anh sẽ nói về bản thân mình như thế nào, anh bạn?

- Về bản thân thì tôi chỉ nói với Chúa thôi. Đó là việc của tôi.

- Không anh bạn ạ, đó cũng là việc của tôi nữa. – Người lạ mặt nói, giọng trịnh trọng và rắn rỏi. – Đừng có lảng tránh sự thật, cũng đừng tự tiện làm mê muội bản thân, đó là một tội rất lớn đối với Chúa và với mọi người!

Tôi thích người đàn ông đó khi thấy ông gọi lão Pyotr Vassiliep là “anh bạn”. Giọng nhỏ nhẹ, trịnh trọng của ông khiến tôi cảm động. Cách nói chuyện của ông giống cách cha cố đọc kinh “Lạy Chúa, chủ sinh mệnh của con”; người ông mỗi lúc một nghiêng về phía trước, ông tụt khỏi ghế và vung tay ra.

- Đừng có buộc tội tôi, tội của tôi cũng không hơn hẳn anh đâu.

- Lại phun ra như ấm nước sôi rồi. – Lão già thông thái thốt lên, vẻ miệt thị.

Ông khách vẫn tiếp tục nói, không chú ý tới lời của lão:

- Chỉ Chúa mới biết ai là kẻ khuấy đục nguồn nước thánh thiêng liêng. Có thể đó là lỗi của các anh, những con người chỉ chăm chăm biết đến sách vở, còn tôi thì không phải loại người giấy tờ sách vở, tôi chỉ là một con người bình thường sinh động...

- Tôi đã được biết cái bình thường của anh, đã nghe đồn về nó khá nhiều rồi.

- Chính các anh đã dẫn mọi người lầm đường lạc lối, các anh bẻ quặt những tư tưởng chính đáng, các anh là bọn mọt sách, bọn đạo đức giả... Tôi nói như thế đó, anh thử trả lời đi!

- Đồ vô đạo! – Lão Pyotr Vassiliep nói.

Người lạ mặt giơ bàn tay ra trước mặt như để đọc điều gì viết trong lòng bàn tay rồi hăng hái nói:

- Anh tưởng rằng chặn dắt con người từ chuồng này sang chuồng khác có thể giúp họ sung sướng hơn hay sao? Tôi nói rằng: Không! Tôi nói rằng: Phải giải thoát con người khỏi tất cả ràng buộc, anh bạn ạ! Nhà cửa, vợ con, của cải của anh đối với Chúa có nghĩa lí gì đâu? Anh bạn ạ, phải thoát khỏi tất cả những gì khiến người ta đâm chém, cắn xé lẫn nhau, khỏi mọi bạc vàng của cải, đó đều là những thứ thối rữa, những thứ dơ bẩn! Cứu vớt linh hồn con người không phải ở trên mặt đất trần tục này mà ở trên những thung lũng thiên đường kia! Phải từ bỏ tất cả, tôi nói như vậy đây, hãy cắt đứt hết mọi dây nợ liên quan, hãy phá hủy mọi màng lưới trên cõi đời này đi. Những đầu mối đó đều phản lại Chúa... Tôi đi trên con đường thẳng, không hề quanh co ngoắt ngoéo, không hề tiếp nhận những cái mờ ám...

- Thế anh có tiếp nhận bánh mì, nước uống, quần áo không? Đó đều là những đồ trần tục cả đấy thôi! – Lão già nói vẻ cay nghiệt.

Nhưng những lời nói đó không làm Aleksasha sồn lòng, ông tiếp tục nói, giọng mỗi lúc một chân thành. Tuy giọng ông không to nhưng có cảm giác ông đang thổi một cái kèn đồng.

- Anh bạn ạ, điều gì thân thiết với anh? Chỉ có Chúa thôi. Hãy đứng trước Người với một tâm hồn trong sạch không màng

điều gì khác, hãy dứt bỏ mọi xiềng xích trần tục trong lòng, và lúc ấy Chúa sẽ thấy: Chỉ có mình anh trước Chúa, có thể anh mới gần Chúa được. Đó là con đường duy nhất để đến với Người! Muốn được giải thoát thì phải từ bỏ cha mẹ, từ bỏ mọi thứ kể cả con mắt, nếu mắt anh cảm dỗ anh thì hãy móc vứt nó đi! Vì Chúa, anh hãy tiêu hủy mọi thứ, chỉ giữ lại linh hồn. Linh hồn anh sẽ đời đời sáng chói...

- Có lẽ chó mới nghe được anh. – Lão Pyotr Vassiliep đứng dậy. – Tôi cứ tưởng rằng từ năm ngoái đến nay anh đã khôn ra, ai ngờ mỗi ngày anh lại đổ đốn thêm...

Lão lắc lư rời khỏi cửa hiệu. Điều đó khiến Aleksasha lo lắng. Ông ta vội hỏi:

- Anh đi đây à? Sao... lại thế?

Nhưng lão già Lukian hiền lành nháy mắt an ủi ông và lên tiếng:

- Không sao đâu... Không sao đâu...

Ông Aleksasha liền chồm sang lão:

- Còn ông nữa. Một người trần tục vất vả ngược xuôi như ông mà cũng gieo rắc những lời vô bổ ấy à, liệu có mang lại lợi ích gì không? Nào những “Lạy Chúa tôi”, nào những...

Lão Lukian tùm tùm rồi cũng chuồn ra sân. Còn mình ông khách lạ, ông quay sang gã quản lí, nói với giọng tự tin:

- Bọn họ không sao chịu được tính tôi. Thế là lại bỏ đi như mặt trăng mặt trời...^[124]

Gã quản lí lờm ông, lạnh nhạt:

- Tôi không biết đến chuyện ấy.

Người lạ mặt dường như xấu hổ, ông ta đẩy mũ lên, lẩm bẩm:

- Sao lại có thể không biết được? Đó là những vấn đề... đòi hỏi phải đi sâu...

Ông ta ngồi cúi đầu, lặng yên một lúc; sau đó các lão già gọi ông và cả ba người, không chào hỏi ai, kéo nhau ra khỏi hiệu.

Con người đó xuất hiện trước mắt tôi như một ngọn lửa bùng sáng trong đêm tối: Nó cháy rực rồi tắt ngóm, tôi cảm nhận được một sự thật nào đó trong thái độ phủ nhận cuộc sống của ông ta.

Buổi chiều, chờ dịp thuận tiện, tôi say sưa kể lại cho bác Ivan Larionovich, một bác thợ cả tính hiền lành và dịu dàng của xưởng làm tượng thánh. Bác nghe tôi kể xong bèn giải thích:

- Chắc hẳn là dân lưu lạc rồi! Có một giáo phái như vậy, họ chẳng công nhận cái gì cả.

- Thế thì họ sống làm sao?

- Sống lang thang nay đây mai đó, phiêu bạt khắp mọi nơi, vì thế người ta mới gọi là dân lưu lạc. Họ nói rằng trái đất và mọi vật trên đời này đều xa lạ với họ. Còn cảnh sát thì coi họ là mối đe dọa nên lùng bắt họ...

Mặc dù tôi sống rất khổ cực, tôi vẫn không hiểu tại sao lại có thể từ bỏ hết mọi thứ? Trong cuộc sống quanh tôi lúc bấy giờ có biết bao điều thú vị, thân thiết, vì vậy chẳng bao lâu hình ảnh Aleksasha Vassiliep mờ nhạt dần trong trí óc tôi.

Nhưng đôi lúc, vào những giờ phút cay cực nhất, ông ta hiện ra trước mắt tôi: Ông băng qua đồng trên một con đường mờ xám, tới phía rừng, bàn tay thư sinh^[125] trắng trẻo, lẩy bẩy đập

đập cây gậy và lăm bắm:

- Tôi đi trên con đường thẳng, tôi không tiếp nhận gì cả! Hãy dứt bỏ hết mọi mối liên hệ...

Bên cạnh hình ảnh đó, tôi nhớ đến bố tôi, nhớ cảnh bà ngoại nằm mơ thấy người đang chống một cây gậy bằng gỗ hồ đào, sau lưng người là một con chó khoang thè lưỡi chạy theo...^[126]

Xưởng làm tượng thánh choán hai phòng của một ngôi nhà to, tầng hầm xây bằng đá. Một phòng có ba cửa sổ trông ra sân và hai cửa sổ trông ra vườn. Còn phòng kia có một cửa sổ trông ra vườn và một cửa sổ trông ra phố. Các ô cửa sổ đều bé nhỏ, vuông vắn. Máy tấm kính cửa sổ vì cũ quá nên nổi vân, miễn cưỡng để lọt vào xưởng một làn ánh sáng mờ mờ, tản mạn những ngày đông.

Cả hai phòng đều chật ních những bàn là bàn. Sau mỗi bàn có một hoặc hai người thợ vẽ tượng ngồi khom khom. Những quả cầu thủy tinh đầy nước treo trên trần, tập trung ánh đèn lại rồi tỏa luồng ánh sáng trắng lạnh xuống những bức tượng gỗ vuông.

Trong xưởng nóng và ngọt ngọt. Khoảng hai chục thợ vẽ tượng Chúa ở Palekh, Kholia, Mstir^[127] ngồi làm việc. Họ mặc sơ mi vải màu, cổ hở, quần lót chéo go, chân đi đất hoặc những đôi giày rách nát. Một màng khói xám khét mùi thuốc lá rẻ tiền bay trên đầu đám thợ. Căn phòng sực mùi dầu gai, mùi sơn, mùi trứng ung. Một khúc hát buồn buồn của vùng Vladimir thong thả ngân lên như một dòng nhựa chảy:

Thời nay phong hóa suy đồi,

Gái trai tình tự lả lơi giữa đường.

Người ta còn hát nhiều bài không lấy gì làm vui khác; nhưng bài này được hát nhiều hơn cả. Âm điệu ngân nga của bài ca không ngăn cản người ta suy nghĩ cũng như đưa chiếc bút lông

chòn nhỏ nhắn trên các bức tượng, tô những nếp áo, thêm những nếp nhăn đau khổ rất nhỏ trên khuôn mặt xương xẩu của các vị thánh. Lão thợ chạm Golovev, một lão già nát rượu có cái mũi xanh to tướng ngòi gỗ búa dưới cửa sổ. Tiếng búa khô khan xen đều đều với điệu hát ể oải như tiếng mọt gặm gỗ.

Nghề vẽ tượng thánh này chẳng lôi cuốn được ai. Không biết kẻ thông thái ác độc nào đã xé vụn công việc thành ra một tràng động tác dài, vừa thiếu vẻ đẹp vừa chẳng kêu gọi được chút yêu thích, hứng thú nào với công việc. Bác thợ mộc lác mắt Panfin, một người độc ác và thâm hiểm, mang tới cho họ những tấm ván trắc bá, ván bồ đề dán đã bào nhẵn đủ các cỡ. Anh thợ lao phổi Davidov phủ sơn lót nền, bạn của anh là anh Sorokin tô thêm màu. Anh Milyashin dùng bút chì vẽ theo bản mẫu. Lão Golovev thếp vàng và khắc hình. Những thợ “phong cảnh” vẽ phong cảnh và quần áo. Sau đó tượng được xếp cạnh tường, không đầu, không tay, chờ “thợ mặt”.

Thật khó chịu khi trông thấy những bức tượng lớn dùng để trang trí bàn thờ và cửa giáo đường xếp cạnh tường, chưa có mặt mũi chân tay, chỉ rất những nếp viền hoặc binh giáp, áo ngắn của thiên sứ. Từ những tấm gỗ vẽ sặc sỡ đó tỏa ra một cảm giác chết chóc, không gì có thể khiến chúng sinh động lên. Vẻ sinh động dường như từng hiện hữu và đã biến mất một cách kì diệu, chỉ để lại những nét viền nặng nề.

Khi “thợ mặt” đã vẽ xong “thánh thể”, tượng được chuyển đến một anh thợ chuyên “đánh bóng” các hình chạm; chữ cũng do một người chuyên trách, còn tô sơn thì chính tay trưởng xưởng là bác Ivan Larionovich, một người tính tình điềm đạm làm.

Bác có khuôn mặt xám xám, chòm râu mảnh như tơ cũng màu xám; cặp mắt sáng sâu thẳm lạ lùng và đượm vẻ buồn rầu ảo não. Bác cười rất tươi, nhưng không ai cười lại với bác vì họ thấy lúng túng thế nào ấy. Bác giống như tượng thánh Simon Stolpnik – người cũng gầy còm, hốc hác và đôi mắt bất động cũng nhìn xuyên qua mọi người và các bức tường về phía xa xăm một cách lơ đãng.

Tôi tới xưởng được vài ngày thì anh thợ vẽ phước người Cossack vùng sông Đông tên là Kapendiukhin, một gã đẹp trai, lực lưỡng, say bí tỉ đi vào xưởng. Anh nghiện chặt răng, nheo cặp mắt hiền hậu như mắt đàn bà, chẳng nói chẳng rằng đánh tất cả mọi người bằng những cú thụi nặng như sắt. Người tầm thước, cân đối, anh lỏng lộn trong xưởng như con mèo giữa hầm rượu đầy chuột. Mọi người cuống quýt nấp vào các góc nhà và quát nhau:

- Đánh đi!

Anh thợ chuyên vẽ mặt là Evgen Sitanov đã kịp dùng ghế đầu nện vào đầu tên điên cuồng hung hăng ấy. Anh chàng Cossack ngồi thụp xuống sàn. Người ta lập tức vật ngửa anh ra và dùng khăn mặt trói lại. Anh cắn xé khăn như một con thú dữ. Thấy vậy, anh Sitanov nổi xung, nhảy lên bàn, co tay định nhảy xuống người anh chàng Cossack. Người cao lớn, gân guốc, có lẽ anh giậm vỡ ngực anh Kapendiukhin mất, nhưng vừa lúc đó bác Larionovich đội mũ, mặc áo khoác xuất hiện bên cạnh anh. Bác giơ ngón tay dọa anh Sitanov và bảo những người thợ, giọng bình tĩnh và dứt khoát:

- Mang hắn ra ngoài hành lang cho hắn tỉnh lại đã...

Người ta lôi anh Cossack ra khỏi xưởng, sắp xếp lại bàn ghế và lại ngồi làm việc. Họ trao đổi với nhau những nhận xét vẫn

tất về sức lực của Kapendiukhin, đoán trước rằng sẽ có ngày anh ta bị đánh chết trong khi gây gỗ.

- Khó đánh hẳn chết lắm. – Anh Sitanov nói, giọng rất thản nhiên như nói về một chuyện mình biết rất tường tận.

Tôi nhìn bác Larionovich và thắc mắc: Tại sao những con người lực lưỡng, dữ tợn này lại phục tùng bác dễ dàng như vậy?

Bác thường chỉ dẫn mọi người cách làm việc, đến cả những thợ giỏi nhất cũng vui vẻ nghe theo lời khuyên của bác. Bác chỉ bảo Kapendiukhin nhiều hơn và cặn kẽ hơn những người khác.

- Kapendiukhin, chú tự cho mình là họa sĩ thì chú phải vẽ cho sinh động, theo phong cách của Ý. Nghệ thuật vẽ sơn dầu đòi hỏi sự hòa hợp ở các màu ấm, thế mà chỗ này chú lại cho quá nhiều màu trắng, khiến mắt Đức Mẹ lạnh nhạt, thiếu hẳn thần sắc. Má thì hồng như quả táo, nhưng mắt thì lại trái hẳn với má. Mà vẽ cũng không đúng nữa, một mắt nhìn vào chóp mũi, một mắt héch lên thái dương, thành ra không phải là một khuôn mặt thần thánh nữa mà là một khuôn mặt trần tục, láu lỉnh. Chú không chịu suy nghĩ gì đến công việc của mình cả, chú Kapendiukhin ạ.

Anh Cossack vừa nghe vừa nhăn mặt. Sau đó anh cười một cách trơ trẽn với cặp mắt đàn bà và nói, giọng rất dễ thương, hơi khàn khàn vì rượu:

- Chà, bố Ivan Larionovich ơi, nghề này có hợp với con đâu! Con sinh ra để làm nhạc sĩ, thế mà lại phải làm anh thầy tu thế này!

- Có công mài sắt, có ngày nên kim...^[128]

- Không đâu, con là người như thế nào mới được chứ? Con chỉ cần là một gã đánh xe với ba con ngựa thôi, chà...

Rồi gân cổ lên, anh ngân nga với vẻ tuyệt vọng:

A ha, ta thắng vào xe,
Ba con ngựa hồng thiên lí,
Phóng nhanh trong đêm giá băng,
Thăng tới nhà em yêu quý!

Ivan Larionovich cười một cách dễ dãi, sửa lại kính trên cái mũi xám thiếu não rồi bỏ đi. Hàng chục giọng đồng thanh cất lên, ngân theo bài hát, hòa thành một dòng chảy hùng mạnh như muốn nâng bổng cả xứ sở lên không và nhịp nhàng đung đưa:

Theo lối quen, ngựa đã biết,
Nhà nàng ở nơi nao...

Pashka^[129] Odintzov, thợ học việc, cũng ngừng đập trứng, mỗi tay cầm một mảnh vỏ, miệng hát bè đệm với giọng cao vút hay tuyệt.

Say sưa với âm thanh, mọi người quên tất cả, như thở chung một lồng ngực, sống chung một tình cảm và đều liếc nhìn anh Cossack. Khi anh hát, cả xứ sở xem anh như thủ lĩnh. Mọi người hướng về anh, theo dõi nhịp tay phóng khoáng của anh. Anh dang cánh tay như muốn bay bổng. Tôi tin chắc rằng nếu đột nhiên anh ngừng hát và quát lên: “Đập phá tất cả đi!” thì mọi người, kể cả những người thợ đứng đắn nhất, đều có thể đập phá tan tành cả xứ sở chỉ trong giây phút.

Kapendiukhin không hay hát, nhưng sức mạnh của những bài hát sôi nổi bao giờ cũng quyến rũ và lấn át tất cả. Dù mọi người đang ở trạng thái nặng nề đến thế nào anh cũng kích thích được họ và làm cho họ phấn khởi hẳn, trở nên hào hứng

và trở thành một sức mạnh ào ạt giữa bao nhiêu tình cảm nồng cháy đang tan hòa với nhau.

Những bài hát đó gọi lên trong lòng tôi cảm giác háo hức ganh tị với người hát, với cái quyền lực to lớn của anh trước mọi người. Một điều gì cảm động, bồi hồi lan vào tim tôi, làm tim giãn nở đến nhức nhối. Tôi muốn khóc, muốn kêu to với đám người đang hát:

“Tôi yêu các người lắm!”

Anh Davidov lao phổi, da vàng vọt, người lồm chồm những lông cùn lá, há miệng giống hệt như một con quạ đen nhỏ vừa mới phá vỏ trứng chui ra.

Chỉ khi nào anh Cossack cất giọng, mọi người mới hát những bài hát vui vẻ, hùng tráng. Còn không, họ ngân nga những bài buồn buồn “Thời nay phong hóa suy đồi”, “Trong khu rừng nho nhỏ” hoặc về cái chết của vua Aleksasha đệ nhất – “Aleksasha của chúng ta duyệt binh”.

Đôi khi, theo đề nghị của bác Jikharev, thợ vẽ mặt giỏi nhất xưởng, mọi người cũng thử hát thánh ca, nhưng ít khi hát được đạt. Bác Jikharev lúc nào cũng đòi hỏi mọi người phải theo một kiểu đặc biệt mà chỉ mình bác hát được và cản trở mọi người hát.

Bác Jikharev trạc bốn mươi lăm tuổi, gầy gò, đầu hói, có một vành tóc đen quăn như tóc dân Tzigane^[130], cặp lông mày đen to như ria mép. Chòm râu rậm tủa nhọn tô điểm thêm cho khuôn mặt thanh tú, ngăm ngăm đen không giống người Nga. Bộ ria cứng nhô ra dưới cái mũi gãy đâm ra thừa dưới cặp lông mày. Đôi mắt xanh của bác không đều: Mắt trái to hơn mắt phải một cách rõ rệt.

- Pashka! – Bác quát thẳng bạn học việc của tôi bằng giọng nam cao. – Nào, mày bắt đầu đi: “Hãy ngợi ca!” Các bạn, chú ý nhé!

Pashka chùi tay vào tạp dề, cất tiếng hát:

- “Hãy ngợi... ca...a...”

- “... da...anh Chúa...”

Một vài giọng cất lên hòa theo nhưng bác Jikharev hốt hoảng kêu:

- Evgen, hát thấp xuống! Phải hạ giọng xuống tận đáy lòng...

Anh Sitanov bỗng rống lên ồm ồm như người gõ thùng:

- “Hỡi bà...ày tôi của Chúa...”

- Không phải thế! Chỗ này phải bắt vào như thế nào để cho đất đai rung chuyển, để cho tất cả các cửa ra vào, các cửa sổ phải mở toang ra!

Bác Jikharev toàn thân nhún nhảy trong một trạng thái kích động khó hiểu. Cặp lông mày kì diệu của bác rướn lên, nhú xuống trên trán. Giọng bác lạc đi, những ngón tay của bác như đang gảy một chiếc đàn *gusli*^[131] vô hình...

- “Lũ bầy tôi của Chúa”, hiểu chưa? – Bác nói, giọng bao hàm nhiều ý nghĩa. – Phải hiểu điều đó, không chỉ qua vẻ ngoài mà tận trong tâm can. “Lũ bầy...ày tôi, hãy ngợi ca Chúa!” Có thể mà các cậu không hiểu sao?

- Bác đã thấy đấy, không bao giờ chúng ta hát nổi đâu. – Anh Sitanov lễ phép.

- Ừ, thì thôi vậy!

Bác Jikharev giận dữ, tiếp tục làm việc. Bác là một thợ giỏi,

có thể vẽ được các kiểu mặt theo phong cách Byzantine, Pháp, Ý... Khi nhận những đơn đặt tượng cho bàn thờ, bác Larionovich đều hỏi ý kiến bác Jikharev vì bác này rất sành tượng cổ. Mọi phiên bản đất tiền của các tượng thánh Đức Mẹ Peodorov, Kazan Màu Nhiệm và các tượng khác đều qua bàn tay bác cả. Nhưng vừa loay hoay với những nguyên bản, bác vừa làu bàu âm lên:

- Những nguyên bản này bó tay ta quá! Phải nói thẳng là: Chúng trói tay mình lại!

Tuy giữ vai trò quan trọng trong xưởng, bác ít kiêu căng hơn những người khác. Đối với học trò – tôi và Pavel – bác rất ân yếm. Bác muốn dạy nghề cho chúng tôi, điều mà ngoài bác không ai nghĩ tới.

Bác là người khó hiểu. Nói chung thì tính bác không vui, đôi khi bác làm việc lặng lẽ hàng tuần như người câm. Bác nhìn mọi người với vẻ ngạc nhiên và xa lạ như lần đầu tiên gặp họ. Và tuy bác rất thích hát, trong những ngày đó bác không hát, thậm chí gần như bác không nghe thấy tiếng hát nữa. Mọi người vừa nháy nhau nhìn về phía bác vừa chú ý theo dõi bác. Bác gò lưng nhìn bức tượng đặt nghiêng trên đầu gối, phần giữa bức tượng tựa vào thành bàn. Cây bút lông nhỏ của bác nắm nót tô vẽ khuôn mặt mờ tối xa lạ, cũng xa lạ mờ tối như chính bản thân bác.

Bỗng nhiên bác thốt lên, giọng rành rọt, bức tức:

- “Tiền nhân” là cái gì? Tiếng cổ thì “tiền” có nghĩa là “trước”. “Tiền nhân” là “người lớp trước”, có phải thế không?...

Không khí trong xưởng bỗng lắng hẳn. Mọi người tùm tùm

cười, liếc nhìn bác Jikharev. Trong không gian vẫn vẳng lên những câu nói kì lạ:

- Phải vẽ ông ta có cánh chứ không phải là mặc áo da cừu...

- Bác nói với ai đây? – Người ta hỏi bác.

Bác lặng thinh vì không nghe thấy câu hỏi hoặc vì không muốn trả lời. Rồi những lời của bác lại rơi tõm vào khoảng không lặng lẽ:

- Cần phải biết sự tích các thánh, nhưng ai biết những sự tích ấy? Chúng ta biết được những gì? Chúng ta sống thật quá tầm thường... Còn đâu là tâm hồn? Tâm hồn ở đâu rồi? Nguyên bản thì có đấy, nhưng trái tim thì không...

Những suy nghĩ nói lên thành tiếng đó khiến mọi người, trừ anh Sitanov, mỉm cười vẻ giễu cợt; gần như lúc nào cũng có người nào đó đặc ý thăm thì:

- Thứ Bảy này lại rượu rồi...

Anh Sitanov, một thanh niên khoảng hai mươi hai tuổi, cao lêu nghêu, gân guốc, có khuôn mặt tròn trĩnh, mày râu nhẵn nhụi, dăm dăm nhìn vào góc nhà với một vẻ nghiêm trang buồn bã.

Tôi còn nhớ sau khi sao xong hình Đức Mẹ Peodorov để đem đến Kungur thì phải, bác Jikharev đặt bức tượng lên bàn và nói to, giọng cảm động:

- Thế là xong tượng Đức Mẹ! Mẹ như một chiếc cốc, một chiếc cốc không đáy, trong đó những giọt nước tâm tình cay đắng của loài người bây giờ sẽ nhỏ vào...

Rồi quàng lên vai áo khoác của ai đó, bác đến quán rượu. Đám thanh niên huýt sáo, cười âm ỉ. Máy người đứng tuổi thở

dài tị nạnh nhìn theo bác. Còn anh Sitanov thì đến cạnh bức tượng, nhìn chăm chú và nói:

- Tất nhiên là bác ấy sẽ uống đến chết thôi vì phải nộp công trình này thì thật là đáng tiếc. Lòng tiếc rẻ ấy để mấy người có được...

Những trận say túy lúy của bác Jikharev thường bắt đầu vào những ngày thứ Bảy. Phải nói thêm rằng bác không phải kẻ nát rượu. Lần nào cũng như lần nào: Buổi sáng bác viết một mẩu giấy và sai Pavel mang đi, rồi tới trước bữa ăn trưa, bác nói với bác Larionovich:

- Hôm nay tôi đến nhà tắm đây.

- Có lâu không?

- Còn nhờ Chúa...

- Thôi được, nhưng không được muộn quá thứ Ba đây!

Bác Jikharev gật gật cái sọ nhãn nhụi ra chiều đồng ý; cặp lông mày của bác rung rung.

Ở nhà tắm về, bác đóng bộ, áo sơ mi hồ cứng, buộc khăn chéo vào cổ, đính một dây bạc dài trên cái áo ghi lê xa tanh rồi lặng lẽ bỏ đi sau khi bảo tôi và Pavel:

- Chiều này dọn xưởng cho sạch sẽ nhé. Cái bàn lớn kì cọ và rửa ráy cẩn thận vào!

Mọi người đều có vẻ hớn hở như trong ngày hội. Họ chỉnh tề hơn thường khi, quần áo chải chuốt, tắm tấp và ăn bữa chiều rất nhanh. Bác Jikharev đến sau bữa ăn chiều với những gói đồ nhắm, rượu vang và bia. Theo sau bác là một người đàn bà tầm vóc cao lớn khủng khiếp. Mụ cao chừng hai mét^[132]. Tất cả ghé tựa, ghé đầu của chúng tôi với mụ đều chỉ nhỏ như món đồ

chơi, cho đến cả anh Sitanov cao lêu nghêu cũng chỉ là hạng nhóc khi đứng bên mụ. Người mụ rất cân đối nhưng ngực mụ như quả đồi nhô lên phía cằm. Mụ cử động chậm chạp, vụng về. Mụ trạc ngoài bốn mươi tuổi, khuôn mặt trơ trơ và tròn trĩnh, cặp mắt to tươi mịn như mắt ngựa, cái miệng nhỏ như được vẽ trên mặt một con búp bê rẻ tiền. Mụ mỉm cười yếu điệu, chìa bàn tay to lớn và ấm áp cho mọi người và nói những câu chẳng đâu vào đâu:

- Chào anh. Hôm nay lạnh lắm. Nhà các anh khó thở quá. Đó là mùi sơn đầy mà. Chào anh.

Trông cái vẻ lực lưỡng và diêm dạm như một dòng sông tràn trề nước của mụ thì cũng thấy hay hay, nhưng nghe mụ nói thì chán đến phát buồn ngủ; những câu chuyện của mụ đều vô vị và dễ làm người ta ngán. Trước khi thốt lên một tiếng, mụ làm ra vẻ trịnh trọng, đôi má đỏ tía của mụ căng phồng.

Đám thanh niên cười khẩy, rĩ tai nhau:

- Thật là một cái đầu tàu hỏa^[133] nhé!

- Cứ như cái gác chuông ấy!

Mụ chúm môi, tay khoanh dưới ngực, ngồi vào cái bàn đã bày sẵn thức ăn, bên cạnh cái ấm *samovar* rồi lần lượt nhìn mọi người bằng cặp mắt ngựa hiền lành.

Mọi người đối xử với mụ vẻ kính cẩn, đám thanh niên có phần hơi sợ mụ là khác; một chàng thêm thường nhìn cái thân hình to lớn của mụ, nhưng khi cặp mắt anh ta bắt gặp ánh nhìn ôm áp mơn trớn của mụ, anh ngượng nghịu nhìn xuống. Bác Jikharev cũng kính nể bà khách, gọi mụ bằng kính ngữ, là “kuma”^[134]. Khi mời mụ ăn, bác cúi thấp đầu.

- Ông cứ yên tâm. – Mụ ngọt ngào nói, giọng kéo dài. – Ông

cứ phải lo lắng làm gì thế, thật đấy!

Chính bản thân mù cũng chậm chạp, cánh tay mù chỉ cử động từ khuỷu đến bàn tay, khuỷu tay khép chặt vào sườn. Người mù tỏa ra mùi men nồng nồng của bánh mì nóng.

Lão Golovev lấp bắp vì khoái trá, ca ngợi sắc đẹp của người đàn bà, trông lão hết như thầy phụ lễ đọc kinh. Mù vừa nghe vừa tủm tủm, vẻ hiền hậu. Gặp lúc lão nói câu nọ xọ câu kia, mù bèn kể về mình:

- Cái hồi còn con gái, chúng tôi cũng không đẹp đâu. Đó là nhờ cái cuộc đời phụ nữ mà chúng tôi mỗi ngày một khá thêm. Khoảng năm ba mươi tuổi, chúng tôi đã nổi tiếng đến nỗi nhiều nhà quý tộc phải chú ý tới. Có một ông quan huyện đã hứa hẹn một cỗ xe song mã...

Kapendiukhin say ngật ngưỡng, đầu tóc rối bù, nhìn mù vẻ căm thù và thô bạo:

- Vì cái gì mà hứa hẹn?

- Tất nhiên là vì tình yêu. – Bà khách giải thích.

- Tình yêu. – Kapendiukhin bối rối làu bàu. – Tình yêu gì ở đấy?

- Anh bảnh trai thế kia thì còn lạ gì tình yêu. – Người đàn bà thản nhiên.

Cả xưởng rung chuyển trong tiếng cười âm ỉ, còn anh Sitanov thì càu nhàu với Kapendiukhin:

- Mù ngốc, không hơn không kém! Ai mà chẳng thấy chỉ khi nào chán chường quá quắt lắm người ta mới có thể yêu được mù...

Rượu vang khiến mặt anh trắng nhợt, mồ hôi chảy lấm tấm

trên thái dương như những hạt trai, cặp mắt thông minh như bồi hồi bốc lửa. Còn ông lão Golovev thì vừa đung đưa cái mũi xấu xí vừa lau nước mắt:

- Chị được mấy cháu rồi?

- Dạ, chúng tôi được một cháu...

Một ngọn đèn treo trên bàn; sau góc lò sưởi là một cây đèn khác. Chúng tỏa sáng một cách yếu ớt; những bóng đen tụ lại ở các góc xướng – nơi có những hình thù cụt đầu, vẽ dở dang. Trên những đốm xám phẳng phiu ở chỗ lẽ ra phải có tay và đầu như phẳng phất điều gì ghê rợn, khủng khiếp hơn mọi ngày. Đường như thân hình các thánh bỗng tan mất một cách kì ảo sau đám quần áo sơn vẽ và biến khỏi căn hầm. Những quả cầu thủy tinh được rút lên sát trần nhà và treo trên móc. Chúng nằm giữa đám khói dày đặc như mây phủ, óng ánh một màu xanh biếc.

Bác Jikharev lảng xảng đi lại quanh bàn, mời mọc mọi người. Cái sọ nhẵn nhụi của bác lúc nghiêng xuống người này, lúc cúi xuống người khác, mấy ngón tay thon nhỏ luôn như đang gảy đàn. Bác gầy hảnh, cái mũi hung dữ như nhọn thêm. Khi bác đứng nghiêng về phía đèn, trên má bác hiện lên bóng đen sì của cái mũi.

- Các bạn, ăn uống đi chứ. – Bác nói, giọng nam cao ngân nga như tiếng chuông.

Còn bà khách thì thánh thót, giọng đả đàng:

- Có gì mà phải lo, ông dượng? Ai chả có tay, muốn ăn gì thì tùy thích. Hơn nữa, có muốn ăn bây giờ cũng không ăn được.

- Hãy nghỉ đã, các bạn ơi! – Bác Jikharev kêu lên, vẻ khích động. – Các bạn thân mến của tôi, tất cả chúng ta đều là bấy tôi

của Chúa, vậy ta hãy cùng hát bài “Hãy ngợi ca danh Chúa” nhé.

Bài hát không thành: Mọi người đều chũnh choáng say vì rượu và đồ nhắm. Kapendiukhin cầm cây đàn phong cầm có hai dây nút bấm trên tay. Anh Viktor Salautin, một người thợ trẻ, đứng dẫn và đen đũi như một chú quạ con, lấy cái trống cơm và rê ngón tay trên lớp da căng. Mặt trong rền lên một âm thanh bùng bực, những cái chuông leng keng inh ỏi.

- Chơi một bài Nga. – Bác Jikharev ra lệnh. – Kumuska, xin mời bà chị!

- A. – Mụ đàn bà đứng dậy, thở dài. – Sao ông cứ phải bận tâm thế!

Mụ bước ra chỗ trống và đứng ở đấy, vững vàng như một cái tháp. Mụ mặc váy nâu rộng, áo cộc vàng bằng vải mịn, đầu trùm khăn đỏ chói.

Tiếng đàn phong cầm dồn dập ngân vang, chuông kêu leng keng. Mặt trống phát ra một âm thanh nặng nề như tiếng thở dài khàn khàn thật khó chịu: Dường như có một người điên đang kêu la, nức nở và đập trán vào tường.

Bác Jikharev không biết nhảy. Bác chỉ chạy lon ton, giậm giậm gót đôi ủng đã được lau chùi bóng loáng, nhảy lên như con dê mà vẫn không sao đúng nhịp với điệu nhạc kích động. Chân bác như chân gỗ chắp vào, người bác uốn éo một cách xấu xí, bác lồng lộn như con ong bò vẽ vướng mạng nhện hay con cá sa lưới, trông chẳng vui vẻ tí nào. Nhưng mọi người, cho đến cả những người say bí tỉ, đều chăm chú nhìn “cơn động kinh” của bác: Họ lặng lẽ theo dõi tay và mặt bác. Biểu cảm của bác tuyệt diệu, lúc dịu dàng, ngượng nghịu, lúc bỗng trở nên kiêu hãnh

và cau mày lại một cách nghiêm khắc. Có lúc bác như kinh ngạc vì điều gì đấy, kêu lên, nhắm mắt lại trong giây phút, rồi khi mở mắt ra khuôn mặt bác trở nên buồn rầu, ảo não. Tay nắm lại thành củ thụi, bác rón rén đến gần người đàn bà rồi bỗng giậm chân một cái và quỳ xuống trước mẹ. Tay bác dang rộng, lông mày giương lên, bác mỉm cười hiền hậu. Mẹ nhìn bác từ trên xuống dưới với một nụ cười hảo tâm và bình tĩnh:

- Ông dưỡng ời, ông sẽ mệt đấy!

Mẹ cố lim dim mắt một cách duyên dáng, nhưng cặp mắt to bằng đồng xu^[135] của mẹ không khép lại được, khuôn mặt nhăn nhó của mẹ nom thật khó coi.

Mẹ cũng không biết nhảy, chỉ lúc lắc tấm thân đồ sộ một cách chậm chạp và lặng lẽ xô dịch tấm thân đó từ chỗ này sang chỗ khác. Tay trái mẹ cầm khăn, uể oải phe phẩy. Tay phải mẹ chống vào sườn. Tư thế đó khiến mẹ giống như một chiếc bình khổng lồ có quai.

Còn bác Jikharev thì cứ vừa đi lại xung quanh pho tượng đá đó vừa thay đổi biểu cảm. Như thế không phải một người mà là hàng chục người luân phiên khiêu vũ: Người này thì dịu dàng, ngoan ngoãn; người kia thì cáu kỉnh, dọa nạt; người thứ ba thì như sợ hãi điều gì, vừa la khe khẽ vừa muốn lén chuồn khỏi người đàn bà to lớn, khó chịu này. Và kia, một người nữa, rặng nhe ra và lưng khom run rẩy như một con chó bị thương. Điệu nhảy xấu xí tẻ ngắt đó khiến tôi chán ngán; nó đánh thức những kí ức không lấy gì làm tốt đẹp về những người lính, những mẹ bếp và đám thợ giặt, mấy chuyện bù khú tồi tệ.

Những lời nói nho nhỏ của anh Sidorov lại vang lên trong óc tôi.

“Trong việc này mọi người lừa dối nhau tuốt. Đó là việc mà ai cũng thấy hổ thẹn. Có người nào yêu người nào đâu, chẳng qua chỉ là trò đùa đẩy thôi...”

Tôi không muốn tin rằng “trong việc này mọi người lừa dối nhau tuốt”, nếu như vậy thì Nữ hoàng Margot sẽ thế nào? Và tất nhiên, bác Jikharev cũng không lừa dối. Tôi biết anh Sitanov đã yêu một cô gái “giang hồ”: Cô này truyền cho anh một căn bệnh thật ô nhục, nhưng anh không vì điều ấy mà đánh đập cô ta, anh thuê nhà cho cô, chữa chạy cho cô và luôn nói về cô bằng giọng dịu dàng, lúng túng.

Người đàn bà to lớn vẫn lắc lư, cười một cách nhạt nhẽo, tay vẫy vẫy khăn. Bác Jikharev vẫn nhảy nhót run rẩy xung quanh. Tôi nhìn và nghĩ bụng, lẽ nào bà Eva lừa dối cả Chúa Trời mà lại trông giống như con ngựa này chẳng? Và tôi ghét mù cay đắng. Các bức tượng thánh cụt đầu dựng bên những bức tường tối om nhìn ra. Bóng đêm nép sát vào các tấm kính. Đèn cháy lù mù trong khoảng không ngọt ngào của gian xưởng. Nếu chú ý lắng nghe thì sẽ thấy giữa tiếng giậm chân nặng nề và tiếng nói ồn ào có tiếng nước nhỏ mau từ chậu rửa mặt bằng đồng xuống thùng nước rác.

Tất cả những cảnh tượng trên chẳng giống cuộc sống mà tôi đọc trong các sách chút nào. Hoàn toàn chẳng giống một chút nào cả. Cuối cùng mọi người cũng đều cảm thấy chán. Kapendiukhin vút phong cầm vào tay Salautin và quát:

- Chơi đi! Nhanh lên!

Anh nhảy giống anh Vanka Tsiganok^[136], người như bay trong không khí. Sau đó đến Pavel Odintzov và anh Sorokin nhảy rất hăng, rất khéo. Anh Davidov lao phổi cũng rê chân trên sàn, ho húng hắng vì bụi, khói, mùi rượu mạnh, mùi xúc

xích, mùi da thuộc thường trực.

Họ nhảy, họ hát, họ la hét, nhưng ai cũng nhớ rằng mình đang vui chơi. Tựa hồ họ thi nhau, một cuộc thi tài khéo léo và dẻo dai.

Anh Sitanov say chuẩn choáng, hỏi hết người này đến người khác:

- Có thể nào yêu được người đàn bà như thế kia, hả?

Có lẽ anh sắp khóc òa lên.

Bác Larionovich nhô xương vai nhọn lên trả lời anh:

- Đàn bà nào chả là đàn bà, mà muốn gì cơ chứ?

Những người được nói đến dần dần biến đi đâu mất. Khoảng hai, ba ngày sau bác Jikharev mới trở về xưởng. Bác đến nhà tắm, sau đó hàng nửa tháng bác lại lặng lẽ ngồi làm việc trong góc, vẻ quan trọng, xa lạ với mọi người.

- Họ đi rồi à? – Anh Sitanov tự hỏi, đưa cặp mắt xám xanh buồn bã xem xét khu xưởng.

Khuôn mặt anh không đẹp, trông hơi già, nhưng cặp mắt của anh thì trong sáng và hiền hậu.

Anh Sitanov đối xử với tôi rất thân thiết. Cũng là nhờ quyển vở dày chép những bài thơ của tôi. Anh không tin Chúa, nhưng kể cũng khó mà biết được rằng trong xưởng này ai là người tin yêu Chúa, trừ bác Larionovich ra. Mọi người đều nói về Chúa với một vẻ hời hợt, giấu cợt như khi nói về bà chủ. Tuy vậy, lúc ngồi ăn trưa và ăn chiều, mọi người đều làm dấu, khi đi ngủ họ cầu nguyện, ngày lễ họ vẫn tới nhà thờ.

Anh Sitanov không làm gì trong số những điều kể trên, nên người ta cho anh là vô đạo.

- Chẳng có Chúa đâu. – Anh nói.
- Thế thì mọi vật do đâu mà có?
- Tôi không biết...

Khi tôi hỏi anh tại sao lại không có Chúa, anh giảng giải:

- Thế này nhé: Chúa thì cao siêu như thế này! – Anh giơ cánh tay dài lên nghêu lên trên đầu, sau đó hạ thấp tay xuống cách mặt sàn chừng một *arshin*, rồi tiếp. – Còn con người thì thấp hèn như thế này này! Có đúng không? Thế mà lại nói rằng “con người được tạo nên theo hình dáng giống Chúa” như mày biết đấy! Thế lão Golovev thì giống cái gì nào?

Lí lẽ đó của anh đã thuyết phục được tôi: Lão Golovev bản thủ và nát rượu, tuy đã già mà vẫn còn hám của lạ. Tôi lại nhớ đến anh lính người vùng Viatka, gã Ermokhin, bà dì Matryona, họ có nét gì giống Chúa?

- Con người đều loại chó lợn cả, điều đó đã rõ rồi. – Anh Sitanov nói như vậy, nhưng lập tức lại an ủi tôi. – Chẳng sao, Maksimovich ạ, còn có nhiều người tốt nữa chứ!

Nói chuyện với anh thật thoải mái, giản đơn. Khi không biết điều gì, anh thành thật:

- Tao không biết, không hề nghĩ đến chuyện ấy bao giờ!

Đó cũng là điều khác thường, vì trước khi gặp anh, tôi thấy toàn những người cái gì cũng biết, chuyện gì cũng nói được.

Tôi lấy làm lạ khi thấy trong quyển vở của anh, bên cạnh những bài thơ hay, xúc động lòng người, có nhiều bài thơ bản thủ khiến đọc lên phải xấu hổ lây. Khi tôi nói với anh về Puskin, anh chỉ vào bài *Gavrialad* mà anh đã chép vào vở...

- Puskin thì có nghĩa lí gì? Ông ta chỉ là một người thích bông

đùa thôi, chứ còn Benediktov^[137] này mới thật đáng chú ý, Maksimovich ạ!

Rồi anh nhắm mắt lại, khẽ đọc:

Hãy ngắm nhìn cô em xinh đẹp,

Bộ ngực mê hồn gợi đắm say...

Và không hiểu tại sao, anh đặc biệt nhấn mạnh ba câu sau, đọc lên với vẻ vui sướng kiêu hãnh:

Nhưng đến cả đại bàng cũng chịu,

Không nhìn qua được cửa thâm nghiêm,

Để mà xem cùng tận trái tim...

- Có hiểu không?

Tôi rất lúng túng thú nhận rằng mình không sao hiểu được điều đã làm anh vui sướng như vậy.

Nhiệm vụ của tôi ở xưởng không có gì phức tạp: Sáng sớm, khi tất cả mọi người còn ngủ, tôi chuẩn bị ấm *samovar* cho anh em thợ; trong khi họ uống trà trong bếp, tôi cùng Pavel thu dọn xưởng và tách lòng đỏ khỏi lòng trắng trứng để pha màu, sau đó ra cửa hiệu. Buổi tối, người ta bắt tôi tán nhỏ thuốc màu và “làm quen” với nghề nghiệp. Lúc đầu tôi “làm quen” rất hứng thú, nhưng chẳng bao lâu tôi hiểu rằng hầu hết những người theo đuổi cái “nghệ thuật” đã bị phân chia làm nhiều mảnh như thế này đều không thích nghề đó và khổ sở đến phát ngáy.

Các buổi tối rỗi rãi, tôi kể cho mọi người nghe về cuộc sống trên tàu thủy, tôi kể cả những câu chuyện khác trong sách vở và vô hình trung tôi đã giữ một vai trò đặc biệt trong xưởng – vai trò người kể chuyện và đọc sách. Chẳng bao lâu tôi hiểu rằng tất cả những người này đều thấy ít và biết ít hơn tôi; hầu hết họ đã bị giam chân trong một cái lồng nghề nghiệp chật hẹp ngay từ khi còn nhỏ. Cả xưởng chỉ có một mình Jikharev là đã đến Moskva, bác nói về thành phố đó với giọng trang nghiêm và khó chịu.

- Moskva không tin ở những giọt nước mắt đâu, ở đây phải cẩn thận!

Tất cả những người còn lại mới đến có Shuya, Vladimir. Khi nói đến Kazan, họ hỏi tôi:

- Ở đây có nhiều người Nga không? Có nhà thờ không?

Theo họ thì Perm ở tận Siberia, họ không tin rằng Siberia lại ở phía bên kia dãy Ural.

- Người ta chở cá vược và cá chiên của Ural từ đây lại, từ biển Caspian lại phải không? Như vậy là Ural thuộc miền biển!

Đôi khi tôi tưởng họ chế giễu tôi, họ nói nước Anh nằm ở phía bên kia đại dương, còn Bonaparte thì vốn xuất thân từ dòng dõi quý tộc ở Kaluga. Khi tôi kể cho họ những điều tai nghe mắt thấy, họ không tin tôi lắm, nhưng mọi người đều thích các chuyện khủng khiếp và rắc rối. Ngay cả những người đứng tuổi cũng rõ ràng thích chuyện bịa hơn chuyện thật. Tôi thấy rõ rằng sự việc càng vô lí bao nhiêu, câu chuyện càng hoang đường bao nhiêu, người ta càng chú ý nghe bấy nhiêu. Nói chung, thực tại không cảm kích được họ, tất cả đều nhìn về tương lai với con mắt mơ màng, không muốn nhìn đến sự nghèo nàn và xấu xa của hiện tại.

Điều đó càng khiến tôi ngạc nhiên hơn, tôi cảm thấy rất rõ những mâu thuẫn giữa thực tế và sách vở. Trước mặt tôi là con người sinh động mà trong sách vở không thấy được: bác Smouri, anh thợ đốt lò Yaakov, ông khách lưu lạc Aleksasha Vassiliep, bác Jikharev, chị thợ giặt Natalya...

Trong hòm của Davidov có tập truyện ngắn của Golitzinski, cuốn *Ivan Vuijigin* của Bulgarian, cuốn sách nhỏ của Nam tước Brambeus^[138]. Tôi đã đọc to tất cả những cuốn sách nhàu nát đó cho mọi người, họ đều rất thích. Bác Larionovich bảo:

- Việc đọc sách đẹp được những cuộc cãi cọ và tán nhảm, cái đó tốt lắm!

Tôi liền lo đi kiếm sách; tôi tìm được và hầu như tôi nào cũng đọc. Thật là những buổi tối tuyệt diệu, trong xưởng im lặng

như đêm khuya, phía trên bàn có treo những ngọn đèn thủy tinh hình cầu như những ngôi sao vừa trắng vừa lạnh; tia sáng của chúng chiếu vào mấy cái đầu hói hoặc rối bù đang gí sát xuống bàn. Tôi trông thấy những khuôn mặt trầm lặng, đăm chiêu. Thỉnh thoảng lại có người thốt lên một tiếng, khen nhân vật hoặc tác giả cuốn sách. Mọi người chăm chú và dịu dàng, trông khác hẳn trước đây; tôi rất thích họ trong những giờ phút đó, và họ đối xử với tôi cũng rất tốt, tôi thấy thoải mái, dễ chịu.

- Sách vở đối với chúng ta đã trở nên như mùa xuân, khi lần đầu tiên những ô cửa sổ mùa đông được mở toang đón không khí trong sạch tràn vào. – Có lần Sitanov đã nói như vậy.

Kiểm được sách không phải chuyện dễ; chẳng ai nghĩ tới chuyện ghi tên đọc sách ở thư viện cả. Nhưng dù sao tôi cũng dùng mọi mảnh khốe, nài xin khắp nơi như xin của bố thí, và kiếm được vài cuốn sách nhỏ. Một hôm ông đội trưởng đội cứu hỏa cho tôi một tập sách của Lermontov^[139], và lúc đó tôi mới cảm thấy sức mạnh của thơ ca ảnh hưởng lớn lao tới mọi người như thế nào.

Tôi nhớ là ngay từ khi mới đọc những dòng chữ đầu của bản trường ca *Con quỷ*, Sitanov liền nhìn vào cuốn sách, sau đó nhìn vào mặt tôi. Anh đặt bút lông trên bàn, nhét hai tay dài ngoẵng ngoẵng vào giữa hai đầu gối, người lắc lư, miệng mỉm cười. Cái ghế ở phía dưới anh kêu cọt kẹt.

- Im lặng nào, các cậu. – Bác Larionovich nói rồi cũng bỏ việc đi đến bên bàn của Sitanov, nơi tôi ngồi đọc. Bản trường ca làm tôi xúc động say sưa và nghẹn ngào, giọng tôi thường bị ngắt quãng, tôi nhìn không rõ những câu thơ, nước mắt cứ trào ra. Nhưng cảm động hơn nữa là sự đi lại im lặng và rón rén trong xưởng, mọi người từ từ quay lại, dường như có một miếng nam

châm hút họ tới chỗ tôi. Khi tôi đọc xong phần đầu, hầu hết anh em thợ đều đứng quanh bàn, tựa sát vào nhau, ôm nhau, tươi cười hoặc trang nghiêm.

- Đọc đi, đọc đi. – Bác Jikharev vừa nói vừa ấn đầu tôi xuống cuốn sách.

Tôi đọc xong, bác giằng lấy cuốn sách, nhìn tên nó rồi cặp vào vách và tuyên bố:

- Cuốn này cần phải đọc lại một lần nữa! Ngày mai cháu lại đọc. Để bác giấu cuốn sách cho.

Bác đem “Lermontov” cất vào trong ngăn kéo của bác rồi lại bắt tay vào công việc. Trong xưởng im lặng; mọi người rón rén trở về chỗ. Sitanov lại gần cửa sổ, tựa trán vào kính và chờ ra, còn bác Jikharev thì đặt bút lông xuống và nói, giọng nghiêm nghị:

- Thế mới là cuộc sống chứ, ôi những bày tôi của Chúa Trời!...

Bác khẽ nhún vai, giấu đầu xuống rồi tiếp tục:

- Thậm chí tôi có thể vẽ được con quỷ: Mình đen và đầy lông lá, cánh đỏ như lửa – màu hồng đơn, còn mặt mũi chân tay đều trắng xanh như tuyết trong đêm sáng trắng.

Cho đến tận bữa ăn tối, bác không thể ngồi yên trên ghế đầu, tựa quây luôn, khác hẳn mọi ngày, tay gõ gõ, miệng lảm nhảm về ma quỷ, về đàn bà và Eva, về thiên đường và các vị thánh phạm tội như thế nào.

- Tất cả những cái đó đều có thực! – Bác xác nhận. – Nếu các vị thánh đều có thể phạm tội với những người đàn bà có tội thì dĩ nhiên quỷ sứ cũng thích phạm tội với linh hồn trong sạch...

Mọi người im lặng nghe bác nói, có lẽ tất cả cũng giống tôi, không ai muốn nói gì. Họ làm việc một cách miễn cưỡng, luôn luôn nhìn đồng hồ, và khi chuông đồng hồ điểm chín giờ, tất cả nhất loạt bỏ việc.

Sitanov và bác Jikharev bước ra sân, tôi đi theo họ. Đứng ở dưới sân, Sitanov ngắm các vì sao và nói:

Đàn lạc đà đi lang thang đây đó,

Trong không gian lạc lõng những vì sao...^[140]

Câu đó không thể bịa ra được!

- Tôi không nhớ câu nào hết. – Bác Jikharev vừa nói vừa rùng mình vì đứng ở ngoài trời lạnh buốt. – Tôi không nhớ gì cả, nhưng nhìn thấy hấn! Cái đó thật kì lạ – con người lại có thể bắt con quỷ phải thương ư? Thật đáng thương cho hấn, phải không?

- Đáng thương. – Sitanov tán thành.

- Đấy, con người là thế đấy! – Bác Jikharev thốt lên một câu thật khó mà quên được.

Vào tới phòng ngoài, bác dặn tôi:

- Maksimovich, cháu không được nói với ai ở cửa hiệu về cuốn sách này nhé: Tất nhiên đây là một cuốn sách cấm!

Tôi rất vui mừng: Thì ra vì những cuốn sách này mà lão cố đạo lúc tôi xưng tội đã hỏi tôi đây!

Mọi người ăn tối một cách uể oải, không ồn ào và nói chuyện như mọi khi, dường như có điều gì quan trọng đã xảy ra khiến họ suy nghĩ miên man. Sau tối, khi tất cả đã nằm ngủ, bác Jikharev rút cuốn sách và bảo tôi:

- Nào, cháu hãy đọc lại một lần nữa! Đọc chậm thôi, đừng có vội vã...

Vài người mặc quần áo lót lạnh lẽo nhồm dậy khỏi giường, đi lại gần bàn và ngồi co chân xung quanh.

Khi tôi đọc xong, bác Jikharev lại gõ gõ ngón tay lên mặt bàn và nói:

- Thế mới là cuộc sống chứ! Chà, con quý, con quý... Thế đây, anh bạn ạ!

Sitanov chồm qua vai tôi, đọc một câu, và cười nói:

- Tôi sẽ chép lại vào cuốn vở của tôi...

Bác Jikharev đứng dậy và đem cuốn sách tới chỗ bàn bác, nhưng bỗng nhiên bác dừng lại và bắt đầu nói với giọng run run và tức giận:

- Chúng ta sống như những con chó mù, chẳng biết cái quái gì cả, chúng ta không ích gì cho Chúa mà cũng chẳng ích gì cho ma quỷ! Chúng ta thế này mà là bầy tôi của Chúa à? Yod là bầy tôi của Chúa, chính Chúa đã nói chuyện với Yod! Cả với Moses nữa!^[141] Thậm chí Chúa còn đặt tên cho Moses: Họ đều là người của Chúa. Còn chúng ta là của ai?...

Bác cất cuốn sách, mặc quần áo và hỏi anh Sitanov:

- Có đi ra quán rượu không?

- Tôi phải đi tới chỗ ấy bây giờ. – Sitanov khẽ đáp.

Khi họ đi khỏi, tôi nằm xuống sàn cạnh cửa, bên cạnh Pavel Odintzov. Nó trần trọc hồi lâu không ngủ được, đột nhiên sụt sịt và thôn thức khóc.

- Cậu làm sao vậy?

- Tớ thương bọn họ quá^[142]. – Nó nói. – Tớ đã sống cùng với họ hơn ba năm nay rồi, tớ biết tất cả mọi người...

Tôi cũng thương những người này; chúng tôi nằm nói chuyện thì thầm về họ, mãi không sao ngủ được. Chúng tôi thấy ở mỗi người đều có những đức tính, những nét trung hậu, và ở tất cả mọi người đều có một điểm gì đó khiến chúng tôi càng thêm thương họ với lòng thương trẻ thơ của chúng tôi.

Tôi sống với Pavel Odintzov rất thân ái; sau này nó trở thành một người thợ giỏi, nhưng cũng chẳng được bền lâu; tới năm ba mươi tuổi nó bắt đầu uống rượu tợn; sau đó tôi gặp nó ở chợ Khitrov ở Moskva, lúc này nó đã biến chất thành một tay lưu manh. Gần đây tôi nghe đồn nó chết vì bệnh thương hàn. Tôi rùng mình khi nghĩ đến biết bao nhiêu người trung hậu đã chết một cách vô nghĩa ở thời đại của tôi! Tất cả đều mòn mỏi sống rồi mòn mỏi chết, đó là lẽ tự nhiên, nhưng không nơi nào người ta lại mòn mỏi một cách nhanh chóng, đáng sợ và vô nghĩa như ở nước Nga chúng ta...

Lúc ấy nó còn là một đứa bé đầu tròn, lớn hơn tôi hai tuổi, linh lợi thông minh và ngay thật. Nó rất có tài, vẽ chim, mèo, chó rất giỏi, và vẽ tranh châm biếm anh em thợ rất khéo, lúc nào nó cũng vẽ họ có cánh. Sitanov là con chim mỏ nhát buồn bã đứng một chân, Jikharev là con gà trống có cái mào rách, không có lông ở chóp, Davidov ốm yếu là con chim te te khiếp sợ. Nhưng đạt hơn cả là ông thợ chạm Golovev được vẽ thành một con dơi tai to, mũi rất mĩa mai và đôi chân nhỏ, mỗi chân có sáu móng. Trên khuôn mặt tròn đen hiện lên hai vòng mắt trắng, hai con ngươi giống như hai hạt đậu đứng dựng giữa mắt – cái đó khiến khuôn mặt thiếu sức sống và trông rất xấu.

Anh em thợ không bực mình khi Pavel cho họ xem những

bức tranh châm biếm, nhưng bức biếm họa về Golovev gây cho tất cả một ấn tượng khó chịu, họ nghiêm khắc khuyên “họa sĩ”:

- Tốt hơn cả mày nên xé đi ngay, không lão già mà nhìn thấy thì lão sẽ đánh mày chết mất!

Lão già vừa bần vừa hôi hám, luôn say khướt ấy là một người sùng đạo cuồng tín, độc ác ra mặt và hay đem chuyện của cả xưởng đến hót lẻo với gã quản lí. Bà chủ định gả đứa cháu gái cho gã, vì vậy gã cảm thấy mình đã là chủ toàn bộ ngôi nhà và mọi người, cả xưởng thù ghét gã, nhưng cũng lại sợ Golovev.

Pavel dùng đủ mọi cách quấy rầy gã thợ chạm giống như nó tự đặt cho mình nhiệm vụ không để cho Golovev được yên tĩnh lấy một giây một phút. Tôi cũng hết sức giúp đỡ nó trong việc này; cả xưởng thích thú trước những trò quấy tếu, thường là thô lỗ một cách tàn nhẫn của chúng tôi, tuy nhiên họ cũng ngăn hai đứa:

- Khéo không bị phạt đấy, các chú ạ! “Kouzka Bọ hung” sẽ đuổi các chú mất!

“Kouzka Bọ hung” là tên lóng mà mấy người ở xưởng đặt cho gã quản lí.

Những lời đe dọa trước ấy không làm chúng tôi sợ hãi, chúng tôi lấy màu bôi vào mặt lão thợ chạm lúc lão ngủ. Một hôm, lão uống rượu say, lăn ra ngủ, chúng tôi mạ vàng mũi lão và suốt ba ngày lão không thể nào tẩy sạch vết vàng trong kẽ cái mũi xấp. Mỗi lần chúng tôi chọc giận lão, tôi lại nhớ tới tàu thủy, nhớ anh lính bé nhỏ người vùng Viatka và lòng tôi trở nên vẫn đục. Mặc dù đã có tuổi, Golovev vẫn khỏe, lão thường xông vào đánh chúng tôi một cách bất ngờ, đánh xong lão còn đi than phiền với bà chủ.

Bà này ngày nào cũng say rượu nên bao giờ cũng hiền hậu vui vẻ. Bà cố làm cho chúng tôi sợ, đấm hai tay béo húp lên bàn và la:

- Lại lũ quỷ sứ, sao chúng mày tinh nghịch thế? Bác ấy già rồi, phải kính trọng bác ấy chứ! Đứa nào đã rót dầu hỏa vào cốc bác ấy giả làm rượu?

- Chúng cháu đây...

Bà chủ ngạc nhiên:

- Trời đất ơi, chúng nó lại còn thú nhận nữa kia! Chà, lũ đáng nguyên rủa này... Phải kính trọng người già chứ!

Bà đuổi chúng tôi ra và đến tối lại than phiền với gã quản lí; gã này liền nghiêm khắc mắng tôi:

- Sao mày lại làm thế: Mày đọc sách, thậm chí cả Kinh thánh nữa, thế mà mày dám nghịch như vậy ư? Coi chừng đấy, chú mình ạ!

Bà chủ sống độc thân và rất đáng thương; thỉnh thoảng uống rượu ngọt xong bà ngồi bên cạnh cửa sổ hát nghêu ngao:

Có ai để ý đến ta,

Có ai thương đến bà già này đâu,

Có ai thấu được nỗi sầu,

Biết cùng ai trút cạn bầu tâm tư.

Rồi bà khóc nước nỡ, kéo dài cái giọng run run của người già:

- Hu-u-u-u-u...

Một hôm, tôi trông thấy bà bưng bình sữa hâm nóng đi về phía cầu thang, nhưng bỗng bà khụy chân rồi cứ tuột dần theo từng bậc thang, nặng nề, tay vẫn không buông bình sữa. Sữa

sánh ra cả áo, còn bà thì duỗi tay, bực tức mắng nhiếc cái bình:

- Mà làm sao thế, hở đồ quý? Mà định đi đâu thế này?

Bà không to nhưng thân hình mềm nhẽo, giống một con mèo già không thể bắt chuột được nữa và vì ăn no quá nên chỉ gừ gừ, nhớ lại một cách thú vị những thành công và khoái lạc ngày trước.

- Hừ. – Sitanov vừa nói vừa cau mày, vẻ đăm chiêu. – Đã có thời kì công việc phát đạt, xưởng làm ăn khấm khá, một người thông minh cai quản mọi việc đầu vào đấy, nhưng bây giờ hóa ra vô ích, tất cả đều lọt vào tay “Kouzka Bọ hung” cả! Dù có làm bao nhiêu thì cũng chỉ là làm cho kẻ khác! Cứ nghĩ đến chuyện đó là trong đầu óc như có một cái lò xo bỗng nhiên bị đứt, chẳng muốn làm gì nữa, chỉ muốn bỏ hết mọi việc, leo lên mái nhà và nằm ngắm bầu trời suốt cả mùa hè...

Pavel Odintzov cũng nhiễm những suy nghĩ ấy của Sitanov. Nó vừa phì phèo hút thuốc ra vẻ người lớn vừa triết lí về Chúa, về rượu chè, về đàn bà, và nói rằng công việc gì rồi cũng sẽ hỏng hết, một số người làm ra một cái gì đó, nhưng số khác lại phá hoại cái đã được tạo nên, không hiểu biết và không quý trọng nó.

Trong những giờ phút đó, khuôn mặt sắc sảo dễ thương của nó nhăn lại, như già đi. Nó ngồi lên giường kê trên sàn, ôm hai đầu gối và nhìn rất lâu những ô cửa sổ vuông sơn màu xanh da trời, mái nhà kho bị những tảng tuyết đè lên và những ngôi sao trên bầu trời mùa đông.

Thợ vừa ngủ vừa ngáy khò khò vừa rên rĩ; có người mê sảng, nói những câu ngắt quãng, Davidov nằm trên phản khắc nhổ ra nốt mấu đời còn lại của mình. Trong góc nhà, những “bầy tôi

của Chúa” là Kapendiukhin, Sorokin và Pershin nằm sát vào nhau như bị trói chặt bởi giấc ngủ và cơn say rượu. Những bức tượng thánh không mặt, không chân, không tay dựng ở tường nhìn ra. Mùi dầu gai nồng nặc, mùi trứng thối, bùn chua kết lại ở kẽ sàn tỏa ra ngọt ngào.

- Trời ơi! Tớ thương họ quá! – Pavel thì thầm.

Như tôi đã nói, hai đứa tôi cảm thấy tất cả anh em thợ đều là những người tốt, thế mà cuộc sống của họ lại khổ cực, không xứng đáng với họ và buồn chán không thể chịu được. Vào những ngày đông bão tuyết, khi tất cả mọi vật trên mặt đất – nhà cửa, cây cối – đều rung chuyển, gào thét, khóc lóc, khi những tiếng chuông sâu não vang lên báo hiệu tuần chay, nỗi buồn chán tràn vào xưởng tựa một làn sóng nặng như chì đè lên mọi người, hủy hoại tất cả những gì còn sống trong người họ, đẩy họ vào quán rượu, tới đàn bà – một phương tiện để lãng quên, cũng giống như rượu chè.

Vào những tối buồn thảm như vậy, sách vở không có tác dụng gì nữa. Khi ấy tôi cùng với Pavel cố gắng dùng mọi cách giúp anh em thợ vui vẻ: Chúng tôi lấy bồ hóng, thuốc màu bôi mặt, lấy xơ gai hóa trang và đóng những vở hài kịch do chúng tôi soạn; chúng tôi dũng cảm đấu tranh với buồn chán và bắt mọi người phải cười. Tôi nhớ lại *Chuyện một anh lính cứu sống Pyotr Đại đế* và đem trình bày câu chuyện nhỏ đó dưới hình thức hội thoại; chúng tôi leo lên gác lửng của anh Davidov và diễn ở đó, vui vẻ chặt đầu những người Thụy Điển trong tưởng tượng khiến các khán giả cười phá lên.

Họ rất thích truyện *Con quỷ Trung Quốc* của Trần Hữu Đông; Pashka đóng vai con quỷ bất hạnh muốn làm điều thiện, còn tôi đảm nhiệm tất cả các vai còn lại: Tôi đóng vai nam lẫn vai nữ,

vai các đồ vật, vai thần Thiện và thậm chí đóng cả vai hòn đá để con quỷ Trung Quốc ngồi nghỉ trong lúc nó vô cùng chán nản sau mỗi lần định làm điều thiện mà không thành.

Các khán giả cười phá lên, tôi rất ngạc nhiên không hiểu vì sao lại có thể làm cho họ cười một cách dễ dàng đến thế, sự dễ dàng ấy khiến tôi hết sức bực mình.

- Chà, lũ hề! Lũ múa rối! – Họ gọi chúng tôi như vậy.

Nhưng càng về sau tôi càng có ý nghĩ ám ảnh rằng nỗi buồn thường gắn với tâm hồn của những người này hơn là niềm vui.

Niềm vui không bao giờ bỗng nhiên xuất hiện, và bản thân sự xuất hiện của nó cũng không đáng kể, nó có được là do người ta cố ý khơi lên từ lãng quên, như một phương tiện để làm giảm bớt nỗi buồn rầu nặng trĩu trong lòng những người Nga. Sức mạnh bên trong của niềm vui thật đáng nghi ngờ, bản thân niềm vui không luôn tồn tại, chẳng phải vì nó muốn thế đâu, mà nó chỉ có cơ hội xuất hiện khi bị những ngày buồn bã kích động.

Niềm vui của người Nga thường đột nhiên biến thành một tâm trạng kịch tàn khốc. Có người đang nhảy múa như cố đập tan xiềng xích trói buộc mình, bỗng đột nhiên thả con thú hung dữ nhất trong người ra, rồi trong cơn buồn chán dữ dội đó, anh ta nhảy xổ vào mọi người, cắn xé, đập phá hết mọi thứ.

Niềm vui giả tạo do những yếu tố bên ngoài tạo ra làm tôi tức giận. Bị kích động đến quên cả bản thân, tôi bắt đầu kể và đóng những chuyện ngông cuồng do tôi đột xuất tưởng tượng ra, vì tôi muốn gây cho mọi người một niềm vui thực sự, tự do và thoải mái! Tôi cũng đạt được đôi chút thành công, người ta khen ngợi tôi, ngạc nhiên về tôi, nhưng nỗi buồn mà tôi tưởng

đã lay chuyển được vẫn cứ từ từ đậm đặc thêm, củng cố thêm và đè trĩu lên mọi người.

Bác Larionovich âu yếm bảo tôi:

- Trời ơi, cháu vui tính quá.

- Nó biết cách pha trò đấy! – Jikharev đỡ lời bác. – Maksimovich ạ, cháu phải xin vào một rạp xiếc hay rạp hát nào đó, nhất định cháu sẽ trở thành một tay hề giỏi đấy!

Cả xưởng chỉ có hai người, Kapendiukhin và Sitanov, là đi xem kịch vào lễ Giáng sinh và tuần chay. Những người thợ lớn tuổi hơn nghiêm chỉnh khuyên họ giải tội ấy bằng cách tắm ở hồ băng, nơi lấy nước rửa tội. Sitanov thường khuyên tôi:

- Bỏ mẹ nó đấy, đi mà học đóng kịch thôi!

Rồi anh xúc động kể lại *Cuộc đời đáng buồn của diễn viên Yakolev*^[143].

- Có thể như thế đấy!

Anh thích kể về nữ hoàng Marie Stuart^[144], gọi bà là “kẻ bịp bợm”, và anh khâm phục nhất Nhà quý tộc Tây Ban Nha^[145]

- Don César de Bazan, Maksimovich ạ, là một người vô cùng cao thượng! Một người tuyệt diệu!

Trong chính bản thân anh hình như cũng có cái gì giống với “nhà quý tộc Tây Ban Nha”. Một hôm, tại quảng trường trước chòi canh, có ba tên lính chữa cháy đánh một bàn nông để giải trí: Đám đông, khoảng bốn mươi người, đứng xem và khen ngợi bọn lính. Sitanov xông vào đám đánh nhau, vung đôi tay dài, thụi bọn lính túi bụi, nâng người bàn nông dậy, đẩy anh ta vào đám đông, quát ầm lên:

- Đưa anh ta đi!

Còn anh thì ở lại, một mình chọi với ba tên lính chữa cháy. Sân của đội cứu hỏa ở cách đó khoảng mười bước, bọn lính có thể gọi người tới giúp và có thể đánh quy Sitanov, nhưng may cho anh, bọn này hoảng sợ, chạy biến ngay vào trong sân.

- Lũ chó! – Anh mắng với theo.

Cứ Chủ nhật là bọn thanh niên lại kéo nhau tới khoảng rừng sau nghĩa địa Petropavlovski để đấu quyền. Họ tụ tập để đấu với cánh đổ rác và cánh bản nông ở các làng lân cận. Đội đổ rác cử ra một đấu thủ trứ danh đấu với bọn choai choai ở thành phố tới: Một người Moldova khổng lồ đầu nhỏ, mắt đau và lúc nào cũng nhấp nhẩm. Gã lấy vạt áo cánh ngắn và bản lau nước mắt rồi đứng trước đồng bọn, dạng chân, hướng về địch thủ, gọi một cách thân mật:

- Ra đi chứ, kéo cảm lạnh mắt!

Phía chúng tôi cử Kapendiukhin; gã Moldova bao giờ cũng thắng. Nhưng anh Cossack luôn luôn bị sút đầu chảy máu và mệt gần chết ấy vẫn nói:

- Chết sống cũng phải thắng được tên Moldova kia!

Rút cục, điều đó đã trở thành mục đích của đời anh, thậm chí anh bỏ uống rượu, trước khi đi ngủ lấy tuyết xát mình, ăn nhiều thịt, mỗi tối anh đều cử nhiều lần quả tạ nặng hai pood^[146] để cho bắp thịt nở nang. Nhưng làm thế vẫn chẳng ăn thua. Anh liền khâu vào trong bao tay những mảnh chì và khoe với Sitanov:

- Lần này thì tên Moldova phải chết!

Sitanov nghiêm khắc cảnh cáo:

- Thôi ngay đi, không có tao sẽ nói ra trước khi đấu cho mà

xem!

Kapendiukhin không tin lời anh, nhưng khi đến chỗ đấu, Sitanov đột nhiên bảo gã Moldova:

- Tránh ra, Vassili Ivanovich. Để tôi đấu với Kapendiukhin trước!

Anh Cossack đỏ mặt tía tai gầm lên:

- Mình không đấu với cậu, tránh ra!

- Phải đấu. – Sitanov vừa nói vừa đi về phía anh Cossack, mắt nhìn chăm chăm vào khuôn mặt anh.

Kapendiukhin giậm chân tại chỗ, tháo bao tay nhét vào trong áo rồi vội vàng rời khỏi nơi đấu.

Cả phía chúng tôi lẫn phía địch đều ngạc nhiên một cách khó chịu. Một người có vẻ đứng đắn nói với Sitanov, giọng bực tức:

- Anh bạn ạ, giải quyết việc trong nhà ở ngoài bãi đấu công cộng là hoàn toàn không hợp pháp!

Mọi người từ tứ phía đổ dồn về chỗ Sitanov, chửi rủa anh; anh im lặng hồi lâu, cuối cùng nói với người đứng đắn kia:

- Nếu như tôi muốn ngăn một vụ giết người thì sao?

Người đứng đắn đó lập tức đoán được ngay và thậm chí ngả mũ cát két:

- Thế thì chúng tôi cần phải cảm ơn anh!

- Nhưng xin bác chớ làm ầm lên!

- Làm ầm để làm gì kia chứ? Kapendiukhin là một đấu thủ hiếm có, thất bại làm anh ta cáu, chúng tôi hiểu lắm! Bây giờ trước khi đấu chúng tôi sẽ xem xét bao tay của anh ta.

- Đó là việc của bác!

Khi người đứng đắn đó đi khỏi, phía chúng tôi bắt đầu chửi Sitanov:

- Mà y ngứa mồm chõ vào làm gì mới được chứ! Đáng lẽ hôm nay anh chàng Cossack thắng, nhưng từ nay chúng ta sẽ lại thất bại mãi...

Người ta chửi rửa anh hồi lâu, chửi bằng chán, bằng thích mới thôi.

Sitanov thở dài:

- Chao ôi, các người thật đê tiện...

Rồi thật là bất ngờ, anh gọi gã Moldova ra đấu tay đôi. Gã này đứng ngay vào vị trí, vui vẻ vung vẩy nắm đấm và đùa:

- Đấu đi cho nó ấm người lên...

Mấy người nắm tay nhau dùng lưng gạt những người đứng sau, làm thành một vòng tròn rộng lớn.

Hai đấu thủ nhìn nhau chăm chặp, tay phải giơ về phía trước, tay trái để trước ngực. Những người giàu kinh nghiệm nhận thấy ngay tay của Sitanov dài hơn tay gã Moldova. Xung quanh im lặng, tuyết dưới chân hai đấu thủ kêu lạo xạo. Một người nào đó không chịu nổi sự căng thẳng, lấp bấp:

- Bắt đầu đi thôi...

Sitanov vung tay phải lên, gã Moldova khẽ đưa tay trái ra đỡ và bị tay trái Sitanov đâm thẳng một cú vào bụng. Gã đằng hắng một tiếng, lùi lại, khoái chí:

- Trẻ, nhưng không phải là tay ngốc!

Họ bắt đầu xông vào và vung những quả đấm nặng nề vào

ngực nhau. Sau mấy phút, những người đứng xem của cả hai bên đều kêu âm lên:

- Nhanh tay lên, anh thợ họa^[147]! Hãy họa hấn ta đi, chạm trở đi nào!

Gã Moldova khỏe hơn Sitanov nhiều, nhưng thân hình lại khá nặng nề nên không thể đánh nhanh, và cứ mỗi lần đâm được một quả thì lại bị giáng trả hai ba cú. Thân hình bị đâm của gã Moldova có lẽ không đau đớn lắm nên gã vẫn hăng, vẫn cười cợt, rồi bỗng đưa mạnh từ phía dưới lên trúng nách làm sái cánh tay phải của Sitanov.

- Giãn ra, hòa! – Mấy người lập tức kêu lên.

Người ta phá vỡ vòng và bắt các đấu thủ giãn ra.

Gã Moldova nói với vẻ hiền hậu:

- Tay thợ họa ấy không khỏe lắm, nhưng nhanh! Hấn sẽ trở thành một đấu thủ cừ, tôi có thể cam đoan với tất cả mọi người điều ấy.

Bọn thiếu niên bắt đầu một trận đấu chung, còn tôi dẫn anh Sitanov tới chỗ viên y sĩ chữa xương. Hành vi của anh càng đề cao anh trước mặt tôi, làm tăng thêm cảm tình và lòng kính trọng của tôi với anh.

Anh là người rất thẳng thắn, ngay thật và hình như coi đó là nghĩa vụ của mình, nhưng anh Kapendiukhin ngang tàng lại khéo léo nói kháy:

- Chà Genya^[148], cậu sống như để bày hàng ấy! Cậu đánh sạch tâm hồn cậu như đánh cái ấm *samovar* trước ngày lễ để hễ có ai đến thì khoe: Sáng nhoáng đấy chứ! Nhưng tâm hồn cậu bằng đồng nên chơi với cậu chán lắm...

Sitanov thản nhiên, không nói gì cả, anh chăm chỉ làm việc hoặc chép vào vở những bài thơ của Lermontov. Anh bỏ tất cả thì giờ rảnh rỗi để chép thơ, và khi tôi bảo anh: “Anh có tiền sao không đi mua quách một cuốn sách có hơn không?” Anh đáp:

- Không, tự chép tay tốt hơn cả!

Sau khi chép được một trang với nét chữ nhỏ và đẹp, có cả hình vẽ ở cuối, trong khi chờ mực khô, anh khẽ đọc:

Không chút xót thương, đứng đưng xa lạ,

Bạn sẽ nhìn vào cõi trần ai,

Nơi chẳng có hạnh phúc nào chân thật,

Và cũng không có sắc đẹp lâu dài.^[149]

Rồi anh lim dim mắt:

- Điều đó rất đúng! Chà, sao ông ta biết rõ sự thật như vậy!

Tôi lấy làm ngạc nhiên về quan hệ giữa Sitanov với Kapendiukhin. Sau khi uống rượu, anh Cossack bao giờ cũng sinh sự với bạn, Sitanov khuyên can bạn hồi lâu:

- Thôi đi! Đừng có mà sinh sự...

Nhưng sau đó, anh đánh cho tên say rượu một trận nên thân, đến nỗi anh em thợ vốn coi những cuộc đánh nhau như cơm bữa^[150] cũng phải can thiệp vào và bắt đôi bên giãn ra.

- Không kịp thời ngăn Evgen^[151] lại thì cậu ta sẽ giết chết hấn mắt và cậu ấy cũng chẳng tiếc thân đâu. – Họ nói.

Khi tỉnh, Kapendiukhin vẫn không ngớt lời nhạo báng Sitanov, chế giễu lòng say mê thơ ca và mối tình bất hạnh của anh, kêu gọi ở anh lòng ghen tuông một cách bỉ ổi, nhưng vô

hiệu quả. Sitanov đứng đưng, im lặng nghe những lời nhạo báng ấy, đôi khi chính anh cũng cười với Kapendiukhin.

Họ ngủ cạnh nhau và đêm đêm thì thầm nói chuyện hồi lâu.

Những câu chuyện ấy khiến tôi không thể nào ngủ yên. Tôi muốn biết những con người tính tình bất đồng này có thể tâm sự thân mật được với nhau về chuyện gì? Nhưng khi tôi tới gần họ thì anh Cossack gầm lên:

- Màý đến đây làm gì?

Còn Sitanov coi như không nhìn thấy tôi.

Nhưng có lần họ gọi tôi, anh Cossack hỏi:

- Maksimovich, nếu như màý giàu có, màý sẽ làm gì?

- Sẽ mua sách.

- Gì nữa?

- Không biết.

- Ồ. – Kapendiukhin ngoảnh mặt đi với vẻ bực bội.

Còn Sitanov bình tĩnh nói:

- Thấy chưa, không ai biết, cả người già lẫn trẻ con! Tôi có thể nói với cậu rằng: Bản thân sự giàu có cũng chẳng cần thiết! Tất cả mọi vật đều đòi hỏi tính ứng dụng thực tế...

Tôi hỏi:

- Các anh nói chuyện gì thế?

- Không muốn ngủ, nên tán gẫu đây thôi. – Anh Cossack đáp.

Sau này, lắng nghe những câu chuyện của họ, tôi mới biết rằng đêm đêm họ nói về những chuyện người ta thích nói cả ban ngày: về Chúa, về chân lí, hạnh phúc, về sự ngu ngốc và

mánh khỏe của đàn bà, về lòng tham của kẻ giàu, về tất cả những điều rắc rối và khó hiểu của cuộc sống.

Tôi thường nghe những câu chuyện ấy một cách say mê, chúng khiến tôi xúc động. Tôi rất thích khi thấy rằng hầu như tất cả mọi người đều nói giống nhau: Cuộc sống rất tồi, cần phải sống tốt hơn! Nhưng đồng thời tôi thấy ý muốn sống tốt hơn chẳng phát sinh tác dụng gì hết, chẳng làm thay đổi gì trong cuộc sống của xưởng, trong quan hệ giữa anh em thợ với nhau. Tất cả những lời nói ấy soi sáng cuộc sống trước mắt tôi, mở ra đằng sau nó một khoảng không buồn tẻ trong đó người ta bơi ngụp một cách hỗn loạn và bực tức giống như những hạt bụi nước ở ao khi trời gió. Những người đang ngụp lặn đó lại chính là những người nói rằng sự xô đẩy ấy vô nghĩa và làm cho họ tức giận.

Ở xưởng, họ thường bàn luận rất nhiều và thích thú; họ kết tội, chê bai ai đó, họ hỏi hện, khoe khoang, cãi nhau rất dữ vì những điều không đâu và làm cho nhau khổ nhục đủ điều. Họ cố đoán xem sau khi chết họ sẽ như thế nào. Cửa xưởng, nơi để thùng nước rác, có một tấm ván mục thối, gió lạnh và mùi đất chua từ dưới sàn lùa qua lỗ hổng ẩm ướt, hơi thối đó vào khiến cho chân họ rét cứng, tôi cùng với Pavel lấy giẻ rách và cỏ khô nhét vào lỗ hổng. Họ thường nói cần phải thay tấm ván đó, nhưng lỗ hổng càng ngày càng to thêm. Vào những ngày bão tuyết, gió lùa qua đây như lùa qua ống khói, mọi người đều cảm lạnh và ho. Cánh quạt thông gió bằng sắt tây của ô cửa sổ con thông hơi rít lên két két nghe thật đáng ghét; người ta chửi rủa nó thậm tệ, nhưng lúc tôi lấy dầu tra vào đó, bác Jikharev lắng nghe xong lại bảo:

- Cửa sổ không kêu nữa rồi, buồn quá!

Cứ từ nhà tắm về là họ đặt mình xuống mấy tấm phản bản thủ và bụi bặm: Sự bản thủ và hôi thối hoàn toàn không làm cho ai khó chịu. Có nhiều chuyện nhỏ mọn không tốt đã cản trở cuộc sống, người ta có thể dễ dàng trừ bỏ những cái đó, nhưng không ai làm cả.

Họ thường nói:

- Không ai thương người đâu, kể cả Chúa lẫn chính bản thân mình...

Khi chúng tôi – tôi và Pavel – tắm rửa cho Davidov đang hấp hối và bị cái ghét, rận chấy cắn rứt, họ chế giễu chúng tôi. Họ cởi sơ mi ra, đề nghị chúng tôi bắt rận họ; họ gọi chúng tôi là “bôi” tắm, và nói chung họ nhạo báng chúng tôi như thể chúng tôi đang làm một việc gì ô nhục và tức cười.

Suốt từ lễ Giáng sinh cho đến tận tuần chay, Davidov nằm liệt trên tấm phản, ho liên miên, khạc ra những cục máu đỏ lòm: Máu nhỏ không trúng chậu nước rác, rơi cả ra sàn. Đêm đêm, mê sảng, anh làm cho mọi người mất ngủ.

Hầu như ngày nào người ta cũng nói:

- Cần phải đưa hắn đi nhà thương thôi!

Nhưng đầu tiên thì vì giấy thông hành của Davidov đã quá hạn, sau đó anh có đỡ hơn, và cuối cùng người ta quyết định:

- Dù sao thì hắn cũng sắp chết rồi!

Chính anh cũng bảo:

- Tôi chẳng sống được bao lâu nữa!

Anh là một người rất tếu, hiền lành và bao giờ cũng cố gắng làm tiêu tan nỗi buồn nặng nề bực dọc trong xưởng bằng những câu pha trò hóm hỉnh. Anh cúi khuôn mặt xương xẩu đen sạm

xuống và the thé hô:

- Hỡi nhân dân, hãy lắng nghe tiếng nói của người đã được khiêng lên gác lửng...

Rồi anh nói rất mạch lạc những điều nhảm nhí buồn tẻ:

Tôi sống trên gác lửng,

Thức giấc dậy rất sớm,

Lũ gián ăn thịt tôi,

Trong lúc tôi mê sảng...

- Hấn vẫn lạc quan! – Mọi người khâm phục.

Thỉnh thoảng tôi cùng với Pavel leo lên chỗ anh, anh nói đùa với vẻ gượng gạo:

- Quý khách, biết lấy gì để thết đãi các vị đây? Các vị xơi một chú nhện còn tươi nhé!

Anh chết rất chậm, điều đó làm cho anh chán ngán, anh nói với vẻ bực bội thành thực:

- Tôi không thể nào chết được, thật là một điều bất hạnh!

Sự dửng dưng của anh trước cái chết làm cho Pavel rất hoảng sợ: Đêm đêm Pavel thường đánh thức tôi và thì thầm:

- Maksimovich, hình như hấn chết rồi... Hấn mà chết vào ban đêm thì chúng ta sẽ nằm dưới xác hấn. Ôi! Tởm sợ người chết lắm!...

Hoặc nó bảo:

- Ôi, sống như thế thì sống làm gì? Mới chưa đầy hai mươi tuổi đầu mà phải chết...

Một hôm, vào đêm sáng trăng, nó đánh thức tôi dậy, nhìn tôi

bằng cặp mắt tròn xoe hoảng sợ và nói:

- Nghe kia!

Trên gác lửng, Davidov thở khò khè, nói hấp tấp nhưng rất rành mạch:

- Đưa đây nào, đư...ừa...

Sau đó anh bắt đầu nấc lên.

- Hắn đang hấp hối, trời ơi, thấy chưa? – Pavel hốt hoảng.

Suốt ngày tôi phải chờ tuyết từ sân ra ngoài đồng nên rất mệt; tôi buồn ngủ quá, nhưng Pavel van nài:

- Đừng ngủ, tao lạy mày, vì Chúa, đừng ngủ!

Rồi bỗng nhiên nó nhồm dậy, hét tướng lên như người hóa dại:

- Tất cả dậy đi thôi, Davidov chết rồi!

Có mấy anh tỉnh dậy, vài bóng người nhồm khỏi giường, những câu hỏi giận dữ thốt lên.

Kapendiukhin leo lên gác lửng và ngạc nhiên:

- Hình như hắn chết thật rồi... Nhưng người vẫn nóng... nóng...

Bốn bề yên lặng như tờ. Bác Jikharev làm dấu thánh giá rồi vừa trùm chăn vừa nói:

- Thế thì cầu cho anh ta được lên thiên đàng!

Có người đề nghị:

- Đưa hắn ra nhà ngoài thôi...

Kapendiukhin tụt xuống khỏi gác lửng và nhìn ra cửa sổ.

- Thôi để hắn nằm đến sáng, khi sáng hắn cũng chẳng quấy rầy ai nữa là...

Pavel rúc đầu xuống dưới gối và khóc nức nở.

Còn Sitanov vẫn không thức dậy.

Tuyết ngoài đồng đã tan, những đám mây mùa đông trên trời cũng tan, biến thành mưa và tuyết rơi xuống đất. Mặt trời di chuyển mỗi ngày một chậm rãi, trời âm áp hơn. Hình như ngày xuân tươi vui đã đến, nó đang vui đùa ẩn nấp đâu đây trên cánh đồng ngoại ô và sắp sửa ập vào thành phố. Đường phố phủ một lớp bùn đỏ quạch. Dọc vỉa hè có những lạch nước chảy. Đàn chim sẻ vui vẻ nhảy nhót giữa những vũng nước trên quảng trường Arestantskaya. Ai cũng có vẻ vội vàng bận rộn như chim sẻ. Trong sự ồn ã của mùa xuân, tiếng chuông của tuần chay vang lên gần như liên tục suốt từ sáng đến tối; những tiếng ngân nhẹ nhàng làm lay động lòng người. Trong tiếng chuông ấy, cũng như trong tiếng nói của các cụ già, có một điều gì bức bối; hình như chuông kia đang nói đến mọi thứ trên đời với một niềm tuyệt vọng xót xa:

“Thế là hết, là hết, là hết...”

Nhân ngày lễ thánh của tôi, xướng tặng tôi một bức tượng nhỏ xinh xắn được khắc họa rất đẹp – tượng thánh Aleksej. Bác Jikharev đọc một bài diễn thuyết dài với giọng trang nghiêm khiến tôi không bao giờ có thể quên.

- Cháu là người thế nào? – Bác vừa nói vừa gõ gõ ngón tay, lông mày khê rướn lên. – Cháu chỉ là một đứa bé mồ côi mới mười ba tuổi đầu. Bác nhiều tuổi hơn cháu gần như gấp bốn lần, vậy mà bác vẫn khen ngợi cháu, đồng tình với cháu vì cháu không có thái độ dửng dưng mà luôn tập trung vào công việc. Cháu cứ nên như thế mãi, điều đó rất tốt!

Bác nói đến cả những bày tỏ của Chúa và con người, nhưng tôi không thể hiểu được sự khác nhau giữa hai lớp người đó, và có lẽ chính bác cũng không rõ. Bác nói nghe rất chán, cả xưởng đều cười nhạo. Tôi đứng im, cầm bức tượng thánh trong tay, lòng cảm động và bối rối, không biết nên làm gì. Cuối cùng Kapendiukhin nóng ruột kêu lên:

- Có thể chấm dứt cái bài điệu văn ấy được rồi đây, tai nó đã tím ngắt lại rồi kia kìa.

Sau đó anh vỗ vai tôi và cũng khen ngợi:

- Chú được cái tốt là đối với ai chú cũng coi như họ hàng thân thích cả, cái đó rất tốt! Khi chú có điều gì không nên không phải, đừng nói đến chuyện đánh chú, mà ngay cả việc mắng nhiếc, người ta cũng phải thấy không tiện!

Tất cả nhìn tôi bằng con mắt thiện cảm, họ âu yếm chế giễu sự lúng túng của tôi. Chỉ một tí nữa là tôi đã khóc òa lên vì niềm vui sướng đột ngột cảm thấy mình hữu ích với tất cả những con người ấy. Nhưng cũng chính vào buổi sáng hôm ấy, ở cửa hiệu, gã quản lí vừa hát đầu về phía tôi vừa nói với lão Pyotr Vassiliep:

- Thằng nhãi ranh nom đến khó chịu, chẳng được cái tích sự gì cả!

Như thường lệ, tôi đến cửa hiệu từ sáng sớm, nhưng quá trưa, lão quản lí bảo tôi:

- Đi về nhà, gạt tuyết trên mái nhà kho xuống và đổ đầy hầm đá...

Gã không biết hôm đó là ngày lễ thánh của tôi. Tôi cũng tin rằng không ai biết điều đó. Sau khi nghi thức chúc mừng ở xưởng kết thúc, tôi thay quần áo, chạy ra sân và trèo lên mái

nhà kho, gạt đám tuyết nặng nề, rắn chắc và rất nhiều trong mùa đông ấy xuống. Nhưng vì xúc động, tôi quên mở cửa nhà hầm và để tuyết lấp cả cửa. Sau khi nhảy xuống đất, thấy sai lầm ấy, tôi lập tức bắt tay vào gạt tuyết ra khỏi nắp hầm. Tuyết ẩm nên đặc cứng lại, xẻng gõ khó lòng mà xúc được, xẻng sắt thì không có. Vừa đúng lúc gã quản lí xuất hiện ở cổng thì tôi làm gãy xẻng. “Sương lắm khổ nhiều”, câu tục ngữ Nga ấy trở thành sự thật.

- Thế-ế đấy... – Gã quản lí vừa nói với giọng châm biếm vừa tiến lại gần tôi. – Chao ôi, làm với ăn, sao quý không tha, ma không bắt mày đi! Tao phải nện vào cái đầu mất trí của mày...

Gã giơ cán xẻng dọa đánh tôi, tôi lùi lại và tức giận nói:

- Tôi đến đây không phải để làm người quét sân cho anh...

Gã phi cán xẻng vào chân tôi, tôi chụp lấy một nắm tuyết và ném vào giữa mặt gã. Gã vừa nhổ vừa cầm đầu chạy mất, còn tôi thì bỏ việc, đi vào xưởng. Một phút sau, cô vợ chưa cưới của gã, một cô gái hiếu động, mặt đầy trứng cá, từ trên gác chạy xuống.

- Maksimovich, lên gác ngay!

- Không lên. – Tôi đáp.

Bác Larionovich ngạc nhiên khẽ hỏi tôi:

- Sao lại không lên?

Tôi kể cho bác nghe câu chuyện vừa rồi, bác cau mày vẻ suy nghĩ rồi đi lên gác, sau khi nói thầm với tôi:

- Cháu bướng quá, chú em ạ...

Trong xưởng nhón nháo hẳn lên, người ta chửi rửa gã quản lí. Kapendiukhin nói:

- Chà, lần này thì người ta đuổi mày mất!

Tôi không sợ. Quan hệ của tôi với gã quản lí từ lâu đã không thể nào chịu nổi. Gã thù ghét tôi ra mặt và càng ngày càng ghét cay ghét đắng. Tôi cũng không thể chịu nổi gã, nhưng tôi muốn hiểu vì sao gã lại đối với tôi vô lí như thế.

Gã vứt tiền ra sàn cửa hiệu. Khi quét nhà, thấy tiền, tôi liền xếp vào cái chén nhỏ ở quầy hàng, nơi vẫn để tiền xu cho ăn mày. Khi tôi đoán được dụng ý của những vật tìm thấy ấy, tôi bèn nói với gã quản lí:

- Anh vãi tiền ra đất cho tôi nhặt thì chỉ mất thì giờ của anh thôi.

Gã đỏ mặt và buột miệng quát:

- Mày không có quyền dạy tao, tao khắc biết việc tao làm!

Nhưng lập tức gã chữa lại ngay:

- Tao vãi tiền ra để mà làm gì? Tự nó rơi đấy chứ.

Gã cầm tôi đọc sách ở cửa hiệu, gã nói:

- Đấy không phải là việc hợp với đầu óc mày! Hay mày định trở thành một nhà thông thái, hở thẳng nhãi lười biếng ăn bám kia?

Gã chưa thôi ý định dùng những đồng hai mươi kopek để câu tôi; tôi thừa hiểu nếu trong lúc tôi quét sàn, chẳng may đồng tiền lăn vào kẽ ván, gã sẽ tin chắc rằng tôi lấy cắp. Lúc đó tôi lại đề nghị với gã một lần nữa rằng hãy bỏ cái trò ấy đi. Nhưng cũng ngay hôm đó, khi mang ấm nước sôi từ quán ăn về, tôi nghe thấy gã gợi ý cho tên quản lí vừa tới làm thuê cho cửa hiệu bên cạnh:

- Cậu hãy xúi nó lấy cấp tập Thánh thi, chúng tớ sắp nhận

được những tập Thánh thi đầy, ba hộp cả thầy...

Tôi hiểu gã đang nói về tôi. Khi tôi bước vào cửa hiệu, cả hai tên lúng túng. Nhưng ngoài dấu hiệu đó ra, tôi còn nhiều lí do khác để tình nghi bọn họ đang bàn những mưu mô ngu xuẩn chống lại tôi.

Tên quản lí cửa hiệu bên cạnh không phải là người mới; y được coi là một tay buôn bán khôn khéo, nhưng điều đứng vì nghiện rượu, y đã bị lão chủ đuổi đi, nhưng sau đó lão chủ lại vẫn phải dùng đến tên quản lí gầy đét và yếu đuối có cặp mắt giảo quyệt đó. Nhìn bề ngoài, y ăn nói có vẻ ngọt ngào, nhất cử nhất động đều tuân theo lão chủ. Y luôn luôn mỉm cười kín đáo, láu lỉnh, thích dùng những tiếng cay độc. Người y tanh tanh, hôi hôi như những người râu rắng, mặc dù rằng y trắng tinh và chắc chắn...

Có hôm y làm cho tôi rất đổi ngạc nhiên: Y lại gần tôi, miệng mỉm cười có vẻ dịu dàng, nhưng đột nhiên y gạt mũ của tôi xuống và túm lấy tóc tôi. Chúng tôi bắt đầu đánh nhau, y đẩy tôi từ ngoài hành lang vào cửa hiệu, cố làm cho tôi ngã vào những tủ kính lớn kê trên sàn. Nếu y đạt được điều đó, chắc chắn tôi sẽ làm vỡ kính, làm hỏng những bức tranh khắc và có thể sẽ làm sây sát những bức tượng thánh đất tiền. Y rất yếu nên tôi đã thắng; nhưng sau đó tôi rất ngạc nhiên khi thấy tên râu xồm ấy ngồi trên sàn, vừa lau cái mũi bị đánh tơi bời vừa khóc sụt sướt.

Sáng hôm sau, khi nhà chủ đi vắng và chỉ còn lại một mình chúng tôi, y vừa xoa bóp chỗ sưng trên sống mũi vừa thân mật nói với tôi:

- Chú tưởng hôm qua tớ tự ý và thích thú chồm vào người chú à? Tớ không phải là thằng ngốc, vì tớ biết rằng chú sẽ thắng

tớ, tớ vừa yếu lại vừa say rượu. Đó là tại lão chủ sai tớ. Lão bảo: “Mày cứ gây sự với nó, cố để nó làm hỏng thật nhiều đồ đạc ở cửa hiệu của nó trong lúc đánh nhau, dù sao thì cũng gây thiệt hại cho chúng!” Còn tớ thì không đời nào, chú xem đây, chú đã làm méo cái mặt mặt của tớ rồi...

Tôi tin lời y và thấy thương hại y. Tôi biết y sống thiếu thốn bên một mù đàn bà thường hay đánh đập y. Nhưng dù sao tôi vẫn hỏi:

- Thế nếu như người ta bắt anh đầu độc một người nào đấy, chắc anh cũng đầu độc chứ?

- Lão sẽ bắt. – Tên quản lí khế nói và mỉm cười một cách đáng thương. – Lão có thể...

Một lát sau y hỏi tôi:

- Này. Tớ không có lấy một đồng xu nào dính túi, ở nhà không có gì ăn, vợ nó sẽ mè nheo. Anh bạn hãy xoáy ở trong kho một bức tượng thánh nào đấy cho tớ, tớ sẽ đem bán đi, nhá? Có xoáy được không? Hay là xoáy tập Thánh thi vậy?

Tôi nhớ lại hiệu giày và ông lão gác nhà thờ; tôi nghĩ bụng: Thằng này sẽ phản bội mình! Nhưng khó lòng mà từ chối, tôi bèn cho y một bức tượng thánh, còn việc xoáy tập Thánh thi đáng giá mấy rúp thì tôi không dám, tôi cảm thấy đó là một tội lỗi lớn. Biết làm thế nào được? Trong đạo đức luôn luôn che giấu sự tính toán hơn thiệt: “Hình pháp” thiêng liêng trong trắng đã tiết lộ rõ điều bí mật nhỏ bé ấy; đằng sau nó bao giờ cũng ẩn nấp sự dối trá to lớn của óc tư hữu.

Khi tôi nghe thấy gã quản lí của tôi gọi cho con người đáng thương này dạy tôi lấy cắp tập Thánh thi, tôi sợ quá. Rõ ràng là gã quản lí của tôi biết tôi có lấy đồ của hắn để đem cho và tên

quản lí bên cạnh đã kể cho gã nghe về bức tượng thánh.

Sự xấu xa của việc làm phúc nhờ tài sản của kẻ khác và cam bẫy ti tiện kết hợp với nhau đã gây cho tôi một cảm giác phẫn nộ, chán ghét chính bản thân mình và tất cả mọi người. Suốt mấy ngày, tôi đau khổ chờ đợi giờ phút người ta mang những hộp sách đó tới. Cuối cùng người ta đưa sách tới, tôi xếp mấy hộp đó vào kho. Tên quản lí của hiệu bên cạnh tìm gặp và xin tôi cho y một tập Thánh thi.

Tôi bèn hỏi y:

- Thế anh đã kể cho tay chủ tôi về chuyện bức tượng thánh rồi à?

- Kể rồi. – Y đáp với giọng buồn rầu. – Anh bạn ạ, tính tôi không thể giấu được chuyện gì...

Câu nói đó làm tôi kinh ngạc, tôi ngồi thụp xuống sàn và tròn xoe mắt nhìn y. Y bắt đầu vội vã lấp bắp, trông y vừa có vẻ ngượng nghịu vừa đáng thương một cách vô cùng thiếu não:

- Chú mình có biết không, chính nhà chủ đã đoán ra, lão chủ của tôi đã đoán ra và nói với nhà chủ của chú...

Tôi tưởng tôi chết mất. Những con người này đã chơi xỏ tôi, và giờ đây ở trại giam tội phạm ít tuổi đã dành sẵn cho tôi một chỗ rồi! Đã vậy thì được! Đã chết đuối thì chết hẳn ở chỗ sâu cho cam. Tôi liền giúi vào tay tên quản lí hiệu bên cạnh một tập Thánh thi, y giấu vào trong áo bành tô và đi ngay, nhưng y lại lập tức quay lại và ném tập Thánh thi vào chân tôi, vừa nói vừa bỏ đi thẳng:

- Tớ không lấy đâu! Tớ sẽ chết theo chú mất...

Tôi không hiểu những lời nói ấy. Tại sao y lại chết theo tôi?

Nhưng tôi rất hài lòng là y không lấy cuốn sách. Sau việc này gã quản lí nhỏ bé của tôi càng nhìn tôi với vẻ tức giận và nghi ngờ.

Tôi nhớ lại những chuyện đó khi bác Larionich đi lên gác. Bác ở trên đó không lâu rồi trở xuống với vẻ chán nản và trầm lặng. Trước bữa ăn tối, bác nói riêng với tôi:

- Bác hết sức nài xin cho cháu thôi việc ở cửa hiệu và tới xưởng làm việc. Nhưng không ăn thua! Kouzka không thích thế. Hẳn rất không ưa cháu...

Ở nhà này tôi còn có một kẻ địch nữa là cô vợ chưa cưới của gã quản lí, một cô gái cợt nhả quá mức. Bọn thanh niên trong xưởng bông đùa cô ả, họ đón cô ở phòng ngoài và ôm lấy cô. Cô ả không bực mình về chuyện đó, chỉ khẽ kêu ư ử như cún con. Từ sáng đến tối, cô ả luôn mồm nhai tóp tép, trong túi nào cũng nhét đầy bánh bèo, bánh xốp. Hai hàm của cô ả không ngừng động đậy. Nhìn khuôn mặt vô vị có cặp mắt xam xám không lúc nào yên của ả thật là khó chịu. Cô ả thường đố tôi và Pavel những câu đố bao giờ cũng bao hàm một ý nghĩa thô tục. Cô ả dạy cho chúng tôi những câu nói nhanh sẽ nhệ thành những câu tục tĩu.

Một hôm có một người nào đấy trong đám thợ cả đứng tuổi nói với cô ả:

- Kể thì cô cũng lẳng lơ quá đấy!

Cô ả trâng tráo dùng lời của một bài hát thô bỉ đáp lại:

Nếu gái tơ biết ngược,

Sao trở nên đàn bà?

Lần đầu tiên tôi thấy một cô gái như vậy. Cô ả ve vãn tôi một cách thô thiển làm tôi sợ và ghê tởm. Khi thấy tôi không ưa

những trò ve vãn ấy, cô ả càng hay quấy rầy hơn.

Có một lần, ở dưới hầm rượu, khi tôi cùng Pavel giúp cô ả gội nước sôi vào các thùng gỗ để đựng kvass và dưa chuột, cô ả bảo chúng tôi:

- Này, các cậu, có muốn tớ dạy các cậu hôn không?

- Tôi còn biết giỏi hơn chị là đằng khác. – Pavel vừa cười vừa trả lời cô ả.

Còn tôi thì bảo cô ả đi mà hôn chồng chưa cưới của cô. Tôi đã nói câu đó không được nhã nhận lắm, làm cô ả nổi giận:

- Chà, đồ lỗ mãng! Một tiểu thư đôi xử nhã nhận với hấn, mà hấn lại lên mặt như vậy. Mà thật là đồ thộn!

Cô ả giơ ngón tay dọa tôi và nói thêm:

- Này, liệu hồn, tao sẽ cho mày biết tay!

Pavel cũng vừa ủng hộ tôi vừa bảo cô ả:

- Nếu chồng chưa cưới của chị mà biết thì hấn sẽ cho chị một mẻ.

Cô ả nhăn bộ mặt đầy trứng cá với vẻ khinh bỉ:

- Tao không sợ hấn! Với số hồi môn của tao, tao có thể kiếm được hàng chục đứa như hấn. Con gái chỉ còn được đùa nghịch trước khi cưới mà thôi.

Cô ả bắt đầu đùa nghịch với Pavel. Từ đây tôi lại có thêm một kẻ mách lẻo thường xuyên về mình.

Đối với tôi, cuộc sống ở cửa hiệu càng ngày càng khó chịu. Tôi đã đọc hết tất cả các sách tôn giáo, những cuộc tranh luận và trò chuyện của mấy nhà thông thái đã không còn lôi cuốn được tôi: Họ nói đi nói lại cũng vẫn vãn vãn ấy chuyện. Chỉ có lão

Pyotr Vassiliep, với vốn hiểu biết các khía cạnh tăm tối của cuộc sống con người và tài nói vừa sôi nổi vừa hấp dẫn, là còn lôi cuốn tôi như trước. Đôi lúc tôi nghĩ rằng nhà tiên tri Ilya đơn độc và hay thù hằn cũng đã sống trên trái đất như vậy.

Nhưng mỗi lần tôi nói chuyện cởi mở với lão già về mọi người, về những ý nghĩ của mình thì sau khi gật gù đồng tình, lão lại kể lại cho gã quản lí những điều tôi đã nói. Gã này hoặc chế nhạo tôi thậm tệ, hoặc cúi kính chửi mắng tôi.

Một hôm, tôi nói với lão già rằng thỉnh thoảng tôi có ghi những lời lẽ của lão vào vở, trong cuốn vở đó tôi đã ghi nhiều câu thơ và nhiều câu châm ngôn trích trong các sách. Lão già thông thái rất kinh hãi, vội vàng lão đảo đến chỗ tôi và lo lắng hỏi:

- Cháu làm thế để làm gì? Cháu còn bé, không nên làm việc đó! Để ghi nhớ ư? Không nên, cháu hãy thôi việc đó đi! Cháu thật là lạ lùng! Cháu đưa cho ông cuốn vở ghi ấy nhé, thế nào?

Lão kiên trì thuyết phục tôi hồi lâu để tôi đưa cho lão cuốn vở hoặc đốt cuốn vở đi. Sau đó lão bực tức thì thầm với gã quản lí.

Trên đường về nhà, gã quản lí nghiêm khắc bảo tôi:

- Nghe nói mày vẫn hay ghi chép gì đó, không được làm cái trò ấy nữa, nghe chưa? Chỉ có bọn mật thám mới làm việc ấy thôi.

Tôi thiếu thận trọng, hỏi:

- Thế Sitanov thì sao? Anh ấy cũng ghi chép.

- Cũng ghi chép à? Thằng ấy lớn đầu mà ngốc...

Sau khi im lặng hồi lâu, gã gạ gẫm tôi, giọng dịu dàng khác thường:

- Này, đưa cho ta xem cuốn vở của chú và cả của Sitanov, ta sẽ cho chú năm mươi kopek! Nhưng phải làm thế nào cho Sitanov không biết, phải thật khéo...

Có lẽ gã tin rằng tôi sẽ thực hiện mong muốn của gã nên chẳng nói thêm lời nào nữa, chạy vượt lên trước bằng đôi chân ngắn cũn cỡn.

Về nhà, tôi kể cho Sitanov nghe chuyện gã quản lí gạ gẫm tôi. Sitanov cau mày.

- Em đã nói lộ bí mật một cách vô ích rồi đấy... Bây giờ thì nhất định hắn sẽ dụ một tay nào vào đây lấy cắp cuốn vở của anh và của em. Em nên đưa anh cuốn vở của em để anh giấu đi... Coi chừng, hắn sắp đuổi em đấy!

Tôi tin như vậy và quyết định ngay khi bà tôi trở về thành phố là lập tức rời khỏi đây. Suốt cả mùa đông bà sống ở Balakhna vì có người mời bà tới dạy các cô gái làm đăng ten. Ông tôi lại đến ở Kunavino; tôi không đi thăm ông, và tuy ông vào thành phố luôn, ông không hề đến thăm tôi. Một hôm, tôi chạm trán ông ngoài phố; ông mặc cái áo lông gấu chuột nặng nề, bước đi trịnh trọng, chậm rãi như một cỗ đạo. Tôi chào ông, ông che lòng bàn tay nhìn tôi rồi ề à, vẻ suy nghĩ:

- A, mày đấy ư... Bây giờ mày là tay vẽ tượng thánh... Đúng, đúng... Thôi, đi nhé, đi nhé!

Ông đẩy tôi sang bên, rồi tiếp tục đi vẫn với dáng điệu trịnh trọng và chậm rãi.

Tôi ít gặp bà tôi; bà làm việc không biết mệt mỏi để nuôi thêm ông bị bệnh lẫn căn tuổi già; ngoài ra bà còn vất vả với lũ con của các cậu. Nhất là thằng Sascha, con cậu Mikhail, một thanh niên đẹp trai, mơ mộng và ham đọc sách, đã làm bà tôi

phải lo nghĩ nhiều. Nó làm việc ở các xưởng nhuộm, và đổi chủ luôn. Trong những khoảng thời gian chờ đợi, nó sống bám vào bà, yên trí chờ bà tìm cho nó một chỗ mới. Em gái của Sascha cũng hay quấy rầy bà. Nó không may lấy phải một gã thợ nghiện rượu, gã đánh đập nó và đuổi nó khỏi nhà.

Mỗi khi gặp bà, tôi càng khâm phục tâm hồn bà một cách có ý thức hơn; nhưng tôi cảm thấy tâm hồn đẹp đẽ ấy bị những chuyện thần thoại làm cho mù quáng, nó không có khả năng nhìn thấu, hiểu được những hiện tượng thực tế chua xót. Những nỗi lo âu, lo lắng của tôi đều xa lạ với bà.

- Phải chịu đựng, Alyosha ạ!

Đó là tất cả những gì bà có thể nói với tôi để đáp lại các chuyện tôi kể về cuộc sống quái gở, về nỗi đau khổ của mọi người, về nỗi buồn chán của tôi, về tất cả những điều làm tôi phần nộ.

Tôi không sao quen được tính cam chịu, và nếu đôi khi tôi biểu lộ đức tính ấy – vốn dĩ là đức tính của thú vật, của cỏ cây, của đá sỏi, thì chẳng qua cũng chỉ để tự thử thách, để biết khả năng của mình đến đâu, biết mức độ chịu đựng để tồn tại được trên trái đất này của mình. Nhiều thiếu niên mới lớn, vì tính trẻ con ngu xuẩn, ganh tị với sức lực người lớn, thường cố sức nâng những quả tạ quá nặng so với bắp thịt và xương cốt của chúng, huênh hoang như các lực sĩ với những quả tạ hai pood.

Tôi cũng như vậy, theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng, bằng cả thể lực và tinh thần. Chỉ nhờ một sự ngẫu nhiên nào đấy mà tôi đã không chết hay tàn tật suốt đời vì cố gắng vô ích. Bởi không có gì hủy hoại con người một cách đáng sợ bằng tính cam chịu, bằng sự khuất phục trước những sức mạnh của ngoại cảnh.

Tuy nhiên, nếu không may giờ đây tôi tàn phế hay ngã xuống, trong giờ phút cuối cùng tôi có thể hãnh diện nói rằng suốt bốn chục năm trời có những người đã làm đủ mọi cách để bóp méo tâm hồn tôi, nhưng nỗ lực ngoan cố của họ không thành công lắm.

Ý muốn mãnh liệt thích nghịch ngợm, mua vui cho thiên hạ, bắt họ phải cười càng ngày càng choán lấy tôi. Tôi ngày một thành thạo, khéo kể chuyện và bắt chước điệu bộ các con buôn ở chợ Nizhny, mấy ông bần nông, các bà nông dân mua bán tượng thánh, gã quản lí lươn lẹo và những nhà thông thái ưa tranh cãi.

Mọi người trong xưởng đều cười rộ; anh em thợ hay bỏ việc để xem tôi biểu diễn, nhưng sau đó bao giờ bác Larionovich cũng khuyên tôi:

- Sau bữa tối cháu hãy biểu diễn thì hơn, kéo làm cản trở công việc...

Sau khi “biểu diễn” xong, tôi cảm thấy nhẹ nhõm như vừa trút được gánh nặng. Khoảng nửa giờ đến một giờ, đầu óc tôi trở nên thanh thoi dễ chịu; nhưng sau đó hình như đầu tôi lại đầy những cái đinh nhỏ nhọn hoắt, chúng quấy rầy, khiêu khích không để tôi yên.

Xung quanh tôi như có sự rối rắm bản thủ nào đó sôi lên sùng sục, tôi cảm tưởng mình đang bị rối lên trong đó.

Tôi nghĩ bụng: “Chẳng lẽ suốt đời như thế này ư? Ta sẽ sống như những con người này, sẽ không tìm thấy, không nhìn thấy cái gì tốt đẹp hơn ư?”

- Maksimovich ạ, sao dạo này cháu hay cáu thế? – Bác Jikharev vừa nói vừa chăm chú nhìn tôi.

Sitanov thường hỏi:

- Em làm sao thế?

Tôi không biết trả lời sao cả.

Cuộc sống đã ngang nhiên xóa bỏ một cách thô bạo khỏi tâm hồn tôi những bản năng tốt đẹp nhất, thay thế một cách trắng trợn bằng những điều ngu xuẩn phi lí. Tôi phản nộ và kiên trì chống lại sự cưỡng bức ấy. Tôi bơi trên cùng dòng sông với tất cả mọi người, nhưng đối với tôi nước có phần lạnh giá hơn và nó không giữ tôi dễ dàng như những người khác: Nhiều khi tôi thấy mình chìm ngấm xuống một đáy sâu nào đó.

Mọi người đối xử với tôi ngày một tốt hơn: Họ không mắng tôi như mắng Pavel, không chế giễu tôi, gọi tôi bằng tên lót của cha để nhấn mạnh thái độ quý trọng. Tôi rất hài lòng với điều đó, nhưng tôi cũng khổ tâm khi thấy họ uống nhiều rượu vodka quá, thấy những lúc say rượu họ rất đáng ghét, thấy thái độ thô bỉ của họ với phụ nữ, mặc dù tôi hiểu rằng rượu vodka và đàn bà là trò tiêu khiển duy nhất trong cuộc sống của họ.

Tôi buồn rầu nhớ lại rằng ngay cả Natalya Kozlovsky thông minh và can đảm cũng gọi đàn bà là trò tiêu khiển.

Nhưng còn bà tôi thì sao? Còn Nữ hoàng Margot thì sao?

Tôi nhớ đến Nữ hoàng với một cảm giác gần như sợ hãi. Trong kí ức tôi bà như hư ảo, xa xăm, tựa như tôi đã gặp bà trong mộng.

Tôi bắt đầu nghĩ quá nhiều về phụ nữ và tự hỏi: Tại sao Chủ nhật tôi lại không đi tới chỗ mà tất cả mọi người đều tới? Đó không phải là đòi hỏi xác thật – tôi khỏe mạnh và thường khó tính, nhưng đôi khi tôi khao khát đến điên cuồng được ôm một người thân yêu – một người thật thông minh và tinh tế – muốn

nói rất lâu, rất cởi mở với người đó về những bản khoản day dứt của tâm hồn mình như nói với một bà mẹ.

Tôi thèm muốn được như Pavel, đêm đêm nó kể với tôi mối tình của nó với cô hầu phòng ở nhà đối diện.

- Cậu này, thật là một chuyện buồn cười: Một tháng trước đây mình lấy tuyết ném cô ấy, mình không thích cô, nhưng bây giờ mỗi khi mình ngồi trên ghế nẹp chặt vào người cô, mình thấy không còn có ai đáng yêu quý hơn cô nữa!

- Cậu với cô ấy nói những chuyện gì?

- Dĩ nhiên là đủ mọi chuyện. Cô ấy kể cho mình về cuộc đời cô, mình cũng kể cho cô ấy về mình. Rồi chúng mình hôn nhau... Được cái là cô ấy rất ngay thật... Giá cậu biết cô ấy đáng yêu như thế nào!... Chà, cậu hút thuốc như một tay lính già ấy!

Tôi hút rất nhiều. Say thuốc lá thường làm dịu bớt những bản khoản và cảm giác lo âu. Rất may là tôi ghê tởm mùi vị rượu vodka. Nhưng Pavel lại thích uống, và khi say rượu nó khóc lóc thảm thương:

- Tôi muốn đi về nhà, về nhà! Buông cho tôi đi về nhà...

Tôi nhớ là nó cũng mồ côi, bố mẹ nó đã mất từ lâu, anh chị em đều không có; mới tám tuổi đầu nó đã phải đi ở.

Với tâm trạng dần vật ấy, lại thêm tiếng gọi của mùa xuân đầy tươi mới, tôi quyết định sẽ làm việc trên tàu thủy và khi xuống Astrakhan sẽ chạy trốn sang Ba Tư.

Tôi không nhớ tại sao lại quyết định đến Ba Tư; có lẽ chỉ vì tôi rất thích các lái buôn Ba Tư ở hội chợ Nizhny Novgorod: Họ ngồi im như những bức tượng thần bằng đá, chìa bộ râu nhuộm ra nắng, điềm tĩnh hút ống điếu; mắt họ vừa to vừa đen, dường

như am hiểu mọi thứ trên đời.

Đáng lẽ tôi đã bỏ đi đến chân trời góc bể, nhưng trong tuần lễ Phục sinh, nhân lúc một số thợ về quê thăm nhà, số còn lại la cà trong các quán rượu, vào một ngày nắng ráo, đang lúc dạo chơi ở cánh đồng bên sông Oka, tôi gặp cậu chủ, cháu của bà ngoại tôi.

Cậu mặc áo khoác mỏng màu xám, tay thọc vào túi quần, miệng ngậm điếu thuốc lá, đầu đội mũ hất ngược ra sau gáy; khuôn mặt nhả nhặn của cậu như mỉm cười thân mật với tôi. Cậu có cái vẻ dễ thương của một người tự do, vui vẻ. Ngoài hai người chúng tôi, không có ai trên đồng cỏ.

- A, Peskov, Chúa đã sống lại! Chúc mừng cháu!...

Chúc mừng nhau xong, cậu hỏi tôi sống ra sao; tôi thành thật kể với cậu rằng xưởng, thành phố, và mọi thứ nói chung đều khiến tôi chán ngán và tôi đã quyết định đi Ba Tư.

- Không nên! – Cậu nói, vẻ nghiêm trang. – Đi Ba Tư làm khi gì kia chứ? Này anh bạn, tôi biết chuyện đó lắm; hồi trẻ tuổi anh tôi cũng thích bay nhảy khắp bốn phương trời.

Tôi thích lối nói nhẹ nhàng phóng khoáng như vậy. Trong cậu có điều gì lôi cuốn, tươi xanh như trời xuân. Từ đầu đến chân, trông cậu rất ngang tàng.

- Hút thuốc không? – Cậu vừa hỏi vừa chìa cho tôi hộp đựng thuốc lá bằng bạc có những điếu thuốc kếp xù.

Sự mời mọc đó hoàn toàn chinh phục tôi.

- Thế này nhé, Peskov, anh lại đến ở với tôi! – Cậu đề nghị. – Này anh bạn, năm nay tôi đã nhận thầu khoảng bốn mươi ngàn rúp những công trình kiến trúc ở hội chợ, anh có hiểu không?

Tôi sẽ phái anh tới hội chợ làm việc, giống như một người đốc công^[152] của tôi. Anh sẽ nhận vật liệu, trông nom cho công việc được tiến hành đúng lúc đúng chỗ, và đừng để đám thợ lấy cắp, thế có được không? Tiền công mỗi tháng năm rúp, ngoài ra mỗi bữa ăn trưa được trả thêm năm kopek! Máy mù đàn bà không dính dáng gì tới anh cả; sáng sớm anh đi, tối trở về, phớt tỉnh họ đi! Nhưng anh chớ có nói với họ chuyện chúng ta gặp nhau đây, đến Chủ nhật này, nhân ngày lễ Thánh Foma, anh cứ tới, như thế nhé!

Chúng tôi chia tay nhau như những người bạn. Lúc tạm biệt, cậu bắt tay tôi và thậm chí lúc tôi đi xa rồi cậu vẫn còn vẫy mũ, vẻ niềm nở.

Về xưởng, tôi nói với mọi người rằng tôi sẽ nghỉ việc, lúc đầu mọi người luyện tiếc khiến tôi khá cảm động; người tỏ vẻ lo ngại nhất là Pavel.

- Cậu hãy suy nghĩ kĩ đi. – Nó nói, vẻ trách móc. – Bọn mình sống với nhau đã quen rồi, cậu làm sao có thể sống nổi với bọn bần nông phức tạp, bọn thợ mộc thợ nề ấy... Chao ôi, cậu quên câu tục ngữ “Cha cố đời nào lại đi làm thằng nhỏ” rồi à?

Bác Jikharev lẩm bẩm:

- Cá tìm đến chỗ sâu, còn thanh niên thường tìm đến chỗ khó khăn nhất...

Buổi chia tay tôi do xưởng tổ chức vừa buồn vừa nặng nề.

- Tất nhiên là cái gì cũng nên trải nghiệm. – Bác Jikharev nói, mặt bác vàng khè vì nôn nao sau khi uống rượu. – Nhưng tốt hơn cả là nên bám thật chắc ngay tức khắc vào một cái gì đó...

- Và cứ bám như thế suốt đời. – Bác Larionich khẽ bổ sung.

Tôi cảm thấy họ nói với vẻ găng gượng và hình như chỉ cố làm cho tròn bốn phận. Sợi chỉ thắt chặt tôi với họ dường như đã mục nát và đột nhiên bị đứt đứt.

Lão Golovev say rượu trở mình trên gác lửng, thở khò khè:

- Tôi muốn tất cả bị bỏ tù hết! Tôi biết một bí mật! Ở đây những ai tin vào Chúa? A ha-a-a!

Giống như mọi khi, những bức tượng thánh vẽ dở chưa có mặt mũi đứng dựa vào tường, mấy quả cầu thủy tinh dính chặt vào trần nhà. Đã từ lâu người ta không làm việc dưới ánh đèn, những quả cầu ấy không được dùng đến nên bị phủ một lớp bồ hóng và bụi xám ngất. Mọi thứ xung quanh đã in sâu trong trí nhớ đến nỗi nhắm mắt lại tôi vẫn nhìn thấy trong bóng tối toàn bộ quang cảnh hầm nhà, những cái bàn, mấy hộp sơn trên bệ cửa sổ, các chùm bút lông có cán, những bức tượng thánh, thùng nước rác ở góc nhà, cái chậu rửa tay bằng đồng trông giống mũ sắt của lính cứu hỏa. Và cả cái chân trần trụi của lão Golovev buông thõng từ trên gác lửng xuống, xanh tái như chân người chết đuối.

Tôi muốn rời khỏi nơi đây thật mau, nhưng ở Nga người ta thích kéo dài những giây phút buồn bã; phút giây tiễn biệt như thể lễ an táng cho người chết.

Bác Jikharev nhú mày, nói với tôi:

- Cuốn sách *Con quỷ* ấy bác không thể trả cháu đâu, nếu cần bác sẽ trả cho cháu hai mươi kopek nhé?

Cuốn sách đó là của riêng tôi, ông già đội trưởng đội cứu hỏa đã tặng tôi, tôi rất tiếc phải nhượng cuốn “Lermontov” cho người khác. Tôi hơi có vẻ bực tức, từ chối lấy tiền. Bác Jikharev bình tĩnh nhét đồng hai mươi kopek vào ví và tuyên bố dứt

khoát:

- Có thể nào thì bác cũng không trả cháu cuốn sách này đâu. Cuốn sách này không dành cho cháu, đó là một cuốn sách mà hề đem theo mình ít lâu là có thể phạm tội ngay...

- Cuốn sách này cháu thấy người ta có bán ở hiệu đây!

Nhưng bác khẩn khoản nói với tôi:

- Cái đó không lạ, ở hiệu ngay cả súng lục cũng có bán...

Thế là bác không trả “Lermontov” cho tôi.

Khi lên gác để từ biệt bà chủ, tôi bỗng gặp người cháu gái bà ở phòng ngoài, cô ả hỏi:

- Nghe nói anh sắp đi phải không?

- Phải.

- Nếu anh không đi thì cũng bị đuổi thôi. – Cô ả nói với tôi, không được nhã nhặn lắm nhưng giọng rất chân thành.

Còn bà chủ say rượu thì bảo:

- Thôi từ biệt nhé, cầu Chúa phù hộ cho cháu! Cháu là một thằng bé hư và hỗn láo! Mặc dù ta chưa tận mắt nhìn thấy cháu làm gì xấu nhưng mọi người đều nói cháu là một đứa bé hư!

Rồi bỗng nhiên bà bật khóc, nói với giọng nghẹn ngào:

- Giá mà chồng bà còn sống, ông ấy là một người dịu dàng, có tấm lòng đáng quý, nhất định ông chỉ chửi mắng hoặc bộp gáy cháu thôi, nhưng vẫn giữ cháu lại, không đuổi đi! Còn bây giờ mọi chuyện khác trước, đùng một tí là đuổi luôn! Chà, cháu định bỏ đi đâu bây giờ, nương tựa vào đâu bây giờ?

Tôi cùng cậu chủ đi thuyền dọc theo những đường phố của hội chợ, giữa các cửa hiệu xây bằng đá bị ngập nước lũ đến tận tầng hai. Tôi chèo thuyền, cậu chủ ngồi phía lái điều khiển một cách vụng về: Cậu buông mái chèo phía lái quá sâu. Con thuyền xoay quẩn quanh, di chuyển từ phố này sang phố kia trên mặt nước đục yên lặng, trầm tư.

- Chà, năm nay nước to quá, mẹ kiếp! Cản trở hết cả công việc. – Cậu chủ càu nhàu, miệng hút điếu xì gà, khói thuốc tỏa mùi rạ cháy. – Nhẹ chứ! – Cậu kêu lên với vẻ sợ hãi. – Đi về phía cột đèn!

Cậu xoay xở với con thuyền, miệng chửi rủa:

- Lũ đê tiện, đưa cho chúng ta cái thuyền như thế đây!

Cậu chỉ cho tôi những chỗ mà sau khi nước rút chúng tôi sẽ bắt đầu công việc sửa chữa lại các cửa hiệu. Cậu cạo râu nên nom da mặt xanh xanh, ria mép được xén bớt, miệng ngậm xì gà, trông cậu không giống người thâu khoán chút nào. Cậu mặc áo da, đi đôi ủng cao đến tận đầu gối, vai đeo túi dết của thợ săn, dưới chân cậu có đặt một khẩu súng hai nòng. Cậu hay mó máy cái mũ cát kết bằng da với vẻ bần khoản, lúc thì kéo sụp nó xuống mắt, bĩu môi và nhìn xung quanh với vẻ lo lắng, lúc thì hất ngược nó ra sau gáy, trông trẻ hảnh, rồi mỉm cười, nụ cười khuất trong bộ ria mép. Chắc cậu đang suy nghĩ về điều thú vị nào đó. Khó mà tin được rằng cậu rất bận, rằng việc nước rút chậm khiến cậu lo lắng. Có lẽ trong con người cậu đang dào dạt

một luồng suy nghĩ không dính líu gì đến công việc.

Tôi thì đắm chìm trong một cảm giác ngạc nhiên trầm lắng: Nhìn thành phố chết này, nhìn những dãy nhà thẳng tắp có cửa sổ đóng kín này, thật là kì lạ. Thành phố ngập nước, giống như đang trôi bên cạnh con thuyền của chúng tôi.

Bầu trời xám xịt. Mặt trời lạc trong những đám mây, thỉnh thoảng mới lộ qua tầng mây dày đặc như một vệt lớn bàng bạc lạnh lẽo.

Nước xám xịt và lạnh ngắt, khó mà thấy được dòng chảy; như thể nó đông lại, ngủ thiếp đi bên những ngôi nhà trống rỗng, những dãy cửa hiệu vàng ố. Khi mặt trời trắng nhợt ngó qua mây, cảnh vật xung quanh hơi sáng lên, nước phản chiếu màn trời màu xám, con thuyền của chúng tôi treo lơ lửng giữa hai bầu trời; những tòa nhà bằng đá cũng khẽ nhô lên và dường như nhẹ nhàng trôi về phía sông Volga và dòng Oka. Xung quanh thuyền, thùng gỗ, hòm sọt hỏng, dăm gỗ vụn và rơm rạ trôi bập bênh, thỉnh thoảng có một cái sào hay một cây gỗ bập bênh như một con rắn chết.

Đây đó có những ô cửa sổ mở, hé ra hành lang trên tầng mái có phơi quần áo lót, những đôi ủng dạ thò ra ngoài; một người đàn bà đứng nhìn qua cửa sổ xuống mặt nước xám; một chiếc thuyền con buộc vào đỉnh cây cột gang của dãy hành lang, mạn thuyền màu đỏ phản chiếu xuống mặt nước trông như một miếng thịt mỡ.

Cậu chủ hát đầu về phía những dấu hiệu của sự sống ấy, giải thích cho tôi:

- Đó là chỗ ở của bọn gác hội chợ. Họ bò qua cửa sổ ra mái nhà, ngồi lên thuyền rồi đi tuần tra xem có kẻ cắp không. Nếu

không có kẻ cắp thì chính họ lại ăn cắp...

Cậu nói với vẻ uể oải, bình thản, hình như đầu óc cậu đang suy nghĩ chuyện gì khác. Xung quanh im lặng, vắng vẻ và huyền diệu y như trong mơ. Sông Volga và Oka hòa vào nhau thành một cái hồ lớn. Xa xa, trên một quả núi lờm chờm, thành phố hiện ra đẹp đẽ với nhiều màu sắc sặc sỡ. Cả thành phố chìm trong các vườn cây đen sẫm, nhiều cây đã nảy lộc, những vườn cây như khoác lên nhà thờ và các căn nhà chiếc áo lông ấm áp màu xanh nhạt. Tiếng chuông trầm trầm của ngày lễ Phục sinh ngân trên mặt nước. Nghe thấy rõ cả âm thanh ồn ào của thành phố. Nơi đây giống như một bãi tha ma đã bị lãng quên.

Thuyền chúng tôi lượn giữa hai hàng cây đen sẫm, theo phố chính về phía nhà thờ cũ. Điều xì gà đã quấy rầy cậu chủ, khói hăng che kín cặp mắt cậu; mạn thuyền, mũi thuyền đụng suốt vào các thân cây.

Cậu chủ ngạc nhiên nói, vẻ tức giận:

- Con thuyền này đều thật!

- Thế thì cậu đừng lái nữa.

- Sao lại có thể được? – Cậu càu nhàu. – Nếu trên thuyền có hai người thì bao giờ cũng có một người chèo, một người lái. Trông kìa, đây là những dây cửa hiệu Trung Quốc...

Tôi biết rõ khu hội chợ từ lâu; tôi biết cả những dãy nhà buồn cười có kiểu mái lổ lảng này. Góc các mái nhà có những bức tượng bằng thạch cao ngồi xếp chân vòng tròn. Ngày xưa tôi cùng các bạn đã lấy đá ném vào các bức tượng ấy, một số đã bị chính tôi làm cụt đầu, cụt tay. Nhưng tôi không lấy gì làm tự hào về việc đó...

- Thật vô ý nghĩa. – Cậu chủ vừa nói vừa chỉ vào những dãy

nhà ấy. – Giá mà người ta để cho mình xây dựng cái đó...

Cậu huýt sáo, hát mũ ra sau gáy.

Không hiểu sao tôi chợt nghĩ bụng rằng nếu là cậu thì cũng sẽ xây dựng thành phố bằng đá này buồn tẻ như vậy thôi, cũng ở một chỗ trũng hẳng năm bị nước của hai con sông làm ngập úng. Và những dãy nhà Trung Quốc kia cũng sẽ được xây dựng y như thế này.

Cậu vút điếu xì gà ra ngoài mạn thuyền, nhổ nước bọt rồi nói, vẻ ngao ngán:

- Chán ngấy, Peskov ạ! Chán ngấy! Ở đây không có những người có học thức, chẳng có ai để nói chuyện cả. Muốn khoe khoang, nhưng biết khoe với ai? Không có người. Chỉ toàn bọn thợ mộc, thợ nề, bọn bần nông, bọn kẻ cắp...

Cậu nhìn sang ngọn đồi bên phải, phía ngôi nhà thờ quét vôi trắng rất đẹp nhô lên trên mặt nước, rồi lại tiếp tục nói, như sực nhớ lại một chuyện gì đã bị lãng quên:

- Tôi đã bắt đầu uống bia, hút xì gà, sống theo người Đức. Anh bạn ạ, người Đức là những người sành sỏi, chà, cái lũ quý ấy! Uống bia thật là dễ chịu, còn hút xì gà tôi vẫn chưa quen! Hút nhiều quá, nhà tôi hay cầu nhau: “Anh có mùi gì như là mùi của thợ đóng yên ngựa thế?” Đây, anh bạn ạ, chúng ta sống phải có mảnh khoe mới được... Thôi anh tự lái lấy nhé...

Sau khi đặt mái chèo lên mạn thuyền, cậu cầm súng bắn một phát vào bức tượng trên mái nhà. Bức tượng không bị hư hại, viên đạn chì sượt qua mái nhà và bức tường, những đám bụi bốc lên trong không khí.

- Không trúng rồi. – Xạ thủ chân thành thú nhận rồi lại nhồi đạn vào súng.

“Anh đối xử với bọn con gái ra sao, đã phá giới chưa? Chưa à? Còn tôi mới mười ba tuổi đầu đã yêu đương rồi...” Cậu kể như kể một giấc mơ, câu chuyện mỗi tình đầu của cậu với cô hầu phòng của vị kiến trúc sư; cậu đã từng sống ở nhà ông ta với tư cách là học trò.

Làn nước xám khẽ vỗ oàm oạp, cọ sạch các góc nhà. Phía sau nhà thờ là một biển nước hoang vắng mờ mờ lấp lánh, đó đây trên mặt nước nhô lên những cành liễu đen sì.

Ở xưởng làm tượng thánh người ta hay hát bài hát của trường dòng:

Biển xanh,

Biển động...

Có lẽ cái biển xanh ấy trông chán ngấy lên được...

- Ban đêm tôi không ngủ. – Cậu chủ nói. – Có khi tôi dậy, trèo ra khỏi giường và đứng cạnh cửa buồng cô ấy, run như cây sậy; ngôi nhà rất lạnh lẽo! Đêm đêm, lão chủ của cô ấy thường mò tới, lão có thể bắt gặp tôi, nhưng tôi cóc sợ, thật đấy...

Cậu nói với vẻ suy nghĩ, như đang xem xét một chiếc áo cũ đã hỏng xem liệu có thể mặc được một lần nữa hay không.

- Cô ấy trông thấy tôi, thương hại, mở rộng cửa và gọi: “Vào đi, anh chàng ngốc...”

Tôi đã nghe nhiều câu chuyện như vậy, chúng làm tôi phát ngấy, mặc dù trong mỗi chuyện đều có nét riêng thú vị về “mỗi tình đầu”, hầu hết mọi người kể lại một cách không khoác lác, không bỉ ổi, thường là dịu dàng và buồn bã. Tôi hiểu rằng khoảnh khắc ấy là cái tốt đẹp nhất trong cuộc đời người kể chuyện. Hình như đời nhiều người chỉ có một cái đó là tốt đẹp

thôi.

Cậu chủ vừa cười vừa gật đầu, thốt lên với vẻ kinh ngạc:

- Anh không được nói chuyện này cho nhà tôi nhé, tuyệt đối không được nói! Chuyện cũng chẳng có gì kì lạ. Nhưng chớ có kể! Câu chuyện thế này nhé...

Hình như không phải cậu kể cho tôi mà cho chính cậu. Nếu cậu có im lặng thì tôi cũng sẽ nói, vì trong bầu không khí yên tĩnh và vắng vẻ này, cần phải nói, hát, chơi đàn phong cầm, không thì sẽ vĩnh viễn ngủ thiếp đi trong giấc mơ nặng nề giữa thành phố chết đang chìm trong làn nước giá lạnh và xám xịt.

- Điểm trước tiên là không nên lấy vợ sớm! – Cậu khuyên tôi. – Lấy vợ, anh bạn ạ, là một việc vô cùng trọng đại! Chưa vợ có thể muốn sống ở đâu và sống ra sao thì tùy ý! Có thể sống ở Ba Tư, làm tín đồ Hồi giáo, cũng có thể làm cảnh sát ở Moskva; muốn đốt nhà cướp của cũng được, tất cả đều có thể sửa chữa được! Còn lấy vợ vào, anh bạn ạ, nó giống như là thời tiết ấy, không thể nào sửa chữa được đâu... Thật đấy! Anh bạn ạ, vợ không phải là cái ủng có thể tháo ra và quẳng đi dễ dàng...

Nét mặt cậu thay đổi, cậu nhìn xuống dòng nước xám, khẽ cau mày, lấy ngón tay xoa cái mũi hếch và lẩm bầm:

- Thật đấy, anh bạn ạ... Hãy thận trọng! Giả sử anh có bị lôi cuốn về phía nào chẳng nữa, anh hãy cứ đứng cho thẳng... Tuy nhiên, anh nào rồi cũng mắc bẫy cả thôi...

Thuyền chúng tôi đi vào đám bụi cây của hồ Meshtcherskoye, hồ này hòa vào với sông Volga.

- Chèo khẽ chứ. – Cậu chủ nói thềm, chìa súng vào bụi rậm.

Sau khi bắn được mấy con chim mỏ nhát gầy nhom, cậu ra

lệnh:

- Chúng ta đi tới Kunavino thôi! Tôi sẽ ở lại đó cho đến tối, còn anh về nhà bảo rằng tôi bận làm việc với mấy người thầu khoán nên về muộn.

Sau khi đưa cậu tới một con phố thuộc vùng ngoại ô cũng bị ngập nước lũ, tôi trở về theo đường hội chợ tới phố Stravelka, buộc thuyền lại và ngồi ở đó nhìn nơi hai con sông hòa dòng chảy, nhìn thành phố, tàu thủy và bầu trời. Bầu trời giống như đôi cánh lộng lẫy của một con chim to lớn khoác bộ lông trắng bằng mây. Trong những vực thẳm xanh biếc, giữa các đám mây, mặt trời vàng óng ló ra, nó vừa thoáng nhìn xuống là cảnh vật trên mặt đất liền thay đổi. Vạn vật chuyển động một cách phần chân và vững chắc, dòng sông chảy xiết dễ dàng cuốn theo vô số bè gỗ. Vài bần nông rậm râu đứng vững trên bè, điều khiển các mái chèo dài và gọi nhau ới ới mỗi khi gặp tàu thủy đi ngược chiều. Chiếc tàu thủy bé nhỏ kéo theo một cái sà lan rộng đi ngược dòng; dòng sông cuốn lôi nó lại. Con tàu xoay mũi như một con cá mặng, thở phì phì, bánh lái bướng bỉnh rẽ dòng nước đang chảy xiết. Trên sà lan, bốn bần nông ngồi sát vai, chân thông ra ngoài; trong số họ có một người mặc sơ mi đỏ. Họ hát một bài ca không nghe rõ lời, nhưng tôi biết bài ấy.

Tôi cảm thấy rằng ở đây, trên dòng sông sinh động này, mọi vật đều gần gũi với tôi, tôi biết và hiểu tất cả. Còn cái thành phố bị ngập phía sau lưng tôi thì như một cơn ác mộng, như câu chuyện bịa đặt của cậu chủ, cũng khó hiểu như cậu vậy.

Sau khi ngắm cảnh chán chê, tôi trở về nhà, cảm thấy mình như một người lớn có khả năng làm đủ việc. Trên đường về, tôi nhìn từ trên núi Kremlin xuống dòng sông Volga; từ trên núi này nhìn xuống, trái đất dường như rộng bao la và hứa hẹn tất

cả những gì ta muốn.

Ở nhà, tôi có nhiều sách vở. Căn nhà của Nữ hoàng Margot trước đây bây giờ có một gia đình đông người thuê: Năm cô tiểu thư, cô nào cũng đẹp, và hai cậu học sinh trung học. Họ thường cho tôi mượn sách. Tôi say mê đọc Turgenev và ngạc nhiên vì thấy mọi điều đều dễ hiểu, giản đơn và trong sáng như mùa thu, các nhân vật của ông cao thượng và những gì ông nói tới một cách dịu dàng đều tốt đẹp.

Tôi đọc cuốn *Trường đạo* của Pomyalovski^[153] và lấy làm ngạc nhiên bởi những chuyện tả trong ấy rất giống cảnh sinh hoạt ở xưởng làm tượng thánh. Nỗi tuyệt vọng vì buồn chán biến thành sự cuồng loạn dã man cũng rất quen thuộc với tôi.

Tôi rất thích đọc sách Nga, trong đó tôi tìm thấy có một điều gì quen thuộc và buồn buồn, dường như giữa những trang sách ầm náu tiếng chuông tuần chay: Tôi vừa mới giở cuốn sách ra là nó khe khẽ ngân vang.

Tôi đọc *Những linh hồn chết*^[154] một cách miễn cưỡng; *Bút kí từ ngôi nhà chết*^[155] cũng vậy. *Những linh hồn chết*, *Ngôi nhà chết*, *Cái chết*, *Ba cái chết*, *Những cái xác còn sống*^[156] – tên gọi na ná của mấy cuốn sách này tình cờ khiến tôi chú ý, chúng gây một mối ác cảm không rõ rệt, *Triệu chứng của thời đại*^[157], *Bước một*^[158], *Làm gì*^[159], *Kí sự làng Smourin*^[160] – những cuốn sách đại loại như vậy tôi đều không thích^[161].

Nhưng tôi rất thích Dickens và Walter Scott. Tôi đã đọc các tác giả này một cách thích thú đặc biệt. Mỗi cuốn tôi thường đọc đi đọc lại hai, ba lượt. Những cuốn sách của Walter Scott làm tôi nhớ đến các buổi lễ sáng lộng lẫy ở nhà thờ, tuy có hơi dài và chán nhưng bao giờ cũng trang nghiêm. Dickens trở thành nhà văn mà tôi sùng kính, ông nắm được một cách tài

tình thứ nghệ thuật khó khăn nhất: Lòng yêu mến con người.

Tôi tới, trên thềm nhà tụ tập một đám đông; anh chị em nhà K., bọn thiếu niên, cậu học sinh trung học mũi hếch Vyacheslav Semashko, thỉnh thoảng cô tiểu thư Ptitzina, con gái của một vị quan to, cũng đến. Mọi người bàn luận về văn học, về thơ ca: Đối với tôi đề tài đó rất gần gũi và dễ hiểu, tôi đọc nhiều hơn tất cả bọn họ.

Họ hay kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra ở trường trung học, than phiền về các thầy cô giáo. Nghe họ kể chuyện, tôi thấy mình tự do hơn bọn họ và rất ngạc nhiên về sức chịu đựng của họ, nhưng dù sao tôi vẫn thèm muốn được như họ, được cắp sách tới trường.

Các bạn đều lớn tuổi hơn tôi, nhưng tôi thấy mình già dặn hơn, chín chắn hơn và có kinh nghiệm hơn. Điều đó khiến tôi có chút bối rối, tôi muốn cảm thấy mình gần gũi với họ hơn. Thường thường tối mịt tôi mới về nhà, người đầy bụi cát, khí chất khác hẳn những ấn tượng thực ra rất tầm thường của họ. Bọn con trai bàn tán nhiều về con gái, yêu hết cô này đến cô nọ và cố công làm thơ. Thường họ phải nhờ đến tôi: Tôi thích tập làm thơ, vì tôi tìm ra vần rất dễ dàng, nhưng không hiểu sao thơ của tôi bao giờ cũng trở thành thơ hài hước. Thơ làm để gửi tặng cô Ptitzina thường nhiều hơn cả, trong các bài thơ này lúc nào tôi cũng ví cô với rau cỏ, với củ hành.

Semashko bảo tôi:

- Thơ thần gì mà lại thế? Đó chỉ là những cái đinh đóng giày.

Không muốn thua kém họ về mặt nào, tôi cũng yêu cô Ptitzina. Tôi không nhớ tôi đã tỏ tình như thế nào, nhưng câu chuyện kết thúc không được tốt đẹp lắm: Có một tấm ván nổi

lênh bênh trên mặt nước xanh lè và hôi thối ở ao Zvyezdin, tôi mời cô đi dạo trên tấm ván đó. Cô đồng ý, tôi kéo tấm ván vào gần bờ và đứng lên đó; một mình tôi thì không sao cả. Nhưng khi cô tiểu thư duyên dáng ăn mặc lộng lẫy toàn đấng ten và dải lụa, đứng lên đầu kia tấm ván và tôi hãnh diện lấy gậy đẩy nó ra khỏi bờ thì tấm ván đáng nguyên rửa trôi thành dưới chân chúng tôi, rồi cô tiểu thư ngã lộn nhào xuống ao. Tôi lao theo cô như một chàng hiệp sĩ và đưa ngay cô lên bờ. Sự kinh hãi và bùn xanh đã làm tiêu tan vẻ đẹp nàng tiên của tôi!

Cô ta giờ nắm đấm ướm dọa tôi và hét lên:

- Anh cố ý dìm tôi!

Rồi, không tin những lời biện bạch chân thành của tôi, từ đó cô bắt đầu coi tôi như thù địch.

Nói chung, sống ở thành phố không thú vị lắm. Bà chủ già đối xử với tôi vẫn đầy ác cảm như trước, mợ chủ nhìn tôi với con mắt nghi ngờ, cậu Viktoruska, mặt mũi ngày càng đỏ vì những nốt tàn nhang, như có điều gì bức bối không kiềm chế được và thường hay cáu gắt với mọi người.

Cậu chủ rất bận vẽ đồ án, cả hai anh em cùng làm mà vẫn không xuể; cậu mời thêm bố dượng tôi tới giúp.

Một hôm tôi từ hội chợ về sớm, vào khoảng năm giờ chiều; khi bước vào phòng ăn tôi thấy một người mà tôi đã lãng quên ngồi ở cạnh bàn trà, bên cậu chủ. Ông đưa tay cho tôi bắt.

- Chào anh...

Tôi choáng váng vì bất ngờ: Quá khứ bùng lên như một đám cháy, lòng tôi se lại.

- Anh ta sợ kìa! – Cậu chủ kêu lên.

Ông bố dượng mỉm cười nhìn tôi; trên khuôn mặt hốc hác, cặp mắt đen của ông lại càng to hơn, toàn thân ông nom tiêu tụy và quắt queo. Tôi nắm lấy những ngón tay thanh tú và nóng hổi của ông.

- Thế là chúng ta lại gặp nhau. – Ông vừa nói vừa ho sù sụ.

Tôi bước ra, bải hoải như người bị đánh. Giữa chúng tôi phát sinh một quan hệ không rõ ràng và dè dặt; ông gọi tôi bằng tên riêng kèm tên lót và nói với tôi như với một người ngang hàng.

- Khi nào đi ra hiệu, anh mua giùm tôi một phần tư *funt* thuốc lá Lapherm, một trăm giấy thuốc lá Vitcorson và một *funt* xúc xích...

Tiền ông đưa cho tôi bao giờ cũng nóng nóng rất khó chịu vì bàn tay nóng hổi của ông. Rõ ràng ông bị lao và chẳng còn sống được bao lâu nữa. Ông biết điều đó, nói với một giọng trầm tĩnh, tay vê vê bộ râu cằm đen và nhọn hoắt:

- Bệnh của tôi gần như không chữa được. Tuy vậy, nếu ăn nhiều thịt vào thì cũng có thể. Có lẽ tôi sẽ bình phục...

Ông ăn rất nhiều, ăn và hút thuốc lá, chỉ khi nào ăn mới rời thuốc lá khỏi miệng. Hằng ngày tôi mua xúc xích, giảm bông, cá trích cho ông, nhưng bà em bà tôi vẫn cam đoan với vẻ ác ý không duyên cớ:

- Không nuôi thần chết bằng những món ăn nhẹ được đâu, không lừa dối nó được đâu, chẳng ăn thua gì hết.

Bà già và vợ chủ săn sóc bố dượng tôi một cách đến khó chịu, họ luôn mồm khuyên ông thử hết thứ thuốc này đến thứ thuốc khác, nhưng sau lưng, họ lại chế giễu ông:

- Thật là nhà quý tộc! Hẳn bảo phải phải sạch vụn bánh trên

bàn, kéo ruồi nó đến. – Mợ chủ kể.

Bà lão cũng hùa theo:

- Chứ sao, dòng dõi quý tộc mà lại! Áo thì đã sờn, bóng cả lên, thế mà hấn vẫn chải luôn tay. Thật là một con người kì quặc, trên người hấn không có lấy một hạt bụi.

Còn cậu chủ có vẻ như là an ủi họ:

- Hãy chờ đợi ít lâu nữa, lũ quý ả, ông ta sắp chết rồi đấy!...

Thái độ thù địch vô nghĩa của những người tiểu thị dân đối với nhà quý tộc vô tình đã khiến tôi gần gũi với bố dượng. Năm tán đỏ là một thứ năm bỏ đi, thế mà nó rất đẹp!

Sống ngọt ngào giữa những con người này, bố dượng tôi giống như một con cá tình cờ sa vào chuồng gà mái; một lối so sánh thật lố lăng, giống như toàn bộ cuộc sống lố lăng này vậy...

Tôi bắt đầu tìm thấy ở bố dượng những nét của bác Tốt Lắm, người mà tôi không bao giờ quên; tôi đã tô điểm cho bác và Nữ hoàng bằng tất cả những gì tốt đẹp nhất mà sách vở mang lại cho tôi; tôi hiến cho họ những gì trong sạch nhất trong tôi và tất cả những mộng tưởng có được nhờ đọc sách. Bố dượng cũng là một người xa lạ bị người ta ghét bỏ như bác Tốt Lắm. Ông đối xử với tất cả mọi người trong nhà như nhau; không bao giờ ông nói trước, ông trả lời câu hỏi của người khác với một vẻ lịch sự và ngắn gọn đặc biệt. Tôi rất thích khi ông khuyên cậu chủ. Ông đứng ở bên bàn, cúi gập người, lấy móng tay khô héo gõ gõ vào mặt giấy dày cộp và bình tĩnh giảng giải:

- Ở đây cần phải nối các đầu đòn tay bằng một vòm cuốn. Nhờ đó sẽ phân tán sức ép lên các bức tường, nếu không đòn tay sẽ sập mất.

- Đúng, khổ thật! – Cậu chủ lắm bả.

Khi bố dựng tôi đi rồi, bà vợ bảo ông chồng:

- Em rất lầy làm lạ, sao anh lại để cho người ta dạy anh như vậy!

Mợ khó chịu nhất khi thấy ăn tối xong ông bố dựng tôi lại đi đánh răng và súc miệng, cục yết hầu nhọn nổi lên. Mợ nói, giọng chua loét:

- Theo tôi, Evgen Vassilich, ông ngứa cổ như vậy rất có hại.

Ông mỉm cười lịch sự:

- Vì sao vậy?

- Thế... đấy...

Ông bèn lấy cái que bằng xương giữa những móng tay tái nhợt.

- Anh xem, ông ta còn giữa móng tay nữa! – Mợ chủ lo ngại. – Sắp chết rồi mà còn...

- Chao ôi! – Cậu chủ thở dài. – Cái lũ quỷ này, sao các người ngốc không để đâu hết thế...

- Anh nói gì? – Mụ vợ nổi cơn tam bành.

Còn bà lão đêm đêm thường sôi nổi than vãn với Chúa:

- Lạy Chúa, bây giờ người ta lại khoác lên cổ con cái tên bệnh hoạn này, còn thằng Viktoruska lại bị bỏ rơi...

Viktoruska bắt đầu bắt chước kiểu cách của bố dựng tôi, dáng đi chậm rãi, cử chỉ đường hoàng, thất cà vạt hoa mĩ và ăn khéo léo, không nhồm nhoàm. Cậu thường hỏi một cách thô bỉ:

- Maksimov, “đầu gối” tiếng Pháp nói như thế nào?

- Tên tôi là Evgen Vassilich. – Bố dưỡng tôi thân nhiên nhắc.

- Thôi được! Thế “vú” gọi là gì?

Trong khi ăn tối, Viktoruska ra lệnh cho mẹ:

- *Ma mère, donnez-moi encore du*^[162] thịt muối.

- Chà, mà y là người Pháp rồi. – Bà lão xúc động.

Bố dưỡng tôi như một người vừa câm vừa điếc, không nhìn ai cả, điềm nhiên nhai thịt.

Một hôm cậu anh bảo cậu em:

- Viktor ạ, bây giờ mà y đã học được tiếng Pháp rồi, mà y nên đi kiếm tình nhân đi thôi.

Đó là lần duy nhất mà tôi nhớ là bố dưỡng tôi lặng lẽ mỉm cười.

Còn mẹ chủ thì tức giận ném thìa xuống mặt bàn và quát chồng:

- Thế mà anh không biết xấu hổ, có mặt tôi mà anh dám nói những điều đê mạt như vậy à!

Thỉnh thoảng bố dưỡng tới chỗ tôi ở, trong một phòng xép tối om; tôi ngủ ở đây, phía dưới cầu thang lên gác thượng. Tôi thường ngồi đọc sách ở bậc cầu thang, đối diện cửa sổ.

- Anh đọc sách đấy à? – Ông vừa hỏi vừa thở ra khói, trong ngực ông như có những thanh củi cháy nổ lép lép. – Sách gì thế?

Tôi đưa cho ông xem cuốn sách.

- À. – Ông nói sau khi liếc nhìn tên sách. – Cuốn này hình như tôi đã đọc rồi! Anh có muốn hút thuốc không?

Chúng tôi vừa hút thuốc vừa nhìn qua cửa sổ ra ngoài cái sân bần thỉu, ông nói:

- Rất đáng tiếc là anh không được đi học; tôi nghĩ anh có nhiều khả năng...

- Con vẫn học đây chứ, vẫn đọc sách...

- Như thế chưa đủ, cần phải đến trường, học có hệ thống...

Tôi muốn nói với ông: “Dạ thưa ngài, ngài đã học ở nhà trường và học có hệ thống, nhưng kết quả ra sao?”

Nhưng hình như cũng đoán được ý nghĩ của tôi, ông nói thêm:

- Người có chí khí thì nhà trường sẽ phát triển cho người đó rất nhiều. Những người có học vấn cao mới có thể đẩy cuộc sống tiến lên được!

Nhiều lần ông khuyên tôi:

- Tốt hơn hết anh nên rời khỏi nơi đây; tôi thấy anh ở lại đây không có ý nghĩa gì, và cũng không lợi gì...

- Con thích những người thợ.

- A... Thích ở chỗ nào?

- Sống với họ rất thú vị.

- Cũng có thể...

Nhưng có lần ông nói:

- Thật ra, lũ chủ ở đây đều là lũ hèn hạ, hèn hạ...

Nhớ lại mẹ tôi đã nói tiếng ấy vào lúc nào và như thế nào^[163], tôi vô tình lùi lại. Ông mỉm cười và hỏi:

- Anh không tin như vậy à?

- Có...

- Đúng... Tôi biết mà.

- Dù sao thì con vẫn thích cậu chủ...

- Phải, ông ta có lẽ là người tốt... Nhưng hơi ngộ nghĩnh...

Tôi muốn nói với ông về chuyện văn chương, nhưng ông không thích sách và nhiều lần khuyên tôi:

- Anh không nên say mê quá: Trong sách mọi vật đều được tô vẽ thêm, đều bị xuyên tạc về mặt này hay mặt khác. Phần lớn những người viết sách là những người tầm thường, đại loại như ông chủ của chúng ta vậy.

Tôi cảm thấy những nhận xét ấy thật táo bạo, tôi càng có cảm tình với ông hơn.

Có lần ông hỏi tôi:

- Anh đã đọc Goncharov chưa?

- Mới đọc cuốn *Chiến hạm Pallada* thôi.

- Cuốn *Pallada* ấy rất chán. Nhưng nói chung Goncharov là nhà văn thông minh nhất ở Nga. Tôi khuyên anh nên đọc cuốn *Oblomov* của ông ta. Cuốn sách này của ông ta chân thật và táo bạo hơn cả. Và nói chung trong văn học Nga đó là cuốn sách hay nhất...

Về Dickens, ông nói:

- Tôi cam đoan với anh rằng đó là một tay hồ đồ... Trong phụ lục của báo *Thời mới*^[164] có đăng một tác phẩm rất hay, *Sự căm dỗ của thánh Anton*^[165] – anh nên đọc truyện đó! Hình như anh thích tôn giáo và các truyện đó đều nói về tôn giáo thì phải? Cuốn *Sự căm dỗ* rất có lợi cho anh...

Chính tay ông cầm đến cho tôi một tập phụ lục. Tôi đã đọc một tác phẩm viết rất khéo của Flaubert. Tác phẩm này làm tôi nhớ đến vô số sự tích các thánh, có đôi chuyện do lão già thông thái kể cho tôi nghe. Nhưng tác phẩm này không gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt sâu sắc. Tôi thích tập *Hồi kí của Upilio Faimali, người nuôi dạy thú dữ* đăng bên cạnh hơn.

Khi tôi nói với bố dưỡng điều đó, ông thần nhiên bảo:

- Có nghĩa là anh chưa đến tuổi đọc những tác phẩm như vậy. Nhưng chớ quên cuốn sách ấy...

Đôi khi ông ngồi với tôi rất lâu, không nói không rằng, chỉ ho và liên tiếp thở ra khói. Cặp mắt đẹp của ông sáng lên nom rất dễ sợ. Tôi nhìn trộm ông và quên rằng con người đang chết dần chết mòn một cách ngay thật và giản dị, không kêu ca than vãn này, ngày xưa là người thân yêu của mẹ tôi và đã làm nhục mẹ. Tôi biết hiện giờ ông đang sống với một cô thợ may, tôi bán khoản và thương hại cho cô ta. Có thể nào cô không kinh tởm khi ôm bộ xương dài kia, khi hôn cái mồm hôi thối nồng nặc kia? Cũng như bác Tốt Lắm trước đây, bố dưỡng tôi thỉnh thoảng đột nhiên nói những câu rất độc đáo:

- Tôi thích lũ chó săn, chúng ngốc, nhưng mà đẹp. Đàn bà đẹp thường là ngốc...

Tôi không thể không kiêu hãnh mà nghĩ: “Giá mà ngài được biết Nữ hoàng Margot!”

- Những người sống lâu trong một ngôi nhà thì cuối cùng khuôn mặt họ đều trở thành như nhau hết. – Có lần ông đã nói câu đó.

Tôi liền ghi nó vào cuốn vở của tôi.

Tôi chờ đợi những câu châm ngôn ấy như đợi một việc thiện.

Thật là thú vị khi nghe được những câu nói độc đáo trong ngôi nhà mà tất cả mọi người đều nói bằng thứ ngôn ngữ tầm thường, cứng đờ, theo những khuôn mẫu đơn điệu, cũ rích.

Bố dượng tôi không bao giờ nhắc với tôi về mẹ, ngay cả tên mẹ hình như cũng không bao giờ ông nhắc đến. Điều đó làm tôi rất biết ơn, gây cho tôi cảm giác gần như tôn kính ông.

Có lần tôi hỏi ông về Chúa, tôi không nhớ rõ tôi đã hỏi như thế nào, ông nhìn tôi và nói rất bình tĩnh:

- Tôi không biết. Tôi không tin vào Chúa.

Tôi nhớ đến Sitanov và kể chuyện về anh. Sau khi chăm chú nghe tôi kể, bố dượng nhận xét, vẫn với giọng bình tĩnh:

- Anh ta biện luận, mà người biện luận thì dù sao cũng tin vào một cái gì đấy... Còn tôi, tôi không tin, có thể thôi!

- Lại có thể thế ư?

- Tại sao lại không? Anh cũng thấy rõ như vậy, tôi không tin...

Tôi chỉ thấy có một điều: Ông đang chết mòn. Chưa chắc tôi đã thương tiếc ông, nhưng lần đầu tiên tôi thấy mình quan tâm một cách tự nhiên và sâu sắc tới người thân cận sắp chết, tới bí mật của cái chết.

Người ấy đang ngồi đây, đầu gối chạm vào tôi, toàn thân nóng bừng, và đang suy nghĩ. Ông phân loại mọi người với vẻ tự tin, theo thái độ của mình với họ. Ông nói về tất cả, như người có quyền nhận định và giải quyết mọi việc. Trong con người ông như có cái gì vừa cần thiết vừa không cần thiết với tôi. Đó là một con người phức tạp, là tâm một cơn lốc thường xuyên của các ý nghĩ. Dù tôi có đối xử với ông ra sao, ông vẫn là

một bộ phận của chúng tôi, vẫn sống đâu đây trong con người tôi, tôi vẫn nghĩ tới ông, linh hồn ông vẫn hòa lẫn với linh hồn tôi. Mai đây, ông sẽ biến mất, hoàn toàn biến mất; những gì ẩn náu trong đầu óc, trái tim ông mà tôi tưởng có thể đọc được trong cặp mắt đẹp của ông, cũng sẽ biến đi. Khi nào ông biến mất, một trong những sợi chỉ sống ràng buộc tôi với thế giới cũng sẽ đứt; chỉ còn hồi ức, nhưng hồi ức ấy sẽ ở trong tôi nguyên vẹn, sẽ vĩnh viễn tồn tại, không gì có thể xóa nhòa. Còn cái thể xác phải chết kia, nó sẽ thay đổi, sẽ biến mất...

Đó là những ý nghĩ, đằng sau những ý nghĩ ấy có một cái gì không thể nói ra bằng lời đang sản sinh và nuôi dưỡng những ý nghĩ ấy, nó có uy thế cưỡng bức ta nhìn kỹ các hiện tượng trong đời sống, mỗi hiện tượng đều đòi hỏi câu trả lời cho câu hỏi “Tại sao?”.

- Anh có biết không, hình như tôi sắp quy rồi thì phải. – Bồ dượng nói với tôi vào một hôm trời mưa. – Tôi yếu lắm rồi! Và cũng chẳng muốn gì nữa...

Hôm sau, trong bữa trà tối, ông phải rất cẩn thận những vụn bánh khỏi bàn và đầu gối, như gạt khỏi mình một cái gì vô hình. Bà chủ già vừa lờm ông vừa nói thầm với ả con dâu:

- Trông kìa, hấn đang rửa lông và chải chuốt...

Hai ngày sau ông không tới làm việc nữa. Sau đó bà chủ già giúi cho tôi một phong bì trắng to và nói:

- Này, trưa hôm qua có một cô mang cái này tới, tao quên đưa cho mày. Cô ả trông cũng dễ thương, không hiểu đối với mày là thể nào, tao cũng chẳng rõ!

Trong phong bì, trên tờ giấy in mẫu sẵn của nhà thương, có viết những hàng chữ lớn:

“Nếu anh rồi, mời anh tới thăm tôi. Tôi ở Martinov.

E.M.”

Sáng hôm sau tôi đã ngồi trong phòng nhà thương, trên giường của bố dượng. Thân hình ông dài hơn giường nên hai bàn chân đi đôi tất xộc xệch màu xám thò qua cả cọc thành giường. Cặp mắt lơ đãng dò dẫm trên mấy bức tường quét vôi vàng, dừng lại trên khuôn mặt tôi rồi dừng lại tại đôi tay nhỏ nhắn của cô gái ngồi trên ghế đầu ở đầu giường. Cô đặt hai tay trên gối, bố dượng há miệng, lấy má cọ vào tay cô. Cô gái nom đầy đặn, mặc chiếc áo đen giản dị. Nước mắt từ từ chảy trên khuôn mặt trái xoan của cô; cặp mắt xanh ướt đẫm nhìn chăm chăm vào khuôn mặt hom hem, vào cái mũi to nhọn hoắt và cái miệng thâm sì của bố dượng tôi.

- Đáng lẽ phải gọi cha cố đến. – Cô nói thầm. – Nhưng anh ấy không cho gọi... Anh ấy chẳng hiểu gì cả...

Cô nhấc hai tay khỏi cái gối, áp vào ngực như thể cầu nguyện.

Bố dượng tôi hồi tỉnh trong giây lát, nhìn lên trần nhà, cau mày vẻ nghiêm khắc, và giống như nhớ lại chuyện gì, nhích bàn tay xương xẩu lại gần phía tôi.

- Anh đây à? Cảm ơn. Anh thấy đây... Tôi cảm thấy mình... thật là...

Nói xong câu đó, ông mệt lử, nhắm mắt lại. Tôi vuốt ve những ngón tay lạnh giá dài ngoằng ngoẵng có móng tay tái nhợt của ông. Cô gái khẽ hỏi:

- Evgen Vassilich, xin anh đồng ý!

- Đây, làm quen với nhau đi. – Ông đưa mắt về phía cô và bảo

tôi. – Một người rất tốt...

Ông im lặng, miệng mở rộng hơn, rồi bỗng nhiên kêu thét khò khè như một con quạ; ông lờng lộn trên giường, tung chăn, hai tay trần sờ soạng quanh mình. Cô gái cũng kêu lên, rúc đầu vào cái gối nhàu nát.

Bồ dưỡng tôi chết rất nhanh, lập tức nét mặt ông biến đổi, nom rất dễ thương.

Tôi khoác tay cô gái bước ra khỏi bệnh viện. Cô chuệnh choạng như người ốm và khóc nức nở. Cô cầm chiếc mùi soa vo chạt trong tay, hết chấm lên mắt này lại chấm lên mắt kia. Cô cuộn cái khăn chạt hơn và nhìn nó, dường như đó là vật quý nhất, vật cuối cùng cô có.

Bỗng nhiên cô dừng lại, nép vào người tôi và nói với giọng trách móc:

- Anh ấy không sống nổi đến mùa đông... Ôi, trời đất ơi, trời đất ơi, thế là thế nào nhỉ?

Sau đó cô giơ bàn tay ướt đầm nước mắt bắt tay tôi.

- Xin từ biệt. Anh ấy rất khen ngợi anh. Ngày mai sẽ chôn cất.

- Có thể tiễn chân chị về nhà không?

Cô nhìn quanh.

- Tiễn làm gì? Trời hãy còn sáng.

Tôi đứng ở góc ngõ nhìn theo. Cô đi rất thông thả, giống như người không có việc gì cấp thiết.

Lúc đó là tháng Tám, lá đã bắt đầu rụng.

Tôi không có thì giờ để đưa bồ dưỡng ra nghĩa địa, và cũng

không bao giờ gặp lại cô gái ấy nữa...

Sáng sáng, vào lúc sáu giờ, tôi đến hội chợ làm việc, ở đó có những con người đáng chú ý: bác thợ mộc Osip tóc bạc, nom giống thánh Nikolai, một công nhân giỏi, ăn nói sắc sảo; bác thợ lợp mái gù lưng Efimushka; bác thợ nề Pyotr sùng đạo, một người luôn tư lự nom cũng tựa một vị thánh; bác thợ trát Grigoriy Shishlin đẹp trai có bộ râu màu hạt dẻ nhạt, cặp mắt xanh, nét mặt luôn luôn rạng rỡ bởi một vẻ hiền hậu dịu dàng.

Tôi biết những người này từ dạo tôi quay về nhà người cậu. Thường thường, cứ đến Chủ nhật, họ xuất hiện trong bếp, dáng điệu đường hoàng, trịnh trọng, nói năng nhã nhặn bằng những lời lẽ ngọt ngào, mới lạ với tôi. Hồi ấy tôi cảm thấy các bản nông lực lưỡng này đều là người tốt. Mỗi người có cái hay riêng, khác xa những tiểu thị dân độc ác, trộm cắp và rượu chè ở xóm Kunavino.

Hồi đó tôi ưa bác thợ trát Shishlin hơn cả, thậm chí đã có lần tôi xin vào phường thợ của bác, nhưng bác vừa lấy ngón tay bạc trắng gãi hàng lông mày vàng ánh vừa nhẹ nhàng từ chối:

- Đồi với cháu còn sớm quá, công việc của bác không phải là việc nhẹ nhàng đâu, cháu hãy chờ một hai năm nữa...

Rồi bác hất cái đầu đẹp ra phía sau và hỏi tôi:

- Chắc cháu sống khổ lắm phải không? Ồ, không sao, hãy chịu đựng một tí, cứ co mình lại là khắc chịu đựng được tuốt!

Tôi không biết lời khuyên thiện ý ấy đem lại cho tôi những gì, nhưng tôi ghi nhớ nó với một lòng biết ơn.

Và cho đến giờ, tất cả bọn họ vẫn đến gặp cậu chủ tôi vào các buổi sáng Chủ nhật. Họ thường ngồi trên những ghế dài xung quanh bàn bếp, và trong lúc chờ đợi, họ chuyện trò một cách hứng thú. Cậu chủ vui nhộn chào hỏi họ, nắm chặt những bàn tay rắn chắc của họ rồi ra ngồi ở góc ngoài. Bàn tính và những xếp giấy bạc được đem ra; đám bần nông đặt lên bàn các tờ biên lai và sổ tay nhàu nát: Thế là buổi tính tiền công hàng tuần bắt đầu.

Cậu chủ vừa tán gẫu và pha trò, vừa cố ý tính sai cho họ, còn họ thì cũng cố tìm cách ăn gian cậu. Đôi khi hai bên cãi nhau rất kịch liệt, nhưng thường là cười xòa thân mật.

- Hà hà, ông bạn, đúng là ông sinh ra đã là một tay lừa bịp! – Đám bần nông bảo cậu chủ.

Cậu chủ cười ngượng nghịu, trả lời:

- Hừ, còn các anh, đồ quý ả, các anh lừa bịp cũng chẳng kém đâu!

- Thì biết làm thế nào khác được cơ chứ, ông bạn? – Efimushka thú nhận.

Còn bác Pyotr thì nghiêm trang:

- Người ta sống thực ra là nhờ vào những cửa ăn cắp, chứ còn những gì làm ra được thì đều cúng cho vua với Chúa cả...

- Chính vì thế nên tôi cũng muốn sống chứ! – Cậu chủ cười.

Họ hồn hậ hưởng ứng lời cậu:

- Có nghĩa là ông định thó của chúng tôi chứ gì?

- Ông định úm chúng tôi phải không?

Grigoriy Shishlin lấy hai tay áp chặt bộ râu bông vào ngực,

đề nghị bằng một giọng nghe như hát:

- Anh em ạ, chúng ta hãy làm việc cho tử tế, đừng có lừa dối nhau nữa! Sống ngay thật có phải là sung sướng và yên ổn biết bao không? Chúng ta đều là anh em cả, phải không?

Cặp mắt xanh của bác thắm lại và ươn ướt. Trong những giây phút đó trông bác đẹp và hiền lành lạ thường. Mọi người dường như đều có phần bối rối trước đề nghị của bác, ngượng ngùng quay mặt đi chỗ khác.

- Dân bản nông không lừa dối quá quắt lắm đâu! – Bác Osip dễ thương vừa thở dài vừa làu bàu, có vẻ như thương hại bản nông.

Bác thợ nề nước da ngăm ngăm đen cúi gập cái lưng gù trên mặt bàn, nói giọng ồ ồ:

- Tội lỗi cũng giống như một bãi lầy vậy; càng ra xa càng nhầy nhụa!

Cậu chủ cũng bắt chước giọng họ, lẩm bẩm:

- Tôi ấy à? Cũng tùy việc tùy người chứ...

Triết lí xong, họ lại tìm cách lừa dối nhau. Tính toán xong, người nhẽ nhại mồ hôi và mệt mỏi vì căng thẳng, họ ra quán uống trà, mời cả cậu chủ cùng đi.

Ở hội chợ, tôi phải theo dõi, không cho những người này lấy cắp đinh, gạch và ván. Ngoài phần việc làm cho cậu chủ, người nào cũng có những hợp đồng riêng, thành thử ai cũng cố tìm cách thó thứ gì đó ngay trước mặt tôi để về dùng vào công việc của mình.

Họ đón tiếp tôi với thái độ dịu dàng, nhưng bác Shishlin nói:

- Anh có nhớ hồi trước anh định xin vào phường thợ của tôi

không? Bây giờ thì anh đã leo cao lắm rồi, anh sẽ là người cai quản tôi, phải không?

- Ô... – Bác Osip pha trò. – Cứ việc trông, cứ việc cai quản, cầu Chúa phù trì cho anh!

Bác Pyotr nhận xét một cách ác ý:

- Họ cho một con sếu non đến điều khiển những con chuột già...

Nhiệm vụ của tôi làm tôi bối rối vô cùng: Tôi thấy xấu hổ trước mặt những con người đó; tôi cảm thấy tất cả bọn họ đều hiểu biết một điều gì rất đặc biệt và rất tốt đẹp mà ngoài họ ra không ai biết, vậy mà tôi phải xem họ như quân ăn cắp và lừa đảo. Những ngày đầu tiếp xúc với họ tôi rất khổ tâm, nhưng chẳng bao lâu bác Osip đã nhận thấy điều đó, một hôm bác bảo riêng tôi:

- Này, chú mày, đừng có lên mặt, cái đó chẳng ích lợi gì đâu, hiểu không?

Tất nhiên là tôi chẳng hiểu gì cả, nhưng tôi cảm thấy ông già này hiểu rõ địa vị lộ bịch của tôi, giữa tôi với bác ta rất nhanh chóng thiết lập một quan hệ cởi mở.

Bác kéo tôi vào một góc nhà và bảo:

- Nếu anh muốn biết thì tôi nói cho mà biết: Trong bọn tôi, lão thợ nề Petruska^[166] là trùm ăn cắp đấy. Gia đình hắn đông người, hắn lại là người tham lam. Cứ theo dõi hắn kĩ mà xem. Hắn ta không từ gì hết, cái gì đổi với hắn cũng tốt: Một *funt* đình, mười viên gạch, một bao vôi, hắn cần tất! Hắn chính ra là một người tốt, mộ đạo và suy nghĩ đứng đắn, biết đọc biết viết, ấy thế mà lại thích ăn cắp! Efimushka thì sống vì gái, hắn là người hiền lành, hắn không làm anh phải bực mình đâu. Hắn

cũng là người thông minh. Những kẻ gù đều không phải là kẻ ngốc! Còn Grigoriy Shishlin thì hơi đần. Hắn không những không lấy của người, mà còn đem của mình cho người nữa! Hắn làm ăn chẳng ra gì, bất kì ai cũng có thể lừa được hắn, nhưng hắn thì không thể lừa dối được ai! Hắn khờ lắm...

- Bác ấy tốt chứ?

Bác Osip nhìn tôi và nói những lời đáng ghi nhớ:

- Đúng, hắn là người tốt! Đối với kẻ lừa biếng thì trở thành người tốt là việc đơn giản nhất. Lòng tốt không đòi hỏi đến trí khôn, chú em ạ...

- Thế còn bác thì thế nào? – Tôi hỏi Osip.

Bác ta mỉm cười, trả lời:

- Tôi giống như cô thiếu nữ. Bao giờ trở thành bà già, tôi sẽ kể về tôi. Anh cứ chờ đấy! Nếu không thì anh hãy dùng trí khôn mà tìm xem tôi là người thế nào^[167]. Anh cứ tìm xem tôi ở đâu!

Bác ta làm đảo lộn tất cả quan niệm của tôi về bác và các bạn bè của bác. Tôi thấy khó mà nghi ngờ tính chân thật của những điều bác ta nói. Tôi nhận thấy bác Efimushka, Pyotr, Grigoriy đều coi ông già dễ thương này là người thông minh và hiểu biết sự đời hơn họ. Bất kì việc gì họ cũng hỏi ý kiến bác, chăm chú nghe những lời khuyên của bác và đối xử với bác với thái độ vâng nể.

- Bác hãy làm ơn bảo chúng tôi. – Họ thường yêu cầu bác như vậy.

Nhưng có một lần, sau khi hỏi xong và chờ lúc bác Osip đã đi khỏi, bác thợ nề nói khẽ với bác Grigoriy:

- Đồ tà giáo!

Bác Grigoriy mỉm cười, bổ sung:

- Một thằng hề!

Bác thợ trát đe tôi bằng giọng thân mật:

- Anh hãy coi chừng đấy, Maksimovich, sống với lão già này phải cẩn thận, lão có thể trong nháy mắt xoay anh như xoay chong chóng ấy! Những lão già ấy chẳng qua chỉ là đồ ăn hại. Có trời biết được họ tai hại như thế nào!

Tôi chẳng hiểu ra sao.

Tôi có cảm tưởng người ngay thẳng và thật thà nhất là bác thợ nề Pyotr. Nói chuyện gì bác cũng nói ngắn và với giọng trang nghiêm; ý nghĩ của bác thường là xoay quanh Chúa, địa ngục và cái chết.

- Ô, anh em ơi, dù có cố sức đến đâu, có hi vọng vào cái gì đi nữa thì cũng chẳng ai thoát khỏi chiếc quan tài và khu nghĩa địa đâu!

Bác ta thường xuyên bị đau bụng. Có những hôm bác không ăn uống gì được, thậm chí một mẩu bánh mì con cũng làm bác đau đớn và nôn mửa khổ sở.

Tôi thấy Efimushka gù lưng cũng là người rất tốt và ngay thật, nhưng lúc nào trông bác ta cũng có vẻ khô hài, đôi khi đàn độn, thậm chí ngây dại, giống như một thằng ngốc lằm lì. Bác ta thường xuyên phải lòng đủ hạng đàn bà, và hễ nói đến mục nào bác cũng dùng điệu có mấy lời:

- Tôi xin nói thẳng: Mục ta không phải là đàn bà đâu, mục ta là một bông hoa sữa cơ đấy, thật mà...!

Mỗi khi các mục tiểu thị dân nhanh nhẩu ở xóm Kunavino đến rửa sàn tại các cửa hiệu, bác Efimushka tụt từ trên mái nhà

xuống, đứng vào một góc, miệng làm bầm, cặp mắt xám linh hoạt nheo lại, cái mồm rộng toác lên đến tận mang tai.

- Ôi, Chúa mang đến cho tôi một cô ả mũm mĩm làm sao! Thật sung sướng biết chừng nào! Ôi, thật là một bông hoa sữa! Tôi làm sao cảm ơn được số phận đã ban cho tôi món quà như thế này cơ chứ? Tôi đến chết vì người đẹp này mất!

Ban đầu các mục vừa cười bác vừa chốc chốc lại gọi nhau:

- Trông lão gù đang chảy dãi ra kia, cha mẹ ơi!

Những lời chế nhạo chẳng làm bác thợ chạnh lòng chút nào. Khuôn mặt có hai gò má nhô cao của bác vẻ như mê ngủ, bác nói năng hết một người mê sảng, những lời nói ngọt ngào của bác tuôn ra như dòng suối có men say và rõ ràng là đám phụ nữ có ngây ngất. Sau cùng, một mục nhiều tuổi hơn cả ngạc nhiên nói với đám bạn gái:

- Các bà nghe lão bần nông tán kia, cứ y như là thanh niên trai trẻ ấy!

- Lão nói như rót vào tai ấy...^[168].

- Như một lão ăn mày trước cửa nhà thờ vậy. – Một mục đàn bà ngang ngạnh không chịu thua thốt lên.

Nhưng Efimushka không giống ăn mày. Bác ta đứng vững vàng hết một gốc cây lớn, giọng bác vang lên mỗi lúc một thêm hấp dẫn, lời nói trở nên quyến rũ hơn, khiến các bà phải im lặng lắng nghe. Bác quả như tan ra trong những lời nói dịu dàng, ngây ngất đó.

Chuyện đó thường kết thúc vào bữa ăn chiều hoặc sau ngày thứ Bảy^[169]. Lúc này bác ta vừa lắc lư cái đầu nặng nề, to xù, vừa nói với bạn bè bằng một giọng kinh ngạc:

- Ôi, cô ả mới dịu dàng và đáng yêu làm sao! Lần đầu tiên trong đời tôi được với tới một cô nàng như vậy đấy!

Khi kể về những thắng lợi của mình, bác Efimushka không hay khoe khoang, không hay nhạo báng người phụ nữ đã bị mình chinh phục như những người khác thường làm. Bác ta bày tỏ lòng xúc động với một vẻ vui sướng và biết ơn, cặp mắt xám của bác mở to.

Bác Osip lắc đầu:

- Ôi, anh thật là một tay bê tha bất trị! Anh bao nhiêu tuổi?

- Bốn chục lẻ tư rồi. Nhưng không sao! Hôm nay tôi trẻ lại đến năm tuổi, như vừa được tắm nước thánh dưới sông. Thân thể khỏe khoắn, trong lòng thanh thản! Ồ, trên đời có những người đàn bà mới tuyệt làm sao chứ, hả?

Bác thợ nề nghiêm khắc đáp:

- Khi nào ngoài năm mươi thì hãy coi chừng, anh sẽ thấy chua xót vì thói phóng đảng cho mà xem!

- Anh là đồ vô liêm sỉ, Efimushka ạ! – Grigoriy Shishlin thở dài.

Tôi thì lại cảm thấy con người đẹp trai ấy ghen tức trước thành công của ông bạn gù.

Bác Osip nhìn mọi người từ dưới cặp lông mày xoắn tít rất đều, trắng như bạc, nói đùa:

- Cô Mashka nào cũng có kiểu cách riêng, cô thì thích ăn, cô thì thích diện^[170], nhưng cô Mashka nào cũng sẽ thành bà lão...

Bác Shishlin đã có vợ, vợ bác ở quê, bác thường ngắm nghía những chậu rửa sàn nhà. Những chậu đó đều có thể chà được một cách dễ dàng, chậu nào cũng muốn “kiếm chác thêm”. Trong cái

xóm nghèo đói này, người ta cũng xem cách kiếm tiền đó bình thường như bất kì công việc nào khác. Nhưng bác bản nông đẹp trai không động chạm đến các mục, bác chỉ nhìn họ từ xa bằng cái nhìn đặc biệt, hết như thương hại mình hay thương họ. Còn khi họ tự ve vãn, quỵn rũ bác trước, bác cười ngượng nghịu và bỏ đi...

- Các người thật là...

- Sao lại thế, đồ ngốc! – Efimushka ngạc nhiên. – Làm sao có thể bỏ lỡ cơ hội như thế được?

- Tôi đã có vợ rồi. – Grigoriy nhắc.

- Vợ làm thế nào biết được?

- Vợ anh thế nào cũng biết nếu như anh sống không chung thủy. Không lừa được họ đâu, người anh em ạ!

- Nhưng vợ làm thế nào biết được cơ chứ?

- Điều đó tôi không rõ, nhưng họ nhất định biết nếu như bản thân họ sống chung thủy. Còn nếu tôi sống chung thủy mà vợ tôi lại sai trái thì tôi khắc biết...

- Bằng cách nào? – Efimushka hét lên.

Grigoriy bình tĩnh nhắc lại:

- Cái đó tôi không rõ.

Bác thợ lợp mái dang hai tay ra vẻ bức tức.

- Xem đây! Nào “chung thủy”, nào “không rõ”... Chà, đầu óc anh mới lạ chứ!

Đám thợ của bác Shishlin tất cả có bảy người, họ đối xử với bác rất tự nhiên, không cảm thấy bác là chủ, sau lưng, họ gọi bác là một con bê. Những khi ra chỗ làm việc mà thấy họ làm

biếng, bác liền cầm bay, xẻng và tự bắt tay vào làm một cách khéo léo, vừa làm vừa dịu dàng khích lệ:

- Gắng lên, anh em ơi, gắng lên!

Một hôm, trong lúc thi hành một nhiệm vụ khó chịu do cậu chủ tôi giao cho, tôi bảo bác Grigoriy:

- Thợ của bác tôi lắm...

Bác ngạc nhiên:

- Thật à?

- Việc này đáng lẽ đến buổi trưa hôm qua là phải xong, thế mà hôm nay họ vẫn chưa làm xong...

- Đúng đấy, họ chưa làm xong đâu. – Bác đồng ý, và sau khi im lặng, bác nói một cách dè dặt. – Tất nhiên là tôi cũng thấy, nhưng tôi không nổi thúc họ, họ là người cùng cánh, cùng làng tôi. Chẳng qua cũng vẫn là sự trừng phạt của Chúa đấy thôi, cứ phải là làm đổ mồ hôi, sôi nước mắt mới ra miếng bánh mì mà ăn, đó là sự trừng phạt đối với tất cả chúng ta, cả anh lẫn cả tôi nữa. Mà tôi với anh lại làm việc ít hơn họ, thành thử không tiện thúc họ...

Bác luôn luôn tư lự. Nhiều khi, đang đi trên những đường phố vắng vẻ của hội chợ, bác bỗng dừng lại trên một cây cầu bắc qua kênh Obvodni, đứng rất lâu bên hàng tay vịn, nhìn nước, nhìn trời, nhìn xa xa bên kia sông Oka. Nếu người nào bắt gặp và hỏi: “Bác làm gì thế?” thì bác như người vừa tỉnh dậy, mỉm cười ngượng nghịu và trả lời: “À, có gì đâu... Tôi đứng nhìn trời đất một chút...”

- Người anh em ạ, mọi thứ Chúa đều sắp đặt thật là khéo. – Bác thường nói. – Nào trời, nào đất, nào sông chảy, nào tàu

chạy. Cứ trèo lên tàu thủy là đi đâu cũng được: đi Riazan hoặc Rybinsk, đi Perm hoặc đến Astrakhan! Tôi đã đến Riazan rồi, thành phố ấy cũng không đến nỗi tồi, nhưng buồn lắm, buồn hơn Nizhny. Nizhny của chúng ta, chà, vui lắm! Astrakhan còn buồn hơn nữa. Ở Astrakhan cái chính là có nhiều người Kalmuck, mà tôi thì không ưa họ. Tôi không thích dân Moldova, Ba Tư, Đức hay bất kì dân ngoại lai nào...

Bác nói chậm rãi, những lời của bác như thận trọng dò kiếm một người nào đó đồng tình với mình, và bác luôn luôn tìm thấy bác thợ nề Pyotr.

- Chúng có phải là dân ngoại lai đâu, mà là dân du mục. – Bác Pyotr nói, giọng tin chắc và bực tức. – Chúng sinh ra ngoài ý Chúa, sống ngoài mắt Chúa...

Bác Grigoriy mặt mày tươi tỉnh, rạng rỡ hẳn lên.

- Muốn nói gì thì nói, còn tôi ấy à, anh em ạ, tôi chỉ thích dân thuần khiết, dân Nga chính trực mà thôi! Dân Do Thái tôi cũng không ưa, và thậm chí tôi không hiểu Chúa sinh ra dân ngoại lai để làm gì? Thật là quá sáng suốt...

Bác thợ nề bổ sung bằng giọng buồn rầu:

- Sáng suốt thật, nhưng hình như có nhiều cái vô ích!...

Nghe chuyện của họ, bác Osip xen vào, giọng có vẻ giễu cợt chua cay:

- Những cái vô ích thì có đầy, ngay câu chuyện này của các anh cũng hoàn toàn vô ích! Chao ôi, lúc nào cũng cãi nhau! Đem mà nện tất cả các người một trận.

Bác Osip thường giữ ý kiến mình, nhưng khó mà biết được bác đồng ý cái gì hoặc phản đối cái gì. Đôi lúc tôi ngỡ bác thờ ơ

đồng ý với mọi người, mọi ý kiến, nhưng rồi ta nhận thấy bác chán tất cả mọi người, bác xem họ như những đồ ngu xuẩn. Bác bảo Pyotr, Grigoriy và Efimushka:

- Chao ôi, đồ lợn con...

Họ mỉm cười không được vui vẻ và thoải mái lắm, nhưng dù sao vẫn mỉm cười.

Cậu chủ cho tôi năm kopek tiền ăn một ngày. Ngân ấy tiền không đủ, lúc nào tôi cũng hơi đói. Thấy thế, các bác thợ hay mời tôi ăn bữa sáng và bữa chiều với họ, đôi khi cả các chủ thầu cũng rủ tôi ra quán uống trà. Tôi sẵn sàng nhận lời: Tôi thích ngồi với họ, nghe giọng nói chậm rãi và các câu chuyện kì lạ của họ. Sự hiểu biết của tôi về các sách đạo khiến họ rất thích thú.

- Anh nhồi nhét sách no nê lắm rồi, dạ dày của anh đầy ứ những sách là sách. – Bác Osip vừa nói vừa chăm chú nhìn tôi bằng cặp mắt tím màu hoa mua. Khó mà thấy rõ ý nghĩa của cặp mắt đó, hai con người lúc nào cũng như sắp chảy và tan ra thành nước. – Anh nên giữ gìn cái vốn hiểu biết đó, góp nhặt thêm nữa vào, sau này nó sẽ có ích. Lớn lên anh có thể trở thành một tu sĩ, dùng lời nói để an ủi thiên hạ. Hoặc nếu không thì trở thành nhà “triệu đạo”...

- “Truyền đạo”. – Bác thợ nề chữa lại, giọng không hiểu sao nghe có vẻ bức bối.

- Sao? – Bác Osip hỏi lại.

- Tôi bảo: Phải nói là “truyền đạo”, anh còn lạ gì nữa! Anh có điếc đâu...

- Thôi được, trở thành nhà truyền đạo, để rồi tranh cãi với bọn tà giáo. Nếu không được thì gia nhập luôn vào phái tà giáo cũng lợi chán! Khi người ta đã có trí tuệ thì tà giáo cũng vẫn

nuôi sống người ta được.

Grigoriy cười ngượng nghịu, còn Pyotr lúng túng:

- Thì ngay bọn phù thủy sống cũng có đến nỗi nào, và mọi kẻ vô thần...

Bác Osip phản đối ngay:

- Bọn phù thủy là bọn vô học, học thức không thích hợp với bọn phù thủy...

Rồi bác kể cho tôi nghe:

- Tôi nói anh nghe: Ngày trước ở xóm tôi có một gã cổ cùng sống cầu bơ cầu bắt tên là Tuska. Gã là một bản nông ngu ngốc và đói khổ. Gã sống như một cái lông chim, nay đây mai đó, gió thổi đi đâu thì bay đi đấy, chẳng ra người làm lụng, cũng chẳng ra kẻ biếng nhác. Thế rồi một hôm, vì chẳng có việc gì làm, gã bỏ đi hành hương. Gã lang bạt suốt hai năm trời, sau đó bỗng một hôm gã xuất hiện với một dáng vẻ lạ lùng: Tóc dài đến vai, đầu đội mũ chụp nhỏ, mình vận áo thầy tu màu hung đỏ bằng vải thô. Gã nhìn mọi người bằng cặp mắt như mắt cá vược và nói một cách ngang ngạnh: “Hãy sám hối đi, những kẻ đáng nguyên rửa kia!” Ai mà không có chuyện phải sám hối, nhất là các bà? Thế là mọi việc đều đúng như ý muốn: Tuska được chén no nê. Tuska uống rượu say khướt, còn đàn bà thì Tuska muốn mụ nào cũng được...

Bác thợ nề cúi kính ngắt lời:

- Cái chính đâu có phải ở chỗ no với say?

- Thế thì ở cái gì?

- Ở những lời nói ấy!

- Ô, tôi không đi sâu vào những lời của gã. Ngay tôi đây cũng

đã quá nhiều lời rồi.

- Tushinkov Dmitri Vassilich thì chúng tôi biết khá rõ. – Bác Pyotr bực dọc.

Bác Grigoriy cúi đầu im lặng, nhìn vào cốc nước của mình.

- Tôi có định tranh luận đâu. – Bác Osip dàn hòa. – Tôi chỉ muốn nói cho Maksimovich của chúng ta biết những con đường kiếm sống khác nhau...

- Có những con đường dẫn đến nhà tù...

- Chuyện đó chẳng phải hiểm! – Bác Osip tán thành. – Không phải con đường nào cũng dẫn đến chức cố đạo cả. Cần phải biết rẽ ở đâu mới được...

Bác luôn hơi có ý châm chọc hai người mộ đạo là bác thợ trát và bác thợ nề. Có thể bác không ưa họ nhưng bác khéo che giấu thái độ đó. Nói chung khó mà thấy được thái độ của bác với mọi người.

Đối với Efimushka, bác nhìn bằng con mắt có vẻ dịu dàng và hiền từ hơn. Bác thợ lợp mái ấy không hay tham dự vào những câu chuyện bàn về Chúa, về chân lí, về các giáo phái, về nỗi khổ của đời người – những đề tài mà bạn bè bác thường ưa thích. Sau khi đặt cái ghế nghiêng về phía bàn để lưng ghế khỏi làm đau cái lưng gù, bác bình thản ngồi uống trà, hết cốc này đến cốc khác. Đột nhiên bác vểnh tai, nhìn quanh gian phòng mù mịt khói thuốc, lắng nghe những giọng nói ồn ào, rời rạc, rồi đứng phắt dậy, biến mất rất nhanh. Như thế tức là có một chủ nợ nào đó của Efimushka vừa bước vào quán, mà chủ nợ của bác ta có ít nhất cũng đến một chục người. Một số chủ nợ hay đánh bác nên bác phải chuồn ngay.

- Họ cáu đấy, bọn họ thật là kì quặc. – Bác bần khoản. – Nếu

có tiền thì việc gì tôi lại không trả cơ chứ?

- Ôi, thật là xơ xác rạc ròi... – Bác Osip nói với theo.

Đôi khi Efimushka ngồi trầm ngâm rất lâu, không nhìn và nghe gì hết. Khuôn mặt với đôi gò má nhô cao dẹt lại, cặp mắt hiền từ nhìn càng hiền từ hơn.

- Nghĩ ngợi gì thế, ông bạn? – Mọi người hỏi bác.

- Tôi đang nghĩ giá như tôi trở thành một người giàu có, thì chao ôi, tôi sẽ lấy ngay một bà quý phái thật sự, một bà quý tộc ấy, con gái một ông đại tá chẳng hạn. Trời, khi đó tôi sẽ yêu nàng đến thế nào! Có lẽ tôi sẽ sống bên cạnh nàng cho đến chết... Anh em ạ, vì đã có lần tôi đến để lợp mái biệt thự cho một ông đại tá...

- Và lão ta có một cô con gái góa chồng chứ gì? Chuyện ấy chúng tôi đã nghe rồi! – Bác Pyotr ngắt lời với vẻ thiếu thiện cảm.

Nhưng Efimushka vẫn điềm nhiên lấy tay xoa hai đầu gối và lắc lư người, cái lưng gù như chọc vào không khí, rồi tiếp:

- Cô thường hay ra vườn, mặc toàn đồ trắng lộng lẫy. Tôi ngồi trên mái nhà nhìn cô, nghĩ thầm: Mặt trời có ra gì, thế giới này có nghĩa gì, nếu như không có nàng? Giá tôi có thể biến thành một con chim bồ câu để bay xuống đậu dưới chân nàng! Nàng đúng là một bông hoa xanh trong bình sữa! Được sống với một người như nàng, cả đời chỉ cần một đêm thôi cũng được!

- Thế các người định lấy gì mà chén? – Pyotr hỏi, giọng nghiêm khắc.

Nhưng câu hỏi đó không làm Efimushka bối rối.

- Lạy Chúa! – Bác ta thốt lên. – Chúng tôi có cần nhiều đâu cơ

chứ? Nhất là nàng lại là người giàu có...

Bác Osip cười:

- Efimushka, anh hoang phí lắm, khi nào thì anh phung phí hết cái thân anh vào những công việc ấy?

Ngoài chuyện đàn bà, Efimushka không nói chuyện gì khác. Bác làm việc cũng thất thường: Khi thì làm rất tốt, rất nhanh, khi thì trì trệ, cái búa gỗ đóng xuống các thanh xà có vẻ ẻo oải và cầu thả, thường để lại những khe hở. Người bác luôn bốc mùi dầu mỡ. Nhưng bác cũng có nét riêng, một thứ mùi khỏe khoắn và dễ chịu, tựa như mùi gỗ mới xẻ.

Với bác thợ mộc, có thể nói mọi chuyện một cách hứng thú nhưng không khoan khoái lắm. Những lời nói của bác luôn làm trái tim bần khoăn, và khó mà biết được khi nào bác nói đứng đắn, khi nào bác nói đùa.

Với bác Grigoriy thì tốt hơn hết là nói chuyện về Chúa, bác thích những chuyện đó và thường tỏ ra kiên định trong các cuộc bàn cãi.

- Grisha? – Tôi hỏi. – Bác có biết có những người không tin ở Chúa không?

Bác điềm tĩnh mỉm cười:

- Thế là thế nào?

- Họ bảo không có Chúa!

- À, ra thế! Điều đó tôi biết rồi!

Rồi, vừa phẩy tay xua một con ruồi không nhìn thấy, bác vừa nói:

- Anh có nhớ không, vua David đã từng nói: “Trong trái tim

kẻ điên rồ không có Chúa.” Đó, những kẻ điên rồ nói điều đó từ bao giờ ấy rồi! Không có Chúa, không thể nào ổn được...

Bác Osip có vẻ đồng tình:

- Cứ thử cướp Chúa của Petruska xem, hẳn sẽ cho anh biết tay!

Khuôn mặt xinh đẹp của Shishlin trở nên nghiêm nghị, bác dùng những ngón tay có vôi khô bám trên móng chải bộ râu và nói với vẻ bí mật:

- Chúa nằm trong từng mạch máu thớ thịt. Lương tâm và mọi thứ bên trong đều do Chúa ban cho cả!

- Thế còn tội lỗi?

- Tội lỗi là do xác thịt, do quỷ Satan. Tội lỗi là cái bên ngoài, giống như những nốt rỗ hoa, không hơn không kém! Kẻ phạm tội nhiều nhất chính là kẻ hay nghĩ đến việc phạm tội. Đừng nghĩ đến nó thì không phạm tội! Những ý nghĩ tội lỗi là do quỷ Satan, chủ nhân của xác thịt, kêu gọi...

Bác thợ nề hoài nghi:

- Hình như không phải như vậy...

- Đúng thế! Chúa không bao giờ phạm tội, còn con người là hình ảnh của Chúa. Thế xác có thể phạm tội, còn cái tương đồng thì không thể phạm tội được. Cái tương đồng đó là linh hồn...

Bác ta mỉm cười một cách đắc thắng, còn bác Pyotr thì cầu nhàu:

- Điều đó hình như không đúng...

Bác Osip hỏi bác thợ nề:

- Vậy theo anh, nếu không phạm tội thì không sám hối, mà không sám hối thì không được cứu vớt chứ gì?

- Như thế có lẽ đúng hơn! Đã quên quỷ sứ thì cũng chẳng còn yêu gì Chúa, các cụ ta đã nói như vậy...

Bác Shishlin không biết uống rượu, chỉ uống độ hai ly nhỏ là bác đã say. Những lúc ấy mặt bác đỏ hồng, cặp mắt nom thơ ngây, giọng nói nghe như hát.

- Anh em ơi, mọi việc sao mà tuyệt vậy! Chúng ta sống, làm lụng đôi chút và được no nê. Cảm ơn Chúa! Ôi! Thật là tuyệt!

Bác khóc, những giọt nước mắt nhỏ xuống chòm râu, lấp lánh trên từng sợi râu trông như những chuỗi hạt cườm bằng thủy tinh.

Những lời bác thường xuyên ca ngợi cuộc đời cùng những giọt nước mắt trong như thủy tinh ấy khiến tôi khó chịu. Bà tôi ca ngợi cuộc đời một cách giản dị và có sức thuyết phục hơn, chứ không lái nhải như vậy.

Những buổi trò chuyện ấy đã khiến tôi sống trong trạng thái luôn căng thẳng, chúng gợi lên một nỗi lo lắng vẩn vơ. Tôi từng đọc nhiều truyện ngắn nói về con người bản nông, tôi thấy bản nông trong sách vở khác xa bản nông bằng xương bằng thịt. Trong sách, tất cả bản nông đều bất hạnh, dù họ hiền lành hay dữ tợn, lời nói và ý nghĩ của họ đều nghèo nàn hơn những người bản nông ngoài đời thật.

Bản nông trong sách vở ít nói đến Chúa, đến các giáo phái và nhà thờ: Họ thường nói nhiều về chủ nhân, về ruộng đất, về chân lí và những nỗi cực nhục của cuộc đời. Họ ít nói về phụ nữ và khi nhắc đến phụ nữ họ không mang thái độ thô bỉ mà có phần thân ái. Còn với các bản nông thật thì đàn bà là một trò

tiêu khiển nguy hiểm. Với đàn bà, luôn phải ranh mãnh, nếu không họ sẽ áp đảo và làm rối loạn cuộc sống. Các bản nông trong sách vở hoặc là xấu hẳn hoặc là tốt hẳn, không bao giờ vừa xấu vừa tốt. Người thật thì chẳng tốt mà cũng chẳng xấu, họ thú vị một cách kì lạ. Cho dù họ có thổ lộ hết với ta, ta vẫn luôn cảm thấy họ đang còn giữ lại một điều gì rất thâm kín, chỉ dành cho bản thân họ, và rất có thể chính cái không nói ra, cái ngấm ngấm đó lại là cái chủ yếu nhất.

Trong số những người bản nông được miêu tả trong sách vở, tôi thích nhất nhân vật Pyotr của Acten thợ mộc. Tôi muốn đọc truyện ấy cho bạn bè nghe, bèn đem cuốn sách đến hội chợ. Tôi thường hay phải ngủ đêm với phường này hoặc phường kia, đôi khi do tôi không muốn trở về thành phố hoặc vì trời mưa, nhưng thường là vì sau một ngày làm việc tôi rất mệt và không còn đủ sức để cuốc bộ về nhà.

Khi tôi bảo tôi có một cuốn sách nói về thợ mộc, tất cả hết sức chú ý, nhất là bác Osip. Bác cầm lấy cuốn sách, vừa giở từng trang vừa hoài nghi lắc lư cái đầu nom như đầu thánh.

- Mà có lẽ viết về chúng ta thật đấy! Hừ, lũ bịp bợm! Ai viết thế? Một nhà quý tộc à? Hừ, tôi cũng nghĩ như vậy. Các nhà quý tộc và quan trên cái gì họ cũng có thể làm được. Những cái Chúa chưa đoán ra, quan trên đã nghĩ ra rồi. Họ sinh ra để làm chuyện đó mà lại...

- Osip, anh nói về Chúa chẳng thận trọng gì cả. – Bác Pyotr nhận xét.

- Không sao! Đối với Chúa thì lời nói của tôi còn nhẹ hơn một bông tuyết hoặc một giọt nước mưa rơi vào cái đầu hói của tôi cơ đấy! Anh chớ lo, tôi với anh không đụng được đến Chúa đâu...

Bỗng nhiên bác tuôn ra những lời gay gắt như một hòn đá lửa bắn ra những tia lửa. Bác dùng chúng như dùng những cái kéo để cắt đứt tất cả những gì chống đối mình. Suốt ngày hôm đó, mấy lần bác hỏi tôi:

- Đọc sách chứ, Maksimovich? Hừ, tốt lắm, tốt lắm! Nghĩ ra cái đó hay đấy.

Làm xong việc, chúng tôi đến đội của bác ăn tối. Ăn xong thì bác Pyotr cùng mấy người thợ của bác là Ardalion và Shishlin cùng chàng thanh niên trẻ tuổi Foma tới. Trong gian nhà kho, chỗ ngủ của đội, người ta thắp lên một ngọn đèn, và tôi bắt đầu đọc sách. Mọi người yên lặng nghe, không nhúc nhích. Nhưng một lát sau Ardalion cúi kính:

- Thôi, đối với tôi thế là đủ, tôi xin kiếu!

Và anh bỏ ra ngoài. Người thiếp đi đầu tiên là bác Grigoriy, mồm há ra trông thật kì dị. Tiếp theo, cánh thợ mộc cũng ngủ nốt. Các bác Pyotr, Osip và Foma thì xích lại gần tôi và chăm chú nghe.

Tôi đọc xong, bác Osip liền tắt đèn. Nhìn các vì sao, thấy trời đã gần nửa đêm.

Bác Pyotr hỏi trong bóng tối:

- Câu chuyện đó viết ra để làm gì? Phản đối ai?

- Thôi, đi ngủ đi! – Bác Osip vừa nói vừa tháo ủng.

Foma lặng lẽ dịch sang một bên.

Bác Pyotr nhắc lại, giọng yêu sách:

- Tôi hỏi: Cái đó viết để phản đối ai?

- Họ khắc biết! – Bác Osip vừa nằm xuống vừa trả lời.

- Nếu phản đối các mục dì ghẻ thì đó là một việc hoàn toàn uổng công: Các mục ấy không vì thế mà tốt hơn. – Bác thợ nề khẳng khẳng. – Còn nếu để phản đối Pyotr thì cũng vô ích: Tội hấn thì hấn chịu! Giết người thì xin mời đi Siberia, chỉ có thể thôi! Cuốn sách không giúp ích được gì trong trường hợp này... Hình như không giúp ích được gì, có phải không?

Bác Osip im lặng. Bác thợ nề liền nói thêm:

- Họ không có việc gì làm, thành thử cứ đi tán chuyện người khác! Cũng kiểu như các bà rồi chuyện tào lao với nhau. Thôi, xin chào, tôi phải đi ngủ đây...

Bác dừng lại một phút trong khoang cửa vuông màu xanh để ngó:

- Anh nghĩ thế nào, Osip?

- Hử? – Bác thợ nề đáp bằng giọng ngái ngủ.

- Thôi được, ngủ đi...

Bác Shishlin nằm lăn ngay ra chỗ vừa ngồi. Foma nằm trên đồng rơm nát bên cạnh tôi. Thôn xóm đã ngủ cả. Từ xa vẳng lại tiếng còi đầu máy xe lửa, tiếng ầm ầm nặng nề của những bánh xe bằng gang, tiếng ngân vang của đầu đệm giữa các toa xe. Trong gian nhà kho vang lên những tiếng ngáy. Tôi thấy lúng túng: Tôi chờ đợi một cuộc tranh luận, nhưng chẳng có gì hết...

Bỗng bác Osip cất tiếng, nhỏ và rành rọt:

- Các chú này, đừng có tin một tí gì ở những điều ấy cả. Các chú còn trẻ, cuộc đời của các chú còn dài, hãy tích lũy thêm tri thức! Nó đáng giá bằng hai người khác! Ngủ rồi à? Foma?

- Chưa. – Foma đáp lại ngay.

- Thế đấy! Hai chú đều biết chữ, vậy các chú cứ việc đọc,

nhưng chớ có tin gì cả. Họ có thể in những gì họ muốn, việc đó nằm trong tay họ!

Bác thả hai chân xuống, hai tay chống vào mép gác lửng, cúi về phía chúng tôi và nói tiếp:

- Sách ấy à? Cần phải quan niệm nó như thế nào? Sách là bản báo cáo về con người. Nó nói: Hãy trông xem thế nào là một con người bình thường, chẳng hạn như một anh thợ mộc hoặc một người nào khác; còn đây là một nhà quý tộc, đó là một hạng người khác! Sách viết ra không phải không có mục đích, sách được viết ra chính là để bảo vệ cho những hạng người nào đó...

Foma nói bằng giọng trầm trầm:

- Pyotr giết lão thầu khoán là đúng!

- Ô, đâu có phải thế! Giết người thì không bao giờ đúng cả. Tôi biết chú không ưa Grigoriy, nhưng chú phải bỏ những ý nghĩ ấy đi. Tất cả chúng ta đều là những người chẳng giàu có gì. Hôm nay tôi là chủ, nhưng mai tôi sẽ lại là người làm công...

- Cháu có nói bác đâu, bác Osip...

- Nói ai thì cũng vậy...

- Bác thật là một người công bằng.

- Khoan đã, tôi sẽ kể cho chú nghe người ta viết sách để làm gì. – Bác Osip cắt ngang những lời bực dọc của Foma. – Đây là một cuốn sách rất tinh quái! Này nhé: Có địa chủ không có bần nông, và có bần nông không có địa chủ! Bây giờ thử xem sao: Địa chủ cũng khổ mà bần nông cũng chẳng sung sướng gì. Địa chủ trở nên yếu đuối, sa đọa; còn bần nông thì khoác lác, rượu chè, đau ốm, bực tức. Đó, câu chuyện là như thế! Cuốn sách định nói rằng sống dưới chế độ nông nô thì sướng hơn: Địa chủ

dựa vào bản nông, bản nông dựa vào địa chủ, và cả hai đều no ấm, yên ổn... Đúng, tôi không phủ nhận rằng dưới thời nông nô người ta sống yên ổn hơn. Địa chủ không được lợi gì nếu bản nông nghèo đói. Họ muốn bản nông giàu có nhưng ngu dốt, như thế có lợi cho họ. Tôi biết rõ điều đó bởi chúng tôi đã từng sống gần bốn mươi năm dưới thời nông nô. Trên da thịt tôi ghi lại nhiều dấu vết lắm.

Tôi nhớ bác đánh xe ngựa Pyotr^[171] – người đã cắt cổ tự tử – cũng nói về địa chủ y như thế. Tôi cảm thấy rất khó chịu khi thấy những ý nghĩ của bác Osip lại trùng với suy nghĩ của lão già độc ác đó.

Bác Osip vừa đưa tay sờ chân tôi, vừa nói tiếp:

- Cần phải hiểu được sách vở và đủ các loại tác phẩm! Không ai đi làm chuyện vô ích bao giờ. Nếu thấy vô ích, chẳng qua là bị vẻ bề ngoài đánh lừa mà thôi. Mục đích của sách không gì khác ngoài làm xáo trộn đầu óc người ta. Mọi thứ đều được làm ra bằng trí tuệ, không có trí tuệ thì đăn gỗ cũng chẳng xong, bện giày gai cũng chẳng nổi...

Trong bóng tối và trong bầu không khí yên lặng, bác nói rất lâu, hết nằm xuống lại nhồm lên, miệng khe khẽ tuôn những câu khôi hài mạch lạc:

- Người ta bảo địa chủ là những kẻ xa lạ với bản nông. Điều đó cũng không đúng. Chúng ta cũng là người, như địa chủ thôi, chỉ có điều chúng ta là hạng cùng đinh. Địa chủ học theo sách vở, còn tôi thì học từ những trận đòn, và mộng đít của địa chủ thì trắng hơn, khác nhau chỉ có thế thôi. Không đâu, các anh ạ, đã đến lúc thiên hạ phải sống theo một lối khác rồi, những sách vở đó cần phải vứt bỏ đi thôi, phải xếp nó lại! Hãy để cho mỗi người tự hỏi mình: Tôi là ai? Là con người. Còn họ là ai? Cũng

là con người. Vậy thì sao? Chúa có đòi hỏi họ hay tôi phải đóng góp khác nhau một hai kopek nào chẳng? Ồ, không, nói về thuế má chúng ta và họ đều bình đẳng trước Chúa...

Cuối cùng, lúc gần sáng, khi bình minh đập tắt tất cả các vì sao, bác Osip bảo tôi:

- Chú đã thấy tài ăn nói của tôi chưa? Nhiều điều tôi nói, chính tôi trước kia cũng chưa bao giờ nghĩ đến! Các chú ạ, các chú chớ có tin tôi. Tôi làm như vậy, chính là vì không ngủ được chứ không phải thật đâu. Nằm cứ trơ ra, thành thử phải nghĩ ra trò gì để giải trí: “Dạo trước có một con quạ khoang, nó bay từ cánh đồng lên núi, từ bờ ruộng này sang bờ ruộng kia. Nó sống hết thời, Chúa bèn trừng phạt nó: Quạ chết và khô đét lại!” Câu chuyện như vậy thì có ý nghĩa gì? Chẳng có ý nghĩa gì hết... Thôi, ta ngủ đi. Sắp đến lúc dậy rồi...

XVIII

Cũng giống anh thợ dệt lò Yaakov trước kia, trong mắt tôi bác Osip mỗi ngày một lớn lao, che lấp mọi người, ở bác có điều gì rất gần với anh thợ dệt lò, nhưng đồng thời lại khiến tôi liên tưởng đến ông ngoại, đến lão già thông thái Pyotr Vassilich và bác đầu bếp Smouri. Tuy bác giống những con người mà hình ảnh họ gắn chặt trong tâm trí tôi, bác vẫn để lại ấn tượng như một vết hằn sâu đậm, thâm nhập như oxide găm nhám chuông đồng hồ. Có thể nhận thấy ở bác hai lối suy nghĩ: Ban ngày, trong lúc làm việc, trước mặt mọi người, những ý nghĩ linh lợi và giản dị của bác có phần thực tế và dễ hiểu hơn những ý nghĩ hiện ra trong đầu óc bác lúc nghỉ ngơi, vào những buổi chiều tối khi bác cùng tôi đi vào thành phố, về nhà bà cụ mẹ nuôi làm nghề bán bánh rán của bác, hoặc những đêm bác mất ngủ. Những ý nghĩ ban đêm của bác độc đáo, nhiều khía cạnh, như ngọn lửa trong cây đèn lồng vậy. Chúng rất sáng, nhưng không hiểu đâu là mặt chính, đối với bác Osip mặt nào của một ý nghĩ nào đó gần gũi và quý giá hơn?

Đôi lúc tôi cảm thấy bác thông minh hơn tất cả những người tôi đã từng gặp. Tôi quần quanh bên cạnh bác với tâm trạng giống như khi quần quanh bên anh thợ dệt lò: tôi muốn tìm hiểu con người, nhưng bác cứ trơn tuột và ngoằn ngoèo khiến tôi không tài nào bắt được. Sự thật của bác ẩn khuất ở đâu? Có thể tin những gì ở bác?

Tôi nhớ lại, có lần bác đã từng bảo tôi: “Anh hãy tự tìm kiếm xem tôi là người thế nào. Anh cứ tìm đi!”

Lòng tự ái của tôi bị đụng chạm, nhưng trong tôi còn một điều gì vượt trên cả lòng tự ái. Đối với tôi, hiểu được ông già này là một điều hết sức cần thiết.

Mặc dù ở bác có những điều khó hiểu, bác là một người kiên định. Tôi có cảm tưởng như dù có sống thêm một trăm năm nữa, bác cũng vẫn y nguyên như thế, vẫn đứng vững giữa những con người hay dao động đến lạ kì này. Lão già thông thái cũng từng gây cho tôi ấn tượng về tính cương nghị như vậy, nhưng ấn tượng đó không khiến tôi dễ chịu lắm. Tính cương nghị của bác Osip không giống thế, nó có phần dễ chịu hơn.

Sự thiếu kiên định của mọi người đập vào mắt tôi một cách quá ư rõ rệt, những bước nhảy xảo trá của họ từ vị trí này qua vị trí kia từng làm tôi xáo động. Tôi không còn đủ sức để ngạc nhiên trước những bước nhảy không thể cắt nghĩa nổi ấy nữa, và dần dần chúng đã dập tắt mất lòng quan tâm tha thiết của tôi với mọi người, làm lung lay lòng yêu mến của tôi với họ.

Một hôm, vào đầu tháng Bảy, một cỗ xe ngựa ọc ạch vội vã chạy đến chỗ chúng tôi làm việc. Trên yên của người đánh xe có một bác xà ích say rượu rậm râu, đầu để trần, môi bị rách, vừa ngồi vừa nấc một cách buồn bã. Trong xe, bác Grigoriy Shishlin say xỉn nằm ườn ra. Một cô ả to béo má đỏ đờ nách bác ta. Cô ả đội mũ rơm tết bằng cỏ và dính những quả anh đào bằng thủy tinh, tay cầm một cái ô nhỏ, chân đi giày cao su không bít tất. Cô múa may cái ô, người đung đưa, vừa cười hô hô vừa la hét:

- Ô, lũ quỷ sứ! Hội chợ chưa khai mạc, chưa có hội chợ thế mà họ lại lôi mình đến hội chợ!

Bác Grigoriy người phờ phạc, ủ rũ, bò từ trên xe xuống, ngồi phệt xuống đất, vừa khóc vừa nói với chúng tôi – những người đứng xem:

- Tôi... Tôi xin quỳ ở đây, tôi đã phạm quá nhiều tội lỗi rồi! Tôi đã suy nghĩ mà vẫn phạm tội, như thế đấy! Efimushka bảo: Grisha, Grisha! Hấn nói... Hấn nói đúng đấy, nhưng xin các người hãy tha thứ cho tôi! Tôi có thể thết đãi tất cả các người. Hấn nói đúng đấy: Chúng ta chỉ sống có một lần... sống quá một lần không thể được...

Cô gái cười ran, giậm chân, văng cả giày cao su. Gã xà ích cau có:

- Mau lên, đi thôi! Không thể dừng ngựa lâu được!

Con ngựa, một con vật già yếu, phờ phạc, mình đầy bụi bặm, đứng như chôn chân xuống đất. Nhìn những cảnh tượng ấy, tôi không tài nào nhịn cười được. Toán thợ của bác Grigoriy nhìn chủ, nhìn người con gái diêm dúa và lão xà ích ngây ngô, rồi cứ thế cười bò ra. Chỉ có Foma là không cười. Anh ta đứng cạnh tôi trong khoang cửa của cửa hàng, lẩm bẩm:

- Đồ lợn ỉ... Trong khi đó thì ở nhà hấn có một mụn vợ khá xinh!

Lão xà ích vẫn cứ giục đi. Cô ả trên xe bước xuống vực Grigoriy lên, đặt bác ta nằm cạnh chân mình rồi vung ô hét:

- Đi thôi!

Theo tiếng gọi của Foma, mọi người bắt tay vào công việc. Họ nhạo báng ông chủ của họ một cách hiền hậu nhưng có phần ghen tức. Foma hình như khó chịu khi thấy bác Grigoriy trở nên lố lăng như vậy.

- Thế mà cũng đòi gọi là ông chủ! – Anh ta lẩm bẩm. – Chỉ còn làm có không đầy một tháng nữa thôi, sau đó chúng ta sẽ trở về làng... Thế mà không sao chịu được...

Tôi cảm thấy giận thay cho bác Grigoriy: Ở bên cạnh bác ta, cô ả đội cái mũ có đính những quả anh đào ấy trông lố bịch đến phát ghét.

Nhiều lúc tôi tự nghĩ: Tại sao Grigoriy Shishlin là chủ, còn Foma Tuskov là người làm công?

Là một thanh niên tráng kiện, trắng trẻo, tóc quăn, mũi nhọn như mỏ kền kền, khuôn mặt tròn với cặp mắt xám thông minh, Foma trông không giống bần nông tí nào. Nếu được ăn mặc bảnh bao, anh ta có thể đóng vai con một gia đình thương nhân khá giả. Anh luôn luôn râu rĩ, ít nói và thường nói giọng nghiêm trang. Vì biết đọc, biết viết nên anh làm công việc tính toán cho người thầu khoán và lập các bảng dự toán. Anh biết cách buộc các bạn anh phải làm việc đến nơi đến chốn, nhưng bản thân anh lại làm việc một cách miễn cưỡng.

- Già đời cũng không làm hết việc đâu. – Anh thản nhiên nói.

Anh nhận xét về sách vở có vẻ miệt thị:

- Muốn in cái gì mà chẳng được. Tớ có thể bịa ra bất kì chuyện gì mà cậu muốn, cái đó chẳng có gì đáng kể...

Nhưng anh chăm chú lắng nghe mọi chuyện. Và nếu anh thích thú điều gì, anh căn vặn rất tỉ mỉ, anh luôn luôn theo đuổi một suy nghĩ nào đó của riêng anh, luôn ước đo mọi thứ theo cách riêng của mình.

Một hôm tôi bảo Foma rằng đáng lẽ anh phải làm nghề thầu khoán mới đúng. Anh ưỡn oải đáp:

- Nếu như tớ có ngay được vài nghìn bạc thì còn xoay xở được... Đàng này cứ quần quanh bên thiên hạ để kiếm lấy từng xu thì đừng nói chuyện gì hết. Tớ còn xem sao đã, chưa biết chừng tớ sẽ bỏ đến tu viện ở Oranki. Tớ khỏe mạnh, đẹp trai,

rất có thể một mục thương gia góa chồng nào đó cảm tở cũng nên! Những chuyện như vậy ở đời không phải là không có. Có một anh chàng người ở Sergatz chỉ trong hai năm đã ăn nên làm ra, lại kiếm được vợ, cô ả là người ở thành phố này. Anh chàng hay đem tượng thánh đến các nhà, và thế là cô nàng mê tít anh ta...

Đây là một câu chuyện đã được anh sắp đặt cẩn thận. Anh biết nhiều chuyện về việc nhờ tu hành ngoan ngoãn mà người ta đạt đến một cuộc sống dễ chịu. Tôi không thích các câu chuyện của Foma, cả lối suy nghĩ của anh tôi cũng không thích, nhưng tôi tin nhất định anh sẽ đi tu.

Hội chợ khai mạc, và mọi người đều bất ngờ vì Foma đi làm nghề lau sàn ở quán ăn. Khởi phải nói việc đó đã khiến các bạn bè của anh ngạc nhiên đến thế nào, họ bắt đầu nhạo báng anh. Cứ đến ngày nghỉ, khi tụ tập để uống trà, họ lại mỉm cười bảo nhau:

- Ta ra chỗ thàng “bôi” của ta đi!

Đến quán ăn, họ lên giọng ông chủ, thét:

- Ê, bôi! Bôi tóc quăn, lại đây!

Foma bước tới, hơi ngẩng đầu, hỏi:

- Các ông sai gì?

- Không nhận ra người quen à?

- Tôi không có thì giờ nhận mặt người quen...

Anh cảm thấy bạn bè khinh miệt, muốn trêu chọc anh, và anh nhìn họ bằng cặp mắt chờ đợi buồn chán. Khuôn mặt anh đanh lại như gỗ, hình như nó muốn nói: “Các người cứ cười đi, nhanh lên, còn chờ gì nữa...”

- Muốn xin tiền chè nước không? – Họ hỏi anh và cố lục lọi ví tiền thật lâu, để rồi chẳng cho anh một kopek nào.

Tôi hỏi Foma tại sao anh đã toan đi tu lại bỏ về làm thằng ở.

- Tớ không định đi tu. – Anh đáp. – Còn chuyện đi ở thì tớ sẽ không làm lâu đâu.

Bốn năm sau, tôi gặp lại anh ở Tzaritzin, lúc này anh vẫn làm bồi bàn ở quán ăn. Sau đó tôi đọc báo thấy nói Foma Tuskov bị bắt vì tội định bẻ khóa ăn trộm.

Chuyện làm tôi kinh ngạc nhất là chuyện bác thợ nề Ardalion, người thợ cả giỏi nhất trong phường của bác Pyotr. Bác bần nông trạc bốn mươi tuổi ấy râu cằm đen, tính tình vui vẻ, cũng thường hay vô tình nêu ra câu hỏi: Tại sao chủ không phải là bác ta, mà là bác Pyotr? Bác ít khi uống rượu vodka và hầu như không bao giờ uống đến say. Bác hiểu biết nghề nghiệp của mình một cách thành thạo. Bác làm việc với lòng ham say. Những viên gạch tung bay trong tay bác hệt như những con chim bồ câu đỏ. Bên cạnh bác, bác Pyotr bệnh hoạn và rầu rĩ trở nên hoàn toàn thừa thãi trong đội. Bác nói về công việc của mình như sau:

- Ta xây nhà gạch cho thiên hạ ở, còn mình thì chỉ dành được một chiếc quan tài bằng gỗ...

Bác Ardalion hăng say vui vẻ đặt gạch, chốc chốc lại la lên:

- Ê, sáng danh Chúa, hãy nhanh tay lên anh em ơi!

Rồi bác kể với mọi người rằng mùa xuân năm sau bác sẽ đi Tomsk. Ở đó người em rể của bác mới nhận thầu một công trình lớn – xây nhà thờ – và mời bác tới làm trưởng kíp.

- Việc này tôi đã quyết rồi. Tôi thích xây cất nhà thờ lắm! –

Bác nói và rủ tôi. – Anh đi với tôi! Ở Siberia những người có học dễ làm ăn lắm, người anh em ạ. Ở đó ai có học thức tha hồ mà làm vương làm tướng!

Tôi bằng lòng. Bác Ardalion liền kêu lên, vẻ đắc thắng:

- Có thể chứ! Nói thật đấy, chẳng phải nói chơi đâu...

Bác hay nhạo báng bác Pyotr và Grigoriy với thái độ hiền hậu như người lớn chế nhạo trẻ con. Bác bảo bác Osip:

- Bọn khoác lác! Chúng khoe khoang hiểu biết như những tay cờ bạc ấy. Người này nói: Trông đấy, bài tôi thế này cơ mà! Người khác nói: Còn tôi, tôi có chủ bài đấy!

Bác Osip trả lời lấp lửng:

- Làm sao khác được? Ba hoa là thói của người đời. Có cô gái nào khi đi mà ngực không ưỡn về phía trước.

- Họ cứ kêu trời đất thế, trong khi đó thì tiền bạc vẫn tích cho rõ nhiều! – Bác Ardalion vẫn chưa chịu thua.

- Grisha có tích gì đâu...

- Tôi đang nói về ông chủ của tôi. Hãy cứ đi theo Chúa vào rừng, đến một nơi hoang vu nào đó xem... Ôi, tôi chán chốn này lắm rồi. Đến mùa xuân là tôi đi Siberia thôi...

Đám công nhân ghen tị với bác Ardalion, họ nói:

- Nếu chúng tôi có được một người để nương tựa như em rể ông thì chúng tôi cũng chẳng sợ gì Siberia...

Rồi sau đó, bác Ardalion bỗng biến mất. Chủ nhật bác bỏ đội đi và suốt ba ngày không ai biết bác ở đâu.

Mọi người lo lắng phỏng đoán:

- Có lẽ đứa nào giết hẳn ta rồi chẳng?

- Hay là đi tắm chết đuối?

Nhưng bác Efimushka trở về, ngượng nghịu tuyên bố:

- Ardalion đi chơi gái rồi!

- Nói láo cái gì thế? – Bác Pyotr hoài nghi hét lên.

- Chơi gái, rượu chè. Chẳng qua cũng như cái lò cháy từ bên trong cháy ra mà thôi. Hình như người vợ đáng yêu của hắn mới chết rồi...

- Hắn góa vợ rồi! Bây giờ hắn ở đâu?

Pyotr bực tức đi tìm Ardalion, nhưng bị bác Ardalion đánh cho một trận.

Thấy vậy, bác Osip cắn chặt môi, thọc sâu hai tay vào túi:

- Để tôi đi xem tại sao lại thế! Hắn là một người tốt...

Tôi đi theo bác ta. Dọc đường, bác Osip bảo tôi:

- Thế đấy, một con người đã sống bao nhiêu năm, mọi việc tưởng như đâu vào đấy cả, thế mà bỗng nhiên cong đuôi lên chạy và sống lẩn lóc ở các bãi hoang. Chú hãy trông đấy mà rút lấy bài học, Maksimovich ạ...

Chúng tôi vào tìm tại một “nhà giải muộn phiền” rẻ tiền ở Kunavino. Một mục già trông có vẻ gian xảo ra tiếp. Bác Osip thì thảo với mục, mục dẫn chúng tôi vào một căn phòng nhỏ trống rỗng, tôi tắm và bắn thủ như ngăn chuồng bò. Trên giường, một người đàn bà to béo đang nằm ườn ra ngủ. Mục già giơ nắm tay thúc vào sườn người đó và bảo:

- Ê, con ếch này, đi ra ngoài kia!

Người đàn bà hoảng hốt nhồm dậy, lấy hai ngón tay lau mắt, hỏi:

- Lạy Chúa! Ai thế? Cái gì thế?

- Mật thám đến! – Bác Osip nghiêm nghị nói.

Người đàn bà kêu lên rồi chuồn mất. Bác Osip nhổ nước bọt theo mụ và giải thích cho tôi:

- Chúng nó sợ mật thám còn hơn sợ cả quỷ sứ nữa...

Mụ già tháo trên tường xuống một tấm gương nhỏ và khẽ nâng mảnh giấy bồi lên.

- Ông nhìn xem, có phải người này không?

Bác Osip nhìn qua khe vách.

- Chính hần! Hãy đuổi cô ả ra...

Tôi cũng nhòm vào khe vách: Trong một căn phòng cũng chật chội như căn phòng chúng tôi đang đứng, trên bệ cửa sổ có cửa chớp đóng kín thấp một ngọn đèn bằng sắt tây, cạnh đó, một cô gái người Tartar mắt hiêng, cởi trần, đang đứng khâu áo. Phía sau cô ta, gương mặt sừng húp của Ardalion nhô cao lên trên hai chiếc gối. Bộ râu đen rồi tung của bác vểnh lên. Cô ả Tartar giật mình, khoác vội áo, đi ngang qua giường và bỗng xuất hiện ở phòng chúng tôi.

Bác Osip nhìn cô ta và lại nhổ nước bọt:

- Hừ, đồ trơ trẽn.

- Chính lão mới là đồ ngốc. – Cô ta cười, trả lời.

Bác Osip cũng bật cười, giơ ngón tay lên dọa cô ta.

Chúng tôi vào phòng cô gái Tartar. Ông già ngồi lên giường, phía chân Ardalion, và lay gọi bác ta rất lâu, nhưng vô hiệu.

Bác ta cứ lăm bằm:

- Thôi được... Chờ một lát, chúng ta cùng đi...

Cuối cùng bác tỉnh dậy, nhìn bác Osip và tôi bằng cặp mắt man rợ. Sau đó đôi mắt đỏ ngầu của bác nhắm lại, bác rên rĩ:

- Hừ, hừ...

- Đằng ấy làm sao thế? – Bác Osip hỏi, giọng bình tĩnh, không có vẻ gì trách móc, nhưng không được vui.

- Tôi thấy choáng váng. – Ardalion thở khò khè, vừa ho vừa nói.

- Choáng váng thế nào?

- Chẳng sao cả...

- Chắc có điều gì không hay...

- Còn có gì hay nữa...

Ardalion vội lấy một chai rượu vodka đã mở nút sẵn trên mặt bàn và bắt đầu tu, sau đó mời bác Osip:

- Uống không? Hình như có đồ nhắm ở đâu đấy...

Ông già tu rượu, nuốt ừng ực, mặt nhăn lại, sau đó lấy một miếng bánh mì và chăm chú nhai. Ardalion vẻ mặt rầu rĩ, nói uể oải:

- Tôi đi lại với cô ả Tarta ấy đấy. Chỉ tại Efimushka cả thôi. Hẳn bảo cô ta trẻ, là một cô gái mồ côi ở Kasimov, sắp đi dự hội chợ.

Từ bên kia tường vọng sang một giọng nói vui vẻ, dứt quăng:

- Con gái Tarta tuyệt nhất trần đời! Cứ y như gà mái tơ ấy. Anh hãy đuổi lão già ấy đi. Lão ta có phải là bố đẻ của anh đâu...

- Chính cô ta đấy. – Ardalion lăm bắm, cặp mắt đỏ dần nhìn

lên vách.

- Tôi đã trông thấy rồi. – Bác Osip nói.

Ardalion quay về phía tôi:

- Tôi bây giờ như thế đấy, người anh em ạ...

Tôi cứ tưởng bác Osip sẽ trách móc Ardalion, lên lớp bác ta, khiến bác ta bối rối hỏi hận. Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Họ ngồi bên nhau, vai kề vai, trao đổi với nhau những câu ngắn ngủi một cách bình thản. Nhìn họ ngồi trong căn phòng tối tăm, bần thủ, tôi cảm thấy thật buồn. Cô gái Tarta vẫn nói qua kẽ vách những câu khôi hài, nhưng họ không để ý. Bác Osip cầm lấy con cá khô trên bàn, đập vào ủng và thận trọng bóc lớp da. Vừa làm bác vừa hỏi:

- Hết nhãn tiền rồi phải không?

- Petruska còn nợ tôi một ít...

- Liệu đấy, bây giờ có còn định đi Tomsk nữa không?

- Ôi dào, chuyện đi Tomsk thì...

- Hay lại đổi ý rồi?

- Nếu người ngoài mời thì tôi sẽ đi.

- Thế là thế nào?

- Còn nếu như đưa em gái tôi với chồng nó mời thì...

- Thì sao?

- Chẳng hay ho gì cái chuyện phải quy lụy họ hàng mình...

- Chuyện ấy thì ở đâu cũng thế thôi.

- Nhưng dù sao...

Họ nói chuyện với nhau thân mật và nghiêm trang đến nỗi cô

gái Tarta không dám trêu chọc họ nữa. Cô ta vào phòng, lẳng lẳng lấy cái áo dài treo trên tường rồi chuồn mất.

- Cô ả trẻ thật! – Bác Osip nói.

Ardalion nhìn bác Osip, thản nhiên:

- Tất cả chỉ tại Efimushka thôi, cái thằng mãnh ấy. Hắn không biết gì ngoài đàn bà sất... Còn cô ả Tarta thì vui tính thật, lúc nào cũng đùa nghịch...

- Cứ liều liệu, kẻ không ra khỏi chốn này đâu. – Bác Osip dặn Ardalion, và sau khi nhai nốt miếng cá cuối cùng, bác ra về.

Dọc đường về nhà, tôi hỏi bác Osip:

- Bác đến chỗ ấy làm gì?

- Để xem thế nào. Hắn là chỗ quen biết. Tôi đã gặp nhiều chuyện như thế này lắm rồi: Sống bao nhiêu năm chẳng sao, bỗng nhiên bỏ đi như trốn tù ấy. – Bác nhắc lại điều trước kia bác đã nói. – Cần phải tránh đừng có rượu chè vào!

Nhưng lát sau bác lại bảo:

- Nhưng không có nó cũng buồn lắm!

- Không có rượu ấy ư?

- Phải! Mỗi khi uống rượu vào tưởng như được sang một thế giới khác...

Bác Ardalion quả không thoát ra được. Mấy hôm sau bác đi làm, nhưng chẳng bao lâu bác lại biến mất. Đến mùa xuân thì tôi gặp bác trong đám người du thủ du thực đang phá lớp băng đóng xung quanh một cái sà lan đậu ở lạch sông. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, chúng tôi rủ nhau vào quán trà. Trong lúc uống, bác khoe:

- Anh còn nhớ tôi là một tay thợ như thế nào chứ hả? Phải nói thẳng, trong cái nghề của tôi thì tôi là chúa! Tôi có thể kiếm được hàng trăm rúp...

- Vậy mà bác chẳng kiếm được đồng nào cả.

- Không kiếm được đồng nào, tất nhiên! – Bác kêu lên với vẻ kiêu hãnh. – Tôi không thèm làm đấy chứ!

Bác nói bô bô. Những người trong quán chăm chú lắng nghe mấy lời sôi nổi của bác.

- Anh còn nhớ Petruska, tên ăn cắp ngấm ngầm ấy nói về công việc như thế nào không? Đi xây nhà gạch cho thiên hạ, còn cho mình thì chỉ dành được một chiếc quan tài bằng gỗ. Đó, công việc là thế đấy!

Tôi nói:

- Petruska ốm, bác ấy sợ chết.

Nhưng Ardalion thét lên:

- Tôi cũng ốm, tâm thần tôi hình như không ổn định!

Những ngày nghỉ, tôi thường rời khu trung tâm đi xuống phố “Million”, nơi trú ngụ của những người du thủ du thực. Và tôi đã thấy Ardalion trở thành một tên lính của đội quân “lưu manh” một cách nhanh chóng. Mới năm ngoái bác ta còn vui vẻ và đứng đắn là thế, vậy mà giờ trở thành một kẻ ba hoa, đi đứng khệnh khạc khệnh khạng, thường nhìn mọi người bằng cặp mắt ương ngạnh, hệt như muốn thách thức người ta tranh luận và đánh nhau với mình.

Hơn nữa, lúc nào bác ta cũng khoe khoang:

- Anh hãy xem mọi người đối xử với tôi thế nào. Ở đây tôi chẳng khác gì một thủ lĩnh!

Vốn không biết tiếc tiền, kiếm được bao nhiêu bác thường cho mấy người du thủ du thực chè chén. Mỗi khi đánh nhau bác hay đứng về phe yếu và kêu gọi:

- Anh em ơi, sai rồi! Cần phải hành động cho đúng đắn!

Do thế mà mọi người đặt cho bác cái tên “Đúng Đắn”. Bác rất thích thú với biệt danh đó.

Tôi ra sức quan sát những con người bị lèn chặt trong cái túi đá cũ kĩ và bẩn thỉu của khu phố này. Bọn họ đều là những người đã bị tách khỏi cuộc sống, nhưng hình như họ đã tự tạo cho họ một cuộc sống riêng, vui vẻ, không phụ thuộc vào các ông chủ. Nhìn những người bị bỏ rơi, không được ai săn sóc đó, tôi nhớ đến mấy chuyện ông tôi kể về những người kéo thuyền đã trở thành kẻ cướp và ẩn sĩ một cách dễ dàng như thế nào. Khi không có việc làm thì họ không còn coi chuyện ăn cắp vặt trên các tàu thủy và sà lan là đáng ghê tởm nữa. Nhưng điều đó không làm tôi cảm thấy bối rối. Tôi nhận thấy toàn bộ cuộc sống đều được chấp vá bằng thoi ăn cắp, giống như chiếc áo *caftan* cũ được khâu bằng những sợi chỉ xám. Đồng thời tôi cũng nhận thấy những con người này đôi khi làm việc rất say sưa, không hề tiếc sức, một cảnh tượng thường thấy trong các chuyến bóc hàng cấp tốc, những khi cháy nhà hoặc lúc băng trôi, và nói chung, họ sống vui vẻ hơn nhiều người khác.

Khi thấy tôi kết bạn với Ardalion, bác Osip liền can ngăn tôi với thái độ của một người cha:

- Nghe đây, cháu của bác, cháu chơi thân quá với cái bọn ở đường “Million” ấy làm gì? Coi chừng, đừng có chuốc lấy vạ vào thân...

Biết sao nói vậy, tôi bảo bác rằng tôi ưa những người đó, họ

sống vui vẻ, không phải làm việc.

- Bọn chúng sống như chim trên trời ấy. – Bác mỉm cười, ngắt lời tôi. – Chúng muốn sống như thế vì đó là bọn lười biếng, bọn vô dụng. Làm việc đối với chúng là một điều khổ sở!

- Làm việc để làm gì cơ chứ? Người ta thường nói: Thực thà sao kiếm nổi nhà cao!

Tôi nói như vậy một cách dễ dàng vì tôi đã nghe quá nhiều lần câu ngạn ngữ này, và tôi cảm thấy nó đúng.

Nhưng bác Osip nổi nóng, thét lên:

- Ai nói như thế? Bọn ngu ngốc và lười biếng. Cháu đừng có nghe những lời đó, con chó con ạ! Hừ, liệu đây! Những điều ngu xuẩn ấy đều do mấy kẻ hay ghen ghét và bọn thất cơ lỡ vận nói ra. Cháu mọc cho đủ lông đủ cánh rồi hãy đòi bay bổng! Còn chuyện kết bạn của cháu, bác sẽ mách ông chủ cho mà xem, rồi chớ có giận!

Và bác mách thật. Ngay trước mặt bác, cậu chủ bảo tôi:

- Peskov, anh đừng có bèn mảng đến cái phố “Million” ấy nữa! Ở đó toàn là bọn ăn cắp và gái điếm thôi. Con đường đến đấy chính là con đường đến nhà tù và nhà thương. Anh hãy thôi ngay đi!

Từ đó trở đi, mỗi khi xuống chơi phố “Million” tôi đều phải giữ kín, nhưng rồi chẳng bao lâu tôi buộc phải thôi hẳn.

Một hôm, tôi với Ardalion và một người bạn của bác ta có biệt hiệu là “Con nít” ngồi chơi dưới mái nhà kho trong sân một ngôi nhà. “Con nít” kể cho chúng tôi nghe một chuyện vui về việc bác ta đã cuộc bộ từ thành phố Rostov trên sông Đông tới Moskva như thế nào. Nguyên bác là lính công binh, đã từng

được thưởng huân chương thánh Georgiy. Trong cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ, bác bị thương ở đầu gối và từ đó bị thọt. Dáng người thấp, vạm vỡ, hai cánh tay bác có một sức mạnh đáng sợ, nhưng cũng chẳng giúp ích gì cho bác, vì bác thọt nên không thể làm việc nặng. Không hiểu bác bị bệnh gì mà râu tóc rụng hết cả, thành thử đầu bác nom hệt như đầu một đứa trẻ mới đẻ.

Long lanh cặp mắt hung, bác nói:

- Thế là tôi đến Serpoukhov. Tôi gặp một ông cố đạo đang ngồi trong mảnh vườn trước nhà. Tôi bèn nói: “Thưa cha, xin cha hãy bố thí cho người anh hùng của cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ...”^[172]”

Ardalion lắc đầu:

- Chà, nói láo, nói láo...

- Tôi nói láo cái gì? – “Con nít” hỏi, không hề tỏ ra bực dọc.

Ardalion càu nhàu bằng giọng uể oải và có vẻ dặt dờ:

- Anh là một người không đứng đắn! Lẽ ra anh nên xin làm một chân gác thì phải. Những người thọt thường sống bằng nghề gác. Nhưng anh thì chỉ đi lông bông và tán phét...

- Tôi nói cho vui thôi, để cho mọi người cười...

- Anh nên tự cười anh thì hơn...

Ngoài sân tối om và bắn thủ, tuy lúc này trời nắng ráo. Một người đàn bà xuất hiện, chị giữ một mảnh vải và kêu lên:

- Chị em ơi, có ai mua váy không nào?...

Từ những khe nhà, mấy mụ đàn bà chạy ra, xúm xít xung quanh người bán hàng. Tôi nhận ra ngay đó là chị thợ giặt

Natalya. Tôi nhảy phóc từ trên mái nhà xuống, nhưng chị ta, sau khi bán chiếc váy cho người vừa trả tiếng thứ nhất, đã lẳng lẳng bỏ đi mất.

- Chào chị! – Tôi vui vẻ chào khi đuổi kịp chị ngoài cổng.

- Còn muốn nói gì nữa? – Chị hỏi sau khi liếc nhìn tôi. Bỗng chị dừng lại, giận dữ thét lên. – Trời ơi! Em đến đây làm gì?...

Tiếng kêu sợ hãi làm tôi động lòng và bối rối. Tôi hiểu rằng chị sợ thay cho tôi: Vẻ sợ hãi và kinh ngạc hiện ra thật rõ ràng trên khuôn mặt thông minh của chị. Tôi liền giải thích cho chị rằng tôi không sống ở phố này, chỉ thỉnh thoảng đến xem thôi.

- Xem ư?! – Chị thốt lên với vẻ giễu cợt và bức tức. – Em xem cái gì ở đây? Xem túi những người qua đường và ngực đàn bà à?

Mặt chị nhăn nhó, dưới mắt có những quầng thâm, đôi môi trễ xuống và có vẻ mệt mỏi.

Chị dừng lại trước cửa một quán ăn, bảo tôi:

- Chúng ta vào đây uống trà! Em ăn mặc sạch sẽ, không như bọn ở đây. Nhưng em vẫn có cái gì khiến chị không tin được...

Nhưng vào đến quán ăn thì hình như chị đã tin tôi. Chị rót trà, và bằng một giọng buồn tẻ, bắt đầu nói cho tôi biết chị vừa mới ngủ dậy trước đó một giờ, chưa kịp ăn uống gì cả.

- Còn hôm qua thì nằm tràn, say bí tỉ, đến nỗi không nhớ là uống ở đâu và uống với ai.

Tôi thấy thương hại chị. Trước mặt chị, tôi cảm thấy lúng túng. Tôi muốn hỏi xem con gái chị bây giờ ở đâu. Còn chị, sau khi uống rượu vodka và trà nóng, bắt đầu nói bằng cái giọng sôi nổi và thô lỗ quen thuộc, giống như tất cả đàn bà phố này. Khi tôi hỏi về con gái chị, chị hét lên:

- Em hỏi chuyện đó để làm gì? Không đâu, chú em thân mến ạ, em không với được tới con gái chị đâu!

Chị uống thêm và kể:

- Con gái chị mà ở với chị thì chẳng có việc gì để làm. Chị là người thế nào? Một mục thợ giặt. Chị làm mẹ nó thế nào được? Nó là người thông thái, có học thức. Như thế đây, chú em ạ! Thế là nó bỏ chị đến ở với một đứa bạn gái giàu có, hình như để làm nghề dạy học thì phải...

Yên lặng một lát, chị hỏi khẽ:

- Này, mục thợ giặt này không xứng với cậu à? Thế gái mại dâm có xứng không?

Tất nhiên tôi đã thấy ngay chị là “gái mại dâm”. Đàn bà ở phố này còn có nghề nào khác nữa. Nhưng khi nghe chính miệng chị nói ra điều đó, tôi vẫn ứa nước mắt vì xấu hổ và thương hại chị, hết như lời thú nhận của chị đã thiêu đốt tôi. Mới trước đó ít lâu chị còn là một người đàn bà mạnh dạn, tự chủ và thông minh là thế!

- Ôi! – Chị liếc nhìn tôi, thở dài. – Em đi khỏi đây đi! Chị van em và khuyên em, đừng có bèn mảng đến đây, chết mất thôi!

Sau đó chị cúi lom khom trên bàn, lấy ngón tay vẽ hình gì đó trên mặt khay và bắt đầu nói khe khẽ bằng giọng đứt quãng, dường như tự nói với mình:

- Nhưng cậu có thèm để ý gì đến những lời yêu cầu và khuyên nhủ của tôi? Ngay đến con gái tôi cũng có nghe lời tôi đâu... Tôi vẫn thường la lối nó: “Mày không được bỏ mẹ mày mà đi, hiểu chưa?” Nhưng nó trả lời: “Con sẽ tự tử.” Thế rồi nó bỏ đi Kazan... Nó muốn học nghề hộ sinh. Như thế cũng được... Nhưng còn tôi thì sao? Tôi bây giờ thế này đây... Tôi còn biết

nường tựa vào đầu nữa?... Vào những người qua đường ư?...

Chị im lặng, suy nghĩ rất lâu một điều gì đó, cặp môi mấp máy không thành tiếng và hình như đã quên mất tôi. Hai mép chị trễ xuống, miệng cong lại như lưỡi liềm. Lớp da trên đôi môi chị giật giật trông thật đau khổ, những nếp nhăn rung rung như muốn nói thăm điều gì, vẻ mặt chị trông non trẻ, bực dọc. Dưới tấm khăn, một mớ tóc thò ra và xõa xuống má, vắt cả ra đằng sau cái tai bé nhỏ của chị. Một giọt nước mắt nhỏ xuống chén trà đã nguội lạnh. Thấy thế, chị đẩy dịch chén nước sang một bên rồi nhắm nghiền mắt. Thêm hai giọt nước mắt nhỏ ứa ra. Sau đó chị lấy khăn lau mặt.

Không còn đủ kiên nhẫn ngồi với chị lâu hơn, tôi lẳng lặng đứng dậy.

- Thôi, chào chị!

- Hừ? Đi đi, đi đi cho khuất mắt! – Chị đưa tay xua, không nhìn tôi, chắc hẳn chị đã quên là đang ngồi với ai.

Tôi trở lại sân tìm Ardalion: Bác muốn đi câu tôm. Tôi muốn kể cho bác nghe về người đàn bà này, nhưng bác và “Con nít” không còn ở chỗ cũ. Trong lúc tôi đi tìm họ giữa cái sân bề bộn đó, ở ngoài đường nổi lên những tiếng ồn ào vốn đã trở nên quen thuộc với phố này.

Tôi ra cổng và chạm trán ngay Natalya. Chị đang khóc nức nở, một tay cầm khăn trùm đầu lau gương mặt bị đánh thâm tím, tay kia sửa mớ tóc rối tung. Chị bước dò dẫm trên vỉa hè, theo sau là Ardalion và “Con nít”.

“Con nít” nói:

- Cứ cho nó một trận nữa!

Ardalion đuổi theo chị, vung nắm đấm. Chị quay ngược về phía bác ta, vẻ mặt trông thật đáng sợ, cặp mắt ánh lên vẻ căm hờn.

- Đây, đánh đi! – Chị thét.

Tôi nắm lấy tay Ardalion. Bác ta nhìn tôi, vẻ ngạc nhiên:

- Mà y định làm gì thế?

- Đừng động đến chị ấy! – Tôi nói một cách khó nhọc.

Bác cười phá lên.

- Nó là nhân tình của mày hẳn thôi? Ôi, Natashka^[173], mày vợ được anh thầy tu rồi!

“Con nít” cũng cười hô hố, hai tay vỗ vào đùi đen đét. Sau đó họ còn bêu riếu tôi rất lâu. Thật là cay cực! Trong khi họ làm việc đó, chị Natalya đã đi mất. Còn tôi, cuối cùng, không thể chịu nổi, bèn húc vào ngực “Con nít” làm bác ta ngã lộn nhào, rồi tôi bỏ chạy.

Từ đó, lâu lắm tôi không lai vãng đến phố “Million”, nhưng tôi còn gặp Ardalion một lần nữa, lần này là trên một chuyến phà.

- Bấy lâu nay anh đi đâu mà biệt tăm biệt tích? – Bác vui vẻ hỏi tôi.

Khi tôi bảo bác rằng tôi cảm thấy ghê tởm mỗi khi nhớ lại bác ta đã đánh chị Natalya và chửi bới tôi thậm tệ như thế nào, bác liền cất tiếng cười một cách hiền hậu.

- Anh tưởng đó là chuyện thật à? Chúng ta trêu chọc anh cho vui đấy thôi. Còn con ấy tại sao lại không nên đánh, nếu chẳng qua nó chỉ là một con đĩ. Vợ con còn nện thẳng cánh, hưởng hồ những hạng như thế thì thương tiếc làm gì! Nhưng tất cả

những cái đó chẳng qua chỉ là trò đùa thôi! Roi vọt đâu có dạy bảo được người ta, điều đó tôi hiểu lắm!

- Bác mà cũng đòi dạy chị ta cơ à?

Bác ôm lấy vai tôi lắc lắc và nói với vẻ giễu cợt:

- Điều tệ hại của chúng ta chính là ở chỗ không ai hơn ai... Tôi hiểu cả, người anh em ạ, hiểu từ trong đến ngoài, hiểu tất! Tôi có phải dân nhà quê đâu...

Lúc này bác hơi say nên rất vui vẻ. Bác nhìn tôi với vẻ thương hại triu mến của một ông thầy tốt bụng nhìn đứa học trò ngu dốt...

... Thỉnh thoảng tôi lại gặp Pavel Odintzov. Độ này nó càng ranh mãnh hơn trước, ăn vận rất diện, thường nói với tôi bằng giọng khoan dung và luôn luôn trách móc:

- Sao cậu lại làm cái nghề ấy? Cậu sẽ hỏng mất thôi, cái bọn bần nông ấy...

Rồi nó buồn rầu kể cho tôi nghe những tin tức ở xưởng:

- Jikharev vẫn luẩn quẩn với con bò cái ấy. Sitanov hình như có chuyện gì đau khổ lắm, anh ta bắt đầu uống rượu chết thôi. Còn Golovev thì bị chó sói ăn thịt rồi: Hôm lễ Giáng sinh, lão ta về nhà uống rượu say, thế là bị chó sói xơi mất!

Pavel vừa cười như nắc nẻ vừa sáng tác cho câu chuyện thêm khôi hài:

- Lũ chó sói chén xong và cũng bị say! Trở nên vui tính, chúng đi lại trong rừng bằng hai chân sau giống như chó làm xiếc và sữa ran. Đến hôm sau thì cả bầy sói chết hết!...

Nghe chuyện, tôi cũng cười. Nhưng tôi cảm thấy xưởng thợ cùng với những gì tôi trải qua ở đây đến nay đã trở thành kí ức

xa xưa. Điều đó khiến tôi buồn buồn.

Mùa đông, công việc ở hội chợ hầu như không có; để bù lại, ở nhà, cũng như trước đây, tôi đảm nhiệm vô số việc vặt vãnh. Những việc này choán hết thời gian cả ngày, chỉ có buổi tối là rỗi rãi. Tôi đọc cho nhà chủ nghe các tiểu thuyết tôi không thích trong tờ *Niva* và *Nhật báo Moskva*. Ban đêm tôi đọc những cuốn sách hay và tập làm thơ.

Một hôm, khi cánh đàn bà đi lễ, cậu chủ vì mệt nên ở nhà, cậu hỏi tôi:

- Viktor cười anh, nói là hình như anh làm thơ, đúng không, Peskov? Anh thử đọc xem nào!

Thấy từ chối không tiện, tôi đành đọc mấy bài thơ. Những bài này rõ ràng không làm cậu vừa lòng, nhưng cậu vẫn khuyến khích:

- Cố làm đi! Biết đâu sẽ trở thành Puskin cũng nên, anh đã đọc Puskin chưa?

Có thể nào chôn cất gia thần,

Có thể nào gả chồng phù thủy?^[174]

Trong thời đại ông ta, người ta còn tin vào gia thần, còn ông ta có lẽ không tin, chỉ giễu cợt thôi! Thật đấy, anh bạn ạ. – Cậu dài giọng, vẻ đăm chiêu. – Lẽ ra anh cần học, nhưng muộn mốt rồi! Có trời biết được anh sẽ xoay xỏa ra sao... Anh phải giấu quyển vở kĩ hơn nữa, không có cánh đàn bà mà nhúng vào thì anh mất ăn mất ngủ đấy... Anh bạn ạ, đàn bà thích chọc tức

người ta lắm...

Ít lâu nay cậu chủ trở nên lặng lẽ, hay trầm ngâm suy nghĩ và luôn nhìn quanh với vẻ lo ngại dè dặt, tiếng chuông reo cũng làm cậu hoảng sợ. Thỉnh thoảng cậu bỗng nổi nóng vì những chuyện nhỏ nhặt, quát tháo mọi người và bỏ đi, đến đêm khuya mới bò về, say mèm... Hình như trong đời cậu đã xảy ra một chuyện gì, ngoài cậu ra không ai biết, khiến cậu đau khổ, và giờ đây cậu sống với thái độ hoài nghi, miễn cưỡng, buông xuôi.

Ngày lễ, từ bữa trưa cho đến chín giờ, tôi đi chơi; tôi tôi tôi ngồi trong quán ăn ở phố Yamskaya. Lão chủ quán, to béo và lúc nào cũng đầm đìa mồ hôi, rất thích nghe hát. Những người hát ở hầu hết các nhà thờ biết thể và thường tụ tập ở chỗ lão. Họ hát xong, lão chủ mời họ uống vodka, bia, trà. Người hát toàn dân nát rượu, họ hát chẳng khoái hoạt, chẳng ra kiểu cách gì cả, chỉ cốt để được mời ăn, bài hát của họ thường là những bài thánh ca. Vì có nhiều khách nghiện rượu sùng đạo cho rằng quán ăn không phải là nơi để hát thánh ca nên có khi lão chủ mời họ tới phòng riêng; lúc ấy tôi chỉ còn nghe thấy tiếng hát qua khe cửa. Ở quán ăn, không hiếm bàn nông quê mùa và thợ thủ công tới hát. Chính lão chủ quán đích thân đi khắp thành phố tìm kiếm người hát, lão hỏi dò những người tốt giọng trong số nông dân đi chợ phiên và mời họ tới nhà.

Người hát bao giờ cũng ngồi cạnh bàn bán thức ăn nguội, gần cái thùng gỗ nhỏ đựng rượu vodka.

Người hát hay hơn cả, người luôn có những bài tôi thích nhất, là anh thợ da Kleshtchkov. Anh người nhỏ bé gầy còm, nét mặt ủ rũ, mái tóc hung xõa thành từng món, cái mũi nhỏ ánh lên như mũi người chết, cặp mắt ti hí ngái ngủ không động đậy.

Có lúc anh nhắm mắt, tựa gáy vào đáy thùng, ưỡn ngực ra rồi bắt đầu hát rất nhanh, giọng khe khẽ nhưng cao vút không ai địch nổi:

*Sương mù buông xuống cánh đồng khô,
Và che khuất những nẻo đường xa vắng...*

Đến đây anh đứng dậy, dựa vào bàn bán thức ăn, ưỡn người ra sau, mặt ngẩng lên trần nhà, miệng hát rất ý vị:

*Ôi, ta biết đi đâu, biết đi đâu,
Biết tìm đâu ra con đường rộng lớn?*

Giọng anh nhỏ nhưng khỏe khoắn, giống như một sợi dây bằng bạc luôn qua tiếng ồn ào hỗn loạn, những lời than thở buồn bã, những tiếng rên rĩ và kêu gọi của những người trong quán ăn. Ngay cả mấy kẻ say rượu cũng trở nên nghiêm nghị lạ thường, họ im lặng đăm đăm ngắm cái bàn trước mặt. Và tim tôi như vỡ tan, tràn đầy cảm xúc mạnh mẽ do những điệu nhạc tuyệt diệu làm rung động tâm hồn gợi nên.

Trong quán ăn, không khí trở nên yên tĩnh như ở nhà thờ, và người hát tựa như một linh mục hiền từ. Người hát không truyền đạo mà thực sự hết lòng cầu nguyện cho loài người, thành thật nghĩ đến và nói lên thành tiếng tất cả nỗi thống khổ của kiếp người. Từ bốn phía, những gương mặt râu ria chăm chú nhìn về phía anh ta; trên những khuôn mặt cục cằn, những cặp mắt trẻ thơ chớp chớp với vẻ đăm chiêu; thỉnh thoảng có người thở dài, tiếng thở dài càng làm nổi bật sức mạnh chiến thắng của bài ca. Trong những giờ phút ấy, tôi thường có cảm giác là tất cả mọi người đều sống một cuộc sống giả tạo, mòn mỏi, và giờ đây họ mới được biết cuộc sống thực của con người.

Mụ lái buôn Luissukha béo ị – một mụ đàn bà đánh đá và đi

thỏa ra mặt – ngồi ở góc phòng; mũ giấu đầu vào đôi vai béo nung núc và khóc, lén dùng nước mắt rửa cặp mắt trơ tráo. Cạnh mũ, anh Mitropolski, một tay chuyên hát giọng nam trung lúc nào cũng ủ rũ, gục xuống bàn. Anh là một chàng trai lực lưỡng, tóc rậm rạp, giống như thầy phụ lễ bị tước chức, cặp mắt mở to trên bộ mặt say rượu. Anh nhìn ly rượu vodka đặt trước mặt, cầm lấy ly rượu đưa lên miệng rồi lại khẽ đặt xuống bàn, vẻ thận trọng; không hiểu vì sao anh không thể uống cạn.

Tất cả mọi người trong quán ăn im lặng như lắng nghe một cái gì đã bị lãng quên từ lâu, một cái gì thân thiết và gần gũi với họ.

Khi Kleshtchkov kết thúc bài hát và nhũn nhận ngồi xuống ghế, lão chủ quán liền đưa cho anh một ly rượu, mỉm cười khoan khoái nói với anh:

- Chà, hay thật! Tuy anh hát ít ngâm nhiều, nhưng anh là một nghệ sĩ, đúng thế! Không ai có thể chối cãi được...

Kleshtchkov thông thả uống cạn cốc vodka, húng háng thận trọng và khẽ nói:

- Hát thì ai có giọng cũng đều có thể hát được, còn cách biểu hiện tình cảm trong bài hát thì không ai bằng tôi.

- Này, đừng tự phụ thế.

- Kể nào không có gì để tự phụ thì kể ấy chẳng tự phụ đâu. – Anh vẫn nói với giọng khe khẽ, nhưng có vẻ ngang bướng hơn.

- Anh kiêu căng lắm, Kleshtchkov ạ! – Lão chủ quán thốt lên, vẻ bức bối.

- Tôi không kiêu căng quá mức đâu...

Trong góc phòng, anh chàng ủ rũ chuyên hát giọng trung

gồm lên:

- Đò sâu bọ, đò nắm mốc, các người làm sao có thể hiểu nổi tiếng hát của vị thiên thần quái gở ấy?

Anh thường không tán thành ý kiến của tất cả mọi người, tranh cãi chống lại tất cả, tố cáo tất cả, vì thế mà hầu như ngày lễ nào anh cũng bị những người cùng nhóm hát và những ai có thể, những ai muốn, đánh đập một cách tàn nhẫn.

Lão chủ quán thích các bài hát của Kleshtchkov nhưng không thể chịu đựng nổi tính khí của anh ta; lão nói xấu anh trước mặt mọi người và công khai tìm cách mạt sát, chế giễu anh ta. Các khách quen của quán và chính Kleshtchkov cũng biết điều đó.

- Một tay hát hay, chỉ phải cái kiêu căng, cần phải sửa cho hẳn. – Lão nói.

Một số khách cũng tán đồng:

- Đúng đấy, thật là một chàng trai kiêu căng!

- Có đêch gì mà kiêu căng kia chứ? Giọng là do Chúa ban cho, có phải tự hẳn kiếm được đâu! Mà giọng thì có to gì cho cam? – Lão chủ quán khẳng định với vẻ ngang bướng.

Mấy người khách phụ họa:

- Đúng, vấn đề ở đây không phải là giọng, mà ở tài cán.

Có lần, khi Kleshtchkov hát mệt, đi rồi, lão chủ quán gợi ý cho mục Luissukha:

- Marya Evdokimova, chị nên chiêu chuộng Kleshtchkov, phung phí cho hẳn một ít có tốt không? Đối với chị thì có đáng là bao?

- Giá tôi trẻ hơn một chút. – Mụ lái buôn vừa nói vừa mỉm cười.

Lão chủ quán kêu to, vẻ nồng nhiệt:

- Tụi trẻ thì biết cái cóc gì? Chị cứ thử làm đi! Tôi thích xem hẳn quần lấy chị như thế nào! Hãy làm cho hẳn buồn phiền, như thế hẳn càng hát hay, phải không? Cứ thử làm đi, Evdokimova, tôi sẽ cảm ơn chị đấy, được chứ?

Nhưng mụ không nhận lời. Người to béo, mắt nhìn xuống, mụ vôn vê các tua khăn trên ngực, nói một cách uể oải và đơn điệu:

- Việc ấy phải người trẻ mới làm được. Giá tôi trẻ hơn thì chẳng do dự...

Hầu như bao giờ lão chủ quán cũng cố chuốc Kleshtchkov say, nhưng anh ta, sau khi hát hai ba bài, sau mỗi bài uống một cốc, liền lấy khăn đan quần cổ kĩ lưỡng, đội thật chặt mũ lên mái đầu bù xù rồi ra về.

Lão chủ quán thường cố công tìm đối thủ để đọ với Kleshtchkov; anh thợ da hát xong một bài, lão khen ngợi và nói, vẻ hồi hộp:

- Nhân tiện, hôm nay có thêm một ca sĩ vừa mới đến! Nào, xin mời cứ việc biểu diễn!

Người mới đến đôi khi có giọng tốt, nhưng tôi không thấy có ai hát một cách giản dị và gợi cảm như anh thợ da bé nhỏ và xấu xí đó...

- Chà. – Lão chủ quán nói với vẻ tiếc rẻ. – Hay đấy! Cái chính là giọng thì được, còn tình cảm thì...

Những người nghe đều cười nhạo:

- Không, rõ ràng là không ai địch nổi anh thợ da dâu!

Kleshtchkov nhìn tất cả mọi người từ dưới cặp lông mày màu hung tách thành từng dùm, điềm tĩnh và lịch thiệp nói với lão chủ quán:

- Ông chỉ mất thì giờ thôi. Ông không thể tìm được người nào địch nổi tôi đâu, tài năng thiên bẩm của tôi là nhờ Chúa ban cho...

- Tất cả chúng ta đều nhờ Chúa mà có cả!

- Ông cứ bỏ tiền ra mua rượu đến hết nghiệp cũng vẫn không tìm được ai đâu.

Lão chủ quán đỏ mặt, lẩm bẩm:

- Để xem, để xem...

Kleshtchkov kiên tâm nói cho lão rõ:

- Tôi phải nói thêm với ông rằng ca hát không giống như chọi gà đâu...

- Tôi biết rồi! Sao anh nói dai thế?

- Tôi không nói dai, chỉ muốn giảng giải cho ông rõ: Nếu hát là một trò đùa thì đó chỉ là việc của quý sứ thôi!

- Thôi được! Tốt hơn cả hãy hát nữa đi...

- Hát thì lúc nào tôi cũng có thể hát được, thậm chí ngay cả trong giấc mơ. – Kleshtchkov tán thành, khẽ ho một tiếng và bắt đầu hát.

Thế là tất cả những chuyện nhỏ mọn, tất cả những lời lẽ và ý định thấp hèn, tất cả những cái tầm thường, những điều dung tục trong quán ăn đều tiêu tan thành mây khói; một cuộc sống khác tràn đến với tất cả mọi người – mơ màng, trong sạch, đầy

tình yêu và nỗi buồn.

Tôi thèm muốn được như con người ấy, thèm muốn tài năng, uy lực của anh: Anh sử dụng uy lực ấy một cách thật kì diệu! Tôi muốn làm quen với anh thợ da, muốn trò chuyện cùng anh thật lâu, nhưng tôi không dám đến gần anh. Kleshtchkov nhìn tất cả bằng cặp mắt mờ đục lạ kì, dường như không thấy ai trước mặt. Và ở anh như có cái gì khiến tôi khó chịu, khiến tôi không thể mến anh được; mà tôi thì muốn yêu mến con người ấy không chỉ riêng khi anh hát. Tôi khó chịu nhất khi thấy anh kéo cái mũ cát kết xuống tận tai kiểu ông cụ và quấn cái khăn đan đỏ vào cổ như khoe với mọi người. Anh nói về cái khăn đó như sau:

- Cái khăn này là do một cô gái đáng yêu đan tặng tôi, một cô gái...

Khi không hát, anh thường làm ra vẻ quan trọng, lấy ngón tay xoa cái mũi lạnh cóng như xác chết, và nếu có ai hỏi thì chỉ trả lời nhát gừng, miễn cưỡng. Có lần tôi ngồi cạnh anh và hỏi anh một câu gì đó, anh không nhìn tôi, đáp:

- Thằng ranh, cút đi!

Tôi thích anh Mitropolski hát giọng trung hơn nhiều: Khi đi đến quán ăn, anh này thường lại một góc, dáng lặc lè như người mang vác nặng, lấy chân kéo ghế rồi ngồi xuống, chống khuỷu lên bàn, bàn tay đỡ lấy cái đầu to xù. Sau khi im lặng uống hai ba ly rượu, anh đằng hắng mạnh một tiếng. Mọi người giật mình, quay sang nhìn anh, còn anh thì chống cằm vào lòng bàn tay, nhìn lại mọi người với vẻ thách thức. Mớ tóc bù xù giống như cái bờm ngựa xõa xuống khuôn mặt nâu xám sừng phù.

- Ngó cái gì? Thấy cái gì nào? – Đột nhiên anh hỏi với giọng

khàn khàn.

Đôi khi người ta đáp:

- Thấy cái thằng người rừng!

Có những tối anh chỉ im lặng uống rượu rồi lẳng lẳng ra về, chân lê giày vẻ nặng nề, nhưng cũng có vài lần tôi nghe thấy anh nhái giọng nhà tiên tri, lên án:

- Tôi là bầy tôi liêm chính của Chúa, tôi tố cáo các người như Isaiah^[175]! Tai họa cho thành phố Ariel, vì ở đây những kẻ xấu bụng, những kẻ bịp bợm và bè lũ ti tiện sống trong lớp bùn nhơ của các đục vọng đê hèn! Tai họa cho những con đường thủy bộ, bởi chúng chở đi khắp nơi những kẻ đê mạt, nghĩa là các người – những tên nghiện rượu, lũ phàm ăn, lớp cận bã của thế giới – những kẻ đáng nguyên rủa, các người đông vô kể, và ngay cả đất mẹ cũng sẽ không dung chứa các người trong lòng đâu!

Giọng anh rít lên đến nỗi kính cửa sổ cũng rung lên thành tiếng. Những người nghe rất thích, họ khen “nhà tiên tri”:

- Cái con sói xồm kia, nó sủa mới dữ chứ!

Chỉ cần mời anh ăn là có thể làm quen với anh rất dễ dàng; anh yêu cầu một bình rượu vodka và một suất gan bò rắc ớt – món ăn mà anh rất ưa thích, nó đốt cháy miệng anh và tất cả ruột gan. Khi tôi hỏi anh cần phải đọc những cuốn sách nào, anh trả lời bằng một câu hỏi với vẻ hung dữ và không nể nang:

- Đọc để làm gì?

Thấy tôi có vẻ bối rối, anh lại nói, giọng ôn tồn hơn:

- Đã đọc Ecclesiastes^[176] chưa?

- Đọc rồi.

- Thế thì đọc lại! Ngoài ra không cần đọc gì hơn, trong đây tập trung tất cả trí tuệ của thế giới, chỉ có lũ cừu ngốc nghếch là không hiểu điều đó thôi, tức là chẳng ai hiểu đâu... Cậu là ai, đi hát à?

- Không.

- Tại sao? Cần phải hát. Đó là việc vô nghĩa nhất.

Ở bàn bên cạnh có người hỏi:

- Nhưng chính cậu cũng hát cơ mà?

- Phải, tôi là kẻ vô công rồi nghề! Rồi sao nữa?

- Không sao cả.

- Chẳng mới lạ gì! Tất cả đều biết rõ rằng trong đầu óc cậu chẳng có gì cả. Mà cũng không bao giờ có được cái gì đâu! Amen!

Anh ăn nói với tất cả mọi người bằng giọng ấy, tất nhiên với tôi cũng vậy, mặc dù sau hai lần mời ăn, anh bắt đầu cư xử với tôi có vẻ dịu dàng hơn, thậm chí có lần anh nói với vẻ ngạc nhiên:

- Tớ nhìn cậu mà không hiểu: Cậu là cái gì, cậu là ai và cậu sống để làm gì? Nhưng thôi... Mặc xác cậu!

Thái độ của anh đối với Kleshtchkov thật khó hiểu: Anh lắng nghe anh ta hát với vẻ rất hứng thú, thậm chí có lúc còn mỉm cười âu yếm; nhưng anh không làm quen với Kleshtchkov và nói về anh ta với thái độ thô lỗ và khinh bỉ:

- Hắn là thằng ngốc! Hắn biết cách thở, hắn hiểu những lời hắn hát, nhưng đầu sao hắn vẫn là con lừa!

- Tại sao?

- Bản chất hẳn là như vậy.

Tôi muốn nói chuyện với anh lúc anh không say rượu, nhưng lúc không say anh chỉ kêu rống lên, nhìn mọi người bằng cặp mắt lơ đãng và buồn rầu. Nghe nói con người suốt đời say rượu ấy từng học ở trường đại học Kazan và lẽ ra đã trở thành giám mục – tôi không tin điều đó. Nhưng có lần, khi kể cho anh nghe về bản thân, tôi nhắc đến giáo sĩ Chrisanthe, anh gật đầu và nói:

- Chrisanthe? Tôi biết. Đó là thầy dạy của tôi và là một người tốt. Ông ta ở viện đại học Kazan, tôi còn nhớ! Chrisanthe có nghĩa là màu hoàng kim, theo đúng nghĩa như lời của Pavm Beruinda^[177]. Đúng, ông ta có màu hoàng kim thật. Chrisanthe!

- Thế Pavm Beruinda là ai? – Tôi hỏi.

Mitropolski chỉ trả lời vắn tắt:

- Không phải việc của cậu.

Về nhà, tôi ghi vào quyển vở của tôi: “Nhất định phải đọc Pavm Beruinda”; hình như là việc đọc Beruinda sẽ giúp tôi tìm được câu trả lời cho nhiều câu hỏi đã giày vò tôi.

Mitropolski rất thích dùng những chữ kì quái, những tên bí ẩn; điều đó khiến tôi rất bực mình.

- Cuộc sống không phải là “aniso”! – Anh nói.

Tôi hỏi:

- Aniso là ai?

- Có ích. – Anh đáp.

Thắc mắc của tôi càng làm anh thích thú.

Những tiếng kì lạ này và việc anh học ở viện đại học khiến tôi

cho rằng anh biết nhiều, và tôi bực mình vì anh không nói gì cả, mà có nói thì cũng toàn những lời khó hiểu. Có thể là tôi không biết cách hỏi anh chẳng?

Dù sao anh cũng để lại trong tâm hồn tôi một điều gì đó; tôi thích anh trong lúc say rượu đã nói những lời tố cáo gan dạ, nấp dưới danh nhà tiên tri Isaiah.

- Ôi, trên trái đất này toàn đồ cặn bã và hôi thối! – Anh rống lên. – Trong số các người, có những đứa rất tồi lại có danh vọng, còn những người rất tốt thì bị xua đuổi; rồi cái ngày khủng khiếp sẽ đến, lúc ấy các người sẽ hối hận về chuyện đó, nhưng đã muộn rồi, muộn rồi!

Khi nghe anh rống như vậy, tôi nhớ đến bác Tốt Lắm, nhớ đến chị thợ giặt Natalya sa ngã một cách tội nghiệp và dễ dàng, nhớ đến Nữ hoàng Margot phải sống giữa những đơm đặt bỉ ổi; không thiếu chuyện anh gợi tôi nhớ lại...

Tình bạn ngắn ngủi của tôi với con người ấy kết thúc một cách kì lạ.

Một sáng mùa xuân, tôi gặp anh ngoài cánh đồng gần doanh trại, dáng anh bước đi như con lạc đà, đầu lắc lư, người sưng phù, vẻ cô độc.

- Đi chơi à? – Anh hỏi, giọng khàn khàn. – Chúng ta cùng đi nhé. Tớ cũng đi dạo. Anh bạn ạ, tớ bị ốm, chà...

Chúng tôi im lặng đi được mấy bước thì bỗng nom thấy một bóng người dưới hố cạnh một lều vải; hấn ngồi dưới đáy hố, người vẹo sang một bên, vai tựa vào thành hố, một bên áo bành tô xệch lên quá mang tai, hết như hấn muốn cởi ra nhưng không được.

- Thằng cha say rượu. – Mitropolski nói và dừng lại.

Nhưng gần cánh tay người này, trên đám cỏ non, có một khẩu súng lục lớn; cạnh đó là một chiếc mũ lưỡi trai, và sát ngay chiếc mũ, một chai rượu vodka đang uống dở, cổ chai rỗng lấp trong đám cỏ xanh. Khuôn mặt người đó lẩn dưới áo bành tô, dường như hổ thẹn.

Chúng tôi đứng im lặng một lát, sau đó Mitropolski dạng chân ra và nói:

- Tự sát.

Tôi hiểu ngay rằng người kia không say rượu, anh ta đã chết rồi, nhưng điều đó đột ngột đến nỗi khó mà tin được. Tôi nhớ lúc ấy tôi không cảm thấy sợ hãi và thương xót khi nhìn cái sọ người to lớn, nhả nhụi thò ra từ dưới cái áo bành tô, và cả cái tai xanh lè nữa. Tôi không tin rằng ai đó lại có thể tự sát trong một ngày xuân dịu dàng như vậy.

Mitropolski lấy mu bàn tay xoa mạnh lên đôi má chưa cạo như thể bị lạnh, nói giọng khàn khàn:

- Một người đứng tuổi. Chắc là vợ bỏ đi, hoặc hắn đã ăn tiêu phung phí tiền của người khác...

Anh cử tôi về thành phố tìm cảnh sát, còn anh thì ngồi ở miệng hồ, hai chân buông thõng xuống, xuýt xoa co ro trong cái áo bành tô cũ nát. Sau khi báo tin cho cảnh sát về vụ tự sát, tôi lập tức chạy trở lại, nhưng trong thời gian đó Mitropolski đã uống nốt chỗ rượu vodka của người chết, và khi đón tôi, anh giơ cái chai rỗng vẫy vẫy.

- Đây, chính cái này đã giết hại hắn! – Anh rống lên, đập tan cái chai với vẻ tức giận.

Viên cảnh sát chạy theo sau tôi, liếc nhìn xuống hồ, bỏ mũ ra, do dự làm dấu thánh rồi hỏi Mitropolski:

- Anh là ai?

- Không phải việc của anh...

Viên cảnh sát suy nghĩ một lát rồi hỏi với thái độ lịch thiệp hơn:

- Thế là thế nào? Ở đây có người chết, mà anh ngồi bên cạnh uống rượu à?

- Tôi đã uống rượu hai mươi năm nay rồi! – Mitropolski vỗ ngực kiêu hãnh.

Tôi tin rằng nhất định anh sẽ bị bắt vì tội uống trộm rượu của người chết. Một đám người từ thành phố chạy tới; viên cảnh sát trưởng hà khắc đi xe ngựa đến, nhảy xuống hố, khẽ nhấc cái áo bành tô của người chết lên và nhìn vào mặt người đó.

- Ai là người đầu tiên trông thấy?

- Tôi. – Mitropolski đáp.

Viên cảnh sát trưởng nhìn anh và kéo dài giọng như báo trước điều chẳng lành:

- A... a, xin chào ngài!

Đám đông hiếu kì tụ tập quanh hiện trường lên tới mười lăm người; họ thở hổn hển, nhón nháo, nhòm xuống hố và chạy quanh miệng hố. Có người kêu lên:

- Đó là một công chức ở phố chúng tôi, tôi biết ông ta!

Mitropolski lão đảo đứng trước mặt viên cảnh sát trưởng, anh bỏ mũ cát két xuống và vừa tranh cãi với hắn vừa phát ra những tiếng khàn khàn, không rõ ràng; sau đó viên cảnh sát trưởng hích vào ngực anh, anh lão đảo, ngồi phịch xuống. Viên

cảnh sát từ từ rút sợi dây từ trong túi, trói hai cánh tay ngoan ngoãn mà Mitropolski vẫn quen khoanh sau lưng. Viên cảnh sát trưởng tức giận quát tháo đám người đang bu quanh:

- Cút đi! Lũ đốn mạt...

Lại thêm một viên cảnh sát già, mắt đỏ lèm nhèm và mồm há hốc thở hồng hộc vì vội chạy đến; lão cầm một đầu dây và dẫn anh về thành phố.

Tôi cũng rời khỏi cánh đồng, lòng nặng trĩu, trong trí óc ngân lên những lời quở như một tiếng vang không rõ ràng: “Tai họa cho thành phố Ariel!...”

Trước mắt tôi hiện ra một cảnh tượng nặng nề: Viên cảnh sát từ từ móc trong túi áo ba đờ xuy^[178] ra một sợi dây, “nhà tiên tri dữ dội” ngoan ngoãn khoanh hai cánh tay đỏ tía đầy lông lá ra sau lưng và bắt chéo hai bàn tay lại một cách khéo léo...

Ít lâu sau tôi được biết “nhà tiên tri” ấy đã bị trục xuất khỏi thành phố. Sau đó anh Kleshtchikov cũng biến mất; anh lấy được một bà vợ giàu có và dọn về huyện ở, mở một xưởng làm đồ da.

... Tôi hết sức tán dương các bài hát của anh thợ da với cậu chủ, đến nỗi có lần cậu bảo:

- Cần phải nghe anh ta hát mới được...

Thế là cậu đã trở mặt ngồi sau chiếc bàn con, đối diện với tôi, nhướn cặp lông mày lên, vẻ kinh ngạc.

Trên đường tới quán ăn, cậu cười nhạo, và những phút đầu tiên vào quán cậu vẫn chế giễu tôi, chế giễu đám người nghe và thứ mùi ngọt ngào trong quán. Khi anh thợ da bắt đầu hát, cậu mỉm cười vẻ châm biếm và rót bia vào cốc; nhưng rót được nửa

cốc thì cậu ngừng lại:

- Ô... Đồ quý quái!

Tay cậu run run, cậu khẽ đặt chai bia xuống và chăm chú nghe:

- Chà, anh bạn ạ... – Khi Kleshtchkov hát xong, cậu thở dài. – Quả thật anh ta hát khá lắm... Mẹ kiếp! Thậm chí mình phát nóng lên.

Anh thợ da lại cất tiếng hát, đầu ngẩng, mắt nhìn lên trần nhà:

*Cô gái trẻ một làng giàu có,
Trên đường đi băng giữa cánh đồng...*

- Hát hay thật... – Cậu chủ nói khẽ, gật gật và mỉm cười.

Kleshtchkov ngân lên như tiếng sáo:

Cô gái đẹp xinh mới trả lời:

- Tôi mồ côi, tôi chẳng còn ai...

- Hay tuyệt. – Cậu chủ thì thầm, nhấp nháy cặp mắt đỏ ngầu.
– Chà, quý quái... Hay thật!

Tôi nhìn cậu và rất hài lòng; những lời ca nức nở át cả tiếng ồn ào của quán ăn vang lên ngày càng mạnh, càng hay, càng tâm tình:

*Quê làng tôi sao cô đơn quá!
Có ai mời tôi dự tối vui?
Tôi nghèo khổ, áo xiêm đâu có,
Đâu xứng đôi với các chàng trai!
Một người góa hỏi tôi làm vợ,*

Nhưng tôi đâu khuất phục mệnh trời!

Cậu chủ khóc một cách ngon lành; cậu cúi đầu, khịt khịt cái mũi khoằm, nước mắt lã chã trên hai đầu gối.

Sau bài hát thứ ba, cậu nói, giọng cảm động và hình như có vẻ ngập ngừng:

- Tôi không thể ngồi đây được nữa, tôi ngạt thở, nặng mùi quá, quỷ quái thật... về nhà đi!

Nhưng ra ngoài phố, cậu lại đề nghị:

- Peskov, đi tới nhà hàng nào ăn lót dạ cái đã... Tôi không muốn về nhà!

Không mặc cả, cậu ngồi luôn lên một chiếc xe và suốt dọc đường cậu im lặng không nói không rằng. Tới nhà hàng, cậu chọn cái bàn con ở góc và lập tức nói khe khẽ, mắt nhìn quanh, vẻ buồn buồn, tức giận:

- Con dê ấy làm cho lòng tôi nhức nhối, khiến tôi thấy buồn bã vô cùng... Không, anh có đọc sách, có suy nghĩ, anh hãy nói đi, cuộc sống quỷ quái này là thế nào? Sống mãi, sống hoài, bốn mươi tuổi đã qua rồi, có vợ có con mà vẫn không có ai để trò chuyện. Có những lần tôi muốn thổ lộ tâm tình, muốn nói ra hết, nhưng không biết nói với ai! Nói với vợ ư, cô ta không hiểu tôi... Cô ta là cái gì? Công việc của cô ta là con cái... Là việc nội trợ! Cô ta không hiểu được tôi. Như người ta thường nói, vợ chỉ là người bạn cho đến khi sinh đứa con đầu lòng thôi... Nhà tôi, nói chung... như anh thấy đấy... chỉ là một xác thịt vô tri vô giác, có biết đâu đến chuyện thơ ca, tâm tình^[179], mẹ kiếp! Buồn thật, anh bạn ạ...

Cậu hồi hả uống cạn một cốc bia lạnh đấng, im lặng một lát, vuốt mái tóc dài ra sau rồi tiếp:

- Nói chung, anh bạn ạ, con người ta là đồ đê tiện! Anh thường trò chuyện với các bạn nông về chuyện này chuyện nọ... Tôi hiểu lắm, rất nhiều cái sai trái, nhiều chuyện đều giả, đúng như vậy đấy, anh bạn ạ... Toàn lũ kẻ cắp cả! Thế anh tưởng họ hiểu lời nói của anh đấy phỏng? Hiểu cóc gì! Thật đấy! Bọn họ, Pyotr, Osip, toàn là bọn kẻ cắp cả! Họ kể với tôi mọi chuyện, từ chuyện anh nói về tôi ra sao đến đủ chuyện khác... Thế nào, anh bạn?

Tôi ngẩn người, yên lặng.

- Chuyện đời như vậy đấy! – Cậu chủ vừa nói vừa mỉm cười. – Anh định đi Ba Tư là đúng, ở đây ngôn ngữ bất đồng, chẳng ai hiểu ai! Còn nói bằng tiếng mẹ đẻ thì rất những chuyện đều giả thôi!

- Bác Osip kể về cháu à? – Tôi hỏi.

- Phải! Anh tưởng thế nào? Hắn là tay ba hoa, nói nhiều hơn tất cả mọi người. Anh bạn ạ, hắn giảo quyệt lắm... Không, Peskov ạ, lời nói không ăn thua gì đâu! Còn nói thật ư? Nói thật để làm gì? Việc nói thật cũng giống như tuyết mùa thu vậy, rơi xuống bùn rồi tan ra ngay. Bùn lại càng nhiều thêm. Tốt hơn hết là anh hãy im lặng...

Cậu uống hết cốc bia này đến cốc bia khác, nhưng vẫn không say, cậu nói mỗi lúc một nhanh và với vẻ tức giận hơn:

- Tục ngữ có câu: “Lời nói không phải là dao trổ, im lặng mới là vàng”. Ôi, anh bạn ạ, buồn quá, buồn quá... Hắn ta hát rất đúng: “Quê làng tôi, sao cô đơn quá”, cảnh cô cút của con người...

Cậu nhìn quanh một lượt rồi hạ giọng:

- Tôi có tìm được... một người bạn gái chân thành, một người

đàn bà góa ở gần đây: Chồng cô bị kết án đi Siberia vì tội làm tiền giả, bây giờ hắn đang ngồi tù ở đây. Tôi làm quen với cô... Cô nghèo lắm, một xu dính túi cũng không có. Cô ấy... Anh biết không... Mẹ tôi đã giới thiệu tôi với cô... Cô là một người thật đáng yêu! Một cô gái đẹp, trẻ... Thật là tuyệt diệu! Gặp nhau đôi lần. Sau đó tôi nói với cô: “Thế là thế nào, chồng cô là một kẻ gian, chính cô cũng sống không được ngay thật, vậy cô đi theo hắn tới Siberia để làm gì kia chứ?” Nhưng anh xem, cô vẫn một lòng một dạ theo hắn, đúng thế đấy... Cô nói với tôi thế này: “Dù anh ấy thế nào chẳng nữa, em vẫn cứ yêu anh ấy, đối với em, anh ấy là người tốt! Có thể vì em mà anh ấy đã phạm tội! Em dan díu với anh cũng vì anh ấy, anh ấy cần phải có tiền, anh ấy là một quý tộc, và đã quen sống sung sướng. Nếu chỉ có một mình em thì có lẽ em sẽ sống ngay thật. Anh là một người tốt, em cũng rất mến anh, nhưng chỉ mong anh đừng nói với em về chuyện đó...” Mẹ kiếp! Tôi đưa cho cô tất cả những gì có trong người – tám mươi rúp cùng mấy đồng tiền lẻ – và nói: “Xin cô tha lỗi cho... Tôi không thể nào gặp cô được nữa, không thể nào!” Thế là tôi bỏ đi...

Cậu im lặng, ngà ngà say, người hơi ngã xuống. Một lát, cậu lấp bắp:

- Tôi đã đến với cô ấy sáu lần... Anh không thể hiểu nổi đâu! Có lẽ còn đến sáu lần nữa tôi mò đến gần nhà cô... nhưng không dám vào... không thể vào được! Bây giờ cô ấy đã đi rồi...

Cậu đặt tay lên bàn, ngón tay động đậy, nói khẽ:

- Miễn là tôi không gặp lại cô ta... Mong Chúa giúp cho tôi... Nếu không thì mọi việc sẽ đi đứt! Thôi, về nhà... về đi thôi!

Chúng tôi ra ngoài, cậu bước lão đảo, miệng càu nhàu:

- Thế đấy, anh bạn ạ...

Câu chuyện cậu kể không khiến tôi ngạc nhiên: Từ lâu tôi đã linh cảm thấy nhất định đã có chuyện gì khác thường xảy ra với cậu.

Nhưng tôi thấy rất nặng nề sau khi nghe những điều cậu nói về cuộc sống, nhất là những lời của cậu về bác Osip.

Ba năm trời tôi sống ở cái thành phố chết ấy, giữa những tòa nhà rỗng, làm “độc công” trông coi thợ thuyền, cứ mùa thu thì phá các cửa hiệu thô kệch bằng đá đi và mùa xuân thì xây lại như cũ.

Cậu chủ rất chú ý tận dụng sức lực của tôi cho xứng đáng với số tiền công năm rúp. Nếu cửa hiệu đang xây cần lát sàn, tôi phải đào toàn bộ bề mặt sàn xuống sâu một *arshin* và đổ đất đi. Bọn dân nghèo nhận làm việc này được trả một rúp, còn tôi không được gì cả. Nhưng vì bạn làm việc ấy, tôi không có thì giờ theo dõi mấy tay thợ mộc; họ tháo ổ khóa, quả đấm cửa, ăn cắp đủ thứ lật vật.

Cả thợ lẫn thầu khoán đều cố tìm đủ mọi cách đánh lừa tôi để xoay đồ. Họ làm việc đó một cách công khai. Mỗi khi tôi bắt được quả tang, họ không hề tức giận, chỉ ngạc nhiên:

- Anh có cố gắng đến đâu cũng chỉ được năm rúp thôi, có được hai mươi rúp đâu. Thật nực cười!

Tôi bảo với cậu chủ rằng cậu được lợi của tôi một rúp tiền công thì thường bị mất gấp mười, nhưng cậu nháy mắt và nói:

- Thôi được, cứ vờ vẹt mãi!

Tôi biết cậu nghi ngờ tôi cũng tham dự vào việc ăn cắp, điều đó khiến tôi có ác cảm với cậu, nhưng tôi không tức giận. Thói đời thường vậy: Tất cả đều ăn cắp, ngay cả cậu chủ cũng thích lấy của người khác.

Sau hội chợ, cậu chủ đi xem xét các cửa hiệu mà cậu nhận sửa chữa, khi trông thấy một cái ấm *samovar* bị bỏ quên, bát, đĩa, một tấm thảm, một cái kéo, có khi cả một hòm đồ hoặc một gói hàng, cậu mỉm cười:

- Anh lập một bản danh sách các đồ đạc và đem thu tất cả vào kho.

Rồi từ nhà kho cậu chở các thứ ấy về nhà mình, bắt tôi sửa đi sửa lại nhiều lần bản kê khai đồ đạc...

Tôi không thích đồ đạc, tôi không muốn sở hữu một thứ gì cả, ngay cả sách vở cũng khiến tôi cảm thấy chật chội. Tôi chẳng có gì ngoài tập sách nhỏ của Beranger và tập thơ của Heine^[180]. Tôi muốn có một tập thơ của Puskin, nhưng lão bán sách cũ duy nhất của thành phố, một lão già độc ác, đã đòi cuốn Puskin ấy với giá quá cao. Đồ đạc, thảm, gương... và tất cả những thứ chất đầy căn nhà cậu chủ, tôi đều không thích. Những hình thù vụng về, thô kệch, mùi sơn, mùi véc ni, tất cả đều khiến tôi thấy khó chịu. Nói chung tôi không thích các căn phòng của nhà chủ: Chúng giống những cái hòm chất đầy những thứ thừa thãi, không cần thiết. Tôi rất khó chịu khi thấy cậu chủ tha đồ đạc của người khác về, làm tăng dần xung quanh mình số lượng những món vô ích. Các phòng của Nữ hoàng Margot cũng chật chội, vậy mà đẹp đẽ biết bao.

Nói chung, tôi thấy cuộc sống rất rời rạc, vô nghĩa, có quá nhiều điều rõ thật là ngu xuẩn. Chúng tôi xây dựng các cửa hiệu, rồi đến mùa xuân, nước lũ tràn về, tất cả ngập trong nước, lở nền nhà, hỏng hết các cửa. Khi nước rút, xà nhà mục nát. Năm này qua năm khác, hàng chục năm nay, nước ngập hội chợ, làm hư hỏng các tòa nhà, đường lát. Nạn lụt hằng năm ấy gây nhiều thiệt hại lớn, và ai cũng biết trước rằng chuyện ấy

sẽ còn tái diễn mãi.

Mỗi mùa xuân đến, băng trôi phá hỏng hàng chục sà lan và tàu nhỏ. Người ta than thở rồi lại đóng những con tàu mới, để rồi sang năm bị băng trôi phá vỡ. Tình trạng giậm chân tại chỗ ấy thật là vô nghĩa!

Tôi hỏi bác Osip về điều ấy, bác ngạc nhiên cười phá lên:

- Chà, anh như là con giang ấy, cái gì cũng muốn đớp! Chuyện ấy anh cần biết làm quái gì kia chứ? Nó có liên quan gì đến anh đâu?

Nhưng ngay sau đó bác lại nói, giọng nghiêm nghị hơn; tuy vậy trong cặp mắt xanh, trong và không có vẻ già nua chút nào vẫn ánh lên vẻ giễu cợt:

- Anh nhận xét xác đáng đấy! Cho rằng nó không liên can gì đến anh, nhưng có thể cũng có ích! Anh có còn chú ý thấy rằng...

Rồi bác kể bằng những lời lẽ hơi khô khan, thường chen vào các câu khôi hài, những so sánh đột ngột và đủ thứ chuyện tếu táo:

- Người ta thường than vãn: Ít đất quá! Đến mùa xuân, sông Volga bồi hai bờ sông, có thêm đất nhưng khiến lòng sông nông hơn. Lúc ấy họ phàn nàn: Sông Volga nông quá! Rồi thì dòng nước lũ và những trận mưa mùa hè gây xói lở, sông lại sâu và đất lại ít!

Bác không tỏ vẻ thương xót cũng không có ác ý, dường như bác tự hào về nhận xét xác đáng của mình. Mặc dù những lời của bác trùng với ý nghĩ của tôi, tôi vẫn không thích nghe.

- Anh có còn chú ý thấy rằng: Những đám cháy...

Tôi nhớ hình như không mùa hè nào phía bên kia sông Volga không có cháy rừng. Hằng năm, vào tháng Bảy, bầu trời bị che kín bởi một đám khói vàng đục; mặt trời đỏ tía như một con mắt đau nhìn xuống mặt đất.

- Rừng rú không có nghĩa lí gì cả. – Bác Osip nói. – Đó là tài sản của quý tộc hoặc của nhà nước; bọn bản nông làm gì có rừng. Thành phố có cháy cũng không quan trọng lắm; ở thành phố toàn là bọn giàu có, không nên thương chúng nó! Anh cứ thử đếm trong một mùa hè có biết bao nhiêu thôn xóm, làng mạc bị cháy! Có lẽ không dưới một trăm, đó mới thật là một sự tổn thất!

Bác khẽ cười:

- Có tài sản, nhưng không biết sử dụng! Cứ theo anh với tôi thì người ta làm việc không phải cho bản thân, không phải vì ruộng đất, mà cho lửa và nước!

- Tại sao bác lại cười?

- Tại sao à? Không thể dùng nước mắt dập tắt đám cháy được, và nước mắt cũng không làm dữ thêm dòng nước lũ!

Tôi biết lão già dễ thương này là người thông minh nhất trong số những người mà tôi gặp, nhưng tôi không biết được bác thích cái gì, ghét cái gì.

Tôi suy nghĩ về điều đó, còn bác tiếp tục nói, lời bác như những thanh đóm khô ném vào ngọn lửa trong lòng tôi:

- Anh xem đây, người ta thường ít giữ sức, cả sức mình lẫn sức người khác. Ông chủ xài phí sức của anh như thế nào? Người ta cần rượu vodka để làm gì? Không thể nào tính nổi, cái đó vượt quá mọi trí tuệ uyên bác... Một căn nhà gỗ bị cháy thì có thể dựng lại một ngôi nhà khác, thế nhưng một bản nông tốt

bị sa ngã một cách vô ích thì không gì có thể cứu vớt được! Ardalion hay Grisha chẳng hạn, hãy xem lão bản nông ấy sa ngã^[181] như thế nào! Grisha tuy hơi ngốc nhưng là một bản nông thành tâm! Hắn bốc khói như một bó rơm vậy. Mấy mụ đàn bà xông vào xâu xé hắn tựa những con bọ xâu xé một xác chết trong rừng.

Tôi hỏi bác với vẻ tò mò, không tỏ ra tức giận:

- Bác kể với cậu chủ những ý nghĩ của cháu để làm gì?

Bác bình tĩnh giải thích, thậm chí có vẻ dịu dàng:

- Để ông ấy biết anh có những ý nghĩ tai hại như thế nào mà dạy bảo anh; ngoài ông chủ ra thì còn có ai dạy bảo anh nữa? Tôi nói với ông ấy không phải với ác ý gì, chỉ do tình thương của tôi với anh mà thôi. Anh không phải kẻ ngốc, nhưng đầu óc anh đã bị ma quỷ xáo trộn rồi. Anh có lấy cắp tôi cũng im lặng, có đi với gái tôi cũng im lặng, có uống rượu tôi cũng không nói ra! Nhưng những cái bướng bỉnh của anh thì bao giờ tôi cũng nói lại với ông chủ, anh nên biết thế...

- Tôi sẽ không nói chuyện gì với bác nữa!

Bác im lặng, lấy móng tay cạy nhựa cây khỏi lòng bàn tay rồi liếc nhìn tôi bằng cặp mắt dịu dàng:

- Nói dối, nhất định anh sẽ còn nói! Ngoài tôi ra còn ai để anh nói chuyện nữa? Không có ai cả...

Bỗng nhiên tôi cảm thấy bác Osip sạch sẽ và gọn gàng ấy giống anh thợ đốt lò Yaakov, mang vẻ bàng quan với mọi thứ trên đời.

Có lúc bác giống lão già thông thái Pyotr Vassiliep, có lúc giống bác đánh xe ngựa Pyotr, đôi lúc có nét giống ông ngoại

tôi; nói chung, ở khía cạnh này hay khía cạnh khác, bác giống tất cả các ông già tôi đã từng gặp. Họ đều là những ông già rất thú vị, nhưng không thể sống với họ được, thật nặng nề và khó chịu. Như thể họ gặm mòn tình cảm của con người, những lời lẽ thông minh của họ bao bọc trái tim bằng một lớp gỉ màu hung đỏ. Bác Osip là người tốt ư? Không phải. Là người độc ác ư? Cũng không. Bác là một người thông minh, điều đó thì tôi rõ. Nhưng trí tuệ thông minh linh hoạt đáng kinh ngạc ấy đã làm tiêu tan sự hăng hái của tôi, cuối cùng tôi bắt đầu cảm thấy thù ghét bác.

Trong đầu tôi sôi sục những ý nghĩ đen tối: “Tất cả mọi người đều là người dưng nước lã, dù họ có những lời nói và nụ cười âu yếm với nhau. Trên trái đất này tất cả đều là người xa lạ. Hình như không có ai gắn bó với trái đất bằng một tình yêu vững chắc. Chỉ có một mình bà ngoại là yêu cuộc sống và yêu tất cả. Bà và Nữ hoàng Margot xinh đẹp.”

Đôi lúc những ý nghĩ ấy và những ý nghĩ tương tự quyện với nhau như một đám mây đen: Cuộc sống trở nên ngọt ngào và nặng nề, nhưng biết sống theo cách khác như thế nào, biết đi đâu? Ngoài bác Osip tôi không còn ai để nói chuyện, nên tôi càng nói chuyện với bác nhiều hơn.

Bác nghe những câu chuyện huyền thuyên đầy nhiệt tình của tôi với vẻ hứng thú rõ rệt; có khi bác hỏi lại tôi để rõ một điểm nào đó rồi điềm tĩnh đáp:

- Chim gõ kiến ngang bướng nhưng không đáng sợ, không ai sợ nó cả! Tôi thành thật khuyên anh: Anh nên đi tu đi. Anh sẽ sống ở đây cho đến khi trưởng thành; anh sẽ dùng những câu chuyện hay để an ủi người đi lễ. Anh sẽ được yên ổn, mà nhà thờ cũng có lợi! Tôi thành thật khuyên anh đấy. Anh không có

khả năng làm những việc của thiên hạ đâu, có phải không?

Tôi không muốn đi tu, nhưng tôi cảm thấy quả thật mình lạc lối và đang kẹt trong một vòng xoay luẩn quẩn khó hiểu. Thật chán nản. Cuộc sống với tôi giống như một khu rừng mùa thu: Nấm đã hết, không có gì để làm trong khu rừng trống rỗng cả, và tôi có cảm giác khu rừng trống rỗng đó đã trở nên quá quen thuộc với mình.

Tôi không uống rượu vodka, không đi lại với phụ nữ; ở tôi sách vở đã thay thế hai hình thức làm say đắm tâm hồn ấy. Nhưng tôi càng đọc nhiều sách thì càng cảm thấy khó sống. Tôi thấy mình sống một cách vu vơ và vô ích, giống như mọi người.

Tôi mới mười lăm tuổi, nhưng đôi lúc tôi có cảm giác như mình đã ở tuổi trung niên. Nội tâm tôi như đã phát triển quá sâu sắc, nặng nề thêm vì phải mang những trải nghiệm của tôi, những điều tôi đã đọc, đã bản khoăn suy nghĩ. Nhìn sâu vào nội tâm mình, tôi thấy nơi chứa đựng những ấn tượng cũng giống như một gian nhà kho chật chội chất hỗn độn những món đồ khác nhau. Tôi không đủ sức và cũng không đủ tài để sắp xếp chúng.

Tất cả những gánh nặng đó tuy rất nhiều nhưng không vững chắc, chúng đung đưa và làm tôi nghiêng ngả, giống như nước chứa lắc lư trong một cái bình đặt trên mặt phẳng gồ ghề.

Tôi ghét những chuyện bất hạnh, bệnh tật và mấy lời than vãn. Khi nhìn thấy những điều tàn nhẫn, máu me, các vụ ẩu đả, khi nghe những lời nhạo báng chửi rủa, tôi cảm thấy sự ghê tởm dâng lên trong cơ thể, và phút chốc nó làm tôi phát điên, rồi chính tôi cũng đánh nhau như một con thú dữ. Sau đấy tôi xấu hổ đến tột độ.

Đôi khi, với lòng hăm hở muốn giết chết kẻ chuyên hành hạ người khác, tôi xông vào đánh nhau một cách mù quáng, đến nỗi ngay cả bây giờ, nhớ lại những cơn tuyệt vọng do bất lực sinh ra ấy, tôi vẫn thấy xấu hổ và buồn rầu.

Trong tôi có hai con người: Một người sau khi đã biết quá nhiều điều ghê tởm và bẩn thỉu, trở nên sợ hãi cuộc sống, nản lòng bởi hiểu quá rõ các chuyện khủng khiếp xảy ra hằng ngày. Người ấy bắt đầu nhìn cuộc sống, nhìn mọi người với thái độ thiếu tin tưởng và hoài nghi, thương hại một cách bất lực cả bản thân và những người xung quanh. Con người ấy mơ ước một cuộc sống cô độc, yên tĩnh, chỉ có sách vở, không dính líu đến ai, mơ về một tu viện, một chòi canh trong rừng, một vọng gác đường sắt, mơ được đến Ba Tư, được đảm nhiệm cương vị một người gác đêm ở ngoại ô thành phố. Càng ít người càng tốt, càng tránh xa con người càng tốt...

Còn người kia được nuôi dưỡng bằng ý chí thiêng liêng của các cuốn sách hay và sâu sắc, mỗi khi cảm thấy sức mạnh của những điều khủng khiếp xảy ra hằng ngày kia có thể dễ dàng đè bẹp mình, làm như bấn trái tim mình^[182], liền cố sức tự vệ, cắn chặt răng, siết chặt nắm đấm, luôn sẵn sàng xông vào bất kì cuộc tranh cãi và trận chiến đấu nào. Con người này giàu tình yêu thương, và giống như những nhân vật dũng cảm trong các cuốn tiểu thuyết Pháp, chỉ cần đến câu thứ ba là đã rút ngay gươm ra khỏi bao và sẵn sàng chiến đấu.

Thời kì này tôi có một kẻ thù rất thâm hiểm, đó là gã quét sân của một nhà thổ ở phố Malyy Pokrov. Tôi gặp gã vào một buổi sáng, trên đường ra hội chợ. Gã lôi một cô gái say mèm xuống khỏi cỗ xe bốn bánh đỗ cạnh cổng. Sau khi nắm lấy đôi chân đi bít tất nhăn nhúm của cô ả, lột trần cô ta đến thắt lưng,

gã trâng tráo lời cô, vừa cười hét vừa khạc nhổ vào người cô. Cô này bị đẩy khỏi xe, người rũ ra, mắt nhắm nghiền, miệng há hốc, hai cánh tay mềm nhũn như bị sai khớp quặt ra sau đầu, lưng, gáy và khuôn mặt tái xanh của cô va vào ghế trong khoang, vào bậc xe, cuối cùng cô ngã vật xuống đường, đầu vấp vào đá.

Người đánh xe quất ngựa đi, còn gã quét sân thì túm lấy hai chân cô gái, bước giật lùi, kéo lê cô lên vỉa hè như kéo một xác chết. Tôi giận điên lên, chạy bổ tới, may là trong lúc chạy tôi đã vút hoặc vô tình đánh rơi mất cái ống đo mực nước dài một sazhen, việc đó đã cứu gã quét sân và tôi khỏi chuyện rầy rà lớn. Sau khi thuận đà lao vào gã, tôi quặt gã ngã xuống rồi nhảy lên bậc cửa, kéo chuông dồn dập; mấy người râu ria xồm xoàm chạy ra, tôi không sao giải thích được gì cho họ, đành nhặt cái ống đo mực nước lên và bỏ đi.

Tôi đuổi kịp người đánh xe ở con dốc, hấn nhìn tôi từ trên yên và nói với vẻ tán thưởng:

- Anh hạ hấn khéo đấy!

Tôi bực mình, hỏi tại sao hấn lại cho phép gã quét sân có những hành động thô bạo như vậy đối với người con gái, hấn bình tĩnh trả lời, vẻ kính tởm:

- Tôi cần đếch gì! Bọn chủ trả tiền cho tôi khi họ bỏ cô ả lên xe; còn chuyện ai đánh ai thì liên can gì đến tôi?

- Thế lỡ họ đánh chết cô ta thì sao?

- Ừ, loại ấy rồi người ta cũng đánh chết thôi. – Người đánh xe nói, tựa như hấn đã nhiều lần thử làm cái trò đánh chết các cô gái say rượu.

Từ ngày đó, hầu như sáng nào tôi cũng gặp gã quét sân. Tôi

bước ngoài phố, còn gã thì quét đường hoặc ngồi ở bậc tam cấp như có ý chờ đợi tôi. Khi tôi đến gần, gã đứng dậy, xắn tay áo lên và báo trước:

- Nào, bây giờ tao mới cho mày một trận!

Gã khoảng bốn chục tuổi, người nhỏ bé, chân khoằm, bụng to như có chữa; gã cười khẩy, nhìn tôi bằng cặp mắt long lanh. Tôi lấy làm lạ, cặp mắt của gã có vẻ lương thiện và vui vẻ. Gã không có tài đánh nhau, tay gã ngắn hơn tay tôi. Sau hai ba hiệp gã chịu thua, tựa lưng vào cổng, nói với vẻ ngạc nhiên:

- Thôi được, rồi có ngày biết tay, đồ chó!...

Những trận ẩu đả ấy làm tôi chán ngấy, có lần tôi bảo gã:

- Này, đồ ngốc, đừng có quấy rầy tao nữa!

- Thế sao mày lại đánh tao? – Gã hỏi với giọng trách móc.

Tôi cũng hỏi gã xem tại sao gã làm nhục cô gái một cách đều cang như vậy.

- Việc ấy can hệ gì đến mày? Mày thương nó à?

- Dĩ nhiên là thương.

Gã im lặng, chùi mép:

- Thế mày có thương con mèo không?

- Tất nhiên, cả mèo cũng thương...

Lúc ấy gã bảo:

- Mày là thằng ngốc, thằng bịp bợm! Liệu hồn đấy, tao sẽ cho mày biết tay...

Tôi không thể tránh con đường ấy được: Đó là con đường ngắn nhất. Nhưng tôi dậy sớm hơn để không đụng phải gã; tuy

vậy vài ngày sau tôi lại gặp gã. Gã ngồi ở bậc tam cấp, vuốt ve con mèo màu tro nằm trên đầu gối. Khi tôi còn cách gã khoảng ba bước, gã nhồm dậy, nắm lấy chân con mèo và vung tay quật mạnh đầu nó vào cột; một tia máu âm ỉm phọt cả vào người tôi. Sau đó, gã ném con mèo vào chân tôi, lùi vào sau ngưỡng cửa và hỏi:

- Thế nào?

Chà, còn biết làm thế nào nữa! Chúng tôi quần nhau trên sân như hai con chó đực. Sau đó tôi ngồi trên bãi cỏ ở bờ dốc, phát điên vì một nỗi buồn chán khôn tả, tôi nhắm mắt để khỏi gào thét. Giờ nhớ lại, tôi vẫn thấy run lên vì ghê tởm và ngạc nhiên là khi đó tại sao tôi đã không hóa điên, không giết người?

Tôi kể những chuyện ghê tởm này để làm gì? Để các bạn – những người có thiện tâm – biết rằng đó không phải là chuyện đã qua, không phải đã qua rồi đâu! Các bạn thích các chuyện khủng khiếp được khéo bịa đặt, thích mấy chuyện rùng rợn được kể một cách li kì; chuyện khủng khiếp hoang đường dễ khiến các bạn hồi hộp một cách thú vị. Nhưng tôi thì biết đến những chuyện khủng khiếp có thật, những chuyện rùng rợn xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, và tôi có cái quyền không ai chối cãi được là làm cho các bạn xúc động một cách không lấy gì làm thú vị bằng những câu chuyện đó, để các bạn nhớ rằng người Nga chúng ta đã và đang sống như thế nào, sống trong một xã hội như thế nào.

Tất cả chúng ta đang sống một cuộc sống đê tiện và bẩn thỉu! Đó là sự thật!

Tôi rất yêu con người và không muốn làm ai đau khổ, nhưng không thể đa cảm, cũng không thể che giấu sự thật khủng khiếp bằng những lời dối trá bóng bẩy lèo lẹt được! Hãy sống đi, hãy

sống đi! Cần phải hoà vào trong cuộc đời này tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo, từ trái tim và khối óc chúng ta.

... Đặc biệt, cách đối xử với phụ nữ đã khiến tôi rối trí. Sau khi đọc khá nhiều tiểu thuyết, tôi nhìn phụ nữ như nhìn điều tốt đẹp và quan trọng nhất trong cuộc sống. Người làm tôi tin tưởng vào điều đó là bà ngoại, là những câu chuyện của bà về Đức Mẹ, về Vassilissa Anh Minh, là chị thợ giặt bất hạnh Natalya, là hàng trăm hàng ngàn cặp mắt, nụ cười được phụ nữ điểm tô cho cuộc sống rất thiếu thốn niềm vui và tình yêu này.

Các cuốn sách của Turgenev thường ca ngợi phụ nữ; tôi đã dùng tất cả những hiểu biết tốt đẹp về phụ nữ để điểm tô cho hình tượng Nữ hoàng đáng ghi nhớ của tôi, về điểm này Heine và Turgenev đã đặc biệt cho tôi nhiều tư liệu quý báu.

Buổi chiều, khi từ hội chợ về nhà, tôi thường dừng lại trên đồi, chỗ chân tường điện Kremlin, ngắm mặt trời lặn bên kia dòng Volga. Những dòng sông lửa trôi lững lờ trên bầu trời, bên dưới, con sông đáng yêu nhuộm màu đỏ thắm và xanh biếc. Trong những phút ấy, tôi cảm thấy trái đất như một cái sà lan lớn chở tù nhân được một con tàu vô hình uể oải kéo như kéo một chú lợn, đi tới đâu không rõ.

Tôi thường suy nghĩ về sự bao la của trái đất, về những thành phố mà tôi biết qua sách vở, về các đất nước khác, nơi người ta sống theo những lối khác. Trong sách của các nhà văn nước ngoài, cuộc sống được miêu tả trong sạch, đáng yêu hơn và ít khó nhọc hơn cuộc sống chậm chạp và đơn điệu đang sôi sục quanh tôi. Điều đó làm dịu bớt những nỗi băn khoăn của tôi và gợi trong tôi ước mơ về khả năng xây dựng một cuộc sống khác.

Tôi luôn cảm thấy rằng nhất định tôi sẽ gặp một người thông

minh và giản dị có thể dẫn tôi tới con đường thên thang sáng sủa.

Một hôm tôi đang ngồi trên một cái ghế dài ở chân tường điện Kremlin, bỗng nhiên cậu Yaakov xuất hiện. Tôi không để ý cậu tới gần lúc nào và cũng không nhận ra cậu ngay. Mặc dù suốt mấy năm nay chúng tôi sống trong cùng một thành phố, họa hoằn lắm hai cậu cháu mới gặp nhau, những cuộc chạm trán tình cờ, thoáng qua.

- Chà, cháu lớn gớm rồi nhỉ? – Cậu hích tôi một cái và nói đùa.

Chúng tôi bắt đầu nói chuyện, khách sáo như những người dưng đã quen biết nhau từ lâu.

Nghe bà tôi kể cậu Yaakov trong mấy năm qua đã phá sản hoàn toàn, tiêu pha hết sạch, ăn chơi bừa bãi. Có lần cậu làm cai phó cho một trại giam, nhưng kết quả chẳng ra gì: Viên cai ngục bị ốm, cậu Yaakov liền tổ chức những bữa tiệc vui ở nhà riêng, mời các tù nhân tham dự. Việc này lọt ra ngoài, cậu bị cách chức và phải ra tòa vì bị kết tội đã thả tù nhân đi “dạo chơi” trong thành phố vào ban đêm. Không có ai trong đám tù nhân chạy trốn cả, nhưng một người bị bắt đúng lúc anh ta đang cố sức bóp cổ thầy phụ lễ. Cuộc điều tra kéo dài rất lâu, kết quả là cậu được xử trắng án, vì tù nhân và cai ngục đều bao che cho người cậu lương thiện của tôi. Bây giờ cậu thất nghiệp, sống nhờ vào đứa con trai hát mướn cho ban nhạc Rukavishnikov nổi tiếng thời bấy giờ. Cách cậu nói về đứa con trai thật lạ lùng.

- Thằng bé nhà cậu đứng đắn, chững chạc ra phết! Nó hát đơn ca. Hễ không kịp đặt *samovar* hay chải sạch quần áo cho nó là nó làm inh cả lên! Một thanh niên rất chỉnh tề và ưa sạch sẽ...

Cậu trông già đi nhiều, người nhem nhuốc, râu tóc rụng bớt, sức yếu hẳn. Mớ tóc quăn xinh đẹp của cậu lưa thưa, hai tay phồng lên, trên lòng trắng của đôi mắt và trong lớp da xanh nhợt của cặp má cạo nhẵn đã xuất hiện dày đặc những đường gân đỏ. Cậu bông đùa, nhưng tôi có cảm giác trong miệng cậu có cái gì làm vướng lưỡi, mặc dù rằng cậu còn nguyên.

Tôi vui mừng vì có dịp nói chuyện với một người biết sống vui vẻ, từng trải và chắc là hiểu biết nhiều. Tôi còn nhớ rõ những bài ca sôi nổi, buồn cười của cậu, và trong trí nhớ của tôi vẫn vang vang những lời ông nói về cậu:

“Nó hát thì như vua David, nhưng làm thì lại như Absalom độc ác!”

Trên đại lộ có trồng hai hàng cây, một tốp người ăn mặc sạch sẽ đi ngang qua chỗ chúng tôi, đó là những quý bà giàu có, mấy viên công chức và vài sĩ quan. Cậu tôi mặc áo bành tô mùa thu cũ kỹ, đội mũ lưỡi trai nhàu nát, đi đôi ủng màu hung; cậu co mình lại, chắc là ngượng vì bộ quần áo. Chúng tôi tới một quán ăn ở khe Pochainski và ngồi sát cửa sổ trông ra chợ.

- Cậu có nhớ cậu đã hát:

Một gã ăn mày phơì đôi xà cạp,

Gã ăn mày khác xoáy mắt lúc nào...

Vừa thốt ra những câu hát đó, tôi bỗng lần đầu tiên nhận thấy ý giễu cợt của nó và nhận ra người cậu vui tính ấy là một người độc ác và thông minh.

Nhưng sau khi rót đầy rượu vodka vào ly, cậu nói với vẻ đăm chiêu:

- Đúng, cậu đã sống rất thoải mái, rất kì quặc, nhưng vẫn còn

ít! Bài hát không phải của cậu mà là của một thầy giáo trường dòng, tên ông ta là gì nhỉ? Ông ấy chết rồi, nên cậu cũng quên mất. Cậu với ông ấy sống như bạn bè. Ông ta chưa vợ, rượu chè be bét và đã chết cóng. Cậu nhớ có biết bao nhiêu người đã trở nên nghiện ngập, khó mà tính nổi! Cháu không uống chứ? Chớ uống, hãy khoan đã. Cháu có thường gặp ông không? Ông là một lão già kì cục. Hình như ông mất trí rồi thì phải.

Sau khi uống rượu, cậu tươi tỉnh hẳn lên, thân thể cũng ngay ngắn hơn, trông trẻ ra và hoạt bát hơn.

Tôi hỏi cậu về câu chuyện tù nhân.

- Cháu nghe đồn à? – Cậu hỏi dò, nhìn quanh rồi hạ thấp giọng. – Chuyện tù nhân ư? Cậu không phải là kẻ xử tội họ. Cậu thấy họ cũng là những người bình thường, nên cậu nói: Anh em ơi, tất cả hãy sống thật thân ái, thật vui vẻ đi! Có một bài hát thế này:

Số phận không cản trở được niềm vui,

Cứ mặc nó giam ta trong xiềng xích;

Chúng ta sẽ sống vui thỏa thích,

Chỉ kẻ ngu là sống khác mà thôi!

Cậu cười, nhìn qua cửa sổ xuống khe vực tối om, ở dưới đáy khe có các hiệu buôn nhỏ. Cậu chuốt ria mép cho ngay ngắn rồi tiếp tục:

- Tất nhiên họ rất vui sướng, vì ngồi mãi ở trại giam thì buồn lắm. Thế là điểm danh xong, họ đến ngay chỗ cậu uống rượu vodka, ăn đôi chút; có lúc cậu mời họ, có lúc họ mời cậu; ăn uống xong thì bắt đầu nhảy múa và hát bài “Nước Nga mẹ”! Cậu thích múa hát, trong đám họ có những người múa hát rất giỏi,

thật là cừ khôi! Đôi khi có người bị gông, không nhảy múa được, cậu cho phép tháo gông ra, thật đấy! Tự họ khắc biết tháo, không cần nhờ thợ rèn, họ khéo tay đáo để, thật là cừ khôi! Còn chuyện thiên hạ đồn rằng cậu thả họ vào thành phố để cướp bóc thì thật là bậy bạ, thậm chí vẫn chưa có bằng cứ gì để xác minh chuyện đó...

Cậu im lặng, tiếp tục nhìn qua cửa sổ. Dưới khe, các thương gia đang khóa cửa hiệu, tiếng then cửa bằng sắt lách cách, tiếng bản lề gõ ken két, tiếng máy tấm ván rơi âm vang. Sau đó cậu vui vẻ nháy mắt với tôi rồi tiếp tục nói nhỏ:

- Nói đúng ra thì một người quả là đêm đêm có lẽ đi, nhưng đó không phải là người bị cùm, chỉ là một tên kẻ cắp ở Nizhny Novgorod, hẳn có ả tình nhân ở gần đây, ở Pechorka. Chuyện với thầy phụ lễ chỉ là do nhầm lẫn thôi: Thầy phụ lễ bị nhận lầm là con buôn. Việc đó xảy ra vào một đêm bão tuyết, mọi người đều mặc áo lông, trong lúc vội vã như vậy thì còn phân biệt làm sao được ai là con buôn, ai là thầy phụ lễ?

Tôi thấy chuyện đó thật là buồn cười. Chính cậu cũng cười và nói:

- Trời đất ơi! Chỉ có ma quỷ mới phân biệt được họ...

Nói xong, cậu đột nhiên nổi giận, gạt đĩa thức ăn, nhăn mặt với vẻ kinh tởm, châm thuốc lá và lẩm bẩm:

- Ăn cướp lẫn nhau, rồi lại bắt bớ lẫn nhau, tống vào các nhà tù, đày đi Siberia khổ sai, chà, tao thì có liên can gì đến việc ấy? Tao cóc cần dính dáng đến mọi chuyện... Tao có tâm hồn của tao!

Trước mắt tôi hiện lên hình ảnh anh thợ đốt lò mình đầy lông lá, anh cũng hay nói chữ “cóc cần”. Tên anh cũng là

Yaakov.

- Cháu đang nghĩ gì đấy? – Cậu hỏi dịu dàng.

- Cậu có thương các tù nhân không?

- Trông họ rất dễ thương, có những chàng trai thật cừ khôi! Có lúc cậu nhìn họ và nghĩ bụng: Mình không đáng là gót giày của họ, thế mà lại làm người cai quản họ. Họ thật là thông minh và khéo léo...

Rượu và hồi ức gây nơi cậu cảm giác dễ chịu; cậu tì khuỷu tay lên bệ cửa sổ, khẽ ve vẩy bàn tay vàng khè đang cầm mẫu thuốc lá hút dở, nói với giọng sôi nổi:

- Có một người chột mắt làm thợ khắc và chữa đồng hồ, hắn bị bỏ tù vì tội làm tiền giả, hắn đã trốn rồi; giá cháu được nghe hắn nói nhỉ! Cứ như là lửa cháy ấy! Như một nghệ sĩ đang hát vậy! Hắn nói: “Các người hãy giải thích tại sao kho bạc có thể in tiền, còn tôi thì lại không thể? Hãy giải thích đi!” Không ai có thể giải thích cho hắn điều đó. Không ai cả, cậu cũng không thể giải thích nổi. Thế mà cậu lại là người cai quản hắn! Còn một người nữa, một gã ăn cắp nổi tiếng Moskva, tính tình rất trầm lặng, ăn mặc sang trọng, ưa sạch sẽ, nói năng lịch thiệp. Gã bảo: “Người ta làm việc đến mù người, nhưng tôi không thích thế. Tôi đã trải qua cái cảnh đó: Làm việc, làm mãi, làm đến nỗi mệt phờ ra, trở thành một thằng ngốc, uống rượu mất hai kopek, đánh bạc thua mất hai kopek, cho đàn bà mất năm kopek để được vuốt ve, cuối cùng lại nghèo đói. Không, tôi không chơi cái trò ấy...”

Mặt cậu Yaakov đỏ tía lên^[183] và bị kích động đến nỗi ngay cả đôi tai nhỏ của cậu cũng rung rung, cậu cúi xuống bàn và nói tiếp:

- Họ không phải là lũ ngốc đâu, anh bạn ạ, họ phê phán rất đúng. Tất cả những trò bĩ ổi ấy thật là quỷ quái! Đấy, cứ thử xem cậu đã sống như thế nào? Nhớ lại thật là xấu hổ, một cuộc sống tũn mủn, thâm lén. Đau khổ là của mình, còn vui vẻ là thứ xoáy được của người khác! Khi thì bố quát “đừng có hòng”, khi thì vợ la “không thể được”, đôi lúc chính cậu sợ đến không dám ngóc đầu lên. Thế là cậu bỏ qua mất cả cuộc đời, bây giờ già rồi thì đi làm đày tớ cho thằng con trai. Giấu giếm mà làm gì? Anh bạn ạ, cậu ngoan ngoãn hầu hạ nó, nhưng nó lại quát tháo cậu như là ông chủ ấy. Nó gọi cậu là “bố”, nhưng cậu lại nghe thành “đày tớ”! Cậu sinh ra để làm cái trò ấy ư? Loay hoay mãi trong cuộc sống để rồi đi hầu con ư? Cậu sống để làm gì chứ, cậu đã được hưởng bao nhiêu lạc thú rồi?

Tôi nghe cậu với vẻ lơ đãng, tuy nhiên cũng đáp lại một cách miễn cưỡng và không hi vọng gì ở câu trả lời của cậu:

- Cháu cũng không biết nên sống như thế nào...

Cậu mỉm cười.

- Chà... Ai biết được điều đó? Cậu chưa thấy người nào biết được điều đó cả! Thế đấy, người ta sống và mỗi người đều quen với lối sống riêng của mình...

Đột nhiên cậu giận dữ:

- Trước đây ở chỗ cậu có một người vùng Orla phạm tội cưỡng bức, một gã quý tộc, một tay nhảy múa rất cừ, đôi lúc hẳn khiến tất cả phì cười, hẳn hát về Vanka:

Chú Vanka đi trong nghĩa địa,

Chuyện ấy thật là giản đơn!

Này, Vanka, hãy thò đầu ra tí,

Cho xa hơn khu nghĩa địa thôn làng...

Cậu nghĩ rằng cái đó hoàn toàn không đáng cười, mà là sự thật! Dù tránh thế nào thì cũng không thể vượt ra khỏi nghĩa địa được. Đã vậy thì với cậu thế nào cũng xong: Làm tù nhân hay cai ngục cũng thế thôi.

Nói mệt, cậu uống nốt chỗ rượu vodka, rồi giống như con chim, dùng một mắt nhòm vào cái bình trống rỗng, im lặng hút thêm một điếu thuốc và phả khói qua bộ ria mép.

“Dù có cố sức đến đâu, có hi vọng vào cái gì đi nữa thì cũng chẳng ai thoát khỏi chiếc quan tài và khu nghĩa địa đâu!” Bác thợ nề Pyotr, một người khác hẳn cậu Yaakov, cũng thường nói thế. Tôi biết bao nhiêu câu cách ngôn tương tự như vậy rồi!

Tôi không muốn hỏi thêm cậu điều gì nữa. Ở bên cậu, tôi cảm thấy buồn rầu và thương xót cậu. Tôi nhớ lại bài hát sôi nổi và tiếng đàn ghi ta nhen lên niềm vui trong một nỗi buồn dịu dàng. Tôi cũng không quên anh Tsiganok vui tính, và khi nhìn thân hình ủ rũ của cậu Yaakov, tôi chợt nghĩ:

“Liệu cậu còn nhớ vụ cây thánh giá đè chết anh Tsiganok không?”

Tôi không muốn hỏi cậu điều đó.

Tôi nhìn xuống dưới khe vực tràn đầy bóng tối ẩm ướt của tháng Tám. Từ dưới khe bốc lên mùi táo và mùi dưa bở. Con đường hẹp dẫn vào thành phố đã rục ánh đèn. Những cảnh đó thật quen thuộc. Vào giờ này chuyển tàu thủy đi Rybinsk và đi Perm sắp kéo còi...

- Đến giờ phải đi rồi! – Cậu nói.

Ra cửa quán ăn, bắt tay tôi, cậu khuyên với vẻ bông đùa:

- Cháu đừng buồn, hình như cháu buồn thì phải? Vui lên chứ! Cháu hãy còn trẻ. Cái chính cháu nên nhớ là “số phận không cản trở được niềm vui”! Thôi, tạm biệt, cậu phải đến nhà thờ đây!

Người cậu vui tính đi khuất, tôi càng thêm bối rối vì những lời của cậu.

Tôi ngược về hướng thành phố, ra phía cánh đồng. Trăng rằm tròn vành vạnh, trên trời, những đám mây nặng nề trôi, bóng đen của chúng xóa sạch bóng tôi trên mặt đất. Tôi đi tránh thành phố bằng đường ruộng, ra tới bờ đê trên sông Volga rồi nằm dài trên bãi cỏ đầy bụi, nhìn rất lâu sang bên kia sông, sang cánh đồng cỏ và mảnh đất bất động ấy. Những bóng mây chậm chạp kéo qua sông Volga; sau khi hòa lẫn vào cánh đồng cỏ, chúng như được nước sông rửa sạch, sáng sủa hơn. Vạn vật như nửa thức nửa ngủ, như chìm nhòa, các chuyển động đều trôi miễn cưỡng như thể do bức thiết chứ không phải vì lòng yêu tha thiết với sự hoạt động, với cuộc sống.

Tôi muốn đá tung cả trái đất và cả chính mình, để vạn vật – kể cả tôi – xoay như một cơn lốc mừng vui trong điệu múa tưng bừng của những người yêu nhau say đắm, những người yêu cuộc sống này – cuộc sống mở đầu cho một cuộc sống khác tươi đẹp, phấn khởi và ngay thật...

Tôi nghĩ bụng:

“Ta phải làm được một việc gì chứ, nếu không thì ta sẽ sống vô ích...”

Vào những ngày thu ảm đạm, khi không những không nhìn thấy, không cảm thấy, mà còn quên mất cả mặt trời, tôi thường bị lạc trong rừng. Tôi đi chệch đường, chẳng tìm được lối hẻm

nào; cuối cùng, sau khi sục sạo đến mệt bã người, tôi cắn răng đi xuyên qua rừng rậm, giẫm trên những cành cây mục nát, những mô đất tròn trành của vũng lầy. Cuối cùng, tôi luôn tìm được đường đi.

Tôi quyết định cũng sẽ sống một cuộc đời như vậy.

Mùa thu năm ấy tôi đến Kazan với hi vọng có thể xin vào trường đại học.

HẾT

Chú thích

[1] *Kiểm soát* được viết năm 1914 – 1915 và in năm 1915 – 1916.

[2] Những nét khái quát của tác phẩm bộ ba tự thuật: Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi, chúng tôi đã giới thiệu trong cuốn Thời thơ ấu của M. Gorky.

[3] M. Gorky toàn tập, tập 14, trang 239.

[4] Báo Sự thật (của Nga) ngày 6 tháng 6 năm 1928.

[5] Alexander Shirvanzade (1858 – 1935), nhà văn xuất sắc người Armenia.

[6] Trích cuốn *Độc Gorky* (Nhà xuất bản Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô, 1949, trang 149).

[7] Rosa Luxemburg (1871 – 1919), nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và Ba Lan.

[8] R. Luxemburg: Bàn về văn học, Academia, 1934, trang 144.

[9] Mùa thu năm 1878, vài ngày sau khi mẹ qua đời, chú bé Aleksej Peskov mới mười tuổi đã bắt đầu “bước vào đời” làm thằng nhỏ cho một hiệu giày ở thành phố Nizhny – Novgorod (từ năm 1932 đến năm 1990 thành phố này được mang tên Gorky).

[\[10\]](#) Sascha Yaakov là con của Yaakov Vassilovitch Kashmirin
(Xem Thời thơ ấu của Gorky).

[11] Họ của Sascha.

[12] Nhân vật trong truyện cổ tích Nga.

[13] Nguyên văn: Trước lửa.

[14] Một loại giày cao su bọc ngoài giày da để tránh ẩm.

[15] Nguyễn Văn: Con gián.

[16] Tức Aleksej, một lời gọi âu yếm.

[17] Ý nói những cuộc đàn áp của quân đội Nga hoàng đối với cuộc cách mạng 1848 ở Hungary và cuộc khởi nghĩa 1863 ở Ba Lan.

[18] Túc Varvara, mẹ Gorky.

[19] Em cùng mẹ khác cha của Gorky.

[20] Một dân tộc phương Bắc sống ở Kamtsatka.

[21] Túc Varvara, mẹ Gorky.

[22] Đơn vị đo chiều dài của Nga, bằng 1,06 km.

[23] Nguyên văn: Như một con gấu cái.

[24] 1 funt = 409,5 g.

[25] Xem chương VIII trong *Thời thơ ấu* của Gorky.

[26] Nguyên văn: Đồ muông thú.

[27] Tên một tờ họa báo có phụ trương in các tranh được giải thưởng. Tạp chí mang tính chất bảo thủ và phổ cập trong giới quan lại, viên chức, thị dân giàu có và những người tu hành.

[28] Túc Vassili.

[29] Bài hát cổ, lời của V. A. Jukovskij.

[30] Túc Viktor.

[31] Nước men chua làm từ bánh mì, hoa quả.

[32] Nguyên văn: Dĩa xiên vào gáy.

[33] Túc Aleksej.

[34] Nguyên văn: Nhiều *pood*.

[35] Một trò chơi bằng xương nhỏ.

[36] Tiếng Nga chữ “người vẽ đồ án” nói trái đi thành “con quỉ con”.

[37] Họ của Aleksej.

[38] Mùa xuân năm 1880 Gorky bắt đầu làm việc trên tàu thủy “Dobry” chạy giữa thành phố Nizhny và Perm.

[39] Có nghĩa là: Tốt lành.

[40] Tắm bằng hơi nước nóng, lấy cành cây đập vào người để ra mồ hôi.

[41] Một khúc hát ở nhà thờ.

[42] Mùa thu năm 1872, sau khi bố qua đời, chú bé Alyosha Peskov lúc bấy giờ mới bốn tuổi đi tàu thủy cùng bà và mẹ từ Astrakhan đến Nizhny để sống tại nhà ông ngoại (xem chương I trong tập *Thời thơ ấu*).

[43] Ý nói: Đồ thô lỗ, đồ mọi rợ!

[44] Một loại sách bói toán.

[45] Nguyễn Văn: Đánh vào răng.

[46] Bò Tây Tạng.

[47] Tên gọi người Nga trước cách mạng với ý khinh miệt.

[48] Tên gọi người Ukraine trước cách mạng với ý khinh miệt.

[49] Cá tầm sông Danube.

[50] Nguyễn Văn: Con chim ạ.

[\[51\]](#) Nhà văn lớn người Nga (1809 – 1852).

[52] Nguyên văn: Cái xương quý này.

[53] Tiểu thuyết của Walter Scott (1771 – 1831).

[54] Tiểu thuyết của Henry Fielding (1707 – 1754).

[55] Nguyễn Văn: Đồ dịch hạch.

[56] Một sazhen bằng 2,13m.

[57] Túc Sergei.

[58] Họ của Napoleon. Sau khi quân Pháp do Napoleon dẫn đầu xâm chiếm nước Nga, người Nga dùng chữ Bonaparte để chửi rủa.

[59] Một giống chim tước.

[60] Xung phong.

[61] Tức Darya, cách gọi thân mật.

[62] Thần mặt trời của người Slav ngày xưa.

[63] Ngày hội đón mùa xuân.

[64] Một thứ nhựa cây dùng làm thuốc.

[65] Một loại tạp chí, tính chất như tờ *Niva*.

[66] Một tờ báo lưu hành rộng trong tầng lớp tiểu tư sản.

[67] Nhà văn Pháp sống ở thế kỉ XIX. Quyển sách đầu tiên mà chị vợ anh thợ cắt cho Gorky mượn là quyển *Bi kịch của Paris*.

[68] Một dân tộc nằm trong Liên bang Cộng hòa Nga.

[69] Những quyển sách nêu trên là những loại sách phóng tác dựa theo truyện hiệp sĩ thời cổ.

[70] Những người xạ thủ, Youri Miloslavski và Người thầy tu bí mật cũng là những truyện phóng tác dựa theo các tiểu thuyết lịch sử.

[71] Nguyên văn: Một *vershok* (đơn vị đo lường cũ của nước Nga, bằng 4,4 cm).

[72] Họ của Aleksej.

[73] Một tờ báo lá cải có khuynh hướng phản động.

[74] Leonide Grave, Strujkin và bá tước Memento Mori là các nhà thơ cuối thế kỉ XIX.

[75] Thời bấy giờ tạp chí này cũng cùng một tính chất như tờ *Niva*.

[76] Nhà văn Nga thế kỉ XIX, tác giả của những tiểu thuyết lịch sử có khuynh hướng phản động.

[77] Một học thuyết tôn giáo.

[78] Người theo chủ nghĩa cải lương hiến pháp.

[79] Lãnh tụ của Hung Nô, thế kỉ thứ V sau Công nguyên, quân Hung Nô đã tàn phá miền Đông đế quốc La Mã và miền Bắc nước Ý.

[80] Vua Alexander II bị những người dân tụy ám sát vào ngày 1 tháng 3 năm 1881.

[81] Các nhà văn Pháp.

[82] Nhà văn Pháp.

[83] Nữ văn sĩ Mĩ thế kỉ XIX.

[84] Của văn hào Pháp Honoré de Balzac (1799 – 1850).

[85] Nhà văn Pháp.

[86] Nhà văn Anh.

[87] Nhà văn Đức.

[88] Nhà văn Pháp.

[89] Đại văn hào Pháp (1802 – 1885).

[90] Nhà văn Anh (1771 – 1832).

[91] Diana Poitiers là nhân vật trong nhiều truyện lịch sử phiêu lưu. Nữ hoàng Margot là nhân vật trong truyện *Nữ hoàng Margot*. Cô La Valliere là nhân vật trong truyện *Hai mươi năm sau* của A. Dumas Cha.

[92] Nguyên văn: Con lãn.

[93] Thơ của Puskin.

[94] Nhà thơ cách mạng Pháp (1780 – 1857).

[95] Thơ của Puskin.

[96] Một tướng Nga nổi tiếng trong cuộc chiến tranh Nga – Thổ Nhĩ Kỳ (1877 – 1878).

[97] Kí sự gia đình của Aksakov (1791 – 1859) mô tả những sinh hoạt của tầng lớp địa chủ thời xưa. Trong rừng của Melnikov Pechersky (1819 – 1883) mô tả cuộc sống của các thương gia cựu giáo vùng ven sông Volga.

[98] Grebenkov (1812 – 1818), nhà văn và nhà thơ người Ukraine.

[99] Solugub (1814 – 1882), nhà văn và nhà viết kịch.

[100] Venevitinov (1805 – 1827), nhà thơ.

[101] Odoevski (1802 – 1839), nhà thơ trong nhóm *Những người tháng Chạp*.

[102] Gorky bỏ nhà người cậu đến làm trên tàu Perm từ mùa xuân năm 1882.

[103] Nguyên văn: Những quả sồi của cùng một cây sồi.

[104] Nguyên văn: Quả cân nặng một pood.

[105] Núi Athos ở Macedonia có nhiều tu viện.

[106] Nguyên văn: Như ngựa.

[107] Nguyên văn: Như cháo sôi sục.

[108] Lya Molya và Golonna là các nhân vật trong truyện Nữ hoàng Margot của Dumas Cha; Annibal là vị tướng sống khoảng thế kỉ thứ III – thứ II trước Công nguyên; Louis XI (1423 – 1483) là vua Pháp, người củng cố cho chính thể chuyên chế, nhân vật trong tiểu thuyết của Walter Scott; Grandet là nhân vật trong truyện Eugénie Grandet của Balzac; Otletaev là nhân vật trong truyện Thiếu úy kị binh Otletaev; Henry IV là vua Pháp.

[\[109\]](#) Bài ca *Vua Ivoto* (ám chỉ vua Henry IV) của Beranger.

[110] Ange Pitou – nhân vật trong truyện *Ange Pitou* của Dumas. D'Artagnan là nhân vật trong truyện *Ba chàng ngự lâm pháo thủ* của Dumas.

[111] Người giết vua Henry IV.

[112] Gorky làm việc ở xưởng làm tượng thánh từ cuối mùa thu 1882 đến mùa xuân 1883.

[113] Nikon (1605 – 1681), giáo chủ nước Nga. Người thực hiện việc tập trung quyền hành của nhà thờ để củng cố chế độ nông nô. Nhiều địa chủ thương gia nông dân đã tập hợp lực lượng để chống đối. Khởi đầu cho quá trình phân hóa này là việc Nikon cho sửa lại những sách kinh theo kiểu mẫu của Hi Lạp.

[114] Nghĩa tiếng Nga là bệnh đi ngoài.

[115] Âm của chữ “Terrail” gần giống chữ “mất” trong tiếng Nga.

[116] Nguyễn Văn: Chuyện chó và ngựa.

[117] Nguyên văn: *Batman* – đơn vị đo lường Nga, bằng 4,5 kg.

[118] Điều luật của Nga hoàng nhằm trừng trị những người theo cựu giáo.

[119] Đạo lí của người Do Thái.

[120] Luther (1483 – 1546), nhà cải cách đạo giáo người Đức.

[121] Giáo phái của các tín hữu cổ.

[122] Một nhánh đạo của đạo Thiên Chúa tại nước Nga trước cách mạng.

[123] Xem chương VII Thời thơ ấu của Gorky.

[124] Nguyên văn: Như khói rời ngọn lửa.

[125] Nguyên văn: Không lao động.

[126] Xem chương XI Thời thơ ấu của Gorky.

[127] Tên những làng thuộc vùng Ivanov, nổi tiếng vì có nhiều thợ vẽ tượng thánh giỏi. Hiện nay những họa sĩ ở các làng trên cũng nổi tiếng ở nước Nga về phong cách vẽ dân tộc.

[128] Nguyên văn: Có cố gắng thì việc gì cũng làm được.

[129] Tức Pavel, cách gọi thân mật.

[130] Một tộc người du mục.

[131] Một loại đàn dây cổ.

[132] Nguyên văn: Mụ cao chừng hai *arshin* cộng thêm với mười hai *vershok* (1 *arshin* = 0,71 m, 1 *vershok* = 4,4 cm).

[133] Nguyễn Văn: Cái máy.

[134] Mẹ đỡ đầu cho con mình.

[135] Nguyên văn: Đồng ba kopek.

[136] Xem chương II, chương III Thời thơ ấu của Gorky.

[137] Nhà thơ Nga vào những năm ba mươi của thế kỉ XIX. Những tác phẩm của Benediktov bị nhà phê bình Belinsky phê phán là vô vị, tầm thường.

[138] Các nhà văn viết theo thị hiếu của tiểu thị dân.

[139] Nhà thơ Nga (1814 – 1841).

[140] Trích trong bản trường ca *Con quỷ* của Lermontov.

[141] Yod và Moses là các nhân vật trong Kinh thánh.

[142] Nguyên văn: Thương đến chết.

[143] Diễn viên Nga nổi tiếng A. X. Yakolev (1777 – 1817).

[144] Marie Stuart (1542 – 1587): Nhân vật nữ hoàng trong vở bi kịch *Marie Stuart*.

[145] “Nhà quý tộc Tây Ban Nha Don César de Bazan” là nhân vật trong vở kịch của Victor Hugo *Ruy Blas* và vở kịch *Nhà quý tộc Tây Ban Nha* của hai nhà viết kịch người Pháp Dumanoir và Adolphe d'Ennery.

[146] 1 pood = 16,38 kg.

[147] Nguyên văn: Thợ họa tượng thánh.

[148] Túc Sitanov.

[149] Trích trong bản trường ca *Con quý* của Lermontov.

[150] Nguyên văn: Như ngắm cảnh.

[151] Tức Sitanov.

[152] Gorky trở lại làm việc cho người cậu từ mùa xuân năm 1883 đến mùa xuân năm 1884.

[153] N. G. Pomyalovski (1835 – 1863), nhà văn Nga.

[154] Tác phẩm của N. V. Gogol (1809 – 1852), nhà văn Nga.

[155] Tác phẩm của T. M. Dostoevsky (1821 – 1881), nhà văn Nga.

[156] Tác phẩm của I. X. Turgenev (1813 – 1883), nhà văn Nga.

[157] Tác phẩm của D. I. Mordovtsev (1830 – 1905), nhà văn Nga.

[158] Tác phẩm của I. V. Fyodorov (1837 – 1883), nhà văn Nga.

[159] Tác phẩm của N. G. Chernyshevsky (1828 – 1889), nhà văn Nga.

[160] Tác phẩm của P. V. Zasodimski (1843 – 1912), nhà văn Nga.

[161] Sau này Gorky đã thay đổi hẳn thái độ đối với những tác phẩm nổi tiếng của văn học Nga vĩ đại *Những linh hồn chết* và *Làm gì?*

[162] Tiếng Pháp: Mẹ ơi, đưa thêm cho con...

[163] Xem chương XII Thời thơ ấu của Gorky.

[164] Một tờ báo phản động.

[165] Tiểu thuyết của nhà văn Pháp G. Flaubert (1821 – 1880).

[166] Túc Pyotr.

[167] Nguyên văn: Tìm xem tôi ẩn nấp ở đâu.

[168] Nguyên văn: Như chim hót

[169] Ngày thứ bảy nghỉ việc trong tuần lễ của người Do Thái.

[170] Nguyên văn: Cô thì thích tách và thìa, cô thì thích nhũn và khuyên.

[171] Xem chương IX trong cuốn Thời thơ ấu của Gorky.

[172] Cuộc chiến tranh Nga – Thổ năm 1877 – 1878.

[173] Túc Natalya.

[174] Trích trong bài thơ *Lũ quỳ* của A. X. Puskin.

[175] Theo truyền thuyết trong Kinh thánh, Isaiah là nhà tiên tri kịch liệt lên án bọn vua chúa.

[176] Một trong những cuốn sách được đưa vào Kinh thánh.

[177] Một giáo sĩ uyên bác của thế kỉ XVII đã biên soạn cuốn từ điển tên riêng.

[178] Áo choàng (pardessus – tiếng Pháp).

[179] Nguyên văn: Chẳng biết thổi sáo cũng không biết nhảy múa.

[180] Heinrich Heine (1797 – 1856), nhà thơ lớn người Đức.

[181] Nguyên văn: Bức cháy.

[182] Nguyên văn: cắt đứt đầu mình, lấy gót chân bấn thử giày xéo trái tim mình.

[183] Nguyên văn: Đổ tậ đến đĩnh đầu.

Credits

Nguồn ebook

VCTVEGROUP

tve-4u.org

Scan

V/C

Chuyển text và tạo ebook

Caruri

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Xin cảm ơn V/C đã scan tác phẩm này. Một số sai sót trong sách in đã được sửa trong ebook. Do đó ebook sẽ không giống hoàn toàn với sách in. Dù đã cố gắng nhưng ebook có thể còn sót một số lỗi chính tả, mong bạn đọc thông cảm! Ebook được thực hiện không nhằm mục đích kinh doanh.

Caruri